

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

NGÔ TĂNG GIAO
TRẦN BÍCH SAN
PHẠM VĂN TUẤN
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.
ĐỖ BÌNH. ĐÌNH CƯỜNG. HOÀNG DUNG.
PHAN ANH DŨNG. VŨ THÁI HÒA.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. VŨ HỐI.
PHAN KHÂM. VI KHUÊ. HUY LÂM.
NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
CAO MỸ NHÂN. PHẠM THỊ NHUNG.
ĐẶNG NGUYỄN. ĐỖ PHÚ. DIỆU TẦN.
NGUYỄN SƠN. TRẦN BÍCH SAN.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH. TIỂU THU.
NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.
HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG. KIM VŨ.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.
VŨ LANG: Anaheim, CA.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 12, NĂM 2010

Mục Lục

Văn

Nguyễn Thị Ngọc Dung: Lá Thư Mùa Đông	5
Trần Bích San: Sự Khác Biệt Căn Bản...	7
Mỹ Phước Nguyễn Thanh : Phường Xưa...	14
Vũ Nam : Căn Nhà Vùng Biển	25
Gs Phạm Thị Nhung : Nét Đẹp Của Người...	29
Nguyễn Bảo Hưng : Có Nên Đặt Vấn Đề	35
Bảo Như : Về Một Cuộc Hội Ngộ	44
Phạm Văn Tuấn : Francisco Goya	51
Hồ Trường An: Nhà Thơ Việt Bằng	61
Đào Đức Chương : Trang Sử Giữ Nước...	70
Ngô Tăng Giao : Chuyện Phීම ජාපාලාලු	78
Phong Thu: « Xin Đừng Trách Đa Đa»	82
Đỗ Phú: Ngĩa Tình Quấn Quanh	87
Diệu Tần : Thần Thoại Và Thực Tế	91
Bạch Cúc -Hải Bằng Hdb:Trường Và...	94
Hoàng Song Liêm : Những Mảnh Trời	101
Nguyễn Quý Đại : Thổ Nhĩ Kỳ...	105
Nguyễn Thùy : Phần Thưởng Cuối Năm	112
Phạm Thị Huệ : Tìm Một Cõi Đi Về	114
Nhất Phương : Chàng Và Vòng Hư Áo...	117
Tôn Nữ Mặc Giao: Trở Về Từ...	120
Nguyễn Văn Nhiệm : Con Đường Văn Hoá	126
Dương Như Nguyễn: Nỗi Niềm Thông Cảm...	138
Nguyễn Sơn : Sáng Tạo Về Nghệ Thuật...	145
Phạm Trọng Lệ : Bài Thơ Gửi Người Yêu ...	147
Tâm Việt : Một Tiếng Nói Nhân Bản...	150
Tiểu Thu : Nợ Duyên	155
Kim Vũ : Bức Tranh Không Vẽ	166
Cung Thị Lan : Mùi Cơm Sôi Cạn Nước	169
Nguyễn Mây Thu : Ở Một Cõi Riêng	175
Phạm Duy Sương : Vài Cảm Nghĩ Về...	179
Thanh Trang: Những Bài Hát Về Thăng Long	182
Nguyễn T.N. Dung: Phố Phường Xưa Hà Nội	189
Ngô Tăng Giao : Đọc Tuyển Tập ...	196

THƠ

Lê Ngọc Kha : Bên Thềm Năm Mới	13
Nguyễn Phú Long : Tấm Thiệp Xuân	13

Nguyễn T. N. Dung : Xuân Hoài Vọng	13
Lý Hiểu : Chút Hương Xuân	13
Trang Hoàng Song Liêm : Hoa Vườn Dị Thảo	22
Đặng Nguyên : Dòng Sông Biệt Tâm	
Yên Vi : Xuân Viễn Xứ	28
Đt Minh Giang : Nghiêng Bóng Chiều	28
Vũ Lang : Hoa Nhân Ai	28
Nguyễn T.N. Ngọc Dung: Mèo Sáu Giáp	32
Lê Ngọc Kha : Đùa Xuân	32
Nguyễn Phú Long : Trước Thềm 73	32
Hồ Công Tâm : Vui Xướng Họa	32
Nguyễn Vô Cùng : Tết Negro	33
Nguyễn Kinh Bắc : Con Mèo Sáu Bó	33
Cao Mỹ Nhân : Vịnh Mèo Sáu Giáp	33
Tâmminh : Con Mèo Sáu Giáp	33
Phạm Khâm : Con Mèo Sáu Giáp	34
Hồ Hương Lộc : Dư Am Đại Hội	50
Hoàng Dung : Hầy Mở Ra Và Cùng Hát	60
Đỗ Bình : Cảm Tác	84
Cao Nguyên : Khi Nhà Thơ Cầm Búa	90
Lý Hiểu : Chào Xuân	99
Trần Quốc Phiệt: Quê Hương Vàng Trắng...	99
Lê Ngọc Kha : Chào Xuân	99
Linh Đan : Xuân Nhở	99
Lê Bá Lộc : Khói Thiêng Sông Núi	100
Phan Khâm : Dòng Sông Thao Thức...	100
Uyên Phương Minh Nguyệt : Không Có Anh	122
Kiều Anh : Gió Chuyển Mùa	129
Lê Thị Công Nhân : I Have A Dream	133
Nguyễn Ngọc Bích : Tôi Có Một Giấc Mơ (Dịch)	
Việt Bằng : Tình Em Đẹp Mãi Một Bài Thơ	144
Thiên Đức : Cổ Tích	153
Phan Khâm : Thiên Đường	154
Vũ Lang : Chúc Xuân	164
Ý Anh : Sông Mơ	168
Nguyễn Mây Thu : Hương Cổ Nhân	178
<u>HÔI HỌA – NHIỆP ẢNH</u>	
Nguyễn Tú Nhật : Khay Trà Ngày Tết	1
Vũ Đình Từ: Tuyết Rơi Đêm Lạnh	25
Monika Kelley : Mèo Bông	32-33

Ngô Đình Chương: Thiểu Nữ Và Con Mèo Đen	34	Buổi Ra Mắt Sách «Những Cánh Hoa Đại...»	201
Đình Cường: Xóm Nhà Annandale Mùa Đông	34	<u>GIỚI THIỆU</u>	
Vũ Thái Hoà : Dưới Chân Đức Mẹ	60	Hà Nguyễn & Associates	2
Minh Châu : Rừng Núi Mùa Đông	109	Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	22
Nguyễn Sơn : Sang Đông	149	Bác Sĩ Võ Đạm	59
Nguyễn T. Tường Vân : Mèo Mướp	164	Washington Music	98
Nguyễn Sơn : Sang Đông (Bìa sau)	208	Đà Lạt Ngày Tháng Cũ	100
Nguyễn Thuỷ : Mái Ấm Mùa Đông	208	Tủ Sách Tiếng Quê Hương	100
<u>NHAC</u>		Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	119
Thanh Trang : Rừng Thu Thay Lá	43	Sovereign Realty, Inc.	195
Huy Lâm: Cho Riêng Em	110	Harvest Moon	204
<u>SINH HOẠT</u>		Danh Sách Mạnh Thường Quân	205
Nhà Văn Tiểu Thu Tại Virginia	165	Phiếu Mua Báo :	206
Dạ Tiệc Từ Giã DC Của Báo Sóng Thần	187	Văn Phòng LS Ivan M. Waldman & Associates	207

LÁ THU MÙA ĐÔNG TUYẾT TRẮNG

Thưa quý vị,
 Khi tập Báo Cỏ Thơm đến tay quý vị thì mùa thu Hoa Thịnh Đốn đã hết lá vàng. Lá đã rụng về cội. Hoa Pansy, hoa cúc là hai thứ hoa chịu đựng được lạnh nhiều nhất cũng phải tàn úa, không còn dấu vết trong vườn cây, lối cỏ. Mùa đông đã đến nơi rồi. Gió lạnh lùa qua rừng thưa cây cảnh trụi lá. Áo len, áo dạ, khăn quàng được đem ra mặc. Lò sưởi bùng lên ánh lửa hồng. Mùi khói củi thơm lừng trong không gian đêm tối. Nhưng chẳng có gì làm thơm cuộc đời bằng tình yêu gia đình thân thuộc, không gì làm ấm hơn được tình bằng hữu, tri kỷ khi ta có nhau.

Không riêng gì vùng Hoa Thịnh Đốn, khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và toàn cầu đang sửa soạn đón mừng Lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch, là mùa chúng ta được chúc tụng nhiều câu tốt đẹp nhất. Mong rằng những lời chúc tụng đó sẽ trở thành sự thực cho cả nhân loại.

Rồi đến Tết Tân Mão, Con Mèo Mới, sẽ vào ngày 3 tháng 2, 2011, vẫn còn trong mùa đông bên trời Âu, Mỹ, băng còn rơi, tuyết còn đổ ngoài

trời. Tết năm ngoái, Hoa Thịnh Đốn bị một trận bão tuyết dài một tuần lễ, tuyết cao lên ngang lưng người. Mong rằng năm nay tuyết rơi đủ đẹp để các thi sĩ làm thơ thôi, không nhiều như năm ngoái làm ngưng trệ tất cả sự sinh hoạt, giao thông vùng trong vùng thủ đô Hoà Kỳ, các chợ Tết, các tiệc Tết trong đó có tiệc Cỏ Thơm phải bãi bỏ.

Vậy mà các nhà văn, nhà thơ Việt Nam hải ngoại chúng ta vẫn có cảm hứng tưởng tượng ra hoa lá cành rực rỡ muôn màu, muôn sắc y như đang giữa chợ hoa Nguyễn Huệ, chợ hoa Bà Chiểu... Sài Gòn hay Chợ hoa Đà Lạt. Quý vị thật tài tình dẫn dắt độc giả trở về với mùa xuân quê hương, hay mùa xuân cuộc đời, lời văn, tiếng thơ không bao giờ cạn.

Phải nói rằng thơ văn Việt Nam Hải Ngoại vẫn được xuất bản mạnh mẽ. Bởi lẽ chúng ta may mắn được sống trong một nước tự do, xã hội cởi mở. Chúng ta được hưởng tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do viết lách, giải bày tình cảm, suy tư dù bất lợi cho chính phủ. Nếu như ở bên nhà với chế độ hiện đại thì đã bị đe dọa, quản

thúc, cấm viết hay vào tù.

Mỗi hận đất nước bị nhuộm đỏ, cuộc đời bị đầy đọa, gia đình tan nát ngàn năm nữa sẽ còn được viết đi, viết lại không nguôi. Những sách tố Cộng vẫn được xuất bản đều đều và bán chạy hơn các loại sách khác. Trong mùa thu qua, vẫn còn nhiều cuốn sách tố Cộng được ra mắt tại vùng Hoa Thịnh Đốn. Điển hình là quyển *Việt Nam Trong Chiến Tranh Tư Hữu* của Tác Giả Nguyễn Cao Quyền; cuốn tạp ghi *Hạnh Phúc Xót Xa* của Nhà Văn Huy Phương, bút ký tự truyện của Nhà Văn Song Nhị. Đó là những tác phẩm được viết bằng tim óc, bằng nước mắt và trái tim rướm máu vì những can qua của tổ quốc, vì những khổ đau của dân tộc mà các tác giả đã chứng kiến, có kinh nghiệm trong cuộc đời, nên nói có sách mách có chứng, để độc giả phải xúc động và cảm phục.

Nhân chuyện ra mắt sách, chúng ta không thể không nhắc tới một buổi ra mắt sách độc nhất vô nhị của tập truyện *Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng* của Nhà Văn Hồng Thủy. Gần 500 quan khách đã tham dự buổi ra mắt sách phá kỷ lục này. Quan khách được thưởng thức một chương trình văn nghệ phong phú, có thức ăn, nước uống, bánh trái ê hề mà không phải mua vé vào cửa.

Kinh nghiệm cho thấy, sự thành công là do chính tác giả, chính ban tổ chức phải quen biết nhiều trong vùng. Tác giả và ban tổ chức không những tự gửi email đi khắp các hội đoàn trong cộng đồng, trực tiếp gửi thiệp, điện thoại mời từng người không những giới báo chí, truyền thông, cầm bút, cầm cọ, cầm đàn, máy ảnh, mà tất cả các giới Hải, Lục, Không Quân, trường xưa, lớp cũ, bác sĩ, kỹ sư, thương gia, địa ốc, thương mại, không bỏ sót một vị quen biết nào. Các tác giả và ban tổ chức ra mắt sách trong tương lai nếu làm được như vậy thì mới hy vọng đông đảo người tham dự và bán được nhiều sách như ý muốn.

Lại nói về nội dung Cỏ Thơm. Cũng như các số báo trước, Cỏ Thơm số 53 vẫn phong phú

bài vở có giá trị, với nhiều hình ảnh mùa đông tuyết trắng, hình mèo mướp, mèo trắng như bông vì Tết Tân Mão 2011, hình bìa của các tác giả và hội viên Cỏ Thơm.

Vì bài viết nhiều nên chúng tôi đã phải cho chữ nhỏ hơn vì số trang có hạn, tập báo mới có thể bỏ vào đúng cỡ bao giấy ấn định và cước phí gửi đi không quá nặng. Mong quý độc giả thứ lỗi vì sự khó đọc. Xin quý vị chịu khó đeo kính và vận đèn sáng khi đọc báo Cỏ Thơm.

Đặc biệt trong số báo này có sự cộng tác lần đầu tiên của Nhà Văn Cung Thị Lan, Maryland với truyện ngắn “Mùi Cơm Sôi Cạn Nước”. Cỏ Thơm cũng đăng bài thơ “Cổ Tích” của Nhà Thơ Thiên Đức (Illinois) lần thứ nhất. Xin chào đón Nhà Văn Cung Thị Lan và Nhà Thơ Thiên Đức. Mong được sự hợp tác lâu dài của hai vị. Nhà Thơ Vũ Lang sẽ bắt đầu là đại diện Cỏ Thơm tại vùng Anaheim, California.

Chúng tôi cũng xin thông báo cùng quý vị, Cỏ Thơm sẽ có một buổi dạ tiệc, dạ vũ kỷ niệm 16 năm sinh hoạt văn học, nghệ thuật vào chiều Chủ Nhật 27 tháng 3, mùa xuân 2011 tại Nhà Hàng Harvest Moon, 7260 Arlington Boulevard, Falls church, VA 22042. Giá vé US\$30. Văn nghệ do các nghệ sĩ tài năng của Cỏ Thơm trình diễn giúp vui. Mong rằng quý vị ở xa có dịp về thăm vùng Thủ Đô, xem hoa anh đào sẽ ghé qua họp mặt với quan khách và đông đủ Văn Thi Nghệ Sĩ của Tạp Chí Cỏ Thơm. Chúng tôi sẽ vô cùng vui mừng được đón tiếp quý vị.

Năm hết Tết đến, toàn Ban Biên Tập và Ban Quản Trị kính chúc quý vị Năm Mới 2011 dồi dào sức khoẻ, có nhiều thời giờ đọc sách báo hơn năm cũ. Sang Năm Tân Mão quý vị và gia đình đều được vừa ý với các sinh hoạt, công việc làm ăn.

Chúng ta không quên cầu chúc cho dân tình quê nhà được dễ thở trong yên ổn, ấm no, và tự do dân chủ sớm đến với quê hương, dân tộc Việt.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SỰ KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA HAI NỀN GIÁO DỤC QUỐC GIA VÀ CỘNG SẢN

Trần Bích San

Y kiến trên một số websites gần đây cho rằng Bộ Quốc Gia Giáo Dục của hai nền đệ nhất và đệ nhị VNCH đứng ngoài cuộc chiến chống Cộng, và rằng đã không đóng góp vào công cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam chống Cộng Sản Bắc Việt xâm lược, xem ra có ý chê trách và đổ lỗi cho những người có trách nhiệm về nền giáo dục VNCH. Ý kiến này quả thật phiến diện, thiếu bề sâu và không lưu tâm đến sự khác biệt căn bản giữa hai nền giáo dục của người Quốc Gia và Cộng Sản.

SƠ LƯỢC BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC

Hòa ước năm Giáp Tuất 1874 Nam Kỳ trở thành thuộc địa (Colonie) của Pháp. Hòa ước năm Quý Mùi 1883 và Hòa Ước Patenôtre năm Giáp Thân 1884 Pháp đặt nền bảo hộ (Protectorat) ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nhận thấy quá khứ Việt Nam nặng về Hán học, Pháp chủ tâm cắt đứt liên lạc giữa người Việt Nam và Trung Hoa, chữ Hán và chữ Nôm cần phải được triệt bỏ. Để hủy diệt nền Nho học, và hướng tinh thần người Việt về với mẫu quốc, Pháp thực hiện ngay hệ thống giáo dục Pháp-Việt cho người bản xứ (Enseignement Franco-Indigène) để phục vụ cho guồng máy cai trị. Hệ thống giáo dục Pháp-Việt ra đời nhằm mục đích đào tạo một lớp người thừa hành chính sách cai trị và khai thác ở Đông Dương cũng như để khai hóa, truyền bá tư tưởng của Pháp.

Ngày 09/03/1945 Nhật đảo chánh Pháp, bộ Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật tuyên bố ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập cho các dân tộc Đông Dương. Hai ngày sau, 11/03/1945, Viện Cơ Mật triều đình Huế tuyên bố hủy bỏ hiệp ước Bảo Bộ với Pháp, Việt Nam khôi phục chủ quyền. Ngày 17/04/1945, Hoàng Đế Bảo Đại mời Học Giả Trần Trọng Kim thành lập chính phủ (01). Hoàng Xuân Hãn (02), Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, sau khi nhậm chức đã bắt tay ngay vào việc soạn thảo chương trình giáo dục Việt Nam. Chương trình giáo dục Pháp-Việt (Enseignement Franco-Indigène) bị hủy bỏ và được thay thế bằng Chương Trình Hoàng Xuân Hãn do Hoàng Đế Bảo Đại ban hành bằng dụ số 67 ngày 03/06/1945. Đây là chương trình giáo dục của Việt Nam đầu tiên được áp dụng trên toàn quốc từ Nam chí Bắc niên khóa 1945-1946. Bốn tháng sau, Bộ Trưởng Giáo Dục Vũ Đình Hòe (03) trong Chính Phủ Lâm Thời (04) cho thành lập Hội Đồng Cải Cách Chương Trình Giáo Dục với phương châm “*Dân Chủ, Dân Tộc, Khoa Học*”, và theo tôn chỉ “*Phục Vụ Lý Tưởng Quốc Gia*”. Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Nguyên Thủy sau cuộc cải cách được gọi là Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân (05)

NỀN GIÁO DỤC DƯỚI CÁC CHÍNH THỂ QUỐC GIA

Người Quốc Gia đã sử dụng chương trình Hoàng Xuân Hãn từ năm 1945 cho đến ngày 30/04/1975 khi miền Nam bị Cộng Sản Bắc

Biệt cường chiếm. Tuy có vài thay đổi dưới các thời Tổng, Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục như Vũ Đình Hòe, Phan Huy Quát, Nguyễn Thành Giung, Vương Quang Nhường, Nguyễn Dương Đôn, Trần Hữu Thế, Nguyễn Quang Trinh, Nguyễn Lưu Viên, Trần Ngọc Ninh, và Ngô Khắc Tinh, nhưng nền móng vẫn là Chương Trình Hoàng Xuân Hãn. Một cách chính xác, Chương Trình Hoàng Xuân Hãn đã được dùng làm căn bản và tiêu chuẩn cho cải cách dưới mọi trào từ 1945 đến 1975. Ở mỗi thời điểm sửa đổi, một Hội Đồng Giáo Dục được thành lập, gồm các giáo chức nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, các nhà khoa bảng tân và cựu học, làm công việc bổ xung, cập nhật chương trình cho phù hợp với trình độ học sinh và theo kịp đà tiến hóa của giáo dục, khoa học trên thế giới. Các khuyến cáo của tổ chức văn hóa, khoa học, giáo dục UNESCO thuộc Liên Hiệp Quốc đã được Hội Đồng Giáo Dục dùng để tham khảo trong việc cải cách.

Chương Trình Hoàng Xuân Hãn được hoàn thành bởi những người yêu nước, các nhà trí thức trẻ tốt nghiệp từ các đại học danh tiếng của Pháp, các nhà cựu học uyên bác đầy tâm huyết như Hoàng Cơ Nghị, Nguyễn Dương Đôn, Phạm Đình Ái, Nguyễn Thúc Hào, Nguyễn Xiển, Đặng Phục Thông, Nguyễn Đình Thụ, Nguyễn Duy Thanh, Lê Văn Canh, Nguyễn Hữu Quán. Những vị đóng góp trong việc cải cách ban chuyên khoa văn, sử, địa, công dân của chương trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân có Đào Duy Anh, Nguyễn Huy Báo, Đoàn Nồng, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Thúc Hào, Phạm Đình Ái, Nguyễn Dương Đôn, Tạ Quang Bửu. Đây là một chương trình giáo dục đậm màu sắc dân tộc và nhân bản. **Một chương trình giáo dục có tính cách vô tư** tương tự như nền giáo dục tiến bộ của các nước tự do dân chủ Tây Phương, dưới nhãn quan coi **giáo dục là một hiện tượng tự nhiên**, giáo dục không phải là một hiện tượng xã hội.

NỀN GIÁO DỤC DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN BẮC VIỆT

Về phía Cộng Sản, vì hoàn cảnh cấp bách, Việt Minh (Cộng Sản Việt Nam trá hình) sau khi cướp được chính quyền ở Hà Nội ngày 23/08/1945, trong thời gian đầu miễn cưỡng phải tạm dùng Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân cho đến niên khóa 1949-1950. Khi đã tạm ổn định về trường ốc và giáo chức, Việt Minh cải tổ giáo dục lần thứ nhất vào tháng 07/1950 nhằm mục đích xóa bỏ tính cách vô tư của nền giáo dục. Hai quyển *Giáo Dục Dân Chủ Mới* và *Những Vấn Đề Giáo Dục* của Nguyễn Khánh Toàn (06), Thứ Trưởng Giáo Dục Việt Minh, được dùng làm căn bản cho việc cải tổ. Hai quyển này trình bày có hệ thống các quan điểm và tư tưởng giáo dục dựa trên lý thuyết của chủ nghĩa Marx-Lénin. Các giáo chức phải quan niệm giáo dục là **một hiện tượng xã hội** chứ không phải là một hiện tượng tự nhiên. **Giáo dục và chính trị không phải là hai lãnh vực riêng biệt mà giáo dục phải phục vụ cho mục tiêu chính trị.** Nền giáo dục của Cộng Sản Bắc Việt kết hợp chuyên môn với chính trị, lấy chủ nghĩa Marx-Lénin làm nền tảng nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giáo dục bị đặt dưới sự lãnh đạo chuyên chế tuyệt đối của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây là **một hệ thống giáo dục phi dân tộc, phi nhân bản.**

Lần cải tổ giáo dục thứ hai của chính quyền Cộng Sản Bắc Việt được thực hiện vào tháng 06/1956 nhằm mục đích tiến lên xã hội chủ nghĩa, và xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn chi viện tài lực, vật lực cho cuộc xâm chiếm miền Nam bằng bạo lực. Tóm lại, cả hai lần cải tổ giáo dục của Cộng Sản Việt đều nhằm sử dụng giáo dục như một phương tiện cho các mục tiêu chính trị. Lần cải tổ thứ nhất để phục vụ cho chiến tranh với Pháp, lần cải tổ thứ hai để củng cố chiếm miền Nam. Chính vì thế, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy khả

năng yếu kém của học sinh, sinh viên miền Bắc nếu đem so sánh với miền Nam về mọi môn học, mọi phương diện. Đầu óc non trẻ miền Bắc đã bị nền giáo dục Cộng Sản đầu độc, nhồi nhét những điều sai lạc, phi lý, phi dân tộc như yêu nước là yêu đảng Cộng Sản, yêu xã hội chủ nghĩa, v.v.

KẾT LUẬN

Trong cuộc chiến tự vệ chống Cộng Sản xâm lược, chiến tranh tâm lý có nhiệm vụ vạch ra cho người dân hiểu được sự vô nhân đạo, vô thần, vô gia đình, vô tổ quốc, tàn ác, dã man của Bắc Cộng, đồng thời đề cao chính nghĩa quốc gia, những hy sinh to lớn của quân cán chính VNCH trong việc bảo quốc an dân. **Đây là nhiệm vụ của chính phủ, là trách nhiệm của bộ Thông Tin, Dân Vận, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Nha Tâm Lý Chiến, truyền thanh, truyền hình, v.v.**

Tư tưởng dùng hệ thống giáo dục, mà nhiệm vụ căn bản là đào tạo con người, thành một công cụ chống Cộng là thiên cận và hạn hẹp. Người Quốc Gia không thể bắt chước theo đường lối độc tài chuyên chính của Cộng Sản. Chính nền giáo dục Cộng Sản đã hủy hoại bao thế hệ tuổi trẻ. Chúng ta, người Quốc Gia khác Cộng Sản. Nền giáo dục của VNCH không phục vụ cho mục tiêu chính trị ngắn hạn, mà nhằm một mục đích lâu dài hơn, rộng lớn hơn là **đào tạo con người với phẩm chất Việt cao**, với lòng yêu nước thương nòi, với niềm tự hào dân tộc.

Chương trình giáo dục của VNCH hướng vào mục đích dân tộc và nhân bản. Chúng ta không cần phải biến học đường, nơi trau dồi kiến thức “*ngày nay học tập, ngày mai giúp đời*”, thành nơi tuyên truyền chống Cộng. Chúng ta không cần học sinh, sinh viên xuống đường biểu tình đả đảo Cộng Sản. Không cần làm thế nhưng Miền Nam Việt Nam có hàng triệu thanh niên

nam nữ tham gia vào hàng ngũ quân cán chính chống Cộng Sản xâm lược. Biết bao anh hùng có danh và vô danh đã nằm xuống để bảo vệ cho chính nghĩa dân tộc. Đó chính là kết quả của nền giáo dục nhân bản VNCH. Những bài học văn chương và sử học từ lớp 1 đến lớp 12 đã sản xuất những công dân Việt với phẩm chất cao, biết lễ nghĩa liêm sỉ, kính già yêu trẻ, giúp người hoạn nạn, cô thế, yêu tổ quốc, yêu quê hương, đồng bào... Anh hùng liệt nữ đứng lên chống ngoại xâm trong chương trình giáo dục bậc trung học VNCH như Trung Trắc, Trung Nhị, Triệu Âu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học, v.v. đã là những tấm gương sáng cho học trò noi theo. Chính những người trẻ với nền học vấn vững chắc đó khi vào đời tự họ ý thức được bổn phận và trách nhiệm phải đóng góp cho việc chống Bắc Cộng xâm lược, bảo vệ tổ quốc.

Với chiều dài lịch sử, các chế độ chính trị chỉ là nhất thời. Theo thời gian, tất cả sẽ qua đi, chính quyền, chế độ Cộng Sản vô nhân sẽ bị đào thải, hủy diệt. Cái trường tồn vĩnh cửu là đất nước và dân tộc Việt Nam.

TRẦN BÍCH SAN (Louisiana)

CHÚ THÍCH

(01) **Chính phủ Trần Trọng Kim** (thành lập ngày 17/04/1945 tại Huế)

- Tổng lý nội các (thủ tướng): Trần Trọng Kim
- Bộ trưởng Ngoại Giao: Trần Văn Chương
- Bộ trưởng Tiếp Tế: Nguyễn Hữu Thi
- Bộ trưởng Thanh Niên: Phan Anh
- Bộ trưởng Tài Chánh: Vũ Văn Hiến
- Bộ trưởng Nội Vụ: Trần Đình Nam
- Bộ trưởng Y Tế Cứu Tế: Vũ Ngọc Anh
- Bộ trưởng Tư Pháp: Trịnh Đình Thảo
- Bộ trưởng Kinh Tế: Hồ Tá Khanh
- Bộ trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật: Hoàng Xuân Hãn
- Bộ trưởng Công Chánh: Lưu Văn Lang

**VIỆC CHIA CẤP, CHIA BAN, CHIA LỚP TRONG CÁC
CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC TỬ 1945-1970**

CHƯƠNG TRÌNH	CẤP	BAN				LỚP
1945	Phổ thông	A (Cổ văn) B (Kim văn)				1, 2, 3, 4
	Chuyên khoa	Khoa học A	Khoa học B	Hán tự	Sinh ngữ	1, 2, 3
1949	Phổ thông	A cổ điển	B (Sinh ngữ)			7, 6, 5, 4
	Chuyên khoa	Khoa học A	Khoa học B	cổ điển	Sinh ngữ	3, 2, 1
1953	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				7, 6, 5, 4
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Sinh ngữ		3, 2, 1
1958	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				7, 6, 5, 4
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Văn chương Sinh ngữ C	Văn chương Sinh ngữ D	3, 2, 1
1970	Đệ nhất cấp	Không chia Ban				6, 7, 8, 9
	Đệ nhị cấp	Khoa học A Thực nghiệm	Khoa học B Toán	Văn chương Sinh ngữ C	Văn chương Sinh ngữ D	10, 11, 12

Xuất xứ : Trích trang các quyển **Chương trình Trung học Việt Nam** từ 1945, 1949, 1953, 1958, và 1970 của Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn.

(02) **Hoàng Xuân Hãn** (1908-1996): quê Làng Yên Hồ, Huyện La Sơn, Phủ Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, xuất thân trong một gia đình Nho học truyền thống tại đất Nghệ Tĩnh, con trai Tú Tài Hoàng Xuân Úc. Thuở nhỏ học chữ Hán và Quốc Ngữ tại nhà, sau đó học lớp Nhất Trường Tiểu Học Thanh Hóa, rồi Trường Quốc Học Vinh (Nghệ An). 1926: đậu bằng Thành Chung tại Huế, sau đó ra Hà Nội học Trường Bưởi. 1928: đỗ Tú Tài Tây, được học bổng của chính phủ Đông Dương đi Pháp học. 1930: tốt nghiệp các Trường Normale Supérieure, Polytechnique. 1934: tốt nghiệp Trường Pont et Chaussées, về nước một thời gian ngắn, sau đó trở lại Paris. 1935: Cử Nhân Toán. 1936: Thạc Sĩ Toán. Về nước dạy



*Hoàng Xuân Hãn (1943)
Thượng thư Quốc Gia Giáo Dục
& Mỹ thuật (1945)*

Trường Bưởi, Đại Học Khoa Học Hà Nội, thành viên Thượng Hội Đồng Nghiên Cứu Khoa Học Đông Dương cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp (09/03/1945). Thời gian này hoàn tất quyển *Danh Từ Khoa Học*, sau được dùng làm chuyên ngữ ở bậc trung học Việt Nam. 1945: Hoàng Đế Bảo Đại mời làm Chủ tịch Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục. 04/1945: Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật và Quyền Bộ Trưởng Công Chánh (tạm kiêm nhiệm thay Kỹ Sư Lưu Văn Lang) trong nội các Trần Trọng Kim. Cho soạn thảo và ban hành chương trình giáo dục Việt Nam, tổ chức kỳ thi Tú Tài Việt Nam đầu tiên trong lịch sử giáo dục. 1946: trưởng ban Chính Trị phái đoàn Việt Nam của chính phủ Liên Hiệp Kháng

Chiến đàm phán với Pháp tại Hội Nghị Trù Bị Đà Lạt (ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam là trưởng phái đoàn). Hội nghị thất bại, sau đó chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, bị quân đội viễn chinh Pháp bắt giữ một thời gian ngắn, chính quyền Pháp xóa tên trong ngành giáo dục. Sau đó được trả tự do, sống ở Hà Nội nghiên cứu văn học. 1951: có lệnh bắt giữ của Pháp nhưng được bạn là Tổng Trần Bắc Phan Nguyễn Hữu Trí giúp điều kiện sang định cư tại Paris cho đến ngày qua đời. Trong thời gian sống tại Pháp giúp thư viện quốc gia Pháp và Thư Viện Dòng Tên Vatican thiết lập thư mục Việt Nam Học tại các nước Âu châu. 1992: thành lập tại Pháp hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền nhằm bảo vệ và phát huy văn hóa giáo dục, bảo tồn văn hóa cổ của Việt Nam tại Pháp và các nước Tây phương. Mất ngày 10/03/1996 tại Paris, hưởng thọ 88 tuổi.

Các báo cộng tác: *Khoa Học, Thanh Nghị* (Hà Nội), *Văn Lang, Sĩ Địa, Bách Khoa* (Sài Gòn), *Đoàn Kết, Diễn Đàn, Tập San Khoa Học Xã Hội* (Paris).

Tác phẩm: *Danh Từ Khoa Học* (1932), *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* (1949), *Lý Thường Kiệt* (1949), *Hà Thành Thất Thủ và Hoàng Diệu* (1950), *Thơ Văn Việt Nam I* (1951), *Mai Đình Mộng Ký* (1951), *La Sơn Phu Tử* (1952), *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* (1953), *Bích Câu Kỳ Ngộ* (1964), *Truyện Song Tinh* (1987), *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* (1995), *Thiên Tình Sử Hồ Xuân Hương* (1995), *Một Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt* (1996).

(03) **Vũ Đình Hòe** (1912-...): sinh ngày 01/06/1912 tại làng Do Lộ, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Đông (nguyên quán Làng Lương Ngọc,

Phủ Bình Giang, Tỉnh Hải Dương), sống và làm việc tại Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình Nho học truyền thống, học Trường Tiểu Học Yên Phụ, Trường Bưởi. 1930: đỗ bằng Cao Đẳng Tiểu Học, ở nhà tự học đỗ Tú Tài I, vào học Trường Albert Sarraut đậu Tú Tài Triết, học Đại Học Luật Khoa Hà Nội, tốt nghiệp Cử Nhân Luật, dạy học Trường Trung Học Thăng Long. 1936: tham gia Hội Ánh sáng do Báo *Ngày Nay* khởi xướng, Nguyễn Tường Tam sáng lập. Phó hội trưởng hội Truyền Bá Quốc Ngữ. Gia nhập chi bộ Đông Dương của đảng Xã Hội Pháp (SFIO), gia nhập đảng Dân Chủ Việt Nam. 1941: cùng Phan Anh, Vũ Văn Hiến, Hoàng Thúc Tấn, Lê Huy Vân sáng lập Báo *Thanh Nghị*, giữ chức Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút. Báo ra đời tháng 05/1941, tự đình bản tháng 08/1945. 1945: bộ trưởng Quốc Gia Giáo dục trong chính phủ Lâm Thời. 1946: bộ trưởng Tư Pháp trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến. Đắc cử đại biểu khóa I đơn vị Hà Nội. Từ 1960: chuyên viên luật học của Viện Luật Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam.

Tác phẩm: *Các bài viết trên báo Thanh Nghị (1941-1945), Một nền Giáo Dục Bình Dân*

(1946), *Dân Chủ Đa Nguyên và Thời Đại* (1990), *Hồi Ký Vũ Đình Hòe I & II* (1994, 2004)),

(04) **Chính phủ Lâm Thời** (thành lập ở Hà Nội ngày 23/08/1945)

- Chủ tịch kiêm bộ trưởng Ngoại Giao: Hồ Chí Minh
- Bộ trưởng Nội Vụ: Võ Nguyên Giáp
- Bộ trưởng Quốc Phòng: Chu Văn Tấn
- Bộ trưởng Thông Tin và Tuyên Truyền: Trần Huy Liệu
- Bộ trưởng Tư Pháp: Vũ Trọng Khánh

VŨ ĐÌNH HÒE (*)

(*Nhâm tí 1912 - ...*)



- Bộ Trưởng Tài Chánh: Phạm Văn Đồng
- Bộ trưởng Kinh Tế: Nguyễn Mạnh Hà
- Bộ trưởng Cứu Tế Xã Hội: Nguyễn Văn Tố
- Bộ trưởng Lao Động: Lê Văn Hiến
- Bộ trưởng Giáo Dục: Vũ Đình Hòe
- Bộ trưởng Thanh Niên: Dương Đức Hiền
- Bộ trưởng Y Tế: Phạm Ngọc Thạch
- Bộ trưởng Công Chánh: Đào Trọng Kim
- Bộ trưởng không giữ bộ nào: Cù Huy Cận & Nguyễn Văn Xuân

(05) Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân

Tân: là chương trình giáo dục Hoàng xuân Hãn nguyên thủy được sửa đổi bởi Hội Đồng Giáo Dục dưới thời Bộ Trưởng Giáo Dục Vũ Đình Hòe trong chính phủ Lâm Thời (28/03/1945). Học trình bậc Tiểu Học được rút ngắn từ 6 xuống 5 năm, và sửa đổi các môn văn, sử, địa, công dân. Nhưng phải chờ đến gần một năm sau Hội Đồng Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến (02/03/1946) mới ban hành Chương Trình Hoàng Xuân Hãn Canh Tân bằng Sắc Lệnh số 146 ngày 10/08/1946.

(06) **Nguyễn Khánh Toàn** (1905-1993): quê Xã Thanh Lương, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên, học Trường Quốc Học Huế. 1925: học năm cuối Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương ở Hà Nội, bị đuổi học vì tham gia các cuộc vận động đòi Pháp ân xá Phan Bội Châu, truy điệu Chí Sĩ Phan Chu Trinh. Vào Sài Gòn viết báo, sáng lập tờ tiếng Pháp *Le Nhà Quê* đăng nhiều bài chống Pháp, báo bị đóng cửa, Pháp bắt giam một thời gian. 1928: sang Pháp đi học, tham gia các tổ chức chống việc Pháp cai trị độc đoán ở Đông Dương. 1930: sang Nga học Trường Đại Học

Đông Phương. 1931: tham gia công tác của Cộng Sản Quốc Tế, rồi gia nhập hàng ngũ Cộng Sản Nga. Thứ Trưởng Giáo Dục trong chính phủ Việt Minh do Hồ Chí Minh cải tổ ngày 20/07/1947. Thập niên 1960: Ủy Viên Trung Ương đảng Cộng Sản Việt Nam phụ trách ngành khoa học xã hội. 1993: mất tại Hà Nội.

Tác phẩm: *Giáo dục Dân Chủ Mới, Những Vấn đề Giáo Dục, Cách Mạng và Khoa Học Xã Hội, Vấn Đề Dân Tộc trong Cách Mạng Vô Sản* (2 quyển).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, *50 Năm Phát Triển Sự Nghiệp Giáo Dục và Phát Triển*, nxb Bộ Giáo Dục, Hà Nội, 1995.
- Bộ Quốc Gia Giáo Dục, *Chương Trình Trung Học*, nxb Nhóm Cựu Học Sinh Trường Bưởi, Hà Nội, 1945.
- Đặng Thái Mai, *Nguyên Tắc Cơ Bản Của Nền Giáo Dục Việt Nam Ngày Nay*, Giáo Dục Tân San, tháng 01/1946, Hà Nội, 1946.
- Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày 1945-1964*.
- Lê Văn Giảng, *Lịch Sử Giản Lược Hơn 1000 Năm Nền Giáo Dục Việt Nam*, nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2003.
- Nguyễn Khắc Hoạch, *Xây Dựng và Phát Triển Văn Hóa Giáo Dục*, nxb Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1970.
- Nguyễn Q. Thắng, *Khoa Cử và Giáo Dục Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1998.
- Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam*, nxb Tổng Hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

(Ất tị 1905 - Quý dậu 1993)



Xướng

BÊN THỀM NĂM MỚI

Bên thềm năm mới nhớ thi nhân
Chẳng lẽ ngồi yên gởi mấy vần
“Thọ tử Nam Sơn” cùng quyển thuộc
“Phước như Đông Hải” khắp hương lân
Tương lai tiến tới đừng do dự
Đĩ vãng quên đi chớ ngại ngần
Nhìn bướm ngắm hoa cho đẹp mắt
Đời vui còn mãi tuổi thanh xuân.

LÊ NGỌC KHA

(Boston, USA)



Họa

TÂM THIỆP XUÂN

Minh bạn bè đâu phải cố nhân,
Ít ra thì cũng thảo dâm vân.
Xa xăm thăm hỏi như thân thuộc,
Gần gũi chuyện trò tựa pháo lân.
Nghèo khó tự nhiên không lưỡng lự,
Giàu sang bình thản chẳng tần ngần.
"Bên Thềm Năm mới" tình trân trọng
Bài họa này thay tấm thiệp xuân.

NGUYỄN PHÚ LONG

(Washington, D.C.)

Họa

XUÂN HOÀI VỌNG

Lời thơ mời mọc giữa tao nhân
Nên cũng chung vui đáp họa vần
Chưa gặp nhưng thâm giao cố hữu
Chẳng quen mà cảm kích đồng lân
Dân tình hoài vọng phương xa lác
Hồn nước vời trông mây trắng ngần
Tết đến trao nhau câu chúc đẹp
Cho lòng xao xuyến cả mùa xuân.

NGUYỄN T. N. DUNG

(Virginia, USA)



Họa

CHÚT HƯƠNG XUÂN

Lâu ngày biệt biệt bóng tình nhân
Ngăn cách gió mưa khéo chuyển vần
Thư tín biếng ghi tên cố quận
Mai đào lười tặng bạn đồng lân
Tìm đâu mái tóc khoe xanh thắm
Thấy lại hoa cau nở trắng ngần
Dặm thẳm đường mây người mỗi ngả
Về đây góp vội chút hương xuân

LÝ HIẾU

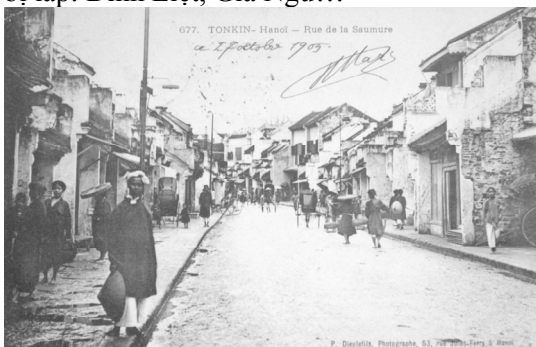
(Virginia, VA 10/2010)

PHƯỜNG XƯA PHỐ CŨ HÀ THÀNH

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp Theo Cỏ Thơm 52)

Khu vực bên trong tứ giác Cầu Gỗ - Hàng Đào - Hàng Bạc - Hàng Bè gồm nhiều «phố mới», thành hình sau khi Hồ Thái Cực bị lấp: Đinh Liệt, Gia Ngư...



Phố Hàng Mắm. Bưu ảnh 1905.

Phố **Hàng Mắm** nối tiếp Hàng Bạc thông ra bờ sông. Phố này trước ở bên nước, bán mắm tôm, mắm cáy, nước mắm... do các thuyền buôn chở đến.

Ngã tư Hàng Mắm - Nguyễn Hữu Huân là nền cũ của ô Mỹ Lộc, từ chỗ này ra đến bờ sông là phố **Hàng Trúng**.

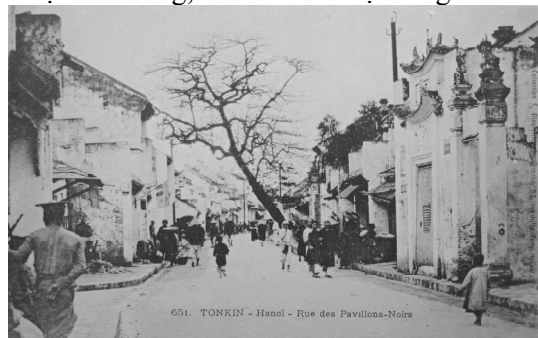
Từ ngã ba Hàng Bạc – Mã Mây theo Phố Hàng Mắm chúng ta lần lượt gặp phố Hàng Bè, Ngõ Phát Lộc, phố Bắc Ninh, ngã tư Hàng Tre - Hàng Muối.

Ngõ **Phát Lộc** nối liền Hàng Mắm với Lương Ngọc Quyến, là một ngõ hẹp, cuối thế kỷ 19 còn dài đến tận phố Hàng Chĩnh. Người làng Phát Lộc (Thái Bình) đến đây định cư từ đời Lê. Ở ngõ này còn đình Tiên

Hạ thờ Nguyễn Trung Ngạn.

Phố **Hàng Muối** nối liền Hàng Tre với ngã năm Cột Đồng Hồ ven sông Hồng. Tên phố nhắc lại vị trí cũ của khu vực này là bến sông, nơi thuyền buôn chở muối đến Thăng Long. Người dân ở đây còn làm nghề buôn gỗ.

Phố **Hàng Buồm** đi từ Hàng Ngang – Hàng Đường tới Mã Mây. Thuở xưa ở gần cửa Sông Tô Lịch, phố này chuyên bán các loại buồm và các sản phẩm đan bằng mây, tre như giỏ, thúng, phen... Có lẽ do vị trí tiện lợi vì gần bến sông nên Hoa kiều từ bên Hàng Ngang dọn sang đây kinh doanh, họ mở chạp phô, bách hóa, cao lâu, tửu điểm... ; xây Hội Quán Quảng Đông, Đền Quang Đế... Ở phố hiện nay còn Đền Bạch Mã, xây từ thế kỷ thứ 9, thờ Thần Long Đỗ, biểu tượng là ngựa trắng, vị thần bảo vệ kinh đô và giúp Vua Lý Thái Tổ xây dựng Thành Thăng Long, được phong làm Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương. Gần bên Đền Bạch Mã, lúc trước có Chợ Cửa Đông, sau dời về Chợ Đồng Xuân.



Phố Mã Mây, nhìn từ phía Hàng Bạc, bên trái là đầu Phố Hàng Chĩnh, 1902.

Mã Mây gồm hai đoạn phố liên tục đi từ Hàng Buồm tới ngã ba Hàng Bạc – Hàng Mắm. Đoạn giáp với Hàng Bạc – Hàng Mắm là **Hàng Mã**, nơi bán đồ vàng mã cúng đám tang, đám giỗ. Phần nối tiếp với Hàng Buồm là **Hàng Mây**, trước kia ở gần bên sông, nơi thuyền buôn cập vào, mang đến cho các thương gia những nguyên liệu như mây, tre, nứa, gỗ... Họ sản xuất và bán lại bàn, ghế... Vào thế kỷ 19, Quân Cờ Đen đóng ở khu vực này, là đối thủ lợi hại của Pháp nhưng cũng là mối khiếp sợ của dân Hà Nội. Ở phố này có đền Hương Tượng thờ Nguyễn Trung Ngạn, vị đại thần tài đức vào thế kỷ 14, có công giúp các Vua Trần giữ vững bờ cõi.



Hàng Buồm

Phần đất giữa các Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm, Mã Mây và Hàng Bạc gồm các «phố mới», xây lên sau khi Hồ Ngự Vông bị lấp, đó là các phố: **Tạ Hiện, Sâm Công, Lương Ngọc Quyến...**

Hai phố ngắn đi từ Mã Mây đến đê Sông Hồng là Đông Thái và Hàng Chĩnh. Lúc xưa Phố **Đông Thái** ở phía nam cửa Sông Tô Lịch, ngày nay còn Đình Đông Thái. Phố **Hàng Chĩnh** bán chum, vại, nồi đất..., đây là đường ra bờ sông qua cửa ô Ưu Nghĩa (hay Ô Trùng Thanh).

Chúng ta hãy trở về «trục chính», đến phố Hàng Đường. Vào cuối thế kỷ 19, phố

Hàng Gạch được xây dựng bên trên dòng Sông Tô Lịch đã lấp, nối liền Hàng Đường với bờ Sông Hồng. Sau đó nhiều phố được xây thêm (Hàng Giày, Đào Duy Từ), cắt Phố Hàng Gạch thành ba phố ngắn: Ngõ Gạch, Án Sát Siêu, Chợ Gạo.

Phố **Ngõ Gạch**, hơi uốn khúc, đi từ Hàng Đường tới Hàng Giày. Đình Thanh Hà ở phố này là nơi thờ Tướng Trần Lựu, anh hùng đời Trần chống giặc Nguyên-Mông. Phố Án Sát Siêu nay gọi là **Nguyễn Văn Siêu**, có Đình Cổ Lương thờ Bà Liễu Hạnh; Trường Phương Đình, nơi dạy học của Nhà Nho Nguyễn Văn Siêu. Phố **Chợ Gạo** ở ngay cửa Sông Tô Lịch đã bị lấp, vào những năm đầu thế kỷ 20 là quảng trường Thương Mại, ở giữa có nhà chợ lợp tôn, chung quanh là các cửa hàng buôn bán gạo hoặc kho chứa gạo.

Phố **Hàng Giày** nối từ Hàng Chiếu đến Hàng Buồm (về sau còn kéo dài vào khu vực hồ Ngự Vông cũ), đi qua ngã tư Ngõ Gạch-Nguyễn Văn Siêu. Ở đây chuyên bán giày; may vá quần áo, may mấn (nên đầu phố nối với Hàng Chiếu gọi là **Hàng Mấn**).

Phố **Hàng Chiếu** đi từ ngã tư Hàng Đường - Đông Xuân đến bờ sông, cắt ngang qua các ngã tư: Nguyễn Thiện Thuật - Hàng Giày và Đào Duy Từ - Thanh Hà. Khi xưa nơi đây bán các loại chiếu dệt bằng cói. Lúc Pháp mới chiếm Hà Nội, người dân gọi là Phố Mới, vì là một trong những phố được sửa sang trước tiên theo kiến trúc phương Tây. Ở phố này còn lại Ô Quan Chường, là di tích cuối cùng của mười sáu cửa ô chung quanh Hà Nội vào cuối thế kỷ 19.

Phía sau Chợ Đông Xuân ra đến bờ sông là khu vực gồm nhiều «phố mới» như Nguyễn Thiện Thuật, Cầu Đông, Cao Thắng, Thanh Hà, là những phố xây trên Hồ Đông Xuân đã bị lấp.



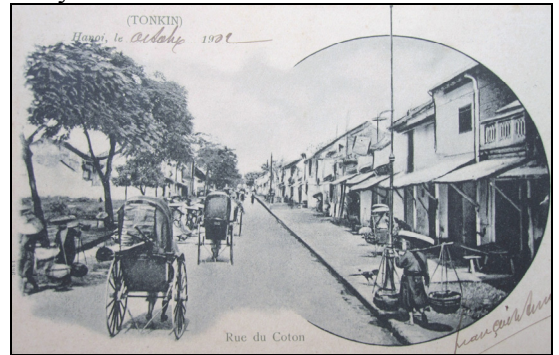
Ở Quan Chương ở Phố Hàng Chiếu, nhìn về phía Sông Hồng (1902).

Phố **Hàng Khoai** kéo dài từ Hàng Lược, bên phía tây của «trục chính», tới Sông Hồng, bán các loại khoai cùng các nông phẩm khác như gạo, ngô, đậu... Một đoạn phố đi sát bên Chợ Đồng Xuân, có Đền Huyền Thiên, xây vào đời Lý, thờ Trần Vũ, vị thần của Đạo Giáo.

Khu vực giữa Hàng Khoai và Hàng Đậu là vùng trũng thấp của hồ Huyền Thiên đã bị lấp, những «phố mới» được xây trên đó có thể kể: phố **Gầm Cầu** (đọc đường xe hỏa lên Cầu Long Biên) và Phố **Nguyễn Thiệp**.

Phố **Bờ Sông** là tên gọi quen thuộc các Đường **Trần Nhật Duật** và **Trần Quang Khải** (người ta gọi là *đường* vì ở vành đai của khu phố và chỉ một bên có nhà cửa, bên kia là sông), nối tiếp nhau chạy dọc theo Sông Hồng, làm giới hạn phía đông của khu phố cổ. Đường Trần Nhật Duật bắt đầu từ Cầu Long Biên đến Cột Đồng Hồ. Khoảng trước 1930, bến tàu thủy Cột Đồng Hồ là nơi sinh hoạt nhộn nhịp, chung quanh có những hàng cơm, quán trọ, bến ô tô, xe tay... Giữa ngã năm, giao điểm của hai đường ven sông và các Phố Nguyễn Hữu Huân, Lương Ngọc Quyến, Hàng Muối, có một chiếc đồng hồ đặt trên cột cao, giúp người dân đến kịp giờ tàu thuyền rời bến. Chúng ta lại trở về đầu Phố

Hàng Đào, đi xem phần phía tây của khu phố cổ. Phố **Hàng Gai** chạy từ Hàng Đào tới Hàng Bông, chuyên bán những sản phẩm làm bằng gai như dây thừng, võng..., ngoài ra còn các nghề khác như: in và bán sách; bán các loại giấy, đồ chơi bằng giấy trong dịp lễ Trung Thu; bán dầu, sơn, nhựa... Riêng đoạn ngắn từ Hàng Đào tới Tô Tịch là phố Hàng Tiện, làm nghề tiện gỗ, chế tạo vật dụng như mâm, chân đèn, mặt bàn... Hàng Gai có Đình Cổ Vũ thờ thần Bạch Mã và thần Linh Lang; Đình Đông Hà thờ thần Quý Minh, vị thần truyền thuyết đã giúp Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh.



Phố Hàng Bông.

Hàng Bông nối tiếp Hàng Gai, kéo dài đến vườn hoa Cửa Nam. Vào thời Pháp thuộc, ở phố này có các cao lầu, khách sạn, nhà in, hiệu sách, toà báo... Đây là một phố khá dài, nay còn lại di tích là các đình Đông Mỹ, Kim Hội...; các đền Kim Cổ, Lương Ngọc, Vọng Tiên, Thiên Tiên... Hàng Bông gồm nhiều đoạn phố ngắn: **Hàng Hải** nối Hàng Gai với Hàng Mành, trước bán các loại hải, sau đổi qua nghề bán giấy; **Hàng Bông Đệm**, từ Hàng Mành đến Hàng Da, bán chăn, đệm, áo bông...; **Hàng Bông Cửa Quyền**, do tên ngôi miếu cổ đã mất dấu, thờ cô Quyền (vị thần không rõ lai lịch); **Hàng Bông Lò**, từ ngõ Hội Vũ đến Cửa Nam, bán các

dụng cụ đánh cá như lò, nôm, đó... ; **Hàng Bông Thợ Nhuộm**, bên cạnh vườn hoa Cửa Nam, làm nghề nhuộm vải, lụa. Hai tuyến xe điện Bờ Hồ - Hà Đông và Bờ Hồ - Cầu Giấy đều đi qua hai Phố Hàng Gai, Hàng Bông.



Đầu Phố Hàng Bông, nhìn từ ngã Sáu Cửa Nam, bên phải là vườn hoa (khoảng 1920.)

Chúng ta lại đến ngã tư Hàng Đường – Hàng Đào, đi về phía tây là **Hàng Bò**, nơi bán những dụng cụ làm bằng tre, nứa như : bô, thúng, sọt... Ở đây có Đền Nhân Nội, thờ thần Bạch Mã. Đầu thế kỷ 20, vùng đất ở hai bên phố này hãy còn những bãi cỏ trống và hồ nước. Đoạn Hàng Đào đến Hàng Cân là **Hàng Dép**, bán guốc, dép... Hết Hàng Bò là đến **Bát Đàn**, kéo dài đến tường thành cũ. Nơi đây bán hàng đàn, tức là hàng gổm men thô như chấu, vại, chum, bát... Xưa có đình Nhân Nội, thờ thần Bạch Mã.



Phố Hàng Bát Đàn, 1902.



Một cửa hàng ở Phố Bát Đàn, 1902.

Phía nam tuyến Phố Hàng Bò - Bát Đàn là một mạng lưới những phố chạy dọc ngang xuống đến Hàng Gai – Hàng Bông. Phố **Lương Văn Can** đi từ hồ Hoàn Kiếm tới ngã tư Hàng Bò. Đầu phố phía Hàng Bò (là một đoạn cũ của Hàng Cân), chuyên bán các loại quạt. Đoạn còn lại chỉ là phố mới lập, nối Hàng Quạt đến bờ Hồ Gươm.

Phố **Hàng Quạt** đi từ Lương Văn Can đến Hàng Nón, đoạn phía đông làm nghề bán quạt. Đoạn phía tây gọi là **Hàng Đàn**, làm và bán các loại đàn tranh, đàn nguyệt, đàn bầu..., sau chuyển sang nghề mộc, chạm gỗ, bán khám thờ, bài vị, kiệu, bàn, ghế, tủ...



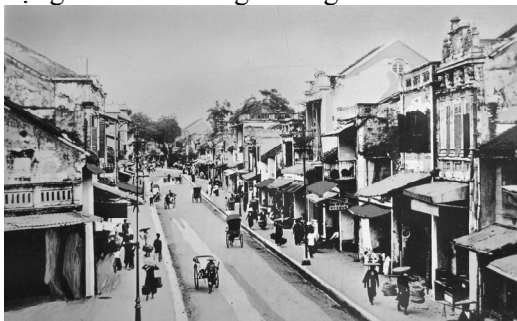
Một đám rước đi qua Phố Hàng Quạt. bưu ảnh 1905

Hàng Quạt có Đình Xuân Phiến Thị thờ ông tổ nghề làm quạt ; Đền Dâu thờ những vị thần có công dựng nước đời Hùng Vương.

Phố **Hàng Hòm** nối liền Hàng Nón với Hàng

Gai, đóng các loại hòm (rương) gỗ và các loại hàng gỗ sơn đen như tráp, ngai thờ, liễn đối... Đình Hà Vĩ thờ tổ sư nghề sơn đen.

Phố **Hàng Nón** nối liền ngã ba Hàng Hòm - Hàng Quạt với phố Đường Thành, cắt ngang Hàng Điều và qua ngã ba Hàng Thiếc. Ở đây có nghề làm và bán các loại nón như: nón thúng, nón ba tầm, nón lá... Riêng đoạn từ ngã ba Hàng Hòm đến Hàng Thiếc là Phố **Mã Vĩ**, chuyên làm và bán trang phục, xiêm, áo, hia, mũ... cho quan lại, đào kép, thầy cúng, bà đồng... Tên phố này do từ các dụng cụ diễu tuồng làm bằng lông đuôi ngựa. Đình Yên Nội Đồng Thành thờ các vị thần có công dựng nước đời Hùng Vương.



Phố Hàng Hòm, 1950.

Hàng Mành nối từ Hàng Nón tới Hàng Bông, chuyên làm mành tre, mành nứa, có khi trang trí bằng màu sắc, hình vẽ phong cảnh, rồng mây... Từ phố này có thể qua Chợ Hàng Da bằng **Ngõ Yên Thái**. Ngõ này xưa là chợ hàng thêu, có đình thờ tổ nghề.

Phố **Đường Thành** nối từ Hàng Bông đến tường thành dương mã nơi cửa Chính Đông cũ. Phố này đi ngang Chợ Hàng Da, Bát Đàn và Hàng Nón. Đình Kim Cổ thờ Nguyên Phi Ỗ Lan đời Vua Lý Thánh Tông, thế kỷ 11.

Phố **Hàng Da** đi từ Hàng Bông đến Chợ Hàng Da. Xưa kia, da bò, da trâu mới lột hay đã phơi khô được mang ra bán trên khoảng

đất dành xây Chợ Hàng Da hiện nay. Gần bên có **Ngõ Hà Trung**, dấu vết con đường tắt dẫn vào thành. Vào cuối thế kỷ 19, ở đây vẫn còn một trạm nhận công văn trong Hà Nội để chuyển đi các nơi, nên còn gọi là «Ngõ Trạm cũ» để phân biệt với Phố **Ngõ Trạm** ở bên ngoài, đi ngang Chợ Hàng Da. Trong ngõ Hà Trung có Đình Yên Nội Cổ Vũ, thờ Thiên Sư Từ Đạo Hạnh, đời Lý, thế kỷ 12.



Hàng Điều

Phố **Hàng Điều** nối tiếp Hàng Gà, đi từ Bát Đàn đến Đường Thành, trước Chợ Hàng Da. Phố này làm và bán các loại điều hút thuốc Lào. Một số nhà làm nghề thuộc da, bán giày, dép...

Đền Thần Hỏa thờ ông thần phù hộ dân chúng tránh khỏi hỏa tai. Phố **Hàng Thiếc** đi từ ngã tư Hàng Bò - Bát Đàn đến Hàng Nón, qua vùng đất thấp của đầm hồ cũ đã bị lấp. Phố này làm nghề đúc thiếc, hàn tôn chế tạo các vật dụng bằng thiếc, tôn sắt, tôn kẽm như ấm trà, khay trà, chậu, ống nước, đồ chơi trẻ em...

Chúng ta trở lại ngã tư Hàng Ngang - Hàng Đường, bên phía tây là phố **Lân Ông**, kéo dài đến ngã tư Hàng Vải - Thuốc Bắc. Tên cũ của phố này là Phúc Kiến vì vào đầu thế kỷ 16 các Hoa kiều gốc Phúc Kiến đã cư ngụ ở đây. Nghề cũ của phố này là bán đồ đồng, đồ sắt. Đến cuối thế kỷ 18, nghề bán thuốc, bốc thuốc, xem mạch mới phát triển cho đến nay. Ở phố này có Hội Quán Phúc Kiến.

Phố **Hàng Vải** nối tiếp với phố Lãn Ông, chạy thẳng đến Phố Phùng Hưng, bán các loại vải nhuộm thâm, nhuộm nâu. Đoạn giữa Hàng Đồng và Hàng Gà là **Hàng Cuốc**, bán các nông cụ như cuốc, thuổng... Đình Đông Thành thờ Trần Vũ; Đình Tân Khai thờ các vị thành hoàng của Thăng Long là Bạch Mã, Tô Lịch và Thiết Lâm, đã giúp Vua Lý Công Uẩn xây dựng kinh đô.

Phố **Hàng Cân** nối liền Phố Lãn Ông với Hàng Bồ, bán các loại cân, thước gỗ... Ngoài ra còn bán sơn sừng (nhựa sơn dùng làm keo gắn, trang trí bàn ghế...). Đền Xuân Yên thờ thần Lân Ngọc, có công chống giặc Chiêm Thành.

Phố **Thuốc Bắc** đi từ Hàng Mã đến Hàng Bồ, vì cắt ngang qua các phố khác nên bị chia thành nhiều đoạn ngắn, mỗi đoạn tương ứng với một nghề riêng: ngoài nghề bán thuốc bắc, ở phố này còn bán các loại khoá, quần áo cũ, vải nhuộm thâm, bút, nghiên... Phố **Bát Sứ**, tên khác là Hàng Bát, gồm cả Hàng Đồng và Hàng Rươi ngày nay. Phố Bát Sứ nối từ ngã tư Hàng Vải tới ngã ba Bát Đàn, chuyên bán hàng sứ như bát, đĩa, lọ, ấm...

Hàng Bút là phố ngắn nối Thuốc Bắc với Bát Sứ, là nơi từng bán bút, mực, giấy... cho học sinh, ngoài ra còn tên khác là **Hàng Mụn** vì bán cả mụn vải, vải vụn để may y phục cỡ nhỏ dành cho trẻ em. Phố Hàng Gà chạy từ ngã tư Hàng Mã đến ngã tư Bát Đàn, chuyên bán gà, vịt..., gồm cả phố **Thuốc Nam** nằm ở đoạn giáp với Bát Đàn, bán các vị thuốc trong nước. Ở phố này có Chùa Thái Cam, lấy tên của cái giếng cổ cho nước ngọt. Phố **Hàng Phèn** nối từ Hàng Gà đến Thuốc Bắc, cắt ngang Bát Sứ, trước kia là phố Chợ Cũ vì ở gần chợ Đông Thành đã bị phá bỏ. Xưa phố này bán các loại phèn, đặc biệt là phèn chua để lán cặn, lọc nước sông, hồ hoặc để làm thuốc.

Chúng ta trở lại Phố Hàng Đường, theo

hướng tây thẳng vào Phố **Hàng Cá**, là phố nối liền Ngõ Gạch với Lò Rèn, cắt ngang Phố Chả Cá. Khi xưa nơi đây là bờ phía nam của Sông Tô Lịch, có trại Tiên Ngư bán cá tươi. Đình Hàng Cá thờ Lý Tiên, anh hùng chống giặc Ân vào đời Hùng Vương. Phố **Lò Rèn** đi thẳng từ Hàng Cá đến Hàng Gà, cắt ngang Hàng Đồng. Phố này còn gọi là **Hàng Bừa** vì làm nghề rèn sắt, chế tạo những dụng cụ như răng bừa, lưỡi cày, cuốc, dao, kéo... Đình Lò Rèn thờ tổ sư nghề thợ rèn.



Phố Hàng Mã, 1910.

Phố **Hàng Mã** chạy từ ngã tư Hàng Đường - Hàng Đồng Xuân tới phố Phùng Hưng. Đoạn giáp với Hàng Đường - Hàng Đồng Xuân chuyên bán hàng mã để trang trí hay để cúng tế như giấy màu, đèn giấy, đồ mã... Đoạn giáp với phố Phùng Hưng bán các vật dụng bằng đồng như mâm, nồi, lư hương...

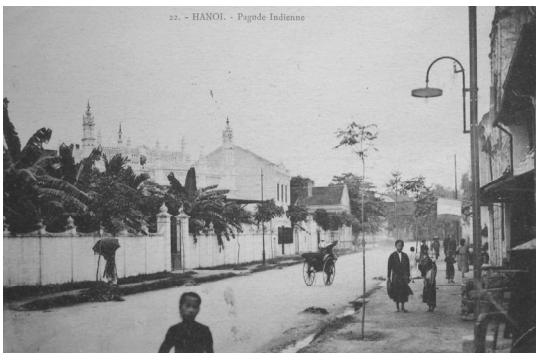
Phố **Chả Cá** đi từ Hàng Mã - Hàng Lược đến Lãn Ông - Hàng Cân. Nơi đây từng bán nhựa sơn dùng trong nghề mộc, trang trí bàn ghế..., vì vậy tên cũ là **Hàng Sơn**. Cuối thế kỷ 19, gia đình họ Đoàn, sống trong phố này, mở quán chuyên bán món chả cá. Bên trong bày tượng ông Lã Vọng, lâu ngày quán mang tên «Chả Cá Lã Vọng» và phố cũng lấy tên món ăn nổi tiếng ấy.



Tranh bán trên vỉa hè Hà Nội vào dịp Tết, 1902.

Phố **Hàng Đồng** nối từ Bát Sứ đến Hàng Rươi, cắt ngang Lò Rèn, buôn bán vật dụng bằng đồng như mâm, nồi, chảo, lư hương...

Phố **Hàng Lược** đi từ Hàng Cót - Gầm Cầu đến Hàng Mã - Chả Cá, chuyên bán lược sừng, lược gỗ... Xưa phố này chạy vạy tên cũ của nó là Sông Tô Lịch. Còn một tên khác mà ngày nay nhiều người vẫn gọi là Cống Chéo Hàng Lược vì ở đầu phố phía Hàng Mã trước kia có chiếc cống (cầu ngán) bắc chéo qua sông. Ở phố này có:



Phố Hàng Lược, nhìn về phía Cầu Sắt (Phố Gầm Cầu). Bên trái là Đền Hội Giáo (Chùa Tây Đen).

Đình Phủ Từ và Vĩnh Trụ, thờ các nữ thần như Tứ Vị Hồng Nương, bà Liễu Hạnh... ; Nhà Thờ Hội giáo xây vào cuối thế kỷ 19. Phố **Hàng Cót** đi từ vườn hoa Hàng

Đậu đến ngã tư Hàng Mã – Hàng Gà, chuyên nghề đan cót, phen bằng nửa, tre... Đền Tam Phủ thờ Bà Liễu Hạnh, Đức Trần Hưng Đạo ; đền Ngũ Giáp thờ thần Lý Tiến.

Phố **Hàng Chai** nối từ Hàng Lược – Hàng Rươi đến Hàng Cót. Trước kia phố này là ngõ Chè Chai vì nhiều dân nghèo sống ở đây làm nghề mua bán các vật phế thải như chai lọ cũ, sắt vụn, đồng nát... Ngoài ra, ở đây cũng có người theo nghề múa sư tử. Đình Ca Công thờ tổ sư nghề hát ả đào. Phố **Hàng Rươi** đi từ Hàng Lược đến Hàng Mã. Có lẽ phố này ở gần bến sông cũ, thuyền từ Sông Hồng mang rươi đến đây bán vào khoảng tháng mười hằng năm.



Phố Hàng Trống không nằm trong Khu Phố Cổ, 1950.

Biên giới phía tây của khu phố cổ là Phố Phùng Hưng. Từ phố này, những «phố mới» như Nguyễn Văn Tố, Nhà Hỏa, Cửa Đông... theo hướng đông – tây nối vào khu phố cổ. Phố Phùng Hưng xây trên tường thành đã bị san bằng và hào đã bị lấp. Xe hòa từ Ga Hàng Cỏ đến, chạy trên cầu xây cao sát bên phía tây của phố này, đi lên phía bắc theo Phố Gầm Cầu ra thẳng Cầu Long Biên.

Chúng ta kết thúc chuyến thăm chớp nhoáng khu phố cổ Hà Nội, không quên đường xe điện Yên Phụ - Kim Liên bắt đầu chạy khoảng năm 1935, đi qua Hàng Cót, Hàng Gà, rẽ sang Bát Đàn, Phùng Hưng, Cửa Nam...



Vườn Hoa Cửa Nam với tượng Nữ Thần Tự Do (Tượng Bà Đầm Xoè). Bưu ảnh 1905.

Xem qua các phố phường xưa, chúng ta càng thêm ngưỡng mộ những bậc tiền nhân đã không ngừng đổi phó với thiên tai, lũ lụt, biến vùng đầm hồ thành một đô thị trù phú. Người xưa đã hợp quần trao đổi, mua bán,

phát huy nghề nghiệp cổ truyền, lưu truyền nghệ thuật qua sản phẩm, kiến trúc... nhưng không quên duy trì thuần phong mỹ tục, tín ngưỡng. Phố cổ là một di sản đáng tự hào, ước mong sao sẽ được mãi mãi tồn tại và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- Hà Nội cũ – Doãn Kế Thiện (1943)
- Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội – Doãn Kế Thiện (1999)
- Phố Phường Hà Nội Xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)
- Histoire de Hanoi – Philippe Papin (2001)
- Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG

VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM

Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận Medicaid, Medicare, và các loại bảo hiểm.

HOA VƯỜN DỊ THẢO

Hái bông hoa của một thời trẻ dại
Ta trao Em một buổi tình cờ
Đóa hoa ấy Em nào có đợi
Tay vụng về năm ngón tũn bơ vơ

Hái bông hoa trong một vườn dị thảo
Ngát hương lòng ta gửi tặng riêng Em
Em chẳng nhận, cả một trời sầu nảo
Ta trở về ngồi đợi bóng trắng lên.

Hái bông hoa của mùa Xuân tàn tạ
Ép phơi pha trong cuốn vở học trò
Ta chợt thấy cả rừng hương sắc lạ
Em lại về trong giấc mộng đêm xưa.

Hái bông hoa của một thời dĩ vãng
Đợi Em buồn thấp thoáng trong mơ
Đêm vô tận ta ngồi chờ đợi sáng
Bóng ta sầu đổ xuống những trang thơ.

Đóa hoa ấy trên cành khô héo quắt
Đợi Em về mỗi mắt báo tin xuân
Tình yêu cũ nở trong vườn huyễn hoặc
Ngày hoang vu, đêm mộng mị thêm gần.

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

DÒNG SÔNG BIỆT TẮM

Bao năm rồi ? - Mất nước
Người còn nhớ ta không ?
Khi từ biệt dòng sông
Trên đường vào hỏa ngục.

Màu mắt ai sương đục
Theo khốn khó tận cùng
Còn hai chữ thủy chung
Mỗi người mang một nửa.

Thời gian qua biển lửa
Ngày đối diện cùm gông
Đêm hành hạ xác thân
Đào điên qua vận thế.

Dòng sông trôi lạnh lẽ
Thương nhớ chất chất chông
Người đi biệt biệt tắm
Bỏ vầng trăng tà xế.

Quên rồi lời ước thệ
Người còn lại gì không
Suối tóc xòa mình mộng
Màu thời gian bạc phếch.

Đăng Nguyên
Virginia, 30- 4- 2010



Căn Nhà Vùng Biển

VŨ NAM

Khi tôi vừa nhận biết cuộc đời là lúc tôi lên năm tuổi, năm 1959. Cái biết đầu tiên ấy đến với tôi là căn nhà của cha mẹ ngay trên bờ biển. Nói đúng hơn là một gian nhà dài, quán ăn cho khách du lịch ở phía trước, đằng sau là nhà ở, nằm trong ấp Nước Ngọt, thuộc Xã Long Hải. Ấp Nước Ngọt ngày đó là một ấp du lịch, nằm dọc bãi biển, dựa vào dãy Núi Kỳ Vân đồ sộ. Theo con đường chạy xuyên ấp đầy những chùa chiền và những *vi-la* của người Pháp, công chức cao cấp và những người giàu có ở Sài Gòn.

Với năm tuổi, tôi biết làm gì cho hết ngày trong một ấp rộng lớn đầy phong cảnh đẹp, có biển cả, có rừng núi, chim chóc, hoa trái này? Thời ấy, Nước Ngọt không có lớp mẫu giáo. Trẻ con cứ long nhong chơi đùa, đến sáu tuổi mới về trường tiểu học ở Xã Long Hải hoặc Phước Hải để nhập học lớp năm (bây giờ gọi là lớp một). Buổi sáng sau khi ăn sáng xong, ba má tôi còn đang bận buôn bán với khách, chơi với em tôi, tôi một mình đã thả rong đi đến nhà những thằng bạn, con bạn. Tụi nó là con của nhà làm *gát-dan*, của người làm vườn rẫy, hoặc con của chủ nhân một *vi-la* rộng lớn. Trời mới mười giờ sáng tôi đã rủ tụi nó đi ra ngoài chơi, bắt chim, hái trái. Có hôm đi suối, đứa leo lên cây, đứa nhảy xuống suối tắm. Cảnh dòng suối, sau một đêm yên tĩnh đã động lên vì tiếng cười của lũ trẻ. Tắm xong, bọn tôi chơi

trò nghịch ngợm, lần theo dòng suối đến con đường mòn, chung vào những ống cống dưới những con đường, trườn mình đi như những con rắn, con rắn để qua phía bên kia. Trong ống cống tối thui, thăm thẳm, kẻ bò sau cứ nắm chân người bò trước mà trườn tới.

Ngày đó tôi có quen với Hùng, em trai của Hạt. Tôi và Hùng bằng tuổi. Hạt lớn hơn tụi tôi một tuổi. Hai chị em là con của gia đình người *gát-dan* cho một *vi-la* của người Pháp, giám đốc đồn điền cao-su ở Bình Ba - Bình Giả. Với năm tuổi tôi chưa nhận ra được việc gái trai, sắc đẹp. Nhưng ba năm sau, lúc tám tuổi, tôi đã nhận ra vẻ đẹp của Hạt. Hạt có cặp lông mày đẹp. Hạt giống mẹ. Cặp lông mày thật đen, đẹp như vẽ. Da Hạt bánh mật. Mặt trái soan. Những buổi trưa hè đi tắm biển, Hạt mình trần, bên dưới chỉ có chiếc quần xi-líp trắng, mỏng. Chín tuổi, nhưng Hạt đã có mái tóc đen, dài. Trầm mình trong nước biển, mái tóc Hạt xỏa ra rất đẹp. Cặp mắt Hạt với hàng mi đen cong vút. Thân hình Hạt ngày đó đã hiện lên cho thấy sau này Hạt sẽ trở thành cô gái có mình đây, mảnh khảnh. Đúng như tôi nghĩ, năm bảy ba, khi gặp lại nhau ở Sài Gòn, dù bấy giờ Hạt đã có hai con, thân hình Hạt vẫn mình đây như ngày thơ ấu.

Ngược lại với Hạt, Hùng lại trắng hồng. Ở vùng biển mà da nó cứ trắng hồng mới thật là lạ. Có lẽ Hùng giống ba. Ba Hùng ngày đó dù là *gát-dan* nhưng da ông cứ có màu sắc trắng hồng, mạnh mẽ. Đi đâu, ba đứa chúng tôi cũng hay đi với nhau. Thịnh thoảng chúng tôi cũng rủ được các bạn khác. Nhưng những

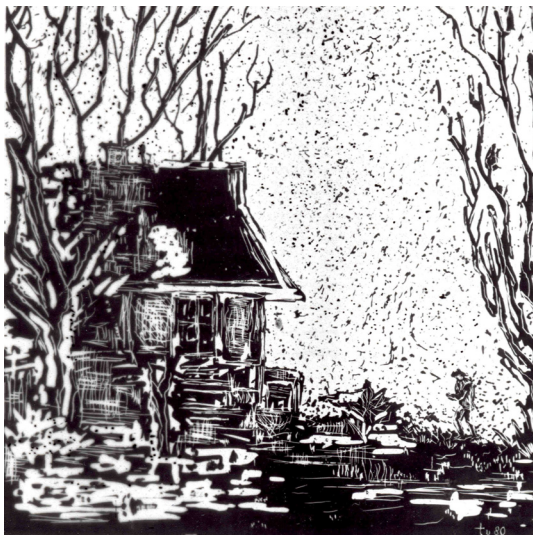
gặp gỡ, đi chơi chung với những bạn khác không kéo dài lâu. Cuối cùng chỉ có ba chúng tôi chơi với nhau mãi đến khi chiến tranh kéo đến Ấp Nước Ngọt, dân nơi đây phải tản cư về nơi khác, chúng tôi mới tan hàng.

Một trong những điều làm tôi rất vui trong những ngày ấy là khi vào được vi-la do ba Hưng làm gác-dan,. Vào đó tôi được ngồi trên cầu tiêu mà như ngồi trên đi-văng hay ván gỗ, mông thấy mát lạnh. Đi cầu xong, kéo nước dội bằng sợi dây xích nối liền với bồn nước nhỏ nằm sát vách, trên trần nhà cầu. Tiếng nước vào cầu kêu cái ào, thật nhanh, rồi ngưng bật, nhưng lại ngân vang trong lòng trẻ thơ một niềm vui kỳ lạ, nhưng mình vừa khám phá ra một chuyện gì ly kỳ. Chúng tôi đã lén nằm ôm nhau trên những chiếc giường có nệm trắng tinh chỉ dành cho chủ Tây. Lòng thấy khoan khoái.

Trong những ngày trẻ thơ rong chơi ấy, có một kỷ niệm mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi. Một buổi sáng nọ, bắt chước các bác tiểu phu, tôi một mình vác cây rựa vào rừng. Thay vì như hằng ngày, vào rừng là tôi leo cây bắt chim con, hay hốt ổ, lấy trứng. Hôm đó tôi chặt củi. Lúc chặt củi tôi chặt vào một cây sơn. Thấy cây sơn mềm dễ chặt tôi cứ đi kiếm cây sơn. Cây sơn thường có mù. Mù đựng vào da làm lở mình mẩy và ngứa ngáy nếu ai có mồ hôi dàu. Người có mồ hôi muối thì tránh được cái lở. Tôi có mồ hôi dàu nên sau đó về đã chịu nằm nhà vài ba tuần lễ để chữa trị. Một bài học để tôi nhớ đến cây sơn đời đời. Sau này, cứ thấy cây sơn là tôi lo tránh. Ngoài những thú chơi thời trẻ thơ như tắm biển, tắm suối, bắt chim, hái trái, ngày đó tôi còn có thú cỡi bò. Những đàn bò từ Xã Phước

Hải hằng ngày cứ thả ăn rong trên những cánh rừng hoặc đi ăn dọc theo bãi biển. Dọc bãi biển thường là những cánh rừng chồi, cây cho dây lá non quanh năm, nên đàn bò rất thích. Mấy anh chăn bò, buổi sáng khi lừa bò đến Nước Ngọt rồi, các anh cũng có việc riêng của các anh: làm bẫy bắt dong, bán chim, làm ống thụt, hái trái cò ke. Các anh là con nhà nghèo. Tám chín tuổi đã đi ở đợ coi bò, lấy tiền về phụ giúp cha mẹ. Mỗi ngày trên mình các anh chỉ có mên cơm nhỏ để ăn trưa. Nước uống của các anh là nước suối ở rừng, nước uống xin từ các quán ăn bên đường. Trái cây để các anh ăn là những trái hái trộm như vú sữa, xoài, măng cầu... trong vườn người ta, hoặc những trái cây sống hoang trong rừng như cù lằn, chóc mao, gùi, vú bò, cò ke... Đàn bò cứ ăn dọc bãi biển, thường buổi xế chiều hay đến gần quán nhà tôi, để trước khi được lừa về chuồng. Không cần xin ai, tôi cứ tự tiện ra tìm một con bò nhỏ, vuốt ve một chút để xem nó cho cỡi hay không. Nếu nó chịu cho cỡi, tôi nhảy lên nằm vắt bụng mình ngang lưng bò cho bò công đi, hai chân hai tay bỏ lòng thòng xuống đất. Ngày đó tôi chưa dám ngồi trên lưng bò, vì nếu nó nhảy dựng lên là chỉ có nước... chết. Tôi đã thấy một anh chăn bò, cỡi bò, đã bị bò cho văng xuống đất nằm ôm bụng một lần nên đã tổn.

Năm năm mười chín, sáu mươi là những năm mà trí óc trẻ thơ tôi đã nhận thức được mọi việc. Tôi thấy những năm này đúng là những năm thanh bình ở Nước Ngọt. Ban đêm, những bác làm phu lục lộ cho Ty



Tranh: **Vũ Đình Từ**

Công Chánh, lái xe ống cán để cán đường, sau một ngày làm việc các bác cứ nằm ngay ra trên lê đường để ngủ, để vừa giữ xe, hôm sau lại tiếp tục làm việc. Khi chiều đến, vì buồn, các bác vào quán ba tô ngồi trò chuyện đến khuya rồi mới trở ra xe để ngủ. Các bác chẳng sợ cộp sợ beo là gì. Những người dân chài lưới ở các làng lân cận đi cả đêm trên biển Nước Ngọt. Chài cá, lấy trứng vít, bắt ốc bắt còng. Bãi biển mênh mông là nguồn sinh sống bất tận cho dân nghèo. Ai ra khơi bằng ghe bằng xuồng cứ ra. Ai ở nhà làm bờ, bắt ốc, bắt cua cứ làm. Cuộc sống pha trộn, đầy màu sắc, sống động trong thời đất nước còn thanh bình. Tiếc thay nó không kéo dài được lâu!

Về những chuyện được kể ra trong quán nhà tôi ở mỗi buổi tối, tôi nhớ nhất là những chuyện do Ông Sáu Hồi kể ra về nghề bẫy thú rừng để kiếm sống của ông. Ông kể lại

những chuyện nóng hổi vừa xảy ra hôm qua, hôm kia, khi ông vừa đánh bẫy được một con heo rừng hay một con trăn. Chuyện ông kể lúc nào cũng hào hứng bởi cách ông kể và do sự thêm thắt của ông. Khán thính giả ngồi im lắng nghe, lòng đầy thích thú, ngưỡng mộ. Chuyện những con hươu con nai hiền lành, không hồi hộp bằng chuyện những con heo rừng. Những con heo rừng bị trói chặt một chân vì chiếc bẫy, nằm im suốt đêm chịu trận. Nhưng khi ông đến gần, vừa nghe thấy tiếng người nó lồng lộn lên, tưởng nếu sứt bẫy ra nó sẽ lao vào chém chết ông ngay bằng hai cái răng nanh nhọn hoắt. Ông phải quần vói nó cho đến khi nó phải thật mệt, mới lừa thế nào, đến gần, đúng lúc, để phóng lao đâm chết. Vờn qua vờn lại với nó như người đánh võ. Và những con trăn lớn gần bằng bắp chân người, để nó quấn được là có chết vì gãy xương. Ông phải lừa thế nào để nó quấn vào những thân cây đang đứng, nhanh như chớp ông phải đến bên trăn và cột chặt nó lại ngay. Khi kể, hàm ông bạnh ra, mép râu dựng lên như râu các tướng trong truyện cổ, tóc dựng ngược, tay nổi lên đầy gân guốc. Ngồi nghe ông kể, nhìn tướng tá, điệu bộ, ai có ý nghi ngờ ông khoác lác cũng không thể nghi ngờ được. Chuyện với người là một hòa hợp thực tế. Ông chinh phục người nghe bằng ngay vóc dáng và điệu bộ đánh thú rừng của ông. Sau này, khi hơi lớn một chút tôi nghe má tôi kể lại ông Sáu Hồi đã bỏ nghề bắt thú rừng vì một lần ông giết chết một con heo rừng nai. Nó chết mang mười hai con heo con chết luôn trong bụng. Ông ân hận nên giải nghệ. Về già, vợ ông đau bệnh hoài, tiền những năm dành dụm bởi

nghe bắt thú đã tiêu hết cho tiền thuốc. Lúc gần chết ông sống trong khốn cùng! Thấy cũng dễ cười, ngược lại với ông Sáu Hời, ba tôi mỗi khi đi vào vườn, gặp rần ông hay nói gặp "chứ vị", và lấy đoạn cây dài phất phất đuổi đi: "Mấy ông đi chỗ khác đi! Để cho tôi làm công chuyện!".

Buổi trưa thường chúng tôi hay xuống biển để tắm. Nắng chang chang. Mặt trời rọi ánh nắng xuống biển. Biển hiện lên như một màng kim tuyến, lóng lánh đầy màu sắc. Những ngày cuối tuần thường biển rất vui, vì đầy khách du lịch, và vì có những ông Tây bà Đầm mặc *bikini* thật lạ mắt để tắm biển, nằm phơi nắng với những cặp kính mát xanh rì. Nước Ngọt có rất nhiều bông hoa. Dọc đường đi đây những hoa mai Nhật Bản do người ta trồng. Trong những khu vườn đầy hoa giấy, hoa sứ. Còn hoa rừng thì không thiếu, đủ loại, nở đầy, không biết tên mà kể. Buổi sáng vào rừng sớm. Không khí vẫn còn lạnh lạnh. Hương rừng vẫn còn thoang thoang. Rừng buổi sáng êm ru, chỉ có tiếng chim muông kêu gọi, thỉnh thoảng mới vang lên tiếng hú, tiếng tác của khỉ, vượn hay hươu nai như những cái ngáp to sau một đêm yên tĩnh. Tác, ngáp để đón ánh mặt trời. Đón một ngày mới. Khi mùa xuân đến, Tết sắp về, núi Nước Ngọt cho nhiều những cây mai, cành mai đẹp. Thời thanh bình, còn được phép lên núi, không năm nào tôi không cùng ông già lên núi chặt mai. Chặt mai về để bán, để chưng trong ba ngày Tết.

Căn nhà tôi ở ngay trên bờ biển nên không thể tránh gió biển. Nhất là những ngày có gió bắc, biển động, những ngày đông, Tết sắp về. Trong đêm, nằm ngủ trong nhà, nghe

âm thanh rào rào bên ngoài bởi gió là chuyện bình thường. Gió thổi vào mái tôn, kêu lạch cạch. Luồn qua vách ván, rì rào. Gió biển đã thổi qua thời trẻ thơ tôi một thời gian dài, mùa hè còn đỡ, mùa đông mang theo lạnh lẽo, âm thanh réo rắt hàng đêm, nó chỉ chấm dứt khi gia đình tôi tản cư về nơi khác, nhà không còn ở ngay trước mặt biển nữa.

Nói về gió tôi nhớ đến một khoảng thời gian thiếu cha. Thời gian ngắn nhưng đủ để người con thấm thía thế nào trong cuộc đời này, nếu một ngày nào đó vắng bóng cha. Khi ba tôi vắng nhà, mỗi đêm tôi thấy gió từ đâu cứ thổi về. Hay vì tôi buồn, hay thức giấc nửa đêm nên có cảm giác như vậy? Còn lúc có cha mình ở nhà thì cứ an tâm ngủ, đâu biết bên ngoài trời đất đang làm gì, gió bão ra sao. Ba tôi vắng nhà một thời gian vì ông mê một người đàn bà theo gánh hát. Bà chỉ có nhiệm vụ nấu cơm cho đoàn cải lương. Không phải là đào chánh, đào phụ mà ba tôi cũng lấy lòng mê mẩn. Ông đi mua hàng rồi gặp bà này ở chợ Long Hải. Sau này, khi tình nghĩa vợ chồng đã lạnh lặn lại, má tôi hay nói: "Hồi đó ba mày mê con đàn bà có chín ngón tay. Con chín ngón". Chắc bà này có tật ở tay? Tôi chẳng nghe thấy ba tôi nói gì, dính chính gì. Sau này lớn lên tôi nghe các bác lớn tuổi kể lại: "Ba mày hồi nhỏ cũng mèo mỡ giữ lắm! Mê người đàn bà theo gánh hát, đã có một đứa con riêng với người đàn bà này". Không mê cải lương mà lại mê người theo gánh cải lương. Sau này, khi không còn theo gánh hát đi đây đó nữa, bà mang con về miền Tây để sống quãng đời còn lại nơi chôn nhau cắt rốn của bà. Tôi hoàn toàn mù tịt về chuyện con riêng của ba tôi. Đến ngày gần

qua đời ông cũng không kể cho tôi chuyện tình riêng ngày trước của ông.

Nhưng ông có kể tôi một chuyện. Chuyện đó đáng đáng đời chút đến "người đàn bà chín ngón" của ông. Ông nói, lúc ba theo vợ nhỏ, má mày một mình ở nhà coi quán, nuôi anh em mày. Lúc ba không có ở nhà, mày lại nổi bệnh kinh phong. Má mày chạy chữa không nổi nên tìm người nhả ba về. Nghe tin mày bệnh ba phải trở về. Tình thương con mạnh hơn. Về đến nhà thấy mày nằm vùi trên giường, thỉnh thoảng lại làm kinh, mình mẩy co giựt thấy ghê. Ba cầu nguyện Trời Phật tìm được trúng thuốc trị cho bệnh tình mày, nhưng cả tháng trời bệnh con vẫn không bớt, dù uống đủ loại thuốc. Một hôm ba nằm ngủ mơ thấy một người mách ba cứ đi theo con đường lên các chùa chiền trên núi, như ba thường đi, sẽ thấy một sọ khỉ, mang sọ khỉ về mài cho con uống, bệnh sẽ khỏi. Sáng dậy, ba tôi làm theo người mách bảo trong giấc chiêm bao. Quả thực, ba tôi gặp được sọ khỉ và ông mang nó về nhà. Nhưng sau đó thì tôi hết bệnh mặc dù chưa uống nước tù sọ khỉ mài ra lần nào. Tin về sọ khỉ đồn ra, sau đó ai trong ấp có con bị kinh phong đều lại mượn sọ khỉ nhà tôi về mài cho con uống. Sọ khỉ đến nay vẫn còn ở trong nhà, đầu đã mất một lôm vì bị mài. Tôi không biết chuyện chiêm bao là chuyện thật hay do ba tôi tưởng tượng ra, nhưng chuyện tôi bị kinh lúc nhỏ và có sọ khỉ trong nhà là chuyện có thật.

Sau bảy mươi lăm. Chiến tranh chấm dứt. Nước Ngọt chưa ai được phép về ở, nhưng mọi người đã được đi bộ, đi xe qua lại nơi đây. Tôi đã đi qua lại con đường này những

ngày sau ba mươi tháng tư. Nhà tôi giờ chỉ còn cái nền xi-măng trắng. Chung quanh vẫn rừng chồi như ngày nào, không khác nhiều. Bàu nước nằm cạnh nhà vẫn còn đó. Chỉ có khác là đường nhiều loang lổ, dọc đường không còn một nóc *vi-la*, không còn một mái chùa, cả nhà cửa của dân cư cũng không còn một cái. Dãy núi Kỳ Vân giờ trở ra màu trắng với đất đá, vì bom đạn trong thời chiến tranh đã tàn phá cây rừng quá nhiều. Tôi nặng lòng với cảnh cũ, nhưng biết làm gì hơn khi mình cũng chỉ là người nhỏ bé trong kiếp nhân sinh trước sự cuồng quay của trời đất, của thời đại.

Tôi chưa trở về Nước Ngọt ở lại thì đã giông ra nước ngoài để tỵ nạn. Thỉnh thoảng cứ nhớ về Nước Ngọt, với căn nhà của cha mẹ trước biển, với những kỷ niệm thời trẻ thơ sống ở nơi này, với Hùng với Hạt, lòng cứ thấy lâng lâng, bồi hồi. Giờ đã ở rất xa vùng quê hương yêu dấu ấy, nhưng cứ mỗi buổi sáng nơi đây, xú người, khi đi làm thấy ngọn gió bắc thổi hất nhẹ vào mặt, tôi lại nghĩ đến ngọn gió bắc và những cái Tết ở quê nhà. Ở đây nhà cửa ẩm cúng, không cho gió lùa lách vào khi đông về, nhưng hiện tại ở quê hương còn bao nhiêu người đang chịu những làn gió lạnh ấy?

Qua tin tức báo chí truyền hình, Việt Nam vẫn còn rất nhiều gia đình nghèo, cơm còn chưa đủ nuôi con, hướng chi có được mái nhà cho ấm trong những ngày đông về. Nhưng hy vọng thì vẫn phải hy vọng. Hy vọng trong mùa xuân mới sẽ có những luồng gió mới, gió vui cho quê hương Việt Nam yêu dấu.

Vũ Nam (Germany)

XUÂN VIỄN XÚ

Ta nằm nghe hát tình ca
Chợt nghe xuân đến thịt da gọi về.
Nắng hồng thấp đỏ sơn khê,
Gió lên cơn lốc tứ bề đảo điên!
Đất buồn úp mặt ưu phiền
Cho đời dấm nát từng miền thịt da!
Xuân về vàng võ sơn hà
Đieu linh vang vọng tiếng ca gọi hồn!

Yên Vi

NGHIÊNG BÓNG CHIỀU

Mẹ nơi cố lý đêm đông
Chăn bông có đủ ấm lòng quạnh hiu
Đằm chiêu dãi bóng con yêu
Viễn phương lưu lạc chắc nhiều sầu vương
Sớm chiều hoài vọng cố hương
Tâm hồn nặng trĩu niềm thương Mẹ hiền
Oằn vai gánh nỗi truân chuyên
Nuôi con khôn lớn triển miên ưu sầu
Dòng đời lấm cảnh bể dâu
Tóc pha sương khói còn đâu mộng đời
Môi khô chưa héo nụ cười
Tảo tần gương Mẹ sáng ngời trăm năm
Phương xa đêm vắng lặng thẳm
Vần thơ gửi Mẹ trầm ngâm nụ buồn
Công Cha nghĩa Mẹ tràn tuôn
Dạt dào con suối trên nguồn tâm tư.

ĐT Minh Giang

HOA NHÂN ÁI

Em là hoa, anh yêu loài hoa quý
Khi hoa tàn anh càng mến yêu hoa
Sao lạ vậy? Không có chi là lạ
Bởi vì hoa sẽ tạo trái thơm ngon
Như ảo vọng biến dần thành hiện thực
Như quân thù trở thành bạn thân quen
Lòng vị tha đem trái khắp mọi miền
Sẽ nhận được tình thương yêu hòa ái
Dù cuộc đời có muôn vàn ngang trái
Dù lòng người luôn đổi trắng, thay đen
Nhưng trong ta vẫn giữ vững niềm tin
Lòng nhân ái xóa tan lòng thù hận
Thiên đường đâu? Thiên đường gần ta nhất
Chính trong ta đã là cảnh Thiên đường
Không oán hờn, ghen ghét, chỉ yêu thương
Lòng thanh thản, không màng danh, hám lợi
Sống cuộc đời ung dung và tự tại
Hưởng thú vui với trăng, gió, trời, mây
Hạnh phúc đâu? Hạnh phúc ở nơi đây
Anh cùng em xây lâu đài Hạnh Phúc.



Vũ
Lang

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐAO

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ V

BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

Bổn phận đối với chồng trong đời sống thường nhật.

Nói chung về đời sống thường nhật của người thiếu phụ VN thì ngoài sự đảm đang, nòng còn biết khéo léo chiều chuộng từng sở thích của chồng:

Đốt than, nướng cá cho vàng

Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

Phòng khi khách có đến nơi

Cơm bưng, rượu rót cho vui lòng chồng.

Và:

Thương chồng nấu cháo le le

Nấu canh bông bí, nấu chè hạt sen.

Nàng biết, những món ăn ngon chính là một trong những bí quyết giữ gìn hạnh phúc lứa đôi. Người đàn ông đi xa thường hay nhớ đến những món ăn ngon của vợ, lại mau mau quay về tổ ấm gia đình :

Anh đi, anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

Gặp khi chồng đau ốm, nàng tận tụy săn sóc:

Tay nâng chén thuốc, miếng gừng

Gừng cay, thuốc đắng xin đừng có quên.

Hay :

Tai em nghe anh đau đầu chưa khá

Em băng rừng chi xá, bẻ nạm lá về xông.

Ở làm sao đây cho trọn nghĩa vợ chồng

Đổ mồ hôi ra em chặm, ngọn gió lồng em che.

Nàng còn biết giữ thể diện cho chồng:

Vì chàng thiếp phải mua mâm

Những như thân thiếp bốc thăm cũng xong.

Những khi chồng nóng giận, nàng hiểu rằng:

Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi bớt lửa, một đời không khê.

Nên đã tỏ thể làm lành :

Thò tay vuốt ngực chung tình

Nước sôi còn nguội hưởng chi mình giận tôi.

Gặp phải lúc người chồng say mê bài bạc thì nàng tìm lời khéo léo can ngăn :

Anh ơi anh ở lại nhà

Thôi đừng cò bạc nữa mà hư thân.

Tham chi những cửa phù vân

Lỡ ra công nợ nhiều phần xấu xa.

Lại khi chồng sinh thói nguyệt hoa, ra đường mê gái, về nhà chê vợ ỉ ôi :

Cam sành ché đắng, ché hôi

Hồng xiêm ché lạt, cháo bồi khen ngon.

Nàng tuy buồn tủi nhưng vẫn nhỏ nhẹ khuyên lơn:

Anh ơi anh ở lại nhà

Thôi đừng vui thú nguyệt hoa chơi bời.

Có tiền kẻ rước, người mời

Hết tiền chẳng thấy một người nào ưa.

Không nghe lời vợ khuyên can thì chớ, chồng nàng còn giữ thói vũ phu, mắng chửi, đánh đập nàng, nàng chỉ biết nhẫn nhục van xin :

Giang tay đánh thiếp sao đành

Tắm rách ai vá, tắm lạnh ai may.

Nhiều khi nàng còn phải nhẫn nhục hơn nữa

kia, nghĩa là ngậm bồ hòn làm ngọt, vui vẻ chấp thuận lấy vợ bé cho chồng cho yên cửa, yên nhà:

*Chồng giận thì vợ làm lành
Miệng cười tủm tỉm thưa anh giận gì?
Anh ơi, anh giận em chi
Muốn lấy vợ bé... em thì lấy cho.*

Sống dưới chế độ phụ quyền duy lý của Nho giáo, quyền người cha, người chồng rất lớn. Nho giáo coi trọng chữ hiếu mà đầu mối chữ hiếu là sinh con trai để nối dõi tông đường, phụng thờ cha mẹ tổ tiên. Nhà nào có đông con, nhiều cháu trai thì cho là đại phúc. Quan niệm này mặc nhiên chấp nhận cho người đàn ông được quyền nắm thê, bầy thiếp; đó chính là lý do khiến họ dễ sinh lòng nọ, tâm kia :

*Đàn ông nắm bầy lá gan
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.*

Nếu nàng thiếu phụ của chúng ta chẳng may không có con trai, nàng chẳng những phải chủ động đứng ra cưới vợ bé cho chồng, mà từ đó còn bị chồng phụ rẫy, hắt hủi; vậy mà vẫn một niềm chịu đựng, một dạ thủy chung :

*Chàng ơi đánh thiếp làm chi
Thiếp như cơm nguội những khi đói lòng.*

Lại có những trường hợp nàng dâu nhà nghèo, gặp phải bà mẹ chồng cay nghiệt; nhất là trước kia nhà gái lại thách cưới quá nhiều khiến bà giận, bà tức, từ đó mới nảy sinh tâm lý trả thù nàng dâu “Mất tiền mua mâm, bà đâm cho thủng!”. Nàng dâu trở thành cái bia đưa lưng chịu đòn :

*Đêm nằm lưng nở bén giường
Mụ già đã xốc vô buồng kéo ra
Bảo lo con lợn, con gà
Lo cối xay lúa, quét nhà, nấu cơm.
Ôm đầu mụ nở có thương
Mụ hành, mụ hạ đủ đường khốn thân.
Tối về bụng bát cơm ăn
Mụ cầm cái đọi, mụ quăng vô người.*

Gặp cảnh ngộ này nhiều khi nàng dâu chịu

không thấu phải tình chuyện thoát ly; nhưng nghĩ đến nông nổi phải bỏ chồng nàng lại dùng dằng chẳng nở :

*Nổi vẻ, nổi ở chưa xong
Bối rối trong lòng như đánh cờ vầy.*

Cuối cùng, nàng đã quyết định ngả theo tình nghĩa, chấp nhận ở lại làm nạn nhân của bà mẹ chồng khắc nghiệt để được trọn tình, vẹn nghĩa phu thê :

*Vợ chồng đầu gối má kề
Lòng nào mà bỏ má về cho đang.
Hở về chân lại đá ngang
Về sao cho được, cho đang mà về.*

Có thể nói, chính nhờ những đức tính đảm đang, chịu thương chịu khó, tận tụy, nhẫn nhục, hy sinh, thủy chung, nghĩa tình này mà hầu hết những người phụ nữ VN xưa đã xây dựng và bảo vệ được hạnh phúc gia đình.

KẾT LUẬN

Tóm lại, những câu ca dao và dân ca nói về những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa, qua nhiều khía cạnh cùng nhiều giai đoạn trong cuộc đời như vừa trình bày, chúng ta đã rõ : không phải chờ đến khi người Trung quốc sang đô hộ nước ta, dạy dân ta lễ nghĩa Nho giáo Khổng Mạnh, chúng ta mới biết đến trung-hiếu-tiết-nghĩa, mà thực ra, chúng ta đã biết những điều ấy từ ngàn xưa (có thể chứng minh thêm bằng truyện cổ tích Bánh dày bánh chưng, Trầu cau... có từ đời Hùng Vương).

Tuy nhiên, chúng ta không phủ nhận công của Nho giáo đến với dân tộc này, đã giúp chúng ta xưng danh và định nghĩa những tình cảm ấy. Và nhờ Hán Nho, Tống Nho hệ thống hóa những liên hệ tình cảm giữa con người với nhau, tạo nên một nền luân lý đạo đức, khi truyền sang nước ta, đã giúp cho nhiều người xấu không dám làm bậy, khiến ông cha ta đã bảo tồn và phát huy được một nền văn hóa tốt đẹp cho dân tộc.

Thực ra, những giáo điều duy lý cứng

nhắc cùng những lễ nghi qui ước xã hội khe khắt của Hán Nho, Tống Nho chỉ được những người trong giai cấp thống trị và những nhà Nho bảo thủ của ta bắt vợ con triệt để tuân theo ; còn đám quảng đại quần chúng thì chỉ thuận theo những gì hợp với tâm tình và phong tục, tập quán của dân tộc.

Chúng ta còn khác Hán Nho Tống Nho ở điểm ,chúng ta làm bốn phận, có theo qui ước xã hội chẳng nữa, cũng không phải vì hình thức bề ngoài, vì giáo điều bắt buộc, mà bằng con tim dạt dào yêu thương, bằng tấm lòng hy sinh, đôn hậu, hiếu nghĩa, thủy chung của người Việt Nam .(Những gì giả dối, bề ngoài thường bị đá kích, mĩa mai qua ca dao trào phúng hay ca dao ngụ ngôn).

Xã hội ngày nay đã quá đổi thay, những vấn đề phụ nữ là nạn nhân của chế độ phụ quyền duy lý của Nho giáo, như bị thất học, bị bóc lột, bị hạ giá, bị là nạn nhân của cảnh lấy vợ chỉ để sinh con nối dõi tông đường và hầu hạ gia đình nhà chồng, cùng cảnh vợ bé con thêm... không còn được nói đến nữa. Mà vấn đề nay được đặt ra là : Trong nếp sống văn minh vật chất hiện đại, người phụ nữ Việt Nam, ngoài việc đi làm để chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình với chồng (đôi khi vì hoàn cảnh riêng phải gánh vác một mình, như chồng đã chết trong chiến trận hay sau biến cố 1975, chồng bị chết hay bị tù đầy nhiều năm trong các trại cải tạo...), họ còn có bốn phận đóng góp công sức để xây dựng quốc gia, xã hội ; thì trước sự bành trướng cá nhân chủ nghĩa của xã hội tự do Âu Mỹ, cũng như dưới chế độ độc tài đảng trị CS , gia đình phải phó thác sự giáo dục con em cho cơ quan nhà nước (chỉ biết trung với đảng mà thiếu giáo dục về luân lý cá nhân, về đạo đức công dân) thì liệu chúng ta, những người phụ nữ Việt Nam, ở trong cũng như ở ngoài nước, có còn duy trì được những nét đẹp tinh thần khả ái có từ ngàn xưa nữa không ?

Nếu để ý cuộc sống của bà con xung quanh, hoặc qua sách báo, chúng ta hẳn

thấy, từ mấy chục năm nay, những đức tính cao quý như nhẫn nại, đảm đang, chung thủy, hy sinh... truyền thống của phụ nữ Việt Nam đã có nhiều dịp thử thách. Và chúng ta phải mừng rằng , chỉ trừ một thiểu số phụ nữ thiếu căn bản giáo dục, hoặc tính khí nông nổi mới bị chi phối, bị quyến rũ bởi ngoại cảnh ; còn đại đa số phụ nữ , dù sống trong hoàn cảnh khó khăn nào cũng cố gắng chu toàn bốn phận làm con, làm vợ và làm mẹ của mình.

Để kết thúc cho bài nói chuyện về Những Nét Đẹp Của Người Phụ Nữ Việt Nam Qua Ca Dao, chúng tôi xin được giới thiệu 4 câu thơ tâm đắc, mà chúng tôi đã được học ngay từ hồi Lớp Nhất tại Trường Nữ Tiểu Học Thanh Quan, Hàng Cót Hà Nội (1949-1950) với Cô Giáo Mai Thị Trí. Bốn câu thơ này đã đúc kết những nét đẹp tinh thần truyền thống của người phụ nữ Việt Nam như chúng ta đã biết, với ước mong , những nét đẹp cao quý ấy sẽ tồn tại bất diệt với thời gian :

*Hỡi cô gái Việt Nam tôi kính cần
Cúi chào cô , người vợ đảm , mẹ hiền.
Cô là hiện thân của lòng kiên nhẫn
Của sự dịu dàng , tinh âu yếm vô biên.*
(Đoàn Văn Cừ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, T. Tấn Vinh, Bùi Mạnh Nhị: Ca dao dân ca Nam bộ, nhà xb Thành phố HCM, 1986.

Cao Thế Dung: Vị trí đích thực và giá trị cao quý của phụ nữ VN.

Đào Văn Hội, Phong tục miền Nam qua mấy vần thơ ca dao, Xuân Thu xb tại Hoa Kỳ, 1985

Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, soạn thời Lê Thánh Tôn

Phương Lan, Anh Thơ Nước Việt, Đại Nam xb
Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tục Ngữ Phong Dao, Mạc Lâm xb Saigon 1967.

Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Bộ Giáo dục xb, Saigon 1971.

Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ, Ca dao, Dân ca VN (in lần thứ 8)

Xướng

CON MÈO SÁU GIÁP

Con mèo sáu giáp lại kêu meo
Bảy chục xuân dư thắm thoát vèo
Tóc nhuộm thuốc Tây còn trắng hếu
Da bôi dầu Mỹ vẫn nhăn nheo
Giấy cao, gót nhọn chân vi vút
Áo tím, quần hồng lụa mỏng teo
Bốn mắt chong đèn thơ giễu cợt
Văn chương nặng gánh mãi đeo theo.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



Họa

ĐÙA XUÂN

Tân Mão đùa Xuân rộn tiếng meo
Rừng già đón Cọp gió vì vèo
Đời vui cười mãi môi trẻ hé
Hoa đẹp nhìn hoài mắt nhún nheo
Đôi dây non xanh chiều bảng lảng
“Một dòng nước biếc cảnh leo teo”
Túi thơ bầu rượu mang kì cách
Nghịch bút còn dài mấy cũng theo

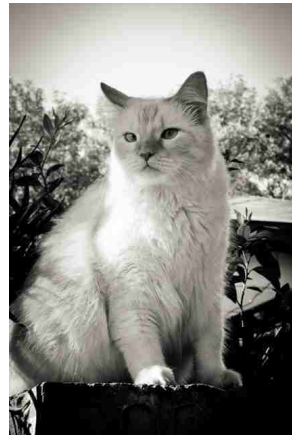
LÊ NGỌC KHA

Họa

TRƯỚC THỀM 73

Đôi lúc đêm về bụng đói meo,
Thở dài tình nghĩa cũng trôi vèo.
Mơ màng thuở ấy vườn hoa thắm,
Tri kỷ hôm nào cặp mắt nheo.
“Ngũ thập niên tiền” còn rất bánh,
Hăm ba năm tiếp đã hơi teo.
Làm sao quên được dù xa cách,
Người ở phương trời có dõi theo.

NGUYỄN PHÚ LONG



Họa

VUI XƯỚNG HỌA

Quê người hôm sớm đọc i-meo
Tháng lại ngày qua... lá rụng vèo!
Bằng hữu xa xôi khôn quấy quả,
Nhân tình thưa thớt khó... mè nheo!
Bàn tay nhăn nhúm da khô khốc,
Mái tóc bơ phờ búi tẻo teo!
Tịch mịch bên trời vui xướng họa,
Giải sầu nương vận đổi trông theo

HỒ CÔNG TÂM

Họa

TẾT NGHÈO

Tết mèo kinh tế vẫn nằm meo
Tắm check bay như ngọn gió vèo
Biểu xén “tượng trưng” già cạm rạm
Lì xì “khiêm tốn” trẻ mè nheo
Há bao nghịch cảnh còn dai dẳng
Mà chút xuân tình để tốp teo?
Thấp sáng hỗn nhau niềm ước vọng
Nụ cười muôn dặm nhớ mang theo!

NGUYỄN VÔ CÙNG



Họa

CON MÈO SÁU BÓ

Cũng mèo, nhưng chẳng tiếng kêu “meo”
Đủ khiến hỗn ai muốn lộn vèo
Xung trận đầu cần gương móng vuốt
Gợi tình chỉ giỏi đá lông nheo
Dẫu yêu con mẹ từng say đắm
Nhác thấy lệnh bà đã tốp teo
Bà bảo: - Phải chi là ghê nhí
Nào ngờ sáu bó, liệu mà theo!

NGUYỄN KINH BẮC

Họa

VỊNH MÈO SÁU GIÁP

Mèo mừng sáu giáp hát meo meo
Ngủ gật đà hoang ngã tuột vèo
Máng xối trèo leo thân nhún nhảy
Gầm bàn đói khát giọng mè nheo
Chân vờn chuột nhất thêm kinh hãi
Bóng rờn hình miu quá sợ teo
Bảy chục mùa xuân tu mấy kiếp
Hiu hiu bếp vắng gió lùa theo

CAO MỸ NHÂN



Họa

CON MÈO SÁU GIÁP

Chú Miêu lên tiếng: “mèo mèo meo!”
Nhắc khéo thi nhân tuổi sớm vèo
Chữ nghĩa nghiệp xưa: đừng trách móc
Văn chương duyên mới: chớ mè nheo.
Làng thơ góp mặt luôn nào sợ
Trận bút chen chân mãi chẳng teo
Sáu giáp vui buồn theo gót mộng
Cỏ thơm hương ngát nhẹ vương theo!

TÂM MINH

Họa

CON MÈO SÁU GIÁP

Tháng ngày cơm hẩm với cà meo
Mới đó trôi qua một cái vèo
Kẻ tới nghiêng vai hôn má hóp
Người đi cúi mặt đụng da nheo
Nằm nghe tiếng sáo lên cao vút
Ngó lại đời mình thấy bé teo
Thi tứ, giao duyên, trao mộng ước
Như hình với bóng cứ đi theo.



PHAN KHÂM

Tranh mộc bản:
Họa Sĩ Ngô Đình Chương



Tranh *Xóm Nhà Annandale Mùa Đông* của Họa Sĩ Đình Cường.

CÓ NÊN ĐẶT VẤN ĐỀ VỀ KHẢ NĂNG DIỄN ĐẠT CỦA TIẾNG VIỆT?

NGUYỄN BẢO HƯNG

Lời giới thiệu

«Ngôn ngữ là công cụ của nhà văn, nhà thơ cũng như búa, đục, cây đinh chạm trổ với nhà điêu khắc. Nhà điêu khắc, dẫu thiên tài, nếu thiếu công cụ tinh vi, cũng không thể hiện được tài năng sáng tạo của mình. Ngược lại, một nghệ sĩ nghiệp dư, cho dù có sắm được bộ đồ tinh xảo nhất, cũng chỉ làm ra những tác phẩm tâm tàm mà thôi.» Liệu tiếng Việt có thể là công cụ đắc dụng cho nỗ lực sáng tạo văn học hay không? Đó là vấn đề cấp thiết mà chúng tôi cho rằng đã đến lúc cần đặt ra và mong được sự tham gia góp ý đông đảo. Tên người viết dường như còn xa lạ; nhưng xa lạ chưa hẳn đồng nghĩa với non kém vì tác giả, trước 1975, đã từng cộng tác với Đài Tiếng Nói Tự Do tại Sài Gòn và, mới đây, với Ban Việt Ngữ Đài RFI ở Pháp. Bên cạnh những lập luận vững vàng có giải thích, có phân tích, có chứng minh và chỉ thuần dựa trên văn bản, bạn đọc cũng nên để ý tới cách dùng câu chữ của tác giả. Hình thức văn phong ở đây cũng có thể là một dạng biểu hiện cho «thiên tài ngôn ngữ» Việt: hàm súc, hóm hỉnh, ý vị trong cách diễn tả, nhưng cũng có thể rất trí tuệ khi cần diễn ý.

ĐỖ BÌNH

Tiếng Việt thường được coi thuộc loại ngôn ngữ thiên về biểu cảm hơn là diễn ý. Sự đánh giá này có lẽ do đặc tính của tiếng Việt là cụ thể, đầy đủ âm sắc rất thuận lợi cho việc sử dụng hình tượng, thanh âm để diễn tả cảm tình cảm nghĩ với âm hưởng sắc thái đặc biệt (avec nuances et resonances particulières). Nếu đặc điểm này có đóng đáng kể cho nghệ thuật thi ca, trái lại,

trong trao đổi hàng ngày nó thường được sử dụng dưới hình thức ám chỉ, ví von để gợi ý, tỏ tình, khen tặng một cách tế nhị kín đáo, hoặc để nói bóng nói gió, nói xỏ xiên với ngụ ý chê bai nhưng không gây mất lòng. Đặc điểm này có thể được coi là sở trường riêng của tiếng Việt và làm nên điều mà ta có thể coi như thuộc về *thiên tài ngôn ngữ* (le génie de la langue) của tiếng Việt. Nhưng tiếc thay cái yếu tố thiên tài ngôn ngữ ấy, thay vì nên khai thác làm sở trường, người ta lại biến nó thành sở đoản, chỉ đem ra vận dụng trong các giao tiếp hàng ngày, đặc biệt trong cách nói trào lộng hài hước nhằm chê bai nhạo báng, hoặc nói bóng nói gió, nói xỏ xiên để kích bác châm chọc. Hậu quả là tiếng Việt bị đánh giá thấp, cho là thiếu khả năng để trình bày mạch lạc hay diễn tả ý tưởng thâm trầm sâu sắc. Thành kiến này là do thói quen sử dụng chữ nghĩa cầu thả bừa bãi mà ta có thể phát hiện dễ dàng trên một số trang mạng hay các trang báo hàng ngày. Trong sinh hoạt văn nghệ, tiếng Việt lại thường được khai thác tiêu cực như là thứ ngôn ngữ châm biếm hài hước để chọc cười thiên hạ (Thí dụ như cặp bài trùng M.C Nguyễn Ngọc Ngạn – Cao Kỳ Duyên với những mẩu chuyện đàn bà ghen tuông trong các băng video Thúy Nga, hay cặp Hoài Linh – Vân Sơn nhái lại giọng Quảng, giọng Bắc trong các cuộn băng Asia... để, mỗi lần, lại đánh thức nơi khán giả tới dự buổi thâu băng những tràng cười phản xạ dễ dãi). Thành kiến này, chẳng những không bị phân bác, lại còn được một vài học giả uyên bác tỏ ý tán đồng. Trong một bài mang tựa đề «*Văn học trong một nước mù chữ*» đăng trên tạp chí Hợp Lưu số 38, tháng 12/97&1/98, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc có nhận định về tình trạng nhếch nhác, kém phát triển của văn học Việt Nam. Theo ông nguyên nhân chủ yếu là do văn học Việt nam mang đặc

tính truyền khẩu hơn là thành văn. « *Khuynh hướng truyền khẩu này, (nếu) một mặt làm phát triển tính chất cụ tượng trong tiếng Việt, (thì) mặt khác, lại làm giảm bớt tính chất duy lý trừu tượng của nó... Điều này khiến chúng ta không những không có một nền triết học hoàn chỉnh mà cũng không có, hoặc có rất ít, những thể loại văn học thiên về tư duy trừu tượng như văn chính luận, biên khảo, lý luận và phê bình văn học.* » (Bdd, HL số 38, tr. 74). Tiếp theo đó ông Nguyễn Hưng Quốc còn tìm cách giải thích nguyên nhân của tình trạng kém cỏi này trong một bài viết chung với Hoàng Ngọc Tuấn mang tựa đề « **Viết, giữa truyền thống và nhu cầu sáng tạo** » đăng trên tạp chí VĂN số 37&38, tháng Giêng & Hai - 2000 (tr.13-30). Theo nhận định của hai vị học giả, văn học nước ta sở dĩ trì trệ, không phát triển được trước hết là do tiếng Việt là thứ ngôn ngữ thực dụng chỉ thích hợp cho thói quen « *nói bóng nói gió, nói cạnh nói khoe; ngay cả khi chửi nhau thì cũng thích xô xiên hơn là đốp vào mặt.* » (Bdd, Văn số 37&38 tr. 14). Tệ hại hơn nữa, hai ông Quốc và Tuấn còn cho rằng « *tiếng Việt đã được giữ gìn và phát triển với tư cách là ngôn ngữ của một dân tộc nô lệ* » (Bdd, tr. 17). Và, với một ngôn ngữ nô lệ như thế, ta khó mà xây dựng được một nền văn học có tầm vóc quốc tế; bởi vì, theo hai ông, « *... ở một phương diện nào đó, trước khi viết ra một bài thơ hay một bài văn, chúng ta đã bị viết bởi chính cái ngôn ngữ mà chúng ta đang sử dụng. Chúng ta là tác phẩm của ngôn ngữ trước khi và trong khi là tác giả. Điều này giải thích tại sao phong cách của một người viết thường khác nhau khi họ sử dụng hai ngôn ngữ khác nhau: sự khác nhau ở đây không xuất phát từ cá tính hay trình độ của người viết mà chủ yếu xuất phát từ ngôn ngữ.* » (Bdd, tr. 26). Nhận định này, tôi e rằng có phần chủ quan và hơi vội vã. Rất có thể hai ông Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc Tuấn đã bị chi phối ít nhiều bởi phát biểu của một sinh viên mà hai ông đã trích dẫn trong phần mở đầu cho bài viết: « *Viết văn bằng tiếng Việt mà viết rõ ràng như tiếng Anh thì...dở lắm thầy ơi!* » (Bdd, Văn số 37&38 tr. 14). Tôi cho rằng đây là một ngộ nhận đáng tiếc để dẫn đến sự

rẻ rúng tiếng Việt, coi nó không phải là thứ ngôn ngữ có khả năng đáp ứng được nhu cầu sáng tạo. Hậu quả là các thế hệ con cháu người Việt ở hải ngoại ngày càng lờ là, bỏ rơi tiếng mẹ đẻ. Riêng với các em muốn theo đuổi sự nghiệp văn chương, dường như đang mang một phong trào khuyến khích các em nên viết thẳng bằng thứ tiếng quốc gia nơi các em trưởng thành, làm như chỉ sáng tác bằng tiếng nước người các em mới phát triển được tài năng của mình.(1) Ngôn ngữ là công cụ của nhà văn, cũng như búa, đục, cây đinh chạm trổ với nhà điêu khắc. Nhà điêu khắc dẫu thiên tài, nếu thiếu dụng cụ tinh vi, cũng không thể hiện được hết tài năng sáng tạo của mình. Ngược lại, một nghệ sĩ nghiệp dư, cho dù có sắm được bộ đồ nghề tinh xảo nhất, cũng chỉ làm ra những tác phẩm tầm tầm mà thôi. Nhà văn Cao Hành Kiện nay mang quốc tịch Pháp, hiện sống tại Pháp và có những tác phẩm viết bằng tiếng Pháp. Nhưng, nếu tôi nhớ không lầm, tác phẩm LINH SƠN đem lại cho ông giải thưởng văn học Nobel dường như được viết ra bằng tiếng Hoa rồi sau đó mới được dịch ra đủ thứ tiếng trên thế giới thì phải(2). Ngày nay tiếng Pháp được coi là ngôn ngữ của một nền văn hóa cao. Nhưng trong suốt thời kỳ Trung cổ tiếng Pháp bị hàng giáo phẩm và giới viện sĩ rẻ rúng, coi là ngôn ngữ tầm thường, dung tục chỉ dành cho giới bình dân thất học. Khi cần soạn bài giảng hay viết sách, các giới này đều thảo bằng tiếng la tinh. Phải chờ tới thời Phục Hưng (la Renaissance) khi Du Bellay đại diện cho thi đoàn La Pleiade soạn ra bản « Défense et Illustration de la langue française » (1549) để bênh vực và minh sáng cho tiếng Pháp, tiếng Pháp mới được đưa vào trước tác, và từ đó công hiến cho kho tàng văn học thế giới không ít tác phẩm có giá trị. Qua gương nhóm La Pleiade, ta có nên đặt câu hỏi: tiếng Việt liệu có là công cụ hữu hiệu cho phép nhà văn, nhà thơ phát huy được tài năng sáng tạo của mình hay không? Hay, để làm nên những tác phẩm có tầm vóc quốc tế, ta phải kêu gọi tới sự chi viện của các lý thuyết văn học ngoại lai hoặc cầu viện tới một thứ tiếng nước ngoài? Theo nhận xét của tôi, tiếng Việt không phải chỉ có giới về ăn nói ngụ ý hàm súc

(hay chua ngoa móc méo) đầu. Trái lại, nếu ta chịu khó suy nghĩ đắn đo, cân nhắc thận trọng trong cách sử dụng câu chữ, ta sẽ thấy tiếng Việt có thừa khả năng đáp ứng cho yêu cầu phân tích chính xác hay diễn đạt tư duy trừu tượng chắc gì các ngôn ngữ được coi thuộc loại trí tuệ nhất đã qua mặt nổi.

Cách đây khá lâu tôi có người quen đi thăm Việt Nam về mua tặng cuốn « *Nguyễn Bình, thơ và đời* », của Nhà xuất bản Văn Học Hà Nội – 1998. Tôi hoan hỉ đón nhận xong lại đem xếp ngay vào tủ sách ở một vị trí khá ưu đãi, có lẽ do ấn tượng tốt đẹp về những vần thơ lục bát đã đọc hồi còn ở lứa tuổi mười sáu đôi mươi. Mãi tuần qua, gặp dịp mấy ngày nghỉ lễ bắc cầu, tôi mở tủ sách định chọn một cuốn để đọc giải trí. Không hiểu sao bàn tay tôi như được ai hướng dẫn tự động mò tới hàng kệ có xếp cuốn « Nguyễn Bình » và tôi cũng ngoan ngoãn cầm lấy. Tôi cho rằng đây là một phản xạ thuộc về chức năng nhằm đáp ứng một nhu cầu ngấm ngấm của cơ thể. Có lẽ thời gian gần đây tôi phải động não quá nhiều để tìm cách giải mã các vần điệu mang hình thức phá thể cách tân, nào là những khoảng ngắt không gian bằng gạch chéo slash, những con chữ bị tách lia, những câu bị đứt đoạn xuống hàng bất ngờ dề, hoặc làm mới ngữ nghĩa hay gây hiệu quả xốc, hoặc tạo ra hơi thở khi lên xuống nhịp nhàng lúc rộn rập hỗn hển cho đúng với mạch điệu của một sống văn minh đậm dặt đua đòi..., thành thử đầu óc mệt phờ. Chắc vì thế tôi đâm hoài niệm đôi ba vần thơ trong sáng bình dị để tâm thần được phần nào thư giãn (cũng như cái bao tử của ta, có lúc anh ách do thừa mứa những món chiên xào béo bở, bỗng dung thềm được một bữa rau muống luộc chấm tương bần, lại có thêm bát nước rau vắt chanh tươi để khi húp vào, khiếp, mới thấy nó mát cái ruột làm sao!) Tình cờ mở sách rơi đúng trang 34-35, gặp bài thơ mang tựa đề « Chân quê » thấy có vẻ gần gũi thân quen nên quyết định thử đọc chơi. Vì chỉ có ý đọc chơi nên tôi sẽ không đọc với cặp mắt hau hâu của nhà phê bình để phân tích, phẩm bình giá trị thi tính của bài thơ. Trái lại tôi sẽ đọc rất buông thả, để mặc cho trí tưởng tượng nương theo lời chữ, vần điệu

à ới mà tự do bay bổng. Như cái thuở là thằng cu tí còn mặc quần thùng đít tóc để chòm trái đào, những lúc nằm rúc nách mẹ tôi một tay ngón cái dứt miệng tay kia rờ tí mẹ, cặp mắt riu riu theo tiếng vông đu đưa kéo kẹt và, tùy theo lời ru của mẹ : khi thì « cái ngủ mày ngủ cho ngoan », khi thì « trăm năm trong cõi người ta », khi thì « em ơi ! em ở lại nhà », lang bang nhớ tới các mẩu chuyện lúc thì Thạch Sanh, lúc thì Cô gái quàng khăn đỏ, lúc thì Công chúa ngủ trong rừng... để rồi ngủ quên lúc nào không hay. Vậy là tôi đã chọn đọc bài thơ này không phải như là một bài thơ, mà như là nghe kể một câu chuyện bằng văn vần theo truyền thống một dân tộc mà thực chất, theo nhận định của Nguyễn Hưng Quốc ký tên Nguyễn Ngọc Tuấn, không phải là một dân tộc thi sĩ mà chỉ được tiếng huyền thoại về một nước thơ (Nguyễn Ngọc Tuấn : Huyền thoại về một nước thơ – Hợp Lưu số 18 tháng 8&9 năm 1994, tr.64-75) :

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng*

A, ra đây là lời kể lể của một chàng trai nông thôn đi đón người yêu thăm tỉnh về. Anh không chỉ ra đầu làng nơi hai người vẫn thường hẹn hò, mà leo lên tận bờ đê để có thể thấy nàng từ xa. Anh hồi hộp mong ngóng lắm, phần nhớ nàng, phần thấp thỏm về chuyến đi của nàng. Thời nay, người ta từ Mỹ từ Pháp về Việt Nam cứ xoành xoạch như đi chợ ấy ; nhưng vào thời Nguyễn Bình chỉ đầu thôn với cuối thôn cũng cho là xa rồi. Vậy mà nàng lại ra tận tỉnh cơ, là nơi anh nghe nói có nhiều cám dỗ lắm, làm sao anh không bồn chồn cho được. Thế rồi bóng ai thấp thoáng chân đê. Nhìn vào dáng đi, đúng là nàng. Nhưng bóng người càng tiến gần, anh đâm ngờ ngợ. Qua dáng đi thì đúng là nàng, nhưng sao cách ăn vận lại không phải là nàng. Rồi khi nhận ra đúng là nàng, anh bật miệng than:

*Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi*

Quan sát nàng từ đầu tới chân anh tự hỏi :
*Nào đâu cái yếm lụa sồi ?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân ?*

*Nào đâu cái áo tứ thân ?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen ?*

Trời đất ơi, thế này có khổ thân tôi không cơ chứ ! Em mới ra tỉnh có một ngày mà đã vội đua đòi cách ăn mặc dân thành thị. Em mà đi về thêm vài lượt nữa tránh sao khỏi bị mấy thằng bẻm mếp láu tôm láu cá trở tài tán tỉnh dụ khi em, tìm cách cuỗm em đi để hại đời em. Khi đó chắc là anh chỉ biết ngược mắt lên trời mà than : « Mất em rồi, xa em rồi ! Chiều hôm nay trên đê vắng, anh đi về chỉ có anh ! » Và, cho dù một buổi chiều cuối đông mưa dầm gió bắc, nàng có khăn gói quả mướp quay về thì người đẹp mà anh vẫn trăm nhớ ngàn thương, khi ấy, chắc cũng chỉ như bông hoa đã tàn nhụy đã phai mà thôi. Ý nghĩ này làm anh quíu quá nên anh vội nài ni bằng lời lẽ bộc trực của một tâm hồn cục mịch :

*Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.*

Và để tranh thủ được nàng hơn nữa, anh không ngần ngại cầu viện tới bố mẹ ; rồi còn dùng lối nói về dân gian tỉnh mượn sức mạnh quần chúng gây áp lực :

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thấy u mình với chúng mình chân quê.*

Nhưng vừa đọc tới hai chữ « chân quê » tôi giật mình đánh thót một cái : Thôi hồng rồi ! Cái kịch bản tôi đang dàn dựng theo trí tưởng tượng, thế là không đứng vững được ! Phải chi Nguyễn Bình viết câu thơ đó như sau : « Thầy u mình với chúng mình *nhà quê* » thì câu chuyện được xuôi buồm thuận gió biết mấy. Đằng này ông lại chơi khăm, ông định xỏ tôi, ông đi dùng hai chữ « *chân quê* » mới đâm ra rắc rối cái sự đời. Đánh rằng *nhà quê* hay *chân quê* đều nói lên bản sắc đồng quê, nhưng chúng lại không đồng nghĩa vì hai từ ghép này bộc lộ hai tâm trạng phản ánh hai trình độ nhận thức khác nhau. *Nhà quê* có thể coi như đồng nghĩa với *quê mùa* : chúng cùng mang âm hưởng của một sự đánh giá thấp, một ngụ ý

chê bai dè bieu ; đồng thời chúng còn biểu lộ một thái độ an phận thủ phần. *Chân quê*, trái lại, là sự kết hợp của chữ « chân » gốc Hán với chữ « quê » gốc Việt. Mà chữ « chân » khi ghép với một chữ nào đó thường đem lại cho chữ được ghép chung với nó một phẩm tính, một giá trị làm cho chữ đó trở nên sáng giá, thi dụ như *chân lý, chân chính, chân phương, chân thực, chân chất, chân thiện mỹ*... Bởi vậy tôi không tin là từ *chân quê* có thể được thốt ra từ một nông dân cục mịch như trong kịch bản tôi đang dàn dựng. Thế là mặc dầu đã định bụng nghỉ chơi với trí tuệ một bữa, nhân thức này buộc tôi phải đọc lại chăm chú hơn để tìm hiểu ý nghĩa bài thơ cho đúng với quan niệm sáng tạo của Nguyễn Bình.

Nhờ sẵn chủ ý đọc lại với tinh thần cảnh giác nên vừa gặp chữ « *mãi* » trong câu : *Đợi em ở mãi con đê đầu làng*, tôi hử ngay ra có cái mùi khang khác. Bình thường ta hay dùng chữ *mãi* làm trạng tự thời gian và chữ *tận* làm trạng từ nơi chốn, như lời thỏ thẻ sau đây của cô gái với người tình (nghe đâu là một Việt kiều cao cờ cũng yêu nước lắm thì phải) mà có lần tôi nghe lóm được : « Anh hứa đi, anh hứa yêu em *mãi mãi* đi (và mua tặng em chiếc nhẫn hột xoàn mười li đi), rồi em nguyện sẽ theo anh tới *tận* góc bể chân trời ». Vậy mà trong câu thơ Nguyễn Bình lại viết : *Đợi em ở mãi con đê đầu làng*. Như vậy nhân vật là tác giả câu này đã chọn chữ *mãi* với dụng ý hẳn hoi, nhằm nhấn mạnh tới yếu tố thời gian. Không phải thời gian vật lý mà là thời gian tâm lý : chữ *mãi* gợi ý cho ta về một sự chờ đợi lâu dài, lâu thiệt là lâu. Nhưng thế nào mới gọi là lâu ? Nửa giờ ? Một giờ hay nửa ngày ? Điều này không quan trọng. Khi người ta nôn nóng trông đợi một điều gì thì chỉ cần khoảnh khắc cũng đã thấy lâu rồi. Bằng chữ *mãi* để bộc lộ sự sốt sắng nhiệt tình của mình đồng thời cũng là hình thức kể công, tác giả câu nói, nếu không là con cháu ông đồ, ít ra phải có lui tới sân Trình của Khổng nên cũng võ vẽ ăn mày được đôi ba chữ nghĩa thánh hiền. Sự kiện này có thể kiểm chứng nêu ta để ý tới hai chữ rợn rùng ở câu thơ kế tiếp : *Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng*. Trước hết là cách dùng chữ táo bạo có thể coi như phá thể cách tân của nó : Thông thường ta

quen dùng hai chữ rộn ràng như tính từ đi kèm một danh từ chỉ hành động (*bước chân rộn ràng*) hay với một danh từ chỉ tâm trạng (lời ca rộn ràng), hầu như chẳng bao giờ với một danh từ chỉ sự vật (*tắm áo rộn ràng*). Vậy mà trong câu thơ Nguyễn Bính lại có ý sử dụng hai chữ *rộn ràng* làm động từ chứ không phải tính từ. Cách sử dụng làm thay đổi bản chất và chức năng của loại từ (từ tính từ sang động từ) có hai tác dụng : một là, khiến cho câu chuyện đang ở trạng thái tĩnh chuyển sang trạng thái động, đang ở thể kể chuyện và mô tả biến sang hoạt cảnh ; hai là, bộc lộ được tâm trạng của cô gái khiến ta nắm bắt được hai phản ứng tâm lý khác nhau giữa nhân vật nông dân cục mịch trong kịch bản một và nhà nho nông dân trong lịch bản hai. Trong câu thơ *khăn nhưng quần lĩnh rộn ràng*, bốn chữ khăn nhưng quần lĩnh được nêu lên trước tiên biểu hiện cho cái gì đập ngay vào mắt người đứng đợi. Bởi vậy anh nông dân chất phát mới tá hỏa tam tinh khi thấy người yêu thay đổi hẳn cách trang phục và, sẵn mang mặc cảm thua kém, anh vội van xin nàng *hãy giữ nguyên quê mùa* để chịu cho anh cưới hỏi mà về ăn ở với anh. Nhà nho nông dân trái lại, nhờ có kiến thức hơn nên sáng suốt hơn, rành tâm lý hơn, bình tĩnh hơn. Anh không chỉ dò xét người yêu qua cách ăn vận mà còn qua dáng đi bộ tịch của nàng. Giả dụ cô gái đã ăn phải bả xa hoa thành phố rồi, khi nhìn thấy bộ mặt đưa đám của anh nông dân thể nào cô cũng làm bộ ngúng nguẩy và nguyệt xéo một cái ra điều mắng vồn: Nỡm chưa! *Đấy* có bảo *đấy* đi đón *đấy* đâu mà *đấy* đến đứng đây làm gì? Trường hợp cô nàng đại đột chẳng may đã lỡ *bị* với ai mất rồi, thì khi giáp mặt người tình chắc cô sẽ không tránh khỏi lúng túng trong một vài cử chỉ che dấu ngượng ngùng. Đằng này hai chữ *rộn ràng* cho ta thấy cô gái không chỉ chân bước le te mà hai má còn ửng hồng, khuôn mặt tươi rói. Nàng như vừa muốn làm cho chàng trai phải lễ mắt với bộ trang phục tinh thành của mình vừa muốn nói rằng : Ngó em đi nè ! Em ăn bận đẹp đẫy là dzi anh đó , là muốn được anh thương em nhiều hơn, anh có biết hông ! Vậy là những bước chân rộn ràng của cô gái đủ trấn an chàng trai nông thôn về mối tình

chung thủy của nàng rồi. Ấy thế mà anh nông nho vẫn than : Em làm khổ tôi ! Tại sao vậy ? Tuy cùng một câu than, nhưng lời than của anh nông dân và của anh nông nho lại không cùng một nội dung nên phản ánh hai tâm trạng khác nhau. Anh nông dân sẵn có mặc cảm quê mùa nên khi thấy người yêu sủng sinh trong bộ áo tinh thành, anh ta chỉ lo đến chuyện mất nàng. Lời than của anh nông nho trái lại biểu lộ một tâm trạng vừa giận vừa thương : Nhìn khuôn mặt hân hoan rạng rỡ của người yêu anh hiểu rằng nàng học cách ăn mặc tinh thành chỉ vì muốn làm đẹp để được anh yêu nhiều hơn. Vì vậy anh mới thương nàng, và càng thương nàng anh lại đâm ra giận nàng, hay đúng ra buồn phiền vì nàng : Em yêu ! Anh biết rằng con tim em không hề *lối* nhip với anh nhưng nó lại *trật* nhip với tim anh mất rồi ! Khổ quá ! Hai đứa mình đã bao lần hẹn hò tâm tình với nhau bên bờ giếng cuối thôn hay bụi tre đầu ngõ mà em vẫn chưa hiểu được lòng anh. Anh thương em là thương ở cái nội dung cái nét hay làm chứ đâu chỉ ở cái hình thức nhan sắc của em. Ai đẹp bằng em là anh đã hết biết rồi, em còn bày đặt đua đòi bắt chước làm chi ! Và lại mấy cô có gì hơn em đâu mà em phải bắt chước. Xí..., đời thườ nhà ai con gái con đưa gì mà lười như hủi ấy. Thêu thùa bép núc chẳng chịu học, chỉ thích ăn cơm tháng thoi. Bao nhiêu thì giờ đều dành cho việc sửa mắt sửa mũi với lại shopping. Ai mà dám rước mảy của nợ ấy về , rồi sẽ có ngày phải đem thóc giống đi bán lấy tiền để ăn cho mà coi. Bởi vậy tuy thốt ra cùng một lời kêu gọi :

Nói ra sợ mất lòng em

Van em em hãy giữ nguyên quê mùa

Như hôm em đi lễ chùa

Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.

nhưng hai chữ *quê mùa* lại có một ý nghĩa khác. Chúng cần được hiểu như một kêu gọi thách đố, một biểu hiện của tự tin tự hào về phẩm chất của mình : Không việc gì em phải mang mặc cảm quê mùa với mấy cô gái tinh thành ấy cả. Mấy cô lên mặt chê bai em chứ sức mấy họ bằng em được. Em phải biết : cái ngày hội đầu xuân em đi lễ chùa ấy mà, em còn nhớ không? Lần đầu gặp

em xinh xắn trong bộ áo tứ thân với chiếc khăn mỏ quạ và tấm yếm lụa sồi là anh đã *phải lòng* em ngay rồi đây! Và, tuy cũng ngần ấy lời nhắn nhủ như anh nông dân:

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chung mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

nhưng với anh nho sinh, hai chữ *chân quê* đã khiến câu *hoa chanh nở giữa vườn chanh* không còn là một câu vần về ví von thường tình nữa. Nó biến bốn câu thơ kết nây thành một lời nhắn nhủ đậm đà thi tính, giàu màu sắc, ánh sánh và hương vị như muốn nhắc nhở cô gái quê rằng chỉ có trong bộ y phục nông thôn mộc mạc nàng mới bộc lộ trọn vẹn cái đẹp tự nhiên thôn dã. Nhờ vậy mà hai câu cuối:

*Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

một lần nữa cho phép ta xác nhận rằng tác giả câu chuyện bằng văn vần này đúng là một anh đồ nông dân bắc bộ phủ. Sau khi tâm sự và nhắn nhủ người yêu rồi, anh còn tập làm Cao Bá Quát, trầm ngâm triết lý ba xu theo kiểu « thể sự thẳng trầm quân mạc vấn »: Nếu người yêu của anh có đưa đòi lỗi ăn mặc thành thị, xét cho cùng, chẳng có gì đáng trách cả. Nàng cũng chỉ ứng xử theo phương châm sống « người sao ta vậy » thường tình ở đời mà thôi. Nhưng cũng vì thế anh mới ngậm ngùi luyến tiếc cho nàng đã thiếu tự tin không biết tự hào với vẻ đẹp thuần khiết đồng nội của mình, làm hư hao phần nào hình ảnh người yêu lý tưởng trong trái tim anh. Kết quả là ở hai câu kết, câu thơ lục không chỉ có là một lập lại truyền thống vần về: ý của nó được quyện với ý của trạng từ *ít nhiều* trong câu bát để tạo ra một âm hưởng buồn khơi dậy nơi người đọc một cảm xúc mãnh mẽn buồn diêu vợi. Và cũng bởi có một cảm xúc buồn diêu vợi còn đọng lại nơi tôi nên, tuy có biết tác giả Nguyễn Bính đã chết, nay đã chết rồi và mặc dù có được nghe nhiều người nhắc đến tên các ông nào là Michel Foucault, nào là Roland Barthes, nào là Jacques Derrida v.v...,

tôi vẫn không sao ngắt nổi một cành hoa thạch thảo để bắt nhà thơ Nguyễn Bính phải chết theo. Và sở dĩ tôi không đành lòng đi ngắt một cành hoa thạch thảo bởi vì nếu không có Nguyễn Bính thì làm sao có bài thơ *Chân quê*, và nếu không có bài thơ *Chân quê* làm sao tôi lại có được cảm xúc mãnh mẽn mang buồn diêu bữa nay. Bởi vậy càng đọc bài *Chân quê* và suy ngẫm về cái từ được chọn làm tựa đề, tôi càng thấy tác giả quả là một nhà thơ sáng tạo. Chỉ với hai chữ *Chân quê* thôi, Nguyễn Bính đã thay đổi hẳn diện mạo bản văn: Thay vì chỉ là một câu chuyện kể theo truyền thống dân gian bằng những vần điệu du dương à ới để ru em, tôi lại tìm thấy ở *Chân quê* một bài thơ đúng với nghĩa « *‘tho’ trong nhiều ngôn ngữ Tây phương (poetry, poésie, poesia, Poesia, poesia) hàm ý hành động sáng tạo gắn liền với tri thức và kỹ thuật tinh luyện chuyên biệt trong phạm vi ngôn từ* » theo quan điểm của Nguyễn Hưng Quốc & Hoàng Ngọc Tuấn trong bài viết đã dẫn (Viết, giữa truyền thống và nhu cầu sáng tạo – Văn số 37&38, tr.23). Tôi sẽ không đề cập tới vần điệu hay nhạc điệu là những yếu tố sẵn có trong thể lục bát. Ở đây tôi chỉ đề cập tới sự cách tân và tính sáng tạo trong kỹ thuật vận dụng ngôn ngữ để làm mới ngữ nghĩa. Trên đây tôi đã có dịp phân tích ý nghĩa đặc biệt của các từ *mãi, rộn ràng, quê mùa* để minh chứng về kỹ thuật vận dụng ngôn ngữ của Nguyễn Bính. Nay tôi chỉ muốn nhấn mạnh thêm về tính sáng tạo của hai chữ « chân quê » khiến tôi phải đọc lại bài thơ từ đầu và, nhờ đó phát hiện ra cách sử dụng đặc biệt mấy từ trên giúp tôi diễn dịch bài thơ theo một hướng mới làm thay đổi hẳn nội dung, ý nghĩa, giá trị bản văn. Nếu tôi hiểu không sai lắm, thì dường như do đặc tính này, ta cũng có thể tìm thấy ở « *Chân quê* » một tí tí tân hình thức, một tí tí hủy cấu trúc hay một tí tí hậu hiện đại gì đó thì phải.

Trước hết ta không thể phủ nhận từ này là một sáng tạo của Nguyễn Bính bởi lẽ nó không chỉ mới lạ ở thời Nguyễn Bính, mà ngay cả bây giờ cũng ít thấy trường hợp sử dụng nó trong những bài thơ hay truyện viết về đồng quê. Tuy chỉ cần thay thế chữ nhà (quê) bằng chữ chân

(quê) là ý nghĩa và giá trị bài thơ thay đổi hẳn, nhưng việc làm không dễ dàng như ta tưởng. Trái lại nó đòi hỏi người thực hiện công việc đó phải có vừa một kiến thức tâm vóc vừa một kỹ thuật tinh luyện trong phạm vi ngôn từ mới biết kết hợp chữ *chân* với chữ *quê* thành từ *chân quê* khiến bài thơ bỗng trở nên sáng giá. Bởi vậy ta có thể nói hai chữ *chân quê* trong trường hợp sử dụng này phải là thành quả tư duy của cả một quá trình phân tích và tổng hợp nên mới đạt được mức trừu tượng hóa cao đến thế. Tôi không rành tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga hay tiếng Nhật nên không biết các ngôn ngữ này có một hay hai từ nào tương xứng để dịch được trọn ý từ *chân quê* trong câu thơ của Nguyễn Bính hay không? Riêng về phần tôi sẽ vô cùng lúng túng nếu có ai nhờ tôi dịch câu thơ này ra tiếng Pháp. Phải chi Nguyễn Bính dùng hai chữ *nhà quê* như mọi người, tôi sẽ dịch dễ dàng câu thơ: «Thầy u mình với chúng mình *nhà quê*» ra: «Nos parents et nous deux, nous sommes tous des *campagnards*». Nhưng để dịch hai chữ *chân quê* của Nguyễn Bính lúc đầu tôi có ý sửa câu dịch thành: »Nos parents et nous deux, on est paysans de souche» và nghĩ rằng cụm từ *paysans de souche* nói lên được cái ý nguồn gốc trong nghĩa hán của từ *chân*, đồng thời từ *paysans* để đánh dấu sự khác biệt với từ *campagnards* thường được dùng với ngụ ý dè bieu (sens péjoratif). Nhưng khi đọc lại câu vừa sửa, tôi thấy cần phải thêm một vài chữ nữa để bổ nghĩa như sau: « Nos parents et nous deux, on est paysans de souche et on en est fiers », có thể một người Pháp chính gốc mới nhìn ra được cái ý của niềm tự hào về nguồn gốc nông dân tiềm ẩn trong chữ *chân*. Nhưng tự hào về cái gì cơ chứ? Thế là tôi lại thấy có thêm vào mấy chữ « ...et on en est fiers » vẫn chưa đủ, vì trong từ *chân* còn có ý nói lên cái đẹp, cái khía cạnh tích cực, ở đây là phẩm chất con người và đời sống thuần thôn dã: siêng năng, bình dị, lương thiện, sống hòa hợp với thiên nhiên... Mà muốn câu dịch diễn tả trọn vẹn ý nghĩa cái hay cái đẹp nằm trong câu thơ của Nguyễn Bính chắc là tôi còn phải thêm lời giải thích. Nhưng dịch câu thơ có tám chữ mà phải lời lẽ lòng thông đến thế thì nó đâm ra là thân mật

rồi, đâu còn là thơ được nữa. Bởi vậy tôi rất mong có những vị thuộc thành phần học thức uyên bác rành ngoại ngữ, bất cứ ngoại ngữ nào dù là tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Nhật hay tiếng Congo cũng được, xin mấy vị hãy làm ơn làm phúc cũng như làm giàu (để con không sợ trọc đầu) dịch dùm tôi câu thơ trên của Nguyễn Bính ra một thứ tiếng nước ngoài. Nhưng phải dịch cho ra thơ mới được cơ; còn dịch để biến nó thành thân là tôi hồng có chịu đâu... Ừ... Ừ... ! Nếu chỉ với đôi ba từ quý vị dịch lộn được ý hai chữ *chân quê* của Nguyễn Bính, tôi sẵn sàng mua cặp gà mái dậu (gà lành thứ thiệt nuôi tại chuồng nhà chứ không phải thứ gà mắc dịch cúng gia cầm đầu nhà) để xin tôn vinh làm sư phụ.

Bài «Chân quê» của Nguyễn Bính được viết ra vào năm 1936, tức là vào thời điểm nhân dân ta vừa thoát khỏi họa *một ngàn năm nô lệ giặc tàu* lại rơi ngay vào vòng kiềm tỏa của *một trăm năm đô hộ giặc tây* (nhưng may quá còn chưa lâm vào cảnh *ba mươi năm nội chiến từng ngày*). Dưới ánh sáng của các lý thuyết cách tân văn học hiện đại, «Chân quê» chỉ đáng coi thuộc loại văn học truyền khẩu trong một nước mù chữ mà trình độ dân trí, ở thời điểm này, đa số chỉ tới mức bình dân học vụ là cùng.

Có lẽ vì vậy Nguyễn Bính đã chọn hầu như toàn những lời lẽ trong sáng giản dị nhất để bài thơ có thể phổ biến rộng rãi trong dân gian. Lời lẽ giản dị trong sáng đến độ Hoàng Tấn có lần trước mặt Nguyễn Bính đã phải thốt lên: «*Bài thơ trần trụi tới mức như con nhộng, ai mà chẳng hiểu*» (Nguyễn Bính – Một vì sao – trích hồi ký Hoàng Tấn, trong cuốn Nguyễn Bính – Thơ và Đời, tr.152). Đáp lại, Nguyễn Bính đã nhân dịp bày tỏ quan niệm sáng tác thơ của mình: «*Tôi chủ trương thơ Việt viết cho người Việt, trước hết phải mang sắc thái và phong cách Việt, do đó giản dị là một điều cốt lõi. (Giản dị đây không đồng nghĩa với dễ dãi tầm thường...)*» – [Bdd, tr. 153].

Về quan niệm sáng tác này, Hoàng Tấn đã có cơ hội kiểm chứng sau một thời gian được chung sống với nhà thơ: «*Nếu với thơ, Bính dẫn đo suy nghĩ có khi đến quên ăn quên ngủ vì một từ, viết*

nhập nhiều lần, sửa chữa kỹ lưỡng từng câu từng chữ, trước khi đưa in viết sạch sẽ nắn nót bao nhiêu, thì trong cuộc sống Bình bặt mạng buông thả bấy nhiêu.» (Bdd, tr.160). Các sự kiện trên đây đều do Hoàng Tấn thuật lại trong hồi ký, nên tôi không dám chắc phát biểu của Nguyễn Bình có đúng là nguyên văn hay không. Riêng về phần câu : Giản dị đây không đồng nghĩa với dễ dãi tầm thường, trong trích đoạn hồi ký được in lại, không có chỉ dấu nào cho biết phần phát biểu của Nguyễn Bình tới đâu là chấm dứt nên, mặc dù đọc đi đọc lại tới ba bốn lần, tôi vẫn không dám quyết đoán câu này là lời giải thích thêm của Nguyễn Bình hay là một nhận xét riêng của tác giả hồi ký. Dầu vậy dựa trên bài « Chân quê » và một số bài thơ khác của Nguyễn Bình, tôi cho rằng những điều Hoàng Tấn ghi nhận về Nguyễn Bình là khá tin và phần ảnh được trưng thực quan niệm sáng tác của nhà thơ.

Từ đó tôi rút ra hai hệ luận như sau : Một là, văn chương Việt Nam cho tới thời Nguyễn Bình nói chung, nếu quả đúng chỉ thuộc loại văn chương truyền khẩu gồm những bài hát về, những chuyện kể vắn điệu du dương à ới để ru em mà thôi, thì với những bài hát về như bài « Chân quê » dân tộc ta, may mắn thay, tuy không phải là một dân tộc thi sĩ, nhưng ít ra cũng có một vài người thuộc loại Nguyễn Bình có mang chút ít tâm hồn thơ ; hai là, vào thời điểm của Nguyễn Bình nhân dân ta phải sống dưới sự kim kẹp của thực dân Pháp nghĩa là còn là một dân tộc nô lệ nên chỉ có thể nói thứ tiếng nô lệ mà thôi, theo đánh giá của Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc Tuấn (bdd).

Nhưng với cách vận dụng đầy sáng tạo của Nguyễn Bình qua bài « Chân quê », tôi tin rằng bất cứ nhà bác học thực dân phủ lang xa mũi lỗ mắt xanh tóc hung nào là thành viên của Viện Đông học viện (Ecole de l'Extreme-Orient) nếu có đọc bài thơ này và nắm được ý nghĩa của hai chữ *chân quê* trong câu thơ Nguyễn Bình thì, dù tự cho mình có sứ mạng đến khai hóa cho dân dân ngu cu thâm bản xứ, ông ta với tinh thần phục thiện, chắc cũng phải ngả nón cúi đầu xin chào thua mà thôi. Bởi vậy tôi không tin có thứ ngôn

ngữ nô lệ của một dân tộc nô lệ và thứ ngôn ngữ tự do dành cho các dân tộc tự do, mà chỉ có những đầu óc nô lệ với quán tính tư duy nô lệ nên bắt chữ nghĩa phải mang thân phận nô lệ do cung cách phát biểu mang tinh thần nô lệ hay do căn bệnh làm biếng suy nghĩ tìm tòi của mình mà ra. Cũng vì vậy, ai muốn nói gì thì nói, tôi vẫn cứ yêu tiếng nước tôi như thường. Tiếng nước tôi ? Vàng tiếng nước tôi là thứ tiếng mà tôi chót yêu từ khi mới ra đời (người ơi !). Còn cái được gọi là nước tôi í à, thì nay nó lại nằm tại Pháp, tại, Đức, tại Mỹ, tại Nga, tại Úc... nghĩa là ở tận đâu đâu, tại một nơi nào đó trên địa cầu, chứ không còn thuộc về mảnh đất mang hình chữ S bên bờ Thái Bình Dương nữa. Và cũng bởi nước tôi nay không còn là mảnh đất mang hình chữ S nằm bên bờ Thái Bình Dương nên tôi lại càng thêm được nhận (vơ) tiếng Việt là tiếng nước tôi hơn bao giờ hết...

NGUYỄN - BẢO- HUNG

(France)

(1) Không riêng gì các thế hệ con cháu người Việt hải ngoại, mới đây thôi nhà văn Dương Như Nguyễn, đồng thời cũng là luật sư, thẩm phán, giáo sư đại học có cho biết mình « là một con người nhạy cảm, một con người sáng tạo, lãng mạn và thích mạo hiểm, nhiều cá tính, nhưng vẫn trung thành với thông lệ và truyền thống ». Trước đó nhà văn tự nhận mình « vẫn luôn có khiếu về ngôn ngữ kể cả tiếng mẹ đẻ ». Thế nhưng tác phẩm của bà « Daughters of the River Huong » (Con gái sông Hương) lại được viết ra bằng tiếng Anh, và bà đã trả lời phỏng vấn của Lý Đợi qua điện thư (email) cũng bằng tiếng Anh. (Coi : Dương Như Nguyễn « Lịch sử trở thành kẻ hiếp dâm, mà văn hóa là nạn nhân bị hãm hiếp » - Lý Đợi thực hiện - TALAWAS, 07-03-2008, mục Văn Học Việt Nam.) (2) Ấn bản tiếng Pháp : « *La Montagne de l'Ame* », traduit du chinois par Noel et Liliane Dutrait, Éditions de l'Aube, 1995 et 2000 pour la traduction française.

Rừng Thu thay lá

Chậm vừa

Thanh Trang

Mùa nào rừng cây trút lá Tôi về tìm lại chút nắng Nhớ lại từng mùa lá
thấm xuân nào Cho lòng mình cũng xôn xao khi từng đợt lá theo
nhau rụng rơi ... rụng rơi như đã bao phen mùa thu thay áo !
Ngày nào về ngang qua phố con đường lẫn vào lối ngõ vang tiếng lá rơi vọng
về mơ hồ Qua rồi từng giấc mơ xưa cho dù mộng ước đơn
sơ giờ đây ... giờ đây khi mỗi thu sang lòng hết mong chờ !
Thu nay qua nơi đây theo cùng gió mây lá thu rơi đây ! Thu xưa nơi quê ta bây giờ đã
xa hàng cây xanh lá ! Nơi phương Nam quê tôi, hai mùa đó thôi, trời xanh nắng tươi !
Thu nơi đây phương xa chờ khi bước qua mùa đông băng giá ! Ngày nào trời thưa thớt
nắng sương chiều đập diu phố vắng nhớ về từng ngày tháng cũ mơ màng
Trong kỷ niệm có đôi ta Những ngày xưa ấy tuy xa Mà nay ... mà
nay thu đến thu đi nào dễ phai nhòa ?

VỀ MỘT CUỘC HỘI NGỘ

BẢO NHƯ

Tôi được nữ văn sĩ Phong Thu mời đi dự một cuộc họp mặt với các phụ nữ cầm viết, tổ chức tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, để vinh danh các nữ sĩ đã có đóng góp vào dòng văn chương, truyền thông Việt, và khuyến khích tài các năng trẻ

Tôi không hề nghĩ mình là một “nữ sĩ”, chưa hề nghĩ mình sẽ bao giờ viết nổi một cuốn sách, thậm chí cũng chưa từng có mộng trở thành “nhà văn”, nhưng tôi đi tham dự vì tôi không muốn mất dịp gặp và biết thêm về những người “đặc biệt” này. Lý do nữa, tôi cũng muốn thăm thú thủ đô, nơi dù đã là công dân Mỹ bao năm qua tôi vẫn chưa có dịp ghé thăm.

Theo chương trình, ban tổ chức (BTC) đón các văn thi sĩ đến từ xa đưa từ phi trường về khách sạn và khoản đãi một bữa tối nhẹ ngay tại phòng hội (Conference room) của khách sạn. Mọi người nhận phòng nghỉ ngơi và BTC sẽ tổ chức một chuyến du ngoạn thủ đô vào ngày thứ Bảy hôm sau như thăm đài tưởng niệm tổng thống Lincoln, nghĩa trang quân đội Arlington, White House, Trường tưởng niệm các tử sĩ Hoa Kỳ trong chiến tranh VN...

Thủ đô Hoa Thịnh Đốn thật đẹp, cây cối xanh tươi, dòng sông Potomac thơ mộng,

những con đường nhỏ với những ngôi nhà xinh đẹp lâu năm được bao bọc giữa thiên nhiên, những dinh thự kiến trúc kiêu cổ điển,

kỳ công, tất cả mang một sắc thái kỳ cựu, trang tĩnh, khác hẳn với California nơi tôi ở, ảnh hưởng sa mạc nên thiếu sông nước, chói chang mặt trời, những con đường lớn giao thông hùng hực tốc độ, những khu thương mại và các cao ốc tân kỳ với kiến trúc thực dụng hơn là mỹ thuật, và những khu nhà của cư dân rất ít thiên nhiên nếu so với Virginia.

Dù cảnh sắc xanh mát và hoàn toàn khác biệt, tôi bỗng

nhận ra rằng tôi không còn có tính háo hức thám hiểm của thời ... trẻ nhỏ nữa. Một dấu hiệu của ... hoàng hôn? Mơ ước “đi cho biết đó biết đây” của tôi biến đâu mất, tôi chỉ thấy mình thương thức và để tâm tới con người, những liên hệ tình cảm. Chính vì vậy, giờ đây ngồi viết lại, tôi chỉ còn cảm xúc về những gặp gỡ, những khuôn mặt với những sắc nét riêng biệt đã để lại những ấn tượng đẹp trong tôi. Xin cảm ơn cuộc hội ngộ và những phụ nữ vô cùng khả ái đó.

Vậy thì, bài viết này, tôi xin viết về “người”, không phải cảnh và sự việc, những người bạn tôi được hạnh ngộ trong chuyến “để mèn phiêu lưu ký” này.

Trước lần này tôi chỉ biết chị qua bài viết “Bánh Ít Lá Gai” đăng trên DCVOnline và ít lần liên lạc với chị qua e mail cho kỳ họp mặt. Tôi có thể cảm được sự nhiệt tình, chu



đáo và hết sức cởi mở của chị qua các trao đổi email. Nhưng còn hơn cả tưởng tượng, khi về đến khách sạn, dù bận bịu với các văn thi hữu chung quanh, chị nhào tới hỏi “ai Bảo Như?, ai Thái Hoà?” và ôm tôi mừng như đã quen thân từ lâu vừa gặp lại. Giọng Nam chân chất nhiệt tình của chị có tài làm cho tôi cảm thấy mình là một nhân vật quan trọng đối với chị lắm. Cám ơn Phong Thu, cám ơn mỗi thân tình ấm áp. Chị là người mệt nhất, năng nổ nhất suốt cuối tuần họp mặt đó, chạy đôn đáo lo lắng cho khách phương xa, make sure mọi cho buổi lễ được tiến hành tốt đẹp, hội trường trang trí, khán giả... (Chị Phong Thu đừng áy náy gì hết nghen. I think you're the best.) Suốt ba ngày cuối tuần, lúc nào Phong Thu cũng có mặt với các sinh hoạt tổ chức cho các nữ văn nghệ sĩ như hình bóng: Cuộc du ngoạn thủ đô, tối văn nghệ thân hữu, lễ vinh danh và bữa tiệc tiếp tân (reception) náo nhiệt vì có sự tham dự của các thân hữu ủng hộ thuộc cộng đồng người Việt tại thủ đô.

Bận rộn mấy, chị vẫn giữ nụ cười trên môi và những câu đùa thân thiết với mọi người, với người “nhỏ nhít” nhất là tôi. (“nhỏ nhít” ở đây tôi muốn nói tới “tên”, chứ không phải tuổi)



Buổi sáng thứ hai lúc từ già, chị PT tặng tôi một số các tác phẩm của chị như Cô Bé bên Giàn Hoa Giấy Đỏ, Đóa Phù Dung, Món Ăn Theo Bước Di Tản (với nhiều tác giả khác). Đặc biệt chị còn có truyện viết cho

thiếu nhi như: Gấu Bông Giúp Bạn, Vì Sao Hoa Phượng Đỏ ... Văn chị nhẹ nhàng dễ thương gọi lại cho tôi một thời “ôm” Tuổi Hoa, nguyệt san được rất yêu chuộng của tuổi thanh thiếu niên Saigon.

Nguyễn Thị Ngọc Dung □ Lịch duyệt

và hiếu khách, bà tỏ lòng chào đón, tặng mọi người cuốn đặc san Cỏ Thơm do bà chủ nhiệm ngay trong buổi tối đầu họp mặt tại khách sạn. Bà có dáng vẻ của một bà mẹ dịu



dàng, bé nhỏ, nhưng giọng Hà Nội thật mạch lạc tự tin trong diễn văn vinh danh vai trò của người phụ nữ cầm bút. Khi đọc về tiểu sử của nhà văn Ngọc Dung tôi mới biết bà là tác giả của những tác phẩm đậm tình thương nhớ quê hương như: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*, *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (thơ), *Một Thoáng Mây Bay* (tuyển tập), *Non Nước Đá Vàng* (tuyển tập)...

Jackie Bông Wright □ Nghiêm nghị nhưng khả ái, người phụ nữ của gánh vác và trách nhiệm. Cô cho tôi cảm giác nể trọng với dáng cao, gầy, nét mặt đoan trang, ít cười nói, nhưng cô lại tỏ ra để ý đến những chi tiết rất nhỏ, sắc sảo. Khi đi theo đoàn du ngoạn ở các địa danh nổi tiếng như nghĩa trang quốc gia Arlington, đài tưởng niệm Lincoln, bức tường đá đen ... cô để ý tôi đi chậm thường lẻo đẻo tận phía sau, cô hỏi “Giày em có làm đau chân không?” Tôi phải nhận mình có tính... đi chậm, không phải tại giày. Nhớ lần

ở nghĩa trang Arlington, sau khi từ rest room ra, tôi đi ngược trở lại thay vì ra lối cổng chỗ bus đợi. Khi nhận ra mình ... lạc quay trở ra thì gặp cô Jackie đang quay lại tìm, cô mắng tôi như mắng ... con “Từ nay em lúc nào cũng phải đi với một người, không được đi một mình nữa...” Chị Phong Thu vẫn còn gheo tôi mãi trong các lần đi chung khác về chuyện “trẻ lạc” này. Mãi đến lúc cầm trên tay tác phẩm của Jackie-Bông Wright “Mây Mùa Thu” tôi mới biết được rằng cô chính là bà quả phụ của giáo sư Nguyễn Văn Bông bị CS ám sát vào năm 1971. Thì ra cái tên đặc biệt, mà tôi ngẫm thắc mắc, là tên cô với người chồng giáo sư uy tín nổi tiếng đã bị Cộng sản ám sát ghép lại, và Wright là họ của người chồng Mỹ cũng rất cao quý của cô sau này. Từ một quả phụ đau khổ, cô đã trở thành một nhà hoạt động rất tích cực trong các vấn đề nhân quyền, xã hội dân sự, chống tệ nạn buôn người, nhà diễn thuyết, văn sĩ với sự khuyến khích và hỗ trợ của người chồng sau, ông Lacy Wright, từng là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp.



Hoàng Dung □ Người hướng dẫn viên vui nhộn và nhiệt tình nhất tôi từng gặp. Chị tự giới thiệu là con dâu của nhạc sĩ “vua tango” Hoàng Trọng và vì thế chồng Hoàng Dung là “hoàng tử tango” Hoàng Cung Pha (chứ không phải Quách Tĩnh). Chị Hoàng

Dung đã cất công sưu tập rất đầy đủ về lịch sử, dữ liệu, các giai thoại về các nơi chốn trên đường đi qua trong cuộc du ngoạn thủ đô của chúng tôi. Chỉ tiếc là với trí óc “bác học” tôi quên sạch hết các chi tiết sưu tập của chị, chỉ còn nhớ được một đoạn thơ vui bên lề phần thuyết trình của nữ sĩ Hoàng Dung, mà chị nhấn mạnh phải đặt tên là “*cực nhân bản*”, xin mạn phép chia sẻ nơi đây:

*Chồng chị giàu, chị đeo hột xoàn hột xiết
Chồng em nghèo, em đeo riết ... con cu
Một mai bóng xế, trắng lu
Hột xoàn chị hết, con ... cu em (vẫn) còn.*

Ngô Tịnh Yên □ Đứng ra chị Phong Thu có xếp nhà thơ NTY sẽ ở chung phòng với tôi và Thái Hòa, nhưng vì chuyên bay chị đến rất khuya, người của khách sạn lại đưa chị vào phòng khác. Bây giờ tôi vẫn nghĩ tiếc về sự lầm lẫn làm tôi mất cơ hội mấy ngày gần gũi với NTY.



Chị có một dáng dấp rất trẻ, bụi đời, hành lý cho ba ngày chỉ có một xách ba lô trên vai. Tôi đã chọn ký sự “Thiên Thần trong Địa Ngục” của NTY trong một số rất ít tác phẩm tôi lựa mua mang về California. Tuy còn rất nhiều sách mua đã cả năm mà chưa đọc được hết, tôi vẫn bị lôi cuốn đọc nó trước, và hơn thế nữa đã phải viết một bài giới thiệu về nó với tất cả các bạn đọc trong một bài chủ trước đây. Tôi tự hứa sẽ make up lại cho sự lầm lẫn tại khách sạn bằng thời gian về lại Cali của chúng tôi, tôi hy vọng sẽ được trở thành một người bạn của nhà thơ “đầy cảm hứng” này. Thơ NTY theo tôi được biết đã xuất bản nhiều tập như *The Book of My Love*, *Có Hề Chi*, *Đêm Lục Bát*, *Đời Mây Nhe*, *Gánh Thơ Qua Những Chợ Đời*, *Ghen Ngược*, *Điều Ước Cuối Cùng*, *Hãy Tin Những Cảnh Gai* ... với rất nhiều bài lục bát hay, ý lời độc đáo. Tôi nghe nói chị là học trò cưng của nhà thơ Nguyễn Sa. Bốn câu thơ sau có lẽ là tâm sự, quan niệm sống của “nàng”:

*Một trắng, một sách, một điệu đàn
 Tình mây, ý gió, mộng thên thang
 Chẳng muốn lãng lơ cùng thế tục
 Chỉ tìm thi vị giữa trần gian*

Tôi có tò mò hỏi xem trong số rất nhiều bài thơ lạ đó, đoạn nào được kể là “favorite” của “nàng thơ” thì câu trả lời là:

*Mùa đông ấm còn mang ơn củ lửa
 Lẽ nào tôi không đền đáp tim người*

Thật giản dị nhưng tôi nghĩ nhất định là phải có một câu chuyện đằng sau hai câu thơ nhẹ nhàng này, phải không nàng thơ NTY?

Lê Mỹ Hân □ Có thể nói trong tất cả các nữ sĩ tham dự, tôi thân với Mỹ Hân nhất. Có lẽ vì chúng tôi tương đối cùng lứa. Hân lại có quen biết trước với nhà biên khảo Nguyễn Văn Lục, còn tôi cũng kể là thuộc nhóm thân hữu DCVOnline với ông, cùng với Nguyễn

Hiền và Thái Hòa thường tụ chung một nhóm. Bao giờ Mỹ Hân cũng là người cầm mic chính. Riêng tôi, trong nhóm với cô, tôi thật thấy thoải mái, vì tôi chỉ việc ... nghe và cười, không phải đóng góp gì hết. Cô rất có khiếu ăn nói, trí nhớ tốt, nên chuyện của cô tràn những chi tiết lý thú sống động và nhỏ nhất nhất như trong các tác phẩm văn hiện



thực của cô vậy. Khác với nhiều người, Mỹ Hân không làm cho tôi ... mệt khi nghe cô kể về mình, vì nó rất thật, không chỉ những chuyện tốt đáng khoe khoang. Cô không ngại cười ngạo chính mình và

thoải mái để những người khác cười chung. Cô sinh và lớn lên ở miền Bắc, mãi trưởng thành mới vào Nam sinh sống và theo chồng về Nhật năm 2000. Qua tiếp xúc, tôi nhận được Hân rất sắc bén, có trí nhớ đáng nể, thẳng thắn và thực tế. Dù xuất thân kẻ Nam người Bắc, tôi lại tìm được ở Hân sự đồng cảm về lịch sử, nói cho chính xác là về lịch sử cận đại Việt Nam, khi mà hai chúng tôi chỉ là hai đứa trẻ con sống ở hai miền đối địch, và được giáo dục trong hai môi trường hoàn toàn khác biệt. Có lẽ là vì Hân đọc rất nhiều sách và có một cảm quan sắc bén. Cô kể thời còn ở Việt Nam, đặc biệt hồi còn ngoài Bắc, cô thích đọc sách nói về các lãnh tụ miền Nam. Tôi hỏi cô đọc có tin không, Hân kể “biết là lão nhiều trong đó, nhưng vẫn thích đọc, vì không có gì khác để đọc hết ...”

Cô còn kể đọc sách VC về tổng thống Diệm xong, cô tự hỏi “Tại sao ông ta yêu nước vậy lại bị giết...” Khi ra nước ngoài, Hân sinh hoạt với web site thư viện toàn cầu và từng type trọn hai cuốn sách “Làm thế nào để giết một tổng thống” cho mạng. Các tác phẩm của Hân thuộc loại hiện thực, hồi ký của chính cô. Và vì tuổi niên thiếu của cô ở miền Bắc, khi cô vào Nam cũng khoảng tôi đã rời quê hương, tôi lại luôn muốn biết về Việt Nam về những nơi chốn, và những ngày VN ... không có tôi như thế nào, thế là truyện của Lê Mỹ Hân đáp ứng cho nhu cầu “hiểu biết” của tôi lắm. Tôi “ôm” hết cả hai tác phẩm: ký sự Quê Hương Ngày Trở Lại, và cuốn thứ hai dày nặng chịch Một Người Một Đời. Trên đường bay trở về California, gần 6 tiếng, tôi “ngón” một lèo hết “Quê Hương Ngày Trở Lại”, giọng văn và truyện kể y như là Mỹ Hân đang ngồi cạnh tôi luyện thuyên vậy. Những chuyện vây quanh quê hương, người thân, bạn bè và xã hội ngày cô trở về thăm ở những góc cạnh hàng ngày nhất. Và chính vì thế nó vẽ lên thật vô tư bộ mặt trần trụi của Việt Nam, với lời lẽ gần gũi với người đọc như vẫn nói chứ không phải văn viết. Tôi rất phục Mỹ Hân ở tài này. Và cũng xin giới thiệu với các bạn đọc tác phẩm *Quê Hương Ngày Trở Lại* của cô. Tuy là những chuyện riêng về gia đình, bạn bè và người quen của Mỹ Hân, nhưng chúng chính là một phóng sự đầy đủ nhất về đất nước và con người của VN hiện tại.

Nguyễn Lê Mộng Tuyền Tôi không có dịp tiếp xúc riêng tư với Mộng Tuyền, chỉ ngắm cô và nhóm bạn như những nụ hồng tươi tắn, tuổi trẻ tài cao. Theo những lời giới thiệu, Mộng Tuyền được kể là nữ chủ báo trẻ nhất của hải ngoại, từ năm mới 21 tuổi. Cô đã chủ xướng nhóm Bút Tre, cũng là tên một

tờ báo của họ tại Arizona. Những cô gái trẻ này rất xứng đáng là niềm hãnh diện của giới cầm bút hải ngoại. Nhóm Bút Tre của Mộng Tuyền chính là “thế hệ thứ ba” trong một ý tưởng của chị Phong Thu là “Đại Hội có sự hiện diện của cả ba thế hệ cầm bút.”



Nhật Hạnh □ Buổi sáng cuối cùng tại khách sạn, khi chúng tôi bận rộn chia tay nhau, chị chợt đến bên tặng tôi hai CD của chị, giải thích “tặng em vì nhìn em là biết hiền, giống chị.” Tôi bất ngờ quá, vội vàng nhìn chị, và thấy chị có nét rất hiền thiết nên rất yên tâm với nhận xét là tôi ... giống chị. Mặc dù khách quan thì tôi thấy chị dịu dàng và éo lá, nếu “giống” thì hơi ... lỗ cho chị. Cảm ơn chị Nhật Hạnh, tôi đã được nghe hai



CD đầy tình tự quê hương như tên “Hương Tinh Ca” chị đặt cho chúng. Giọng chị làm tôi liên tưởng đến ca sĩ Phương Dung, giọng Nam hiền hòa, chân chất, khá hiếm vì thường các ca sĩ đều đòi qua

giọng Bắc khi hát tân nhạc. Nhạc quen thuộc như nhạc Lam Phương một thuở, ý lời là những tâm tình gắn bó với thặng trầm, mát mát của quê hương, cũng có một số hùng ca trong đó ca ngợi con người và chiến công trong lịch sử. Chúc nhạc sĩ Nhật Hạnh thành công trên đường sáng tác.

Tôi nhớ tất cả mọi người. Chỉ rất tiếc tôi không thể viết hết về tất cả trong một bài viết. Tôi vẫn nhớ anh chị Đăng và Kiều Nga người tự nguyện của cộng đồng Virginia đã đón tôi từ phi trường. Chị thật vui vẻ hoạt bát, nói đùa duyên duyên. Hai anh chị thật tận tâm đã tới lui tìm kiếm suốt hai tiếng tại phi trường để đón nhà thơ Hồ Hương Lộc và chồng. Nhớ Thái Hòa cô bạn cùng phòng gốc Nha Trang đầy nữ tính. Nhà thơ Kiều Mộng Hà phong thái nhẹ nhàng khiêm tốn, hiền như một thiên ni, có tài viết thi bút rất đẹp, và ắt phải là một người mẹ tuyệt vời vì kéo được cậu con trai đi theo “hộ tống.” Nhớ Mike, cậu con trai của KMH, được giáo dưỡng thật tốt, trong nhận xét của tôi qua những trao đổi của “hai thế hệ” tại phi trường. Nhớ chị Thanh Xuân trầm tĩnh, mực thước và người chồng người Mỹ lúc nào cũng “nâng (nàng) như nâng trứng.” Nghe Mỹ Hân nói số sách của chị mang theo hết trọn, tôi tự hỏi có phải vì tựa đề của nó là “Con đường dẫn tới giàu sang và hạnh phúc” (lại nhỏ gọn, cho người đọc có cảm nghĩ là... con đường ngắn?) Nhớ nhà thơ Ngô Thy Vân rất sẵn sàng quan tâm, đã lượm và giữ gìn tôi chiếc áo khoác tôi bỏ quên băng. Nhớ bác chủ báo Sóng Thần Phạm Bá Vinh rất... gentleman luôn sẵn sàng chiều mọi yêu cầu của “một bầy phụ nữ” trong mọi lúc. Thương cảm Thái Hòa người mê chụp hình nhất lại bị mất máy hình, đã cố tâm rửa lỗi hình của bác thật sớm vào sáng thứ hai để “đền bù”, cho Thái Hòa kịp mang về California. Nhớ cô

Tùy Việt thuộc Mạng Lưới Nhân Quyền, người rất ái mộ “Tiểu Xí Mụi” vì lần đầu khi biết tôi viết cho DCVOnline cô liền hỏi ngay “Có phải Tiểu Xí Mụi không?” (Tiểu Xí Mụi nếu có đọc nhớ là có người nhắc, phải có bài mới nộp đó nha.)

Cuối cùng, vui nhất phải nói là gặp được “phe ta”, tác giả Nguyễn Văn Lục và Nguyễn Hiền. Tác giả Nguyễn Văn Lục đúng với tính cách của một nhà biên khảo, không hứng thú khi được giới thiệu lên... sân khấu, không thuộc tuýp “người của đám đông” nhưng rất khéo gợi chuyện và tạo không khí cho những chủ đề trao đổi. Tôi đặc biệt vui được biết Nguyễn Hiền trong “đời thật” (không còn qua mạng ảo), tôi vẫn “đồng chí hướng” với Nguyễn Hiền qua các bài viết của anh trên DCVOnline, lần gặp này chúng tôi còn có dịp “nói sau lưng” (không phải nói xấu) về một vài nhân vật của DCVOnline (thanks Nguyễn Hiền.) Sẽ nhớ hai buổi tối cafe vui vẻ của chúng ta cùng với phóng viên Mạc Lâm, Mỹ Hân và Thái Hòa với những câu chuyện thật lý thú. Xin được kết thúc câu chuyện tại đây. Cám ơn BTC, nhất là chị Phong Thu đã tận sức tạo một cuộc họp mặt đầy ý nghĩa. Qua dịp họp mặt này, tôi cảm nhận được sự gặp gỡ giữa những người cầm viết thật cần thiết, để hiểu biết và khuyến khích lẫn nhau, để người sau được làm quen và học hỏi người trước. Riêng tôi còn tìm được thêm một vài “tình bạn”. Cám ơn các bậc đàn chị đã hiện diện rất khiêm nhường và khả ái. Tôi hy vọng hải ngoại sẽ có những tổ chức “lớn hơn” nữa bao gồm tất cả văn nghệ sĩ, không chỉ riêng phụ nữ. Và hy vọng dòng văn chương Việt hải ngoại sẽ tồn tại mãi, vì điều này chuyên chở ý nghĩa là các thế hệ sau của hải ngoại vẫn lưu truyền tiếng Việt.

Bảo Như

DƯ ÂM ĐẠI HỘI

Ngàn hoa lá thắm thủ đô
Văn chương đại hội diễm tô xú người
Anh Thư từng nét rạng ngời
Gió Phong Thu bát ngát trời miền Đông.
Xinh tươi son trẻ Jackie Bông
Hoàng Dung dí dỏm bóng hồng người nghe
Mộng Tuyền nhóm trẻ Bút Tre *
Hậu lai nối gót theo nghề văn chương
Đảm đang chủ nhiệm Ngọc Dung
Cỏ Thơm đứng vững để chùng vai mươi *
Quốc Nam xanh mát phương trời *
Seattle từ ấy cuộc đời trải qua
Liên miền tổ chức gần xa
Nguồn thơ phụ nữ tham gia nhiệt tình
Văn hoa nét bút đượm thanh
Quê hương đất nước của mình đẹp thay
Việt Nam đất tổ còn đây
Bao miền thế giới vùng mây ngọt ngào
Khách mời dự hội xôn xao

San Diego, châu Úc nôn nao về cùng
Bắc Nam Cali nhật ung dung
Tùy duyên hội ngộ theo dòng thời gian
Thu Nga Thanh Trúc rộn ràng
Nàng từ Texas, đài trang tuyệt vời
Vang xa giọng nói ngàn khơi
Đưa tin thế giới trông vui hằng ngày.

Ô hay! Đại Hội lành thay
Người người rạng rỡ chân mây bông bành
Nữ lưu nạm ngọc xinh xinh
Văn chương nhân nhĩ thơ cùng nàng thơ.

HỒ HƯƠNG LỘC (San Diego)

- * Mộng Tuyền: nhà báo trẻ, Chủ Nhiệm Tập San Bút Tre tại Arizona
- * Cỏ Thơm: Tam Cá Nguyệt San Văn Học do Nguyễn Thị Ngọc Dung là Chủ Nhiệm. Tập Chí Cỏ Thơm đã liên tục phát hành từ hơn 15 năm qua.
- * Quốc Nam: chủ trương Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương. Tổ chức Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ.



**Thân chúc quý Nữ Sĩ năm Tân Mão
sáng tác dồi dào, sinh hoạt văn học hào hứng.**

FRANCISCO GOYA

(1746 - 1828)

Nhà Danh Họa vẽ Bạo Hành và Tội Ác

Phạm Văn Tuấn

Trong cuộc đời cầm cọ, Francisco Goya đã khai thác các chiều sâu của nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, các cảnh bất công và bạo hành đối với con người. Lòng say mê diễn tả thú tính của con người qua các bức vẽ, qua các nét phác thảo đã khiến cho nhà Danh Họa Goya được mô tả vừa là một thiên tài, vừa là một kẻ điên. Nhưng, tất cả các họa phẩm của Francisco Goya đã là những ghi chép của Lịch Sử, vừa mạnh mẽ, vừa trường tồn.

1/ Thời niên thiếu và học nghề Hội Họa.

Francisco José de Goya y Lucientes chào đời vào ngày 30/3/1746 trong làng Fuendetodos, cách Thị Xã Zaragoza 30 dặm và thuộc tỉnh Aragon, Nước Tây Ban Nha. Francisco là người con thứ tư của Ông Jose Goya và Bà Engracia Lucientes. Ông Bố Jose là một thợ thủ công, chuyên làm các kỹ vật giát bằng các lá vàng mỏng. Còn Bà Mẹ Engracia thuộc về một gia đình có đất đai tại Fuendetodos nên được tạm coi là quý tộc cấp thấp. Fuendetodos là một vùng đất cằn cỗi, nên gia đình Goya đã dọn nhà tới Thị Xã Zaragoza, thời đó Francisco lên 4 tuổi.

Vào thập niên 1750, Francisco theo học Trường Tôn Giáo Escuelas Pias de San Anton trong Thị Xã Zaragoza, đã học tiếng La Tinh

giống như các trẻ em cùng thời. Chính trong thời kỳ này, Francisco kết bạn với Martin Zapater và nhờ các bức thư trao đổi giữa Zapater và Goya mà người đời sau mới hiểu rõ về con người của Họa Sĩ này, về các lý do tại sao Họa Sĩ Goya nhận lãnh chức vụ trong Triều Đình Tây Ban Nha cùng những thất vọng của ông trước các cảnh bạo hành mà Họa Sĩ là một nhân chứng.

Năm lên 13 hay 14 tuổi, Francisco Goya theo học bốn năm hội họa tại xưởng vẽ của Ông José Luzan y Martinez. Tại nơi này, các học sinh học nghề thủ công, tập vẽ bắt chước những họa phẩm của các bậc thầy. Francisco cũng theo học

một nghệ sĩ khác là Nhà Điều Khắc Juan Famirez về phương pháp đổ khuôn và tạc tượng. Vào thế kỷ 18, trong số các nghề thủ công, bộ môn Hội Họa đã vượt lên hạng trên, ngang hàng với Âm Nhạc và Văn Chương bởi vì họa phẩm là sản phẩm của các tài năng thiên phú. Tại Thị Xã Zaragoza, Francisco Goya còn gặp gỡ một họa sĩ trẻ là Ông Francisco Bayeu. Ông Bayeu này cũng học Hội Họa tại Zaragoza,

ngoài ra còn tới Thành Phố Madrid để theo học các họa sư Người Ý do Vua Charles III mang về từ Vương Quốc Naples, với các kiểu mẫu hội họa mới, linh động hơn.

Vào năm 1763, Họa Sĩ Francisco Bayeu và người em Ramon mở ra một phòng vẽ tranh, làm quen với giới nghệ sĩ của Thành Phố Madrid và



là bạn của Họa Sĩ Cung Đình Anton Raphael Mengs. Ông Mengs nhận được lương bổng của Triều Đình Tây Ban Nha và được phong là Họa Sĩ của Nhà Vua vào năm 1786.

Francisco Goya khi tới tuổi 17, đã theo học anh em Ông Bayeu và là người thợ phụ trong xưởng vẽ. Vào thời đó, Hàn Lâm Viện Hoàng Gia tại San Fernando mỗi ba năm đều tổ chức một cuộc thi học bổng hội họa. Goya đã tham dự hai lần vào các năm 1763 và 1766 nhưng đều gặp thất bại. Không nản lòng, Goya qua Thành Phố Rome vào cuối thập niên 1760 để học hỏi thêm. Nhờ thời gian du học này, Francisco Goya đã nhìn thấy kho tàng nghệ thuật của Nước Ý.

Tới tháng 4 năm 1771, Francisco Goya nộp tranh vào kỳ thi hội họa tổ chức do Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Hoàng Gia tại Parma và đoạt giải nhì. Sau lần thành công này, Goya trở về Thị Xã Zaragoza vào tháng 6 năm đó, và khi ở lứa tuổi 25, đã nhận đơn đặt hàng đầu tiên là vẽ bức tranh tường (fresco) có tên là "*Tôn Sùng Thượng Đế*" (The Adoration of the Name of God) bên trong Giáo Đường Santa Maria del Pilar. Họa Sĩ Goya được trả công 15,000 đồng reales, một số tiền tương đương với 18 tháng lương của một viên chức cùng thời. Bức tranh tường đã làm cho Francisco Goya nổi tiếng và vào năm 1773, Goya đã kiếm được nhiều tiền hơn Ông Thầy Luzan. Chàng Họa Sĩ Goya cưới Cô nàng Josefa Bayeu vào ngày 25-7-1773 và cư ngụ tại Đường Noah's Ark.

Francisco Goya được Họa Sĩ Anton Mengs mời tới Madrid vào mùa đông năm 1774, để làm việc tại xưởng dệt thảm hoàng gia, nơi có các người thợ Flemish danh tiếng làm ra sản phẩm từ các bức họa của Ông Mengs. Do là một người ham săn bắn, Vua Charles III đã đặt xưởng dệt làm 9 tấm thảm mô tả cảnh đi săn để treo trong phòng ăn của Lâu Đài Escorial, tọa lạc tại phía bắc của Thành Phố Madrid. Goya vì vậy đã sáng tác 9 bức vẽ trong đó có đủ các thú vật như chó

săn, lợn rừng, chim muông , 5 bức xong vào ngày 24/5/1775, 4 bức còn lại vào ngày 30/8. Tới tháng 7 năm 1776, Họa Sĩ Mengs đã thu xếp cho Francisco Goya được trả lương năm là 8,000 đồng reales.

Vào ngày 29/6/1779, Họa Sĩ Mengs qua đời. Francisco Goya nộp đơn xin làm họa sĩ cung đình nhưng gặp thất bại trước Họa Sĩ Mariano Salvador Maella, rồi nhờ họa phẩm "*Chúa Ki-Tô trên Cây Thánh Giá*" (Christ on the Cross), Goya được chấp thuận vào Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando, là một Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật quan trọng bậc nhất của xứ Tây Ban Nha. Một tháng sau, Hàn Lâm Viện kể trên lại nhận một nhà văn kiêm luật sư tên là Gaspar Melchor de Jovellanos. Ông Jovellanos là người đã được Vua Charles III chọn làm quan tòa hoàng gia (royal magistrate), là một nhân vật tiến bộ, đã đặt nền móng kinh tế và chính trị mới, tìm cách hủy bỏ chế độ phong kiến tại Tây Ban Nha, theo đuổi Phong Trào Khai Sáng (The Enlightenment) của thời đại Lý Trí (the Age of Reason) chủ trương do các nhà tư tưởng hàng đầu của thế kỷ 18 như Voltaire, Diderot, J. J. Rousseau.

Do cùng ở trong Hàn Lâm Viện San Fernando, Francisco Goya đã chịu ảnh hưởng của Ông Jovellanos và được ông này giới thiệu vẽ nhiều tác phẩm trả thù lao cao tại Thành Phố Salamanca nhưng các họa phẩm này bị phá hủy khi Quân Đội Pháp xâm lăng Tây Ban Nha. Về sau vào năm 1798, Francisco Goya vẽ chân dung của Ông Jovellanos, một tác phẩm biểu lộ lối bút pháp trưởng thành.

Francisco Goya đã sáng tác rất phong phú trong thập niên 1780. Các chân dung của ông đã ra khỏi truyền thống diễn tả cũ, với đề tài có vẻ như bị lạc lõng trong một thế giới xa lạ và trống rỗng. Theo nhà sử học về nghệ thuật Fred Licht, các chân dung này mô tả bản chất cô đơn của đời người trong một thế giới thay đổi nhanh

chóng. Nhà Danh Họa Goya cũng vẽ một nhóm người, chẳng hạn như hai họa phẩm "*Gia đình của Don Luis*" (1784) và "*Gia đình của Bá Tước Osuna*" (1788).

Vào năm 1781, Vua Charles III tổ chức một kỳ thi để chọn ra 7 họa sĩ có tài, dùng vào việc trang trí Nhà Thờ San Francisco del Grande của Thành Phố Madrid. Francisco Goya dĩ nhiên được chọn lựa và được coi là người đứng đầu, lo việc vẽ bức tranh lớn nhất và quan trọng nhất của khu thờ chính. Họa sĩ Goya còn được giới thiệu vẽ chân dung gia đình của người em nhà vua là Don Luis de Borbon và họa phẩm của Goya được đánh giá rất cao, tới độ người vợ của họa sĩ được trao tặng một chiếc mũ bằng vàng và bạc, trị giá tới 30,000 đồng reales. Điều không may cho Họa Sĩ Goya là Hoàng Thân Don Luis sớm qua đời, khiến cho mối liên lạc hoàng gia này đã bị chấm dứt.

Francisco Goya có một đứa con trai vào năm 1784, đặt tên là Francisco Javier Pedro. Đây là người con duy nhất sống còn tới tuổi trưởng thành và bức họa mà họa sĩ Goya vẽ cậu Javier khi 19 tuổi được coi là một trong các bức danh họa mô tả thời thanh niên.

Danh tiếng của Francisco Goya vẫn gia tăng. Họa sĩ được chọn làm phụ tá giám đốc về Hội Họa tại Hàn Lâm Viện Hoàng Gia San Fernando vào năm 1785 rồi vào tháng 6 năm sau, trở thành họa sĩ cung đình với người anh vợ tên là Ramon Bayeu, lãnh lương năm là 15,000 đồng reales. Trong thời gian này, Goya làm quen được với Ông Bà Bá Tước Osuna. Bà Bá Tước Osuna được mọi người coi là "*phụ nữ đặc sắc nhất của Thành Phố Madrid*", bà ta cũng là người ham cưỡi ngựa, mê coi đấu bò rừng, thích làm bạn với các nhà văn, các nghệ sĩ, các diễn viên Họa Sĩ Goya được Ông Bà Bá Tước coi trọng, thường được mời tới lâu đài tại miền quê tên là La Alameda và chính tại nơi đây,

Francisco Goya đã sáng tác vài họa phẩm đặc sắc. Thế nhưng, Bà Bá Tước Osuna cũng là đối thủ của một phụ nữ đẹp là Bà Bá Tước Alba, một người đã ảnh hưởng vào cuộc đời và nghệ thuật của Họa Sĩ Goya.

Ngày 14/12/1788, Vua Charles III qua đời. Các Sử Gia Tây Ban Nha đều công nhận rằng đây là nhà vua vĩ đại bậc nhất của nước này trong khi Vua Ferdinand VII bị coi là con người tệ hại nhất. Lên nối ngôi là Vua Charles IV. Vào ngày 25/4/1789, Francisco Goya được thăng cấp thành họa sĩ của nhà vua.

2/ Họa sĩ Cung Đình.

Trong hai thập niên 1780 và 1790, Francisco Goya đã vẽ rất nhiều chân dung cho hoàng gia, cho các nhà quý tộc, các nhân viên cao cấp, các nhà giàu của nước Tây Ban Nha. Nhà danh họa phải làm việc mỗi ngày 10 giờ và chuyện còn kể rằng vào ban đêm lúc vẽ trong phòng, Ông Goya đã phải đội một chiếc mũ lớn trên đó có gắn nhiều ngọn nến. Do làm việc nhiều, Francisco Goya mua được một căn nhà và sắm được một chiếc xe ngựa hai bánh, đây là thứ đắt tiền, sang trọng và hiếm thấy của Thành Phố Madrid. Nhà danh họa cũng hưởng thụ một cuộc sống vật chất đầy đủ, với âm nhạc, với các loại thực phẩm đắt tiền.

Công việc vẽ chân dung cho các nhân vật thuộc Vương Triều Tây Ban Nha thực ra chỉ bắt đầu vào năm 1783 khi Francisco Goya nhận lệ phí để vẽ một chân dung toàn thân của Bá Tước Floridablanca, tên thực là Jose Monino y Redondo. Đây là nhân vật quan trọng nhất trong triều đình Tây Ban Nha, một người có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng (the Enlightenment), với các đạo luật cấp tiến về kinh tế và xã hội được thi hành dưới thời Vua Charles III. Bá Tước Floridablanca đã vừa lòng về tác phẩm chân dung của mình, nên đặt Francisco Goya vẽ thêm 6 tấm tranh cho ngân hàng San Carlos mà ông

mới sáng lập. Trong hai năm 1785-86, Nhà Danh Họa Goya cũng vẽ các bức "*Chân dung của Nữ Bá Tước Benavente*" và "*Chân dung của Hầu Tước Pontejos*". Các họa phẩm này có màu sắc rất rực rỡ, diễn tả rõ ràng thứ chất liệu của y phục đề tài. Nữ Bá Tước Benavente cũng là Bà Bá Tước Osuna và bức chân dung của bà này đã ảnh hưởng tới một trong các họa sĩ danh tiếng người Pháp của thế kỷ 19, đó là Ông Edouard Manet, thuộc Trường Phái Hội Họa Mới. Các họa sĩ Pháp thời đó đã gọi Manet là "*người Tây Ban Nha của thành phố Paris*".

Từ năm 1794, Francisco Goya quay sang tìm hứng khởi và sự trợ giúp của một người đàn bà đẹp nhất thời đó: Bà Bá Tước Alba. Nữ Bá Tước tóc đen này, sinh năm 1762, đã thừa hưởng danh hiệu quý tộc, một tài sản lớn và kết hôn ở lứa tuổi 13 với một nhà quý tộc cao cấp là Hầu Tước miền Villafranca. Bà Bá Tước Alba nổi danh về sắc đẹp tới độ khi bà ta đi qua đường, các trẻ em đã ngừng chơi đùa để ngắm nhìn diện mạo và dáng vẻ của bà. Ngoài vẻ đẹp, Bà Alba còn là một phụ nữ hay thay đổi tính tình và cứng đầu, bà tin rằng các người đàn ông thường thèm muốn bà và vẻ đẹp của bà là mẫu mực của các phụ nữ khác. Bà Alba lại coi thường lối sống quy ước, ưa thích ăn mặc giống như lớp người "*maja*" thuộc giai tầng thấp của xã hội.

Vào một ngày trong năm 1794, Bà Bá Tước Alba, khi đó 32 tuổi, đã tới phòng tranh của Francisco Goya để nhờ nhà danh họa 50 tuổi này vẽ một bức chân dung toàn thân: áo lụa trắng, tóc dài đen, vòng đeo cổ màu đỏ với con chó con màu trắng nằm dưới chân, toàn cảnh trong sự nhịp nhàng về màu sắc. Vào mùa hè năm 1895, Francisco Goya thường lui tới lâu đài của Bà Alba để vẽ các chân dung cho gia đình này trong khi đó, Bà Bá Tước này còn tìm cách gây cảm tình với nhà đấu bò danh tiếng Pedro Romero, ưa thích gây bất hòa với Nữ Bá Tước Osuna và

Hoàng Hậu Maria Luisa. Kết quả của mối tị hiềm là Bà Bá Tước Alba bị Hoàng Hậu cấm lui tới triều đình.

Khi người chồng qua đời vào năm 1796, Bà Alba trở về miền đất sở hữu tại Sanlucar de Barrameda, gần Thành Phố Cadiz và sau đó, Nhà Danh Họa Goya cũng lui tới nơi này. Hai người từ nay là hai tình nhân và Francisco Goya đã vẽ người đàn bà này mặc bộ áo lụa đen, với cánh tay trái đeo hai cái vòng, một chiếc ghi chữ "*Alba*" còn chiếc kia ghi tên "*Goya*". Trong tấm tranh, bàn tay phải của đề tài lại chỉ xuống mặt đất, có vạch giòng chữ "*Chỉ có Goya*" (Solo Goya). Người ta tin rằng chính vào thời gian này, Francisco Goya đã vẽ bức họa "*Maja khỏa thân*" (The Naked Maja) với thân hình là của Bà Bá Tước Alba còn bộ mặt được thay thế bằng diện mạo của người đàn bà khác. Sự liên hệ giữa nhà danh họa và Bà Bá Tước không kéo dài được lâu vì Francisco Goya rời khỏi Sanlucar vào năm 1797 rồi 5 năm sau, Bà Bá Tước Alba qua đời ở lứa tuổi 40.

Vào ngày 31/10/1799, Francisco Goya được Thủ Tướng Mariano Luis de Urquijo chấp nhận là Họa Sĩ bậc nhất của cung đình với lương năm là 50,000 đồng reales, rồi tới đầu năm 1800, được mời vẽ cho gia đình Vua Charles IV. Đây là một trong các vị vua bất tài của Nước Tây Ban Nha và con trai của nhà vua này là Ferdinand VII về sau trở thành con người tệ hại nhất trong lịch sử của xứ Tây Ban Nha.

3/ Tâm tư của Nhà Danh Họa Goya

Qua đầu thế kỷ 19, Francisco Goya là nhà danh họa bậc nhất được khen ngợi, với danh vọng và tài sản được bảo đảm. Ông thường giao du với nhiều nhân vật uy tín nhưng trong hoàn cảnh sinh sống tốt đẹp này, nhà danh họa đã mắc bệnh tâm thần.

Từ năm 1792, Họa Sĩ Goya cảm thấy bị mất thăng bằng, khó khăn khi lắng nghe, mắt kém, nói năng mê sảng. Tình trạng bệnh hoạn này đã biểu lộ qua một loạt bản khắc họa (etchings) có tên là "*Los Caprichos*". Francisco Goya đi tìm thứ thế giới nội tâm rồi các tư tưởng và cảm giác cá nhân được bộc lộ ra bằng những sáng tác nghệ thuật và những thứ này không phải do đơn đặt hàng. Trí tưởng tượng của nhà danh họa đã thể hiện ra bằng một loạt công trình sáng tạo riêng tư vừa mang tính bí ẩn, vừa mô tả sự ghê rợn, đó là loại "*Họa Phẩm Màu Đen*" (Black Paintings).

Khởi đầu, Francisco Goya vẽ 11 bức tranh nhỏ mà nhà danh họa gọi là "*Tranh Lạc Hướng*" (Diversiones Nacionales) và gửi sáng tác cho Ông Bernado de Iriate, một nhà văn giữ chức vụ Phó Giám Đốc của Hàn Lâm Viện San Fernando. Đề tài của những bức họa này là cảnh đầu bò rừng, cảnh đấm tầu, cảnh người bán hàng rong, cảnh nhà thương điên Họa Sĩ Goya bắt đầu nhìn thấy một thứ thế giới đồi bại, trong đó con người bị đối xử xấu xa hơn con vật. Đây là thứ "*thế giới đen*" và trong mọi bóng tối của nơi này đều chứa đựng các điều ác. Hai bức họa "*Nhà của kẻ điên*" (Madhouse) và "*Sân chứa người khùng*" (Courtyard with Lunatics) là cách mô tả theo hiện thực các diện đen tối của đời sống. Francisco Goya tiếp tục khai thác "*tính chất điên dại*" của con người, với bộ mặt bị vẽ méo xẹo đi, với cảnh người điên treo cánh tay, treo đầu vào các thanh sắt của phòng giam. Nhà danh họa còn vẽ các kẻ nghiện rượu, các gái điếm, bộc lộ cảm tưởng đối với mọi khía cạnh bất thường của cuộc sống xã hội.

Khi Francisco Goya trở về Madrid vào năm 1797, ông đã đi tìm mua các đĩa lớn bằng đồng và các dụng cụ khắc nét rồi bằng phương tiện này, nhà danh họa đã mô tả theo trí tưởng tượng. Vào ngày 6/2/1799, người ta thấy xuất hiện trên

tờ Báo Diario de Madrid lời rao bán một loạt 80 bức vẽ khắc nét bởi Francisco Goya với giá 4 đồng reales một đĩa. Ông Bà Bá Tước Osuna là người đầu tiên mua loại bản vẽ này. Thế nhưng, nhà danh họa Goya phải ngưng loại sáng tác này bởi vì loại tranh Los Caprichos đã chế giễu sự tham nhũng của giới tu sĩ, chỉ trích tính ngu xuẩn của giới quý tộc Tây Ban Nha, đã phản kháng loại thuế bất công làm cho giới lao động nghèo khó.

Đề tài của các bản vẽ mới là sự ngu xuẩn và nhầm lẫn của xã hội, tính ích kỷ và đối trá của con người, lòng cuồng tín tôn giáo và loại tòa án tôn giáo áp chế Hơn nữa, loại tranh Los Caprichos còn phản ánh các tư tưởng của Phong Trào Khai Sáng Tây Ban Nha, chẳng hạn bức vẽ Caprichos số 43 đã mô tả một nghệ sĩ hay một nhà văn đang gục đầu ngủ, phía trên là các con cú, các con dơi. . ., đây là những con vật của cơn ác mộng. Vào thế kỷ 18, con cú không tượng trưng cho sự khôn ngoan như theo ý nghĩa của thời nay, mà là hình ảnh của sự ngu dốt và điên khùng. Nhà Danh Họa Goya muốn nói ra rằng một xã hội sẽ không thể có được lý trí (reason) nếu đặt căn bản trên các điều mê tín của tôn giáo và trên tập quán mù quáng của giới quý tộc. Ngoài ra còn có các bản vẽ số 39, số 42, số 49, số 79 vẽ con lừa, vẽ loại quỷ mặc áo thầy tu Francisco Goya đã bị ảnh hưởng của ông Jovellanos, một nhà trí thức thường công kích hệ thống thuế vụ, chỉ trích đời sống quý tộc và chế rỗi các bà mệnh phụ ưa thích kết hôn vì địa vị hơn là vì tình yêu.

Các bản vẽ khắc nét Los Caprichos đã được vị Đại Sứ Pháp tại Tây Ban Nha chú ý, đó là ông Ferdinand Guillemardet. Ông Đại Sứ này đã mua một số bản vẽ và mang về Pháp. Người con đỡ đầu của ông là Eugène Delacroix, một họa sĩ danh tiếng của Phong Trào Lãng Mạn. Delacroix đã phải cảm phục Goya về cách diễn tả ánh sáng và bóng tối, và thiên tài của Goya bộc lộ

qua cách bố cục mới lạ. Các bản vẽ Los Caprichos đã tránh né các chi tiết dư thừa, đề tài được đặt rải rác khiến cho con mắt của người ngắm tranh phải tập trung vào bi kịch trung tâm. Cách mô tả cơn ác mộng trong các bản vẽ này còn gây ảnh hưởng tới nhà thơ người Pháp Charles Baudelaire, một thi hào hàng đầu của thế kỷ 19.

Trong các năm từ 1815 tới 1824, Francisco Goya đã cho ra đời một loạt bản vẽ khắc nhỏ hơn với tên là "*Disparates*" (Điên Rồ) và loạt thứ hai "*Tauromaquia*" mô tả cảnh đấu bò rừng. Nhưng loạt tác phẩm hội họa danh tiếng nhất của Francisco Goya là bộ tranh "*Tai họa của Chiến Tranh*" (Disasters of War) với 85 bức vẽ mô tả cuộc chiến tranh đẫm máu của người dân Tây Ban Nha khi quân đội Pháp của Napoléon xâm lăng xứ sở này.

Vào năm 1807, người dân Tây Ban Nha chán nản trước cảnh tham nhũng của triều đình Vua Charles IV, đồng thời Hoàng Tử Ferdinand VII cũng muốn tranh giành ngôi báu. Lợi dụng sự chia rẽ trong vương triều và lòng bất mãn của dân chúng, quân đội Pháp đã tràn vào xứ Tây Ban Nha, chiếm đóng thành phố Madrid và Trận Chiến Tranh Bán Đảo (the Peninsular War) bắt đầu vào ngày 2/5/1808. Ngày 6/6/1808, Hoàng Đế Napoléon Bonaparte phong cho người anh là Joseph làm Vua xứ Tây Ban Nha. Dân chúng Tây Ban Nha đã bất phục, nổi lên chống lại quân đội Pháp bằng những toán quân du kích, với số lượng 30,000 toán hoạt động rải rác trên toàn lãnh thổ Tây Ban Nha.

Tới tháng 8/1808, do lòng can đảm của người dân địa phương, quân đội Pháp đã bị đẩy lui khỏi thành phố Zaragoza và Tướng Jose de Palafox đã mời nhà danh họa Goya tới viếng thăm thành phố này để ghi chép các vinh quang của người dân. Khi quay trở lại, quân đội Pháp đã trả thù. Thành phố Zaragoza bị phá hủy vào ngày 21/2/1809,

hàng ngàn người bị giết chết. Các bản vẽ số 36 - 39 của nhà danh họa Goya đã mô tả nhiều cảnh tàn nhẫn. Xác người treo trên cây trong khi binh lính Pháp đứng nhìn. Có nhiều cảnh về binh lính Pháp tàn sát dân chúng, cảnh đàn bà trẻ em chống cự quân xâm lăng. Bức "*Tai Họa số 5*" có phụ đề là "*họ giống như các con thú dữ*", vẽ cảnh một phụ nữ một tay bế con thơ, một tay cầm ngọn giáo đâm vào bụng của một binh lính Pháp.

Tuy nhiên vào năm 1810, Francisco Goya được tòa thị chính Madrid đặt vẽ chân dung của Vua Joseph Napoléon. Người ta đã nghi ngờ lòng ái quốc của nhà danh họa Goya. Thực ra, Francisco Goya có cảm tình với Phong Trào Khai Sáng và vài người bạn của ông, như các ông Moratin và Valdes đã làm việc cho triều đình của Vua Joseph. Nhà vua người Pháp này khi cai trị xứ sở Tây Ban Nha, đã ra các đạo luật hủy bỏ loại tòa án tôn giáo (the Inquisition), triệt hạ hai phần ba các tu viện và tước quyền của hai giới quý tộc và tu sĩ. Cho nên phải nói một cách công bằng rằng nhà danh họa Goya đã ủng hộ các tư tưởng "xây dựng mới" của chính quyền Pháp đồng thời cũng lên án "sự tàn ác" của người Pháp xâm lăng. Một câu chuyện kể lại rằng có người hỏi nhà danh họa tại sao vẽ các cảnh man rợ mà con người phạm phải, thì Francisco Goya trả lời: "*để nói cho mọi người đừng bao giờ hành động man rợ*".

Vào năm 1813, người dân Tây Ban Nha vùng dậy do sự giúp đỡ của quân đội Anh chỉ huy bởi Hầu Tước Wellington, Vua Joseph Napoléon phải chạy khỏi thành phố Madrid và Ferdinand VII lên ngai vàng. Sau khi chiếm quyền, nhà vua này đã hủy bỏ mọi cải cách, phục hồi quyền lực của nhà thờ Cơ Đốc, đặt ra tòa án tôn giáo. Người dân Tây Ban Nha lại chịu cảnh đàn áp mới. Các người có cảm tình với người Pháp khi trước, như hai ông Moratin và Valdes, phải bỏ xứ ra đi, nhiều người khác bị bắt

giam. Nhà danh họa Goya phải vẽ ra vài tác phẩm mang tính ái quốc để làm vừa lòng triều đình Ferdinand VII.

Từ ngày 8 tháng 3 năm 1814, Francisco Goya vẽ họa phẩm "*Ngày 2 tháng 5*" (The Second of May) mô tả "*Cuộc nổi dậy tại Puerta del Sol*" và họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*" (The Third of May) trình bày "*Cuộc hành hình các người Madrilenos*".

Trước kia vào năm 1808, khi quân đội Pháp chiếm đóng thành phố Madrid và bắt giam Vua Tây Ban Nha, người dân Madrid được gọi tên là "Madrilenos" đã không có phản ứng, nhưng tới ngày 2 tháng 5, khi binh lính Pháp đi bắt thêm các gia đình hoàng gia thì trên đường phố Madrid, đặc biệt tại Công Trường Puerta del Sol, người dân Tây Ban Nha đã chống cự. Từ các bao lớn, từ các cửa sổ, trên các nóc nhà... dân chúng đã ném gạch đá vào quân đội Pháp. Vua Joseph Napoléon đã dùng đoàn quân Mamluks gốc Ai Cập, tàn sát người dân thành phố Madrid. Các người dân bị nghi ngờ tham gia vào cuộc nổi loạn này bị đưa đi xử bắn trên ngọn đồi Principe Pio, bên ngoài thành phố.

Trong họa phẩm "*Ngày 2 tháng 5*", Francisco Goya đã vẽ cảnh tàn sát tại phần tiền cảnh (foreground) để người ngắm tranh dễ thấy nổi khùng khiếp của chiến tranh, với quân Mamluks và người dân thành phố chém giết nhau, mặt đối mặt, võ khí mọi hướng, thân người ngã gục trong cảnh hỗn loạn và nhà phê bình Fred Licht đã nhận xét rằng trong họa phẩm này, không có một bố cục trung tâm nào, không có một nhân vật chính nào bởi vì nhà danh họa Goya muốn trình bày cảnh tàn sát không nương tay của cả hai phía.

Trong họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*", nhà danh họa làm tăng thêm nỗi kinh hoàng, diễn tả cảnh tàn nhẫn trên ngọn đồi Principe Pio. Các người lính Pháp đã quay lưng lại, không để thấy rõ

mặt. Họ là các kẻ sát nhân vô danh. Tiền cảnh là nền đất đầm máu với xác người đè lên nhau và hậu cảnh mô tả vài người ôm mặt. Nhưng trong ánh sáng của ngọn đèn chiếu tối, có vẽ một kẻ anh hùng đang giang hai cánh tay thách đố, coi thường cõi chết. Sức mạnh mô tả qua họa phẩm "*Ngày 3 tháng 5*" của Francisco Goya đã được vài nhà danh họa khác bắt chước, chẳng hạn như họa sĩ người Pháp Edward Manet trong họa phẩm "*Hành Quyết Maximilian*" (the Execution of Maximilian) hay họa sĩ Pablo Picasso qua bức vẽ "*Tàn Sát tại Triều Tiên*" (Massacre at Korea) thực hiện năm 1951. Ngày nay, hai họa phẩm kể trên của Francisco Goya là thứ được Viện Bảo Tàng Prado trân trọng nhất nhưng vào thời kỳ trước, Viện Bảo Tàng đã không cho trưng bày hai tấm tranh kể trên của nhà danh họa trong 40 năm.

Vào năm 1812, bà vợ Josefa của Francisco Goya qua đời. Nhà danh họa kết nối liên hệ tình cảm với cô nàng Leocadia Zorilla, một thiếu nữ đáng tuổi con gái của mình và điều này đã gây ra mối bất hòa với người con trai Javier. Tới tháng 10 năm 1814, Zorilla sinh ra một bé gái đặt tên là Maria del Rosario, chính thức ghi sổ là con của ông Isidro Weiss, người chồng đã qua đời của nàng Zorilla. Francisco Goya có lẽ là người cha thực sự của đứa bé này.

Từ năm 1814, chính quyền đàn áp của Vua Ferdinand VII đã lập lại tòa án tôn giáo, với các quan tòa do nhà vua chỉ định, để truy tố các người dân Tây Ban Nha có cảm tình với quân đội Pháp khi trước, để đàn áp các kẻ chống đối chính trị. Vào tháng 3 năm 1815, Francisco Goya bị gọi ra trình diện trước tòa án tôn giáo, trên đầu đội một chiếc mũ cao hình chóp nón (coroza), mình mặc một loại áo dài không cánh tay (sanbenito). Nhà danh họa 68 tuổi, vừa điếc tai, vừa yếu đuối vì nhiều bệnh tật, phải cất nghĩa lý do của bức họa xấu xa "*Maja khỏa thân*" (the Naked Maja), mặc dù trong nhiều

thập niên, vương triều Tây Ban Nha đã từng thu thập các tác phẩm hội họa khỏa thân. Cuộc xét xử này thực ra là cách hành hạ nhà danh họa vì những tư tưởng chính trị trước và sau cuộc chiến tranh của người Tây Ban Nha chống lại quân đội Pháp. Nhờ hai người làm chứng xác nhận lòng yêu nước và các hoạt động của nhà danh họa trong thời kỳ chiến tranh, nhờ một nhân viên trong ban xét xử của tòa án tôn giáo công nhận rằng họa phẩm "*Maja khỏa thân*" bắt nguồn từ các họa phẩm của nhà danh họa Titian gốc Ý và nhà danh họa Tây Ban Nha Diego Velazquez (1599-1660), tòa án tôn giáo đã không kết tội Francisco Goya ngoài điều bắt buộc một thời gian "*sám hối*".

4/ Các họa phẩm đen.

Vào ngày 17/2/1819, Francisco Goya mua một căn nhà miền quê có tên là Quinta del Sordo (căn nhà của người điếc), tọa lạc tại phía bên kia giòng sông Manzanares. Căn nhà này có vườn rộng, có giếng nước, có vườn nho và nhà danh họa đã sống với nàng Leocadia Zorilla cùng đứa bé gái 5 tuổi, tên thường gọi là Rosarito. Francisco Goya bị bệnh tật trong các năm cuối đời, sống nhờ sự chăm sóc của nàng Zorilla và nhờ cách chữa trị của bác sĩ Eugenio Garcia Arrieta.

Từ năm 1820 tới năm 1824, nhà danh họa Goya thực hiện các bức tranh mà người đời sau gọi tên là "*các họa phẩm đen*" (Black Paintings), lúc đầu được vẽ vào tường phòng ăn, về sau được chuyển sang vải bố. Khi vào trong phòng ăn, người ta thấy ba tấm tranh lớn: "*Quý Saturn đang ăn thịt con*" (Saturn Devouring His Son) và "*Judith với cái đầu của Holofernes*" (Judith with the Head of Holofernes). Đây là viên tướng người Assyrian đã bị giết bởi nàng góa phụ Judith của thành phố Bethulia. Tác phẩm thứ ba của Francisco Goya có tên là "*Ngày nghỉ của các phù thủy*" (The Witches' Sabbath) trong đó

con quỷ có bề ngoài là con dê đang thuyết giảng cho đám phù thủy mặc áo nhà tu. Nhà danh họa đã chế riều giới tu sĩ trong y phục của thú vật.

Vào năm 1823 tại xứ Tây Ban Nha, chính quyền khắc nghiệt của Vua Ferdinand VII đã bao trùm khắp nơi. Nhiều người bị bắt giữa đêm khuya và các tòa án quân sự chỉ thi hành luật pháp một cách sơ sài. Tây Ban Nha trở thành xứ sở mất tự do nhất của châu Âu và tình trạng đe dọa này khiến cho nhà danh họa Goya phải bỏ trốn. Sau khi bàn giao căn nhà cho người cháu là Mariano, Francisco Goya tới trú ẩn tại nhà một người bạn tên là Jose Duaso y Latre.

Tới khi Vua Ferdinand công bố lệnh ân xá, nhà danh họa Goya xin phép du lịch qua nước Pháp trong 6 tháng để chữa bệnh, ông xin phép ra đi một phần vì không muốn bị nghi ngờ về lòng thiếu trung thành, một phần vì muốn duy trì số tiền lương do chính quyền cung cấp. Ngày 24/6/1824, nhà danh họa dừng chân tại thành phố Bordeaux, nơi cư ngụ của người bạn cũ là Leandro de Moratin. Ông Moratin đã mô tả nhà danh họa là "*một ông già vừa điếc, vừa yếu đuối, không biết một câu tiếng Pháp nhưng lại muốn thử mọi thứ mới lạ*". Francisco Goya tới thủ đô Paris vài ngày rồi quay trở về Bordeaux vì ông bạn Moratin e ngại rằng thời tiết mùa đông của thành phố đó sẽ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của nhà danh họa.

Tại Bordeaux vào thời gian này đã có một cộng đồng nhỏ người Tây Ban Nha lưu vong và Francisco Goya vui hưởng một cuộc sống tiện nghi, bên nàng Zorilla và cô bé Rosarito từ Tây Ban Nha qua theo. Nhà danh họa tiếp tục vẽ một loạt bản khắc nét nhưng không thuộc loại tác phẩm đen nữa, vẽ một số chân dung và vẽ cỡ nhỏ trên ngà voi. Tới tháng 5-1826, nhà danh họa 80 tuổi này trở về thành phố Madrid, xin chính quyền số tiền hưu bổng của chức vụ họa sĩ cung đình. Sau một tháng cứu xét, nhà vua đã

ban cho Francisco Goya 50,000 đồng reales và nhà danh họa trở lại Bordeaux, lòng đầy vui sướng. Francisco Goya cũng trở về Madrid vài lần nữa và trong một lần, ông đã vẽ chân dung cho đứa cháu Mariano, 19 tuổi, giống như bức chân dung khi trước của người con trai Javier cũng 19 tuổi.

Tại thành phố Madrid, người thay thế Francisco Goya làm họa sĩ cung đình bậc nhất là Vicente Lopez, đã yêu cầu nhà danh họa ngồi làm mẫu cho một bức chân dung, trong đó họa sĩ Goya cầm miếng pha màu cùng vài cây cọ.

Vào tháng 2 năm 1828, Francisco Goya lâm bệnh, nên có dặn vợ chồng người cháu Mariano qua Bordeaux. Ngày 28/3, cặp vợ chồng này tới nơi thì vào ngày 16/4/1828, nhà danh họa Francisco Goya thở hơi cuối cùng, bên cạnh gia đình và vài người bạn.

Francisco Goya được chôn cất tại Bordeaux nhưng tới năm 1901, dân chúng Tây Ban Nha muốn mang nắm xương tàn của nhà danh họa về chôn tại thành phố Madrid. Cuối cùng vào năm 1928, mảnh đất của ngôi nhà thờ nhỏ San Antonio de la Florida là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà danh họa, vì vào năm 1798, Francisco Goya đã trang trí vòm mái của ngôi giáo đường này.

Francisco Goya là họa sĩ tìm cách khám phá chiều sâu âm đạm của tâm hồn con người với cơn giận dữ, với nỗi sợ hãi, với cảnh bất công, cảnh chém giết mà trước ông, chưa từng có họa sĩ nào đam mê theo đuổi. Các họa phẩm rực rỡ của Francisco Goya là các hình ảnh của Lịch Sử. Nhà danh họa Goya đã tạo ra ảnh hưởng sâu đậm tới các họa sĩ sáng tác về sau và làm thay đổi chiều hướng của Nghệ Thuật Hội Họa Tây Phương./.

Phạm Văn Tuấn (Virginia)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**



HÃY MỞ RA VÀ CÙNG HÁT

AVE MARIA

Tôi sinh ngày 25 tháng 12.. cho nên có một
tên bạn, hẳn là con trai và đã viết
Đêm rất thánh, cho ta chào sinh nhật
Tóc trắng đường ử một mối tình êm

Và

Tháng chạp khi ta về
Lá trên cành bỗng xôn xao rơi rụng trên tóc
chia trăm đường phiêu bạt.

Đêm bản bật đong đầy trong mắt trên môi.

Hãy tưởng tượng em yêu dấu,
rằng

Cũng một đêm nào tháng chạp năm xưa

Trong một ngôi nhà có hai mái úp
Nghiêng nghiêng như thể một con ngài say
ngủ

Hàng dậu bao quanh thăm thì cùng cây lá
trong vườn đang lá loi với gió.

Hãy tiếp tục tưởng tượng em yêu dấu,
rằng

Không gian đang nhã nhạc vang lừng

Đang chào mừng đêm rất thánh

Cỏ hoa cây lá lao đao

Đất trời nghiêng ngã

Và ta và em quay cuồng trong tiếng nhạc cao
ngất trời xanh thăm

Trong nụ hôn triền miên không dứt

Hãy tưởng tượng em yêu dấu,
rằng

Em đã đến sau Người

Với tình yêu ngút ngàn

Làm quà giáng sinh tuyệt vời

Ta sẽ đưa em đi

Giới thiệu với mọi người

Cảm ơn cha, cảm ơn mẹ

Đã cho em có mặt ở tinh cầu này
Cảm ơn em đã cho ta nghiệt ngã tình đầu
Hãy mở ra và cùng ta hát Ave Maria
Bởi đêm nay Người cũng xuống trần...

12/25/1976

HOÀNG DUNG

(NDT)



DƯỚI CHÂN ĐỨC MẸ

Tranh

Vũ Thái Hòa

VĂN THỊ SĨ HỒ TRƯỜNG AN

Phỏng Vấn

NHÀ THƠ VIỆT BẰNG

1.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết khái quát tiểu sử của anh.

VIỆT BẰNG: Tôi Sinh năm 1937 tại Thị Xã Thái Bình. Thủa ấu thời tôi sống với gia đình bên nội ở ngay thị xã. Quê ngoại ở Bắc Ninh, nhưng hầu hết họ ngoại ở Hà Nội và tôi cũng trải qua những năm đầu của tuổi hoa niên ở Hà Nội.

Cựu học sinh Chu Văn An Sài Gòn, 1955-1956. Cử nhân Văn Khoa Sài Gòn, 1967. B.A. Liberal Studies, San Jose State University, 1997. Hiệu Phó Trường Sinh Ngữ Số 2, Sở Giáo Dục Sài Gòn, 1979-1990.

Có lẽ tôi được hưởng "gen" cần cù học hỏi và làm việc của bên Nội, vì vậy trong cuộc đời, tôi ít vô duyên với những mùa khoa cử ở bậc Trung học và Đại học. Tôi cũng được hưởng cái "gen" Văn Chương và Nghệ Thuật của người sinh trưởng ở vùng Dân ca Quan Họ Bắc Ninh, quê hương của Hoàng Hậu Ý Lan nhà Lý, và Bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ, thời Vua Lê Chúa Trịnh.

Tôi đã thực hiện được ba thi phẩm: *Anh Mắt Tình Nhân*, Phụ Nữ Thời Nay xuất bản, 2001; *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*,



Văn Thị Sĩ
Hồ Trường An

Phượng Đông xuất bản, 2003; *Hình Anh Trôi Đi*, 2005, Cỏ Thơm xuất bản, 2005.

2.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua quê hương của anh: những thôn làng, liên ranh, sông ngòi, đồng ruộng, đồi núi, các đặc sản, các cư dân.

VIỆT BẰNG: Thái Bình, quê hương tôi, trước năm 1945, gồm ba phủ: Kiến Xương, Thái Ninh và Tiên Hưng và chín huyện: Duyên Hà, Đông Quan,

Hưng Nhân, Phụ Dực, Quỳnh Côi, Thụy Anh, Thư Trì, Tiền Hải, Vũ Tiên.

Theo thân phụ tôi, Cụ Lê Xuân Triêm, thư ký sở Địa Chính, Thái Bình năm 1930 và Cụ Lượng, Tham Sự, Trưởng Phòng Hành Chính thời Kỳ Sư Adams, Người Pháp là Giám Đốc Sở Địa Chính Thái Bình, Trấn Sơn Nam, nơi có Trường Thi Hương Cống như Hà Nội, trước Thời Pháp Thuộc, bao gồm cả hai Tỉnh Nam Định và Thái Bình.

Năm 1880, J.Piquet, Toàn Quyền Đông Dương ký Nghị Định tách Trấn Sơn Nam thành hai tỉnh: Hữu ngạn sông Hồng thuộc tỉnh Nam Định và Tả ngạn Sông Hồng thuộc Tỉnh Thái Bình. Thị Xã Thái Bình được thiết lập tại Làng Trung, Huyện Vũ Tiên, hiện nay vẫn còn di tích

Chùa Trung, Đường Trưng Trắc, Thái Bình. Sau đó, một Nghị định khác của Phủ Toàn Quyền Đông Dương, sát nhập các Huyện Duyên Hà, Hưng Nhân, Thần Khê của Tỉnh Hưng Yên vào địa phận Tỉnh Thái Bình và Huyện Thần Khê, đổi thành Phủ Tiên Hưng, Thái Bình.

Ngày nay, dấu vết Huyện Thần Khê của Hưng Yên vẫn còn lưu truyền trong Ca dao:

"Đã là con mẹ, con cha

Sinh ra ở đất Duyên Hà, Thần Khê."

Theo thống kê 2003 và bản đồ, Thái Bình hiện còn 7 Huyện Đông Hưng, Hưng Hà, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Tiền Hải, Vũ Thư. Thái Bình Bắc giáp hai Tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Nam giáp Nam Định, Tây giáp Hà Nam, Đông giáp vịnh Bắc Việt. Vị Trí: Bắc vĩ tuyến: 20o 17 - 20o 44. Đông kinh tuyến: 100o 06-106o 39. Dân số Thái Bình hiện nay khoảng: 1,850,000 dân cư.

Đặc sản của Thái Bình là lựa Bộ La, đã nhiều lần trưng bày tại Hội Chợ Quốc Tế Paris.

3.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh còn nhớ món rươi nổi tiếng ở vùng Thái Bình, Nam Định không? Nếu còn nhớ, xin anh nói qua món đặc sản ấy.

VIỆT BẰNG: Rươi là món đặc sản của Thái Bình. Cứ vào tháng 5, tháng 10, mùa nước lớn, nước phù sa đục ngầu có một số ngày có rươi. Ngày con nước rươi, dân quê mang vó ra sông vớt rươi bỏ vào những nồi đất lớn rồi gánh đi bán khắp phố. Rươi là loài thủy trùng, màu nâu, hồng, hay vàng, phía lưng thẫm màu hơn bụng, nhiều chân hơn rết và cuống chiểu, mình dẹp, chân dẹp như mái chèo để thích nghi với sự bơi lội.

Cô tôi thường mua rươi sống đánh với trứng cho thật nhuyễn, thêm thịt băm và hành rồi chiên lên thì có ngay món rươi thơm phức. Rươi là món ăn khoái khẩu của người lớn. Theo các

cụ già, rươi có tác dụng chữa bệnh đau nhức trong những ngày trái gió, trở trời.

4.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ở vùng Thái Bình và những kỷ niệm của anh ở nơi quê hương anh.

VIỆT BẰNG: Năm 1950, tôi rời Thái Bình ở tuổi 14, trong thời loạn lạc, nên không có nhiều cơ hội thăm những thắng cảnh như Bãi Biển Đồng Châu hay Chùa Keo... Mãi đến năm 2003, tôi mới đến thăm Chùa Keo.

Chùa Keo vừa là thắng cảnh, vừa là một di tích lịch sử-văn hóa lừng danh tọa lạc tại Làng Keo, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình. Theo sách *Không Lộ Thiền Sư Ký Ngữ Lục*, năm 1061, Không Lộ Thiền Sư dựng Chùa Nghiêm Quang tại Làng Giao Thủy (Làng Keo), Tỉnh Nam Định, sau đổi tên là Thần Quang Tự khi Không Lộ Thiền Sư viên tịch.

Năm 1661, một trận lũ lớn cuốn trôi ra biển cả Làng Keo và ngôi Chùa Thần Quang, dân Làng Keo phải bỏ quê cha đất tổ ra đi. Một nửa dân số rời về Làng Hành Thiện dựng nên Chùa Keo Hành Thiện, Tỉnh Nam Định, hữu ngạn Sông Hồng. Một nửa vượt Sông Hồng lập ra Làng Keo, nay thuộc Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, tả ngạn Sông Hồng.

Chùa Keo Thái Bình có tên là Thần Quang Tự, xây từ năm 1630 đến năm 1632 theo kiến trúc Thời Lê do sự vận động của Bà Lại Thị Ngọc, vợ Tuân Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng và Đông Cung Vương Phi Trịnh Thị Ngọc Thọ. Chùa đã trải qua những lần trùng tu vào thế kỷ 17, 18. Vào năm 1941, chùa có một kiến trúc quy mô rộng lớn trên một diện tích khoảng 58.000m² với đặc điểm sau: Góc chuông 3 tầng mái, cao 11.04m. Tầng 1, treo một khánh đá dài 1.87m. Tầng 2 có chuông đúc năm 1686. Tầng

3 hay tầng thượng có chuông đúc năm 1786. Bộ khung gác chuông làm bằng gỗ "trò" nâng bổng 12 mái ngói, dáng vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng. Toàn bộ kiến trúc của chùa gồm ba ngôi nhà nối liền nhau, trong cùng là gác chuông, nhà tổ và khu tăng xá tổng cộng 128 gian.

Hàng năm có Hội Xuân và Hội Thu. Hội Xuân được tổ chức vào ngày mồng 4 tháng Giêng Âm lịch ngay tại ngôi chùa mang tên làng. Hội Thu mới là hội chính vào các ngày 13, 14 và 15 tháng 9 Âm lịch để kỷ niệm Thiên sư Không Lộ (1016-1094), người sáng lập chùa qua đời ngày mồng 3 tháng 6 Âm lịch. Ngày hội mở đầu bằng lễ rước kiệu, hương án, long đình, và thi thuyền rồng, tiểu đình trên Sông Trà Lĩnh trước cửa chùa, trước khi sông nhập với Sông Hồng. Trong chùa cũng có những cuộc thi diễn xướng đàn ca về nhiều đề tài, người thấy hội từ những tỉnh khác đến tụ tập rất đông vui. Vì vậy, người địa phương có câu ca dao:

*Dù cho cha đánh, mẹ treo
Em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm.*

Năm 1943, Chùa Keo được Sở Bảo Tồn Cổ Tích Đông Dương tại Hà Nội xếp loại Cổ Tích Liệt Hạng. Chùa Keo là ngôi cổ tự nổi tiếng hạng nhất ở Việt Nam. Trước cửa Tam Quan có tấm bảng Di Tích Lịch Sử-Văn Hóa Quốc Gia của Bộ Văn Hóa Giáo Dục.

Thái Bình còn những di tích lịch sử khác: Đền Tiên La thờ Bát Nàn Công Chúa. Bà là nữ tướng giỏi, có công giúp hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định ra khỏi bờ cõi. Sau chiến thắng, bà về tu tại Chùa Tiên La và mất tại đây. Dân địa phương đã dựng đền thờ Bà tại Xã Tiên La, Huyện Duyên Hà, Tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra, tại Làng Thái Dương, Huyện Hưng Nhân còn có đền và lăng tẩm của các Vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Gần khu vực đền đài còn có một con kênh do chính Thái sư Trần Thủ Độ, điều động dân đào. Hàng năm vào những ngày rằm tháng 2, rằm tháng 8, ngày 24 tháng 4 và 16 tháng 12, dân làng tụ tập làm lễ tưởng niệm các vua nhà Trần.

5.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những nhân vật nổi tiếng ở Tỉnh Thái Bình.

VIỆT BẰNG: Thái Bình cũng là một vùng địa linh nhân kiệt của miền Bắc, nơi sản xuất rất nhiều danh nhân trong những thời dựng nước và cứu nước xa xưa. Ở đây, Tôi xin đề cập đến một vài danh nhân sau đây.

Lê Quý Đôn, người Huyện Duyên Hà, con của Trung Hiếu Công Lê Phú Thứ. Ông đậu Tiến Sĩ năm 1724, làm quan đến Hình Bộ Thượng Thư (Bộ Trưởng Tư Pháp) và là một học giả uyên bác... Tác phẩm ông để lại rất nhiều, nhưng bị thất lạc. Những bộ còn lưu lại vẫn là

một kho tài liệu cho những ai muốn khảo cứu về lịch sử, địa dư và văn hóa Việt Nam Thời Lê Mạc: *Toàn Việt Thi Lục, Đại Việt Thông Sử, Kiến Văn Tiểu Lục, Thánh Mô Hiền Phạm, Quê Hương Thi Tập.*

Bùi Viện, người Làng Trình Phố, Phủ Kiến Xương Thái Bình tuy chỉ đậu Cử Nhân nhưng là người nhìn xa trông rộng, lo lắng cho vận mệnh quốc gia khi thấy các tàu buôn Tây Phương lảng vảng ở các cửa biển. Ông đã

từng dâng sớ canh tân đất nước và là sứ thần đầu tiên sang Hoa Kỳ thương lượng việc bang giao và đã được Tổng Thống Ulysses S. Grant tiếp kiến. Ông cùng với Đoàn Uẩn xây cất một



Nhà Thơ Việt Bằng

hải cảng ở Ninh Hải, sau này là Thành Phố Hải Phòng. Hải Phòng là một trong những hải cảng nổi tiếng của Việt Nam hiện nay nhưng không mấy ai còn nhớ cửa biển này đã có trong dự án xây cất Bù Viện từ giữa Thế Kỷ XIX.

Từ năm 1950-1954, Thời Quốc Trưởng Bảo Đại, hai Thủ Hiến Bắc Việt - Nguyễn Hữu Trí và Phạm Văn Bính đều là người Thái Bình. Nguyễn Hữu Trí, lãnh tụ của Đảng Đại Việt Miền Bắc, người Làng Thân Thượng, Phủ Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình. Trong chuyến du hành đi Pháp gặp Quốc trưởng Bảo Đại, ông bị ám sát khi ghé Phi Trường Tân Sơn Nhất. Thời ấy, sự tranh chấp giữa Tướng Nguyễn Văn Hinh và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chưa ngã ngũ, Quốc Trưởng có ý muốn thay thế Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Dự luận cho rằng ông Ngô Đình Nhu đã tổ chức vụ mưu sát này như ông đã cho người ám sát Tướng Trình Minh Thế sau này.

Phạm Văn Bính, con trai thứ của Tổng Đốc Thái Bình Phạm Văn Thụ, sinh trưởng ở Thị Xã Thái Bình, thân mẫu ông là người Làng Trình Phố, Phủ Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, dòng dõi của Cụ Bù Viện. Phủ Kiến Xương cũng là nơi tá túc của Tôn Dật Tiên, trước khi cuộc Cách Mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công. Ngoài ra, Thái Bình cũng là quê hương của những nhà văn, chính trị gia và tướng lãnh nổi tiếng.

6.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi Việt Minh lên nắm chánh quyền, anh đã được chứng kiến những gì?

VIỆT BẮNG: Vào thời này từ Hà Nội, tôi về thăm gia đình, được chứng kiến một vụ xử bắn một người tên là Vũ Ban tại Vọng Cung, cổng ngoài của Dinh Tổng Đốc Thái Bình.

Từ 3:30 giờ chiều, các đoàn thể và dân chúng tập trung trước cửa Vọng Cung, riêng đoàn thiếu nhi nắm tay nhau làm một hàng rào không cho ai vào khu vực xử án. Khoảng 4:00

các đại diện đoàn thể, các thân hào nhân sĩ đã tề tựu đông đủ, một cán bộ đại diện Ủy Ban Nhân Dân Thị Xã Thái Bình đến micro tuyên bố khai mạc cuộc xử án Vũ Ban. Trước hết ủy viên tư pháp đọc bản luận tội Vũ Ban, một cảnh sát thời Pháp thuộc, trưởng phòng an ninh thời Nhật tạm chiếm, đang trên đường đào tẩu đến Thị Xã Nam Định thì bị phát hiện tại Bến Đò Tân Đệ và được Công An Nam Định giải giao về Thị Xã Thái Bình. Lời kết tội cũng nhấn mạnh về những địa bàn và ngày tháng Vũ Ban gây tội ác. Can phạm được đưa lên micro xác nhận tội trạng và xin khoan hồng. Ủy viên phát biểu: Bắn hay tha là do quyết định của các đoàn thể và đồng bào. Ai muốn Vũ Ban phải đền tội thì giơ tay thật cao. Cả biển người giơ tay và la "Bắn tên phản quốc". Ngay sau đó bàn chủ tọa và micro được dọn đi, Vũ Ban được dẫn tới bức tường của Vọng Cung, bị trói tay và bịt mắt. Tiểu đội hành quyết thao diễn, bước tới và dừng lại cách tử tội khoảng 10m. Sau một loạt tiếng nổ chát chúa, tử tội té xuống đất, nằm nghiêng, thân run rẩy. Một viên đạn trúng động mạch gần tim, máu phun ra có vôi, ướt đầm ngực áo tử tội. Người chỉ huy đội hành quyết bước tới, rút súng ngắn bắn một phát ân huệ vào thái dương, đầu tử tội nảy lên và quẹo đi. Một chiếc xe vận tải nhỏ "gie" tới, bỏ xuống một cái hòm mở nắp, trong đó có mặt cửa. Xác của tử tội được bỏ vào hòm, người ta đóng nắp lại, chiếc xe mang xác tử tội, chạy về hướng nghĩa trang đầu tỉnh.

7.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi Pháp tái chiếm Đông Dương, anh đi tản cư ở miền quê nào? Hay anh ở lại thành phố nào? Xin cho biết đôi chút giai đoạn ấy.

VIỆT BẮNG: Pháp tái chiếm Đông Dương mở đầu bằng những trận đánh ác liệt nhất trong Thành Phố Hải Phòng. Hà Nội chưa bị tấn

công, nhưng không khí chiến tranh bao trùm khắp nơi, các đơn vị tự vệ khu phố được gấp rút thành lập. Thường Dân Pháp bị bắt trên đường phố. Xe Quân Sự Pháp bị tấn công trên khắp các nẻo đường. Để trả đũa, Lính Pháp bắn bừa bãi vào những nơi có thường dân tụ tập.

Trước tình thế khẩn trương, tôi theo gia đình bà cô tản cư về Thị Xã Thái Bình nhưng chỉ được ít ngày, thị xã được lệnh sơ tán, chỉ những thanh niên trong đội tự vệ khu phố mới được ở lại thị xã để chuẩn bị chiến đấu. Tự vệ đến từng gia đình yêu cầu dân chúng rời thị xã ngay tức khắc. Gia đình tôi di chuyển đến những vùng gần biển thuộc Phủ Kiến Xương hay Tiền Hải cho đến ngày lọt vào vùng hành quân của Đại Tá Charton và được tàu Pháp đưa đến Hải Phòng, trước khi đi xe lửa về Hà Nội.

8.

HỒ TRƯỜNG AN: Nếu có thể được, xin anh nói qua những biến cố ở Thái Bình trong cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh.

VIỆT BẰNG: Trong cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954), Thái Bình là thành phố đầu tiên thực hiện chính sách "tiêu thổ kháng chiến" ngay khi Quân Đội Pháp đánh chiếm Thị Xã Nam Định, thành phố lớn thứ ba ở Bắc Việt, chỉ sau Hà Nội và Hải Phòng. Trước 19-12-1946, ngày toàn quốc kháng chiến, quân đội Pháp đã gây hấn, chiếm nhà máy tơ và nhà máy sợi Nam Định rồi từ nơi rộng sự kiểm soát toàn bộ thị xã.

Ngay khi đó, Thị Xã Thái Bình bên tả ngạn Sông Hồng cách Nam Định 18 cây số buộc phải sơ tán dân, thanh niên gia nhập các đội Tự Vệ khu phố để chuẩn bị ứng chiến. Tháng 1-1947, hai Tiểu Đoàn Lê Dương Pháp có chiến xa và phi pháo yểm trợ, vượt Sông Hồng tấn công Thị Xã Thái Bình. Lính Pháp và Tự vệ khu phố đánh xáp lá cà và quần thảo nhau trong từng căn nhà một, hậu quả là ba đại đội tự vệ hy sinh gần

hết và Quân Đội Pháp bị thiệt hại nặng, rút lui về Nam Định.

Sau cuộc tấn công của Quân Đội Pháp, Thái Bình triệt để áp dụng chính sách "tiêu thổ". Thị xã chỉ còn là tập hợp của những đồng gạch lớn, đồng gạch nhỏ, ít thấy một viên gạch nào còn nguyên vẹn. Từ đó phi cơ Pháp thường xuyên oanh tạc các bệnh viện, chợ của những thị trấn đông dân của Thái Bình như Đống Năm thuộc Phủ Thái Ninh, Chợ Huyện thuộc Trình Phố, Phủ Kiến Xương mà tôi có dịp chứng kiến khi tình cờ qua vùng này năm mười ba tuổi.

Năm 1949, sau những thất bại của các cuộc hành quân biên giới, tại Thượng Du và Trung Du, Quân Đội Pháp rút về cố thủ vùng châu thổ Sông Hồng. Với chính sách xây dựng một hệ thống đồn bốt chắc chắn và mở những cuộc hành quân chiếm đất, giữ dân.

Tháng 8 năm 1949, Pháp mở cuộc hành quân đại qui mô chiếm đóng Tỉnh Lỵ Thái Bình cùng 12 phủ huyện. Nhưng tình hình toàn tỉnh không khả quan hơn, ban ngày thuộc quyền kiểm soát của Quân Đội Pháp, ban đêm của Du Kích Quân. Trước ngày Điện Biên Phủ thất thủ 07-05-1954, Quân Đội Pháp bất chợt rút lui khỏi Thái Bình trong vòng bốn giờ, kể từ 12 giờ trưa, với sự yểm trợ tối đa của phi pháo.

9.

HỒ TRƯỜNG AN: Hình như tuổi hoa niên của anh ở Hà Nội. Xin anh cho biết nơi kinh kỳ Miền Bắc này. Luôn tiện, xin nói qua Trường Nguyễn Trãi cùng kỷ niệm của anh dưới mái trường ấy.

VIỆT BẰNG: Thực ra tôi ở Hà Nội từ thiếu thời và cả tuổi hoa niên. Từ lớp 1 đến lớp 3 tôi học Trường Tiểu Học Monguillot Thị Xã Thái Bình nhưng cứ đến 3 tháng Hè, tôi được gửi về Hà Nội, quê ngoại để học Toán và Pháp Văn tại

nhà Bác Giáo Thế, hiệu trưởng Trường Tiểu Học Ngô Sĩ Liên, Đường Hàm Long Hà Nội.

Năm học 1945-1946, sau khi đậu Sơ học Yếu Lược (Lớp 3) cả hai ban Pháp và Việt tại Trường Monguillot Thị Xã Thái bình, tôi được gửi đi Hà Nội học Lớp Moyen (Lớp 4) tại Trường Ngô Sĩ Liên. Vào những ngày nghỉ Tết, tôi theo ông cậu qua Phố Lò Đúc và Ô Đống Mác đến Đình Tương Mai xem hát Quan Họ và những người đánh cờ tướng.

Ngày 19-12-1946, Chính phủ kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Dân Hà Nội tản cư về hậu phương, trong đó có tôi rời Thủ Đô sớm nhất. Tháng 8-1950, tôi hồi cư về Hà Nội từ vùng quê Thái Bình. Thửa ấy học sinh về thành mỗi ngày một nhiều, Trường Chu Văn An được chia làm hai trường: một nửa ở lại Trường Đồng Khánh cũ, góc Đường Đồng Khánh và Đường Lý Thường Kiệt, gán Hồ Gươm đổi tên mới là Trung Học Nguyễn Trãi; một nửa dọn về góc Phố Đỗ Hữu Vị và Quan Thánh, vẫn giữ tên cũ là Trung Học Chu Văn An.

Ngày 1-9-1950, qua kỳ thi nhập học, tôi vào lớp 8 Trường Trung Học Nguyễn Trãi. Khi Hiệp Định Genève được ký kết ngày 20-7-1954, tôi đã học hết lớp Đệ Tam (Lớp 10) và chuẩn bị lên lớp Đệ Nhị (Lớp 11) Trường Nguyễn Trãi.

Một kỷ niệm không thể nào quên khi tôi nghĩ đến Trường Nguyễn Trãi là kỷ niệm với Thầy Nguyễn Văn Vượng (Giáo Sư Pháp Văn lớp 10 và Triết lớp 12), người rất nghiêm khắc với học sinh về những lỗi ngữ pháp và chính tả. Những bài kiểm Pháp Văn trong lớp, một số học sinh chỉ đạt điểm dưới 5. Trước khi thầy trả bài thi học kỳ 2, học sinh sợ xanh mặt vì nếu được điểm thấp sẽ phải thi lại môn Pháp của thầy. Bất chợt thầy đến bên tôi và nói: “Thưa Ngài *Thủ Hiến Bắc Việt*, sau này, Ngài có thể còn tiến xa hơn nữa nhưng nên nhớ xưa Ngài đã là học trò tôi và đã viết chữ *diriger 2 R*”. Nói rồi thầy trao bài thi cho tôi, tôi

rất ngạc nhiên khi được 7 điểm cho dù có mắc lỗi chính tả. Cho đến bây tôi vẫn thắc mắc, giữa Ngài *Thủ Hiến Bắc Việt* - Nguyễn Hữu Trí thời đó và tôi có điểm nào giống nhau về nhân dạng không mà thầy lại gọi tôi là *Thủ Hiến*, hay đó chỉ là lối nói hài hước của thầy để tôi nhớ suốt đời chữ *diriger* chỉ có 1 chữ R!

10.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói về cuộc di cư của anh từ Bắc vào Nam. Thành phố đầu tiên nào ở miền Nam mà anh đến định cư?

VIỆT BẰNG: Ngày 15-07-1954, tôi rời Hà Nội xuống Hải Phòng rất sớm trước khi Hà Nội có kế hoạch di cư của Ông Lê Quang Luật, Đại Biểu Chánh Phủ tại Miền Bắc thay cho từ *Thủ Hiến Bắc Việt* thời Quốc Trưởng Bảo Đại. Trên đường phố Hà Nội bấy giờ đầy những biểu ngữ dán hình *Thủ Tướng Ngô Đình Diệm* và những hình chụp cảnh sống sung túc của miền Nam.

Ngày 31-12-1954, tôi đến Tòa Thị Chính Hải Phòng ghi danh "vô Nam". Ban Di Cư có hai phòng: Phòng do nhân viên Việt Nam phụ trách lập danh sách di dân và sắp xếp ngày đi cho họ. Bất cứ ai đến phòng này ghi tên đều được xếp đi tàu Hải Quân Marine Serpent của Mỹ. Phòng kế bên do Cô Geniève de Gulard, Người Pháp sắp xếp chuyến bay cho di dân Người Âu và một số Người Việt nói được tiếng Pháp. Tôi chú ý đến phòng này vì tiếng nói trong trẻo rất nữ tính của Geniève de Gulard khi cô khoe với người bạn gái “cô là một trong số rất ít người còn sống sót dưới căn hầm chỉ huy của Tướng De Castries tại Điện Biên Phủ, trước khi đầu hàng, và cô cũng là tù binh đầu tiên được trao trả tại Bãi Cháy, Hồng Gai”.

Tôi ghi danh với Cô Geniève de Gulard. Cô vui vẻ sắp tên tôi trong danh sách chuyến bay ngày 02-01-1955. Tôi rời Phi Trường Quân Sự Cát Bi lúc 8 giờ sáng và tới Phi Trường Tân Sơn

Nhất lúc 12 giờ 30 trưa cùng ngày. Đến Sài Gòn, tôi ở nhà người bác một tuần, trước khi dọn sang nhà mới mà bác đã thuê trước cho gia đình tôi ở gần đó.

11.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua giai đoạn đầu tiên khi anh ở Sài Gòn. Những phố xá nào, khu vực nào, chợ búa nào mà anh quen thuộc và đã từng khắc ghi những dấu ấn sâu đậm vào ký ức của anh?

VIỆT BẰNG: Vừa đến Sài Gòn, bác tôi đã thuê sẵn cho gia đình tôi căn lầu số 46, Đường Phạm Hồng Thái, Quận 2 rất gần Khu Trung Tâm Chợ Bến Thành. Căn lầu có bốn phòng, gia đình tôi ở ba phòng, còn lại một phòng mẹ tôi cho Cô A Làn thuê, thực ra cô đã thuê phòng này với chủ trước, khi chủ hộ nhượng lại căn lầu cho Mẹ tôi, người vẫn để cô thuê lại. Gia đình A Làn có hai người, A Làn 20 tuổi, thư ký Nhà Băng Franco-Chinoise trước cửa Tây Chợ Bến Thành và Xừ Phùng, 16 tuổi, học sinh lớp 9 trường Régina Pacis, gần Tòa Đại Sứ Miên và Trường L' Aurore.

Tuy ở Phòng riêng nhưng gia đình A Làn dùng chung bếp dưới cầu thang với gia đình tôi. Mọi tình thơ mộng giữa Xừ Phùng và tôi khi ấy 18 tuổi, đã manh nha từ căn bếp đó. Người Hoa có thói quen ăn khuya, cứ 10 giờ đêm Xừ Phùng nấu cháo cho hai chị em cùng ăn và đem cho tôi một chén cháo. Những ngày cuối tuần, tôi đưa Xừ Phùng đi xem chiếu bóng tại rạp thường trực Vĩnh Lợi, Đường Bonard hay Rạp Lê Lợi, Đường Lê Thánh Tôn, xế Chợ Bến Thành.

12.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua về Trường Chu văn An và niên học độc nhất của anh (1955 -1956) dưới mái trường ấy.

VIỆT BẰNG: Ngày tựu trường 1/9 của năm học 1955-1956, tôi học lớp 12A2 Chu văn An, phía sau Trường Petrus Ký. Năm học mới, học sinh tập trung vào các môn chính với các Thầy Hoàng Cơ Nghị (Lý), Phạm Đình Ái (Hóa) Nguyễn Văn Đỉnh (Vạn Vật), Nguyễn Ngọc (Toán) v.v... Năm ấy, Thầy Hoàng Cơ Nghị, Cử nhân Vật Lý, Đại Học Sorbonne Paris, vốn là giáo sư trường Pháp, J.J. Rousseau chưa rành tiếng Việt như những năm sau, trong lớp thầy giảng bài nửa tiếng Pháp, nửa tiếng Việt. Lối giảng dạy của thầy trong lớp rất dễ nhưng đề thi Tú Tài 2 thầy ra rất khó, thầy kiêm nhiệm luôn Giám Đốc Nha Trung Học và Khảo Thí, phụ trách ra đề thi và chọn đề thi các kỳ thi Tú Tài 1 và 2.

Nhờ kinh nghiệm của các lớp đàn anh, học sinh lớp trên nên tôi biết tủ của thầy ở cuốn *G. Ève*. Ngay từ giờ đầu, cả lớp bày *Annales Vuilbert* trên mặt bàn. Vì vậy, thầy yên chí học sinh không dùng *G. Ève* và ra đề thi trong cuốn sách này, nhiều bài kiểm và đề thi của thầy y nguyên trong *G. Ève* có cả phần bài giải, rất hiếm khi thầy đổi số cho khác đi một chút.

Buổi học cuối cùng, thầy chúc học sinh may mắn trong kỳ thi Tú tài 2 và khen học sinh 12A2 giỏi Vật Lý. Khi vào vấn đáp, sáu học sinh lớp tôi bị đánh rớt vì những câu hỏi bất ngờ và hắc búa của thầy, có người bị hỏi chương trình lớp 11, năm trước. Riêng tôi, bốc được một bài toán về Con Lắc Kép, làm đúng cả ba câu hỏi mới đạt điểm 3.

Cho dù mùa thi năm ấy tôi chỉ đậu thứ nhưng vẫn vui, trong khi chờ đợi vào vấn đáp các thầy, tôi đã gặp và trò chuyện với những kiều nữ 12C (IC) Chu Văn An như Châu Phố, người mà lớp tôi gọi là *Mangala* – Cô Gái Ấn, sau là luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn; Lê Thị Thục, sau là giáo sư Pétrus Ký, Đại Học Sư Phạm Ban Anh; và Nguyễn Minh Châu, sau tốt nghiệp Cao Học

Hành Chánh tại Pháp, giám đốc Nha Ngoại Thương Bộ Kinh Tế.

13.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh nói qua những năm anh học trường Đại Học Văn Khoa. Xin anh nhắc lại những giáo sư đã hướng dẫn anh.

VIỆT BÀNG: Niên khóa 1957-1958, tôi ghi danh tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, năm Dự Bị, khi ấy Trường tọa lạc tại Đường Nguyễn Trung Trực, gần Chợ Bến Thành. Năm Dự Bị, tôi học Triết với GS. Lê Thành Trị, Nguyễn Văn Trung, Hán văn với Cha Larre, người Pháp.

Niên khóa 1958-1959, tôi ghi danh Chứng Chỉ Ngữ Học Anh với Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa, khi ấy là khoa trưởng Trường Đại Học Văn Khoa; Chứng Chỉ Anh Văn Thực Hành với một giáo sư người Canada mà tôi đã quên tên.

Tôi ghi danh chứng chỉ Lịch sử Triết Học Đông Phương, Niên khóa 1959-1960 và Triết Học Trung Hoa niên khóa 1963-1964. Tôi học với các Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Giản Chi, Lương Kim Định, Hoàng Sĩ Quý và Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ.

Do sự giới thiệu của Giáo Sư Lê Xuân Khoa, tôi làm thư ký tòa soạn Tạp Chí Văn Hóa Á Châu của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa thời đó và đôi khi tôi cũng làm thư ký riêng cho thầy những khi thầy quá bận rộn.

Tôi ghi danh chứng chỉ Lịch Sử Triết Học Tây Phương và Triết Học Đông Phương niên khóa 1960-1961: Giáo Sư Lê Tôn Nghiêm dạy về Triết Học Cổ Điển Tây Phương từ Platon và Triết học Heidegger, khuyến hướng hiện sinh Đức; Giáo Sư Nguyễn Văn Trung về Triết học Fichte, Hegel, Karl Marx với Duy Vật Biện Chứng Pháp. Triết Học Hiện Sinh Vô Thần J.P. Sartre; Giáo Sư Lê Thành Trị về và Triết Học Hiện Sinh Hữu Thần Kierkegaard... Linh Mục Trần Thái Đĩnh

về Triết học Kant.

Niên Khóa 1962-1963, tôi được học bổng tu nghiệp Anh Văn một năm tại Đại Học Sidney, Úc Châu. Chương trình học rất nhẹ, có lẽ chỉ nhằm giúp cho học viên trau dồi thêm khả năng nghe và nói. Niên khóa 1964-1965, tôi đổi nhiệm sở từ Trường Trung Học Công lập Phan Rang về Trường Trung học Tổng Hợp Kiến Hòa để thuận lợi cho việc ghi danh và tham dự giảng khóa tại Trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Niên khóa 1966-1967, tôi ghi danh chứng chỉ Triết Học Ấn Độ, và học với các Thượng Tọa Thích Mẫn Giác về Triết Học Cổ Đại Ấn Độ: Veda, Upanisad, Jaina; Thích Minh Châu về Triết Học Thiên Tiểu Thừa - Triết Học Tính Không; Thích Quảng Liên về Triết học Thiên, Đại Thừa...

Như vậy, ngoài chứng chỉ Dự Bị, với hai chứng chỉ Anh Văn và hai chứng chỉ Lịch sử Triết học Đông và Tây, tôi đã hoàn tất Cử Nhân Tự Do, tháng 10 năm 1961. Sau đó, với bốn chứng chỉ Triết Học và Lịch Sử Triết Học, tôi được cấp bằng Cử Nhân Giáo Khoa Triết Học vào tháng 10 năm 1967.

Một trong những giảng sư Triết Học Trường Đại Học Văn Khoa thời ấy, Giáo Sư Lâm Ngọc Huỳnh, người tôi đã từng ngưỡng mộ, đỗ Tiến Sĩ Triết học tại Bruxelles, Bỉ, tuy là thầy tu xuất nhưng Giáo Sư không có thiên kiến, định kiến khi giảng dạy, nên được lòng sinh viên. Năm 1972, khi tôi đến thăm giáo sư tại nhà riêng ở Cư Xá Tự Do, Đường Lê Văn Duyệt, gần Chợ Ông Tạ, giáo sư cho tôi mượn sáu cuốn sách Triết Học của J.P. Sartre, Marcel Jaspers, và *Le Mythe de Sisyphe* của A. Camus, do Presse de l'Universitaire, Paris xuất bản. Khi tôi ra về, Giáo Sư tiễn đến cổng và nói nếu tôi chọn Triết Hiện Sinh của J.P. Sartre để làm tiểu luận Cao Học mà chưa tìm được ai, giáo sư có thể nhận làm "Patron" cho tôi.

14.

HỒ TRƯỜNG AN: Trước hết anh là một nhà giáo, xin anh nói qua giai đoạn anh hành nghề mô phạm.

VIỆT BÀNG: Tôi vào nghề dạy học từ tháng 10-1961 khi tình trạng thiếu giáo sư Đề Nghị Cấp khá trầm trọng. Sinh Viên Đại Học Sư Phạm bốn năm, khóa đầu chưa ra trường. Dù Bộ Giáo Dục có cho khóa này ra sớm hơn dự liệu cũng không thỏa mãn được nhu cầu giáo sư Đề Nghị Cấp, càng ngày càng tăng vì chính sách giáo dục - đưa các trường Trung Học về đến cấp Quận. Ngoài ra, tình trạng một số giáo sư bỏ nghề để đi làm sở Mỹ càng tạo thêm sự khó khăn cho Bộ Giáo Dục.

Trước tình thế đó, Bộ Giáo Dục ra thông tư tuyển dụng giáo sư Đề Nghị Cấp theo hai tiêu chuẩn: ứng viên có Cử Nhân Tự Do, hưởng chỉ số 430, nhập ngạch sau quá trình giảng dạy một năm; có Cử Nhân Giáo Khoa, hưởng chỉ số 470, như sinh viên tốt nghiệp Đại học Sư Phạm bốn năm. Thông tư này phổ biến từ 15-8-1961 nhưng mãi đến đầu tháng 10-1961, tôi mới đến Nha Trung Học và Bộ Giáo Dục lập hồ sơ xin tuyển dụng, vài ngày sau có giấy báo, tôi đến Nha Trung Học nhận Sự Vụ Lệnh bổ nhiệm.

Nhiệm sở đầu tiên của tôi là Trường Trung Học An Phước, Ninh Thuận, gần Ga Tháp Chàm. Chỉ cần bước lên xe lửa chuyến 10 giờ đêm tại Tháp Chàm, 6 giờ sáng hôm sau tôi đã đến sân Ga Sài Gòn, Đường Phạm Ngũ Lão. Năm 1965, tôi xin chuyển về Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa.

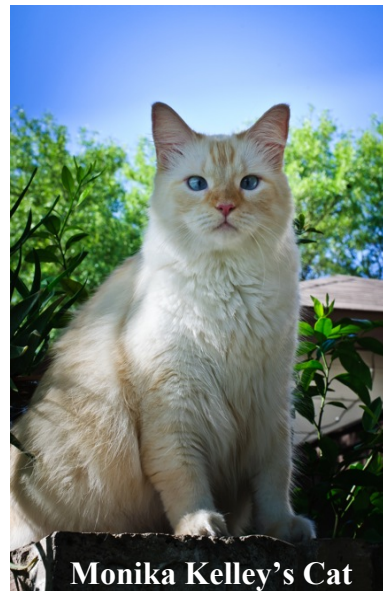
Năm 1971, sau mười năm dạy học ở tỉnh lẻ, tôi được bổ nhiệm về Trường Trung học Đô Thị Hùng Vương, Quận 5 Sài Gòn khi ấy chỉ có lớp 10 và 11. Sau 30-4-1975, Trường Trung Học Hùng Vương đổi thành Trường Phổ Thông Cấp 3 Hùng Vương, ngày nay là trường điểm của thành phố.

(Còn tiếp)

Trích trong “Giai Thoại Văn Chương” của

Hồ Trường An

Kính chúc quý vị độc giả
thân chủ quảng cáo và
văn thi nghệ sĩ
Năm Tân Mão
nhiều sức khỏe,
dồi dào hạnh phúc
khang an thịnh vượng.



Monika Kelley's Cat

Trang Sử Giữ Nước, Chống Ngoại Xâm Trong Buổi Đầu Nền Tự Chủ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Năm 931 (Tân Mão), Dương Diên Nghệ người Xã Dương Xá Huyện Thiệu Hóa [nay là Thiệu Yên vì có Yên Định sáp nhập), Tỉnh Thanh Hóa, khởi binh đánh đuổi Quân Nam Hán. Từ ấy, nước ta độc lập suốt 476 năm, trải qua các Triều Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ; đánh dấu một thời đại tự chủ oai hùng (931- 1407).

I - NHÀ NGÔ (939 – 965)

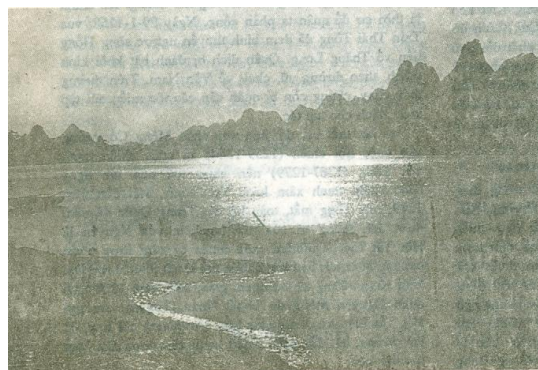
Ngô Quyền (898- 944) người Xã Đường Lâm, nay thuộc Thành Phố Sơn Tây Tỉnh Hà Tây; được Dương Diên Nghệ cho làm nha tướng và gả con gái là Dương Thị Như Ngọc.

Tháng 4 năm 937 (tức tháng 3- Đinh Dậu), Dương Diên Nghệ bị bộ Tướng Kiều Công Tiễn giết. Ngô Quyền đang làm Thứ sử Ái Châu (Thanh Hóa), đem quân ra hỏi tội. Kiều Công Tiễn cho sứ sang Nam Hán cầu cứu. Vua Hán là Lưu Cung (Liu Gong) muốn nhân cơ hội này chiếm lấy nước ta, bèn sai Thái tử Hoằng Tháo [1] đem binh thuyền đi trước, còn vua tự cầm quân đóng ở Hải Môn để tiếp ứng. Nghe tin chiến thuyền của giặc theo Sông Bạch Đằng vào nước ta, Ngô Quyền sai quân đem cọc đầu bịt sắt nhọn đóng ngầm ở hai bên cửa sông. Thủy triều lên, quân ta dùng thuyền nhẹ khiêu chiến, rồi giả thua, dụ giặc đuổi theo. Khi cả binh thuyền của chúng tiến vào vùng có cắm cọc, quân ta đổ ra đánh rất hăng đúng lúc thủy triều rút nhanh, thuyền giặc vướng vào cọc, thủng vỡ

lật úp. Ngô Quyền, trong thì giết được Kiều Công Tiễn, ngoài đánh tan Quân Nam Hán trên Sông Bạch Đằng năm 938 [2], Hoằng Tháo (Hong Cao) bị bắt sống và bị giết, ca dao đã tưởng thuật chiến công oanh liệt này:

Đánh giặc thì đánh giữa sông,

Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm [3].



H 1. Cửa Sông Bạch Đằng lúc chiều tà, ảnh Minh Nguyệt. Trích: Trần Độ, Văn Hóa Việt Nam, trang 48.

Năm 939 (Kỷ Hợi) Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc Huyện Đông Anh, ngoại Thành Hà Nội), truyền ngôi được 4 đời (kể cả Dương Tam Kha), nhưng đến đời Ngô Xương Xí chỉ còn giữ đất Bình Kiều (thuộc phủ Khoái Châu, Trấn Sơn Nam Thượng; nay thuộc Tỉnh Hưng Yên), như các sứ quân khác. Đất nước lâm

vào thời kỳ hỗn chiến (966- 968), sử gọi là Thập Nhị Sứ Quân [4].

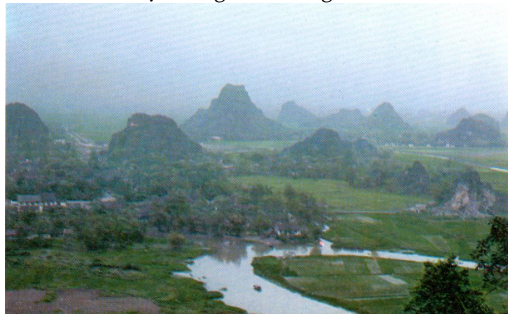


H 2. Lăng Ngô Quyền ở Đường Lâm, TP Sơn Tây.
Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, tr 155, ảnh Văn Yên.

II - NHÀ ĐÌNH (968- 980)

Đình Bộ Lĩnh quê ở Động Hoa Lư, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, con Ông Đình Công Trứ làm Thứ sử Hoan Châu dưới thời Dương Diên Nghệ và Ngô Quyền. Cha mất sớm, theo mẹ về quê sinh sống, lớn lên gia nhập Sứ Quân Trần Minh Công. Trần Sứ Quân chết, Đình Bộ Lĩnh thay thế, đem quân về giữ Hoa Lư, hùng cứ một phương. Đình Bộ Lĩnh lần lượt diệt các sứ quân khác, thống nhất đất nước, dân chúng tôn là Vạn Thắng Vương. Trong văn chương bình dân, có câu ca dao thích hợp với sự kiện lịch sử này:

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*



H 3. Toàn cảnh vùng cố đô Hoa Lư, ảnh Đỗ Huân. Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, sau trang 144.

Năm 968 (Mậu Thìn), Vạn Thắng Vương lên ngôi hoàng đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư [5], dân chúng sống trong thanh bình an lạc, đúng nghĩa với niên hiệu Thái Bình mà Nhà Vua đã chọn:

*Xem lên trăng bạch trời hồng,
Đạo miền sơn thủy bề bồng thái bình.*



H 4. Cổng vào Đền Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư, Ninh Bình. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Trực chụp 1993.

Nhưng đến năm 979 (Kỷ Mão) có biến cố lớn, Đỗ Thích làm chức lại ở Đồng Quan, nằm mộng thấy sao rơi vào miệng, tin là điềm báo được làm vua. Thừa lúc Đinh Tiên Hoàng say rượu nằm ở sân cung, bèn lên vào giết vua và Đình Liễn (con trưởng vua). Dân chúng chê trách hành động điên rồ của Đỗ Thích:

Con cóc nằm ở bờ ao,

Lắm le lại muốn nuốt sao trên trời [6]. III - NHÀ TIỀN LÊ (980- 1009)

Thừa lúc vận nước rối ren, năm 980, Vua Tống Thái Tông (Song Tai Zong) sai Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) đem quân đến biên giới định xâm chiếm nước ta. Tướng Phạm Cự Lượng yêu sách phải tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, mới chịu rút quân. Trước tình thế khẩn trương, trước vận mệnh sống còn của đất nước, Thái hậu Dương Vân Nga sai lấy áo long cổn khoác lên

mình Lê Hoàn, tôn lên ngôi là vua Lê Đại Hành, để yên lòng binh sĩ.



H 5. Lăng Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư.
Ảnh Nguyễn Huy Trực, 1993.



H 6. Đền Vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư. Trích:
Phạm Ngô Minh, *Nhân Vật Họ Lê Trong Lịch Sử VN*, sau tr 4.

Tháng 4 năm 981 (tức tháng 3- Tân Tỵ), Quân Tống sang chiếm nước ta. Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) và Tôn Hoàn Hưng (Sun Huan Xing) dẫn đại binh đi đường bộ đánh Lạng Sơn, Trần Khâm Tô (Chen Qing Zu) theo đường thủy vào Sông Nhị Hà tấn công Tây Kết, Lưu Trừng (Liu Cheng) tiến vào Sông Bạch Đằng. Lê Đại Hành tự nguyện làm tướng chống giặc. Nhà vua phá tan đạo quân đường bộ, đánh đuổi cánh quân đường thủy; giết Tướng Hầu Nhân Bảo [7], bắt Tướng Quách Quân Biện (Guo Jun Bian) và Triệu Phụng Hưng (Zhao Feng Xing), giặc chết quá nửa; khiến

Nhà Tống dẹp mộng xâm lăng nước ta:
*Ải Chi Lăng, ta dùng kế trá hàng,
Giặc chết nhiều, Hầu Nhân Bảo máu loang.
Ta bắt sống địch hai người bộ tướng,
Chết phân nửa, quân trang nhiều vô lượng.
Bọn Lưu Trừng đóng giữ mặt Bạch Đằng,
Thấy quân ta thừa khí thế đánh hăng,
Quân nhà Tống, bên bộ binh tháo chạy,
Lưu Trừng sợ ta hỏa công thiêu cháy
Bọn thủy quân của giặc Tống rút êm.
Ta liên hoan mừng chiến thắng liên miên
Đại Cồ Việt, rừng cờ vàng hoa nở [8].*

Lê Đại Hành ở ngôi 25 năm (980- 1005), lần lượt đặt các niên hiệu Thiên Phúc, Hưng Thống, Ứng Thiên; kinh đô vẫn ở Hoa Lư.
*Con cò bay lả bay la,
Bay qua Yên Thế bay về Hoa Lư.
Trăm ngàn cờ Việt có dư,
Màu vàng sáng chói, muôn thu anh hùng [9].*

Tháng 4 năm 1005 (tức tháng 3- Ất Tỵ) Đại Hành Hoàng Đế băng hà ở điện Trường Xuân. Con thứ ba là Long Việt lên ngôi tức Lê Trung Tông (1005) làm vua được 3 ngày, bị em là Long Đĩnh sai người giết, rồi tự xưng làm vua (1005-1009) vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên, đến năm 1008 đổi là Cảnh Thụy. Lê Long Đĩnh rất bạo ngược, hiếu sát, thường lấy sự giết người làm trò chơi, thích xem hề ngay lúc lâm triều, lại còn say đắm tử sắc nên phát bệnh trĩ đến nỗi không ngồi được, thị triều phải nằm, sử gọi là Vua Ngoạ Triều.

Giữa lúc lòng dân oán ghét Long Đĩnh, trong dân chúng lan truyền một bài sấm thi bằng chữ Hán:

*Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh.
Hoà đao mộc lạc,
Thập bát tử thành.
Đông a nhập địa,*

Dị mộc tái sinh [10].

Chấn cung kiến nhật,

Đoài cung ẩn tinh.

Lục thất niên gian,

Thiên hạ thái bình.

Cao Huy Giu (*Thơ Văn Lý Trần*)

dịch:

Gốc cây thăm thăm,

Ngọn cây xanh xanh.

Cây hòa đao rụng,

Mười tám hạt thành.

Cành đông xuống đất,

Cây khác lại sinh.

Đông, mặt trời mọc

Tây, sao náu hình

Khoảng sáu, bảy năm

Thiên hạ thái bình.

- Hai câu giáo đầu nói bóng gió vua thì yếu mệnh, bề tôi cường thịnh.

- Câu 3, hợp các chữ *hòa* (), *đao* (), *mộc* (), thành chữ **lê** () nhưng lại *lạc* (rơi rụng), ý nói Nhà Lê mất ngôi.

- Câu 4, hợp các chữ *thập* (), *bát* (), *tử* (), là chữ **lý** (), ý nói người họ Lý thành thiên tử.

- Câu 5, hợp hai chữ *đông* (), *a* () thành chữ **trần** () *nhập địa*, ý nói Nhà Trần làm vua nước ta.

- Câu 6, cây khác sống lại, ý nói một họ Lê khác làm vua lần nữa, tức Nhà Hậu Lê.

- Câu 7 và 8: cung đặng Đông (chấn) mặt trời mọc, cung đặng Tây (đoài) ngôi sao mờ.

Một hôm Lê Long Đĩnh ăn trái khế lại thấy hột mận [11] chữ Hán gọi là Lý, càng tin lời sấm thì, ngầm sai tìm người họ Lý giết đi, nhưng lại quên mất Lý Công Uẩn ở bên cạnh vua và đang giữ chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ, nên ca dao có câu:

Ta trong cây khế ta ra,

Mình còn cạnh khế, chi ta hỡi mình!

IV - NHÀ LÝ (1010 – 1225)

Khi Vua Long Đĩnh băng thì Lý Công Uẩn ngoài 35 tuổi; bấy giờ thần dân chán ngán nhà Tiền Lê nên trong triều có nhóm Đào Cam Mộc, nhà chùa có Thiên sư Vạn Hạnh vận động đưa Công Uẩn lên ngôi vua, xưng là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu Thuận Thiên (1010- 1028).

Nhà Lý để lại cho lịch sử những dấu ấn sâu sắc đáng ghi nhớ: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư về Thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu là Đại Việt [12]. Năm 1075, Lý Nhân Tông sáng lập khoa thi Tuyển Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường, mở đầu cho nền khoa cử nước ta. Và những năm 1044, 1069, 1075, 1076, 1078, 1084, 1104 Triều Lý không những đuổi được giặc ngoại xâm, bảo vệ non sông, mà còn đem quân ra nước ngoài đánh Nam phạt Bắc, mở mang bờ cõi, và vẻ vang nhất là đòi lại được những phần đất đã mất.



H 7. Đền Đô tức Lý Bát Đế [13] ở Đình Bảng. Ảnh Nguyễn Huy Trực, 1993.

* Bấy giờ người Chăm thường quấy nhiễu ở vùng biên giới, tháng 3 năm 1069 (tức tháng 2- Kỷ Dậu), Lý Thánh Tông (1054-1072) thân chinh đi đánh Champa [14]. Từ Thăng Long, đại quân ta đi ngót 26 ngày đường biển mới đến Đầm Thị Nại (nay thuộc Tỉnh Bình Định). Viên tổng tư lệnh Chăm là Bó-bi-đà-la đàn trận trên bờ sông Tu

Mao (một nhánh của sông Côn). Lý Thường Kiệt [15] đánh tan lực lượng tiền phương và giết được Bố-bì-đà-la, rồi vượt thêm hai sông nữa (cũng thuộc Sông Côn) thì tới Tthành Đồ Bàn.

Vua Chăm là Chế Củ tức Cri Rudravarman III [16] bỏ kinh đô chạy về miền Nam. Lý Thường Kiệt đem quân đuổi theo suốt một tháng trời, đến tận biên giới Chân Lạp. Vua Chăm và 5 vạn quân dân bị bắt. Tháng 7 năm ấy, Lý Thánh Tông về đến Thăng Long với ca khúc khải hoàn, giải theo vua Chăm và quyến thuộc. Sau Chế Củ dâng 3 châu: Bố Chánh, Địa Lý và Ma Linh [17] mới được tha cho về nước.

Ca dao dưới đây xin dành cho vị vua Đại Việt đầu tiên thân chinh mở mang bờ cõi phương nam:

Uống nước phải nhớ lấy nguồn,

Non sông cẩm tú nhớ người mở mang.

* Đời Lý Nhân Tông (1072- 1128), lúc ấy bên Tàu có Tể tướng nhà Tống (Song) là Vương An Thạch [Wang An Shi] chủ trương đánh chiếm nước ta cho bằng được, nên ra mặt khiêu khích, tích trữ vũ khí quân lương vùng biên giới, chuẩn bị tấn công. Biết được ý định của giặc dùng Ung Châu (Yong Zhou) nơi tụ điểm cho đạo quân đường bộ và Khâm Châu, Liêm Châu là cứ điểm xuất phát của cánh quân đường thủy. Triều đình Nhà Lý quyết định rất táo bạo nhưng sáng suốt, phải ra tay trước đánh phủ đầu các hậu cứ trên, nhằm phá hủy nơi tích trữ lương thảo, làm suy yếu khả năng xâm lăng của giặc. Năm 1075, Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn 10 vạn quân vào Nước Tàu, tiêu diệt các đồn trại Quân Tống ở miền Nam hai Tỉnh Quảng Đông (Guang Dong) và Quảng Tây (Guang Xi). Lý Thường Kiệt còn viết nhiều Lộ bố (truyền đơn ngày xưa) [18], kể tội Họ Vương, nêu chính nghĩa việc chinh phạt, để cho dân bản xứ khỏi lo sợ và hợp tác với đoàn Quân Đại Việt. Dưới đây, trích đoạn bài *Phạt Tống Lộ Bố Văn* (Bài văn Lộ bố khi đánh Tống), Trần Văn Giáp dịch [19]:

“Trời sinh ra dân chúng, vua hiền ắt hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng tuân theo khuôn phép thánh nhân, lại tin kế tham tà của Vương An Thạch, bày những phép “thanh miêu”, “trợ địch” [20] khiến trăm họ mệt nhọc lâm than mà riêng thỏa cái mưu nuôi mình béo mập...

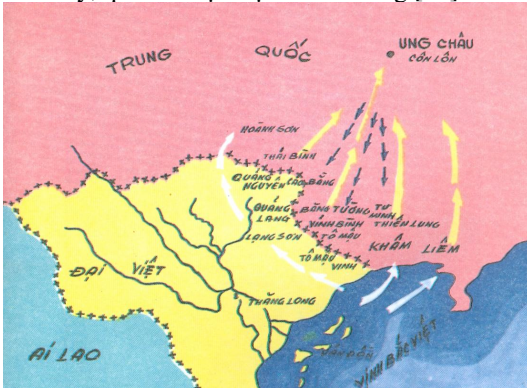
Ta nay ra quân, cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự dẫn do, chớ có mang lòng sợ hãi!”

Lý Thường Kiệt dẫn 4 vạn thủy binh cùng voi chiến, đổ bộ vào Quảng Đông công hãm Khâm Châu ngày 30- 12- 1075 (tức 20-11-Ất Mão), Liêm Châu ngày 2- 1- 1076 (tức 23-11-Ất Mão). Sau khi san bằng các căn cứ hải quân ven bờ biển phía nam tỉnh Quảng Đông, Lý Thường Kiệt ra lệnh hành quân theo hướng tây bắc tiến đánh Ung Châu, nay là Nam Ninh (Nan Ning).

Tôn Đản lãnh 6 vạn bộ binh, chia làm ba ngả tiến quân: Cánh phía tây từ Quảng Nguyên [21] vượt bên giới đánh chiếm Long Châu, Thái Bình. Cánh giữa do Tôn Đản trực tiếp chỉ huy, từ Quang Lang [22] kéo tới Đồng Đăng [23] qua Ải Nam Quan tràn vào đất Tàu, nhổ các chốt Bằng Tường, Vĩnh Bình, Tư Minh. Cánh phía đông từ hai Châu Tô, Mậu [24] vượt biên giới tấn công Đông Hưng, Tư Lăng, Thượng Tứ. Triệt hạ xong các đồn trại phía nam Tỉnh Quảng Tây, ba cánh quân đường bộ thẳng tiến hướng đông bắc, hợp với đạo thủy quân cùng vây hãm Ung Châu từ ngày 18- 1- 1076 (tức mồng 10- 12- Ất Mão).

Đô giám Tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết (Zhang Shou Jié), từ Quế Châu (nay là Phủ Quế Lâm, Gui Lin) dẫn đại quân xuống cứu, bị Lý Thường Kiệt đón đánh tại ải Côn Lôn (gần Ung Châu), chém đầu chủ tướng và tiêu diệt toàn bộ quân cứu viện vào ngày 11- 2- 1076 (tức mồng 4 Tết năm Bính Thìn). Biết viện binh bị đánh tan nhưng Tri Châu Tô Giám vẫn không hàng, cố

thủ Thành Ung, quân ta phải dùng hỏa công (bắn tên tẩm nhựa có lửa) rồi dùng thổ công (chất bao đất thành bậc thang để leo vào thành), đến ngày 1- 3- 1076 (tức 23- 1- Bính Thìn), sau 42 ngày bao vây, quân ta hạ được Thành Ung [25].



H 8. Quân ta vượt biên giới tấn công Quân Tống. Trích: Phạm Văn Sơn, *Quân Lược Việt Nam*, quyển II, tr 67.

Lý Thường Kiệt chỉ huy đoàn Quân Đại Việt chiếm xong 3 Châu (Khâm, Liêm, Ung) san bằng các căn cứ, tiêu diệt hơn 10 vạn người, bắt tù binh và thu nhiều của cải rồi rút quân về nước, dân ta đón mừng trong ca khúc khải hoàn:

*Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng!*

* Tháng 4 năm 1076 (tức tháng 3- Bính Thìn) Nhà Tống sai Tuyên phủ sứ Quảng Nam là Quách Quì (Guo Gui) làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết (Zhao Xue) làm phó đem 9 tướng quân gồm 10 vạn người, 1 vạn ngựa và 20 vạn dân phu, hẹn với nước Champa và Chân Lạp sang đánh nước ta quyết phục thù. Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt ra ngăn quân Tống ở Sông Như Nguyệt, tức Sông Cầu (thuộc Bắc Ninh). Đêm khuya, quân canh cẩn mật, phòng tuyến im phăng phắc, bỗng ở đền thần Trương Tướng Quân vang ra giọng ngâm sang sảng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.*

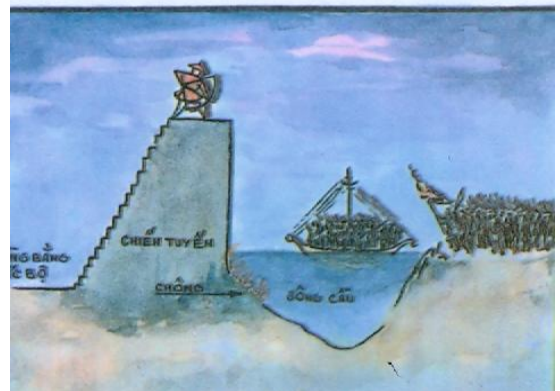
*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư [26].*

Việt Thao dịch:

*Vua Nam hẳn ở Nước Nam rồi,
Sông núi phân minh bởi sách trời.
Sao giặc hung hăng vào lấn chiếm?
Bại vong cả lũ hãy chờ coi.*



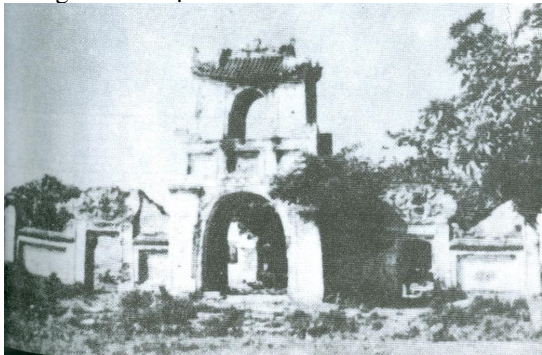
→ Quân Tống
xxx Phòng Tuyến
--- Đường Bộ



H 9. Lập phòng tuyến Sông Cầu, cản đường quân Tống. Trích: *Quân Lược Việt Nam*, quyển II, trang 71.

Quân sĩ nghe lời phán của “thần linh” nước lòng chống giữ, quân Tống không tiến lên được, lại gặp chướng địa không hợp thủy thổ, chết quá nửa, nên đành rút binh chỉ còn giữ các châu huyện, gồm Quảng Nguyên (thuộc Tỉnh Cao Bằng), Tư Lang (sau chia thành Thượng Lang và Hạ Lang,

thuộc Cao Bằng), Tô, Mậu (vùng đất nay thuộc Lạng Sơn và Bắc Giang) và Huyện Quang Lang (thuộc Lạng Sơn). Nhưng chỉ 8 năm sau (1084), Nhà Lý đòi lại được tất cả các châu huyện ấy, không để mất một tấc đất của tiền nhân.



H 10. Đền thờ Lý Thường Kiệt ở Thanh Hóa. Trích: Đông Tiến, *Dân Tôi Nước Tôi*, trang 306.

* Năm 1078 (Mậu Ngo), Nhân Tông sai Đào Tôn Nguyên đem 5 con voi sang cống nhà Tống và đòi lại các châu huyện bị chiếm. Nhà Tống thuận trả đất Quảng Nguyên, đổi lại ta phải trao những người Tàu bị bắt ở các châu Ung, Khâm, Liêm.

* Năm 1084 (Giáp Tý), Nhân Tông sai Bình bộ Thị lang Lê Văn Thịnh [27] sang Tống bàn việc biên giới, nhờ tài ngoại giao của sứ bộ, nhà Tống trả nốt phần đất còn giữ lại gồm 6 huyện là Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đinh, Phóng, Cận và 2 động là Túc, Tang [28]. Việc trả đất, người Tàu trách vua của họ vì tham voi của nước Giao Chỉ mà bỏ mất vàng ở Châu Quảng Nguyên, nên mới có câu lan truyền:

Nhân tham Giao Chỉ [29] tượng,

Khước thất Quảng Nguyên [30] kim.

Kể từ Dương Diên Nghệ đánh đuổi Quân Nam Hán giành lại nền độc lập (931) đến hết Nhà Lý (1225), trải dài 294 năm là giai đoạn tự chủ đầu tiên sau thời kỳ Bắc thuộc lâu dài 10 thế kỷ. Tuy nước ta mới thoát khỏi ách nô lệ Tàu, thế nước còn yếu, nhưng đã lập được những trang quân sử oai hùng trong việc giữ nước. Với hồn thiêng sông núi,

với lòng tự hào dân tộc, với truyền thống kiên cường bất khuất, dù 1000 năm bị trị, ngoại bang vẫn không thể đồng hóa nước ta. Sang giai đoạn đầu của nền tự chủ (931- 1225), tổ tiên ta nhiều lần phá vỡ mộng xâm lăng của Bắc Phương: Mở đầu là chiến tích của Ngô Quyền đại thắng Quân Nam Hán trên Sông Bạch Đằng (938); rồi Lê Đại Hành đánh tan quân Tống ở Chi Lăng (981); Lý Thường Kiệt tiến sâu vào đất Tàu, hạ thành lũy, thu nhiều chiến lợi phẩm đem về trong ca khúc khải hoàn (1075) và còn chặn đứng sức tấn công trả thù của Quân Tống (1076). Thành tích vẻ vang nhất trong thời đại này là vào năm 1078 và 1084, Nhà Lý đòi lại được tất cả những vùng đất sát biên giới mà Quân Tống đã chiếm trong chiến tranh.

(Lược trích *Ca Dao Nẻo Vào Lịch Sử*, Phần I, Đoạn 2)

[01] Theo *Tân Ngũ Đại Sử* (quyển 65), các con của Vua Tấn Cao Tổ (Lưu Cung) đều có chữ Hồng, nên trong bản dịch *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, trang 203 (ghi chú 2) đề nghị sửa là Thái tử Hồng Tháo [Hong Cao].

[02] Lời chùa trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, bản dịch của nhóm Hoa Bằng, tập I, trang 223, tả khúc Sông Bạch Đằng như sau: “Sông Bạch Đằng bắt đầu từ Sông Lục Đầu thuộc địa hạt Tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt Tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở Xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là Sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới Huyện Thủy Đường, Tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới Huyện Yên Hưng, Tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra biển (qua cửa) Nam Triệu. Theo sách *Địa Lý Chí* (thực ra tên sách này *Dư Địa Chí*) của Nguyễn Trãi, Sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là Sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp

tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển.”

[03] Chiến thuật kết hợp giữa mức lên xuống thủy triều và bãi cọc nhọn bịt sắt cắm ở lòng Sông Bạch Đằng để đánh thắng giặc ngoại xâm phương Bắc: Lần 1, năm 937, Ngô Quyền phá tan Quân Nam Hán. Lần 2, năm 981, Lê Đại Hành đóng cọc ngăn sông chặn đánh quyết liệt khiến đoàn thuyền chiến của Quân Tống phải tháo chạy. Lần 3, năm 1288, Trần Hưng Đạo áp dụng chiến thuật ấy cũng tại khúc sông này đã đại thắng Quân Nguyên. Vì vậy, câu ca dao trên có thể dùng cho cả ba trường hợp, hoặc hai cho lần 1 và 3. Tuy nhiên, còn 4 câu ca dao nữa nói đến chiến thắng Bạch Đằng, trong đó có 2 câu xác định thời Trần. Vì vậy chúng tôi dành câu “*Đánh giặc thì đánh giữa sông, Đùng đánh trong cạn phải chông mà chìm*” cho chiến tích của Ngô Quyền, người đầu tiên có sáng kiến này.

[04] Mười hai sứ quân, gồm: 1/ Ngô Xương Xí (con của Ngô Xương Ngập) chỉ còn giữ đất Bình Kiều, sau thuộc Phủ Khoái Châu, nay thuộc Tỉnh Hưng Yên. 2/ Trần Lãm xưng là Trần Minh Công, chiếm đất Bố Hải, nay thuộc Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình; có Đình Bộ Lĩnh là thuộc tướng. 3/ Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lệnh Công, chiếm vùng Tiên Sơn (Tiên Du và Từ Sơn), Tỉnh Bắc Ninh. 4/ Lý Khuê xưng là Lý Lãng Công, chiếm đất Siêu Loại, nay thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. 5/ Lã Đường xưng là Lã Tá Công, chiếm vùng Văn Giang, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên. 6/ Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át, chiếm đất Đằng Châu, nay thuộc Huyện Kim Thi, Tỉnh Hưng Yên. 7/ Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn Hữu Công, chiếm vùng Thanh Trì, nay là huyện ngoại Thành Hà Nội. 8/ Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình, chiếm đất Tam Đái tức Phủ Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc Tỉnh Vĩnh Phúc. 9/ Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam

Chế, chiếm vùng Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. 10/ Kiều Thuận xưng là Kiều Lệnh Công, chiếm đất Cẩm Khê, Tỉnh Sơn Tây; nay thuộc Hà Tây. 11/ Đỗ Cảnh Thạc, chiếm vùng Đỗ Động Giang, nay thuộc Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây. 12/ Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lãm Công, giữ đất Đường Lâm, nay thuộc Thành Phố Sơn Tây (tỉnh Hà Tây).

[05] Khu di tích Cổ Đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình. Từ năm 968 đến 1009, đất Hoa Lư là kinh đô của Nhà Đinh và Tiền Lê. Khoảng tháng 8 năm 1010 (tức tháng 7- Canh Tuất) Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, đổi Hoa Lư thành Phủ Trường Yên (Tràng An); nay chỉ còn lăng và đền Vua Đinh, với đền Vua Lê. Nơi đây, cách Hà Nội 100 km và cách Thị Xã Ninh Bình 16 km, nếu đi đường bộ theo Đường Nho Quan, nếu đi đường thủy theo dòng Sông Đáy đến bến Gián Khẩu rồi rẽ vào Sông Hoàng Giang độ 6 km nữa thì đến xã Trường Yên. Tại thôn An Hạ có đền thờ Lê Đại Hành và tượng bà Hoàng Thái hậu Nhà Đinh là Dương Vân Nga, nhưng Long sàng chỉ có tượng lân, và nóc đền không có rồng (theo hình chụp của Nguyễn Huy Trục, năm 1993). Đi thêm vài trăm thước là Thôn An Trung có đền thờ Đinh Tiên Hoàng, trên nóc đền có tượng “*Lưỡng long triều nguyệt*”, tại Long sàng có tượng đôi rồng châu. Ngay trước cửa đền vua Đinh là ngọn Mã Yên Sơn cao 200 mét, phải lên 260 bậc đá mới đến lăng mộ Đinh Tiên Hoàng và một bia đá lớn khắc chữ cả hai mặt. Theo Ngô Vi Liên, *Địa Dư Các Tỉnh Bắc Kỳ*, trang 639: một mặt bia ghi “*Đình Tiên Hoàng Đế lăng phụng sắc kiến, niên hiệu Minh Mạng nhị thập nhất niên*” (1840), mặt bên kia ghi: “*Hàm Nghi nguyên niên* (1885) *trùng tu Tiên Đế Lăng.*”

(Còn tiếp)

ĐÀO ĐỨC CHƯỜNG

Chuyện phiếm pháp luật: “Xuân Con Mèo”.

NGÔ TÀNG GIAO

Từ ngàn xưa ngàn xưa tình yêu nam nữ luôn luôn là một nguồn cảm hứng bất tận của biết bao nhiêu văn sĩ, thi sĩ. Khi đã yêu thì nhìn cái cành cây khô cần trợ trụ giữa trời cũng hình như phảng phất đầy hoa thắm, nụ tươi. “Ái tình như ngọn lửa phù thủy biến túp lều tranh thành lâu đài bằng vàng”, tục ngữ nước Đức nói vậy đó. Ông thánh Paul lại hăm he là: “Thiên đường sẽ chẳng mở cửa để đón chào những người cần cỗi, thiếu tình yêu”... Thi sĩ Lamartine nói: “Khi đã yêu, không một trở ngại nào làm cho người ta lo sợ”... Tục ngữ Pháp nói: “Đời không tình yêu như trời không có nắng”... Thôi thì những lời kiêu “hoa thom cỏ lạ” này đây rẫy trong sách báo. Nam nữ yêu nhau thường ước mơ được sống bên nhau dù trong “một túp lều tranh” chẳng nữa nhưng có “hai trái tim vàng” là... đủ và đó chính là cái động cơ để tiến tới hôn nhân.

Nhưng khi nói về hôn nhân thì cũng có nhiều ý kiến khiến ta phải suy ngẫm. Có người nói: “Phải cầu nguyện một lần trước khi ra trận mạc, cầu nguyện hai lần trước khi bước chân xuống tàu ra biển khơi, nhưng phải cầu nguyện đến những ba lần trước khi... kết hôn!”. Hoặc hôn nhân chẳng khác chi một cuốn tiểu thuyết mà trong đó vị anh hùng... “chết ngay từ chương đầu tiên”. Có câu tục ngữ lại ví von rằng người ta lấy vợ lấy chồng “không khác nào thợ tay vào một cái bao trong đó có đựng chín con rắn độc và một con lợn, chắc khó mà bắt được trứng con lợn!”. Nghe sao mà khiếp quá!

Tuy có những lời khuyên răn là phải thật thận trọng khi quyết định kết hôn nhưng trong thực tế đôi bên nam nữ hình như đôi khi cứ phớt lờ đi và cứ hùng hục lao vào con đường “yêu nhau đi chiều hôm tối rồi” hay nghe theo lời xúi, lời “giục già” của cái nhà ông thi sĩ Xuân Diệu:

*“Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!
Em, em ơi! Tình non sắp già rồi...”*

Thế là mờ cả con mắt. Mê nhau. Yêu nhau. Lẫy nhau. Cãi nhau. Chán nhau. Ghét nhau. Để rồi bỏ nhau. Hồi nào còn cùng “ka ra ô kê” bài “*Yêu ai yêu cả một đời...*” ấy vậy mà bây giờ lại chuyển giọng diễn ngâm “tao đàn” bài: “*Anh đi đường anh, tôi đường tôi. Tình nghĩa đôi ta có thể thôi!*”. Nghĩ thật là đáng buồn!

Câu chuyện vợ chồng ở nước Hoa Kỳ này bỏ nhau dễ dàng... “như thay áo” mới nghe tưởng như giễu chơi! Ai ngờ lại chẳng xa sự thực là mấy! Theo thống kê pháp lý vào những năm gần 2000 thì hầu như một nửa các cuộc hôn nhân trên đất Hoa Kỳ này đều được chấm dứt bằng một màn ly dị. Con số này so với năm 1950 đã tăng gần gấp đôi.

Đa số các cuộc ly dị là do một bên vợ hay chồng phạm “*lỗi*”. Nguyên do “*ly dị vì lỗi*” (fault divorce) thay đổi trong từng tiểu bang ở xứ Cờ Hoa, nhưng nói chung là: 1) Bạo hành, ngược đãi (cruelty). 2) Ngoại tình (adultery). 3) Bỏ phế gia đình (desertion). 4) Bị kết án và bị giam giữ trong lao tù (confinement in prison) thường là về một tội hình sự. 5) Không có khả năng về sinh lý (physical inability to engage in sexual intercourse) để có thể hoàn tất nghĩa vụ vợ chồng

trong việc “chung chẵn chung gối”, nếu điều này không được tiết lộ trước khi kết hôn v.v...

*

Nhân dịp năm “mão” tức là năm con mèo nên chỉ tạm nói về “tội mèo chuột” mà thôi. “Mèo” là tên gọi một loài thú nhỏ cùng họ với hổ báo, nuôi để bắt chuột trong nhà. Ấy vậy mà người đời lại còn định nghĩa “mèo” là gái nhân tình. “O mèo” là tán tỉnh để bắt nhân tình. “Mèo chuột” hay “mèo mỡ” là quan hệ trai gái bất chính. Đây là “tội ngoại tình” (adultery), là hành động tình dục, sự liên hệ xác thịt giữa một người đang có vợ có chồng với một người khác, khác hơn là người “phối ngẫu” (tức là người chồng hay người vợ) của chính mình. Ngoại tình có thể vừa là một tội phạm hình sự, vừa là một lý do để ly dị, tùy theo pháp luật từng tiểu bang.

Đàn ông có vợ ngoại tình được coi là bị “cắm sừng”, nhưng gần đây thì kể cả đàn bà cũng có thể được gọi là bị chồng “cắm sừng”. Giới bình dân nước Việt trước kia không học luật mà cũng biết tránh né tội gian dâm khi khuyên nhau:

*“Trai tân gái góa thì chơi
Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng.”*

Trước tòa án, nếu kẻ “phạm tội” không giấu giếm chuyện “affair” của mình thì vụ kiện thật dễ dàng. Dễ có bằng chứng “quả tang” (flagrante delicto) mà chẳng cần phải tốn kém nhờ đến thầy kiện và thám tử tư theo dõi đôi “gian phu dâm phụ”. Trong thực tế đa số chuyện “affair” này đều được che đậy rất kỹ. Chuyện “trao gái” lại chỉ xảy ra trong chôn “phòng the” riêng tư kín đáo, khó mà có được bằng cứ. Những sự bộc lộ tình cảm tại nơi công cộng như “tay nắm tay”, hôn nhau hay chào hỏi bằng cách ôm nhau (hugging) chỉ có thể là những bằng cứ suy đoán. Còn như nếu các đương sự la lối rằng “chỉ dắt nhau đi ăn chè Nhà Bè” như chuyện xưa tích cũ tại nước nhà thì khó kết tội lắm.

Nếu cả đôi bên vợ chồng đều phạm tội ngoại tình thì cái cảnh “ông ăn chả, bà ăn nem” này dễ bị tòa án bác đơn xin ly dị. Một điểm khác là khi có chuyện ngoại tình xảy ra nếu muốn ly dị thì phải ly dị ngay. Nếu nghe lời nỉ non đường mật mà bỏ qua và tiếp tục chung sống hoà bình thì coi như một sự “tha thứ ngoại tình” (condonation), sau này nếu đổi ý thì không còn có quyền đề nêu vấn đề ngoại tình mà đòi ly dị nữa. Nhưng nếu người “phối ngẫu” sau khi được “tha thứ” lại ngựa quen đường cũ, giở thói trăng hoa, thói mèo chuột một lần thứ hai nữa thì đây là một sự kiện “mới” và lần “tái phạm” này vẫn có thể bị kiện ly dị vì ngoại tình.

*

Thi sĩ Đinh Hùng trong bài thơ “Kỳ nữ” đã từng thốt lên rằng:

*“Ôi! Cám dỗ cả mình em bằng tuyết
Rợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân
Ta gần em mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại để lòng nguôi gió bão.”*

Than ôi! Mấy ai chịu nhắm mắt lại để cho “con lợn lòng” yên ngủ! Thế là gió bão nổi lên! Tội ngoại tình khó chứng minh được trước tòa án khi “dâm vô tang, đạo vô tích”, khó bắt được quả tang chuyện “trao trên gái dưới”, chuyện “ma ăn cỗ”, trừ khi chính cái con “ma” đó sau khi “ăn cỗ” xong lại viết sách, viết hồi ký để hào hứng tường thuật lại nội vụ thì không kể.

Thật vậy! Cứ theo rồi chuyện người đẹp Gennifer Flowers viết sách lấy tựa đề giật gân là “Passion & Betrayal” (Đam mê và Phản bội) thì rõ ngay. Người đẹp viết sách kể lại những chuyện hào hứng của mình với Ngài Clinton Tổng Thống xứ Cờ Hoa. Nàng vốn là ca sĩ kiêm ký giả đã yêu chàng từ khi chàng chưa làm Tổng Thống, mà còn là Bộ Trưởng Tư Pháp của tiểu bang mà thôi. Chàng thường hay lân la đến căn phòng của nàng để... “giao du thân mật”, dù chàng “ván đã đóng thuyền” với bà vợ cũng là một thầy kiện!

Thế rồi không rõ chàng đã “chiêm ngưỡng” thân thể nàng theo kiểu nào mà nàng viết đề “diễn tả” về cái nhìn của chàng như sau: “*Cái nhìn không những như muốn thoát y em (undress me)... Cái nhìn như muốn lật ngửa em lên và xuyên từ trong ra ngoài (turning me upside down and inside out just by looking at me)*”. Trong một đoạn khác nàng viết: “*Chúng em thèm khát thân xác nhau vì lâu chưa được thỏa mãn. Em thèm khát chàng và rồi chúng em làm tình với nhau hưng phấn như thừa ban đầu gặp gỡ (I was starved for him, and we made love as if it was our first time)*”.

Chẳng rõ mấy cái “con ma” này có “ăn cổ” với nhau thật không, có Trời mà biết! Nếu chuyện là sản phẩm của tưởng tượng thì nghĩ thật tội cho ba cái ông làm lớn, luôn luôn bị vu cho mấy cái tội liên quan tới tình dục! Còn ngược lại đây là sự thật “trăm phần trăm” thì khỏi cần phải làm thầy bói, thầy tướng số, nghe chuyện này người ta cũng có thể đoán trúng ngay phóc rằng chàng thì tuổi “con dê xồm” còn nàng thì cầm tinh con... “ngựa”.

Chưa hết! Thêm một chuyện “mèo chuột nũa”. Trong cuốn hồi ký của mình “Lịch Sử Sống”, bà vợ của cựu Tổng Thống Clinton đã mô tả những ngày mà cõi lòng bà tan nát và đốn đau khi nghe ông chồng “tự thú” vụ ngoại tình với Monica Lewinski là một cô gái tập sự tại toà Bạch Ốc. Bà Clinton viết: “*Tôi cảm thấy tức ngực, không sao thở được*”. Bà viết: “*Cố hít chút không khí vào lồng ngực, tôi bật khóc và tôi la lối: ‘Anh nói gì? Anh có ý nói gì? Tại sao anh gạt tôi?’*. *Tôi giận sôi, càng lúc càng giận. Ông ấy chỉ đứng đó, lập đi lập lại ‘Anh xin lỗi. Anh xin lỗi. Anh có bảo vệ em và Chelsea’*”. Bà viết, sau khi biết được sự thật, tôi “*điếng người, tâm hồn tan nát và tức giận quá...*” “*Là một người vợ, tôi chỉ muốn bẻ cổ Bill. Những quyết định khó khăn nhất trong đời tôi là cứ tiếp tục làm vợ Bill và ra tranh cử nghị sĩ New York*”. Bà viết trong một cuộc nghị hệ gia đình chỉ có con chó trong nhà là còn quanh quẩn bên Bill

mà thôi. Nhưng sau cùng bà đã nhất quyết yêu ông, tha cho ông và hỗ trợ ông trong tư cách tổng thống Hoa Kỳ.

*

Tội ngoại tình không phải chỉ dành riêng cho người chồng. Người vợ cũng có thể phạm tội chứ. Không có chuyện đời này, bèn kể chuyện đời xưa vậy! Trong sách “Cổ Học Tinh Hoa” của Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân có ghi chuyện “*Vợ thầy kiện*” nguyên văn như sau:

“*Có một người thầy kiện rất giỏi. Mỗi khi thảo đơn kiện cho ai, định buộc tội, gạt lỗi cho nhiều người, mà ý nghĩ chưa được sâu sắc, lời nói chưa được chặt chẽ thì cứ muốn ngồi yên một chỗ để cầu tí. Những lúc ấy, thường dặn người nhà, có khách hỏi, không được cho vào, cả đến vợ cũng phải lánh xa ở một buồng khác.*

Vợ người thầy kiện trước kia vẫn đã cùng người láng giềng đầu mày cuối mắt, chỉ vì không dịp, không chỗ, cho nên dòm dò đã hơn một năm, mà chưa được thân cận với nhau. Bấy giờ biết thế, mỗi khi gặp người thầy kiện cầu tí, thì người vợ bèn lại chuyện trò quấy rối để đến mắng phải đuổi tránh đi chỗ khác. Thành vì thế mà người vợ với người láng giềng được bao nhiêu cơ hội đi lại với nhau luôn kể hàng bao nhiêu năm mà không ai biết.

Sau người thầy kiện vì cầu tí mãi mà chết. Người vợ chữa hoang phải nhà chồng kiện. Quan tra xét căn do việc đi lại với ai. Vợ người thầy kiện phải thú thực. Quan vỗ bàn, thờ dài nói: “Ngòi bút của người thầy kiện đã khéo, ai ngờ cơ trời còn khéo hơn”.

Cuối câu chuyện trên trong sách thấy có ghi thêm “lời bàn” như sau:

“*Thầy kiện tức là luật sư. Luật sư là người hơn ai hết, hiểu thấu các tình tủy của pháp luật, biết rõ nỗi u uẩn của nhân dân. Chính phủ nhờ có luật sư mà thêm sáng việc, quần chúng nhờ có luật sư mà đỡ hàm oan. Vậy làm thầy kiện mà gỡ tội cho kẻ oan, đáng trọng bao nhiêu, thì buộc tội cho người ngay hay bênh vực kẻ gian ác, đáng khinh bấy nhiêu. Người thầy kiện nói*

trong bài đây là một tay giáo hoạt chắc đã nhiều lần, lấy lý mà thắt người ngay vào tội ghê gớm lắm. Bởi vậy tác giả mới thuật lại truyện này, nói người thầy kiện vừa tự hại mình lại để cho vợ phản mình, có dạy người tuy khôn khéo đến đâu, cũng không lọt được vành tạo vật. Tạo vật thường vẫn ghét người xảo, bao giờ cũng bắc sẵn cái cân để cân lại cho công bằng. Nhiều khi muốn hại người, người chẳng thấy đâu, lại chỉ thấy cái hại nó quay ngay vào chính mình trước.”

*

Nhân nói về chuyện “mèo chuột” bất ngờ lại động chạm tới nghề thầy kiện. Nhưng thật ra trong cuộc đời ô trọc này, buồn thay còn có biết bao nhiêu chuyện khôi hài khác mang nghề thầy kiện ra đề mà giễu cợt nữa. Xin nghe: “Một thầy kiện giỏi là một người lảng giềng xấu.”... “Một thầy cãi với cặp tài liệu của mình có thể trấn lột được nhiều tiền bạc hơn cả trăm tên cướp có súng ống.”... “Luật sư và thợ sơn cùng có đủ tay nghề để nhanh chóng biến đen thành trắng.”... “Một tên không tốt nghiệp trường ốc chỉ có thể trộm một chiếc xe hơi, nhưng một người tốt nghiệp đại học luật và hành nghề luật sư có thể trộm nguyên cả một đoàn xe lửa”... “Bức vách ngăn giữa Thiên đường và Địa ngục bị sụp đổ, hai bên tranh chấp và đòi đối phương phải bỏ tiền sửa chữa. Ra tòa, Thiên đường chịu thua vì tìm khắp nơi không kiếm ra một ông thầy kiện nào cả. Còn phía Địa ngục có sẵn cả đoàn luật sư để bênh vực” v.v... Chuyện dài kiêu “nhân dân tự vệ” này về nghề thầy kiện kể sao cho hết!

Mừng thay là đa số người đời biết đánh giá “nghề thầy kiện” là một nghề cao quý. Ngay như “lời bàn” trong câu chuyện “vợ thầy kiện” trên cũng nói rõ điều đó. Thật đúng vậy, cỗ nhân có nói không có nghề nào xấu, chỉ có người làm nghề đó xấu mà thôi! Xin nhớ rằng có đến phân nửa con số Tổng Thống khâm kính của nước Cờ Hoa xuất thân từ trường Luật và

XUÂN THA HƯƠNG

Nhìn cánh chim bay khuất cuối trời
Khiến lòng ly khách thấy chơi vơi
Mơ về quê cũ thêm nhung nhớ
Nghĩ đến người xưa luống ngậm ngùi,
Đào thăm mừng Xuân nay vắng bóng
Pháo vui đón Tết đã xa khơi
Chập chùng đất lạ mờ nhân ảnh
Tuyết lạnh bên song lạnh lẽ rơi!

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(Xuân Tân Mão)

làm nghề luật sư đấy nhé! Ta chẳng nên bị quan! Cũng không dám nói thêm nhiều lời ca tụng đề cao nghề luật sư sợ bị chê là: “Mèo khen mèo dài đuôi”.

*

Nhân dịp năm Mão, dù “Xuân vừa về trên bãi cỏ non”, ước mong đừng ai có máu “trâu già ham cỏ non” để bị các cụ đạo đức mắng cho là bọn “mèo mà gà đồng”. Cũng đừng ai hiểu lầm lời của Tổng Thống Obama là “Change! Change!” mà nguy to đấy, đừng thay lòng đổi dạ, thôi thì “có nhiều xài nhiều” cho yên chuyện:

“Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn!”

Xin mời độc giả Cổ Thơm cùng nâng ly chúc nhau một Năm Mới thân tâm an lạc và một Mùa Xuân “TUYỆT CÚ MÈO!”

(Virginia, USA, Xuân Tân Mão)

Ngô Tăng Giao

“XIN ĐỪNG TRÁCH ĐA ĐA” HUYỀN SỬ MỘT LOÀI CHIM HAY CHÍNH MỐI TÌNH BÍ ẨN VÀ HUYỀN HOẶC CỦA NHẠC SĨ VÕ ĐÔNG ĐIỀN?

Phong Thu

“Tôi đã trở về thăm mảnh đất Bình Dương thân yêu. Bên dòng sông xanh mang theo tuổi thơ hoa bướm và cả tuổi thanh xuân chôn kín những nỗi buồn.

*Tình yêu đến với tôi như những cánh lục bình mang đầy hoa tím trôi lênh đênh, dập diu trên sông nước buổi hoàng hôn... Rồi tôi ra đi, hành trang tôi mang theo là những mảnh vỡ của trái tim chứa nhiều kỷ niệm của quê hương... Xin đừng trách người ơi!”(PT)**

Tôi đến viếng thăm HVHNT tỉnh Bình Dương nằm đối diện bên dòng Sông Sài Gòn vào những ngày cuối tháng 12 năm 2008. Tôi trở về Việt Nam lần này để thực hiện một nhiệm vụ quan trọng là thăm viếng nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa (QĐBH) của nhóm Quốc Gia Nghĩa Tử (QGNT) Heritage giao phó. Những ngày mùa đông, khí hậu Bình Dương thật ẩm áp. Những cơn gió từ dòng sông thổi vào mát rượi và làm rung động, xao xuyến những hàng cây trồng dọc ven bờ. Bình Dương thay đổi nhiều quá! Và khi tôi trở về, tôi đã trở thành người lạ.

Người tôi gặp đầu tiên là Nhà Thơ Trần Bình Dương. Đôi mắt anh sáng lên khi nhìn thấy tôi. Anh hỏi “Em về bao giờ? Bao giờ đi?” Tôi ngồi xuống bên cạnh và đáp “Em sẽ đi sau Noel.” Trần Bình Dương chùng hững hỏi “Ủa, sao đi sớm vậy. Ở lại ăn Tết với tụi anh nữa chứ.” Tôi cười và lắc đầu “Em không có ngày phép lâu hơn hai tuần”. Trông

anh già, gầy, xanh xao hơn bảy năm trước. Tôi hỏi thăm anh được vài câu và thấy anh đang ngồi bên quán cóc bên đường uống cà phê với bạn bè nên tôi phải vào trong văn phòng của HVHNT. Tôi vẫn nhớ cái nghèo của chúng tôi, cái nghèo đã đưa đẩy chúng tôi trở thành bạn bè văn nghệ. Tôi vẫn thương mến quý anh như ngày xưa. Tôi không biết anh đang bị bệnh nặng. Và năm nay, vào ngày 8 tháng 4 năm 2010, tình cờ lên mạng, tôi đọc được bài thơ Chu Ngạn Thư đăng trên báo điện tử VCV khóc anh làm tim tôi đập hụt một nhịp vì đau đớn. Vậy là Châu đã vĩnh viễn bỏ chúng tôi ra đi. Còn đâu lời hẹn trở về thăm Châu. Khi Anh Võ Đông Điền cho tôi biết tin anh bệnh thì tôi lại ngại đến nhà viếng thăm vì sợ làm phiền.

Tôi xuất hiện bất ngờ khiến Anh Võ Đông Điền ngỡ ngàng. Anh buông tờ báo xuống, khuôn mặt rạng rỡ nụ cười. Giọng nói miền Nam, quen thuộc, ấm áp của anh rót vào tai tôi: “Em về hồi nào vậy?”. Tôi đáp: “Tối thứ sáu vừa qua. Anh vẫn như xưa, không già đi và không bao giờ thay đổi.” Anh hỏi tiếp: “Chùng nào em đi? Em có ở lại ăn Tết với tụi anh không”. Tôi cười cười đáp: “Em chỉ có 2 tuần nghỉ phép thôi. Em sẽ đi sau Noel.” Anh lại hỏi: “Sao em đi sớm vậy?”. Giọng nói anh cảm động và rất vui. Tôi cũng mừng rỡ khi gặp anh và nhiều văn nghệ sĩ như nhà thơ họ Lê, Nhà Thơ Nguyễn Công Dinh, Nhà Biên Khảo Nguyễn Hữu Học, Nhạc Sĩ Phan Hữu Lý, Ca sĩ Thăng Long, Nhà Thơ Tiến Đường, Nhà Văn Phan Hai, Thảo Đường, Phạm Hùng, Huỳnh Bạch Yến, Anh Tư Phúc,

Anh Huỳnh Văn Nhị... Tất cả các anh chị là những người bạn tâm giao của tôi hơn 30 năm. Tôi vẫn còn giữ mãi những ấn tượng tốt đẹp về các văn nghệ sĩ đã cùng tôi chia sẻ vui buồn trong những ngày tháng long đong đầy khổ hạnh.

Nhạc sĩ Võ Đông Điền vẫn như xưa dù chúng tôi xa nhau hơn 20 năm. Anh và tôi dạy chung một trường. Anh là giáo sư âm nhạc, còn tôi dạy văn. Anh giản dị, hiền hậu, ít nói. Trên khuôn mặt thâm lặng của anh chỉ có đôi mắt trầm tư, buồn buồn, đa cảm như ẩn chứa một vùng trời mênh mông của cây trái, sông nước Bình Dương. Đôi mắt đó như nói với tôi tất cả những nốt nhạc mà anh đã gởi vào từng ca khúc. Tôi viết văn nhưng văn của tôi chứa nhiều lửa làm rất bỏng những khuôn mặt đạo đức giả và quyền thế của Hiệu Trường, Hiệu Phó và những tay nịnh hót trong trường. Ngày tôi rời Việt Nam không ai hay biết và ngày tôi về cũng không ai hay. Tôi ra đi âm thầm và trở về cũng âm thầm không ồn ào. Tôi như một chiếc bóng lặng lẽ đến và đi. Bạn bè cũ gặp lại nói rằng tôi vẫn giản dị như ngày xưa. Tôi không phải là những Việt Kiều rùng rình tiền đô ăn chơi vung vít, khoe của, khoe tiền.

Sau hơn 20 năm, tôi chỉ gặp Nhạc Sĩ Võ Đông Điền hai lần. Lần đầu tiên năm 2001, tôi gặp anh trong phòng văn nghệ và ôm vai anh trong một phút để nói vài lời từ biệt. Tôi thoáng thấy đôi mắt anh ngỡ ngàng, vui vui rồi lắng đọng lại đó một câu hỏi? Ai đây? Anh đang tham dự một cuộc họp nên tôi ra về. Tôi nghĩ anh không còn nhận ra tôi.

Đây là lần thứ nhì, tôi gặp lại anh. Hai anh em ngồi kể chuyện cho nhau nghe. Anh rất ít nói, ai nói gì anh chỉ lắng nghe và cười. Tôi kể cho anh nghe những ngày sống xa quê hương. Mỗi khi nghe ai hát bài “Quê Hương” tôi lại nhớ Nhạc Sĩ Giáp Văn Thạch và người bạn gái của tôi (người yêu anh). Khi nghe ai bài hát “Xin Đừng Trách Đa Đa” tôi lại nhớ đến Võ Đông Điền. Tôi nhớ bạn bè, nhớ quê hương Bình Dương tha thiết.

Tôi hỏi anh: “Anh sáng tác bản nhạc “Xin Đừng Trách Đa Đa” vào lúc nào vậy?”. Anh nói đùa một câu: “Em đi mấy năm sau thì anh nhớ em nên sáng tác bài hát này. Vậy có vừa lòng chưa?”. Tôi cười vì biết anh chỉ nói đùa. Tôi lại hỏi anh: “Lần trước em trở về Việt Nam chắc anh không nhận ra? Anh còn nhớ em mặc áo gì không?” Anh đáp: “Nhớ chứ. Em mặc bộ đồ đen. Khi anh họp xong, anh đi tìm em thì em đã biến mất”. Anh lấy trong tủ ra hai cái đĩa DVD tặng tôi: “Quê Hương Những Khúc Tình Ca” gồm có 12 bản nhạc chọn lọc, và “Cánh Hoa Bay” gồm 8 bài ca cổ nhạc. Anh giỏi cả tân nhạc và cổ nhạc. Anh cũng như tôi yêu bài hát Quê Hương và Cánh Hoa Dầu của Nhạc Sĩ Giáp Văn Thạch. Anh cho tôi biết anh sáng tác bài hát “Xin Đừng Trách Đa Đa” vào tháng 9 năm 1993. Đúng hai năm, sau khi tôi rời khỏi Việt Nam. Tôi rời Việt Nam vào ngày 19 tháng 9 năm 1991 và ngày cưới của tôi vào tháng 9 năm 1993. Tháng 9 tôi lên xe hoa rời bỏ cuộc sống cô đơn. Tôi nghĩ đây chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Bài hát ra đời chỉ được phổ biến trong tỉnh và thỉnh thoảng được phổ biến trên đài phát thanh của Tỉnh Bình Dương. Mãi đến năm 1999 bài hát này mới nổi tiếng và được nhiều người biết đến khi được ca sĩ hải ngoại trình diễn. Những nhạc sĩ tinh lẻ, người miền Nam dù có tài cũng ít được ai quan tâm, biết đến. Vì truyền thông ở Việt Nam sau năm 1975, chỉ bơm hơi, tiếp sức, thổi bong bóng cho người Miền Bắc XHNC. Cho đến hôm nay, những bản nhạc ca ngợi lãnh tụ hay chế độ XHCN một thời được hát rí rả đến nhức óc mỗi ngày trên truyền hình, truyền thông báo chí tại Việt Nam đã thực sự bị đào thải.

Nhạc sĩ Võ Đông Điền sinh năm 1952 tại Xã Phú Thọ, Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam. Anh là giáo sư Âm Nhạc Trường Cao Đẳng Sư Phạm Bình Dương.

CẢM TÁC

Trăng lóng lánh tuyết bay bay huyền ảo
Rừng pha lê trắng toát giấc chiêm bao.
Trong cửa kính lửa bập bùng hương ấm,
Làm sao ta thấu cảm bước âm thầm?!

Bờ hạnh phúc mong manh màu nắng lụa
Buông thời gian quên hết tháng ngày qua.

Thế kỷ mới bao chuỗi đời dói khổ
Mùa thu đi bỏ lại mấy cảnh kho !
Đêm gió tuyết từng nẻo về buốt giá
Đường Paris góc tối cảnh không nhà.
Người hạnh phúc kẻ khổ cùng chung lối,
Vía hè khuya tạm những kiếp đơn cô.
Đời say tỉnh, được thua đều sống vội
Sacré ceour tuyết trắng xóa ngọn đồi.
Vẳng trong gió lời kinh cầu miên viễn
Mảnh bom rơi mù sa mạc hỗn nhiên!
Miền đất thánh rục hận thù vết đạn
Súng rền vang bày se sẻ tan đàn!
Ôi chiến tích, tình yêu và bóng tối
Bài thơ hay vẫn là áng phù vân!
Mười ngón tháp húng chùm hoa tuyết đọng
Ngọc lung ninh biến vào cõi hư không.

ĐỒ BÌNH

Paris 2009

Ngày tuyết phủ đầy lạnh dưới 15 độ

Anh sáng tác hơn 100 ca khúc dành cho người lớn và trẻ em. Anh say mê tân nhạc nhưng cũng rất ghiền cổ nhạc nên cũng dành thời gian viết hơn 40 bài hát cổ nhạc được giới ca cổ rất yêu thích. Những năm

gần đây, những hãng phim truyện Việt Nam vẫn mời anh viết ca khúc cho phim như bài hát: “Ký Ức Một Miền Quê”, “Xuân Trên Đồi Bằng Lăng”, “Bóng Mát Cuộc Đời”, “Em Tôi”, “Bến Mơ”... Tất cả những ca khúc của anh ngân nga như những bài ca dao, dân ca đưa chúng ta trở về quê hương Việt Nam yêu dấu trong vòng tay của mẹ hiền, bên chiếc võng đong đưa lờ ru ngọt ngào, êm đềm của mẹ, trong cánh diều bay vun vút trời xanh, trong cánh hoa bằng lăng tím ngát, hay bên dòng sông muôn đời hiền hoà có dòng nước trôi xuôi, có con đò đưa khách sang sông. Và chúng ta có thể tìm nơi những ca khúc của anh tình yêu quê hương đất nước, tình yêu con người nở hoa bất tận. Đặc biệt, tình yêu trai gái là đề tài thật lãng mạn, thật đẹp và thơ mộng luôn ẩn hiện trong suốt những dòng nhạc sâu lắng dịu dàng và tha thiết của người nhạc sĩ miền sông nước mênh mông như bài hát “Bắt Chợt Ta Nhìn Nhau”:

“Bắt chợt em nhìn anh, lắng nghe từng kỷ niệm. Bắt chợt anh nhìn em, nhớ những ngày xa xưa. Ta quen nhau, ta yêu nhau, ta xa nhau chẳng nhớ độ nào. Dòng sông xanh đã trôi đi theo tháng năm âm thầm sóng vỗ. Tuổi ngày thơ đã trôi đi theo ước mơ, có chăng là nỗi nhớ, nhớ...”

Nhịp đi của nhạc biến hoá tài tình ở đoạn cuối phần một của từ “nhớ...” Từ điệu Slow Surt, nốt Fa kéo dài đến La, chuyển tiếp đến Si và cao vút, ngân nga đến Đô...(Tacet).

Tình yêu đó đã trở thành dĩ vãng xa xuôi, có chăng chỉ còn là kỷ niệm không bao giờ tìm lại được. Em yêu ơi! Dòng đời đầy ghềnh thác, biết bao nhiêu chông gai, cay đắng lở làng. Ngỡ rằng tình xưa như một giấc mơ nhưng tôi đã gặp lại em, ánh mắt xưa ngập tràn bao nhung nhớ, và trái tim nhạc sĩ thổn thức: *“...Tình yêu xưa ngỡ phôi phai như giấc mơ, cung đàn đã vỡ. Đập gương xưa có thấy đâu trong bóng gương...vỡ tan lở làng...Tình cờ gặp nhau đây, tưởng rằng phôi phai, buâng khuâng người em gái....”* Và niềm hối tiếc sâu xa đã tràn ngập hồn người nhạc sĩ

đa tình. Anh viết: “Sao không như ngày ấy, ngày em tròn hai mươi tuổi. Sao không như ngày ấy, để anh mãi còn đôi mươi”. Ai cũng có tình yêu và trong mỗi chúng ta ai cũng có những mối tình dang dở. Do đó, bài hát làm rung động người nghe vì nó đã khái quát được những cuộc tình thơ ngây, lãng mạn, nhưng cuối cùng chia ly và đầy hối tiếc.

Trong DVD có 12 ca khúc, phần lớn được các ca sĩ trong nước và hải ngoại hát trong chương trình Thúy Nga Paris by Night như “Tiếng Hát Chim Đa Đa, Xin Đừng Trách Đa Đa, Bất Chợt Ta Nhìn Nhau, Em Tôi...” Với giọng ca truyền cảm, Ca Sĩ Quang Linh đã trình diễn xuất sắc những ca khúc của Nhạc Sĩ Võ Đông Điền. Ca sĩ Tâm Đoan với “Đêm Giao Thừa Nghe Một Khúc Dân Ca”, Hương Lan trong nhạc phẩm “Bình Dương Một Khúc Tình Quê”, Hoàng Lan trong bài “Người Đẹp Bình Dương”, Cẩm Ly với hát bài “Những Cánh Diều Quê Hương”, Trung Hậu trong bài “Nhớ Quê”, đôi song ca Trọng Phúc và Hà My đã trình bày bài “Mưa Xuân” thơ Nguyễn Bính, nhạc Võ Đông Điền và “Bình Dương Hương Sắc Dịu Dàng” do Trọng Phúc và Hạnh Nguyên trình bày.

Nhạc sĩ Võ Đông Điền và nhạc sĩ Giáp Văn Thạch sinh ra và lớn lên ở Bình Dương, nên tình yêu của hai anh dành cho mảnh đất trái ngọt cây lành, nên thơ và hiền hoà này một tình cảm sâu đậm. Trong tuyển tập nhạc anh ký tặng cho tôi do nhà xuất bản Trẻ Sài Gòn ấn hành có tất cả 40 ca khúc, có bốn bài hát mang tên Bình Dương: Người Đẹp Bình Dương, Bình Dương Hương Sắc Dịu Dàng, Bình Dương Một Khúc Tình Quê, Trăng Bình Dương. Và trong DVD có 12 ca khúc, đã có 3 bài hát mang tên Bình Dương. Ngay cả trong những bài hát khác, lời ca cũng mang hình bóng Người Đẹp Bình Dương như bài “Miền Đất Tôi Yêu”: “Tôi yêu Bình Dương, chẳng biết yêu thuở nào. Tôi yêu Bình Dương, yêu từng góc phố không tên. Một dòng sông mênh mông sông nước. Một con đò đưa khách sang sông...”. Trong hàng trăm

ca khúc anh viết, bài hát “Xin Đừng Trách Đa Đa” đã gây một tiếng vang lớn trong và ngoài nước. Nó đã đưa tên tuổi anh lên vị trí xứng đáng với tài năng của anh trong dòng âm nhạc Việt Nam. Tại sao? Bài hát như một huyền sử về một loài chim xuất hiện trong dòng văn học, ca dao, dân ca Việt Nam. Một loài chim ít ai biết đến. Tôi chưa bao giờ thấy và biết đến con chim Đa Đa, cho dù, tôi đã sống cả tuổi thơ bên dòng Sông Sài Gòn Tỉnh Bình Dương. Con chim Đa Đa chỉ có trong ca dao, dân ca miền Nam mà tôi thường nghe mẹ tôi hát từ thuở ấu thơ: “Chim Đa Đa đậu nhánh Đa Đa. Chồng gần không lấy lại lấy chồng xa. Mai sau cha yếu mẹ già. Chén cơm đôi đũa, chén cà ai bưng (dâng)”. Nhạc sĩ Võ Đông Điền đang gợi cảm tâm tư và trái tim cho ai? Nếu bài hát chỉ nói về tình yêu trai gái trong lũy tre làng thì nó không có giá trị phổ quát, gây ấn tượng sâu đậm cho những người xa xứ có thân phận lạc loài. Nó cũng chỉ là một trong những bài hát đơn giản nói về tình yêu trai gái mà tôi sẽ quên nhanh như bao nhiêu bài hát khác. Tôi là người đã bỏ xứ ra đi khi tuổi còn xuân, lứa tuổi cần tình yêu và đang yêu. Nhưng tôi đã không còn dám yêu ai. Tôi rời khỏi Việt Nam và lấy chồng xứ lạ. Tôi là một trong những người thăm thía và hiểu sâu sắc bài ca anh viết. Nhưng cho đến nay, tôi cũng không thể nào hiểu được người con gái nào đi vào hồn anh sâu lắng đã khiến những nốt nhạc kia chơi vui, buồn bã và xót xa: “Rời con chim đa đa ngẩn ngơ đứng trông về chốn xa. Còn âm vang câu ca ngày em bước chân đi theo chồng...Nhìn mây trôi mênh mông nơi quê chồng em còn buồn không?...”. Câu hát vừa hờn trách vừa dịu dàng và đầy lòng vị tha. Anh hỏi người con gái anh yêu rằng em lấy chồng nơi quê người em còn buồn như xưa hay em đang vui duyên mới trong số phận ly hương? Câu hỏi như xoáy vào tâm hồn những ai rời bỏ quê hương để lấy chồng xa xứ. Anh trách sao người con gái vô tình và tại sao không lấy chồng gần mà lại lấy

chồng xa, để “chim bay biển Bắc, anh tìm biển Nam”. Và anh lại trách vì sao tình đôi ta phải chia lìa “... Ai làm. Ai làm cho hạt mưa tuôn. Ướt con bướm vàng khi đậu nhánh mù u. Chim chuyên nhành ớt, nhành dâu, lấy chồng xa xứ biết đâu mà tìm...” Giọt mưa sa hay nước mắt của người con gái rời khỏi quê hương đã làm ướt đôi cánh của con bướm vàng đậu nhánh mù u. Nội dung lời ca đơn giản, mộc mạc, gần gũi nhưng đã mang một dấu ấn quan trọng về những biến động xã hội, lịch sử và thân phận người phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn mở cửa và tiếp cận thế giới bên ngoài (bài hát ra đời tháng 9 năm 1993). Đồng thời nó cũng khá quát và dự báo về những cuộc tình dang dở, chia ly của kẻ ở người đi. Nó như một hồi chuông báo động trầm trọng, số phận những cô gái làng quê Việt Nam từ Bắc vào Nam vì hoàn cảnh gia đình, xã hội phải rời bỏ nơi chôn nhau, cắt rốn, nơi ruộng vườn có lũy tre xanh, có đồng ruộng, sông nước hiền hoà để chấp nhận lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn... như một cứu cánh để giải thoát cuộc sống cơ hàn, đói khổ ở quê nhà. Những cô gái trẻ đẹp, thơ ngây, trong sáng đã mơ ước đi tìm một cuộc sống mới tốt đẹp hơn nơi chân trời xa lạ. Những cô gái vì chén cơm manh áo và cuộc sống tăm tối, đói rách triền miên đã phải làm vợ những người ngoại kiều mà mình chưa bao giờ biết mặt, biết rõ lai lịch họ là ai. Những cuộc hôn nhân môi giới, gả bán vì tiền đã đẩy hàng triệu phụ nữ Việt Nam phải làm vợ những tên vô học, già nua, tàn tật, bệnh hoạn. Bất hạnh hơn là đôi khi họ bị bán vào động mại dâm và suốt đời chôn trong chốn bùn nhơ. Họ như những con thiêu thân lao vào ánh sáng rồi chết gục mà không ai biết đến.

Bản nhạc gợi hồn người xa xứ, như một bài ca dao, dân ca mang âm điệu buồn quẩn rữ, êm ả ru ta vào cõi bình bồng của những mối tình cảm lạnh, tan vỡ, đầy hoài niệm và nhân bản.

Lời hát sau cùng đã lập lại tựa đề bài hát chứa chan tình người “*Xin em Đừng Trách Đa Đa, xin em Đừng Trách Đa Đa...*”. Đó là những lời an ủi, chia sẻ, cảm thông “xin đừng trách người đi...vì đâu... vì đâu em ra đi!? Nhạc sĩ Võ Đông Điền đã viết bài hát này cho ai? Cho một người tình? Một cô bé hàng xóm đã có tuổi thơ và một thời hoa mộng bên lũy tre làng hay một bóng hồng nào mà anh đã yêu thầm lặng? Con chim Đa Đa chỉ là một huyền sử. Có chăng nó chỉ tượng trưng cho mối tình bí ẩn và huyền hoặc mà người nhạc sĩ đa tình đã chôn sâu vào tận đáy lòng.

Phong Thu

Maryland, 23 tháng 2 năm 2009
(Viết với niềm thương nhớ quê nhà)

Chú thích: Tôi tìm trên các sách báo và internet về loài chim Đa Đa. Nhưng tôi vẫn chưa thể hình dung ra được chim Đa Đa là loài chim gì? Hình dáng ra sao? Chỉ xin cung cấp cho quý vị biết sơ qua về nó như sau:

Chim đa đa thuộc Lớp (class) Aves (Chim), Họ (familia) Phasianidae, Loài (species) F. pintadeanus (thuộc họ Trĩ). Loài chim Đa Đa thường xuất hiện ở Việt Nam, Campuchia, Trung Quốc, Ấn Độ, Lào, Myanma, Philippin, Thái Lan. Chúng sống trong các khu rừng nhiệt đới. Người Việt Nam còn nghĩ nó là con chim Quốc vì tiếng kêu của nó. Chim Quốc thuộc họ Gà Nước (Rallidae) nhóm Porzana, tiếng Anh gọi là Crane. Nó còn được lại gọi là chim Gia Gia (còn gọi là Đa Đa - cũng do tiếng kêu của nó) tức gà Gô hay Giá Cô (Tự Điền Thiều Cử), có tên Anh: Chinese Francolin, thuộc họ Gà.

Có người dịch bài hát này ra Anh Ngữ là “*Please Don't Blame the Chinese Francolin*”

NGHĨA TÌNH QUẢN QUANH

ĐỒ PHÚ

Tiếng điện thoại trên bàn ngủ reo vang, tôi hết sức ngạc nhiên không hiểu ai gọi vì nghĩ rằng chúng tôi đâu có quen ai ở vùng này. Sau vài giây suy nghĩ, tôi nhấc điện thoại.

- Alô, thưa bác Phan, cháu là Ánh Linh, con của ông bà Duy An, bạn hai bác đó ạ.

- Bác nhớ ra rồi, tôi trả lời.

- Chúng cháu rất vui khi nghe tin hai bác tới vùng này nghỉ mát, tắm biển.

- Ai cho cháu tin vậy?

- Thưa bác, mẹ cháu. Chúng cháu muốn ghé khách sạn đón hai bác đi chơi quanh vùng này và sau đó đến nhà chúng cháu dùng cơm.

- Chừng nào các cháu tới được? Chúng tôi ở đây cả tuần nên hôm nào các cháu tới cũng được, cần nhất là phải thuận tiện cho các cháu vì các cháu đều đi làm bận rộn cả. Hotel của hai bác nằm ngay trên bờ biển, nên hai bác có thể dành nhiều thì giờ tắm biển, chơi trên cát. Sau đó hai bác có thể lái xe tà tà đi chơi thăm thú vùng Miami này được vì hai bác có thuê xe.

- Vâng như thế thì chúng cháu xin hẹn sáng ngày mốt sẽ lại đón hai bác đưa hai bác đi chơi vòng quanh Miami, xuống Key West, chiều mời hai bác về nhà chúng cháu dùng cơm.

- Tính thế cũng được cần nhất là thuận tiện cho các cháu và không cản trở giờ giấc làm việc của các cháu. Chúng tôi chỉ đi chơi, nghỉ mát, thảnh thơi có nhiều thì giờ nên không muốn làm phiền người khác.

Linh vội nói:

- Thưa bác không phiền hà gì cả, chúng cháu cũng mong có dịp gặp hai bác v à cũng có đôi điều muốn nói với hai bác. Thôi hẹn bác

ngày mốt, 9 giờ sáng chúng cháu có mặt ở khách sạn đón hai bác.

Tôi nói với nhà tôi con nhỏ này lanh thật chưa chi đã biết chúng mình xuống đây

và gọi hỏi thăm ngay, mà không biết nó muốn nói chuyện gì với mình nữa đây. Loan nói cháu nó lịch sự nói giả lả như vậy để mình khó từ chối chứ có chuyện gì quan trọng mà suy nghĩ.

Hai ngày sau, vợ chồng Ánh Linh tới, lái xe chở chúng tôi đi chơi, thăm thú vùng

Miami, chạy thẳng ra Key West, một đường xa lộ chạy dài tới một hòn đảo giữa

biển khơi mênh mông. Key West trở thành một thị trấn nhỏ cho du khách thăm viếng. Buổi tối, bên bàn ăn trong không khí một gia đình ấm cúng, hai vợ chồng hai con. Linh kể rằng cách đây chừng hai năm, vợ chồng cháu cãi nhau giận nhau đến độ hai bên nội ngoại đều hay biết. Mẹ cháu đã kể lại chuyện xưa, có lần bố mẹ cháu đã suýt đi tới ly dị nhau nếu không có bác khuyên ngăn. Lời khuyên của bác đã có ảnh hưởng lớn đến gia đình cháu và đến các cháu ngày nay.

Ánh Linh là con gái đầu lòng của vợ chồng Duy An. Tôi gặp và quen An trong dịp lễ cưới của Trọng Hiệp vào năm 1957 tại Sài Gòn. An là một thanh niên khá đẹp trai, khỏe mạnh, ăn nói khéo léo, và hay khôi hài nên dễ quen với mọi người.

Chúng tôi hai thằng độc thân, ngồi cạnh nhau và nói chuyện vui vẻ cởi mở. Sau đó anh mời tôi lại nhà chơi, thảnh thơi chúng tôi lại gặp nhau, cùng nhau đi dạo phố hoặc đi ciné mỗi khi có phim mới hay. Rồi băng đi vài năm ít gặp nhau, tôi bận rộn vừa đi làm vừa đi học thêm, còn anh theo gia đình ra Qui Nhơn, đầu làm đường xá.

Khoảng 1960 hay 1961, anh gửi cho tôi một tấm hình của cô bạn gái, cô tên Hiền.

Trong hai trang giấy chữ nhỏ anh mô tả Hiền đúng như tên gọi hiền thực, dịu dàng, duyên dáng, chuyện trò hấp dẫn và đẹp thì hết nói, những câu như chim sa cá lặn vẫn chưa tả được hết. Duy An kể hẳn có thể nhìn nàng cả giờ không chán, nói chuyện hay nghe nàng nói thì quên hết ngày tháng, thời gian bên cạnh nàng An thấy như lúc nào cũng thiếu. Một ngày không gặp là một ngày không ăn không ngủ. Rồi sau đó ít lâu An vô Sài Gòn đến gặp tôi, hơn 1 tiếng đồng hồ, An chỉ nói về Hiền, cô tiên nữ mà anh đã gặp, không có danh từ nào đẹp mà anh không vận dụng tìm ra để tả người con gái này. Tôi mừng cho An đã tìm được người trong mộng, người bạn đời tương lai của mình. Tôi chúc hai người nên vợ chồng, An nói điều đó thì chắc chắn, anh không thể nào để mất Hiền được. Khi tôi hỏi về Hiền như cô ấy hiện còn đi học hay đi làm, An nói Hiền là một thôn nữ, cô ấy hiện giúp mẹ trông nom một cửa hàng bán vải và quần áo nhỏ trong chợ Qui Nhơn, tuy buôn bán nhưng vẻ đẹp thôn nữ vẫn còn trên cô. Hiền còn mang nhiều nét thôn quê, hồn nhiên, trong sáng như một bông hoa rừng hơn là gái thành thị. An nói về Hiền say mê như anh chàng nghiện ma túy và anh cứ muốn tôi lắng nghe anh nói liên tục, say mê về người anh yêu. Nhìn tấm hình của Hiền, tôi thấy nàng là một cô gái xinh đẹp nhưng hơi quê, và bạn tôi đã mô tả quá đáng. Trước vẻ đẹp thì đúng là mỗi người mỗi mắt, yêu là mù quáng, yêu ai thì cau bở làm đôi, yêu cả đường đi lối về.

Tôi biết anh đang tương tư với cú sét ái tình, nên anh không còn đủ lý trí để suy tính, con tim đã lấn át hết lý trí của anh, thôi đó cũng là điều hay, chỉ cần làm sao cho mối tình đẹp này thăng hoa, bền vững suốt đời.

Chừng một năm sau, khoảng 1961, tôi nhận được thiệp mời dự tiệc cưới của An liền tại Qui Nhơn nhưng một phần vì xa xôi, một phần vì công việc tôi không ra dự được. Sau đám cưới ít lâu, vợ chồng An dọn vào Sài Gòn làm ăn, tôi có gặp An đôi lần, và vui mừng thấy anh chị sống hạnh phúc. Mỗi lần gặp lại nhau là mỗi lần anh nhắc tới Hiền, anh chỉ muốn tôi nghe anh nói đủ mọi chuyện của anh và Hiền. Gặp anh một giờ là một giờ anh nói về vợ anh, tôi phải hết sức kiên nhẫn ngồi nghe cho vừa lòng anh. Ở Sài Gòn, An khá thành công, kiếm được nhiều tiền rồi mua được một căn nhà đẹp ở Đường Phan Đình Phùng.

Đầu năm 1970, An đến gặp tôi với bộ mặt u ám, anh hỏi tôi về thủ tục ly dị. Thấy

phản ứng của tôi, từ ngạc nhiên đến buồn bực nuôi tiếc, An than vãn đủ điều như anh đã nhầm lẫn lấy một người vợ có nhan sắc, có cái đầu lớn nhưng thiếu bộ óc, có tất cả bề ngoài mà thiếu chiều sâu của tâm hồn. Cái vẻ đẹp quyến rũ thì cô có nhưng bây giờ anh mới thấy là không đủ để chôn chặt một tình yêu chân thành, nhưng cái nết thì phải xét lại. Tôi giảng cho An nghe về thủ tục ly hôn, sau khi nộp đơn và được tòa chấp nhận, hai bên phải qua thủ tục hòa giải, với sự chứng kiến của luật pháp, tức tòa án, nếu hòa giải không thành, hai bên lại phải chờ đợi 6 tháng đến kỳ hòa giải lần hai, nếu lại bất thành, tòa sẽ đưa nội vụ ra xét xử. Một vụ án ly hôn có thể kéo dài đến hai, ba năm là chuyện thường. Nếu hai bên đồng thuận, không có điều gì tranh cãi, không có vấn đề tài sản, không tranh giành quyền nuôi con cái thì vụ án có thể nhanh chóng hơn.

Tôi thảo luận với An để tìm hiểu lý do thực sự tiềm ẩn trong con người của An và Hiền, vì hai con người đã yêu nhau, đã gặp nhau, tìm đến nhau, không do ai mai mối, không do ép buộc, một mối tình tự do được họ hàng hai bên ưng

thuận liền và hộ trợ hết mình. Bạn bè đều hoan hỉ vui mừng và cầu chúc cho hai người duyên cầm hòa hợp. An kể sau 10 năm hạnh phúc, hai vợ chồng ăn ra làm nên, có với nhau bốn con, hai trai hai gái. Con trai đẹp khỏe mạnh, con gái xinh xắn, tất cả đều trắng trẻo, dễ thương. Chỉ gần 6 tháng nay, Hiền đổi tính lươn lẹo luôn hỏi hôm qua anh đi với con nào, con nhỏ trong ban nhạc sao cứ sấn lại bên anh, như là tình nhân của anh vậy...và nhiều nhiều nữa. Cô ấy biết rằng tôi thấu cung cấp dịch vụ văn nghệ cho USO, cơ quan cung cấp dịch vụ tiêu khiển, giải trí, nhất là âm nhạc cho quân đội Mỹ, mỗi tháng nhiều buổi trình diễn nhạc trẻ ở nhiều nơi khắp nước. Tôi phải thuê mượn nhạc sĩ, ca sĩ, ban vũ nữ trẻ phần đông là giới trẻ, thích và ham ca nhạc, biết ca hát, nhảy múa. Đôi khi tôi phải đưa họ đi trình diễn ở nơi đóng quân của Mỹ, khi anh bạn bầu sô không đi được. Đó là chưa kể đến việc, tôi phải đi kiểm soát xem các ban nhạc, ban vũ có làm việc đúng tiêu chuẩn của USO đòi hỏi không. An kể anh vào nghề này do tình cờ, chứ anh đâu phải là nhạc sĩ hay ca sĩ. Lại là một nghề không vốn mà bốn lời. Khi được người Mỹ tin thuê, họ ký hợp đồng, ứng trước tiền khá bộn, trả bằng đô la, nên khi chuyển sang tiền đồng, anh lại kiếm được khá bộn về tiền sai biệt. Anh đã bốc lên khá nhanh vì lẽ đó. An thuê văn phòng làm việc và nơi cho các ca sĩ, diễn viên thực tập, ngay cả các ban nhạc anh thuê đều là dân mới tài tử, nên dễ thuê, dễ đối xử. Nơi anh làm việc lúc nào cũng tấp nập người đến tập diễn, đến xin việc, nhất là các cô choai choai xin vào các ban vũ. An nói làm sao tôi tránh gặp người này người nọ cho được, cô ta ghen sằng ghen bậy, nên có hôm tôi không về nhà, cô ấy bảo tôi nếu tôi muốn đi thì đi luôn đi. An nói với vợ thì ly hôn đi, cô ấy nói được. Như vậy lý do thực mà anh chị giận nhau là vì ghen tuông do

một vài người bạn của Hiền bàn ra tán vào, làm thầy dùi cho Hiền lúc nhàn rỗi.

Tôi cho An biết nếu anh chị còn yêu nhau, là điều tốt, nếu không thì còn nghĩa nặng tình sâu đối với con cái. Máy cặp vợ chồng có được bốn đứa con ngoan, xinh đẹp, khỏe mạnh, thông minh đĩnh ngộ lại đều đặn hai trai hai gái, như anh chị. Nếu anh chị bỏ nhau, các con cái sẽ bị ảnh hưởng nặng, có thể bị khủng hoảng, vì thiếu tình yêu thương của cha mẹ, nhiều tai hại khác có thể xảy ra mà ta chưa lường trước được. Còn những căn do khác mà anh bây giờ mới thấy như thiếu đầu óc, thiếu thông minh, vô duyên hay soi mói vào việc của chồng chỉ là hậu quả tiềm ẩn của những vụ cãi lộn, ghen tuông mà ra. Anh cần phải chia sẻ nhiều hơn công việc làm của anh với chị, để chị thấy sự khó nhọc của anh, để cùng chia bùi sẻ ngọt, để tình nghĩa vợ chồng thêm chọn vẹn. Anh không thể chỉ đưa cho vợ nhiều tiền chi tiêu hàng tháng, coi như thế là đủ bổn phận. An cúi đầu suy tư. An thú nhận anh thực sự không muốn bỏ vợ con.

Bây giờ nếu anh không thể đi bước trước đến với chị bằng câu xin lỗi đã nói lời

ly dị, thì tôi có thể giúp anh làm việc này được. Đây không phải là điều khó làm chỉ cần dẹp bỏ đi một chút tự ái của cả đôi bên. Ít ngày sau, An trở lại, anh nói anh đã tự giằn xếp xong mọi chuyện, anh đã ngồi xuống nói chuyện thẳng với Hiền, hai bên đã hoàn toàn thông hiểu không cần nhờ tôi làm trung gian hòa giải nữa.

Đến năm 1975, ra hải ngoại, anh chị tay trắng, tài sản nghề nghiệp đều mất hết, phải đi làm mọi việc để kiếm sống, nuôi các con nên người. Trên hai mươi năm vật lộn với cuộc sống mới, bây giờ nghỉ hưu, nhìn lại gia đình, thấy các con nên người, có nghề nghiệp chuyên môn cao, vợ chồng yên vui, anh chị thật mãn nguyện. Ánh Linh nói nhờ một lời khuyên của bác mà gia đình cháu sum vầy, các cháu có ngày hôm nay.

Tôi không nghĩ vậy, tôi nói đó là hồng phúc của gia đình cháu, là tình yêu chân thật của đôi lứa, của con người.

Nay hai cháu nhắc lại chuyện này mang lại cho chúng tôi một niềm vui khôn tả. Chúng tôi chỉ cố gắng làm điều tốt, không hề nghĩ rằng mình đã tạo nên được một ảnh hưởng nào cho ai khác. Thấy

vợ chồng Ánh Linh vui vẻ, hân hoan đón mừng vợ chồng tôi, tôi cảm thấy nước biển Miami ấm hơn, trong xanh hơn và chan hòa tình người.

ĐỖ PHÚ
(Virginia)

KHI NHÀ THƠ CẦM BÚA

khi nhà thơ cầm búa
là biết phải đóng con chữ vào đầu
để mắt nhân gian ba chiều đọc được
trong không gian vừa vắn trước sau
dù mưa nắng chông chênh
dù gặp ghềnh thế sự

khi nhà thơ cầm búa
là câu chuyện ngụ ngôn
của kẻ cùng tử mở cửa hư không
cho những đứa con tinh thần
hào sảng rong chơi giữa cõi trời và đất
vượt qua bi tráng để tồn tại
vượt qua băng hoại để làm người
đứng trước gương soi chân thiện mỹ
chưa một lần khấc kỷ với từ tâm!

*

khi nhà thơ cầm búa
là khẳng định những tì vết

con chữ đi qua trên vách thời gian
còn long lanh giọt lệ hồng
từ những tấm lòng nhân ái
rót yêu thương
vào chữ nghĩa cuu mang

khi nhà thơ cầm búa
là tự nguyện dẫn thân
vào công trình phát thảo từ những con tim
muốn gieo trồng trong vườn hoa đời
những đóa hoa tình bất tử
và khi những thanh từ tỏa âm
theo tiếng dương cầm hào sảng vút lên
cũng là lúc nhà thơ cất chiếc búa vào lòng
mỉm cười mãn nguyện
với câu chuyện ngụ ngôn
khi nhà thơ cầm búa!

Cao Nguyên (Maryland)

Thần Thoại Và Thực Tế

DIỆU TẦN

Tiểu bang Hawaii có mấy truyện thần thoại. Các nước trên thế giới nước nào cũng có thần thoại, nếu dùng chữ tục truyền, cổ tích hay huyền thoại cũng na ná như nhau. Sử nước nào cũng có chính sử, ngoại sử và dã sử. Trong dã sử, ngoại sử có những câu chuyện, những sự việc không thấy ghi trong chính sử, bởi người viết chính sử không tin đó là sự thật. Tuy nhiên trong chính sử người ta cũng có ghi chú những chuyện khó tin ấy. Do đó có thể nói, dã sử là truyện dựa vào sự thật rồi hư cấu thêm, bịa đặt thêm cho hấp dẫn, làm ly, bi đắt hơn.

Thần thoại có trước và sau sử, trước sử gọi là tiền sử. Thời tiền sử chưa có chữ viết, sau thời tiền sử, có nhiều nước vẫn chưa có chữ viết, cho nên chỉ truyền miệng. Đã là truyện truyền miệng, qua nhiều người nghe và kể lại, người ta thêm mắm thêm muối cho hấp dẫn hơn lên. Ngày nay người ta quan niệm rằng những thần thoại vô hại và cứ nên tin vào khiến cho nguồn gốc dân tộc thêm huyền bí, tự hào, anh hùng, vẻ vang hơn. Nhật Bản nhận dân nước họ là con cháu Thái Dương Thần nữ, họ thờ mặt trời, lấy hình mặt trời mọc làm quốc kỳ. Sử Việt Nam có ghi dân ta vốn là người trong bọc trăm trứng, nở ra trăm con, rồi nửa nọ xuống biển, nửa kia lên núi. Theo khoa học thì lấy gì chứng minh mặt trời đẻ ra được người Nhật? Tại sao ông có quyền phép như vậy ông không sinh ra các dân tộc khác mà chỉ sinh ra người Nhật thôi? Bởi vậy tin thần thoại hay không là quyền, là ý thích của mỗi người.

Tại Hawaii, đảo Big Island có nơi được gọi là Vườn của các vị Thần (Garden of the Gods) là khu có những tảng đá do lava núi lửa để lại, có những màu đá khác nhau, màu đỏ, màu tím, màu nâu, màu đen do những tác động của thời gian và những tác động hóa học, vật lý khác. Cũng đoán hiểu là do thổ dân đặt tên ra, hay người da trắng đến thấy lạ bịa tên ra để gọi hiểu kỳ nơi du khách. Chuyện này có thể chứng minh bằng khoa học được, nhưng còn những chuyện khác nữa, không thể chứng minh, và cũng không nên chứng minh.

Nữ Thần Pele là thần Lửa, bà sống trong hầm lửa ở núi lửa Kilauea, hiện vẫn phun lửa ra hàng ngày, nơi lôi kéo được du khách đến khá đông. Hawaii cũng có Thần Mưa hay Thần Được Mùa, Thần Hòa Bình, Thần Chữa Bệnh. Người Việt và nhiều nước gốc nông nghiệp lúa nước cũng tin có những vị thần này. Gió, Mưa, Lửa, Mặt Trăng, Mặt Trời, cây to, núi lớn, tảng đá...thừa chưa có khoa học tìm tòi, nghiên cứu, chứng minh thì những hiện tượng, thực thể đó đều là do thần thánh hóa phép ra cả, điều này dường như người ta xếp vào tín ngưỡng Bái Vật giáo. Khi nghe người hướng dẫn du lịch mỉm cười chỉ trỏ kể thần thoại địa phương, du khách cũng mỉm cười tạm tin như vậy cho vui vẻ, vô hại, có mát mát gì đâu. Cũng chẳng nên thắc mắc, hỏi tới hỏi lui cho mất công! Hiện tượng kỳ lạ là núi lửa bỗng nhiên găm thét rồi phun đá, phun lửa ra trên đỉnh, tạo sức nóng dữ dội, tàn phá khủng khiếp con người, thú vật cây cối, làng xã bị tiêu hủy, cả một khu rừng bị biến thành biển lửa, đáng run sợ lắm chứ. Thời chưa có khoa địa chất, địa chấn, phải coi là do Nữ thần Lửa, giận dữ

con người, ra oai trừng phạt, bắt con người phải đền tội.

Tại đảo Kauai, đảo có lượng mưa hàng năm trên dưới một mét, cây rừng, vườn tược luôn luôn xanh tốt cũng có vài huyền thoại. Dãy núi phía tây-bắc đảo, khoảng giữa thị trấn Wailua và Kapaa, bên trong Bãi Dừa có hòn núi *Nounou* mang dáng người khổng lồ đang nằm ngủ (Sleeping Giant). Ông Thần này to lớn quá, ông đòi dân làng cung cấp thực phẩm cho ông ăn, ông ăn quá nhiều, bao nhiêu cũng không đủ, dân chịu không nổi bèn bày kế, để lẫn đá núi vào thức ăn. Tham ăn quá, ông tống vào miệng cả đá luôn. Rồi ông bội thực, nằm ngủ yên một chỗ biến thành hòn núi *Nounou*.

Cũng trên đảo Kauai, có chuyện Thần Tý Hon *Menehune*, Anh ngữ dịch là Magic, ảo thuật, biến hóa. *Menehune*, người ham mê làm việc giống như truyện cổ tích *Leprechaun* của Ái-nhĩ-lan. Đây là giống người tý hon, cao từ 15 cm đến 90 cm nhưng có sức khỏe vô song, sống ẩn náu trong rừng rậm, làm việc suốt đêm. Họ đắp đường lộ, đào kinh dẫn nước, đào hồ cá và xây đền thờ... Đồn rằng nếu có ai bắt gặp họ đang làm việc, họ sẽ bỏ công việc đó ngay và cứ để bỏ dở không hoàn thành nữa. Nhiều nhà học giả cho rằng người *Menehune* di cư đến đảo trước nhất, trước cả người Polynesian đặt chân lên đảo cả hàng chục thế kỷ. Tuy nhiên năm 1880 nhà cầm quyền làm kiểm kê dân số, tại phía bắc đảo có ghi nhận sự có mặt của vài chục người giống tý hon này.

Câu chuyện vừa là thần thoại vừa có thể là chuyện có thật, nếu người Mỹ chứng minh, xác nhận những tài liệu kiểm kê dân số là hoàn toàn đúng. Người ta nói rằng còn những di tích do người *Menehune* thực hiện là hồ cá, kênh đào và hồ chứa nước. Có người cho rằng nếu còn chứng cứ hiển nhiên như bản chánh báo cáo kết quả kiểm kê dân số trong

đó có ghi tên họ, ngày năm sinh người *Menehune* và nhất là ảnh chụp thì có thể tin được phần nào.

Tại đảo Big Island, hướng dẫn viên du lịch giới thiệu hòn Tinh Nhân ngoài bờ biển, hòn núi hình tam giác và kể chuyện thần thoại cho du khách nghe. Hòn đá lớn này cao 27m và đường kính gần đỉnh là 23m. Người hướng dẫn kể lại: Ngày xưa có một ông chồng lấy được vợ đẹp, người chồng tính cả ghen, đem nhốt vợ trong hang ngoài biển. Người vợ chết, vì bị bỏ đói, bị nước ngập sao đó. Anh chồng hối hận quá, bèn trèo lên tảng đá và nhờ một vị thần giúp, đem xác vợ lên chôn trên đỉnh hòn. Chôn vợ xong người chồng nhảy xuống biển tự trầm. Kể xong hướng dẫn viên mỉm cười lắc đầu, nói tiếp: Các nhà khảo cổ sau này đã trèo lên đỉnh tìm tòi, đào bới nhưng không hề thấy xương người, chỉ có những bộ xương chim biển thôi.

Kể xong mọi người lên xe để tiếp tục đi xem nơi khác. Chợt có một ông già đeo kính cận nặng thắc mắc câu chuyện vừa nghe. Ông không đồng ý với chuyện giới khảo cổ nhảy vào chuyện thần thoại. Ông cho biết ông là giáo sư dạy sử ở đại học, cho rằng những nhà khảo cổ đó không nên tìm hiểu chứng minh gì hết. Hãy cứ để cho câu chuyện ẩn hiện mơ hồ như thế đi, đã là cổ tích, thần thoại, huyền thoại, mắc mớ gì khoa học trần tục lại xía vào. Người tài xế kiêm hướng dẫn viên trả lời: Tôi chỉ làm nhiệm vụ người kể lại thôi, tin hay không tin là tùy quý khách, tài liệu du lịch nói sao tôi nhắc lại như vậy. Ông giáo sư già khó tính kết luận: “Tôi nghĩ rằng anh và hãng du lịch của anh nên loại bỏ câu cuối nói là chỉ tìm thấy xương chim, không có xương người.” Nhiều người cười và vỗ tay tán thưởng, kể cả hướng dẫn viên.

Người ta đồng ý với ông giáo sư dạy sử. Bởi cứ để các ông khảo cổ, bác sĩ, kỹ sư... đem khoa học mô xê, soi mói vào thần thoại,

cổ tích, huyền thoại là hư bột hư đường hết. Thiên hạ sẽ chán, sẽ lắc đầu không tin vào những chuyện đó nữa, rồi du khách chán không muốn đi tour nữa thì sao? Làm sao mấy con chuột lại biến thành mấy con ngựa, làm sao quả bí lại biến thành cỗ xe để cô bé Lộ Lem kia leo lên đến lầu đài dự dạ tiệc? Làm sao cô Tấm hóa thân trong quả thị lại biến thành người đẹp được?

Ngay như trong truyện cổ tích, có rất nhiều vô lý, khó tin. Chẳng hạn truyện anh em nhà Tân và Lang, tại sao ba người trong truyện chết đi lại hóa thành cây cau, giầy trâu không và tảng đá vôi được. Làm sao đến hai cha con chỉ có một cái khố, để đến nỗi Chử Đồng Tử phải trần truồng vùi mình dưới cát, cường điệu quá, bịa quá! Nghe cổ tích đừng nên phân tách theo khoa học, lý luận thông thường mà chỉ nên hiểu theo hướng giải trí hoặc hiểu hàm ý nội dung truyện.

Bước qua sử truyện thuyết, thần thoại, cứ thắc mắc hỏi người Nhật rằng làm sao dám nhận là con cháu mặt trời, sẽ bị người Nhật giận lắm. Cũng như nếu có người ngoại quốc nào lắc đầu, mỉm cười nghi ngờ chuyện Thánh Gióng của chúng ta, chúng ta sẽ đỏ mặt giận sôi lên. Thí dụ người đó sẽ hỏi: Làm sao cậu bé không biết nói bồng nói được, ăn quá nhiều. Làm sao có được con ngựa sắt để cưỡi đánh đuổi giặc thù. Sức voi mà nhỏ được cả bụi tre làm vũ khí. Bịa, hư cấu, giàu tưởng tượng!

Ồ hay nhỉ! Đã gọi là ông Thần, bà Thánh, cô Tiên mà. Có rất nhiều quyền phép, chẳng thế sao gọi là Thánh, Thần, Tiên? Thật ra nhiều lúc người ta không muốn biết sự thật, hoặc giả vờ không biết để cho cuộc đời đỡ tẻ nhạt, cho cuộc đời *lên hương* tí chút. Có trường hợp đặc biệt là tuy biết không có chú Cuội, không có cô Hằng Nga, chỉ có đất đá lờ mờ trên mặt trăng, người ta vẫn không thất vọng với cô Hằng

trong cung Quảng Hàn. Khoa học đã giẫm lên mặt trăng, đã lái xe trên mặt trăng, với khoa học, mặt trăng chỉ là một quả cầu trong không gian, thế thôi. Nhưng những nhà thơ, những người yêu thơ vẫn thích những vần thơ ca tụng mặt trăng thơ mộng huyền bí, vẫn lấy trăng tỏ, sao mờ, mây bay, gió cuốn, tuyết rơi làm nguồn cảm hứng sáng tác thơ phú.

Nhân nhắc câu chuyện thần thoại Hawaii, hòn núi Nounou, ông Khổng Lồ nằm ngủ, liên tưởng đến nạn tham nhũng hiện nay ở Việt Nam. Phải chi có ông Thần bà Thánh nào có phép biến của ngon vật lạ, ăn vàng, ăn kim cương, ăn đô-la các tay cán bộ gộc có phe cánh đớp vào chúng sẽ biến thành đá cục hết. Cho họ mau theo ông Lê, ông Mác biến thành những đồng đá Nounou (dịch lại là Sleeping stupid guys) nằm ngủ lã lóc, ngổn ngang, cho dân nhờ.

Trước đây chế độ có khẩu hiệu; *Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm* để bóc lột sức lao động dân nghèo. Dân đen phản kháng chế nhạo nhà nước bằng cách thêm câu :

Để cho cán bộ xây thêm...nhà lầu

Vụ này dính dáng đến giống người Tỳ Hon Menehune, không ai ép cứ thích tranh thủ làm suốt đêm, làm hùng hục. Chắc chắn rằng những Menehune này không đòi tiền công, làm xong là biến vào rừng mất dạng. Kiếp người Menehune cũng giống như con em dân đen, không phải là con cán bộ gộc phải vào Thanh niên Xung phong vác đạn, làm lính đánh thuê ở Cam-pu-chia, làm xa lộ chiến lược trong rừng thẳm. Cho nên lại có thơ nhái thơ Hoàng Cầm trong kịch thơ “Lên Đường” nổi tiếng một thời:

Xương tôi, tôi bắc nên cầu

Cho đàn em nhỏ lên lầu Tụ Do.

Ra câu:

Xương tôi, họ bắc thành cầu

Cho đàn cán bộ xây lầu vênh vang!

TRƯỜNG và KHOA CỬ NGÀY XƯA

Bạch Cúc & Hải Bằng.HDB

*

- Bốn Ngàn Năm Văn Hiến
- Trường và thầy trong thời kỳ Bắc Thuộc (Tàu)
- Chế độ khoa cử trong thời tự chủ

*

Những mùa tựu trường thời tiền chiến (trước 1945) đều là những kỷ niệm đẹp đầy luyến nhớ đối với thầy trò thuở trước. Ngày đó, dù là ngôi trường làng nhỏ bé lợp lá đơn sơ hay là một tòa nhà lợp ngói huy hoàng, tất cả đều là những nơi mà mọi người yêu mến, vì ở đó đáp ứng được niềm khao khát muôn đời của dân tộc Việt, đó là “đi học để nên người” và châm ngôn: “nhân bất học bất tri lý” (người không học không biết lẽ phải). Từ niềm khao khát đó, ngày tựu trường nào cũng là những ngày vui như hội.

*Tựu trường đó, lòng tôi vừa bắt gặp
Nổi xông xao thắm lặng ở trong rương
Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Mắt tin cậy và tóc vừa đương rẽ*

*Người bạn nhỏ! Cho lòng tôi theo ghé
Không nổi gì có thể vuốt ve hơn
Đêm tựu trường mùi cửa sổ mới sơn
Tủ mới đánh và lòng trai thom ngát
 (“Tựu Trường”, Huy Cận)*

*Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường
rụng nhiều và trên không có những đám mây
bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm
hoang mang của buổi tựu trường.*

*Tôi không thể nào quên được những cảm
giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như*

*máy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời
quang đãng.*

*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên
giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay
tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy máy
em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên
đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.*

*Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy
suong thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm
tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và
hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm
lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh
vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính
lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi
đi học.*

(“Tôi Đi Học” - Thanh Tịnh)

Tất cả những tình cảm đẹp đó giờ đây chỉ còn là những hoài niệm đẹp. Nay cha mẹ lái xe đưa con đi hay có xe trường đưa đón. Cái cảnh nhộn nhịp, tung bùng ở ngoài đường phố đông nghẹt học trò lẫn phụ huynh không còn nữa và cái vui của ngày hôm nay khác với cái vui của ngày trước.

Riêng ở Việt Nam hôm nay, hàng năm tới mùa khai trường, phụ huynh và học sinh thường phải lo lắng chạy tiền để được nhập trường. Một học sinh đã mượn bài văn ghi trên của Thanh Tịnh để nói lên tệ trạng ấy của xã hội và đưa lên internet như sau:

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại ray rứt những kỷ niệm gian nan của việc... chạy trường.” (Phóng tác theo bài “Ngày Khai Trường” của THANH TỊNH)

*

Bốn ngàn năm văn hiến là gì?

Người Việt thường tự hào nước Việt có 4000 năm văn hiến với nguyên nghĩa: văn là văn hóa; hiến là hiến chương. Thật vậy, nước ta là một nước có văn hiến là bởi vì nước ta, lập quốc từ thời đại Hồng Bàng (2879 – 258 Trước Tây Lịch) lấy tên nước là Văn Lang bao gồm 15 bộ tộc quy tụ lại thành một khối dưới sự lãnh đạo của dòng họ Hùng, cuộc sống đã đi vào những nền nếp và phép tắc tốt đẹp. Chẳng hạn, về chính quyền, nước định ra các quan chế như Lạc Hầu, Lạc Tướng; về tín ngưỡng, người Việt tin vào Đạo Trời nên có câu “Đạo Trời báo phục chìn ghê” (Kiều, Nguyễn Du); về văn tự: chúng ta có “chữ Việt cổ”; về đạo đức làm người, người Việt đề cao lòng Hiếu Đễ; nghĩa “Vuông Tròn” (trăm năm tính cuộc vuông tròn); anh em như thể tay chân: (coi sự tích “Bánh Chung Bánh Dầy” và “Trầu Cau”); về học hành, có trường và thầy dạy (theo tài liệu kê cứu của nhà giáo kiêm khảo cổ Đỗ Văn Xuyền, thi thời Hùng Vương có 19 thầy giáo, 35 trường học và 58 học trò); về sinh nhai có nghề nông, trồng trọt, nuôi gia súc, sử dụng đồ gốm, đồ đồng; và có thể đồ sắt nữa (ngựa sắt và roi sắt của Phù Đổng Thiên Vương); về giải trí có nhiều hội hè, lễ tết. ...

Chính nhờ có một nếp sống có nền nếp và quy củ tốt đó mà dân tộc ta sau này dễ tiếp nhận những giáo lý của Phật Giáo và Khổng Giáo. Nhưng tiếc thay là người Tàu muốn đồng hóa các sắc dân Bách Việt (sinh sống ở

phương nam Trung Hoa) nên đã cướp đi hoặc tiêu diệt hết những tinh hoa của dân tộc ta trong hơn 1000 Bắc Thuộc kể từ thế kỷ thứ một trước Tây Lịch đến thế kỷ thứ 10 sau Tây Lịch.

Nghi vấn về chữ Việt cổ: Tại sao chữ Việt cổ không tồn tại?

Các nhà khảo cổ ghi nhận nhân loại tạo ra chữ viết từ trên 3000 năm trước Tây Lịch. Dân tộc ta có tiếng nói riêng và có một quá trình chung sống lâu dài nên chắc chắn là đã có chữ viết. Càng ngày càng tìm thấy nhiều di tích có ghi chữ viết cổ của người Việt. Gần đây có nhà giáo tên là Đỗ Văn Xuyền, ngụ tại Phường Tân Dân, Việt Trì; bút danh là Khánh Hoài; hiện sưu tầm được nhiều di liệu về chữ Việt Cổ.

Ông nói: “*Lịch sử, tài liệu từ hiện vật, tài liệu thư tịch, sắc phong, ngọc phả... Còn những cuốn sách này là hồ sơ về đền Mẫu, lịch sử Thiên Cổ Miếu... Tất cả những thứ gì của riêng tôi mà cần ghi bằng chữ thì tôi đều dùng chữ của tổ tiên*”.

Ông đưa ra những cuốn sổ tay, lịch ghi chép, và cả những phong thư... của ông cũng đều ghi bằng “chữ Việt cổ có từ thời vua Hùng”. Ông khẳng định. “*Buổi lập nước, triều đại Vua Hùng, chúng ta có một nền giáo dục rục rờ. Chúng ta đã có chữ viết trước Hán*”.

Những di sản văn hóa của người Việt như chữ viết, thuốc men v.v. đã bị người Tàu cướp đi hoặc tiêu hủy hết trong hơn 10 thế kỷ Bắc Thuộc.

Trong thời Bắc Thuộc, người Tàu áp dụng chính sách ngu dân nên không mở trường học chính thức nào cho Người Việt

học. Các quan cai trị chỉ dạy cho một số Người Việt đủ biết chữ Hán để làm tay sai. Có thể các quan Tàu đã cùng quan lại Việt dựa vào chữ Hán để tạo ra loại chữ đọc theo âm tiếng Việt gọi là Chữ Nôm (âm tiếng Việt, dạng tựa tựa chữ Hán) cho việc thông tin được dễ dàng.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó, Người Việt ta vẫn tìm mọi cách học lâu thông các loại kinh sách của Trung Hoa và đem truyền bá kiến thức cho quần chúng nhằm nung nấu tinh thần quật khởi đấu tranh cho nền tự chủ của nòi Việt.

*Trường học và thầy dạy trong
thời kỳ Bắc Thuộc:*

- *Làm thế nào trong 1000 năm Bắc Thuộc, Giao Châu (nước ta) vẫn sản sinh được một số nhân tài trí thức?*
- *Duyên lành thay, đó chính là nhờ Đạo Phật truyền bá từ Ấn Độ và Trung Hoa qua Việt Nam mà việc học hành chữ Hán được mở rộng cho nhiều người Việt và các chùa chiền trở thành trường học bán chính thức.*

Trên cơ sở đó, nhiều người Việt hâm mộ đạo Phật đã được các Nhà Sư Ấn Độ và Trung Hoa tận tình giảng dạy, không chỉ đạo pháp mà còn cả những sách của Không Tử và Lão Tử để kinh kệ được truyền lan ra đại chúng qua hàng ngàn ngôi chùa lớn nhỏ. Chẳng hạn, Thiền Sư Vinitaruci (Tì Ni Đa Lưu Chi) từ Ấn Độ qua và Thiền Sư Vô Ngôn Thông từ Trung Hoa qua. Thiền sư Vinitaruci vốn là sư phụ của Thiền Sư Việt Pháp Hiền (632). Khi Vinitaruci mất, Sư Pháp Hiền dựng chùa dạy học, cư tăng lúc nào cũng hơn 300. Thiền Sư Vô Ngôn Thông còn gọi là Thiền Ông, Người Hoa, tu ở Chùa Lục Tổ vốn là thầy của Thiền Sư Vạn Hạnh (... - 1025) mà tinh thần thiền của Vạn Hạnh là “hành động với tâm vô tư,

luôn luôn ưu thời, mẫn thế, lúc nào cũng lo lắng đến sự an cư lạc nghiệp của dân chúng” (tr.139, *Thiền Vạn Hạnh*).

Như vậy, chính các ngôi chùa đã là những ngôi trường đầu tiên đào tạo những nhà trí thức Việt lỗi lạc và chính những nhà sư là những thầy giáo đầu tiên. Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham, nguyên giảng sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, viết:

*... Suốt trong một ngàn năm đô hộ đã bao phen anh hùng tài ba không xuất thân từ Cửa Khổng, Sân Trình ra mà là từ trong cửa chùa của nông dân đã đứng ra lãnh đạo cuộc kháng chiến như Lý Phật Tử vào thế kỷ thứ VI. Lại trong khoảng Nhà Đường đô hộ Giao Châu đã có một số Thiền Sư danh tiếng như từng ngậm vịnh với các danh sĩ Tàu thời thịnh Đường, nào là Thi Sĩ Tâu Dương Cự Nguyên làm thơ tặng Phụng Định Pháp Sư về Việt Nam; nào là Trương Tịch tặng Tăng Nhật Nam trong núi; nào là Giả Đào tiễn thơ Nhà Sư An Nam Duy Dám v.v. (tr. 155, *Thiền Vạn Hạnh*).*

Rồi Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham kết luận:

*Như vậy thì trước khi có học hiệu và khoa cử Nho Giáo, nhân tài trí thức Việt Nam đã do giới Thiền Sư đào tạo trong rất nhiều ngôi chùa dung làm học hiệu để giảng dạy cả sách Phật lẫn sách Chu Tử qua Hán Văn. Bởi thế nên các Thiền Sư bấy giờ đều thông thạo văn học chữ Hán, không những giỏi Phật Học mà còn thông Nho Học, Đạo Học lẫn Cửu Lưu: Kinh, Sử, Tử, Tập, bằng chứng là những bài thơ “kệ” chữ Hán của các Thiền Sư để lại đều là văn chương điêu luyện, ý nghĩa hàm súc, thâm trầm (tr. 156, *Thiền Vạn Hạnh*).*

Tóm lại, nhờ lòng hâm mộ Đạo Phật của đông đảo quần chúng mà tinh thần hiếu học của người Việt đã được phát huy từ những

cửa chùa, bằng cứ là Thiên Sư Việt pháp danh là Pháp Hiền (năm 632) trụ ở Chùa Pháp Vân (Bắc Ninh), được nhiều người mến mộ; nhà sư dựng chùa dạy học, cư tăng lúc nào cũng có đến hơn 300 người (coi Thiên Vạn Hạnh, Nguyễn Đăng Thục, tr. 34).

Và, tinh thần Phật Giáo thời đó, được hướng dẫn bởi ngọn đuốc đạo hạnh của Khuôn Việt Đại Sư (930-1012), của Sư Vạn Hạnh (- 1025), là tu, *tâm gắn liền với Đạo; hành, trí không xa rời thực tế*, luôn luôn tích cực phụng sự dân tộc qua Lê Đại Hành đến Lý Thái Tổ; tuy có công mà không nhận một chức tước gì của triều đình, chúng tỏ cái tâm Thiên đã đến ý thức “Dung Tam Tế” (Giới, Định, Huệ).

Vài nét về khoa cử trong thời kỳ tự chủ

Nhờ tiềm lực học thức trong thời Bắc thuộc đã lên cao độ, chế độ khoa cử của nước ta tiến hành ngay sau khi nước nhà giành được tự chủ vào triều đại Nhà Lý (đầu thế kỷ 11) và kéo dài đến cuối Nhà Nguyễn (đầu thế kỷ thứ XX) với mốc khởi đầu là việc xây Văn Miếu vào năm 1070 ở Thăng Long (Hà Nội) để thờ Khổng Tử và các vị Tiên Nho (ở Trung Hoa, Văn Miếu được gọi là Khổng Miếu).

Nội dung chương trình học bao gồm Tam Giáo (Khổng, Lão, Phật) và các học thuật như lịch sử, địa dư, toán, thiên văn, lịch pháp, nhằm đào tạo những Kê Sĩ có đủ trình độ kiến thức để giúp việc nước. Sĩ là giai cấp được trọng vọng nhất nước: “Nhất Sĩ, nhì Nông, tam Công, tứ Thương”.

Văn Miếu thoát kỳ thủy là trường dành cho các con cháu của Hoàng Gia và học trò đầu tiên là Thái Tử Lý Cán Đức (Lý Nhân Tông), con trai của Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ý Lan.

Trường Quốc Tử Giám được thành lập cạnh Văn Miếu vào năm 1076. Đây được coi là

Trường Đại Học đầu tiên của Việt Nam và dần dần mở rộng cho con các đại quan tham dự.

Năm 1253, dưới đời Trần Thái Tông, Quốc Tử Giám được đổi thành Quốc Học Viện và cho con cái xuất sắc của thường dân theo học.

Thái Học Sinh (Tiến Sĩ) Chu Văn An (1292-1370) được Vua Trần Minh Tông chọn là Tư Nghiệp (Hiệu Trưởng) Quốc Tử Giám dạy các Hoàng Tử. Năm Chu Văn An mất, ông được Vua Trần Nghệ Tông cho lập bàn thờ bên cạnh Khổng Tử.

Đến thời Nhà Nguyễn, Quốc Tử Giám di vào Huế (1802).

Bia Tiến Sĩ đặt trên lưng con rùa được thực hiện từ khoa thi năm 1442 đời vua Lê Thánh Tông.

Khoa thi Tiến Sĩ đầu tiên là khoa mở vào năm 1075 đời Lý Nhân Tông và vị Tiến Sĩ đầu tiên là Lê Văn Thịnh, người Làng Đông Cứu, Gia Bình, Bắc Ninh. Bắc Ninh có con số đậu Tiến Sĩ cao nhất: 578 trên 2898 vị.

Trong tổng số 185 khoa thi có 2906 Tiến Sĩ trong đó có 56 Trạng Nguyên.

Khoa kết thúc là khoa năm 1919 đời Nguyễn Khải Định.

Hệ thống giáo dục thời Nho Giáo

Trường học chính thức do nhà nước thiết lập chỉ có từ Kinh Đô tới cấp Phủ (Giáo Thụ), Huyện (Huấn Đạo), Tỉnh (Đốc Học). Còn ở các làng xã thì do dân tự lập do các ông Đồ hay quan chức về hưu lập ra.

Các khóa thi lớn gồm có: thi Hương (Cử Nhân); thi Hội (Tiến Sĩ) và thi Đình. Thi Hương trước thi Hội một năm.

Thi Hương mở tại các tỉnh hoặc liên tỉnh. Mỗi khóa cách nhau là 7 năm (đời Lý) rồi xuống 3 năm (Hậu Lê).

Người thi đậu kỳ thi Hương gọi là Hương Cống hay Cống Sinh, Cống Sĩ, v.v. Một số

các vị này được chọn dự kỳ thi Hội năm kế. Số không được chọn gọi là Sinh Đồ. Sau này danh vị Hương Công đổi thành Cử Nhân; còn Sinh Đồ đổi thành Tú Tài. Đậ nhất trong kỳ thi Hương gọi là Giải Nguyên.

Khóa thi Hương có 4 kỳ khảo hạch gọi là Nhất, Nhị, Tam Tứ Trường. Ngoài dân gian gọi là Tú Đơn; Tú Kép; tú Mên; Tú Đụp.

Thi Hội và thi Đình còn được gọi là Đại Khoa. Thi Hội cũng có 4 kỳ khảo hạch. Đố cả 4 kỳ được gọi là Tiến Sĩ mà dân gian gọi là Ông Nghè và có câu “Chưa đỗ ông Nghè, đã đe hàng Tổng”. Các vị đậ tiến sĩ xuất sắc được tuyển chọn vào thi Đình gọi là Điện Thí do chính Vua ra đề tài và chấm điểm tại Sân Châu.

Tiến sĩ chia làm sáu bậc: (1) Trạng Nguyên, (2) Bảng Nhãn, (3)Thám Hoa thuộc Tam Khôi; (4) Hoàn Giáp, (5) Đồng Tiến Sĩ, và (6) Phó Bảng.

Đãi ngộ: Các vị tân khoa Tiến Sĩ được Vua tiếp đãi lễ Đại Triều tại Điện Thái Hòa; được Vua ban Mũ Áo và đãi ăn yến, ban cho một cành trâm cài đầu, thăm Vườn Thượng Uyển, và cho cưỡi ngựa đi thăm phố xá trong kinh thành, và đặc biệt là Lễ Vinh Quy Bái Tổ tức là các quan chức địa phương hàng Tổng phải đón rước linh đình khi Tân Quan Tiến Sĩ về quê để bái Tổ Tiên và Cha Mẹ.

Đó là một thời hoàng kim (vàng) cho các vị Tân Khoa Tiến Sĩ vốn là vị hôn phu lý tưởng của các thiếu nữ với giấc mơ: “Võng anh đi trước, võng nàng theo sau”. Thời đại Nhà Nho thành đạt phú quý vinh hoa điếm nhiều mối tình thơ mộng kèm theo những nỗi chán chường trong lối học “tầm chương, trích cú” thuở đó được mô tả linh hoạt trong cuốn *Lều Chõng* của Ngô Tất Tố mà những bạn đọc nặng lòng hoài cổ không nên bỏ qua.

Cho đến khi văn hóa Pháp du nhập nước ta vào đầu thế kỷ thứ 20 thì Nhà Nho không còn đất dụng võ nữa. Một Tú Xương tức Trần Tế Xương đã phải thốt lên:

*Nào có ra gì cái chữ nho!
Ông Nghè, ông Công cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông Phan
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò!*

*Cái học Nhà Nho đã hỏng rồi,
Mười người đi học, chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ
Thầy khóa tư lương nháp nhòm ngò
Sĩ khí rụt rè gà phải cáo,
Văn chương liều lĩnh đấm ăn xôi
Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ
Trình có quan tiên thứ chỉ tôi*

Vâng, tất cả chỉ còn là vang bóng một thời.

*

TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Xương
CHÀO XUÂN

Trầm hương linh khí quện non sông
Thành kính tri ân trọn tấm lòng
Thạch Hãn triều dâng lời hạnh ngộ
Hiếu Giang nước đổ tiếng đàn trong
Ô Lâu thuyền đợi đưa mai thắm
Vĩnh Định đò sang gởi thiếp hồng
Ác mộng lửa binh vào dĩ vãng
Chào xuân thiên nhạc vọng thính không

LÝ HIẾU

Hoạ
CHÀO XUÂN

Quảng gánh sao đành với núi sông
Quê hương canh cánh mãi bên lòng
Non cao hùng vĩ cây xanh biếc
Biển rộng kiên cường nước đục trong
Từ độ chia xa đây phượng đỏ
Bây giờ gặp lại ngập mai hồng
Chào xuân chạnh nhớ bao lưu luyến
Kỷ niệm u hoài giữa sắc không.

LÊ NGỌC KHA



Hoạ
**QUÊ HƯƠNG
VÀNG TRẮNG TUỔI NHỎ**

Ngồi đây nhắc lại những dòng sông
Kỷ niệm non nao tận đáy lòng
Vũng nước ngày xưa chưa vẩn đục
Ao đìa thuở trước mãi còn trong
Con đò bên cũ chiều mây xám
Bãi cát còn khe sáng nắng hồng
Khi đánh thức vàng trắng dĩ vãng
Một thời son trẻ ngát tầng không.

TRẦN QUỐC PHIỆT

Hoạ
XUÂN NHỚ

Ra đi thương nhớ một dòng sông
Thạch Hãn xa xăm luống chạnh lòng
Con sóng Cửa Tùng gào bãi trắng
Mùa trăng Bà Rịa nghẹn đêm trong
Trường đời mãi miết trang huyền thoại
Hồn mộng lao đao chuyện tuổi hồng
Xuân đã cho ta chừng ấy dăm
Gập gềnh sỏi đá giữa hư không

LINH ĐÀN

Họa
KHÓI THIÊNG
SÔNG NÚI

Hương khói hồn thiêng của núi sông
Tình xuân rạo rức cả muôn lòng
Rừng mai trở sắc bùng sương sớm
Núi linh phơi màu dậy nắng trong
Quảng Trị giai nhân môi thắm đỏ
Đông Hà thực nữ má tươi hồng
Thương quê héo hắt bao lần Tết
Đất nước thanh bình có phải không?


LÊ BÁ LỘC
(Pine Hill, NJ. Nov, 02 - 10)

Họa
DÒNG SÔNG THAO THỨC
XUÂN VỀ

Ôm hoài thao thức chuyện dòng sông
Đá đổ mồ hôi thấu nỗi lòng
Tàn cuộc chiến chinh chờ gạn đục
Hết đời dâu bể đợi khơi trong
Đưa con mắt ngó chân trời tím
Đón cánh hoa rơi phận má hồng
Bến Hải, Hiếu Giang, ôi Thạch Hãn
Xuân về ai đó có còn không?

PHAN KHÂM
(Maryland)

**ĐÀ LẠT
NGÀY THÁNG CŨ**



SOẠN GIÁ:
NGÔ TÀNG GIAO
LUẬT SƯ ĐÀ LẠT

HUYỀN TRÂM XUẤT BẢN 2010

Liên lạc: <giaongo@msn.com>

SÁCH MỚI
do Tủ Sách
**TIẾNG
QUÊ
HƯƠNG**
xuất bản

**Hai Mươi Năm
MIỀN NAM
1955-1975**

** tiểu luận*
NGUYỄN VĂN LỤC

← 516 trang * Ấn phí 20 Mk

NGUYỄN VĂN LỤC
**HAI MƯƠI NĂM
MIỀN
NAM
1955-1975**

**PHÁT
HÀNH
tháng
9/2010**

**những mảnh trời
khác biệt**

** tuyển tập*

**17 TÁC GIẢ THUỘC
KHÔNG LỰC VNCH**

316 trang * Ấn phí 20 Mk →

**những
mảnh trời
khác biệt**

NIÊN LẠI CUỘC CHIẾN 30 NĂM

**VIỆT NAM
trong
CHIẾN TRANH
TỰ HỮU**

*Biên khảo * NGUYỄN CAO QUYÊN*

← 472 trang * Ấn phí 25 Mk

NGUYỄN CAO QUYÊN
**VIỆT NAM
trường
CHIẾN TRANH
TỰ HỮU**

Để có sách, xin gửi thư về Tủ Sách Tiếng Quê Hương:
P.O Box 4653 – Falls Church VA – VA 22044

- Chỉ thanh toán ấn phí sau khi nhận sách.
- Cước phí 3 USD tại Hoa Kỳ và 10 USD gửi nước ngoài.

Vài dòng dẫn nhập về
NHỮNG MẢNH TRỜI KHÁC BIỆT
tuyển tập của 17 tác giả Không Quân VN.

HOÀNG SONG LIÊM

Đầu thập niên 1970, *Những Mảnh Trời Khác Biệt* được ấn hành bởi nhà xuất bản Lý Tưởng. Thực ra, thời khoảng đó tại Sài Gòn hay miền Nam nói chung, không hề có nhà xuất bản Lý Tưởng mà chỉ có nguyệt san Lý Tưởng là tờ nội san Không Quân do Phòng Tâm Lý Chiến Bộ Tư Lệnh Không Quân VNCH chủ trương.

Tuy chỉ là nội san, nguyệt san Lý Tưởng được tổ chức với quy mô tương tự mọi tờ báo dân sự, đặc biệt là có sự cộng tác của nhiều cây viết quen thuộc trong văn giới miền Nam cùng các cây viết đang phục vụ tại quân chủng Không Quân như Dương Hùng Cường, Nguyễn Đình Thiều, Đào Vũ Anh Hùng, Phạm Hồ, Trần Tam Tiệp, Võ Ý, Lê Bá Định, Phùng Ngọc Ân, Cung Trầm Tưởng, Ngý Cao Uyên, Kha Lăng Đa, Trần Viễn Phương, Tinh Cầu, Nhân Hậu, Hồng Yến Diệp Minh Hoàng, Mây Trời, Phan Lạc Giang Đông...

Tờ báo có số in từ 10 ngàn đến 12 ngàn bản và có thể gọi là một hiện tượng tự phát do tình yêu văn nghệ của người lính Không Quân thuộc nhiều ngành khác biệt. Chính do thúc đẩy của tình yêu này mà *Những Mảnh Trời Khác Biệt* đã ra mắt trong dự tính hình thành nhà xuất bản Lý Tưởng. *Những Mảnh Trời Khác Biệt* gồm các sáng tác chọn lọc từ nhiều bài in trên Lý Tưởng mà tác giả đều mang sắc phục Không Quân. Tác phẩm chủ yếu ghi lại sinh hoạt văn nghệ của hàng ngũ Không Quân, đồng thời diễn tả cảm nghĩ và tâm tư của những người đang có mặt trong cuộc chiến từ một thế đứng khác biệt với mọi chiến binh thuộc các quân binh chủng khác. Cụ thể là tác phẩm hình thành với 9 sáng tác:

01- PHƯỢNG VÀ DƯƠNG của Dương Hùng Cường.

02- KHỔNG BỐ ANH EM,

KHÔNG BỐ BẠN BÈ của Đào Vũ Anh Hùng.

03- KỶ NIỆM HẢI HÙNG của Đặng Trần Dương.

04- BAY VÀO GIỒNG TỎ của Huy Sơn.

05- BAY TRÊN ĐẤT BẮC của Lê Bá Định.

06- GÃY CÁNH của Phùng Ngọc Ân.

07- MÂY THÂM TRỜI CAO của Minh Triệu.

08- ÔNG XẾP TÀU BAY của Phùng Thế Hải.

09- PHỐ HOA VÀNG của Trần Viễn Phương.

Ngay khi ra mắt, tác phẩm được báo giới Sài Gòn thưởng ấy coi là đặc sắc vì tính chất nội dung cá biệt và văn tài của các tác giả. Dù vậy, *Những Mảnh Trời Khác Biệt* không thể làm tròn nhiệm vụ mở đường cho sự xuất hiện nhà xuất bản Lý Tưởng và chỉ là tác phẩm duy nhất mang tên nhà xuất bản Lý Tưởng do biến chuyển thời cuộc dồn dập vào những ngày nối tiếp.

Khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, toàn bộ văn nghệ phẩm miền Nam bị gọi là “sản phẩm văn hoá Mỹ-Ngụy”, “truyền bá tư tưởng phản động”, “gieo rắc nếp sống đồi trụy” v.v... thì *Những Mảnh Trời Khác Biệt* gánh chung số phận bị hoá thiêu trong chiến dịch đốt sách do chế độ Hà Nội phát động ngay sau ngày 30-4-1975.

Nhưng chiến dịch này không đem lại điều mong đợi cho những kẻ tin chắc có thể xoá bỏ mọi hình ảnh đời sống từng có tại miền Nam. Vì ngay giữa lúc chế độ Hà Nội lửa hết đám đông này, đám đông khác tới các hang cùng ngõ hẻm truy lùng mọi tác phẩm văn nghệ trước đó đem ra thiêu đốt thì nhiều tác phẩm lại được chính người dân cất giấu, đồng thời nhiều tác phẩm đã sống lại ở hải ngoại trong số có *Những Mảnh Trời Khác Biệt* do một nhà xuất bản tại Arkansas tái bản.

Ngon lửa bạo cuồng do chế độ Hà Nội gieo rắc khắp miền Nam suốt nhiều ngày tháng đã không huỷ diệt nổi những trang sách chuyển tải tâm tư của lớp chúng nhân từng một thời có mặt trong cuộc chiến bị thảm phát sinh chỉ do ý đồ độc chiếm quyền lực của người Cộng Sản. Ngược lại,

ngọn lửa đó còn khiến nổi bật thêm nhiều hình ảnh từng mờ nhạt do quá quen thuộc trong sinh hoạt đời thường. Chính ngọn lửa bạo công mà chế độ Hà Nội hết lời cổ vũ đã khơi dậy nỗi thắc mắc về những thực cảnh đời sống vừa qua để lôi cuốn sự nhìn lại ở mức độ đắn đo cân nhắc. Và từ đây, những ưu tư từ nhiều vùng trời khác biệt đã sống lại rõ nét hơn qua nhiều nỗi băn khoăn, trong đó có nỗi băn khoăn của Lê Bá Định:

“Tôi đang cố gắng giữ hướng Bắc dù cho đôi cánh chao mạnh run rẩy từng cơn...

Quảng Trị, Đông Hà, Cửa Việt...

Các bạn thấy Cửa Việt chưa?...

Đừng bay quá xa về phía biển. Chúng ta sắp vượt Bến Hải, vĩ tuyến đau thương ...

Chiếc cầu với hai cột cờ...

Các bạn còn nhớ bài Địa Dư vỡ lòng ngày nào?

Nước Việt Nam trải dài từ ai Nam Quan đến mũi Cà Mau. Đâu có ai ngờ là đất khúc nơi Bến Hải...

... Vĩnh Linh, Quảng Khê, Đồng Hới ...

Tôi đã bay trên miền trời các địa danh đó, đã đem tử thần đến và cũng đã chạm mặt tử thần ở những nơi này. Quê hương tang tóc rồi bời...

... Tôi đưa cả phi đội bay thật thấp để cố tránh tầm radar địch....

Chúng tôi tiến đã xa về hướng Bắc, địch đang chờ đợi. Chúng tôi rời phương Nam đã lâu, nơi đó bạn tôi cũng chờ đợi.

Địch? Bạn?

Tại sao lại bắt chúng tôi dùng những từ ngữ ấy? Tại sao không xóa bỏ những chữ ấy trong từ điển, trong lòng người? ...

... Hãy ngồi bên chúng tôi để nhìn rõ quê hương, để biết cái cảm giác của một người bay trên quê hương mà phải nghĩ đây là đất địch.

Đã bao lần tôi muốn xua đuổi ý tưởng đau lòng đó, nhưng bên những sườn núi kia, trong thung lũng nọ, trên bờ biển này, tử thần đang chực chờ lôi kéo chúng tôi bằng lưới đạn giăng trời, để rồi sau cái tan vỡ kinh hoàng của một cánh chim, thân xác cũng tan tành đưa chúng tôi đến nơi nào không biết”

(Lê Bá Định — Bay trên đất Bắc)

Đó là băn khoăn của người phi công chỉ huy một phi đội oanh tạc căn cứ địch quân bên kia bờ

Bến Hải. Người phi công chỉ vừa hai mươi ba tuổi nhưng không được thả hồn theo mộng mơ của tuổi thanh xuân mà phải triền miên đối diện nỗi đau vì người cùng huyết mạch bỗng trở thành kẻ tử thù không đội trời chung.

Ý nghĩ băn khoăn và nỗi đau đó của người phi công trẻ trong giờ khắc lao vào giữa vòng lửa đạn đã lột trần mặt trái của một chế độ thi thố mọi thủ đoạn dối trá lường gạt, dối trắng thành đen để đưa dân tộc vào thảm cảnh huynh đệ tương tàn ngập ngụa máu xương tang tóc. Ý nghĩ băn khoăn và nỗi đau đó đã cất lên tiếng nói diễn tả trung thực tâm tư cùng nguyện ước thực sự của người dân miền Nam mà chế độ Hà Nội cố bôi xóa bằng nỗ lực vẽ thành các hình ảnh hung thần tàn ác. Bởi đây không phải băn khoăn đau đớn riêng của người phi công trẻ mang tên Lê Bá Định mà là tâm cảnh chung của những người bị buộc phải bước vào cuộc chiến để giữ gìn hơi thở cho sự sống đang bị đặt trước họng súng của những kẻ coi tham vọng độc bá quyền lực là mục tiêu tối thượng.

Những Mảnh Trời Khác Biệt với nội dung phản ánh nhiều khía cạnh sinh hoạt từ thể đứng khác biệt của các chứng nhân không chỉ chuyên tải riêng tâm hướng đó mà còn ghi lại không ít tan vỡ bi thương đã tạo nên kiếp vận oan khiên cho hết thảy mọi người dù thuộc thành phần nào, lứa tuổi nào ... mà người đọc đã đối diện qua nhiều cảnh ngộ như cảnh ngộ của Minh Triệu:

“Tôi ôm con Liên vào lòng và ôm nó thật chặt.

Tôi muốn ôm trọn cả về thơ ngây của con nhỏ cho lòng mình tan nhuyễn vào ánh mắt không gọi lên chút ưu tư. Hình như nước mắt tôi trào ra....

Nếu Ngọc và Liên ranh mãnh hơn, họ sẽ nhận thấy khuôn mặt tôi biến đổi, mặc dù tôi đã chuẩn bị, tôi đã cố trấn tĩnh, tôi đang đóng kịch... Câu chuyện đầu tiên tôi nói với Ngọc không phải là cái đau đớn kia mà là chuyện chẳng ăn nhập gì đến Thái cả. Tôi có lỗi với em tôi? Có thể là như thế. Nhưng tôi phân vân không biết lựa chọn phút nào để nói cho Ngọc biết tin này, mặc dù tôi biết chẳng chóng thì muộn em tôi nó cũng sẽ hay tin thật về chồng nó”

(Minh Triệu — Mây thăm trời cao)

Quả là không dễ dàng nói lên sự thật với em gái mình, với cháu gái mình khi sự thật đó chính là cái chết của người chồng em gái mình, người cha cháu gái mình... Tất nhiên cũng không chỉ có riêng một cảnh ngộ đó trong kiếp vận oan khiên mà đất nước Việt Nam đã phải gánh chịu.

Điều đại bất hạnh là kiếp vận oan khiên đó đã kéo dài và còn mở rộng vòng diễn hoá qua nhiều phạm vi, vì kẻ giành phần thắng lại chính là kẻ ác nên ngày chấm dứt chiến tranh cũng là ngày cuộc sống Việt Nam bước vào cảnh tan tác thê lương:

“ Kể từ cái ngày tan tác năm xưa ấy, tôi đã thuộc về một thế giới khác, sống, sinh hoạt, suy nghĩ không theo những nền nếp, quy củ sẵn có. Tôi bị gọi bằng một thứ tên khác, bị đối xử theo cách nung nấu căm thù, qua mọi kiểu gian xảo từ những kẻ nắm trọn quyền sinh sát. Đất nước, đồng bào cùng liên đới nhận chịu với tôi cùng cách đối xử này...”

.... Sài Gòn và người dân trên toàn lãnh thổ Việt Nam không bị tẩm máu, vì tất cả đã bị hút máu — máu của sức lực, của cái, máu của hạnh phúc tin yêu, máu của luân lý, văn hóa, máu của trí tuệ và nhiều thứ máu khác đã chảy ồ ạt vào cái miệng khát máu... Nhiều người dân trở thành kẻ sống vô gia cư, tử vô địa táng, vì bị bản cùng hóa, bị vứt bỏ bên lề xã hội. Phút chốc, hạt gạo, bó củi trở thành những món hàng thượng đẳng, củ khoai, hạt muối thành vật mơ tưởng của mọi người...

Những điều oan nghiệt tăng lên gấp bội khi lòng từ bi bác ái cùng những giá trị đạo đức, nhân phẩm nhân quyền tôi thiếu trở thành xa lạ, không thể so với hạt gạo, bó củi và đất nước bị đặt dưới một chủ trương biến vài ký gạo, vài ký đường cát, vài trăm gram bột ngọt... thành phần thưởng khuyến khích các hành vi tố giác lẫn nhau, thúc đẩy oán thù giữa những con người cùng chung huyết mạch...”

(Phạm Hữu Dương — Cu Tý thương yêu)

Chiến tranh chấm dứt nhưng cảnh tan tác tiếp tục kéo dài để khi người cha ra khỏi nhà tù lại chỉ có thể đi tìm gặp con đã vùi thây trong lòng đất ở một vùng xa lạ, dù đứa con chưa tới tuổi trưởng thành :

“Chuyến đi của tôi hôm nay, chỉ có mục đích duy nhất là tìm đến nơi đứa con trai đầu lòng của tôi đang gửi thân ở một nghĩa trang hẻo lánh cực biên giới phía Tây, tiếp giáp biên thùy Căm Bốt.

Mỗi khi nghĩ đến con, họng tôi như bị nghẹn, đầu óc mù mịt âm u, đầu cháu mắt đã hơn 3 năm.

Cháu thoát ly gia đình lúc mới tròn 16 tuổi, gia nhập lực lượng Thanh Niên Xung Phong sau ngày tôi vào trại tù được 2 năm. Cháu tình nguyện phục vụ tại chiến trường Căm Bốt với tin tưởng là nhờ sự tình nguyện này, tôi sẽ được trả về với gia đình.

Cháu mất ngay khi vừa vào chiến trường Căm Bốt được vài tháng. Các bạn của cháu cho gia đình tôi biết, cháu và nhiều bạn nữa chết không vì đạn của đối phương, hay vì chiến trận mà vì đói lạnh trong khi lao động đến kiệt lực và bệnh hoạn không thuốc men.

Cháu mất khi tuổi chớm 17, khi chưa nguôi lòng tin chân thành vào lời hứa của chế độ là bố của cháu sẽ được đoàn tụ với gia đình do sự tình nguyện của mình. Tôi tưởng như có thể chết khi hay tin dữ.”

(Phạm Hữu Dương — Cu Tý thương yêu)

Không ít mảnh trời khác lại hiện hình trong bức chân dung vùng trời Việt Nam chỉ còn mang màu sắc âm đạm của cõi chết. Quê hương mà bao nhiêu thế hệ hiến dâng cả sinh mạng để giữ gìn và xây đắp dù còn độ nhưng đã trở thành cõi lưu đày oan nghiệt cho hết thảy con dân.

Hy vọng được sống cuối cùng đã phải đặt vào nẻo đường chan hòa nước mắt là chọn lựa kiếp sống lưu vong với tâm cảnh hoài hương luôn hiện hiện trong từng giây phút gợi nhắc những hình ảnh không còn mong được gặp lại:

“Tôi nhớ đến mấy câu trong bài hát “Còn thương rau đắng mọc sau hè” ở quê nhà. Lời hát kể lại tình cảnh hai chị em phải sống xa nhau qua bao tháng năm dài dầu mưa nắng. Tới ngày về thăm mẹ mới gặp lại được nhau. Ăn với nhau bữa cơm có bát canh rau đắng do mẹ nấu. Rồi lại được mẹ kêu tới gần “biểu cậu ngồi, mẹ nhổ tóc sâu, hai chị em tóc bạc như nhau...!”

Lời hát nghe xúc động nhưng ngọt ngào và rất tình tự chân quê. Nó thấm đượm tình yêu thương ruột thịt, đầy ơn nghĩa báo đền. Chỉ có thể tìm thấy qua hình ảnh những con người Việt Nam thuần gốc.”

(Hàn Phú — Bây giờ một lần nữa)

Vì thế mà **Những Mảnh Trời Khác Biệt** trong lần xuất hiện này có thêm nhiều mảnh trời khác với các mảnh trời xưa cũ do ngoài Phần Một gồm 9 sáng tác trong hai lần in trước còn có thêm Phần Hai.

Phần Hai của tác phẩm cũng với bài viết của các cây bút từng quen thuộc trong hàng ngũ Không Quân thuở nào đã đưa người đọc tới với những cảnh sống của đất nước không qua hướng nhìn từ trên vùng trời cao mà từ ngay giữa rừng núi cao nguyên với *“tiếng vạc kêu sương trong đêm trường cô tịch vắng vắng bên tai, tiếng thỏ than của niềm đau thân phận”* hay bên bờ biển với *“tiếng gió rít qua rặng thùy dương như tiếng khóc than của những oan hồn giữa canh khuya thanh vắng.”*

(Kha Lăng Đa — Vạc ăn đêm)

Tất nhiên không dễ ghi hết mọi hình ảnh bi thương, mọi màu sắc âm đạm của vùng trời Việt Nam dù nhiều mảnh trời khác biệt đã được mở ra qua 8 sáng tác được tăng cường cho nội dung tác phẩm ở lần xuất bản này, cụ thể là các sáng tác :

- 10 - BÀ GIÀ RỐT BAN ĐÊM của Mẹ.
- 11 - NGÀY VỀ TỪ CỘI CHẾT của Phan Thanh Vân.
- 12 - CHÀNG PHI CÔNG ĐÓ của Phù Vân Em.
- 13 - HOÀNG SA CHUYỆN CŨ của Long Ly.
- 14- US PROPERTIES của Lê Thiệp.
- 15 - CU TÝ THƯƠNG YÊU của Phạm Hữu Dương.
- 16 - VẠC ĂN ĐÊM của Kha Lăng Đa.
- 17 - BÂY GIỜ, MỘT LẦN NỮA của Hàn Phú.

Nhưng dù khó tránh bị hạn chế về mọi phương diện, từ **Những Mảnh Trời Khác Biệt** qua lần xuất bản này, đã hiện hiện một mảnh trời đặc biệt, mảnh trời không in hằn dấu vết đổ vỡ tang tóc, không gợi nhắc những tiếng nấc bi thương, không bao phủ dưới bất kỳ màu sắc âm đạm nào mà chứa đựng một hình ảnh hoàn toàn

trái ngược. Đó là mảnh trời của tình người bao gồm nhiều sắc thái từ tình quê hương, tình đồng đội, tình huyết mạch, tình bạn bè... đã trường tồn trong nếp sống truyền thống của mọi con dân Việt Nam.

Bởi dù đang sống trong cảnh lưu lạc khắp bốn phương, dù tan tác chia ly kể cả với đường ranh phân cách tử sinh, dù còn phải đương đầu với nhiều cảnh ngộ oan khiên..., những con người từ nhiều mảnh trời khác biệt vẫn gắn bó trong cùng một nguyện ước và vẫn biểu đạt cùng một cảm xúc ngọt ngào đầm thấm dành gửi cho nhau.

Theo ý nghĩ chủ quan, chỉ riêng sự biểu hiện mảnh trời này, tác phẩm **Những Mảnh Trời Khác Biệt** đã có đủ lý do góp mặt.

*

Lời cuối cùng về tác phẩm, xin được nhắc tới sự đóng góp tích cực của anh Huy Sơn trong việc sưu tập bản thảo cùng sự sốt sắng tiếp tay của các tác giả.

Xin được gửi tới tất cả tình cảm trân trọng trước ý hướng tâm tư mà các anh đã biểu hiện không chỉ để có một tác phẩm văn nghệ mà vượt xa hơn thế, đã tạo một cơ hội quây quần giữa những người từng một thời mang chung màu áo và không bao giờ quên nguồn cội Việt Nam. Ít nhất đây cũng là cơ hội để người còn có mặt nhớ đến người đã khuất. Và biết đâu, những người bạn của chúng ta từ bên kia thế giới – những Dương Hùng Cường, Trần Viễn Phương, Phan Thanh Vân — đã chẳng cảm ứng cùng nỗi lòng của chúng ta để nở một nụ cười dịu dàng lặng lẽ trong cõi hư vô.

Cũng xin được cảm ơn tủ sách Tiếng Quê Hương đã tiếp tay cụ thể cho chúng tôi có được cơ hội quây quần để cùng nhắc nhớ về bạn bè và quê hương chúng ta, dù thời thế vẫn đang đẩy mọi người vào những vùng trời có thể hoàn toàn khác biệt.

Virginia 16 August 2010

HOÀNG SONG LIÊM

****Mua sách nơi Tủ Sách Tiếng Quê Hương hay gửi thư về Hoàng Song Liêm 9696 Lindenbrook Street Fairfax VA 22031 Ấn phí 20 Mk +3 Mk cước phí.**

THỔ NHĨ KỲ

LỊCH SỬ-VĂN HÓA-PHONG TỤC



PHẦN II

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Trung bình mỗi năm hàng trăm ngàn người Đức đi nghỉ hè đến các vùng biển đẹp ở Thổ, bởi vậy ngành du lịch ở Thổ phát triển mạnh, phục vụ hướng dẫn tận tình, ngôn ngữ Đức rất phổ thông. Antalya thành phố lớn nhất ở Bờ biển Địa Trung Hải, cũng là trung tâm của Turkish Riviera. Thành phố có khu phố cổ Kaleici xinh đẹp do Hoàng đế La Mã Hadrianus xây dựng. Alanya; thác nước Manavgat Waterfall; Side; Konya; Pamukkale .. những thành phố vùng biển và cao nguyên của núi đồi cao trên 2000 m. Từ Munich đến Antalya hơn 3 giờ bay, cuối đông cây cỏ xanh tươi, trời nắng ấm 23 độ C, những vườn cam cây xanh trĩu nặng những trái chín, thỉnh thoảng thấy các nông trại những đàn bò, đàn cừu, dê ung dung gặm cỏ xanh mơn mẫm, xa xa đồi núi nhấp nhô

còn đọng màu tuyết trắng....

Đọc theo biển từ Antalya đến Alanya là khu du lịch thanh lịch. Khách sạn 4, 5 sao, đồ sộ nhưng xây dựng hơn 20 hay 30 năm về trước, không còn đẹp tân thời như những khu du lịch mới phát triển sau này. Biển xanh đậm, sóng nhỏ từ xa khơi dội vào bờ cát vàng chen lẫn sỏi đá. Phong cảnh Cap Anamur đẹp hữu tình, cũng là tên của con tàu của Đức đã vớt người trên biển Đông 30 năm về trước

Những di tích lịch sử bị đổ nát do động đất, chiến tranh thành trì hoang phế tro gan cùng tuế nguyệt, để lại dấu tích nền văn hoá lâu đời nhiều thế kỷ trước công nguyên. Cuối đông sắp vào Xuân có những ngày nắng ấm, biển nước còn lạnh không thể tắm, chúng tôi thuê xe đi thăm danh lam thắng cảnh, qua những đèo cao núi đá khô cằn, những rừng thông khăng khiu tro bụi, Vào khoảng thế kỷ thứ II, người Roma đã xây dựng thành “thành phố cổ Hierapolis” Địa danh Hierapolis tiếng Hy Lạp \square εράπολις thành phố Thánh „Heilige Stadt“ rất nhiều công trình kiến trúc tuyệt mỹ còn những hàng cột sừng sững, vì động đất vào thế kỷ thứ 17 những bức tượng La Mã vẫn còn dù không nguyên vẹn, những ngôi mộ cổ bằng đá, Ephesos rạp hát xây theo kiến trúc Hy Lạp (chứa 15.000 người) đền Apollon còn lại những đồng cạm thạch vỡ vụn, nằm ngổn ngang



trên vùng đồi thoi thỏi cỏ cây, những phiến đá còn lưu lại nét điêu khắc đẹp rõ rất công phu. Nekropole là nghĩa địa còn gọi là thành phố chết „Totenstadt“ hơn 1.200 ngôi mộ ở phía bắc Hierapolis và là một trong những nghĩa địa cổ đại lớn nhất ở Tiểu Á. Còn lưu lại những nhà mồ, bên trong đó thường có một buồng mộ với băng ghế. Rất nhiều chữ khắc trên mộ, quách và vỏ quan tài. Cấu trúc nơi này để lại dấu tích sự phát triển quan trọng đối với lịch sử của công nghệ xa xưa có các nhà máy cối xay vận hành bằng sức nước (Wassermühle), truyền tải của trục quay (Kurbelwelle)....



Địa danh Pamukkale là đồi đá vôi trắng như bông tạo thành nhiều bậc cao thấp khác nhau có từ thế kỷ thứ II (trước CN), còn được biết đến với cái tên “lâu đài bông”, được Unesco công nhận di tích lịch sử Thế giới. Nước từ suối tích tụ qua nhiều ngàn năm chảy bên sườn một ngọn đồi lớn thành những mảng đá vôi trắng tinh tạo các hồ nước nhỏ xanh ngắt, những vũng nước lớn bốc khói nhẹ từ nguồn nước nóng trong lòng đất phun lên mang theo nhiều khoáng chất phảng phất mùi lưu huỳnh, hợp chất calcium bocarbonate. Mỗi giây chảy 250 lit nước ấm (ca. 30 °C) hàng ngày chảy khoảng 21600 m³, mỗi Liter chứa 2,2 g. vôi (Kalk) Để bảo vệ môi trường, du khách phải để giày, dép ở ngoài khu vực lâu đài bông. Có khu người ta ngâm mình trong nước ấm để trị bệnh ngoài da... là nơi nghỉ dưỡng bệnh lý tưởng, những Hotel xử dụng quá nhiều nước và làm ô nhiễm bởi các loại dầu và hóa chất trong kem chống nắng.. thêm đá vôi bị bắn đổi màu xám

trắng không còn tươi sáng mềm và dễ gãy, làm thiệt hại lớn cho sự kết tinh. Năm 1996 Chính phủ cấm các Hotel lấy nguồn nước nơi đây và đập bỏ những Hotel xây dựng trái phép. Các chuyên gia hàng đầu Thổ Nhĩ Kỳ và quốc tế cho xây một hệ thống thủy lợi giữ nước, những thềm nhũ đá Sinterterrassen bị hư hỏng được sửa chữa bằng cách sử dụng bê tông đặc biệt như đá vôi tự nhiên.

Trên đồi Pamukkale nhìn xuống thung lũng là khu phố nhỏ nhiều khách sạn phục vụ du khách. Đồi không cỏ cây về đêm ánh đèn xanh chiếu lên đá vôi trắng những dòng suối nhỏ tạo nên những bức tranh đẹp linh động. Phố nhỏ đìu hiu, các cửa tiệm, nhà hàng không đông khách, nếu không có những chuyến xe bus chở du khách đến. Chiều dạo phố các tiệm hớt tóc mời gọi đầu giá chỉ 2 Euro, (Thợ hớt là đàn ông, không có các cô như các tiệm Thổ sinh sống ở Đức) đời sống yên tĩnh như thành phố cổ Hội An Quảng Nam, không có Bar nhấp nháy đèn màu, như ở Thái Lan hay các nước Á Châu ... sau bữa ăn tối ở khách sạn Yörük có vũ điệu múa bụng, vũ nữ xiêm y giản dị lả lướt theo tiếng nhạc với tiếng vỗ tay tán thưởng, nhiều người cho tiền

Nhà thờ ở Đức trên nóc thường nhọn cao vút, hay có hình củ hành bằng đồng, ở Thổ từ thành phố lớn cho đến vùng quê đều có những tháp cao của Moschee, hàng ngày nghe tiếng đọc kinh 5 lần: sáng sớm lúc mặt trời chưa ló dạng, trưa ,chiều, tối và lúc mặt trời lặn..Trên những tháp cao gắn máy phóng thanh truyền ra lời cầu nguyện. Phía trước thường xây nơi để rửa mặt,



tay, chân, theo hình lục giác có nhiều vòi nước. Tín đồ Hồi Giáo phải rửa 3 lần từ mặt tới tay chân, trước khi vào Moschee đọc kinh và lần hạt, bỏ giày ngoài hiên giống như ở Thái Lan vào Chùa phải dỡ mũ, ở Ý đàn bà mặc quần ngắn không được vào nhà thờ. Mỗi nơi đều có phong tục riêng, Moschee nhìn lên có vòm hình tròn, chu vi hình vuông, nền nhà trải thảm không có ghế được chia làm hai phần Nam và Nữ lúc cầu nguyện, vì Tín đồ chỉ đứng và lạy, đàn bà không được phép đứng chung vì sắc đẹp của quý bà có thể làm quý ông chi phối lời cầu nguyện? sau khi đọc kinh và lạy họ ngồi lần hạt qua 99 lần „Allah“

Người dân vùng cao nguyên nhỏ con, thấp, không to lớn như những người phố, nhà cửa kiến trúc ít có mái nhà lợp ngói đỏ, phần lớn mái nhà mặt bằng đổ beton gắn hệ thống lấy năng lượng mặt trời (Solarium). Đời sống trầm lặng người bình dân Thổ thích uống trà, hút thuốc qua bình nước (Wasserpfeife/Shisha) có đường dây dài, thuốc có nhiều loại hương vị trái cây, đánh cờ những lúc rảnh rỗi.

Ở Đức thường thấy thiếu nữ Thổ Nhĩ Kỳ xinh đẹp, nhưng sang đến đất nước này thì vắng bóng hồng? Tất cả các dịch vụ du lịch thường dành cho các ông, ngoài đường buôn bán cũng các ông và các bà mặc Burka (áo dài phủ từ đầu đến chân) hoặc Nikap (áo và khăn trùm đầu). Đi đâu cũng gặp chó và mèo chạy tự do không bị bắt bỏ bao như ở Đại Hàn hay Việt Nam!. Những con chó ngoan hiền không sủa không cắn người, chúng ta có thể sờ đầu nó tự do không ai phản đối, nhưng nếu vô tình vô vai người đàn bà thì có chuyện! Dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ còn bảo thủ nhưng có những nét son, đàn bà không tham gia nhiều vào sinh hoạt xã hội, nhưng chính quyền không khuyến khích hay xuất cảng đàn bà ra ngoại quốc lấy chồng, và người đàn bà Thổ cũng không vì đồng tiền để ra đi làm nàng Kiều lưu lạc xứ người! Hẳn nhiên xã hội nào

cũng có bề trái của nó, không hoàn toàn tuyệt đối.

Đời sống ở Thổ còn nặng thời phong kiến và cực đoan, trọng nam hơn nữ, dù Đàn bà cũng làm những việc tốt trong xã hội, năm 1995 bà Tansu Ciller đã từng tham gia chính quyền, Đàn ông Thổ quan niệm đàn bà với bổn phận nội trợ, cảnh „chồng chúa vợ tôi“ phụ nữ ở thôn quê Thổ Nhĩ Kỳ sống chẳng khác gì những người ở, người hầu, một đời sống nô lệ trong chính gia đình của mình. Cuộc sống của họ bị cô lập sau 4 bức tường và trong sự im lặng vì ảnh hưởng bảo thủ Hồi giáo, chưa thể một sớm chiều thay đổi được phong tục lâu đời.

Các nhà ở dọc theo các tỉnh lộ mùa lạnh không có lò sưởi điện, họ phải dùng than và lò đốt củi trong cái thùng phi như bên Việt Nam dùng đựng dầu hắc tráng nhựa đường. Nước Thổ Nhĩ Kỳ rộng lớn hơn 2 lần nước Đức, nhưng đồi núi khô cằn sỏi đá không đem lại lợi ích cho nông nghiệp, về Kỹ nghệ nặng thì chưa phát triển,

Về lưu thông chưa có nhiều xa lộ lớn (High Way/ Auto Bahn) đều là đường liên tỉnh bị hư, nhiều ổ gà chỉ hai hướng xuôi ngược, đường kẻ trắng phân chia hai bên bị thời gian mưa nắng đã nhạt nhòa, không được kẻ sơn lại. Các công trình xây cất thường bỏ dở người ta chờ có tiền để xây tiếp.... cuộc sống như những chuỗi ngày đợi chờ! Người bạn đồng hành tôi quen trong chuyến du lịch, cùng chúng tôi thăm thành

phố Konya có lịch sử lâu đời từ năm 1071 mà ngày nay còn giữ theo luật Hồi giáo nghiêm khắc. Nữ giới phải trùm đầu, cấm bán rượu bia. Thổ Nhĩ Kỳ là xứ Hồi Giáo có cuộc cách mạng lớn, (đàn ông chỉ 1 vợ và có quyền uống rượu).

Konya cách biển 300 km phải qua đèo núi mềm mòng, chúng tôi thăm Viện bảo tàng cổ kính, người gác cửa thân thiện người ngoại quốc giá gấp đôi! Đại học ở Konya có từ năm 1975 sinh viên theo học đông 85.283 người, những cao ốc nhiều tầng, đường phố chật hẹp sau con mưa



còn đọng lại những vũng nước lớn, xe và người tấp nập, những đàn ông lớn tuổi và các bé trai đội mũ len ngồi bán trái cây, rau hai bên đường.. 99% Dân Thổ nơi đây theo Hồi giáo nhưng cách Konya khoảng 10 km có ngôi Giáo đường Michaels-Kirche xây từ năm 1732, và Thánh Nikolaus sinh trưởng ở Patara Thổ Nhĩ Kỳ (300 sau CN), hàng năm vào mùng 6 tháng 12 gọi là ông già Noel thường xuất hiện phát kẹo cho trẻ em..

Du khách đến Konya viếng thăm Mevlana Tekkesi có tu viện Derwish- Kloster nơi du nhập điệu múa mang nhiều huyền bí đạo Hồi Giáo của A Phú Hãn (Afghanistan) từ năm 1231. Derwish là gạch nối hòa giải giữa Thiên chúa giáo và Hồi giáo (Islam) Tu viện này đã đóng cửa từ năm 1925. Hàng năm vào tháng 12 thường tưởng niệm lễ múa Derwische/ dervish, vũ công là đàn ông mặc y phục trắng giống cái váy xoè, múa theo vòng tròn cả giờ không bị té, bởi vì họ được tập từ lúc còn bé.

Mùa đông lạnh các vườn Ô liu không trái, vườn chuối xát xơ thân cây ngã cụp, chỉ có những dây lều thấp bọc nylon bên trong trồng cà chua, rau cải..trên đường về thành phố Side thế kỷ thứ 7 (trước CN) còn rập hát lộ thiên xây bằng đá hướng ra biển, Manavgat có thác nước xanh, người ta biến chế nước thành nước uống vô chai bán sang Do Thái.

Nghề tiểu công nghệ dệt thảm đẹp nổi tiếng ở Thổ truyền thống từ thế kỷ thứ 13, Thế kỷ 14 Thổ xuất cảng thảm sang Âu Châu, Vua Anh quốc Herich VIII đã mua hơn 800 tấm. Hơn 4000 năm về trước người Trung Hoa đã trồng dâu nuôi tằm thành công sản xuất tơ lụa độc quyền, đến đầu thế kỷ thứ 6, hai tu sĩ người Nga đã thành công trong việc nuôi tằm, lấy trứng tằm bỏ vào ống tre gọi là „Eier aus Gold / Trứng vàng“. Bán sang vùng Byzantinische từ đó người Thổ đã biết nuôi tằm lấy tơ dệt lụa, làm thảm cũng như nuôi dê để lấy lông đan áo và thảm, loại len Angora phát xuất từ Ankara tên cổ là Angola. vào thế kỷ XIX, nước Thổ muốn mở rộng thương mại với thế giới, đã bán dê sang Úc, bán gà tây sang Mỹ. Lúc bây giờ, chính phủ Mỹ chưa biết gọi Thổ Nhĩ Kỳ là gì nên gọi luôn những người mang gà tây đến là



„Turkey“ và cái tên này từ đó mới có.

Thổ Nhĩ Kỳ không cấm uống rượu như các quốc gia theo Hồi Giáo lảng diêng, nên sản xuất loại rượu Raki được xem như loại đặc sản được quảng cáo thơm ngon, màu rượu trong suốt, nếu pha nước hay bỏ nước đá vào rượu sẽ biến sang màu trắng đục nhưng không mất mùi vị. Hãng bia Efes Pilsener xem như số 1 ở đây. Món thịt nướng bình dân Doener Kebab có trên khắp nẻo đường. Vào nhà hàng chúng ta có thể thấy đầu bếp nấu thức ăn, Cafe Thổ họ bỏ vào tách, khách phải chờ lắng bột xuống đáy trước khi uống. Vào các cửa hàng buôn bán, đồ xăng đều được mời uống trà trong ly thủy tinh cổ hẹp trên cái đĩa nhỏ với 2 cục đường. Du khách muốn mua giày, áo da phải trả 1/3 giá, ngoài đường hay các Basa thường bán các loại hàng giả, trong vấn đề mua hàng mình tự quyết định giá mua, thí dụ một áo da họ nói thách 600€ mình thấy giá trị 150€ mua được không trả thêm, không nên đưa tay bắt với người bán khi trả giá, nếu không mua thì bị chửi là thất hứa...

Rời thành phố đi dọc theo bờ biển những hàng cây chà là cao xanh với những buồng trái non. Con ngựa gỗ đồ sộ đứng nhìn ra biển (Trojanische Pferd /The Trojan Horse) mang dấu tích lịch sử trong cuộc chiến 9 năm ở thành Troja / Truva, quân Thổ đã bị bại trận! Cuộc chiến xảy ra khoảng 1184 trước CN đã đi vào dĩ vãng nhưng vết thương, lòng tự ái dân tộc của người Thổ không bao giờ phai. Giữa hai dân tộc Thổ và Hy Lạp không được thân thiện cho lắm! bởi vậy hai gia

đình giữa Thổ và Hy Lạp thường không thích làm suôi với nhau. Họ đã từng tranh chấp đảo Zypern, nếu hai nước không cùng nằm trong khối Nato thì đã xảy ra chiến tranh rồi.

Lịch sử con ngựa gỗ nhắc lại trận chiến thành Troy và các Vương quốc láng giềng. Người Hy Lạp (Greeks) cho rằng các Vương quốc này tiếp tế vì vậy Hy Lạp xua quân đánh họ mục đích làm suy thối kinh tế thành Troy, vừa để tiếp thu chiến lợi phẩm và cả những người đẹp như: Briseis, Tecmessa và Chryseis. Hy Lạp chiến thắng nhiều trận, anh hùng thành Troy bị bại trận nhưng kéo theo liên quân Penthesilea, bởi vậy quân Hy Lạp không thể đập đổ được bức tường thành Troy.

Phoenix nhờ Pyrrthus trong trận chiến này, Philoctetes có sẵn trong tay cung tên của Hercules, Philoctetes tham gia trận chiến. Xác của Pelops được thu lại, Odysseus chiếm được phần phòng thủ đầu và chiếm được tượng Palladium, vẫn có ý đánh vào thành nhưng Odysseus chỉ thị làm ngay con ngựa gỗ lớn rỗng để binh sĩ có thể núp vào trong đó. Ông Epeius làm xong con ngựa gỗ, các hiệp sĩ người Hy Lạp và Odysseus leo vào bên trong ngựa gỗ, Chiến thuyền Hy Lạp giả bộ chờ quân đội rời cảng, quân thành Troy đã chứng kiến như vậy, Còn một binh sĩ tên là Sinon giả như bị bỏ lại. Khi binh sĩ trong thành ra ngắm nghĩa con ngựa gỗ đồ sộ. Sinon giả giận dữ vì quân Hy Lạp vô tâm? Sinon nói con ngựa gỗ an toàn đó là điều lành cho thành Troy, dù nữ tiên tri Cassandra và tu sĩ Laocon đã có lời ngăn chặn. kéo ngựa vào thành. Nhưng số đông binh sĩ đồng tình kéo con ngựa gỗ vào thành mở tiệc vui mừng chiến thắng say sưa túy lúy, thì các binh lính của Hy Lạp đã phá ngựa, chui ra và mở cửa thành cho quân Hy Lạp vào. Thế là quân Hy Lạp đã đánh phá tan tành quân đội thành Troia và đốt cháy thành. Trong trận chiến Achilles bị Paris, một tay thiện nghệ về cung bắn trúng vào gân xương chân Achilles tử trận, Priam bị bàn thờ thần Zeus sập xuống đè chết, còn Cassandra bị lôi ra khỏi tượng Athena và bị hãm hiếp! Helen bị Melenaus bắt lại, nhưng Melenaus vẫn còn bị thu hút bởi sắc đẹp của Helen nên đã không giết nàng. Thành Troia đầy màu sắc huyền thoại dù bị

đốt cháy, thành Troy nằm ở phía Tây Bắc nước Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, trong một khu đồi tại tỉnh Canakkale“

Thổ Nhĩ Kỳ chờ ngày gia nhập Cộng Đồng Chung Âu Châu! Nhưng vẫn bị lọt sổ chưa được vào! trong lúc Ba lan các các nước Đông Âu đã được gia nhập năm 2004! Đó cũng là nỗi buồn của dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ. Tương lại đi về đâu? Nếu đất nước không canh tân, các đảng phái cực đoan độc tài sẽ đưa đất nước với những ngày dài chờ đợi.

Tài liệu tham khảo

Lexikon der Geschichte Orbir Verlag
Das neue Universal Lexikon Bertelsmann (2009)
Hình trên Internet và của tác giả



RỪNG NÚI MÙA ĐÔNG:

Ảnh Minh Châu

Cho Riêng Mình Em

© 1999 Huy Lâm

Nhạc & Lời:

Huy Lâm

Disco ♩ = 125



Đừng yêu em — vì ánh mắt em — mơ màng..



— Đừng yêu em — vì bóng môi em — nồng nàn. — Mà vì — em dành



hết cho anh — tim em. — Tình em thiết tha, lòng em ước mơ mộng đời đẹp



tươi. — Một ngày sẽ đến mang theo — niềm vui. — Lòng em vững



tin mình luôn có nhau trọn kiếp này. — Đường đời nhọc nhằn chồng



gai còn lắm bon chen. Tình đời nhiều đam mê — rồi cũng phối pha —



— mà thôi. — Mong rằng anh — còn nhớ — lời hứa năm xưa — Rằng anh chỉ



yêu mình em thế thôi, trọn lời thề ước. — Và anh sẽ



mãi yêu em — dài lâu, — tận muôn kiếp sau, dù ta biết nhau từ kiếp



nào. — Đừng ngây ngất vì khoe mắt ai — đưa tình! —



Đừng nhìn theo — tà áo ai đang vờn bay! — Đừng hẹn hò — cùng



ai, đừng nắm tay ai — quay theo nhịp đàn đêm nay! Trước sau tim anh chỉ



dành cho em, cho riêng mình em! —

PHẦN THƯỞNG CUỐI NĂM

NGUYỄN THÙY

Thưa Thầy

Bây giờ con đã là lính. Tình cờ đơn vị con được chuyển về đóng quân nơi ngôi làng con đã cùng mẹ sống khổ nghèo suốt thời thơ ấu của con. Hiện con đang năm phục kích đối phương nơi ngôi trường cũ con học cách đây trên những hai mươi mấy năm rồi.

Ngôi trường tan nát quá ! Giặc đã pháo kích vào nó bao lần. Hàng hiên đã sụp rồi. Nền trường loang lổ. Mấy trụ cột xiêu vẹo, cổ chống chỏi với thời gian như muốn cố giữ niềm vui trẻ nhỏ suốt bao năm. Mái trường toi tả, rách toang để thấy những đám mây trời trên cao và gió lồng lộng thổi vào... Ngày mưa, có thể ngôi trường trở thành lầy lội.

Thưa Thầy,

Thầy còn nhớ con không? Đứa học trò học dốt nhất lớp, năm lớp tư Thầy dạy ấy! Chẳng bao giờ con thuộc bài. Lần nào lên trả bài, con cũng lúng ta lúng túng như đứa bé mới tập nói. Thầy trừng trừng nhìn con, đánh vào lưng, vào mông con hay bắt con quỳ nơi dưới bảng đen. Lũ bạn con cứ nhìn con chế nhạo, đôi đứa còn chọc quê con nhưng cũng đôi đứa nhất là bọn gái nhìn con như có vẻ thương hại. Con cúi gầm mặt xuống không dám nhìn lại. Một lần vì quỳ lâu quá, con về nhà, cặp chân bước cà nhắc. Mẹ hỏi, con bảo thầy bắt quỳ quá lâu vì không thuộc bài. Mẹ la con sao lười biếng không chịu học. Con chạy ra hiên nhà sau, lấy tay áo rách quạt hai mắt, khóc thút thít. Lúc vào, con thấy hai mắt mẹ đỏ hoe.

Con còn nhớ, một lần con không trả lời được câu nào, Thầy nhìn con, không la rầy như mọi lần trước mà ôn tồn: «*Hôm nay, tha cho, không cho điểm, ngày mai trả bù*». Ngày mai, ngày mai rồi ngày mai nữa, con có bao giờ trả lời song suốt mọi câu hỏi của Thầy đâu. Thầy lắc đầu, chán

nản, chắc Thầy nghĩ rằng ‘*thằng bé này, hết thuốc chữa*’.

Nhưng rồi, Thầy ơi, Thầy đã chữa cho con. Một hôm, sau giờ tan học, Thầy gọi con lên Văn phòng Trường. Thầy bảo: «*Ngày mai Thầy sẽ hỏi hai câu này. Thầy nói trước con biết để theo đó mà trả lời*». Thầy dặn là không được cho ai biết việc này. Ngày mai, quả con trả lời đúng hai câu Thầy hỏi. Thầy vụt khen con quá giỏi rồi bảo lớn: ‘*Tám điểm*’. Cả lớp ngạc nhiên, không hiểu sao hôm nay con lại giỏi thế. Lần đó, con về nhà khoe với mẹ. Mẹ ôm con, hai mắt mẹ đỏ hoe.

Cứ thế, đôi ba lần sau. Bọn bạn con không còn nhìn con với cặp mắt dè dặt nữa, có đứa bắt đầu lân la trò chuyện với con. Con sung sướng, nghe niềm vui náo nức dâng lên. Con cảm thấy một sức mạnh nào đó trỗi dậy trong con. Từ đó, trên các ngã đường, con luôn lầm lũi bài học và dù Thầy không cho biết trước, con cũng trả lời đúng một số câu hỏi của Thầy.

Đến cuối niên học, Trường tổ chức Lễ phát thưởng. Trước đây một tuần, lúc con tựa vào chiếc cột nơi hàng hiên, nhìn lũ bạn chơi nhảy cò cò, giấu khăn bịt mắt, Thầy ngoắt con đến rồi bảo: ở *Ngày phát thưởng, con cố ăn mặc sạch sẽ để lên lãnh thưởng* ừ. ‘Lãnh thưởng’, trời ơi, con muốn rú lên!. Hôm đó, con chạy một mạch về nhà, ôm lấy mẹ báo tin mừng. Mẹ ôm con vào lòng, hai mắt mẹ đỏ hoe.

Trước ngày phát thưởng, mẹ bảo con ngủ sớm để sáng mai mặt mày tươi tỉnh rồi chọn chiếc áo nào còn lành lặn cho con. Riêng mẹ cũng chọn chiếc bà ba ít rách rưới nhất. Rồi cả hai mẹ con đến trường. Mẹ ngồi nơi hàng ghế Phụ huynh, con được ngồi nơi dãy ghế dành cho học trò được lãnh thưởng. Sau lời Ông Hiệu Trường, đến phiên các Thầy đọc tên học sinh được chọn. Đến phiên Thầy, sau khi trao cho các bạn bè con giải xuất sắc, giải hạnh kiểm,

Thầy đọc lớn : ò *Nguyễn Văn X...*, *phần thưởng chuyên cần ! ừ*. Con run run đứng dậy, quay nhìn mẹ thấy mẹ cũng lom khom đứng lên nhìn về trước như muốn nhắc đến phần con. Con rụt rè bước lên bên Thầy. Thầy xoay người con nhìn về phía phụ huynh rồi trao con phần thưởng. Con cúi chào mọi người, cúi chào Thầy rồi hấp tấp chạy về chỗ mẹ, úp trọn phần thưởng vào lòng mẹ, áp mặt vào ngực mẹ mà nghe ươn ướt cặp mắt. Mẹ xoa đầu con và chắc mắt mẹ cũng đỏ hoe.

‘Phần thưởng chuyên cần !’. Chao ôi ! Con có chuyên cần gì đâu. Con thường vắng mặt các buổi học rất bất thường mà ! Phần thưởng chẳng là bao: hai quyển tập, một quyển tự vựng bé như bàn tay, một cây bút mực, một cọng bút chì, một lọ mực, một cục gôm, một tờ giấy thấm. Chừng ấy thôi mà sao con nghe nặng quá. Trên đường về nhà, mẹ ôm giữ lấy phần thưởng như sợ trao cho con, con đánh rớt. Mẹ nắm tay con như dẫn đứa bé mới chập choạng biết đi. Chắc mẹ sung sướng lắm mà con cũng thấy rung rung.

‘Phần thưởng chuyên cần’, Thầy ơi ! Con biết nói sao !? Nhưng hai tiếng *‘chuyên cần’* từ ngày đó theo con. Con nhập tâm hai tiếng đó. Thưa Thầy, có phải do ‘chuyên cần’ mà năm sau cùng những năm sau nữa, con được lãnh thưởng khá nhiều vào hạng học sinh giỏi. Nhớ lại lần đó, con không muốn là ‘học sinh giỏi’ mà chỉ muốn là một ‘học sinh chuyên cần’ thôi., Thầy ạ !

Thưa Thầy,

Sau khi đậu Tiểu học, con lên trường Quận, hàng ngày cuộc bộ trên ba cây số, tan học là tất tả chạy về ‘chuyên cần’ lo cho mẹ. Con vừa được lên lớp 8 thì một hôm giặc pháo kích. Nhà con tan nát, mẹ con chết thảm trong đêm. Con ôm lấy mẹ, khóc suốt đêm. Sáng ra, con lấy cuốc đào đất làm huyệt để chôn mẹ. Không có hòm, con quấn thầy mẹ vào từng lớp vải áo quần của mẹ, lấy mo cau lót nền đất, cũng lấy mo cau đắp thân hình mẹ. Con dứt từng khúc ruột, ôm lấy mồ mẹ, khóc

thảm thiết. Hàng ngày, con nấu ít cơm với đôi cái trứng gà, thấp nhang cúng mẹ, lạy trước mồ mẹ, nhớ từng lần mẹ khóc, mẹ mừng, mắt mẹ đỏ hoe. Con kiếm mấy lá dứa che lại những chỗ nhà bị pháo kích rách nát. Con một thân một mình lo kiếm sống nên đành bỏ học. Con tiếc vô cùng, nhớ lại ‘phần thưởng chuyên cần’ cuối năm học với Thầy. Mẹ chết rồi, con bỏ học rồi, con còn ‘chuyên cần’ với ai đây!?

Chiến tranh mỗi ngày mỗi lớn. Đêm đêm pháo kích từ xa, đạn pháo từ quận bắn ra. Mọi người trong xóm bỏ đi đâu gần hết. Nhiều lúc có đôi người đàn bà, đàn ông vốn cùng làng với con, có lúc thêm đôi người lạ mặt ghé lều con an ủi, khuyên nhủ rồi bảo con theo họ. Con biết họ là ai rồi. Biết sống khó yên, con rời quê, lên Quận rồi lên Thị Xã, làm thuê, vác mướn. Sống khổ sở quá rồi nghĩ đến mẹ chết thảm, con tình nguyện đầu quân. Sức học không bao nhiêu, con là lính chân chì, nay được lên Hạ sĩ, theo đơn vị về phục kích tại chính xóm mình, tại chính ngôi trường đã học với Thầy. Con nhớ, nhớ Thầy, nhớ bài học ‘chuyên cần’ Thầy ban. Con nhớ mẹ, lúc rảnh, trong những ngày hoạt động nơi đây, con ra mà mẹ, tu bổ và cúng vái mà lòng tan nát, tả tơi. Con hình dung những lần mắt mẹ đỏ hoe... Con nghĩ mẹ vẫn ở bên con, giữ gìn con. Mẹ ơi! Thầy ơi! Con biết nói gì thêm đây?

Thưa Thầy,

Bây giờ Thầy dạy học nơi nào hay đã về hưu? Cô có còn mở một ngôi hàng nhỏ phụ giúp Thầy như trước không? Con tự nhủ phải tìm cho bằng được nhà Thầy để đến thăm, nhắc lại cùng Thầy bài học ‘chuyên cần’ mà Thầy đã ban cho con thuở ấy. Lần này, đến thăm Thầy, con sẽ đi một mạch chừ không len lén vòng quanh để Thầy khỏi phải nghe tiếng con rao trong đêm: *‘Ai ăn đậu phụng rang !’*.

Con

Nguyễn Văn X...

Tiểu Luận Tìm Một Cõi Về Của NHÀ VĂN NGUYỄN LÂN

Giáo Sư Tiến Sĩ Phạm Thị Huệ

Đa số những nhân vật trong *Tìm Một Cõi Về* là phái nữ. Họ là ai? Họ là những thiếu nữ của lứa tuổi học trò mộng mơ. Họ là những nữ sinh của một trường Trung Học nổi tiếng tại cửa Sài Gòn trước 1975. Những nữ sinh này học giỏi vì có thể mới được tuyển chọn vào ngôi trường này. Họ là những cô gái Trời đã ban cho một sắc đẹp tuyệt vời. Họ là con nhà gia giáo. Ở tuổi này, sự yêu đương lãng mạn là lẽ đương nhiên.

Đối tượng của các thiếu nữ này là ai? Đối tượng của họ là một giáo sư trẻ. Thầy Phong mới tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ngành Khoa Học thiên nhiên sẽ đảm nhận môn Sinh Vật Học. Ngày đầu tới nhận nhiệm sở Thầy Phong đã bị Bà Hiệu Trưởng phóng một cái nhìn lạnh lùng khó chịu, phán một câu ngắn ngủi: “*Nhà trường đang cần Giáo Sư khoa học đệ nhị cấp. Tôi đã mừng thấy tờ Sự Vụ Lệnh của thầy về đây. Nhưng, thầy trẻ quá!*” (TMCV, trang 4). Vậy là Thầy Phong sẽ dạy các lớp Đệ Nhất và Đệ Nhị tức là học trò lứa tuổi 17, 18. Rồi mọi chuyện cũng được xếp đặt ổn thỏa. Thầy Phong với một dáng dấp hào hoa lịch thiệp, với lối giảng dạy lôi cuốn, và một khuôn mặt đẹp trai, làm sao tránh khỏi sự quyến rũ của các cô nữ sinh trường Mê Linh này?

Thầy Phong là một giáo sư được học trò yêu mến. Thầy cũng không ngần ngại tỏ ra có sự chăm sóc, để ý tới những cô nữ sinh xinh đẹp, hay có một cái nhìn duyên dáng bắt mắt. Sự đời

đưa đẩy nên Giáo Sư Phong đã cặp bồ với những cô đẹp nhất của trường. Cuộc tình của thầy Phong ra sao?

Nếu cứ theo sự suy nghĩ bình thường thì chắc chắn ai cũng nghĩ rằng cuộc đời của Giáo Sư Phong sẽ được đền đáp bằng một đám cưới thật sang trọng, bằng một mái ấm gia đình. Nhưng không phải vậy. Người đọc sẽ tìm ra qua câu chuyện, và nhận thấy rằng cuộc đời Thầy Phong gặp nhiều gian truân, trắc trở, có thể nói là lạ lùng, hơi bất thường nữa chẳng?

Những người nữ sinh yêu thầy và được thầy yêu lại, họ đã yêu thầy với tất cả mối chân tình của họ. Họ chỉ mong ước một điều là có với thầy một mái ấm gia đình. Nhưng cuộc tình lãng mạn hầu như chưa được đầy đủ, chưa được thỏa mãn với những ao ước làm đàn bà của người phụ nữ. Họ muốn được làm mẹ, làm tròn nhiệm vụ cao cả mà Thượng Đế đã ban cho người phụ nữ. Nói cho rõ ra là họ muốn có với thầy một đứa con. Một mong ước rất bình thường, rất căn bản của người phụ nữ. Đây là tâm lý chung của phụ nữ Á Đông, mà sự nối tiếp gia đình, giòng giống rất quan trọng. Họ muốn giữ lại hình ảnh của người họ yêu. Nhưng lần nào trong các mối tình, khi được đề cập tới vấn đề này, thầy Phong cũng tìm cách thoái thác. Xin trích dẫn:

Uyên Nhã nhìn người yêu dầm đuối:

- Cho em một đứa con!

Phong lặng người. Chàng không thể có con. Cơ cấu truyền giống của chàng có cái gì trục trặc từ buổi sơ sinh. Nói thế nào với Uyên Nhã đây? (TMCV, trang 66).

Một sự thật Thày Phong biết về mình, nhưng không thể nào giải thích cho người khác được, dù là người yêu của mình. Có gì đau đớn, có gì buồn và thê thảm hơn?

Mối tình đầu nóng bỏng của Thày Phong với nữ sinh Uyên Nhã cũng tới hồi kết thúc khi Uyên Nhã một lần nữa khẳng định là rất thương Thày Phong, nhưng gia đình muốn cô thành hôn với Lộc. Thế là Uyên Nhã đưa tới một quyết định táo bạo hơn:

“Lộc vẫn khăng khăng quyết định lấy em. Anh ấy hứa bỏ qua hết mọi chuyện chỉ trừ ra em mang thai với Phong, anh ấy mới thôi”.

“Uyên Nhã, anh không thể có con. Cho anh xin lỗi” (trang 68).

Người yêu đầu đời của Thày Phong đành quyết định chia tay với chàng, đi lấy chồng.

Ngay cả cuộc tình mà Phong, một người hùng đang thực hiện hoài bão giúp đời của mình, cho là thật lý tưởng, với một cô giáo Anh văn, Cô Lệ trong một trại cùi. Nhưng khi Phong tỏ tình, Lệ đã nhắc nhở:

“Không được, không ai lấy một người cùi Em không muốn anh nhìn em sau này như một món nợ phải trả. Đời của em không ở nơi anh. Đời của anh không ở nơi em. Anh có những tài năng cần được lưu lại. Anh cần có con nối dõi.”

“Trời! Anh không thể có con! Anh không cần có con! Anh cần em trong cuộc sống! (trang 89).

Đấy là tiếng kêu bi thảm của một người cô đơn, đang cần một nơi nương tựa tâm hồn, một nơi để được chia sẻ những vui buồn của cuộc đời, nhưng đã không được đáp trả.

Thế rồi qua tới cuộc sống tự do hơn tại Hoa

Kỳ, khi Thày Phong trở thành một nhà nghiên cứu khoa học, khi Thày Phong đã tới tuổi ngũ tuần, khi người tình của thầy không còn bị ràng buộc gì về hoàn cảnh gia đình, nhưng thầy cũng đành bó tay. Sự thiếu thốn rất tự nhiên này làm người đọc thấy xót thương, tội nghiệp cho một con người tài hoa, mà sao lại không được một sự truyền giống bình thường?

Với Vành Khuyên, Phong làm hết sức mình, hy sinh cả thời giờ và tiền bạc cho nàng vì nghĩ rằng đây là một cuộc tình thật đẹp, cả hai đều tương đắc trong mọi hoạt động, nhưng rồi Phong vẫn phải trở lại trạng thái cô đơn. Vì cuối cùng, Vành Khuyên vẫn đưa ra một đòi hỏi:

“Em muốn có con, thật nhiều con như mẹ em. Giòng nhà em mất để lắm!”

Nàng cười ròn rã.

Phong giật mình. Chàng mất hứng. Chàng thấy lạ. (trang 202).

Thế là chàng vẫn phải đương đầu với nỗi bất hạnh của mình.

Tim đến với biết bao nhiêu cuộc tình, đến rồi đi. Chung qui cứ một giai điệu muốn có con với chàng, nhưng chàng không thể cho nàng một đứa con!

Sự khát khao trở thành mẹ nơi người phụ nữ, sự ao ước quý hóa tự nhiên họ đã không thể thực hiện nổi, cộng thêm với những trắc trở về hoàn cảnh gia đình của người yêu, để rồi Phong vẫn là một người cô đơn. Chàng ước vọng một sự kết hợp, một cuộc hành trình song song với người bạn đời cùng chí hướng để đạt tới hạnh phúc nhưng sự may mắn, hạnh phúc lại vượt quá tầm tay. Tại sao?

Câu trả lời trong chuyện này là sự kết hợp không có điều kiện để toàn hảo cho cuộc sống hôn nhân, một mái ấm gia đình. **Đây không phải là sự lựa chọn của một người, mà là một sự xếp đặt đã có từ trước.** Có ai trong chúng ta

muốn đặt mình hay con cái mình vào hoàn cảnh này không? Đây là một tiếng kêu của những người đang sống trong một xã hội, có thể nói là sự bất bình thường của họ chưa được công nhận một cách công khai. Họ sống âm thầm, chịu đựng ngày này qua ngày khác.

Nhưng cũng may là trong sự mất mát, thiếu thốn một cách bất bình thường như vậy, thì chính Phong đã tìm ra được lý tưởng, lẽ sống bằng cách hòa đồng trong các công tác xã hội, trong sự say mê về đẹp của đất trời. Suốt cuốn truyện, chàng Phong không hề oán trách, ta thán, đổ lỗi cho ai. Hơn thế nữa, *“Phong chỉ mong mọi người tìm được sự thoải mái trong cuộc sống. Hạnh phúc đó do mình tự tạo dù những tháng trầm quay cuồng bủa vây. Phong tìm lại những người bạn cùng chung một mục đích. Dần dần thêm những người trẻ tuổi phụ giúp chàng trong công việc cần thiết. Những vấp ngã, đứng dậy, vươn lên nối tiếp nối tiếp”*

Rồi làm sao để chàng sống một cuộc đời bình an, nếu không phải TÌM MỘT CÔI VẼ.

Một đoạn khác, chàng công nhận rằng: *“sống một mình, chàng đã tập được tỉnh thần nhiên trước sự việc. Chàng thoát được gánh nặng đè nên chàng bao lâu nay Con người nhiều khi có những ý nghĩ, hành động xóc nổi, thiếu chín chắn. Hay là tại mệnh số, tại nghiệp duyên? Thôi thì, mệnh số như thế, giòng đời xuôi chảy như thế Sau cơn giông tố, chàng mới thấy những yếu điểm của mình và những ước muốn không nên có”* (trang 257).

Cuối cùng, nhờ vào sự tập tành sống an bình tự tại, số mệnh dun dủi cho Phong gặp được người bạn đời, một người rất đặc biệt. Cô đã thoát khỏi cái chết kinh hồn để nhận ra chân giá trị của cuộc sống. Cô Mai, người bạn sau cùng của Phong cần sự giúp đỡ đặc biệt của chàng để lấy lại giọng nói sau một tai nạn ghê người. Sự

chia sẻ chân tình của Mai đã giúp Phong tìm thấy: *“ở người con gái này, Phong thấy tình người bao la, sự chân thành, sự tha thiết, sự quý trọng. Những lời nàng thốt ra như đưa chàng tới vùng màu nhiệm Côi vĩnh hằng là đâu? Cuộc sống này chỉ là côi tạm. Nhưng trong côi tạm này vẫn cần một nơi nghỉ ngơi thoải mái, một nơi mà niềm tin, niềm thương yêu bền bỉ, một côi vệ cho thân xác tạm bợ và cho linh hồn vĩnh cửu”* (trang 300).

Kết luận

Tôi đọc sách, nhất là tiểu thuyết, ít khi tôi đọc kỹ tới hai lần. Nhưng cuốn *Tìm Một Côi Vẽ* tôi đã phải đọc tới ba lần. Lần đầu đọc một mạch vì sức lôi cuốn của chuyện. Lần thứ hai đọc với một cây bút đủ mọi màu, tìm coi điều gì được nhắc nhở tới nhiều nhất, điều gì tác giả muốn thể hiện qua nhân vật chính và những nhân vật khác trong truyện. Ghi ghi, chép chép từng trang. Gạch màu, đánh dấu từng đoạn. Lần thứ ba đọc lại những gì mình ghi chép.

Tôi đọc kỹ vì tôi nhìn câu chuyện dưới mắt của một nhà giáo dục, một nhà cố vấn tâm lý cho các sinh viên, học sinh đang sống trong một xã hội tự do, một xã hội đang trên đường cởi mở, công nhận sự khác biệt về mỗi cá nhân.

Nếu Hiến pháp Hoa Kỳ công nhận rằng con người sinh ra được bình đẳng, thì sự công nhận con người khác với số đông về giới tính, là bước kế tiếp trong những công nhận khác về sự bình đẳng của con người. Sau những tranh đấu bình đẳng về màu da, sắc tộc, thì bây giờ là sự tranh đấu về giới tính. Nói chung, người ta còn đứng dừng, hoặc hơn nữa, còn chống đối sự tranh đấu cho quyền bình đẳng với những người khác biệt. Chỉ cho tới khi nào, những trường hợp như vậy xảy ra cho chính những người con của chúng ta, những người thân trong gia đình thì chúng ta mới nhận thấy sự chấp nhận cái đó là một điều cần thiết. Tiếng kêu của một loài chim lạ cần được đáp trả

bằng sự bao dung. Chính sự bao dung này sẽ đem đến cho ta niềm vui, sự an lạc, như chúng ta cùng nhau TÌM MỘT CÕI VỀ cho mỗi con người.

Tìm một cõi về? Về đâu? Lúc nào? Tùy theo trình độ tâm thức, tâm linh của mỗi người.

Tôi xin gửi tới quý vị mấy câu thơ mà tôi rất tâm đắc:

*“Ung dung, khắc đến, khắc đi,
Lẽ đời sinh, tử có gì khác nhau,
Bước chân dù chậm, dù mau,
Đường ta đi giữa hai đầu Tử, Sinh”.*

Trang trọng giới thiệu tới quý vị một cuốn tiểu thuyết luận đề đáng đọc để suy ngẫm.

Chàng Và Vòng Hư Ảo Của Cặp Kính 3D

Tôi là người rất thích sự Tuyệt Đối, mặc dù trong hoang lạnh tàn phai của tháng năm, đã chứng minh thật rõ nét – làm gì có sự Tuyệt Đối ở đời sống?!

Hỏi để tự trả lời, tự đi tìm cho mình một ẩn thể tiềm tàng nơi mỗi tác giả mà tôi hân hạnh được gặp, được quen biết hoặc tự tìm hiểu qua các tác phẩm của chính họ.

Sự quen biết giữa nhà văn Nguyễn Lân và tôi, là sự quen biết ngoại lệ, một tuyệt đối trong cái tương đối có thể chấp nhận theo dòng chảy của Văn Học. Đó là sự quen biết rất chùng mực giữa tác giả và độc giả, giữa Thầy và Trò, giữa kịch sĩ và người say mê thưởng thức những lột tả xuất thần trên sân khấu, để cảm thông mọi nguồn tư tưởng khoáng đạt giữa cũ và mới, giữa hiện thực và hư cấu, giữa mạnh mẽ và êm ái của giới tính nam nữ...vv...vv.

Miền quê hương cũ

Năm 1937, tại Hà Nội, thành phố Hoa Văn nổi tiếng, gia đình Nguyễn Tường lại có thêm người thừa tự. Giữa bối cảnh tang thương của đất nước thời bấy giờ, nhân vật ấy, dù muốn dù không cũng đã phải sống và tiếp cận với không khí chiến tranh, đồ hộ của thực dân Pháp. Là cháu, gọi Nhà Cách Mạng Nguyễn Tường Tam, tức Nhà

Văn Nhất Linh bằng bác. Phụ thân ông là Nhà Văn Hoàng Đạo, Chủ tịch đương thời của VNQDD, anh ruột của Nhà Văn Thạch Lam và Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách (cũng là một nhà văn, một nhà cách mạng, tác giả quyển *Trên Sông Hồng Cuồn Cuồn, Việt Nam Một Thế Kỳ Qua...*)

Nói một cách khá chi tiết đến điều này, là để khai quật lại quá khứ đáng được ngưỡng mộ của một gia đình danh giá, có những hoạt động hữu ích cần thiết cho đất nước về nhiều phương diện (chính trị, cách mạng, văn hóa, xã hội, bởi họ là những người tiên phong, khởi xướng việc thành lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn) để nhớ ơn và cũng để chứng minh cho những suy luận của tôi, liên hệ đến một nhà văn hiện đại.

Người mang dòng họ NGUYỄN TƯỜNG xa xưa ấy, 17 tuổi đã xuôi dòng định mệnh, nghiễm nhiên trở thành công tử phong-lưu-nhàn-nhã nơi phố thị Sài Gòn (sau ngày đất nước bị chia cắt năm 1954). Tư tưởng ông chắc hẳn đã lẫn vào cái chung huyền nhiệm của sự Tự Do Ngôn Luận nơi miền đất phương Nam, độc lập và phú cường.

Nhà văn Nguyễn Lân, ông là ai?

Nhân vật mang tên Nguyễn Lân mà tôi quen, từ trước ngày trời đổ ập lên đầu của

dân tộc Việt, được nhận diện qua người thanh niên lênh đênh vì chiến chinh của miền quê hương cũ, và cũng qua chàng Phong, nhân vật trời sinh ra chỉ để yêu Cái ĐEP trong TMCV (hẳn là như vậy). Trước 1975, Phong đã từng đứng giữa các sân trường Trung học ở Việt Nam để tự hài lòng về sự thành công của chính mình. Nhưng trường Mê Linh ở nơi nào trong tiềm thức? Có thực hay chỉ là hình ảnh ảo? Bởi trước khi trở thành nhà văn, Nguyễn Lân đã là một nhà mô phạm có đạo đức, một nhà hoạt động xã hội có lương tâm, một kịch sĩ có thực tài. Hơn trên tất cả, ông thừa hưởng không nhiều thì ít, tính khí của dòng họ Nguyễn Tường, trở thành một nhà cách mạng, Cách Mạng Tư Tưởng.

Nói về ông, không những là một vinh hạnh, mà lại còn là một cơ hội hiếm quý để tôi có thể thân nhiên sống lại quãng đời quá khứ, nơi đó có trăng có sao, có hoa có bướm, có những tiệm bánh thơm lừng sắc hương Trinh Nữ mà người thợ nướng tưởng rằng có thể ăn hết, nhưng nếm thử rồi mới biết khả năng thụ hưởng của Con Người khó thể hiện biết bao. Đây có phải là lý do để André Gide, dưới vòm trời Paris thơ mộng nhiều thập niên trước, ước ao "nếu được dừng chân, ông sẽ (cùng chung ý tưởng với tác giả?) dựng lều để nghỉ dưỡng già trong tuổi nhỏ".

Trái tim Nguyễn Lân được dùng để yêu người, yêu đời, và yêu chính mình. Trái tim ấy hy vọng "đời sống phải có ý nghĩa". Ông thích nói đến sự thật, Sự Thật Của Những Sự Thật, những sự thật hẳn nhiên để làm mất lòng người, cho dù đã được tiểu thuyết hóa. Có lẽ tác giả rất mong mọi Thế-Giới-Độc-Giả thông cảm để chấp nhận, cũng như hy vọng chẳng còn ai muốn phí phạm sự thông minh nữa, bởi vì:

*Mong là đây, mà thực cũng là đây,
Vô tình lắm, những sum vầy giả tạo.*

Theo chân ông đi... viễn chinh, tìm về cội nguồn ẩn thể rất phức tạp của tiềm thức, khá nhiều lần tôi đã bị hụt hẫng, bởi tôi không phải là tác giả để có thể dừng ngay lại ở những chỗ bất khả xâm. Và cũng

nhờ vậy, ông đã cho tôi thêm can đảm, bằng cách trước mỗi khúc quanh của cuộc Cách Mạng Tư Tưởng, ông đều ân cần nhắc nhở tôi rằng:

-Này cô bé độc giả, hãy mang vào trí óc tự do cầu tiến của cô một cặp kính 3D, để mơ mộng và cũng để được sống thật toàn vẹn với kho tàng Quá Khứ...

Sự can đảm bất đắc dĩ và tính hiếu kỳ khiến tôi đã cùng ông... mơ.

Bên dòng Potomac

Tôi mơ thấy Vũng Lầy Hạnh Phúc của chàng Phong lớn dần trong một xã hội mà tư tưởng của mỗi cá thể đều được tuyệt đối tôn trọng (lại cũng tuyệt đối). Tư tưởng của muôn loài vốn dĩ là sự bí mật không dễ được phơi bày trọn vẹn, như bí mật của thềm đại dương, bí mật của thượng tầng khí quyển, và hơn trên tất cả là bí mật của 1001 lý lẽ mà trái tim ấp ủ để chiến thắng lý trí. Tư tưởng ấy như được phát minh, được sáng tạo, ngay cả được tưởng tượng dưới lăng kính khuếch đại trong phòng thí nghiệm của Đại Học GeorgeTown, nơi bắt đầu cuộc đời tỵ nạn của tác giả vào khoảng cuối thập niên 80.

Đời người có nhiều điều kỳ hoặc không thua gì hư cấu, vậy lạ lùng chi khi những điều hư cấu bị ngộ nhận để lẫn lộn với sự thật của đời thường? mèm trong Tình Yêu Hoang Tưởng?

Nào ai biết sóng lòng cao mấy núi?

Lửa tình chung mấy tuổi tình tan...

Biết bao nhiêu lần, Nguyễn Lân lang thang ngắm nhìn dòng Sông Potomac, lặng thầm tưởng niệm quá khứ, nhớ nhung những con nước tồn đọng dưới chân cầu Thời Gian, khiến xui ông một lần nữa trở lại với môi trường Sinh Hoạt Văn Nghệ ở Miền Đông Hoa Kỳ, rộn ràng trong kịch, trong thơ, trong tận cùng Sôi Nổi... Nhưng, dưới vòm trời bao la của Thế Giới Tự Do, ông chợt nhận thức một điều nghịch lý sâu sắc:

Freedom is not free

Thế mới biết, tuy hoàn toàn tự do khi cầm bút, tác giả vẫn luôn đối đầu với sự

tiếp cận còn rất mới của cặp kính 3D huyền diệu, mặc dù đã trở nên bình thường hóa ở thế kỷ 21.

Tháng sáu nơi miền nắng ấm Cali

Từ Thành Phố Annandale, Virginia, tâm hồn Nguyễn Lân thênh thang, rào rạt chờ mong được gặp gỡ độc giả đồng hương nơi miền nắng ấm, Nam California, đặc biệt là các đồng nghiệp và những học trò yêu thương cũ. Tôi hy vọng trời sẽ không mưa. Tôi cũng hy vọng mọi niềm vui sẽ đến với ông, bên người bạn đời Thẩm Tô Diễm Hoa và cô cháu gái Thơ Thơ (cũng là một nhà văn, tác giả đoàn truyện Hắc, Vườn Lan ...vv...). Cái cao quý nhất của tác giả vẫn là tự đi tìm cho chính mình một nơi nương tựa xa cuối con đường Mơ, để bày tỏ, để sửa đổi, để an phận. Tuyệt đối, không có sự oán trách, hận thù nào được nhắc nhở đến. Ông là người biết yêu bằng cả trái tim và cũng biết tha thứ bằng cả tâm hồn.

Có lẽ chân lý của Nhà Văn Nguyễn Lân chính là:

*Cho nhau đi, tấm chân tình trác tuyệt
Bởi cuối đời, thua được cũng bằng không.*

Với tâm niệm này chàng Phong của Nguyễn Lân đáng được thương mến. Chàng đã biết tự chế, tuy ngạo mạn nhưng vẫn phải phục tùng thiên mệnh:

*Chàng chung sống với Dòng Sông Hư Ảo
Cháy quanh đời, gió bão mím cười theo
Gió trên vai, Bão ngất ngưỡng lưng đeo
Nhân gian ấy, vũng tay chèo Định Số..*

Cám ơn Phong. Cám ơn Nhà Văn Nguyễn Lân.

Dù có ngàn lời muốn chia sẻ tâm tư với vị thầy xưa, tôi cũng đành ghi xuống những nét chữ cuối cùng này...

"Còn tiếng nói nào hơn tiếng lặng thinh"... (TMCV/trang 203).

Nhật Phương

*Viết về Nhà Văn Nguyễn Lân, nhân dịp Thầy ra mắt tác phẩm *Tìm Một Cõi Vẽ*, ngày 6 tháng 6 năm 2010 tại Hội Trường Nhật Báo Việt Herald, Orange County, Nam California.



BÁC SĨ



NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

TRỞ VỀ TỪ “QUỶ MÔN QUAN” TÔN NỮ MẶC GIAO

“MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN” (MẮTBĐT) là một cuốn sách được viết chung gồm nhiều tác giả với chủ đề: Mỗi tác giả phải viết một bài trong đó có ba món ăn nhằm gợi nhớ lại quê hương yêu dấu đã xa nghìn trùng khi bắt đầu cuộc sống tha hương nơi xứ người sau cơn biến động đau thương ngày 30 tháng 4 của đất nước. Cuốn sách này đã được phát hành hồi tháng 10 năm ngoái (2009) với sự góp mặt của nhiều tác giả “tên tuổi” khắp thế giới như: Hồ Trường An (Pháp), Tiểu Thu (Canada), Nguyễn Thị Ngọc Dung (Hoa Kỳ), Thái Quốc Mưu (Hoa Kỳ), Phong Thu (Hoa Kỳ), Nguyễn Phan Ngọc An (Hoa Kỳ), Duy An Đông (Hoa Kỳ), Hoa Hương Dương (Hoa Kỳ), Tôn Nữ Mặc Giao (Hoa Kỳ), Lê Nguyễn (Hoa Kỳ), Cao Thanh Tâm (Hoa Kỳ), Dư Thị Diễm Buồn (Hoa Kỳ), Vũ Nam (Đức) và có lẽ cũng đã đến tay độc giả khá nhiều qua hai hình thức vừa bán vừa tặng. Đây không phải là một cuốn sách dạy nấu ăn, chị Diễm Buồn đã dẫn rõ như vậy và Mặc Giao cũng hiểu rõ chủ đề của cuốn sách, nên Mặc Giao đã đóng góp hai truyện ngắn với sáu món ăn. Tuy nhiên thay vì chỉ lồng vào cốt truyện những món ăn thôi thì Mặc Giao đã “cả gan” làm khác đi một chút là vừa nêu tên những món ăn vừa chỉ cách nấu luôn, để khi độc giả đọc được có muốn nấu thử thì cũng dễ dàng. Chỉ có mình Mặc Giao là “tham” như vậy mà thôi chứ các tác giả khác thì rất nghiêm chỉnh. Tóm lại là mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười. Mặc Giao không muốn nói nhiều vì sợ “mèo khen mèo dài đuôi”. Nói tóm lại đối với Mặc Giao, cuốn sách “MẮTBĐT” về hình thức tuy không

có gì đặc sắc nhưng nội dung bài viết của mỗi tác giả là mỗi nét dễ thương riêng. Khuyết điểm thì chắc phải có rồi, vì đây là lần đầu tiên nhà văn Diễm Buồn thực hiện một cuốn sách viết chung gồm nhiều tác giả, vì là lần đầu nên chắc chắn là phải có sai sót. Hy vọng là quý độc giả thông cảm mà bỏ qua cho. Quý độc giả nào muốn mua cuốn sách “MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN” xin liên lạc với các tác giả mà quý vị quen biết ở trên trừ MG vì MG không có bán mà chỉ tặng cho những người thích đọc văn của MG nên chỉ còn vài cuốn lưu trữ mà thôi!

Những lời “giáo đầu” ở trên không phải là điều Mặc Giao (MG) muốn nói ngày hôm nay, mà chỉ là “nguyên nhân” khiến tại sao MG phải viết lên bài này mà thôi! Kính thưa quý vị, MG rất thích viết văn nhưng ông xã MG thì lại không thích một chút nào hết và hay cần nhân MG là:

- Em sao cứ thích phịa những chuyện không có thực, viết vớ viết vẩn mua vui cho thiên hạ rồi nó vẩn vào người cho mà xem.

Truyện của MG viết phịa cũng có mà thực cũng có, của mình hay góp nhặt của thiên hạ cũng có. Lúc bị ông xã cầu nhàu MG đâu có tin mà còn cãi lại:

- Anh cứ nói & Chứ bộ mấy người văn sĩ, nghề của người ta là viết để kiếm sống chẳng lẽ khi họ đặt họ vào trường hợp diên hay là đau khổ nào đó rồi họ bị như vậy hết hay sao?

Ông xã MG từ tốn giải thích:

- Làm cái gì cũng có nghiệp quả của nó cả, anh không cần biết chuyện của người khác, anh chỉ lấy trường hợp của em mà thôi! Kiếp này em cứ viết truyện ma vớ vẩn làm người ta sợ, kiếp

sau em sẽ bị người khác nhát lại cho mà xem.

Nghe ông xã nói làm MG cũng hơi sờ sợ và cụt hứng. Đó là lý do tại sao lúc này MG ít sáng tác nữa là vậy. Lời của ông xã: “Em cứ viết vở viết vắn rồi nó vận vào người cho mà xem” làm MG cứ suy nghĩ hoài. Chữ “vận” ở đây theo MG hiểu là tự mình “chủ ỏ” mình, nếu mình lỡ nói ra những điều xui xẻo, không may mắn rồi sợ và mong nó đừng xảy đến với mình thì thế nào nó cũng xảy ra. Còn mong ước và nói điều ngon lành thì never, ít khi xảy đến với mình. Cũng có trường hợp cá biệt, như chuyện MG sắp kể ra đây, xin quý vị đừng cười là MG trẻ con nhé! Có một lần MG nói dốc điều “hên” mà nó vẫn “vận” vào người thật đấy quý vị ạ! MG có quen một chị bạn chơi chung cùng nhóm chứ không thân cũng khá lâu, gia cảnh chị cũng bình thường, cửa chìm cửa nổi ra sao thì không biết. Chồng làm nghề gì thì dấu như mèo dấu cứt, nhưng lại hay “nổ” (khoe khoang). Cứ hể MG có cái gì là chị cũng phải có cái ấy, không hơn thì cũng phải bằng chứ nhất định không thua, mà không hiểu tại sao chị lại cứ nhè MG mà so sánh. Lúc ấy sao MG còn sần đễ sợ, ghét tính chị hay ba sạo nên MG cứ kê tú đứng vào miệng chị hoài, giá như bây giờ thì MG thây kệ và rất đễ tính với ý nghĩ: Chị thích nổ, thính khoe thì cứ đễ cho chị nổ cho sướng cái miệng chị. Mỗi người mỗi tính, tính người ta như thế thì cứ mặc kệ người ta, hơi sức đâu mà mình thọc bẻ mảnh người ta chỉ cho mịch lòng. Có một lần chị ấy cứ theo hỏi MG ông xã làm lương bao nhiêu một năm (thiệt là tò mò vô duyên). MG biết thế nào chị cũng nổ nên MG “nổ” trước:

- Ông xã em làm lương trên một trăm ngàn một năm. (Thực tế chỉ xấp xỉ chứ chưa được).

Chị nghe thế hơi tẽn tò hạ giọng:

- Ông xã chị chắc cũng gần bằng chứ chưa được một trăm. (Chèn ơi! Lần đầu tiên mới thấy “bà nội” chịu nhận mình thua).

Thế mà những năm sau đó ông xã MG lên vù vù, trên một trăm như chơi thật. Cho nên MG rừ rừ với các chị đễ thương khác chứ không phải “bà nội nổ” kể trên nghe rằng:

- Mấy chị biết hôn? Em ghét “bà nổ” nên khi bã hỏi chồng em làm lương bao nhiêu một năm cái em phang liền là trên một trăm, ai dè bây giờ lương ảnh trên một trăm thiệt đó chị. Vậy bây giờ mình bắt chước “bà nổ” mình cũng nổ như kho đạn Long Bình ngày xưa, đi đâu mình cũng rêu rao là mình trúng số độc đắc rồi, thế nào nó cũng “vận” vào người biết đâu mình trúng số thiệt làm sao?.

Tánh MG không có nổ, chỉ có lí lặc và nghịch phá thôi, ai làm MG ghét MG mới “kê” lại mà thôi! Những người chơi thân với MG biết tánh MG nên không nói gì chỉ cười và gheo lại:

- Mai mốt Giao tăng lên thành hai trăm đi cho nó hên.

MG cười:

- Nổ quá miểng văng tùm lum làm sao chị? Ông xã em đâu phải là Bác Sĩ.

Đó chỉ là câu chuyện nói dốc không biết có phải tình cờ không mà MG đã được “vận” vào người điều mình ao ước (ông xã được tăng lương) thật, MG nghĩ chắc tại mình nói ra bằng miệng coi như “bị” khẩu nghiệp chứ nếu mình viết truyện đễ giải trí cho vui chắc không đến nỗi nào. Nhưng ngày hôm nay, sau khi nằm bệnh viện ba tuần lễ thập tử nhất sinh về được tám tuần qua. MG thật là hoang mang và sợ cái chữ “vận” mà ông xã MG vẫn thường chì chiết khi thấy MG quá đam mê nghiệp viết văn. Mặc dù sức khoẻ vẫn chưa được bình phục như xưa, nhưng cũng không đến nỗi xuôi tay niệm Phật xin chịu chết trên bàn mổ như hôm cấp cứu. Sau khi giải phẫu dậy, MG quên khá nhiều chuyện, sợ đễ lâu nữa MG sẽ quên hết nên khi nào cảm thấy khoẻ thì vội mở computer ra ghi lại một chút, một thì tắt đi nằm. MG muốn viết đễ chia xẻ với những người

có tâm tin đạo Phật để xem MG nghĩ như vậy là có đúng không?

Trong cuốn “MẮTBĐT”, MG có viết hai truyện ngắn với tựa đề: MỘT GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC và BỮA CƠM ÂM PHỦ. Bữa cơm âm phủ ở đây không phải là món cơm âm phủ của người Huế hay nấu mà là đi xuống âm phủ nấu cơm cho những người đã chết ăn. Trong truyện ngắn “Bữa Cơm Âm Phủ” có hai nhân vật, một là Vân Anh (cô Chị), hai là Vân Yên (cô em) đã chết hơn hai chục năm qua. Cô chị Vân Anh bị một chứng bệnh bẩm sinh trong đầu là có một mạch máu bị rò, giống như ống nước bị rỉ nước. Mạch máu cũng vậy, bị rò lâu ngày máu tràn đầy trong óc làm Vân Anh bị hôn mê giống như người bị ngủ say chứ không phải bị chết trong lúc đang ngồi trên xe với chồng để đi chợ (chứng bệnh này MG dựa theo chứng bệnh của một người bạn gái). Người chồng thấy vợ ngủ say một cách bất bình thường kêu không chịu tỉnh thì hiểu là có chuyện nên đã chở thẳng vợ vào nhà thương Kaiser cấp cứu. Tại đây, bác sĩ “open” cái xương sọ của Vân Anh ra để thẩm hết máu bị rỉ ra trong đó, sát trùng cẩn thận rồi “đậy” lại là bệnh nhân tỉnh lại thôi. Trong cơn hôn mê, Vân Anh thấy mình được lạc lên một tầng trời không sân hận, bon chen tranh dành vật chất. Tai thì được nghe những tiếng nhạc trời thánh thót xen kẽ với những tiếng chuông, tiếng khánh ngân nga (giấc mơ này là giấc mơ thật của MG chứ không phải chuyện phịa). Sau đó Vân Anh gặp lại được cô em gái tên Vân Yên đã chết hai chục năm qua. Cô em này đã dắt Vân Anh đi xuống cõi âm và nhờ Vân Anh vấn kế để nấu một bữa cơm ngon đãi mẹ chồng của Vân Yên. Chuyện bữa cơm này thì MG phịa chứ không có thật, nhưng những tình tiết éo le trong câu chuyện dưới âm phủ cam đoan là chuyện thật một trăm phần trăm mà MG góp nhặt từ những giấc mơ của chính MG và những người thân trong gia đình MG rồi đúc kết thành câu truyện.

KHÔNG CÓ ANH

Không có anh
Hàng cây buồn nhưng nhớ
Mây lang thang
Sôi đá hoang mang
Ánh đèn đường bờ ngõ
Vàng ngọn nến sắp tàn

Không có anh
Ai từng bước cô liêu
dấu giày hằn đau phổ vắng
những chiều Thu.

Gió xao xác buồn hoang vu
Mây đổi hờn kết tụ

Mưa nhẹ... mưa nhẹ... mưa nhẹ...
Mưa buồn... mưa buồn... mưa buồn...
đâu dáng người trong mưa?

Không có anh
Ai đêm trường thao thức
Ôm mộng xa xôi
Lòng nhớ chơi vơi
Về người em xa ngàn dặm
Buồn vương mắt ai

Không có anh
Ai email em đọc
Ai kể chuyện tình bắt hủ em nghe
Ai nói trăng sao cho má em hồng
Ai đợi chờ nghe em cười nắc nẻ
Ai từng đêm buông tiếng thở dài?

Không có anh
ôi...đất trời hiu quạnh

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

Đã là truyện viết thì cho dù hư cấu hay có thật thì cũng chỉ là truyện mà thôi! Khi viết truyện, MG không ám chỉ mình là nhân vật Vân Anh nhưng cũng phải nhập mình vào nhân vật thì viết mới sống động được. Còn cô em Vân Yên tuy không nói ra nhưng MG cũng bật mí cho quý vị biết đó là cô em gái đã chết hơn hai chục năm qua của MG. Hai truyện ngắn trên được MG hoàn thành để góp mặt chung với các tác giả trong cuốn MẮTBĐT hồi tháng 7 năm ngoái (2009). Không biết có phải tại viết truyện ngắn trên cho nên MG đã bị “vận” vào người hay không? Tháng 7 năm ngoái hoàn thành viết truyện, tháng 7 năm nay bị bệnh khá giống nhân vật Vân Anh. Hôm đó là thứ sáu cuối tuần, nhà MG tổ chức họp mặt bạn bè để ăn uống, vui chơi và hát Karaoke. Vì có khách đột xuất khá đông cho nên MG nhường không hát. Bạn bè chia thành hai nhóm, một nhóm hát Karaoke ngoài phòng khách, một nhóm chơi binh xập xám ở trong Family room, MG thuộc nhóm thứ hai, chơi cho vui chứ không phải sát phạt lẫn nhau nên mỗi người chỉ đặt tượng trưng một đô la. Thường thường ở nhà MG hay nhà bạn bè khác cũng vậy, khi chuẩn bị đánh bài là MG réo “bố” để xin tiền, vì bố hay giữ tiền trong túi quần chứ MG không khi nào có tiền trong người. Hôm nay cũng vậy, sau khi binh một hồi thua chấy túi, lúc đó khoảng hơn 12 giờ đêm, MG đứng lên nói:

- Chị Lan ngồi vô dùm em, em hết tiền rồi, để em ra hát xả xui kiếm tiền (xin bố) rồi vô đánh nữa.

Mọi người đã quen quá với những câu nói đùa như thế nên ai cũng cười vui vẻ chờ cho MG “đi hát” kiếm tiền vô binh tiếp. Chu mẹt ơi! MG vừa cầm cái microphone lên chưa kịp hát một tiếng nào hết thì cái bụng nó đau quá! Nhưng MG đổ lì (cứ tưởng bỏ) đau vớ vẫn như thính thoảng vẫn bị nên một tay ôm bụng một tay cầm microphone hát. Được nửa bài, MG tính la lên

roi nhưng tánh hay mắc cỡ, lại ngại ngừng không biết mình đau có đáng để làm mất vui mọi người không nên ôm bụng tới luôn, rồi không biết có phải vì đau quá không control được giọng mình hay sao mà đêm đó MG hát “xuất chúng”, hát oang oang, mọi người vỗ tay khen MG hát “tới bến”. Thật tình mà nói tới bến hay không thì MG không biết, chỉ biết là bệnh của MG thì “tới bến” thiệt (bến cửa tử) khiến MG chịu không nổi luôn, sau khi trao microphone cho chị Lan, MG nằm vật ra cầu thang nắm lấy mấy thanh sắt thành cầu thang mà ôm bụng vừa khóc vừa rên nhỏ nhỏ chứ cũng chưa dám gọi ông xã. Tội nghiệp chị Lan vừa tính cất tiếng hát giúp vui, tình cờ quay lại nhìn thấy MG lăn ra đất thì vội la lên, thế là mọi người ngưng tiếng hát bu quanh MG, MG nghe đủ thứ ý kiến:

- Để Giao nằm thẳng ra, lấy dầu cạo gió cho Giao.

Tiếng của một chị mới quen ở Canada qua chơi cất lên:

- Để chị ấy nằm thẳng ra xoa bụng cho chị, ở bên Canada mình biết có một người sau khi hát xong cũng bị như chỉ vậy đó! Chị ấy bị vọt bẻ đó!

Ngọc Dung vừa xoa bụng cho MG vừa nói xen kẻ (bàn tay của Dung đặc biệt rất mềm mại, mỗi lần Dung xoa bóp vai hay bụng cho MG, nó bớt đau và thoải mái gì đâu):

- Sao cái bụng Giao nó lĩnh bình dữ vậy nè?

Lúc này thì MG đau quá sức tưởng tượng rồi nên không còn mắc cỡ ngại ngừng gì nữa hết, hai tay MG cứ bấu cứng lấy cái bụng mình và khóc mà không cần sợ ai cười xấu đẹp gì cả. Ông xã MG tức tốc gọi 911, chỉ trong tích tắc, họ đến khiêng MG vào ngay Bệnh Viện Kaiser đường Cottle Road ở San Jose (cũng là cái bệnh viện mà MG đã viết trong truyện). Sau khi truyền thuốc giảm đau và làm đủ thứ xét nghiệm, Bác Sĩ nói MG bị bleeding, máu tràn đầy bụng cần phải

mở ngay. Khi Bác Sĩ gây mê tới, họ đẩy MG vào phòng mổ, MG cảm thấy hai con mắt mình đầy những “đóm mắt hoả châu” bung như pháo bông xoè, tứ chi bủn rủn và không thở được. Mặc Giao tưởng mình sắp chết nên bắt đầu niệm “Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn con xin chịu chết”&. và rồi MG không còn biết gì nữa.

Lúc đó là khoảng gần 6 giờ sáng thứ bảy (ca mổ được kéo dài khoảng hơn hai tiếng đồng hồ, sau này nghe ông xã nói lại chứ MG không biết giờ giấc gì cả). Trong cơn hôn mê ấy, MG thấy mình lướt (chứ không phải đi cũng chẳng phải bay) trên những phiến đá láng đủ thứ màu xám vàng đen, cứng và lấp lánh giống như nền của phún xuất thạch phun ra từ lòng núi lửa đã lâu đời mà MG đã từng được đặt chân lên đó lúc du lịch ở Hawaii vậy. Đứng trước mặt của MG là một đoàn sư Tây Tạng đang đi (không hiểu tại sao MG lại nghĩ đó là đoàn sư Tây Tạng thì MG không biết). Có lẽ tại cách hành đạo và màu áo khiến MG nghĩ vậy. Đoàn sư đi tới đâu là MG lướt tới đó, thế rồi một chập sau MG lại lạc vào một cái đền đài nào đó lạ hoắc, phòng đằng trước là đoàn sư đang hành lễ, MG ở phòng đằng sau chỉ cách một bức màn mà không dám vạch màn ra để xem đoàn sư hành lễ ra làm sao? MG quan sát thì thấy mình đứng trong nhà bếp có những người thợ đang làm những cái bánh tròn, trắng nhỏ hơn quả ping pong một chút, giống như những cái bánh men bằng bông đường được nướng khô, gói trong những chiếc lá sen khô màu nâu nhạt. Họ chắt đầy lên một cái xe (giống như những cái xe đẩy thức ăn của tiệm điểm sấm) rồi đẩy ngang qua mặt của MG. Cầm lòng không đậu, MG bốc lấy một gói rồi nhón một cái bánh bỏ vào mồm ăn thử, MG thấy vị ngọt như bánh men và MG tỉnh lại.

Trong cơn mơ mơ màng màng chợt tỉnh bởi chiếc giường bị động làm MG mở mắt ra mới biết là mình còn sống, cái đồng hồ trên tường

đập ngay vào mắt MG là 8 giờ rưỡi sáng cùng ngày. Vậy mà MG cứ tưởng đầu mình vừa trở về xa xôi đầu từ kiếp nào lâu lắm rồi, bên tai văng vẳng nghe tiếng ông xã và một cô bạn thân hồi hôm ở lại bệnh viện chờ MG giải phẫu. Vì là phòng ICU nên sự viếng thăm có giới hạn mà MG thì cứ mơ mơ màng màng chưa tỉnh hẳn nhưng vẫn biết có Tam muội Ngọc Dung và anh Hồi khi MG mở mắt đầu tiên, rồi lúc thì thấy Đại tỷ Đan Thanh và anh Lương, khi thì Nhị tỷ Hùng Lan, anh chị Mừng, anh chị Lộc. Hình như tất cả mọi người có mặt trong buổi party nhà MG hôm đó đều lần lượt vào thăm MG thì phải? Và đặc biệt nhất là Đại Nương (anh chị Linh Nương) đã vào kịp buổi tối trước khi hết giờ thăm bệnh. Chị Nương đã dùng khăn thấm nước lau mặt lau cổ và xoa bóp chân tay cho MG, đó là điều mà MG muốn lắm! Nhưng vì mới mổ còn mệt và mê mê tỉnh tỉnh, miệng mũi cắm ống lung tung nên không nói được, mà ông xã và những người thân của MG thì không nghĩ ra hay tại nhìn thấy MG thấy ghê quá nên không dám đụng tới? Một người chị em bạn dâu của MG khi đến thăm MG đã phải quay trở ra hỏi y tá xem người nằm trên giường kia có phải tên MG thật không khi thấy người MG sưng phù, miệng mũi dây nhợ lung tung nhìn không ra, hai tay thì một bên truyền máu, một bên truyền nước biển nên chị không tin đó là MG. Thật đúng là người về từ “Quý môn quan”. Xin mượn đôi giòng cảm ơn đến bạn bè thân quen và các anh chị em trong gia đình đã hết lòng đối với MG.

Chưa hết, khi MG còn mơ mơ màng màng trong phòng ICU, MG có nghe bác sĩ mổ cho MG nói với ông xã rằng:

- Tao đã mổ và làm sạch sẽ hết máu trong bụng vợ mày rồi, nhưng cái nguyên nhân tại làm sao chảy máu thì quả thật là tao tìm không thấy. Có hai giả thuyết: Một là vợ mày bị té (không có), hai là bị chảy từ đằng sau lưng (không biết)

mà bây giờ nó đã lành cho nên khi mổ không tìm thấy nguyên nhân, nhưng tao hy vọng là nó sẽ không bị trở lại lần thứ hai. Tao chưa thấy bệnh nhân nào bị lại hai lần.

MG nghe mà hãi hùng, không tìm ra nguyên sự xuất huyết để mà chữa trị rồi mai mốt nó chảy nữa rồi làm sao? MG nằm bốn ngày trong phòng ICU, sau đó được chuyển ra phòng ngoài nằm thêm năm ngày nữa bác sĩ cho về. Về nhà được hai hôm, MG ăn hay uống một chút xíu gì vô bụng cũng bị ói ra hết và cái bao tử của MG nó co thắt, phồng lên xẹp xuống đau như đau đẻ. MG ói lần thứ nhất màu đỏ bầm như máu (mà không biết có phải là máu không) MG bò lên bò xuống cả đêm đau đớn không ngủ được. Đến gần sáng MG ói thêm lần nữa màu xanh lè lè như lá cây, ông xã MG thấy vậy không đi làm nữa bên gọi 911 chở MG vào bệnh viện lần thứ hai. Đầu tiên họ cho thuốc giảm đau và chống ói, sau đó họ thử máu, thử nước tiểu và làm đủ trò, khi thì X-ray, lúc thì ultra-sound rồi scan, và lần này ông bác sĩ đầu tiên nói MG bị mật, có thể sẽ phải mổ để bỏ mật, nhưng một ngày sau ông bác sĩ giải phẫu bụng lần trước cho MG xuất hiện, ông nói không phải mật, mà là lá lách của MG bị sưng đã chặn đường bao tử làm MG không ăn uống được nên bị ói, và điều quan trọng ông cho biết luôn là nguyên nhân sự xuất huyết trong bụng lần trước cũng do lá lách mà ra, nhưng vì khi mổ, có thể nó đã ngưng chảy và đã lành cho nên không nhìn thấy được. MG nằm thêm sáu ngày nữa trong bệnh viện, nhịn đói chỉ vô nước biển chờ cho lá lách lành, phục hồi tự nhiên chứ không có chữa trị gì cả. Đến ngày thứ năm MG đòi về, bác sĩ cho ăn chất lỏng thử một ngày, MG chỉ ăn được một nửa nhưng không bị đau và ói. Sang ngày thứ sáu, ăn thêm bữa trưa, chờ đến 3 giờ chiều MG không bị phản ứng gì, bác sĩ ký giấy cho về. Đến nay đã tám tuần lễ gần hai tháng rồi mà MG vẫn chỉ ăn được chút

chút và ăn làm nhiều bữa. Vết mổ dọc hơn một gang tay tuy đã lành nhưng MG vẫn còn yếu và đau ở bên trong, không biết đến bao giờ mới trở lại được như xưa?

So sánh giữa truyện ngắn “Bữa Cơm Âm Phủ” và cơn bệnh chẳng giống ai của MG thì không biết có phải là tại MG viết như vậy cho nên bị “vận” vào người hay không? Trong truyện, nhân vật Vân Anh bị rỉ máu trong đầu rồi hôn mê phải vào nhà thương giải phẫu. Ở ngoài đời MG cũng bị rỉ máu nhưng không phải trong đầu mà trong màng bụng (không phải trong ruột và bao tử) cũng bị đưa vào đúng cái nhà thương đã viết trong truyện và cũng bị giải phẫu, nhưng khác với Vân Anh là MG phải chịu đau đớn gấp bội lần. Trong cơn hôn mê, Vân Anh vừa được lạc lên tầng trời vừa đi xuống cõi âm rồi mới tỉnh lại. Khi hôn mê MG cũng đi lạc vào hai chỗ, chỉ khác với Vân Anh là MG được đoàn sư Tây Tạng hướng dẫn và MG lướt theo chứ không bị lạc sang cõi khác như Vân Anh. Rồi Vân Anh tỉnh lại, hoang mang với giấc mơ khi nghĩ đó là một nhắc nhở để Vân Anh chuẩn bị cho sự tu hành nếu không muốn trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. Mặc Giao cũng vậy, khi niệm Phật xuôi tay nhắm mắt trên bàn mổ, MG nghĩ mình hui nhị tỳ là cái chắc nên cho dù có thương chổng thương con cách mấy, nhưng thân MG lúc đó thập tử nhất sanh lo còn chưa xong thì dám nghĩ đến ai ngoài câu “Nam Mô A Di Đà Phật”? Đến khi chập chờn tỉnh lại mới biết mình còn sống,

MG nguyện ngay: Kể từ giờ phút này ăn chay niệm Phật suốt quãng đời còn lại để xin được mạnh khoẻ, sống thọ thêm được bao lâu thì hay bấy lâu để lo cho các con thành danh thành đạt tới nơi tới chốn đàng hoàng. Xin mọi người hãy cầu nguyện cho Mặc Giao. Thank you so much!

TÔN NỮ MẶC GIAO
(San Jose, California)

CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN NGHIỆM

Dẫn nhập

Phần dẫn nhập trình bày hai điểm: **Minh triết và quan điểm.**

Dân tộc Việt Nam từ bao đời đã có nền văn hóa truyền thống đẹp đẽ, mến yêu, mà do hoàn cảnh lịch sử không thuận lợi đã bị chôn vùi vào lòng đất như những cổ vật quý báu, hoặc ẩn giấu trong những mảnh vụn huyền thoại, di tích lịch sử, hay gói gắm qua những vãn ca dao, những câu tục ngữ truyền khẩu ngắn gọn, rải rác trên khắp nẻo đường quê hương, cho nên không dễ nhận diện ra cái tổng thể là tinh thể, là tinh hoa của một nền văn hóa.

Trong văn hóa, Triết lý quan trọng hàng đầu, nó vừa là thể diện vừa là linh hồn của nền văn hóa đó. Văn hóa thiếu Triết lý thì thiếu chiều sâu. Triết lý Việt là Triết lý nhân sinh, Triết lý nhân bản tâm linh siêu việt, là Đạo Việt cho nên hành trang về nguồn nghiên cứu văn hóa dân tộc cần phải có là Triết học quân bình có tính chất *lưỡng hợp*, phối hợp các phương pháp luận lý, biện chứng của Triết học với trực giác tâm linh sinh động của Đạo học. Một minh duy lý lạnh lùng thì chỉ rườm rà, rậm lời ở vòng ngoài hiện tượng, chỉ đạt được những chân lý lẽ tẻ, phiến diện do ý thức nhị nguyên; còn chỉ duy có tâm linh thì khi thể nghiệm được Đạo nơi mình rồi, do tính chất u linh, huyền diệu của Đạo, mà không liên kết với lý luận thì làm sao phổ biến Đạo cho tha nhân và cũng dễ rơi vào tình trạng trầm không u tịch, Đạo tan biến vào hư vô, con đường văn hóa mờ mịt.

Trong “*Đường vào Triết học Việt Nam cũng là Triết học nhập môn*”, chúng tôi đã trình bày một số nguyên lý căn bản: nguyên lý vạn vật đồng nhất thể, nguyên lý liên hệ, nguyên lý bảo toàn năng lượng (khí năng), nguyên lý tuần hoàn, nguyên lý không quân bình, nguyên lý quân bình

để làm nền tảng cho Triết lý quân bình. Ngoài ra phép biện chứng quân bình cũng đã được giới thiệu để phân biệt với phép biện chứng duy vật do sự khác biệt về tính cách mâu thuẫn tương đối hay tuyệt đối, tổng hợp có chọn lọc hay phủ định rốt ráo. Tính tương đối của mâu thuẫn trong phép biện chứng quân bình thật ra cũng giống tính tương đối của Âm Dương trong Dịch lý: “*trong Âm có Dương, trong Dương có Âm*”, nhưng với nguyên lý không quân bình, nguyên lý liên hệ phổ biến, nguồn gốc *tinh phân cực* của thế giới hiện tượng, vạn vật được xác định rõ qua thuyết Dynamo vật lý địa cầu, nói tổng quát là do sự vận hành của các hành tinh trong vũ trụ ở thế giới vĩ mô cũng như vi mô. Tính phân cực, lưỡng phân, lưỡng hợp này cũng chi phối nhân tính do nguyên lý liên hệ.

Nền văn học, văn chương, nghệ thuật cổ điển gắn liền với Triết học cổ điển, xoay quanh những ý niệm hoàn hảo, thường hằng sẵn có từ lâu trong thời quá khứ, trong khi cuộc sống hiện thực ở thời hiện tại luôn biến động không hoàn hảo chút nào, nhiều lúc còn méo mó thậm hại, thế nên mọi sự cần được xem lại. Thật vậy, nếu mọi sự đã hoàn hảo, mẫu mực thì người xưa đã khai thác hết rồi, còn gì phải nói thêm nữa đâu, văn học, văn chương, nghệ thuật do đó hết sức sống.

Nói về chữ Thời thì Triết học cổ điển thiên về danh lý, lý tưởng, ý niệm bẩm sinh thuộc về thời quá khứ, Triết học duy vật mác-xít thuộc về thời vị lai chẳng biết bao giờ tới, cho nên Triết học hiện sinh ra đời, chủ trương kéo những lý tưởng từ thời quá khứ, vị lai về với hiện tại, thay vì tôn vinh những lý tưởng trên thiên đàng thì quan tâm đến cuộc sống trần gian của con người bằng xương bằng thịt với niềm vui, hạnh phúc lẫn lộn với nỗi bất hạnh, lo âu.

Song song với Triết học hiện sinh, vào khoảng đầu thế kỷ XX, Husserl (1859-1938) sáng lập ra môn Triết học không dựa vào một khoa học nào cả, trực diện với sự kiện có thật có tính cách khoa học nghiêm túc, gọi là Hiện tượng luận. Theo ông, thế giới khách thể ở ngay trong ý thức. Ông phân biệt hai loại ý thức: ý thức có chủ tâm (intentionales Bewusstsein) và ý thức thuần lý (reines Bewusstsein). Ý thức có chủ tâm là ý thức có nội dung khách thể, nghĩa là ý thức về cái gì đó và theo ông thì chính cái ý thức đó có thực. Ở đối tượng của ý thức, ông lại phân biệt ra cái có thật (das Tatsächliche) và yếu tính hay bản chất (das Wesen), trong đó yếu tính là Tính thể (das Sein) riêng của một đối tượng cá biệt như là nó vốn có. Giữa sự kiện và yếu tính có tương quan như sau: Từ sự kiện đưa đến nhận thức yếu tính, nhưng không có con đường ngược lại. Về điểm này, Hiện tượng luận không phải là Tính thể học, cũng không phải là Siêu hình học, học thuyết về yếu tính, mà là học thuyết triết lý về *cái nhìn yếu tính* (Wesensschau) ở hiện tượng. Ý thức thuần lý là ý thức không còn gặp sự kiện của đối tượng nữa, mà chỉ còn là yếu tính của nó thôi. Hiện tượng luận có nhiệm vụ truy tìm ra ý thức này bằng phương pháp gọi là *giản lược hiện tượng luận* (phänomenologische Reduktion) *loại bỏ, đặt trong dấu ngoặc* những thái độ duy nhiên của tính thường nhật, khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn để chỉ còn lại ý thức thuần lý.

Phong trào văn học, nghệ thuật mới chịu ảnh hưởng ở hiện tượng luận với những cái nhìn khác nhau, nên có khởi sắc và phong phú hơn ở cổ điển về cả hình thức lẫn nội dung. Triết lý quan điểm này cũng đưa đến thái độ tôn trọng các quan điểm khác nhau, nghĩa là tôn trọng tha nhân. Tuy nhiên, nói chung thì những cái nhìn đó cũng chỉ mới loanh quanh ở thế giới hiện tượng bên ngoài, mà chưa vào tới chiều sâu tâm linh bên trong con người, cho nên nói có bao nhiêu cái nhìn là có bấy nhiêu ý tưởng, tuy có phong phú nhưng thiếu thống nhất. Lấy một thí dụ để suy gẫm, phim “ La Sanh Môn ” của Nhật trình chiếu ở Sài Gòn khoảng năm mươi năm về trước kể lại một vụ án

mạng, mà mỗi người khai mỗi khác theo cái nhìn riêng của mình với *ý thức có chủ tâm*. Vậy thì *đâu là sự thật?*

Triết học hiện đại từ chối vai trò của Thượng đế để quay về với con người, với thực tại ở trần gian, nhưng lại chia làm hai hướng: Chủ nghĩa duy vật và Chủ nghĩa hiện sinh.

Giữa hai học thuyết này, ngoài sự khác biệt về quan niệm chữ Thời, còn có sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu: Chủ nghĩa hiện sinh chú trọng con người cá thể với tự do tuyệt đối thành Cá nhân chủ nghĩa, còn Chủ nghĩa mác- xít thì chú trọng đến tập thể, mà trong thực tế là tập trung quyền lực vào một nhóm người. Như vậy vấn đề nhân bản nói ở Chủ nghĩa hiện sinh, Chủ nghĩa duy vật chỉ mới hoặc là nhân bản cá thể, hoặc xã hội ở thế giới hiện tượng còn đầy rẫy mâu thuẫn, với thái độ ý hệ nhị nguyên chọn mặt này, bỏ mặt kia, chưa phải là nhân bản tâm linh đại đồng. Con người chưa phải là con người phổ quát, hóa giải hết mọi mâu thuẫn, có chiều kích vô biên của vũ trụ, cho nên làm sao làm sáng tỏ được *Tính thể con người* , làm sao đạt đến *Minh triết* được. Chỉ khi nào thể nghiệm được bằng con đường tâm linh chân thật thì mới có thể *nhập thân*, bởi vì theo như Việt Nho thì “ *chí thành như thân* ”. Thân thức là cửa ngõ dẫn vào động *Minh triết* với những bông hoa *Tính thể* tỏa ngát hương thân. Như vậy, *Tính thể là đại thể viên dung*, còn *Minh triết* là gì, nội dung ra sao để cho một nền văn hóa xứng đáng là Văn hóa.

Minh triết:

Trong *Cư trần lạc đạo phú* của vua Trần Nhân Tông, ở hội thứ hai có câu:

“ *Di Đà là tính sáng soi* ”. Đức Phật cũng đã dạy: “ *Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật* ” và còn nói rõ thêm: “ *Người là kẻ đang thành Phật, còn ta là kẻ đã thành Phật* ”. Như vậy tính sáng ấy thiên bẩm ai cũng có, nhưng độ sáng ở mỗi người khác nhau do công phu tu đạo, mức độ thể nghiệm ở mỗi thân tâm.

Ở hội thứ nhất: “ *Yêu tính sáng yêu hơn châu báu* ”. Tính sáng đó quý hơn tất cả mọi thứ trên

đời, cho nên phải bảo trọng, gìn giữ tính sáng, vì đó là Trí huệ Bát Nhã có khả năng thấu đạt Tính thể, tức Đại thể viên dung, mở ra chân trời hạnh phúc, cuộc sống an lạc thật sự: “ *Gìn tính sáng tính mới hầu an* ” (Hội thứ hai). Đạt được tính sáng đó là có Minh triết.

Ở đầu sách *Đại học* cũng có viết: “ *Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện.*” Cái đạo của bậc đại học là ở sự làm cho sáng cái đức sáng, ở sự thân yêu người, ở sự đến chí thiện mới thôi. Như vậy *tính sáng, đức sáng* đều biểu thị *Minh triết* cả, nó ở ngay bên trong con người, phải làm cho nó đến chí thiện của đạo nhất thể mới thôi. Sách Trung Dung cũng viết: “ *Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.*”(TD 1): Mệnh trời phú cho gọi là Tính, theo tính gọi là Đạo, sửa đạo gọi là Giáo. Như vậy Tính sáng, Đức sáng, Tính thể, Thiên mệnh, Đạo và Minh triết đều có ý nghĩa tương tự với nhau.

Theo nghĩa thông thường ở đợt *Dụng* thì Minh triết là ánh sáng do *luong tri* giúp sắp xếp cuộc sống thế nào cho con người có *hạnh phúc*. Còn theo nghĩa triết lý siêu hình thì phải xét cho tận căn cơ đến đợt *Thế* dưới sự soi sáng của ánh sáng *trí huệ*, của *Minh đức* là *bầu linh lực uyên nguyên*, mới có khả năng *siêu việt*, thống nhất những cặp *mâu thuẫn*, những *đối cực* của *Lưỡng nghi* vào *Thái cực*.

Con đường văn hóa Việt Nam đặc trưng ở chữ *Việt*, có nghĩa là siêu việt, khả năng vượt qua các mâu thuẫn, cực đoan để nhập vào ngôi *Thái thất*. Có được thật sự như thế thì nền văn hóa mới có Minh triết theo nghĩa siêu hình.

Những điều kiện để có Minh triết. Một nền Triết học, một triết thuyết muốn đạt độ *Minh triết* cần hội đủ một số điều kiện nhất định. Trước hết, triết thuyết đó phải bàn sâu rộng đến những vấn đề thuộc *nhân tính*, đặt con người trong tương quan hữu cơ với vũ trụ, vạn vật theo như nguyên lý vạn vật đồng nhất thể và nguyên lý liên hệ phổ biến. Sau đó đề ý đến tính *phân cực* của thể giới hiện tượng, vạn vật, trong đó có con người. Phân biệt hai bình diện lý trí và trí tuệ. Lý trí thuộc vòng ngoài, hàng ngang hiện tượng không bao

giờ thoát khỏi vòng cương tỏa của nhị nguyên, chọn mặt này, bỏ mặt kia cho nên không sao vươn tới được cái toàn thể. Trí tuệ thuộc vòng trong, hàng dọc tâm linh mẫn tiệp như ánh sáng kỳ diệu nên gọi là Minh đức, có khả năng siêu việt, thăng hoa, *thống nhất các mặt đối lập* vào *Nhất thể viên dung*. Cho nên triết lý nhân sinh không chủ trương tiêu diệt, mà chăm lo vun tưới, tài bồi các mặt xem như đối nghịch nhau trong lòng vạn vật cũng như con người, khi nào thể hiện được mối *hòa hợp* lý tưởng sẽ lóe lên ánh sáng Minh triết ngay trong tâm hồn con người.

Nói về Minh triết, Heraklit (544- 484 tr. CN) còn để lại trong những tản văn của ông câu nói nổi tiếng như sau: “*Đặc điểm của minh triết là đừng có nghe ta, mà hãy nghe sấm ngôn của ta, để nói cho đúng rằng vạn vật đồng nhất thể.*”(Haben sie nicht mich, sondern den Logos vornommen, so ist es weise, ihm gemäß zu sagen, Alles sei Eins) Đừng có nghe ta: đừng cố chấp vào thế giới hiện tượng phân cực để rồi bị ngưng trệ ở đó; mà hãy nghe sấm ngôn Logos của ta: nghĩa là tiến lên đợt tâm linh để lắng nghe tiếng nói của Tính thể là Đại thể viên dung.

Thực ra con đường dẫn tới Minh triết không thẳng tắp, mà khúc khuỷu quanh co với nhiều chông gai thử thách, tuy nhiên quá trình tiến triển của tâm thức con người cũng có thể được chia ra một cách khái quát làm ba giai đoạn chính: bài vật, ý hệ và tâm linh.

Ở giai đoạn *bài vật*, con người sống theo bản năng hòa lẫn với thiên nhiên, chưa phân biệt mình với tha nhân, tha vật, chưa nhận thức mình như một cá thể, một thực thể biệt lập, tự do nên dựa trọn vẹn vào nhau với tính cách *đàn lữ*. Vì chưa biết phân biệt, tâm thức con người còn chìm đắm trong trạng thái *đồng nhất*, nên lúc đầu cảm thấy an tâm hạnh phúc, nhưng là thứ an tâm giả tạo. Trong thực tế, con người luôn luôn bị đe dọa bởi ác thú, hiện tượng sấm sét, thiên tai...nên cảm thấy đau khổ, lo âu, khiếp sợ trước những thể lực bên ngoài, do đó hoàn toàn vòng thân trong đợt *bài vật*. Giai đoạn này kéo dài vì buổi ban sơ con người chưa tích lũy đủ vốn ý thức (qui luật lượng- phẩm) để vượt qua.

GIÓ CHUYỂN MÙA SANG

Gió đã chuyển sang mùa
Gọi mây giăng đầu núi
Những cành thu trở trụi
Lá xa cành trong mưa

Gió đã chuyển sang mùa
Cành đông đang trút lá
Hỏi người ấy về chưa?

Gió đã chuyển sang mùa
Đêm nằm nghe lá đổ
Ai đi về cứ ngỡ
Mang hơi ấm ngày xưa.

KIỀU ANH
(Minnesota)

Thế rồi cái gì đến phải đến. Ở phương Tây, hay nói đúng hơn, ở Hy Lạp, Sokrates (469- 399 tr.CN) mở đầu phong trào phục hưng giá trị con người, chống lại sự chi phối của thần thoại. Ông tuyên bố:

“ Con người là thước đo vạn vật ”. Quan niệm con người của ông có tính cách chung loại khác với quan niệm con người của nhóm nguy luận gia đi lạc hướng vào hoài nghi thuyết. Ông khám ra khả năng tự thức của con người, và khả năng đó không gì khác hơn là *lý tính*. Với khả năng lý tính đó, con người có thể thiết lập được những khái niệm luân lý, đạo đức minh bạch và

đúc kết thành những phán quyết có tính cách phổ biến. Bởi thế mới có câu châm ngôn thời danh của ông xuất hiện tại điện Apollo ở Delphi như một thông điệp gửi đến con người như sau: “ *Hỡi con người, hãy tự biết mình* ”. Sokrates say mê với lý tính, đồng hóa đức hạnh với tri thức, ông tuyên bố một cách cực đoan: “ *Sự hiểu biết và đức hạnh là một* ” và như vậy là mở đầu cho duy lý.

Lý tính lại được tiếp tục khai triển bởi Platon và Aristoteles.

Platon (427- 347 tr. CN) lấy ý niệm (lý tưởng) làm đối tượng cho mọi tồn tại, vì nó phi vật chất, không có hình thể, bất biến, là kiểu mẫu của mọi sự vật đơn biệt. Thế giới đặc thù chỉ là thế giới thứ hai, là hình bóng, là mô phỏng của thế giới ý niệm, nhưng không còn liên hệ với thế giới ý niệm nữa. Như vậy ý niệm có tính *siêu việt* (transzendent). Ông diễn tả tương quan này bằng một chuyện ẩn dụ về người tù ở trong hang động, họ không bao giờ nhận được sự chân thật, mà chỉ nhìn thấy những hình bóng phản chiếu trên vách hang động .

Aristoteles (384- 322 tr. CN) theo con đường triết lý duy thực tại, thay vì chú trọng đến *yếu tính* như ở Platon thì chú ý đến *bản thể*, cho nên thế giới sự vật ở thực tại luận của ông có tính cách *tự nội* (immanent). Nhưng bản thể của Aristoteles cuối cùng cũng không khác gì ý niệm của Platon, cũng im lìm bất biến để phân biệt, coi thường những gì biến động gọi là tùy thể phải qui chiếu vào bản thể. Aristoteles đã cường điệu vai trò của luận lý đến nỗi ông quan niệm *chân lý là sự trùng hợp giữa sự vật và lý trí* . Thực ra sự phân biệt về hai thế giới: thế giới của tinh thần, của thực tại tự nội, thường hằng, vô thời tính và thế giới sự vật đặc thù, tùy thể của giác quan, hữu hạn, vô thường ở Platon và Aristoteles đã bắt nguồn từ lý thuyết về hữu thể của Parmenides (540- 470 tr. CN), trong đó cũng đã phân biệt hai con đường: con đường chân lý và con đường thường kiến. Sự liên kết này đã đánh bại hoàn toàn ý tưởng biến dịch của Heraklit, quyết định vận mệnh con đường triết lý phương Tây. Tư tưởng không còn là tư tưởng uyên nguyên phát xuất từ trực giác tâm linh sống động, mà dẫn xuất từ những định

đề của luận lý. Như vậy là luận lý (Logik) đã thay thế cho nguyên ngôn (Logos). Chân lý không còn là sự *án hiện* sinh động nữa, mà chỉ còn có một chiều *hiển hiện* qua cái nhìn của lý trí một cách bất động, vắng bóng phần tiềm thức u linh, uyển chuyển. Từ ngữ “ *Phusis* ” được các nhà vũ trụ luận xưa chỉ cái gì nguyên sơ, nền tảng, trường tồn, sinh trường linh động sau cũng bị hiểu sai là thế giới vật lý với chữ Physik. Hữu thể được hiểu như là vật thể, cho dầu là vật thể tối hậu đi nữa cũng vẫn là vật thể. Như vậy, về phương diện tri thức thì sự vật qui định chủ tri.

Mãi về sau Descartes (1596- 1650) mới khám phá vai trò của chủ tri và để lại câu nói thời danh:

“ *Tôi suy tư, vậy tôi hiện hữu* ”. Nhưng rất tiếc, ông vẫn suy tư theo đường lối biểu tượng. Biểu tượng là hình ảnh của vật thể, đối lập với chủ tri, nên cũng là đối tượng. Giữa chủ tri và đối tượng không có chi liên hệ với nhau, trở thành nhị nguyên cứng cực, hữu thể cũng vẫn được quan niệm như là vật thể.

Kant (1724- 1804) làm cuộc cách mạng kiểu Copernic, nghĩa là nếu Copernic đưa mặt trời vào đúng vị trí của nó trong thái dương hệ, bảo trái đất phải xoay chung quanh mặt trời thì nay ông cũng đưa con người vào đúng trọng tâm của hệ thống tri thức, bất sự vật phải qui chiếu về với chủ tri là con người. Kant đã khám phá ra một khả năng khác với lý trí là *trí tưởng tượng tiên nghiệm* (transzendente Imagination). Cơ năng này có vai trò gần giống với tâm linh, có gốc cảm tính cũng là thời tính. Như vậy Kant đã nỗ lực vượt qua lý trí ở giai đoạn trước chỉ biết có không gian, ông bắt đầu đem lại thời gian cho chủ tri. Nếu biết khai triển trí tưởng tượng tiên nghiệm đến kỳ cùng thì có thể phá vỡ ngã chủ tri duy lý để khai quang ra thời tính. Thời gian căn cứ trên trí tưởng tượng tiên nghiệm không còn là những khoảnh khắc riêng biệt, không còn bị trói buộc vào đoạn nào của dĩ vãng, hiện tại, tương lai, nhưng như những loạt hiện giờ liên tục, tạo điều kiện khai quang ra Tính thể. Nhưng tiếc thay, Kant không dám mạo hiểm tiến xa hơn nữa với trí tưởng tượng tiên nghiệm, mà sau cùng lại quay về với truyền thống suy tư cũ, bỏ mất cơ hội

vượt qua ý hệ để vào tâm linh.

Sigmund Freud (1856-1939) không phải là người đầu tiên nói đến *vô thức*, mà trước đó cũng đã có những triết gia như Leibniz, Hartmann nhận thấy trong đời sống tâm lý của con người, có những sự kiện tuy đồng bản chất với những sự kiện ý thức, nhưng lại không được ý thức. Freud đã trình bày có hệ thống sự hình thành của vô thức và cho thấy tính cách quan trọng của thành phần này trong đời sống *tâm linh* của con người.

Nếu Freud chú trọng nghiên cứu vô thức thuộc phạm vi cá nhân với những vết tích của những biến cố mà chủ thể đã cho vào quên lãng và những dự vọng đã bị bản ngã dồn nén, thì Jung (1875- 1961) lại khám phá ra hình thái vô thức khác nữa là *vô thức tập thể* có liên hệ đến những hình ảnh rất xa xôi như những chủ đề của huyền thoại nhân loại, mà không hề có liên hệ trực tiếp với đời sống quá khứ của đương sự. Như vậy trái ngược với nguyên lý đồng nhất của luận lý hình thức với ba nguyên lý phụ thuộc là cảm mâu thuẫn, triệt tam và căn do, Jung đưa ra nguyên lý đồng bộ phi căn do. Lý thuyết này đi song hành với lý thuyết tương đối, vi thể, lượng tử, thuyết bất định trong khoa học nên rất có ý nghĩa cho sự chuyển hóa tâm thức của con người thời đại sang lãnh vực tâm linh.

J.P.Sartre (1905- 1980) phê bình tâm lý học của Freud là không có liên quan mạch lạc, làm thế nào một người có ý thức, tức ngã ý thức, có thể kiểm soát và nhận thức được những ước muốn vô thức. Như vậy, nhà triết học hiện sinh vô thần này do sức mạnh của duy lý từ hàng ngàn năm chông chát đã dứt khoát phủ nhận vai trò của vô thức, mà đã từ chối con đường tâm linh thì không thể nào, cũng không bao giờ thấy được *ngôi thái thất* ở chính ngay nơi lòng mình, cho nên đưa đến tâm trạng “ *buồn nôn* ” là lẽ dĩ nhiên. Rồi ở Albert Camus (1913- 1960) với tâm trạng “ *phi lý* ”, “ *phản kháng* ”, “ *xa lạ* ”, “ *không nhà* ” cũng không ngoài cái lẽ đó. Hiện sinh nói rằng, do ý thức cuộc sống ù lì, buồn nôn, phi lý, không đáng sống, cho nên cần phải vượt thoát nó bằng cách vươn lên để trở thành chủ thể độc đáo có nhân vị, tự do. Tuy nhiên, trong thực tế nếu từ khước con đường tâm linh với phương pháp thể nghiệm

bằng cả tâm thân toàn diện theo tinh thần lưỡng hợp thì không bao giờ được toại nguyện, chẳng bao giờ vào được ngôi nhà *thái thất*, mà Việt Nho nói là “*nhập ư thất*”

Chưa “*nhập ư thất*” thì chưa có Minh triết. Chưa thoát khỏi tình trạng vong thân thì chưa có chân hạnh phúc.

Con đường luận lý kể từ Aristoteles với nguyên lý đồng nhất đưa tới nhị nguyên luận, chọn mặt này, bỏ mặt kia là nguyên nhân che khuất ánh sáng Minh triết, là thứ ánh sáng chỉ tỏa ra từ sự hôn phối của tính lưỡng nghi ở thế giới hiện tượng, sự vật và ở ngay tại tâm của con người.

Đó là con đường tĩnh chỉ với danh lý, ý niệm im lìm, cho nên thiếu ánh sáng Minh Triết, thế thì con đường biện chứng thì ra sao?

Heraklit còn đề lại nhiều câu danh tiếng, lóng lánh ánh sáng Minh triết trong những tán vãn của ông có tính cách nền tảng cho biện chứng pháp, nhưng đã bị Parmenides và những người sau này đẩy vào quên lãng. Ví dụ câu : “ *Họ không biết cái bất hòa điều hòa điều với chính mình như thế nào. Hòa điều của những giằng co đối lập không khác gì hòa âm của cây cung và dây đàn*”. (Sie verstehen nicht, wie es zwieträchig doch miteinander übereinstimmt. Es ist gegenstrebige Fügung wie von Bogen und Leier)

Phải chờ đến hai mươi ba thế kỷ sau, Hegel (1770- 1831) mới đem biện chứng thay thế cho luận lý với danh lý, ý niệm tĩnh chỉ, một chiều càng ngày càng tỏ ra bất lực, không có khả năng diễn tả thế giới sự vật cũng như con người vốn sinh động, hàm chứa đầy mâu thuẫn nội tại, cho nên đưa đến tình trạng *vong thân* (Entfremdung: nghĩa là sự xa lạ với chính mình) Ông quan niệm thế giới (sinh động) là một *quá trình* (Prozeß). Quá trình đó thâm thấu các yếu tố mâu thuẫn nội tại với nhau, được chia ra làm ba nhịp: *chính đề* (Thesis), *phản đề* (Antithesis) và *tổng đề* (Synthesis). Tổng đề này lại là khởi điểm (Ausgangspunkt) cho quá trình tiếp theo và tổng đề sau rốt ở tận cùng lịch sử sẽ là *tinh thần tuyệt đối* (der absolute Geist).

Theo Hegel thì thế giới là sự khai triển của tinh thần qua ba giai đoạn:

Ở giai đoạn thứ nhất, tinh thần ở trạng thái *tự tại*

(An-sich-Sein). Với biện chứng pháp, ông bắt đầu với khái niệm *hữu thuần túy hay Tinh thể* (Sein) xem như chính đề. Rồi khái niệm này sinh ra khái niệm đối nghịch lại là *vô* (Nichts) xem như phản đề, và sau cùng đi đến tổng hợp cho ra khái niệm sinh thành (Werden).

Ở giai đoạn thứ hai, tinh thần ở trạng thái *tồn tại khác* (Andersein) và ý niệm cứ thế tiếp tục khai triển không ngừng để hướng vào một mục tiêu

Cuối cùng ở giai đoạn thứ ba, tinh thần trở về với chính mình, ở trạng thái *tự tại cho chính mình* (An-und-für-sich-Sein), đó là tinh thần *tự biết mình* (sich wissender Geist).

Xét cho kỹ, tinh thần của Hegel cũng chỉ là ý niệm trừu tượng của duy lý, chưa thực sự thâm nhập vào tận tâm linh con người, cho nên thiếu sự thông hội giữa hai đối cực *hữu* và *vô*. Trong xã hội, giữa hai hạn từ cá nhân và nhà nước, ông chủ trương hy sinh cá nhân là *con người thật sự* cho nhà nước pháp quyền. Như vậy cũng không khác gì duy lý một chiều, không có quân bình thì không đạt Minh triết.

Karl Marx (1818- 1883) đảo ngược quan điểm duy tâm của Hegel bằng quan điểm duy vật: lịch sử là một quá trình vật chất, đó là lịch sử của những quan hệ sản xuất và hậu quả của nó. Nếu ở Hegel khởi điểm của quá trình khai triển biện chứng là ý niệm thì ở Marx là thực tế vật chất và ngay những hiện tượng tinh thần cũng do vật chất qui định.

Theo Marx, Hữu thể con người trước hết là Hữu thể xã hội (gesellschaftliches Sein), Hành thể xã hội (gesellschaftliche Praxis). Con người cá nhân với cá tính độc đáo bị phủ nhận, phải tan biến vào xã hội, do đó con người bị tước mất chiều kích tâm linh là chiều kích giúp con người đạt thân. Mặt khác, biện chứng pháp duy vật cũng chẳng có tổng hợp thấu hóa sáng tạo gì cả, mà chỉ chú trọng đến *Hủy thể* (Negation), cho nên không có Minh triết. Nếu phân tách lý thuyết đấu tranh giai cấp thì sẽ thấy rõ.

Trên đây là vài nét tiêu biểu của con đường tư tưởng phương Tây có ảnh hưởng đến văn hóa nhân loại nói chung và đối với văn hóa Việt Nam hiện nay. Trên con đường đó, Nietzsche là người đầu tiên đã

nhận định qua tác phẩm “*Sự khai sinh ra bi kịch*” (Die Geburt der Tragödie) rằng Sokrates đã tiêu diệt ý thức huyền thoại bằng con đường lý trí.

Thực ra Sokrates là người đã đi tiên phong và có công sáng tạo ra phương pháp suy tư mới để giúp đưa con người vượt thoát giai đoạn bái vật, nhưng vì sự đã phá thần thoại quá triệt để nên ý thức mới bị úr trệ nơi ý hệ, khó vươn cao hơn đến giai đoạn tâm linh, là cơ năng có khả năng khai mở Tính thể con người, giúp con người Tiêu ngã thăng hoa thành con người Đại ngã có chiều kích vũ trụ vô biên.

Theo như sách “*Đâu là căn nguyên tư tưởng? hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger*” của Lê Tôn Nghiêm thì Heidegger (1889- 1976) dựa trên tinh thần cuộc cách mạng kiểu Copernic của Kant đã khám phá ra những tương quan *tiên nghiệm* (transzendental) giữa chủ tri theo nghĩa *Tại thể* (Dasein) với *Tính thể* (Sein), khác hẳn với Siêu hình học cổ điển chủ trương nhìn *Hữu thể* của vạn vật bằng *biểu tượng* thành ra *vật thể*, nghĩa là Hữu thể đã xuất hiện với lý trí con người theo tính cách thường hằng như một Hữu thể thuộc lý trí. Với trí tưởng tượng tiên nghiệm, con người không còn được xem là chủ thể như bản thể suy tư hay ngã tiên nghiệm nữa, mà là *Tại thể*, một Hữu thể xuất hiện ra với Hữu thể của vạn vật trong tư thế khai mở chứ không bị đóng kín trong thể cô lập. Như vậy, tư thể hiện hữu của *Tại thể* phải là một tác động như một quá trình, và chính quá trình tác động ấy được khai mở trong sự *hiện diện* của chính nó, chứ không như lối tư tưởng biểu tượng.

Bên cạnh ý niệm *Tại thể*, Heidegger còn có ý niệm *Xuất tính thể* (Transzendenz) độc đáo được khai triển từ ý niệm tiên nghiệm (Transzendental) của Kant. Như vậy *Xuất tính thể* là gì?

“*Thực ra kỳ cùng, Xuất tính thể chỉ là tư thế xuất thể của Tại thể một cách tự do để do đó Tính thể của vật thể mới xuất hiện y như là.*” (Đâu là căn nguyên tư tưởng- Lê Tôn Nghiêm, tr. 214)

Xuất tính thể là hiện tượng luận về chủ tri, nó đem lại khả tính cho tương quan giữa chủ tri và đối tượng.” *Như thế sự tương nhập giữa hai bên không còn được gọi là tri thức hay chân lý xét*

như sự trùng hợp giữa trí khôn và sự vật hay ngược lại nữa, mà phải gọi là Xuất tính thể hay tri thức Tính thể căn nguyên cho mọi Hữu thể học, do đó cũng là căn nguyên Siêu hình học tổng quát” (L.T.N, tr. 314)

Heidegger nhấn mạnh chữ “*căn nguyên tính*” (Ursprünglichkeit) trong việc tìm về căn nguyên cho Siêu hình học, vì đây là công việc lặn lội về tận cội nguồn, nơi phát sinh ra mọi quan năng tri thức của con người. Tìm về căn nguyên không phải chỉ tiếp tục khai triển trí tưởng tượng tiên nghiệm do Kant bỏ dang dở, mà còn có ý nghĩa tối hậu là khai quang ra thời gian trong trí tưởng tượng tiên nghiệm và đặt thời gian là căn nguyên cho trí tưởng tượng tiên nghiệm nữa. Heidegger quan niệm, thời tính (Zeitlichkeit) nằm ngay giữa lòng của chủ tri *Tại Thể*, nó chính là sự *hiện diện* và là tác động nên ý nghĩa Hữu thể của vạn vật.

Đến đây, có thể nói rằng đường như đã lộ dạng một thông lộ khả dĩ nối liền tư tưởng Tây với Đông phương, cùng hướng đến quê hương Minh triết, chứ còn theo như truyền thống triết học Tây phương từ trước thì Hữu thể học được hiểu là môn học nghiên cứu về Hữu thể sự vật xét như một hiện diện thường hằng, do đó Hữu thể trở thành vật thể cho tư tưởng biểu tượng. Hậu quả là con người chạy theo sự vật đối tượng bên ngoài (trục vật) mà quên lý tính nằm ngay trong chính nội tâm của mình là một *Tại thể*, chỗ phát nguyên mọi ý nghĩa Hữu thể. Mặt khác, Nhị nguyên thuyết với nguyên lý đồng nhất đã phân đôi và đối lập giữa vật giới và lý giới, giữa thể xác và linh hồn, giữa hữu và vô... Nói chung thì triết học duy lý Tây phương *chấp hữu*, phủ nhận *vô*, mà ngay từ Parmenides (ca.540- 470 tr.CN) đã có câu nói để xác định sự chọn lựa dứt khoát như sau: “*Người ta phải luôn luôn suy nghĩ và nói rằng chỉ có các vật thể có, đó là Hữu thể; còn Vô thể thì trái lại không có.*” (Man muß immer denken und sagen, daß nur Seiendes ist, es ist nämlich Sein; ein Nichts dagegen ist nicht./ Geschichte der Philosophie của J.Hirschberger tr. 31).

(còn tiếp)

NGUYỄN VĂN NGHIỆM
(Germany)

I HAVE A DREAM — TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

Lê Thị Công Nhân

Hà Nội, June 12th 2010

Riêng tặng Cha Vũ Khởi Phụng và giáo xứ Thái Hà, Hà nội – Việt Nam

<p>I have a dream ! Tôi có một giấc mơ, đến một ngày trên thế gian sẽ không còn cộng sản.</p> <p>Khi ấy, người nông dân quê tôi sẽ không còn lam lũ ngoài đồng nắng chang chang ướt đầm áo giọt mồ hôi bão tố gió mưa đơn côi trên đồng quạnh vắng cho lúa được vàng bông trữ hạt ! Nhưng, phải công nạp nuôi chính quyền độc tài cộng sản hơn (một) nửa mất rồi, Còn đâu !</p> <p>Khi ấy, người trí thức nước tôi sẽ tự nhiên cất lên lời chân thật Vì chiếc còng số 8 và điều luật số 88 đã bị đánh bật ra khỏi tư tưởng cùng với nó là điều luật số 79, 87, và 258 ... quái dị đến thiên tài ! là đặc sản của nước chúng tôi và những nước anh em xã hội chủ nghĩa khác Hỡi ôi ! Anh em ư ? Liên minh ma quỷ thì đúng hơn !</p>	<p>To Father Vu Khoi Phung and Thai Ha Parish, Hanoi, Vietnam</p> <p><i>I have a dream!</i> I dream of a day when there is no longer Communism in this world.</p> <p>Come that day, the Viet farmer will no longer have to labor inten- sively in the sun-burnt fields his shirt soaked with sweat under the wind and storms a lonely figure on a deserted field so as to bring out golden ears filled with grains! Still he had to pay in tribute to the tyrannic communist regime over half of his product, what's left for him?</p> <p>Come that day, the Viet intellectual will freely speak his truthful words For the number 8 handcuffs and Article 88 will have been knocked out of people's mind together with Articles 79, 87, and 258... those weird articles—to the point of genius! that only my country can produce besides the other socialist countries Alas! Brotherly countries they are called! It's more like a mafia-like alliance</p>
--	---

<p>sánh bước cùng nhau chiếm đoạt âm ti cho riêng mình, mãi mãi !</p> <p>Khi ấy, văn nhân và nghệ sỹ nước tôi sẽ tuôn tràn cảm xúc nghĩ suy mà không phải tụt nó xuống (người ta vẫn thường hay nói “Tụt cả cảm xúc !”) dấu nó đi, treo nó lên, túm nó lại, hoặc đơn giản hơn là lờ nó đi. Coi như mình chẳng có cảm xúc nghĩ suy gì chân thật cả ! và khi ấy, nền thi ca nghệ thuật ở xứ sở tôi sẽ trỗi dậy đầu phải làm lại từ đầu. Nhưng một bước chân thôi trên con đường chân thật (nếu bạn cả gan dám bước vào) cũng đã ngất ngậy rồi ! Thật đấy ! Thử mà coi !</p> <p>Khi cộng sản không còn bóng dáng trên quê hương tôi thì người luật sư sẽ thật sự là trái tim của nền dân chủ ! Hùng biện, diễn thuyết tranh luận, bào chữa mà không sợ bị tổng vào tù chỉ vì không chịu xuẩn ngu ca ngợi băng đảng cộng sản quang vinh muôn năm ? ? ? và một cái xác ướp điêu toe (làm bằng composite)</p>	<p>that together marched forward to take over Hell for their own purposes and forever!</p> <p>Come that day, the Viet men of letters and artists will let their emotions overflow without having to flush them out (as the expression went, “Flushed down my emotions” hide them, hang them, tie them in a bunch, or simply just to ignore them, as if there is no true emotion or no thought! Come that day, the literature and arts of my country will spring up even if from the very start. But one step is enough friend, if you are daring enough, one step on the road of truth is enough to inebriate us! It’s true! Why don’t you try it?</p> <p>When no shadow of a communist is left in my homeland then an attorney will truly be the heart of Democracy! Eloquent, giving speeches arguing and pleading without fear of being thrown in jail simply for refusing to—dumbly— sing the immortal praises to the glorious communist mafia! and praise a fictitious mummy (made</p>
---	---

là vĩ đại,
là chân lý duy nhất
của trần gian.

Khi ấy,
sẽ không còn những gian nan
của người công nhân lao động làm than
với đồng lương rẻ mặt
như không thể nào rẻ hơn được nữa !

Và sẽ không còn những khổ nạn
mà giới tu sĩ chân chính phải gánh chịu
vì thường xuyên mắc phải
cái tật
trót đại ? ! ? !
cứ đòi tự do tôn giáo và tín ngưỡng
lại còn tơ tưởng ! ? ! ?
đòi thêm
những tài sản bị chiếm đoạt bất công
để thờ phụng
Đức Chúa trời, là Ông Trời, là Thượng đế
là Đấng Tạo hóa
của chúng ta
và hồi ôi,
cũng là của người cộng sản nữa !
Vì Người là đấng ban sự sống
của muôn loài !

Vậy thì, những người cộng sản hồi,
nếu các người vẫn còn sống
thì chắc chắn điều đó
phải có ý nghĩa rồi ! (Tôi vẫn biết thế mà.)
Đó là
để cho những người có lương tri
và chút quả cảm còn sót lại,
chút tự trọng còn roi rớt lại,
chút danh dự
bỗng dưng được tìm thấy
sau một thời gian bị thất lạc (khá lâu!)
“lên án mạnh mẽ”
và
“kịch liệt phản đối”
chế độ độc tài cộng sản
tàn ác dã man,
thâm độc mọi rợ,

up of composite parts) as a great man
the only Truth
of mankind.

Come that day,
the multifarious troubles
of the much suffering Viet workers
will be gone, who are paid a pittance
that cannot be any cheaper!

Gone also are the miseries
of the truly religious leaders who
have long caught the dumb,
bad habit,
one that is perennial with them,
of asking for freedom of religion
or even dared think of it!
They even went so far
as to ask for the return of illegally
church property so they can worship God,
Mr. Heaven,
the Supreme Deity
The Creator himself
of all of us
and, yes,
of even the communists!
For He is the Giver of Life to all creatures!

Listen then, o you communists,
if you are still alive
then surely this must mean something! (This I
have always known.)
That must be
so that if you have a remnant of conscience
and courage,
only a remnant of self-respect,
of honor
that suddenly may be found after you have lost
them (for quite a while),
it's for you “to strongly condemn”
and
“vigorously protest”
the tyrannic and barbarous,
the vicious and savage,
communist regime,

<p>ngu dốt vượt trội, xa xỉ bậc nhất, hoang tưởng cực độ, NÓI DỐI THÀNH THẦN ! ..v...v...và...v...v !</p> <p>Khi ấy, mọi người sẽ lại tìm thấy Ý nghĩa của cuộc đời mình là Phải sống cho nhau và biết hy sinh vì đồng loại, là người anh em của mình do Đấng Tạo hóa hàng ban, Yêu thương !</p> <p>Tôi có một giấc mơ chưa chắc đã thành sự thật trong đời mình, và tôi dám nói ra /tiết lộ /chia sẻ /tâm sự kêu gào thảm thiết một cách mạnh mẽ và công khai cho mọi người cùng biết rằng: Tôi không câm, Có tai không điếc, Có mắt chẳng mù, và một trái tim (chẳng may) vẫn còn rung cảm một lương tâm không bị sún vì chưa gãy hết răng (nó cắn rứt tôi mỗi ngày ! Có Chúa chứng giám cho tôi điều ấy!) cái đầu vẫn còn biết suy nghĩ và mơ mộng về những điều cao siêu, nhưng thật ra thì đơn giản, là Tính trung thực và Lòng dũng cảm nền tảng đạo đức của con người !</p> <p>Nhưng, Ai ? Sẽ tái lập và gìn giữ</p>	<p>that surpasses everyone in ignorance, that is wasteful beyond compare and utopian in the extreme, CONGENITAL LIARS ALL! Etc. etc.!</p> <p>Come that day, everyone will re-find the meaning of one's life which is One must live for one another sacrificing for one's companions, brothers and sisters all, a gift from the Creator, the God of Love!</p> <p>I have a dream that might not become reality in my life but I still dare say it/reveal it/share it/ confess it yelling to high heaven with might and openly so that everyone can know that: I am NOT dumb, I have ears so I'm NOT deaf, I have eyes so I'm NOT blind, and a heart (that unfortunately) still knows how to feel a conscience that is still whole not having lost all its teeth (as it gnaws at me every day! God is my witness in this!), a head that still knows how to think and dream about noble things, noble but really simple such as Truthfulness and Courage the fundamentals of morality of mankind!</p> <p>But Who Will restore</p>
---	---

<p>Điều này ?</p> <p>“Tôi, (oắt con tép riu Lê thị Công Nhân) Xin góp Một bàn tay.”</p> <p>Vậy, Phần còn lại Sẽ chờ Ai đây ?</p> <p>“Tôi, (oắt con tép riu Lê thị Công Nhân) Xin góp Một bàn tay.”</p> <p>Vậy, Phần còn lại Sẽ chờ Ai đây ?</p> 	<p>This?</p> <p>“Me (the Lilliputian* Le Thi Cong Nhan) “I will lend “A hand.”</p> <p>As for The rest Who will Do his part?</p> <p>“Me (the Lilliputian Le Thi Cong Nhan) “I will lend “A hand!”</p> <p>As for The rest Who will It be?</p> <p>Translated by NGUYỄN NGỌC BÍCH July 2010</p> <ul style="list-style-type: none"> • Each time the public security police wanted to belittle me, they would call me “the Lilliputian, the brat, the sassy little one... daring to do a titanic feat.” I do not hold it against them since upon reflection I was in fact still young at the time (27, in a miniature frame, in 2006).
--	--

(Công an mỗi khi sỉ vả tôi thì thường gọi tôi là “Đồ oắt con, con nhãi ranh, đồ nhãi nhép, mấy cái tuổi ranh ..v...v...mà phạm tội tày đình”. Tôi quyết định là sẽ không coi cách công an gọi tôi như vậy là một tội lỗi của cá nhân họ với riêng tôi, vì xét thấy: mình cũng trẻ thật (hồi ấy, 2006, mới 27 tuổi), thôi thì cứ coi mình là oắt con tép riu cho nó vui ! ? ! ?)

Người nào đó giỏi về ngoại ngữ xin vui lòng dịch ra tiếng các nước vẫn còn nằm dưới sự cai trị của độc tài cộng sản, và chuyển đến họ như là một sự chia sẻ nhỏ bé của những người cùng khổ đồng cảnh ngộ. Xin hàm ơn rất nhiều !

Lê Thị Công Nhân

NỖ NIỀM THÔNG CẢM VÀ TIẾNG VỖ TAY CHO NHÂN VẬT MIMI CỦA DƯƠNG NHƯ NGUYỄN (Uyen Nicole Duong)

DƯƠNG NHƯ NGUYỄN

Trích từ “Buru Thiếp Của Nam”

Đây là bản dịch Lời Nói Thêm (Postscript) đăng phần cuối của cuốn tiểu thuyết. Lời Nói Thêm này tiêu biểu cho thể nhận định văn chương.

Original written in English By G.B. A. Nash

Tóm tắt tiểu thuyết ngắn “Buru Thiếp Của Nam” của DNN:

Mỹ Châu, tên Mỹ là Mimi, một nữ luật sư trẻ ở Hoa Thịnh Đốn, trong nhiều năm, nhận được buru thiếp vẽ nguệch ngoạc bằng tay từ một người bí mật. Nàng bắt đầu đi tìm tác giả của những tấm buru thiếp đó. Cuộc hành trình đi tìm tác giả những buru thiếp này đem Mỹ Châu về với quá khứ tuổi thơ ở Việt Nam. Điều gì đã làm con người bí mật nào đó gửi những tấm buru thiếp cho Mỹ Châu mà không hề mong được nàng trả lời? Người đó là ai? Họ có biết nhau không, trong quá khứ, dù hiện tại họ không hề gặp nhau, và có thể sẽ không bao giờ gặp nhau trong tương lai?

Lời giới thiệu: BTCN là một tiểu thuyết rất ngắn. Trong đó có rất nhiều ẩn dụ và biểu tượng. Tất cả những ẩn dụ và biểu tượng tính văn chương này được đọc giả G.B.A. Nash nhìn thấy trong tác phẩm.

I. Con đường của một người viết tiểu thuyết và gánh nặng văn hóa:

Tôi biết Mimi từ lúc tác giả vẫn còn vật lộn với bản thảo quá dài. Mimi được ra đời trên con đường viết văn rất cổ điển theo triết lý viết của Nhà Văn-Nhà Giáo lão luyện Robert Olen Butler. Mimi không cần cấu trúc. Nàng ra đời khi tác giả đã vào vô thức. Thời buổi này, không ai viết văn như Tolstoy cả. Chiến Tranh và Hòa Bình thời đại này sẽ không ăn khách. Cũng không ai đọc nổi. Đừng nói chi đến việc đọc giả trong thế kỷ mới này được đo lường bởi máy computer và khả năng “click.”



Vậy mà Mimi đã ra đời. Buru Thiếp Của Nam đúng nghĩa là một “tiểu thuyết ngắn” dưới 100 trang đánh máy. Cuốn sách kể lại nguyên kinh nghiệm Việt Nam: từ đời sống trong ngõ hẻm của Saigon thời thập niên 1960s, cho đến cá tính đặc biệt và tương phản của một đứa bé trai và một đứa bé gái thời đó, mãi cho đến cuộc đổi đời 1975, cuộc vượt biên kinh hoàng, thảm trạng của Thuyền Nhân Việt, sang đến đời sống văn minh của một nữ luật sư ở thủ đô Hoa Kỳ, hành trang của cô trở về xứ mẹ, có tất cả những xung đột của đời sống di dân người đứng ngoài không ai biết: tất cả những phức tạp của con người trong suốt một thế kỷ.

Câu hỏi đầu tiên tôi đặt ra là tại sao tiểu thuyết bắt đầu bằng những chi tiết tỉ mỉ về nơi Mimi sống. Tòa nhà mang tên Parc Royale? Có đáng đáng, quan trọng gì đến cốt truyện? Khi viết tiểu thuyết, người viết có thể làm ba việc: kể lại,

mô tả hoặc diễn giải. Cuốn tiểu thuyết này vận dụng cả ba thể loại - Tường thuật, Mô tả, và Diễn đạt. Ông thầy viết văn Butler sẽ bảo chúng ta rằng trong nghệ thuật tiểu thuyết, đừng bao giờ thuật hay kể, mà chỉ nên mô tả. “Cho độc giả thấy, đừng bắt độc giả nghe giảng giải ” là phương châm của tiểu thuyết gia.

Barthes and Foucault, hai nhà nghị luận hiện đại mà không ai hiểu nổi, đã nói với chúng ta điều này (chúng ta nghĩ phiên phiên là họ nói như vậy, vì người bình thường ai mà hiểu được thực sự hai anh chàng rất “siêu” này nói cái gì???): Theo Barthes và Foucault, công việc tự diễn giải là điều cấm kỵ mà tiểu thuyết gia không bao giờ nên làm. Vì khi tác phẩm ra đời, tác giả phải chết đi, để độc giả được sinh trưởng (Death of the Author).

Vậy mà, ở đây, để có được một tác phẩm ngắn hơn 100 trang, nhân vật Mimi bị tác giả cho làm việc diễn giải. Một truyện nhỏ trong một truyện lớn hơn, lồng trong một truyện đáng lý ra là tràng giang đại hải - câu chuyện rất dài của người di dân Việt Nam. Tất cả gom lại trong một tiểu thuyết rất ngắn, dưới 100 trang đánh máy.

Tòa nhà Parc Royale quan trọng cho nhân vật Mimi vì trên con đường đi tìm “Nam,” Ở đây, nghệ thuật mô tả đã được tác giả dùng triệt để. Tòa nhà Parc Royale là cái “thăm” nơi độc giả đã tìm thấy Mimi. Đó là một tòa nhà giả tạo, công trình của một kiến trúc sư, một hình thức ảo vọng. Tòa nhà bắt chước kiến trúc vùng biển Nam nước Pháp, miền ôn đới. Nhưng thật ra tòa nhà nằm trong thành phố oi bức Houston xứ cao bồi Texas của khí hậu sa mạc. Chúng ta biết ngay ở đầu tiểu thuyết rằng thế giới của Mimi giả tạo như thế đó. Tất cả chỉ là thủ thuật bắt chước được tạo dựng bởi kiến trúc sư, trừ khoảng thời thơ ấu rất Việt Nam của Mimi. Không có gì giả tạo ở trong đó.

Những tấm “Buru Thiếp” trở thành cái gạch nối giữa những khoảng đời đã vỡ, đã bị ngăn ra, để vào các học tủ, đầu dưới từng lớp chân đạp (như Mimi đã cho chúng ta biết). Những mảnh đời có tính tách rời như thế làm sao có thực, cũng

chẳng khác nào sự giả tạo của Parc Royale? Các tấm “Buru Thiếp” trở thành thực tại độc nhất, nếu thực tại có nghĩa là các mảnh đời đó có thể nối liền được với nhau. Nhu cầu quay lại với thực tại và nối lại những mảnh đời – đây là thực tại độc nhất nằm bên cạnh cái giả tạo của Parc Royale -- tất cả trở thành nền cho ta mừng rỡ trông thấy trước con đường đi tìm Nam của Mimi.

Hình ảnh được mô tả tỉ mỉ (gần như nhàm chán) của Parc Royale có thể làm độc giả VN nhớ đến Võ Phiến. Tác giả cho tôi biết như vậy khi bà đặt dấu chấm cuối cùng vào bản thảo. Năm 1999. Tác giả có cố tình bắt chước Võ Phiến không? (Về sau, tác giả thay đổi hẳn, không mô tả tỉ mỉ nữa, mà chỉ “thuật lại” con đường trốn thoát của Nam, tóm tắt như một ký giả). Nhà Văn Võ Phiến của VN (một người mà tôi không hề biết) chỉ hiện ra khi tác giả và tôi ngồi nói chuyện. Lúc đó tác giả không còn là người viết văn, mà là độc giả cũng như tôi. Bà đã tìm thấy Võ Phiến khi đọc lại chương đầu của cái gì bà đã viết.

Tôi đoán là chưa chắc tác giả đã thần tượng gì nhà văn Võ Phiến nào đó của văn chương tiếng Việt, mà bà cũng chẳng viết tiếng Anh với Võ Phiến trong đầu, vì viết tiểu thuyết đối với bà quả đúng là một hành trình vô thức. Thứ tự kể chuyện tự nhiên mà thành vậy, với Parc Royale được mô tả tỉ mỉ trong chương đầu. Độc giả như tôi có nhiệm vụ suy nghĩ xem tại sao. Là độc giả, tôi phải dùng chặt sáng tạo trong tư tưởng để gây nên chu trình diễn giải văn chương của chính mình.

Thời tôi thì đường lối viết văn bằng vô thức của Uyen Nicole Duong khiến bà trở thành học trò bất đắc dĩ của Nhà Văn Bob Butler, cho dù bà không học lớp của Bob. Vậy mà, trong chương 7, Uyen (DNN) đã phải cố gắng diễn giải tính phức tạp của nhân vật “Bác Diên,” thế giới của ông ta, những động cơ của việc ông ta làm. Đây là một chu trình diễn giải và phân xét mà tác giả Uyen gọi là “Câu Chuyện Rashomon của Việt Nam.” [Rashomon là câu truyện của Nhật Bản về cái chết của một người. Ai là thủ phạm, tất cả các nhân chứng, ngay cả hồn ma của nạn nhân, đều

chỉ nói tốt cho mình. Những lời khai trương phản. Không ai biết sự thật như thế nào...]

Điều làm cho tôi thú vị là tác giả đi vào thế giới của “Bác Diên” hoàn toàn bằng lời đối thoại của hai nhân vật. Tác giả vắng bóng hoàn toàn. Để cho hai nhân vật tự mô tả bằng lời nói chuyện với nhau. Vậy thì tại sao tác giả còn phải cố tình diễn giải bằng cách cho chúng ta biết bà đã so sánh thế giới của người di dân thế hệ thứ nhất với câu truyện Rashomon? Trong tiểu thuyết, con chim uyên tưởng tượng của Mimi đã hát bài “Rashomon, Rashomon, Rashomon” ngoài cửa sổ nhà Bác Diên? Tại sao?

Khi tôi phân tích những phương trình viết tiểu thuyết này (mà các nhà giáo dạy văn chương sáng tạo luôn nói tới), trong trường hợp cuốn tiểu thuyết rất ngắn của DNN/UND, tôi linh cảm được gánh nặng văn hóa của người viết văn gốc Việt phải sống giữa hai thế giới khác nhau. Trong tất cả các tiểu thuyết gia gốc Việt, viết bằng Anh Ngữ, chỉ có Uyên đã vẫn còn lưu luyến thế giới cũ. Vì sao thế? Tôi hỏi bà. “Đó là vì tôi đã yêu thương và kính trọng bố mẹ của mình,” bà nói.

Làm sao sống được giữa hai thế giới trái ngược với nhau như vậy? Cách độc nhất là bà phải nhúng tay vào chàm – vết chàm tối kỵ của nghệ thuật tiểu thuyết: không nên lý luận, giảng giải, mà chỉ nên mô tả. Cho độc giả thấy bằng mắt, nghe bằng tai, cảm nhận bằng tay, bằng da, không cần thiết phải diễn giải. Vậy mà ngay chính giữa cuốn tiểu thuyết ngắn, DNN/UND cực chẳng đã, phải cố tình diễn giải bằng cách cho con chim Uyên ngoài cửa nhà “Bác Diên” hát lên vở kịch “Rashomon” của Việt Nam (chương sáu được tác giả đặt tên là “Rashomon—vấn đề danh dự” – a question of honor), dù rằng bà viết theo phương trình vô thức (không viết nhập; không mô hình trước, bà giải thích với tôi như vậy).

II. Hành trình của một họa sĩ:

Nhân vật Nam là biểu tượng của nghệ thuật mà Uyên đã tạo nên. Nghệ thuật ấy được biểu tượng thêm bằng tình yêu không trọn vẹn giữa hai đứa trẻ con rất ngây thơ, trong ngõ hẻm rất xa xăm của Việt Nam ngày trước. Chủ đề tình yêu

con nít đã được viết đến rất nhiều. Cái gì khác biệt ở đây? Chính là cái “tắm tắm” trung thực cho tình yêu ấy ngự trị lên trên: con ngõ hẻm đông đúc của xã hội Việt nam hiền lành, khác hẳn với thế giới xa hoa mà giả tạo của Parc Royale. Con hẻm chân thực nhất của tất cả những gì chân thực trong thế giới này, đã được Uyên mô tả lại bằng ngòi bút rất nhạy cảm của bà.

Ở đây, tác giả – người đã tạo dựng ra Mimi – dùng nghệ thuật ẩn tượng và không còn mô tả tỉ mỉ nữa để cho chúng ta thấy con hẻm thần tiên của tuổi thơ. Nước mưa nhiệt đới chảy dài lên lan da ngây thơ của tuổi nhỏ tắm mưa trong hẻm nghèo chẳng khác gì vãi bánh bông lan trên đầu lưỡi của Proust. Trong con hẻm đó, có những người đàn bà ngồi chồm hòm, nước mưa trên mặt nhựa nóng hổi, có đứa trẻ con cứng đầu vùng chạy, có bà ngoại già vẫn còn trường giả, có ông giáo nho nhã thư sinh lại đi làm thợ hồ, có người vợ trẻ đau lên đau xuống, có những người đàn bà mang bầu lê la, có mùi hương oi bức của đất, có ngôi mộ bỏ hoang của người khách trú, và có niềm sợ hãi bất an của Mimi. Trong nỗi lo sợ ấy, Mimi đã tìm thấy sự yên ả che chở của mái nhà. Tất cả cũng nhờ ngọn gió tình yêu của Nam.

Rất khó cho tôi phân loại Nam là nhân vật chính hay nhân vật đối tác của nhân vật chính, trong ngôn ngữ của nhà phê bình văn học – protagonist; antagonist. Tưởng cũng nên nêu ra rằng dù là nhân vật gì chẳng nữa, Nam chẳng nói gì nhiều cho chúng ta nghe trực tiếp. Nam chỉ viết vài câu, nói vài câu, và vẽ khá nhiều. Thậm trạng xảy ra cho anh và thế giới tâm linh của anh được mô tả qua lời nói của những nhân vật khác, như Mimi và ngư ông KiKi. Điều này rất điển hình trong văn chương của DNN/UND: nghệ thuật, kỹ thuật, cũng như cấu trúc bằng tiềm thức. Lời nói quan trọng nhất chính là nhân vật không bao giờ nói trực tiếp với độc giả. Có thể Nam chỉ là “tấm ảnh trong gương” của các nhân vật khác mà thôi: cá nhân mà Ngư Ông muốn thấy, và Mimi muốn thấy.

Tuy vậy, cuốn tiểu thuyết ngắn này là truyện kể về Nam, họa sĩ. Là một họa sĩ, Nam có những ước muốn rất to lớn. Anh ta muốn vẽ và gửi bưu

thiếp toàn thế giới. Đây là tham vọng cuối cùng của hệ thức toàn cầu hóa. Ôi một tham vọng to tát biết bao, nói ra thì lại rất giản dị. Bru thiếp ở đây chính là căn cước và sở hữu của Nam, để cho Nam được bộc lộ chính mình là một họa sĩ không biên giới. Bru thiếp do đó đã trở thành tiếng nói của cả một dân tộc, của cả một văn hóa quảng bá ngoài biên giới.

Còn điều chi khác nữa? Nam là một đứa trẻ khôn ngoan, giỏi giang, rất thông minh. Hãy nhìn những gì cậu ta đã làm: kiếm tiền trong ngõ hẻm, tìm cách đi vào mua thức ăn xa xỉ phẩm của xã hội Saigon, gọi đó là bằng chứng của trái tim biết yêu. Ta có thể hỏi điều này có thực hay không? Không tin được nếu chỉ là một đứa bé trai tâm thường, nhưng Nam không phải là một cậu bé tâm thường. Đây là một cậu bé thiên tài, một thiên tài không biết mình là thiên tài, cho nên bị cô bạn gái làm phách rất coi thường (độc giả nên nhớ rằng, Nam có thể trở thành một đầu bếp nấu món ăn Pháp, một tay chơi cờ bạc có hạng sẽ đánh bại các bạn ở Las Vegas bất cứ lúc nào). Trong thời buổi tranh tối tranh sáng của một nước Việt Nam đang đổi chủ, anh ta đã di chuyển về miền cực nam của bán đảo, rồi làm thế nào để cứu đứa em trai khỏi bàn tay man rợ của một lũ quái vật...

Vâng, ngoạn mục như vậy đó, rút cục cậu Nam của chúng ta cũng không chết.

Cậu bé Nam đẹp hơn tất cả những cái đẹp tả được bằng ngòi bút, đến nỗi mà cậu ta đã trở thành “trân châu trên cát trắng” (chương 7 – Rare Pearl on White Sand) – sự sống tiềm tàng đã làm cho cậu ta thoát chết, trong mâu nhiệm của biển xanh. Nam đã biến thành nghệ thuật. Ở nghĩa này, tiểu thuyết đã trở thành một tác phẩm của siêu thực và của truyện kể huyền bí – surrealist drama; fantasia, rất điển hình cho thế giới sáng tác của DNN/UND, con người viết văn mà tôi đã quen biết. (Đọc Bồng Ma Hà Tây chẳng hạn, tiểu thuyết siêu thực và huyền bí cùng một tác giả). Độc giả không giải phẫu tác phẩm siêu thực để coi truyện kể có thực tế hay không. Độc giả phải nhìn tác phẩm với niềm tin tuyệt đối, tin vào Nam, và tin vào Mimi – những giá trị nhân bản mà hai nhân vật này mang đến cho chúng ta. Nam

chính là “kẻ anh hùng của thảm trạng” trong ngôn ngữ của thế giới tiểu thuyết – tragic hero.

Đứa bé trai bé bỏng đã can đảm tuyên bố một câu hứa hẹn. To tát như chính tham vọng của cậu. Câu hứa đó là cậu sẽ bảo vệ Mimi suốt đời. Để trở thành người gác cửa cho kho tàng văn hóa của Mimi: cậu hứa sẽ trông coi bà ngoại trưởng giả, bà ngoại đã bị bỏ rơi và gạt phăng ra khỏi xã hội chủ nghĩa trong cuộc thay đổi chính trị ở Việt Nam. Nói một cách ví von, Nam đã làm câu hứa của Từ Hải, người hùng văn chương của Việt Nam (Đây là điều mà tác giả tạo ra Mimi đã kể cho tôi nghe—câu chuyện của Từ Hải, khi tác giả không còn mặc áo nhà văn).

Ấy thế, nhưng Nam lại là một cá nhân nhỏ bé không may mắn, trước con người, trước Thượng Đế, trước quái vật, trên biển xanh mênh mông của năng nhân ngư Mimi, khi năng bơi ngược dòng để tìm người yêu lý tưởng. Nghệ thuật có tồn tại được không? Trong câu nói ngậm ngùi của Ngư-Ông-Và-Biển-Cả của Đông Nam Á, thưa vâng, vâng, nghệ thuật đã sống còn. Nam đã sống còn.

Nhưng rút lại, người họa sĩ của chúng ta lại dẫy chết và Ngư Ông cũng đã phải thành thật mà cho chúng ta biết điều đó. Trí nhớ và kỷ niệm đau thương có thể làm nghệ thuật chết dần mòn. Nam đã trở thành người chiến bại. Thảm trạng đã nuốt chửng lấy chàng, và chàng đã đầu hàng, xuôi tay để cho thảm trạng cứ tiếp tục nhắc lại, xảy ra, trên chính thân thể con người. Nam đã phải thăng hoa thảm trạng bằng cách sống vì gia đình và sống trong giấc mộng dang dở về người đẹp của lòng mình, Mimi, để được thoát thân ra ngoài thảm trạng.

Người sống còn thật sự chính là người con gái thần tượng của lòng Nam: Mimi của chúng ta. Nàng đã phải tạo dựng lại tất cả những tấm bu thiếp, con hèm cũ của Saigon xưa, trong một thế giới hỗn loạn không thể có được sự phân minh đen trắng và trong oan nghiệp của sự phân xét luân lý bởi những nhân vật của thế hệ di dân thứ nhất. Để trở về với nguồn cội, Mimi đã phải đi gặp những con người như Bác Diên và nhà báo Đạt, những bí mật họ giữ hoặc che đậy trong đầu,

tất cả được rỉ tai, truyền miệng, nói xấu và công kích. Trong căn bản là tiếp tục thảm trạng của thế giới hỗn loạn như nạn nhân Đức Quốc Xã hay bãi thây ma của Cam Bốt.

Chỉ có một cách độc nhất để đem lại chiến thắng và thành công cho cậu bé Nam, người anh hùng bi thảm của chúng ta: Đó là việc Nam đã cứu sống đứa em trai. Ở đây, Nam đã trở thành Sisyphus, người lăn trái núi của ý thức hệ Tây Phương. Nam là Sisyphus cho Thuyền Nhân Việt. Anh ta đã tạo dựng lại thảm trạng không bao giờ chấm dứt cho chính mình, với đời sống ở châu Á, vì sao? Lời giải thích độc nhất của một nghệ sĩ tự đẩy dọa chính mình là ở chỗ cậu ta đã cứu đứa em. Tiếp là bằng chứng thành công của Nam. Tiếp cũng đã phải quên để sống. Nam trở thành liều thuốc quen cho Tiếp. Cũng như Mimi, Tiếp đã trở thành một di dân ổn định vì cậu đã biết quên. Đây là chiến công lớn nhất và khó khăn nhất của Nam. Chiến công đó đã trở thành hình phạt mà cậu đã tự làm cho chính cậu. Ôi, thương thay con người Sisyphus của Thuyền Nhân Việt Nam.

III. Tình yêu và bi kịch:

Nhà phê bình Tây Phương có thể sẽ nói rằng tiểu thuyết ngắn này là một bi kịch kiểu Hy Lạp – Greek Tragedy. Vậy mà, tác phẩm cũng chính là truyện kể của tình yêu lãng mạn. Tình yêu lãng mạn là cứu cánh trong môi trường hỗn loạn. Cái vườn địa đàng của tình yêu là con hẻm đồng đúc bình dân của xã hội Saigon trước ‘cộng sản giải phóng.’ Hai đứa trẻ. Một tình thân. Rồi sau đó thảm trạng phủ lên đầu để chia ly hai trẻ, cho đến khi ở Parc Royale giả tạo, cô gái nhỏ muốn quay về. Tình yêu, từ trong căn bản, theo lời phán quyết của các vị thần Hy Lạp, đã được tạo sẵn rồi, tự nó đã ích kỷ và sở hữu hóa. Nam có thể xa Tiếp, cái chiến công to tát nhất của Nam, để Tiếp có thể quên, nhưng với Mimi thì không. Bắt buộc Nam phải lấy lại cho được những kỷ niệm với Mimi, cho chính mình, trước khi chàng bước xuôi. Lời kêu gọi của tôn giáo, ở tuổi trung niên, đối với người nghệ sĩ như Nam, chính là khai tử, vì mặc dầu cậu sẽ không còn là Sisyphus lăn trái

núi, bắt đầu nơi yên bình chính là quyết định xa vắng sự nổi lửa của tình yêu.

Sau đó chúng ta, độc giả, hiểu rằng sẽ không còn buu thiếp nữa. Mimi sẽ phải tạo dựng lại đời sống của mình sau khi biết bí mật của Nam. Sự ra đời của một tiểu thuyết gia kể chuyện cuộc đời của họ, tình yêu của họ, kinh nghiệm di dân của họ, là sự nổi lửa để Mimi được sinh trưởng, nhưng đồng thời cũng là cái chết yên bình của Nam. Thả cho chim uyên bay đi tức là tạo con đường sáng tạo. Vậy mà, ở đó, chúng ta nghe thấy thoang thoang có tiếng nói của chính tác giả qua nhân vật Mimmi về “Thuyết Có-Không” của Phật Giáo.

Như thế, tác giả tạo dựng ra Mimi nói với tôi: khi bà tạm bằng lòng cho dịch tựa truyện là “Buu Thiếp CỦA Nam,” bà miễn cưỡng mà chấp nhận rằng tựa truyện nói lên sở hữu chủ: những tấm buu thiếp là CỦA Nam. Nam đã tạo ra chúng. Nam đã dùng chúng làm căn cước. Bây giờ thì không còn là tiếng nói trừu tượng của một tập thể. Hay một nơi chốn. Mà chính là tiếng nói CỦA Nam. Nam muốn chiếm lại kỷ niệm thời thơ ấu. Chàng đòi hỏi quyền được Yêu – Claim to Love. Bài Ca cho quyền Sống – Hymn to Life. Ở nghĩa này, Nam làm sao chết được? Nam sẽ không bao giờ chết. Nam đã trở thành sức sống của Mimi.

Trước khi tuyên dương quyền được sống và được sở hữu (dùng những buu thiếp), thì Nam là một cá nhân hoàn toàn vị tha. Tình yêu cho đi không điều kiện. Cậu bé đã cho Mimi từ thức ăn, tuyệt hảo, cho đến sự tôn thờ thần tượng khi cô bé trình diễn đàn piano. Sự săn sóc nàng không bao giờ hết, và lòng tôn sùng thì vô điều kiện. Cậu bé để cho cô bé được tự do. Cô nàng chẳng bao giờ bị làm phiền cả. Rút cục chỉ là một cậu bé thôi, ở chỗ đứng khiêm nhường, ở con hẻm không màu mè sang trọng gì cả. Để cho Mimi được bay cao trong những tham vọng con nít về tương lai đầy hứa hẹn – cô bé sẽ trở thành một thiếu nữ quốc tế!

Có lý tưởng quá không? Dĩ nhiên là rất lý tưởng. Có thực tế không? Có tin được không? Dĩ nhiên là rất tin được. Trong tuổi thơ hồn nhiên, tất cả lý tưởng đều có thể thực hiện được. “Đó là

Đà Lạt của một ai đó. Huế của tôi. Saigon của chúng tôi. Thiên đàng đã mất của Proust.” Tác giả tạo dựng ra Mimi giải thích với tôi như vậy.

IV. Điểm tới hậu của cuộc hành trình: Sự Thật

Mimi là biểu tượng của việc chúng ta đi tìm sự thật. Là một cá nhân rất lý trí, nàng đã lý trí hóa con đường đi tìm Nam, dẹp tất đi con người lý tưởng trong chính nàng. Tất cả những tấm bưu thiếp đó trở thành cái cầu cho nàng đi đến sự thật. Nhưng, trong công tác đi tìm sự thật, nàng lại đi theo tiếng gọi của tình yêu – cái gì thiếu thốn trong đời sống Bắc Mỹ, che đậy bởi sự quên lãng về tuổi thơ và sự sụp đổ của Saigon. Bị kích của chính nàng chưa được kể cho chúng ta nghe trong tiểu thuyết ngắn này nhưng tác giả đã hé mở cho chúng ta thấy một chút: Cái gì đã làm nàng quên mất Nam là ai?

Nhân đây, cũng cần nói: trong phương trình xây dựng nhân vật Mimi, tác giả cho chúng ta thấy sự trưởng thành của cô bé gái được giới thiệu vào thế giới cơ cực của phụ nữ. Tại sao lại tả tỉ mỉ cảnh tượng nhà thương Từ Dũ – một sản đường của Saigon, ở đó Mimi đã mừng rỡ thấy thế nào là sinh đẻ và chết chóc (người mẹ xảy thai, đứa bé chưa ra đời, linh hồn của bào thai – tất cả là những vấn đề cấp bách tâm linh của xã hội Bắc Mỹ bây giờ???)

Chúng ta được cho thấy cái nhìn lý tưởng về tình yêu ngây thơ chính là cánh đem Mimi vào thế giới của “đời là bể khổ,” của những người đàn bà nghèo đói của xã hội Á Châu chậm tiến. Ở sản đường, trí tuệ của Mimi đã trở thành thế giới của đàn bà. Cô bé gái đã “đàn bà hóa.” Là những độc giả suy luận, chúng ta thấy cảnh sản đường có thể chỉ là phương tiện tả cảnh mà các tiểu thuyết gia Tây Phương gọi là “một miếng bánh của đời sống” -- slice of life. Thế nhưng, nếu chúng ta trở thành những độc giả “nhập cảm ngâm ngùi,” chúng ta sẽ thấy cô bé gái Mimi trong ngày hôm đó, ở sản đường, đã bị “đàn bà hóa” trong trí tuệ. Ngày thơ đã mất đi rồi.

Và tác giả lại cho chúng ta thấy ẩn tượng ngôi mộ bỏ hoang của người khách trú: đây là cảm nhận đầu tiên của Mimi về kiếp tha hương.

Linh hồn vất vưởng của kẻ tha hương, kiếp lữ hành sẽ tìm cách đi về quê cha đất tổ, sau khi đã chôn thân ở xứ người, trong một ngõ hẻm nào đó. Ngâm ngùi làm sao, chua xót làm sao, nỗi “đàn bà hóa” của cô bé gái, trong chỉ một ngày, và nỗi buồn “đi dóm” về ngôi mộ hồn ma khách trú, của buổi chiều chạng vạng tối, qua ngòi bút rất thực tế của tác giả, viết như một ký giả.

Có cần phải bi thảm hóa gì nữa không? Không, đó mới là nghệ thuật tiểu thuyết. Tác giả không cần phải nói lên cho chúng ta thấy, Mimi của Bắc Mỹ, người đàn bà đã trưởng thành, có nhận ra rằng, rồi mai đây, chính cô cũng sẽ như người khách trú kia, chết và chôn ở Bắc Mỹ, xa hẳn cái ngõ hẻm xa xăm của tuổi thơ. Đó là bổn phận của chúng ta, những độc giả xúc tích, ngâm ngùi. Chúng ta cần phải ngâm nghĩ về hành trình vô thức của người viết tiểu thuyết. Những ẩn dụ, tất cả cũng chỉ là hành trình của chu trình sáng tạo vô thức mà thôi. Chẳng hạn như ý nghĩa của ngôi mộ hoang, người khách trú chôn thân xứ người, nằm cô đơn trong con hẻm của thủ đô Saigon....

Những nét vẽ khi ẩn tượng, khi tỉ mỉ của tiểu thuyết này cho chúng ta thấy cái to tát của bản thảo lúc đầu, trước khi tiểu thuyết ngắn được ra đời. Chúng ta hiểu kỹ về nhân vật Mimi, y hệt như Mimi đã sinh ra hiểu kỹ về những tấm bưu thiếp trên con đường đi tìm sự thật. Con đường ấy dẫn cho Mimi đến con chim hót Rashomon về Việt Nam và thế giới di dân. Thế giới của những nhân vật như Bác Diên và “Thăng Đạt Khốn Nạn” nào đó – Diên và Đạt, tác giả cho tôi biết, đã tạo thành hiện tượng “tự do ngôn luận” của thế giới di dân thế hệ thứ nhất – đó có phải là cái giá phải trả cho một cuộc di dân khổng lồ?

Rồi ngoài kia, lại có thêm nhân vật David Dougherty, người đứng ngoài không nhập cuộc, tiêu biểu cho dòng chính của nước Mỹ không lồ. Con người của dòng chính, con người đã làm ơn cho Mimi trên con đường đi tìm sự thật. Ẩn nhân đa dụng đó, không màng tới, chỉ đoái hoài một chút thôi. Chỉ một chút thôi.

Cái gì tạo nên vũng chầy, yên bình như chất xúc tác, như lọ keo làm dính lại những mảnh vụn? Có tiếng nói người mẹ của Mimi. Đó là tiếng nói

vỗ về, xoa dịu. Bà giúp, bà an ủi, bà giảng nghĩa vài câu. Và bà phục hồi. (lúc nào cũng chỉ ở trên điện thoại mà thôi). Đây là “phương tiện” rất hữu hiệu của tác giả, người viết tiểu thuyết. Phải có một nhân vật bà mẹ qua điện thoại, như thể ngòi bút của tác giả mới đối phó được với nỗi nhọc nhằn của văn hóa. (Ở film ảnh Tây Phương, “phương tiện” này đôi khi thể hiện ở nhân vật “một người bạn gái” nào đó của nhân vật chính.)

Cuối cùng chúng ta không thể bỏ qua được sự chọn lựa có ý thức rất rõ ràng của tác giả. Không có gì “tiềm thức” hay “vô thức” cả ở điểm này. Con đường đi tìm sự thật của Mimi đem nàng đến câu chuyện Rashomon của xã hội di dân – câu chuyện kinh hoàng nhất mà con chim Uyên phải hót: khoảng trống tối đen, sự bất định, không gian tranh tối tranh sáng, không rõ rệt, đầy ác ý. Người nghệ sĩ và kẻ đi tìm chân lý lúc nào cũng phải cố gắng nương theo tiếng gọi vương giả?, ở một nơi chốn có thể rất xấu xa và đầy đe dọa, nỗi nhọc nhằn mà ngòi bút di dân bắt buộc phải cu rư mang. Ngòi bút có thể mạch lạc, mà cũng có thể tắc nghẽn. Cái giá phải trả để sống còn và để tái tạo cuộc đời, cho nghệ sĩ di dân, chính là cái nhà tù văn hóa – the imprisonment of culture. Điểm sáng rõ rệt độc nhất, chỉ còn là TÌNH YÊU mà thôi. Nhưng TÌNH YÊU cũng có thể không trọn vẹn, cho dù Nam, cậu bé, đã đứng lên đòi lại quyền sở hữu chủ của mình: cái gọi là chia xẻ, cùng chung Dĩ Vãng và Kỷ Niệm. (Cả chung Dĩ Vãng và Kỷ Niệm cũng là ý nghĩa của chữ “Đồng Hương” -- compatriot)

Giữa Nam và Mimi, tối thiểu một người phải sống còn. Thật sự sống còn, trong cái toàn mỹ của Nghệ Thuật. Đó là Mimi.

Và vì thế bài viết này là tiếng vỗ tay cho nàng Mimi biểu tượng của tất cả chúng ta. Còn người đi tìm sự toàn mỹ trong nghệ thuật.

A tribute to Mimi.
G.B.A. Nash
8/2009

DƯƠNG NHƯ NGUYỄN

TÌNH EM ĐẸP MÃI MỘT BÀI THƠ

Em có chạnh lòng nhớ tới anh
ở một nơi nào mới gần đã rất xa
và nơi ấy chưa bao giờ thực sự của đôi ta
Anh thoáng bơ vơ trong mộng ước thừa nào xanh
đã chẳng còn gì ngoài em với
tháng ngày chờ đợi
để gì giữ được.
một màu xanh trên cánh đồng
tuyết trắng cỏ khô
để dành cho mùa Xuân tới

Em có chạnh lòng nhớ tới anh
với thời gian chẳng còn nhiều cho đôi ta
anh vẫn đợi một buổi em về thay áo
đợi một niềm vui sắc nhọn như mũi kim

Em có chạnh lòng nhớ tới anh
tối tình riêng rất âm thầm hay đã cảm
mỗi phút qua đi như một tiếng thở dài
và trong mắt em, anh tìm lại vóc dáng thời gian

Dù đá mòn sông cạn
qua sông còn nhớ lớp sương mù
anh vẫn về ngắm trăng hướng cũ
vẫn quạnh hiu từng hạt cát, đường đi
vẫn không tìm được người yêu năm trước

Em có chạnh lòng nhớ tới anh
để anh về cuốn lấy em trong đôi tay giá lạnh
để tình em đẹp mãi một bài thơ.

VIỆT BẰNG (San Jose, CA.)

SÁNG TẠO VỀ NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH VÀ HỘI HỌA

NGUYỄN SƠN

Có nhiều người hỏi tôi: “Anh là Hòa Sĩ và cũng là nhiếp ảnh thì anh cho biết sự khác biệt sáng tạo giữa nhiếp ảnh và hội họa không?”. Tôi xin trả lời theo sự hiểu biết của tôi, và những kinh nghiệm đã trải qua với tôi giữa hai ngành, mà tôi đã học và đã làm nhiều năm.

Sáng tạo trong Nhiếp Ảnh cũng như sáng tạo trong Hội Họa đều giống nhau. Người Họa Sĩ sáng tạo tranh Nghệ Thuật bằng sơn dầu, cọ vẽ, vải bố, dầu cá. v.v..

Người Nhiếp Ảnh sáng tạo một bức ảnh Nghệ Thuật bằng máy ảnh Digital, ống kính, kính lọc và Programm Photoshop.

Còn tranh hoặc ảnh có Nghệ Thuật hay không còn tùy vào mắt nhìn và khối óc, tài năng cùng với kiến thức rộng của người Nghệ Sĩ đó.

Còn phần trên đã ghi chỉ là dụng cụ để giúp người Nghệ Sĩ sáng tạo mà thôi.

Một tác phẩm Nghệ Thuật được đánh giá cao thường là tác phẩm có tính cách sáng tạo. Và người nghệ sĩ sáng tạo cần có một kiến thức rộng để tác phẩm của mình được tán thưởng và có giá trị hơn.

Ốc sáng tạo đòi hỏi ở nhiếp ảnh có khả năng tưởng tượng, cách nhìn bén nhạy, nếu không sẽ không có được những tác phẩm độc đáo, vì hình ảnh chỉ thoáng qua trong giây lát mà thôi.

Ở Hội Họa đòi hỏi người nghệ sĩ có khả năng ghi nhận thật bén nhạy, người nghệ sĩ có được cảm giác chân thật và bắt buộc phải phải

hợp màu sắc thật gọn gàng nhanh chóng, nhờ vậy mới ghi lại được những giờ của ánh sáng và những năm tháng ngày và mùa.

Người nghệ sĩ cần có một tâm hồn nhạy cảm và trái tim rung động trước mọi cảnh vật.

Nghệ Thuật là hài hòa, hài hòa là làm sao cho giống nhau những gì trái ngược và những gì tương tự ở sắc độ, ở sắc loại, ở đường nét, xét theo chủ sắc của tranh, ảnh và tùy theo tác động của ánh sáng để đạt tới sự hòa hợp vui tươi, yên tĩnh hay buồn bã,

-Như những sắc độ trái ngược là sáng và tối.

-Những sắc loại trái ngược màu chính và màu bổ túc.

-Những đường nét trái ngược đường thẳng và đường góc thẳng.

-Sắc độ vui dùng chủ sắc sáng.

-Sắc loại vui dùng chủ sắc nóng.

-Đường nét vui dùng những đường chạy lên trên đường chân trời.

-Sắc độ yên tĩnh, sáng và tối bằng nhau.

-Đường nét yên tĩnh, đường ngang bằng đường chân trời.

-Sắc độ buồn bã dùng chủ sắc tối.

-Sắc loại buồn bã dùng chủ sắc lạnh.

-Đường nét buồn bã dùng đường ngã nghiêng.

Người Họa Sĩ dùng thủ pháp của mình bằng những đường cọ vẽ và trình độ pha màu sắc để đạt được những yếu tố trên, để người thưởng thức cảm nhận được.

Người Nhiếp Ảnh phụ thêm bằng Photoshop để chỉnh đổi lại ánh sáng màu sắc theo những yếu tố trên để người thưởng

thức tán thưởng và cảm nhận được.

Kiến thức rộng giúp cho người nghệ sĩ am tường mọi thứ, mọi vật để đạt để hay dùng Photoshop không bị trái ngược, có đôi khi trái ngược một cách phi lý mà người ta thường nói là tác giả không am tường mọi việc.

Hiện nay có người không đồng ý về vấn đề dùng Photoshop cho nhiếp ảnh Digital.

Theo tôi ngày xưa người dùng máy chụp Film 35mm người làm nghệ thuật phải dùng phòng tối để rửa Film và cắt ráp, sửa chữa cho ánh sáng theo ý mình.

Ngày nay dùng máy ảnh Digital thì dùng Photoshop để chỉnh hình ảnh ánh sáng cắt ráp theo ý mình đó là chuyện thường. Một tấm ảnh nghệ thuật là nghệ thuật, chứ không ai đòi hỏi là có làm Photoshop hay không có làm. Hay đã ráp nối sửa chữa trong phòng tối. Và cũng xin đừng có lẫn lộn chụp ảnh nghệ thuật với những hình ghi nhận, tài liệu, báo chí, tin tức bằng hình ảnh. Nếu là hình ghi nhận, tài liệu, báo chí, tin tức bằng hình ảnh. Xin đừng sử dụng Photoshop.

Ai cũng có một cặp mắt giống nhau, nhưng cái nhìn khác nhau. Khác nhau ở sự nhận thức. Nhận thức nhiều hay ít còn ở kiến thức rộng và sự học hỏi về chuyên môn nữa. Một người có hiểu biết về nhiếp ảnh hay hội họa nhìn cảnh vật khác với người bình thường, hoặc nhìn tranh ảnh cũng khác với người bình thường, vì họ nhìn thấy có nhiều cái hay cái lạ và những điều thích thú trong tranh ảnh mà người thường chỉ nhìn thấy đẹp xấu trong ý thích cảm nhận của mình mà thôi. Khi đứng trước một cảnh vật, đôi khi người bình thường không thấy cái hay cái đẹp trong đó và cho là xấu, nhưng có người lại chụp lia chụp lịa. Tại sao? Vì họ nhìn được cái xấu cái đẹp người ta gọi là cái nhìn khám phá, để đưa ra một tác phẩm.

Có nhiều người mới học chụp ảnh xin cùng đi chụp ảnh với tôi, Họ nói đi từ sáng đến giờ mà chỉ có chụp được vài hình đẹp mà thôi, vì không tìm thấy cảnh vật đẹp, còn

tôi sao mà chụp lia chụp lịa chụp nhiều thế? Bộ thấy không tốn Film nên chụp như vậy. Khi về nhà đưa lên máy để xem, thì vài tấm đẹp mà họ nghĩ là đẹp rồi cũng không đẹp, nhìn thấy tùm lum đủ thứ nằm trong đó. Còn tôi, họ nói nhìn thấy một bãi cỏ mà ông ấy vẫn chụp, như thế mà bây giờ thì thấy cọng cỏ đọng sương với ánh sáng lóng lánh và lại đẹp, lạ thật. Và cũng có người nói: Sao cùng cảnh đó hàng năm tôi thấy và chụp ảnh nó, mà sao hình không đẹp giống ông ấy? Lại có người hỏi tôi, anh chụp máy nào mà đẹp thế? Để tránh những sai lầm đó. Trước khi chụp mình phải biết chụp cái gì? Chủ đề gì? Góc độ nào chụp tốt nhất. Lấy cái gì, cần loại bỏ những gì. Lúc đầu mới tập chụp còn bối rối khi đứng trước một cảnh vật, nhưng từ từ sẽ quen và làm theo sự phản xạ nhuần nhuyễn có khi trong một nháy mắt là xong. Điều quan trọng là chế ngự được máy ảnh của mình để sử dụng nó cho chính xác.

Cần sự học hỏi để bổ túc thêm những gì mình đã biết. Sự học là vô tận không bao giờ hết. Và đừng nghĩ và ỷ là mình biết rồi, không chịu học thêm, và đừng đổ lỗi cho kỹ thuật mới. Lỗi là mình không chịu khó học.

Nguyễn Sơn
(Germany)

Một bài viết ngắn gọn của Nhạc Sĩ Phan Ni Tấn đã cho chúng ta một ý niệm về người Nghệ Sĩ Nhiếp Ảnh: *Thiên nhiên, con người, tình yêu, hạnh phúc và khổ đau, cái đẹp và cái xấu...mọi góc cạnh mọi ngóc ngách của cuộc sống muôn màu muôn vẻ ở quanh ta được chụp bằng đôi mắt bén nhạy, ghi lại bằng tâm hồn nhạy cảm và trái tim rung động của người nghệ sĩ sau ống kính. Những hình ảnh chụp ấy, những khoảnh khắc ấy, có khi thành thiên thu, đọng lại rất lâu trong lòng người, một bức ảnh "nói" nhiều hơn sách báo trong sách. Xin hãy lắng mình để nghe các bức ảnh nói với ta điều gì.*

TÌNH YÊU VÀ TỰ DO:

Bài thơ gửi người yêu viết trong ngục của Richard Lovelace (1618-1658)

PHẠM TRỌNG LỆ

Vài dòng tiểu sử Lovelace:

Thi sĩ người Anh, sinh trong một gia đình dòng dõi quý phái, giàu có, đẹp trai, tính tình dễ mến, nhưng cuối đời chết trong cảnh bần hàn. Ông thuộc phe Bảo hoàng, ủng hộ Vua Charles đệ nhất. Vì vậy được coi như thuộc nhóm nhà thơ gọi là CAVALIER POETS (chữ “cavalier” trong trường hợp này chỉ những người thuộc phe Bảo hoàng của Vua Charles I). Ông là tác giả những bài thơ ca ngợi tình yêu, vẻ đẹp, và lòng trung giữa vua tôi. Ông học ở Đại Học Oxford năm mới 20 tuổi. Khi Vua Charles và Hoàng Hậu Henrietta Maria tới thăm đại học này, vì mến tài ông nên ra lệnh cho trường ban cho ông bằng thạc sĩ (M.A.) danh dự tại chỗ, tuy lúc ấy ông mới là sinh viên cử nhân năm thứ hai. Ông thừa hưởng gia sản lớn của ông cha để lại thuộc vùng Kent, bên Anh. Ông theo Vua Charles I sang Pháp đánh với Quân Tây-Ban-Nha trong trận nội chiến Anh quốc giữa phe Bảo hoàng và phe nghị viện Parliament của Oliver Cromwell, bị thương khi bị vây ở Dunkirk, trở về Anh, bị bắt bỏ tù vì tội lập kiến nghị xin bảo vệ một số giám mục. Trong tù, ông viết tập thơ tặng người yêu lấy tựa đề là Lucasta (1649) (Lux Casta, tiếng Latin nghĩa là Pure Light—“Tinh quang”—ánh sáng tinh khiết.) Người yêu sắp cưới là nàng

Lucy Sacheverett, trở trêu thay, sau khi nghe tin ông bị thương, tưởng ông chết, đã lấy chồng khác. Sau khi ở tù ra, của cải bị khánh kiệt vì giúp phe Bảo hoàng, ông không dám nhờ bạn bè, xấu hổ, đi nhật đồ ăn thừa, sống như một kẻ ăn mày. Nhưng thơ ông viết rất kỹ, sửa đi sửa lại nhiều lần, nhiều bài có nhạc đã được các nhạc sĩ nổi tiếng thời đó như Henry Lawes, John Wilson, phổ nhạc. Như đã nói ở trên, hai lần ông bị tù; thơ ông phản ánh cuộc đời sóng gió của ông. Năm 1642, khi ông mới 24 tuổi, trong tù, ông viết cho người yêu bài thơ được phổ nhạc dưới đây, mà đại ý là tuy sống trong cảnh tù tội, mà người đời cho là mất tự do, nhưng theo ông, tình yêu và lòng trung thờ vua đã đem lại cho ông một niềm tự do mới; vì, theo ông, “những bức tường đá chẳng làm nên nhà tù, những chấn song sắt chẳng làm nên xà-lim,” nơi đó, đối với những người vô tội, và thẳm lặng, thì lại là nơi dành cho nhà tu khổ hạnh. Và, cũng theo ông, nếu ta có tình yêu và tâm hồn tự do thì chỉ có thiên thần trên trời cao mới có thể ví với ta thôi. Bài thơ dưới đây xếp thứ 93, được coi như một trong 100 bài thơ bằng tiếng Anh hay và nổi tiếng nhất. (Theo William Harmon, THE TOP 100 POEMS. The Columbia Book of Poetry. New York: Columbia University Press, 1992, giá \$27.50 bìa cứng, \$14.95 bìa mềm.)

To Althea, from Prison

When Love with unconfined wings
Hovers within my gates.
And my divine Althea brings
To whisper at the grates;
When I lie tangled in her hair
And fetter'd to her eyes,
The birds that wanton in the air
Know no such liberty.

When flowing cups run swiftly round
With no allaying Thames,
Our careless heads with roses bound,
Our hearts with loyal flames;
When thirsty grief in wine we steep,
When healths and draughts go free--
Fishes that tipple in the deep
Know no such liberty.

When, like committed linnets, I
With shriller throat shall sing
The sweetness, mercy, majesty.
And glories of my King;
When I shall voice aloud how good
He is, how great should be,
Enlarged winds, that curl the flood,
Know no such liberty.

Stone walls do not a prison make,
Nor iron bars a cage:
Minds innocent and quiet take
That for an hermitage;
If I have freedom in my love
And in my soul am free
Angels alone, that soar above,
Enjoy such liberty.

Richard Lovelace, 1649

**THƯ GỬI NGƯỜI YÊU,
VIẾT TRONG NGỤC**

Khi Tình như cánh chim bay,
Vờn trên cửa ngục đêm ngày giam ta.
Khi em lộng lẫy kiêu sa
Thầm thì tiếng ngọc bên xà-lim đen.
Tóc ta đan với tóc mềm,
Hồn ta trói chặt trong viền mắt nhung.
Đàn chim bay nhảy trên không,
Nào đâu thanh thân như lòng ta đây.

Khi tay chuyền chén rượu đầy,
Bồ đào mỹ tửu không tầy rượu tằm.
Tóc ta vương miện hoa hồng,
Tim ta ngọn lửa tình chung mặn nồng.
Đắng cay cạn chén tâm đồng,
Sức tàn hơi cạn lòng không ngại ngừng.
Cá kia vùng vẫy ngoài sông,
Cũng không bay bổng cánh hồng như ta.

Như chim lồng cất tiếng ca,
Lời ta vun vút sang lòai trời trăng.
Tình vua hiền dịu bao dung,
Oai phong lẫm lẫm kiêu hùng vua ta.
Tiếng ca vang động gần xa,
Tình vua tận thiện hào hoa muôn đời.
Gió to sóng lớn bời bời,
Cuộn dâng nước cả không vời sức ta.

Tường này chẳng phải nhà pha.
Song kia bịt kín không là xà-lim:
Lòng ta vô tội bình yên,
Nhà tù tằm tối thành duyên tu-hành.
Tình yêu lồng lộng trời xanh,
Hồn ta thanh thoát trên cành cây cao.
Thiên thần bay vút trăng sao,
Cùng ta dám sánh được bao thanh nhàn.

PTL phỏng dịch, 5/24/93

Chú thích:

Một ấn bản bìa mỏng rẻ tiền nhan đề BEN JONSON AND THE CAVALIER POETS (A Norton Critical Edition, 1974) do Hugh Maclean lựa chọn và nhuận sắc, có 20 bài thơ của Lovelace và các thi sĩ khác trong nhóm Cavalier Poets, đồng thời có các bài phê bình về mỗi thi sĩ trong nhóm này. Muốn nghe thơ của một số nhà thơ trong đó có Lovelace, xin nghe đĩa THE ENGLISH POETS 6 SOUND RECORDING (London: Longman Group, 1979). Có một bài thơ của Richard Lovelace, tựa đề “The Grasshopper” (con cào cào). Trong bài thơ này con cào cào được coi như hình ảnh của “thần thơ nơi đồng ngô”, nhạc



sĩ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cho loài người mà Plato trong cuốn Phaedrus, 259, đã kể là các nàng thần thơ (muses) khi cất tiếng ca, mê lời ca đến nỗi quên ăn bị đói lả mà chết, hồn trở thành những con cào cào, ngụ ý thi-ca-sĩ (poet-singer) cũng như những con cào cào đem cả đời mình ra làm thơ cho loài người. Bài này được giảng kỹ cùng bối cảnh lịch sử của bài thơ trong bài khảo luận của D.C. Allen đăng trong Modern Language Quarterly, XVIII (1957), 35-43 và cũng được in lại trong cuốn Ben Jonson and the Cavalier Poets nêu trên, pp. 570-577.

(Viết tại Virginia—PTL)



SANG ĐÔNG, ảnh NGUYỄN SƠN (Germany).

MỘT TIẾNG NÓI NHÂN-BẢN, MỘT TÂM TÌNH QUỐC GIA

Tâm Việt

Tôi nghe thấy có người than rằng Virginia càng ngày càng giống Cali, có nghĩa là cộng-đồng mình năng động quá nên vào một cuối tuần có nhiều sinh-hoạt chen chân nhau quá, người yêu văn nghệ có muốn đi dự cũng đôi khi cảm thấy khá khó xử khi đứng trước một sự lựa chọn giữa hai sinh-hoạt giá trị như nhau. Đó là một trường-hợp như ta thấy ngày hôm nay.

Tuy-nhiên, trong một nghĩa nào đó thì tôi lại rất vui là chúng ta có tình-trạng này. Nó tỏ rõ là cộng-đồng chúng ta vẫn còn nhiều tin tưởng, vẫn lạc-quan về văn-học Việt-nam ở xứ người. Đây nhé, ta thử nghĩ xem. Nếu mỗi cuối tuần chúng ta có hai vụ ra mắt sách thì một năm ta đã có đến 104 cuốn sách tiếng Việt được giới-thiệu đến độc-giả rồi không. Đó là dùng một con số trung-bình thôi chứ tính một cách sít sao thì như cuối tuần trước, ta đã có tới 6 cuốn sách được giới-thiệu trong hai ngày, từ nghiên cứu về Truyện Kiều đến sách dạy tiếng Việt theo một phương-pháp mới, từ một tập truyện sáng-tác đến biên-khảo về tư-hữu trong chiến-tranh VN. Rồi ta lại có sách về ảnh nghệ-thuật và nay là tạp-ghi của Huy Phương.

Cứ xem đó thì rõ ràng là sách tiếng Việt của ta ở hải-ngoại khá phong phú. Cứ thử tưởng tượng, nếu ta chăm đọc và một năm đọc được 100 cuốn sách tiếng Việt thì chắc chắn cái vốn liếng chữ nghĩa và hiểu biết của ta cũng giàu lên hẳn, và mười năm ta cũng

đọc được đến 1000 cuốn, nghĩa là đúng chữ “thiên kinh vạn quyển” của các cụ ngày xưa khi nói về một con người thuộc loại “thông kim bác cổ.”

Cũng đừng nghĩ khoảng 100 cuốn sách ta được thấy ra mắt trong vòng một năm ở một địa-phương (như Washington) đã là hết sách hải-ngoại trong năm ấy. Chẳng nói gì xa, trong năm biết bao nhiêu sách ta nghe thấy ra mắt rầm rộ ở vùng khác mà chưa thấy ra mắt ở vùng mình đủ tỏ là độc-giả miền Đông cũng chưa được giới-thiệu đầy đủ các sách nổi tiếng đã xuất bản trong năm. (Tỷ như mấy cuốn sách dây cộm của tác-giả Lâm Lễ Trinh hay hai cuốn cuối cùng và bán rất chạy của tác-giả Nguyễn Tiến Hưng, người ở ngay vùng mình.)

Thành thử ta phải coi như một phép lạ là 35 năm sau khi mất miền Nam, người viết bị búng ra khỏi môi-trường thiên-nhiên của nó, tức thị-trường sách báo ở trong nước, mà chữ nghĩa VN vẫn còn “sống hùng sống mạnh” (trong một nghĩa nào đó) như thế này ở hải-ngoại, đó là chuyện đáng để cho chúng ta nghiên cứu và mổ xẻ.

Để cho một cuốn sách có sức sống của nó, không thể chỉ có tác-giả mà đủ. Nó đòi hỏi phải có thính-chúng của nó nữa, nghĩa là sách phải có độc-giả. Có nghĩa là không những chỉ tác-giả còn tin ở chữ nghĩa VN, muốn nuôi dưỡng nó, đập vào truyền-thống văn-học nước nhà mà còn có nghĩa là có một thính-chúng ở ngoài kia, một số độc-giả nào đó còn tìm đọc sách tiếng Việt, thưởng thức những cái hay cái đẹp tìm thấy trong sách

Việt, và do đó nuôi giữ một nền văn-học hải-ngoại khác với ở trong nước và biết đâu đó, đó lại có thể là nền văn-học tiên-phong trong tiếng Việt hôm nay.

Ta chỉ cần nhìn vào một thí-dụ mới đây thôi ở nước người để hiểu tôi đang nói gì. Mới gần đây thôi, Bộ Giáo-dục của Liên-bang Nga cho in lại cuốn *Quần-đảo ngục-tù* (“The Gulag Archipelago”) của Solzhenitsyn dưới dạng paperback để đưa vào chương-trình trung-học ở Nga. Nói về cuốn này, Thủ-tướng Nga Putin cho rằng đây là một cuốn sách học-sinh cần đọc và phải đọc nếu muốn hiểu lịch-sử cận-đại của Nga, và có người khác còn nói, nếu dân-tộc Nga không muốn lập lại những lỗi lầm khủng khiếp của thời Stalin, thời Cộng-sản. Nên nhớ, cuốn *Quần-đảo ngục-tù* là một sản-phẩm của văn-học Nga lưu vong, viết ra sau khi tác-giả của nó, ông Solzhenitsyn, bị đẩy ra khỏi nước.

Văn-học H.O.

Có điều lạ là không ít sách mới ra và nổi tiếng sau này lại đến từ những ngòi bút H.O. Đó là trường-hợp của *Hồi ký Võ Long Triều* (mới ra tập I do Người Việt xb), của *Nửa thế kỷ Việt Nam* của Song Nhị (nhà xb Cội Nguồn ở San Jose), của *Việt Nam trong chiến tranh tư hữu* của tác-giả Nguyễn Cao Quyền (nhà xb Tiếng Quê Hương ở Virginia) và hôm nay, của *Hạnh phúc xót xa* của Huy Phương (nhà xb Nam Việt).

Không hiểu đây có phải vì sự kiệt quệ hay ít nhất cũng mỗi một của các tác-giả sang đây lớp trước, hoặc đã nghỉ hẳn viết hoặc chỉ còn viết cầm chừng, nghĩa là viết mà không còn cái gì mới nữa để nói.

Trái lại, lớp nhà văn H.O., mới được cầm bút trở lại từ khi ra hải-ngoại vào đầu thập niên 1990 cách đây 20 năm thì coi bộ vẫn còn sung sức lắm. Không những thế, cái

nhìn của họ xem chừng cũng sâu sắc hơn nhờ kinh-nghiệm ở tù CS, phải đấu tranh nhiều năm, hàng ngày, hàng giờ trong âm thầm, không nói ra được, với cái chế-độ dã-man, tội tệt không thể tưởng-tượng nổi (đối với chúng ta là những người may mắn không phải kinh qua những kinh-nghiệm kia) là cái chế-độ ngục-tù của CSVN.

Thành thử không chỉ những người ra ngoài này có cái nhìn bén nhạy, sâu sắc hơn người thường (sau khi được chứng-kiến cả hai chế-độ), ngay cả ở những nhà văn chọn ở lại trong nước sau khi ra tù CS như Thụy Long hay Văn Quang, ta cũng thấy cái nhìn phong phú hơn hẳn ngòi bút của họ khi xưa. Ngòi bút của họ trước khi CS vào thành có thể lãng mạn bay bướm hơn nhưng sau kinh-nghiệm CS, nhất là sau kinh-nghiệm tù đày, thì văn họ sắc lạnh hơn nên không muốn nói là đôi khi “cynic” hơn.

Tính “nhân-bản”

Nãy giờ, Quý Vị nghe tôi chắc cho là hôm nay NNB lạc đề mất rồi. Bảo là ra mắt sách *Hạnh phúc xót xa* của Huy Phương mà sao chưa thấy nói gì về cuốn sách. Đó là vì cuối cuốn sách chúng ta đã có một bài viết rất chính-xác, viết thật kỹ càng về ngòi bút Huy Phương mang tên “Tính nhân bản trong những tác phẩm tạp ghi của Huy Phương.” Tác-giả bài viết, Tiên-sĩ Nguyễn Kim Quý, bút-hiệu Kim Thanh, ở Portland, Oregon, đã:

Một, đi vào lịch-sử lối viết những bài ngắn ngắn mà đầy ấp tình người trong cả truyền-thống văn-học Tây-phương lẫn VN. Đó là những “essai” của Montaigne ở Pháp hay là “Vũ trung tùy bút” của Phạm Đình Hồ ở xứ ta.

Hai, đưa ra những tỷ-dụ rất cụ-thể về văn-phong của tác-giả Huy Phương trong bốn tập tạp-ghi trước đây của ông, mấy cuốn *Nước Mỹ lạnh lùng*, *Đi lấy chồng xa*, *Ám*

lạnh què người, và Nhìn xuống cuộc đời. Nói cách khác, ông Nguyễn Kim Quý viết theo một quy-cách rất tiêu-chuẩn học-thuật, viết đến đâu là “nói có sách, mách có chứng” đến đó, nói như người Mỹ thường mô-tả, “quoting chapter and verse.”

Ba, định nghĩa rất rõ ràng quan-niệm “nhân-bản” (“humanisme”) mà ông xem như một đặc-trung của ngòi bút Huy Phương.

Bốn, nêu ra được tính-cách phổ-cập, bao quát trong những đề-tài của tác-giả Huy Phương mà ta có thể coi như một thế-giới phong phú không kém cả nghìn trang của Balzac trong “Hài kịch nhân thế” (“La comédie humaine”) của ông.

Năm, làm nổi bật “tâm lòng nhân hậu trùm lấp” của tác-giả Huy Phương, làm cho ông xót xa trước những nghịch-lý của cuộc đời, mà vẫn biết trách những điều bất cập, lỗi lạng của ngay chính chúng ta, dành sự nghiêm khắc nhất cho người CS hiện đang làm tan nát quê hương, con người Việt-nam.

Tóm lại, tác-giả bài viết, ông Nguyễn Kim Quý, đã thấu tóm rất đầy đủ một số chính những điều đáng nói về nhà viết “tạp ghi” Huy Phương, kê cả tại sao ông gọi những tiêu-phẩm của ông là “tạp ghi.” Thành thử tôi thấy có đi vào những chi-tiết của cuốn sách ra mắt ngày hôm nay, cuốn *Hạnh phúc xót xa*, cũng bằng thừa, không nói được gì thêm hơn những điều ông Nguyễn Kim Quý, một độc-giả chi ly, đã nói.

Một lối viết của thời-đại

Do vậy mà tôi xin đến với tác-phẩm và tác-giả bằng một cách tiếp cận khác. Đó là vì sao ta có lối “tạp ghi” và tại sao lối “tạp ghi” ngày nay lại thịnh-hành như vậy?

Chữ “tạp ghi” nghe thật mới, vì nếu tôi không lầm, có lẽ trước Huy Phương ta chưa thấy ai mô-tả những bài viết của mình như

vậy. Chính vì thế mà mới đây, trên show của cô, Victoria Tố Uyên cũng đã xin ngay tác-giả một định nghĩa cho hai chữ đó vì cô sợ tuổi trẻ VN chưa quen với từ ngữ ngày.

Trong văn-học ta đã từng nghe đến những cách viết gọi là “tùy bút,” đề cái ngòi bút hay cái bút lông (ngày xưa) cứ theo tư tưởng ta mà dàn trải. Sau này, khoảng hơn nửa thế-kỷ nay, ta nghe nhiều người mô-tả cách viết của họ là “bút-ký” (như “bút-ký” chiến-tranh của Phan Nhật Nam) hay thậm chí chỉ ngắn gọn là “ký.” Ngày xưa, Vũ Phương Đề có cuốn “Công-dư tiếp-ký” (“Ghi vội trong lúc thành thoi, không phải lo việc công”).

Ngày nay, ta giờ một tờ báo Việt-ngữ ra, không riêng gì ở hải-ngoại, ta sẽ thấy vô số những bài ngắn ngắn, đôi ba trang viết khổ 8 rưỡi 11 này, có thể đọc trong mười mười lăm phút về một đề-tài nào đó. Đó là những cột báo như của Ngô Nhân Dụng trong Người Việt, Bùi Bảo Trúc trong Viet Tide, và Huy Phương trong Thời-báo ở Toronto, Canada. Đó là những tác-giả đã thành danh, có hẳn một số người đọc mền mọ, khi cầm tờ báo lên những người này tìm ngay đến những cột báo ấy. Đó cũng là lý do tại sao một tờ báo thường chỉ có hai ba tác-giả thuộc loại này.

Lối viết này là phó-sản của một đời sống tất bật trong đó ta không có nhiều giờ để nghiền ngẫm một tác-phẩm dài, kiểu trường-thiên. Như tôi được biết, Đô-đốc Elmo Zumwalt, một người rất yêu VN và đã có thời làm đến bộ-trưởng hải-quân Mỹ, chia ngày làm việc của ông ra thành từng khúc 15 phút một. Nghĩa là mỗi 15 phút, ông phải xong một việc gì. Đó, cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay, nhất là ở Mỹ, nó dễ bị cắt vụn ra thành như thế.

Trong khi đó thì chúng ta bị tràn ngập thông tin, từ chuyện chiến-tranh hòa-bình đến chuyện linh tinh, ai yêu ai, ai bỏ ai, ai

CỔ TÍCH

Ta nhớ quen em từ thời cổ tích...
Thuở đất trời chỉ có chim muông.
Hoa lá thì thắm, núi rừng cô tịch...
Và Em-Ta còn chưa biết nỗi buồn..!

Ta nhớ yêu em từ thời sông núi...
Chỉ biết nghiêng mình đón
ánh trăng buông...
Và nắng ấm chưa hoen màu cát bụi.
Cả đất trời ấp ủ một mùi hương...

Bây giờ ta yêu em...
Cổ tích xa rồi...thiên đường khép lại.
Tận cuối trời ta dỗi mắt tìm em.
Sóng tự lòng ta réo gọi từng đêm...
Cổ tích xa rồi để lại dấu chân chim.

Thiên Đức (Illinois)

ngủ với ai, rồi chó cắn xe, xe cắn chó... Vấn-đề là làm sao lọc được ra cái hay, cái quan-trọng trong một mớ thông tin hỗn độn như thế? Đó là lý-do tại sao ta cần có những người giúp ta tập trung vào những chuyện quan-trọng. Vì vậy mà ta tìm đọc những người có thể có những suy nghĩ giống ta hay ít nhất cũng thuyết phục đối với chúng ta.

Đụng chạm văn-hóa

Nhưng tại sao một người như tôi, một người có đầy đủ khả-năng đọc cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt, lại đi tìm đọc những bài của

Ngô Nhân Dụng hay Huy Phương? Thưa vì như một người đọc, tôi có nhu-cầu, vì bối-cảnh văn-hóa của tôi (tôi là một người như đa-phần chúng ta ở đây, có ít nhất hai nền văn-hóa), tôi có nhu-cầu làm cho cuộc sống được hài-hòa giữa cái giáo-dục Đông-phương mà tôi nhận được từ hồi nhỏ hay trong gia-đình và cái môi-trường Tây-phương mà tôi đang sống ở trong đó. Đọc một Ngô Nhân Dụng hay một Huy Phương, tôi thấy gần gũi những quan-tâm của tôi hơn là thuần-túy đọc một bình-luận-gia người Mỹ, dù như người này có thể nổi tiếng là uyên bác. Đó, đó chính là cái thú mà tôi tìm thấy trong khi đọc *Hạnh phúc xót xa* và những tác-phẩm khác của Huy Phương.

Thành thử theo tôi, đọc Huy Phương ta có những cái lợi như:

Một, được đọc những bài gọn ghẽ, đầy đủ ý tưởng về một vấn-đề nào đó trong một thời-gian không đòi hỏi quá nhiều sự đầu tư thời-gian của ta trong một ngày túi bụi, tất bật.

Hai, duyệt lại cái nhìn của ta về những đề-tài đó từ một quan-điểm song hay đa-văn-hóa, so sánh cái nhìn đó với lối nhìn, lối xét sự việc của tác-giả. Tỷ-dụ như trong bài “Hey, Brian Đoàn!” là vấn-đề người nghệ-sĩ được quyền tự do đến đâu? Hay bài “Gọi người yêu dấu” đặt ra vấn-đề có nên hay được quyền “đem tên ông bà, cha mẹ, chú bác ra mà gọi” con chó trong nhà chỉ vì ta thương nó không? “Đối với người Việt chúng tôi, chuyện ấy không thể chấp nhận được,” tác-giả Huy Phương viết một cách khẳng-định. Liệu bao nhiêu người trong chúng ta đồng-ý?

Ba, tìm được ra ít nhất một giải-pháp, một thái-độ dứt khoát trước nhiều việc nhưc óc trong cộng-đồng như chuyện có nên làm từ thiện ở VN lúc này hay không, hoặc ta nên đối-xử với người già, người thân trong gia-

đình như thế nào khi họ đã đến tuổi ta khó lo liệu được cho ông bà, cha mẹ?

BỐN, ta nên có thái-độ như thế nào dựa trên cái quá-khứ chính-trị và văn-hóa của ta? Ta có quay lưng vào quê hương chỉ vì hôm nay ta đã sang đến Mỹ và có thể coi như là “cắt đứt mọi dây dưa” với quê hương, dân-tộc ta ở quê nhà chăng? Ta có thể dùng dung được với những tệ-nạn ngập trời, ngập đất ở VN chỉ vì người CS đã thắng, đã lên cầm quyền ở VN được không? Và nếu không thì ta cần định nghĩa chỗ đứng và thái-độ của ta đối với quê nhà như thế nào? Dùng dung hay quan-tâm? Mà nếu quan-tâm thì làm được gì?

Phải nói, tác-giả Huy Phương hiểu rất rõ khả-năng của mình. Ông đủ thực-tế để biết, cũng như chúng ta thừa biết, là sống trong một môi-trường văn-hóa mà căn-bản rất khác với nhiều điều chúng ta được học trong quá-khứ, chúng ta khá bất lực, không bẻ ngược được lại những điều “trái tai gai mắt” ta chứng-kiến chung quanh ta. Do đó dù không đồng-ý, chúng ta cũng không cấm cản được nhưng cũng không ai cấm được ta có thái-độ, một thái-độ tự-trọng vì ta chung thủy, không phản phúc, không “qua sông đấm bò” như một thành-ngữ của VN đã mô-tả một cách rất hình-tượng và linh-động.

Do đó nên ông dành những bài đánh thép nhất mắng thẳng vào những kiểu trí-thức hèn hạ như Nguyễn Hữu Liêm đã vì chút danh hão mà quay ra ca tụng “kẻ thù của dân-tộc” là chế-độ ở quê nhà.

Như vậy, nói đến ngòi bút Huy Phương là nói đến một ngòi bút dứt khoát, một ngòi bút kiểu Nguyễn Đình Chiểu, chính tà phân minh, không khoan nhượng. Ông đáng yêu cũng ở chỗ đó, chính vì vậy mà tôi thẳng thừng gọi ông là một ngòi bút Quốc gia—không mặc-cảm, không ngượng ngập. Vì sao? Vì tôi biết là ngày mai, sau khi cái họa

THIÊN ĐƯỜNG

**Một nơi chưa thấy thiên đường
Sao em nhắc mãi đoạn trường với tôi
Cứ đi về chỗ em ngồi
Nhìn lên cả một bầu trời trong xanh
Em thừa ánh mắt long lanh...**

PHAN KHÂM

CS không còn nữa trên đất nước quê hương tôi, người ta sẽ đọc Huy Phương, như người Nga ngày hôm nay đọc Solzhenitsyn, mà vất vào sọt rác những bài ca tụng CS của một người vô liêm sỉ kiểu Nguyễn Hữu Liêm.

Đó là lý do tại sao 35 năm sau khi chúng ta đi lưu vong vẫn còn những nhà văn viết tiếng Việt, vẫn còn những độc-giả đọc tiếng Việt như hầu hết chúng ta ngồi đây, và văn-học tiếng Việt của chúng ta ở hải-ngoại vẫn còn chỗ đứng vững mạnh của nó như trong hiện-tại. Đây cuối cùng là sản-phẩm của một niềm tin, niềm tin vào ngôn ngữ và chính-nghĩa bất diệt của chúng ta.

Và khi chính-nghĩa đó được viết ra bằng một ngòi bút, hay nói đúng hơn là “ngòi”(?) computer, tài-hoa như của Huy Phương thì chúng ta có được những tác-phẩm để đời.

Đọc trong buổi ra mắt *Hạnh phúc xót xa*
ở Mason District Government Center

Springfield, Virginia

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGUYỄN NGỌC BÍCH

NỢ DUYÊN

Tiểu Thu

Sau ba hôm mưa dầm, sáng nay vừa thức giấc, Kim ngạc nhiên vì tiếng chim ríu rít bên ngoài thật vui tai. Cạnh cửa sổ là cây anh đào, hôm nào trời nắng đẹp lũ chim tụ về rất đông. Bước xuống giường, vén màn cửa sổ nhìn ra vườn sau, quả thật, bên ngoài nắng vàng tươi, trên cây đàn chim vừa tung tăng chuyền cảnh vừa hót líu lo. Đã vào tháng năm nên mặt trời mọc sớm, chẳng bù với mùa đông tám chín giờ vẫn còn tối om. Hôm nay thứ sáu nên Kim cảm thấy phấn chấn, vì ngày mai không phải đi làm. Vừa pha cho mình một tách cà phê (tiền được đó, vì thiếu cái món này là Kim cảm thấy uể oải, năng lực đi chơi đâu mất tiêu!), nàng vừa tính toán xem tối nay ăn món gì? - Ừ hôm qua mua được cái đầu cá mú thật ngon, tối nay sẽ nấu canh chua. Canh chua mà ăn với sườn ram mặn thì tuyệt vời! Chỉ cần nấu sẵn nước me, tối về bỏ thêm cá và tất cả đồ phụ tùng như bạc hà, cà chua, dứa, giá sống...vào là xong. Còn món sườn ram phải làm liền sáng nay. Đang đứng rửa mấy cọng rau ngò, tiếng nước chảy rào rào át tiếng bước chân, đến lúc Tín bước tới ôm lưng vợ, hôn vào cổ Kim mới giật mình, giẫy nảy:

- Coi kia anh. Vợ chồng Raymond thấy, nó cười cho bây giờ.

Tín tỉnh bơ:

- Nó cười thì cứ để cho nó tự nhiên... hờ mờ cái răng!

Kim nguyệt chồng:

- Chỉ có tài nói cù nhầy là hay nhất!

Tín cười, bung tách cà phê Kim đang uống dở lên uống nốt. Kim đưa mắt nhìn sang nhà bên kia, có lẽ giờ này vợ chồng nhà Raymond đã đi làm. Hai người mới mua lại căn nhà phía sau nhà nàng độ hai năm nay. Hai mảnh vườn được ngăn bởi một hàng rào gỗ, nhưng bên Kim sân cỏ, còn bên kia họ lại trồng xi măng, chỉ chừa một ít đất để trồng hoa và rau cỏ. Tuổi hai người cũng xấp

xỉ vợ chồng nàng, nhưng không con. Nhìn cách đối xử, Kim đoán họ yêu thương nhau thắm thiết. Ngoài giờ làm việc, thời gian còn lại họ dành cho việc săn sóc căn nhà và chăm sóc... lẫn nhau! Căn nhà họ bóng lộn từ trong ra ngoài như một đồng xu mới ra lò. Mùa hè hai người hầu như sống ngoài trời. Kim nhớ hè năm ngoái, hái được một rổ cà chua to tướng, thấy họ đang dùng bữa với một đám bạn bè, Kim đến bên rào, nhón chân lên gọi Raymond, định biểu một ít. Chẳng ngờ tên này cười toe đáp lễ "Rất cảm ơn, nhưng tôi cũng có độ bốn năm chục quả, định biểu ông bà một mớ đây". Thế là hai bên cùng cười xòa. Thôi thì cả ai nấy ăn vậy! Có hàng xóm tốt bụng cũng dễ chịu...

Đến văn phòng Kim lại làm cho mình ly cà phê khác, vì ly buổi sáng đã bị Tín thanh toán sạch. Nhìn ra ngoài trời, Kim nhủ thầm:

- Nắng đẹp như vậy chắc "cá" lặn hết tron! Bữa nay đồ khô hai thầy trò chi ngồi giữ chùa, ngập vật!

Ngoài cửa chợt có tiếng trẻ con khóc, rồi tiếng rít lên của một bà mẹ. Kim đưa mắt nhìn ra, không ngạc nhiên lắm, vì những gia đình Haitien vẫn hay ồn ào như vậy. Người đàn bà còn trẻ, cao lớn, da đen sậm, lộ sênh sệch một nhóc tí độ bốn năm tuổi, nước mắt đầm đìa, đến trước mặt Kim. Nàng có cảm giác như đã gặp thiếu phụ này ở đâu đây? Bỗng người đàn bà reo lên:

- Kim, có phải mày không? Mimosas đây. Cách đây mấy năm tụi mình làm chung ở hãng nữ trang Keyes đó. Không ngờ gặp lại mày ở đây. Mày vẫn không thay đổi, nên tao nhận ra ngay.

Kim cũng reo lên, mừng rỡ:

- A, tao nhớ ra rồi. Hồi xưa có lần mình ngồi cạnh nhau. Chúa ơi, mới đó mà đã bốn năm rồi! Mày còn làm ở đó nữa không?

Mimosas cười, khoe hàm răng đều đặn trắng như ngà:

- Nghỉ rồi. Sau mày độ hai năm. Vừa đi làm vừa chân ba đùa nhỏ, cực quá tao nghỉ luôn ở nhà. Mày biết không, lúc mới có hai đứa tao bảo thôi mà thằng chồng tao nhất định không nghe. Cho nó đáng đời!

Kim bật cười trước cái lộ trả thù khoẻ ru của Mimosas. Con bé này đáng được liệt vào hạng

"người đẹp" trong nhóm Haitien làm chung hồi xưa. Chả vậy mà con nhỏ xíu xọn Bernadette, bồ chính thức của tên cai Guy (cũng Haitien) cứ háy nguýt nó suốt ngày. Đứng ra con bé này tên thật là Mimose, nhưng Kim cứ gọi nó là Mimosa để nhớ lại những chùm hoa màu vàng thật dễ thương của Đalat năm xưa. Cô nàng tỏ ra rất hài lòng khi nghe Kim giải thích. Nàng hỏi thăm những người trong hãng cũ và được biết ông Deutch, chủ hãng, đã qua đời vì bệnh tim. Kim nhớ rất rõ, ông Deutch người nhỏ bé, lúc nào cũng bận rộn, rình mò nhân viên một cách kín đáo, keo kiệt một cây, nhưng được cái rất quý người Việt-Nam. Người mình vốn siêng năng, khéo tay lại không hay đòi tăng lương. Trong khi đó đám da đen vừa lười như hủi, thỉnh thoảng lại biểu diễn một màn "cầm nhâm" vài món nữ trang về làm của riêng, hoặc bán rẻ lại cho bạn bè. Hãng này sản xuất đồ giả lẫn đồ thật, nhưng giữa khu thật và giả được ngăn bởi một tấm vách lưới. Hai bên nhìn thấy nhau nhưng bắt khả xâm phạm. Đám thợ làm hàng thật toàn tây trắng, chắc chắn rất được chủ nhân tín nhiệm!

Sau khi Mimose về rồi, Kim không khỏi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của bốn năm về trước, lúc còn làm ở hãng Keyes...

Vợ chồng nàng được ông anh bảo lãnh qua khá dễ dàng. Nhưng với mảnh bằng văn khoa hồi xưa, giờ chỉ là tờ giấy lộn. Cả cái nghề giáo sư của Tín cũng vậy. Sự giúp đỡ của anh Hải cũng có giới hạn thôi chứ. May sau trong chung cư vợ chồng nàng ở có bác Tâm, được con gái bảo lãnh qua trước Kim hai ba năm gì đó, đang làm ở hãng Keyes. Một hôm vào ngày thứ bảy, Kim lấy métro đi phố tàu, gặp bác cũng đang đợi métro. Bắt chuyện với nhau một lúc mới biết hồi xưa Kim học chung với đứa con gái thứ ba của bác, hiện ở với chồng bên Cali. Nghe Kim than thở về nỗi không tìm được việc, bác sốt sắng khuyên nàng đến hãng Keyes xin. Vì thường gần Noel hãng cần rất nhiều người, mới làm kịp hàng để giao cho các tiệm bán lẻ.

Nghe lời bác, sáng hôm sau Kim đến văn phòng hãng Keyes xin đại, không ngờ họ nhận vào làm ngay. Cô thư ký dẫn Kim vào xưởng làm việc phía sau văn phòng. Vài cái đầu ngẩng lên

nhìn rồi lại thân nhiên cúi xuống làm tiếp. Nhìn tổng quát xưởng rất rộng và chia làm nhiều ngăn. Có độ bốn mươi nhân viên. Chừng mười người Việt, phần còn lại nửa trắng nửa đen. Kim được tên cai da đen dẫn tới ngồi bên cạnh một cô gái Việt Nam, đang ngồi đo, cắt những sợi dây từ trong một cuộn dây to tướng. Hấn cũng đem cho nàng một cuộn như vậy, với cái kim cắt. Giải thích xong hấn bỏ đi. Ngồi cách đó hai dãy bàn, bác Tâm nhìn Kim mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng. Nàng cũng cười đáp lại. Cô gái bên cạnh quay sang thì thầm:

- Chắc chị mới đi làm phải không? Đừng lo, cứ làm chăm chỉ là được. Công việc rất nhẹ nhàng. Không biết gì cứ hỏi. Em tên Mai. Kim cũng tự giới thiệu tên tuổi. Nhìn thấy cặp mắt trắng dã của tên cai "chiếu tướng" về phía hai nàng, Mai vội ngồi ngay lại tiếp tục đo, cắt. Đứng 12 giờ 30, Kim giật bản người vì tiếng chuông reo inh ỏi báo hiệu giờ nghỉ trưa. Mọi người đồng loạt đứng dậy, thờ ra khoan khoái. .. Mai nói:

- Tụi mình có nửa giờ ăn trưa thôi đó chị Kim.

Kim gật đầu, nói xin lỗi rồi chạy ngay lại bàn bác Tâm để cảm ơn. Bác cười hiền hậu:

-Cám ơn cái gì! Lúc trước có người giúp bác xin việc, bây giờ bác giúp lại cháu là chuyện thường, có gì phải thắc mắc. Thôi bây giờ sửa soạn ăn trưa kéo không kịp.

Kim đang lúng túng vì sáng nay khi ra đi, không ngờ được nhận làm ngay, nên nàng không chuẩn bị thức ăn đem theo, thì may quá, Mai cùng với một thanh niên tiến lại phía bác Tâm và nàng. Mai giới thiệu Kim với anh chàng rồi nói:

- Đây là anh Tuấn. Anh làm trong phòng mài với ba anh Việt Nam khác. Tất cả nữ trang khi đúc xong phải đem mài cho thật nhẵn rồi mới nhuộm vàng. Kim gật đầu chào Tuấn. Khi biết Kim không đem thức ăn theo, Tuấn nhanh nhẩu:

- Không sao, sáng nay đây muộn tôi cũng không kịp làm sandwich, đang định xuống cafétéria mua. Vậy để tôi mua cho chị luôn.

Kim móc bóp định lấy tiền thì Tuấn xua tay:

- Thôi khỏi, chị là người mới, tôi xin được đãi chị bữa nay. Nói xong không đợi Kim kịp từ

chối, Tuấn vội vàng đi ra thang máy. Kim đành tự hứa hôm khác sẽ trả lại món nợ này.

Cả hai ngồi xuống bên cạnh bác Tâm. Trong này có lệ, giờ ăn trưa, Haitien tụ lại từng nhóm, Việt Nam cũng vậy. Vừa ăn vừa tán dóc đủ thứ chuyện. Có hai nhóm Việt Nam khác ngồi cách đó không xa. Mai kín đáo chỉ từng người:

- Cái chị tròn tròn tóc ngắn đó tên Hằng. Nhà sĩ bên Việt Nam, bây giờ đang học lại để thi. Còn cô bé trắng trắng, nhỏ nhỏ, tóc dài ngồi bên cạnh tên Hà. Mới sang độ một năm nay. Hà còn rất trẻ, nên cố dành dụm tiền để đi học lại. Cái chị ốm, cao, đẹp như đầm, kế bên Hà là Ngọc. Tuy có chồng, một con, nhưng cứ bị tên cai mắt la mà y lét, đeo theo tán tỉnh. Trước mặt mấy người đó là bác Sang, nghe đâu chồng bác hồi xưa bên Việt Nam làm lớn trong chính quyền. Bên cạnh là cô con gái của bác tên Nga. Cái anh chàng trẻ măng ngồi sát bên Nga là Quang, đang chết dở vì cái núm đồng tiền trên má của cô nàng! Cái ông ốm nhom, cao kều, tóc quăn quăn ngồi trước mặt Quang là anh Đạt, cựu giám đốc ngân hàng ngày xưa. Hai người này cùng với anh Tuấn làm trong phòng mài. Mấy ông ngày đi làm, nhưng tối lấy cours học thêm.

Vừa lúc đó Tuấn trở lên đưa Kim cặp sandwich trứng. Kim cảm ơn rồi mời Tuấn ngồi xuống chiếc ghế trống trước mặt, nhưng chàng thối thoát, báo có chuyện cần bàn với ông Đạt. Đứng 1 giờ chuông reo báo hiệu giờ nghỉ trưa chấm dứt. Mọi người lục tục trở về chỗ làm. Mai nói với Kim:

- Chị chuẩn bị đi. Đến giờ lay ông đi qua, lay bà đi lại rồi đó.

Thấy vẻ ngờ ngác của Kim, Mai phì cười:

-Thì ngủ gục đó! Khó nhất là sau giờ ăn trưa. Bụng đầy mà công việc cứ bắt phải ngồi ở một chỗ, nên buồn ngủ dễ sợ! Chừng nào không cưỡng được, chị cứ việc đứng lên vào toilette một tí. Ở đây chỉ có đi toilette mới được đứng lên mà thôi. Chả bù lúc mới sang, Mai đi làm trong một hãng may. Họ bắt xếp quần áo. Toàn đồ ngủ đàn bà dài thậm thọt, nên suốt ngày cứ phải đứng. Tôi về hai cái chân cứng ngắt luôn! May quá, một hôm trên xe bus gặp anh Tuấn, hồi xưa bên Việt

Nam ở cùng xóm với Mai. Nghe Mai than cực, anh dẫn vào xin việc ở đây đó chị Kim. Rồi Mai kết luận, với cặp mắt mơ màng và nụ cười mím chi:

- Anh Tuấn tử tế và dễ thương lắm!

Bữa nay ngày đầu tiên nên Kim hết sức chú ý, cố gắng không phạm lỗi, nên không thấy buồn ngủ. Nhưng bên cạnh nàng, Mai thỉnh thoảng lại “gật đầu” một cái. Kim trêu:

- Lay ông đi qua rồi phải không?

Mai chớp cặp mắt đỏ quạch nhìn sang Kim, cổ nhếch miệng lên cười!

Tuy mới gặp, nhưng Kim thấy Mai là một cô gái rất dễ mến.

... Thảm thoát mà Kim làm ở hãng Keyes gần một năm. Sáng bắt đầu 8 giờ, chiều tan sở 6 giờ. Công việc nhẹ nhàng, dễ dàng đến độ...nhàm chán! Sau này thạo việc, không cần chú ý nhiều nên Kim cũng bắt đầu... lay ông đi qua, lay bà đi lại như mọi người, sau giờ ăn trưa. Thỉnh thoảng cả đám đang lơ tơ mơ, chợt giật bản người vì một tiếng thét hãi hùng của một nạn nhân lơ dềnh. Trong hãng có bốn người điều khiển máy ráp khoen, móc vào những sợi dây chuyền. Đôi khi ngủ gục, thay vì đưa hai đầu dây để máy đóng khoen, lạng quạng làm sao họ lại “thế” bằng chính ngón tay của mình. Cái máy vô tình vẫn làm nhiệm vụ, thế là một tiếng thét đau đớn trỗi lên, khiến mọi người bàng hoàng tỉnh giấc! Cai Guy hốt hoảng chạy tới tắt máy, rồi dẫn nạn nhân lên văn phòng săn sóc vết thương, sau khi đã mắng cho đương sự mấy mắng!

Có lần con bé Hà bị lâm nạn như vậy. Vừa bị đau vừa bị mắng, nhỏ oà lên khóc sụt sướt, khiến tên cai luống cuống không biết làm sao!...

Nghĩ đến còn rùng mình! Mùa đông năm đó lạnh thấu xương, lại bão tuyết liên miên. Có tuần đến ba trận. Con đường Chabanel chỉ có hãng xưởng. Building hai bên cao ngất. Khi có bão, gió luông giữa các cao ốc này, sức mạnh tăng lên gấp đôi. Những hôm ấy, mấy bác cháu té lên té xuống, cổ dất dít nhau đi trong bão tuyết mịt mùng để đến trạm xe buýt. Tội nghiệp bác Tâm và bác Sang, leo được lên xe, mặt mũi người nào cũng tái xanh, rét run cầm cập! Chao ơi bên Việt

Nam có mấy ai ngờ được cái nỗi niềm thâm thâm này! Kim có chị bạn thân, bảo lãnh đưa cháu từ trại tị nạn sang. Thấy bà cô cực khổ đầu tắt mặt tối, thẳng bé kêu lên:

- Cô ơi, trước khi sang đây, cháu cứ tưởng cô sướng như tiên.

Chị bạn Kim cười cay đắng:

- Đúng đấy cháu ơi. Nhưng cô là tiên mắc nợ!!

Công việc nhàn nên muôn đòi lãnh lương tối thiểu! Hơn nữa chưa có trường nào dạy cách moi được tiền của mấy ông chủ Do Thái!. Những ngày lễ, như lễ La Reine, chủ tuyên bố một câu xanh rờn:

- Cái bà Vua này ở tận bên Anh Quốc xa lắc, xa lơ, ăn thua gì tới xứ Canada mà phải nghỉ? Ai muôn nghỉ hôm đó thì ở nhà luôn cho được việc! Tất nhiên là chẳng ai dám bày tỏ lòng trung thành của mình với bà Nữ Hoàng, mà theo ông chủ thân mến (!) chẳng ăn nhập gì tới chúng ta cả...

Nhưng nặng nhất là hôm lễ Quốc Khánh của xứ Québec. Lễ này quan trọng bậc nhất đối với dân "Cò". Nhưng khổ nỗi, ông Deutch là dân Do Thái chánh cống. Hôm đó trong sở, mặt người nào cũng dài thòng. Khoảng 11 giờ, bỗng từ dưới đường, tiếng còi xe chữa lửa lẫn xe cảnh sát đưa lên điếc cả tai. Vài phút sau, có tiếng la lớn:

- Mọi người xuống đường. Building bị đặt bom!

Không ai bảo ai, chủ tớ tranh nhau theo cầu thang chân, chạy một mạch xuống tám tầng lầu trong một thời gian kỷ lục!

Đội cảnh sát đặc biệt nai nịt cẩn thận, đem máy dò bom lên rà khắp nơi. Độ nửa tiếng sau, các ông bạn dân trở xuống báo cáo:

- Tin đặt bom chỉ là tin vịt. Quý vị cứ yên chí tiếp tục lên làm.

Nhưng mấy người da trắng chảnh chảnh tí nào. Có cái cơ bằng vàng này, họ đã rút lui về nhà từ khuya! Lục tục trở lên hăng chỉ có đám da vàng và da đen. Ông Deutch lắc đầu cầu nhau:

- Tao không hiểu họ sợ cái gì? Khi Chúa gọi thì đầu tụi bây đang nằm trên giường cũng sẽ chết ngay đơ!

Kim thấy đúng quá. Mấy mươi năm chiến tranh ở quê nhà, hàng ngày bom bay đạn nổ trùm lum chung quanh, mà còn chẳng làm sao. Sá gì

cái chuyện đặt bom "dòm" này mà phải sợ há? Tối về nhà kể lại Tín cười:

- Đúng là bị mấy tên "Cò" hù cho bỏ ghét đó mà...

Tội nghiệp cho đám công nhân thấp cổ bé miệng, đôi khi tức muốn bẻ phổi mà vẫn phải ngậm tâm! Chẳng hạn những ngày lễ Do Thái, cũng chả dây mơ rễ má gì tới xứ Canada, lão chủ độc tài này lại bắt mọi người nghỉ tuốt. Trong khi người khác đi làm, mình lại tà tà ở nhà, thật chẳng giống ai! Có lần nhỏ Mimose ghé tai Kim thì thầm:

- Bây giờ tao mới hiểu tại sao trên thế giới ai cũng ghét dân Do Thái!

... Giao tình giữa Mai và Kim càng ngày càng khăng khít. Mai điềm đạm, hay giúp đỡ kẻ khác. Không đẹp lắm nhưng có duyên ngầm. Mai và bà mẹ được người chị bảo lãnh. Thủ tục kéo dài khá lâu, nằng không dám lập gia đình vì ngại giấy tờ sẽ gặp rắc rối. Nhưng mà, ngày tháng có chịu chờ ai, đợi ai bao giờ?! Cho nên vào cái tuổi 28, Mai tự cho mình đã quá xuân thì. Biết Kim lớn hơn nàng có bốn tuổi mà đã là mẹ của ba tí nhau, Mai nói:

- Chị Kim thật có phước. Biết chừng nào em mới có được một gia đình như chị!

Kim đùa: - Coi vậy mà hồng phải vậy đâu nghen. Nhiều khi điên đầu vì tụi nhóc, hoặc tức mình ông Tín, chị lại thấy ganh tị với những người còn độc thân. Nhưng kẹt nỗi "cá cần câu biết đâu mà gỡ. Chìm vào lòng biết thuở nào ra?"

Mai bật cười, nhưng sau đó lại buồn tiếng thở dài:

- Tại chị Kim không biết, chớ một mình đòi khi... chán đời lắm!

Chợt nhớ lại lúc sau này, Mai có những cử chỉ, ánh mắt hơi... đặc biệt đối với Tuấn, Kim nheo mắt:

- Nhưng không sao, cứ yên chí đi. Theo giác quan thứ sáu của chị thì cái được gọi là "hạnh phúc" của Mai chắc cũng chỉ ở gần sát đầu đây thôi! - vừa nói Kim vừa đưa mắt nhìn vào phòng màu - quan trọng là em có muốn chụp bắt nó hay không mà thôi.

Chắc Mai hiểu ý của Kim nên mặt chợt đỏ bừng, cầu cho Kim một cái đau điếng:

- Trêu em hoài. "Người ta" nghe chắc em độn thổ!

Kim giả vờ ngây thơ:

- Uà, người ta nào vậy cả?

Mai càng mắc cỡ, không biết nói sao, chỉ hừ hừ mấy tiếng. Kim cười ngất, nhưng trong lòng cảm thấy tội nghiệp cho Mai. Từng ấy tuổi đầu mà trong chuyện trai gái vẫn còn khá ngây ngô!

Tuy thích Tuấn, Mai chỉ dám thỉnh thoảng mời chàng ta chiếc bánh ngọt, hay quả cam, quả táo. Nhưng qua ánh mắt, nụ cười của nàng, Kim không thể nào nhầm lẫn được.

Trăm phần trăm là Mai đã trao trọn quả tim chân thật của mình cho Tuấn rồi. Nhưng khổ nỗi, theo nhận xét của Kim, thì hình như anh chàng này vẫn thân nhiên xem Mai như một cô em gái!.

Theo lời Mai kể, Tuấn năm nay ba mươi. Vượt biên sang đây một mình. Chỉ còn một bà mẹ bên Việt Nam. Năm 75, cộng sản chiếm miền Nam, Tuấn hãy còn ít tuổi. Bố là sĩ quan nên cả nhà kẹt lại ở Cần Thơ. Chỉ là Đại úy thôi, nhưng cái chức trường chi an ninh đã khiến ông phải ra học tập tận Hoàng Liên Sơn. Những lá thư hiếm hoi ông gửi về, đã làm mẹ Tuấn khóc hết nước mắt. Thèm đủ thứ. Những ao ước rất ư là tầm thường như củ khoai, miếng đường...khiến cho những người thân đứt từng đoạn ruột!

...Vài năm sau, khi nhận được tờ giấy phép thăm nuôi, bà chạy đôn chạy đáo, chuẩn bị đủ thứ. Những thứ mà bà biết khi xưa ông rất thích. Hai mẹ con bôn ba lên tận miền rừng thiên nước độc, để được biết rằng bố Tuấn đã vĩnh viễn ra đi trước đó mười ngày vì bệnh kiết lỵ... Nỗi đau khổ tột cùng làm mắt mẹ Tuấn ráo hoảnh. Bà không nhỏ được một giọt lệ cho người chồng xấu số. Nỗi căm hận đã khiến bà mất hết cảm giác!...

Về lại Sài Gòn, bà kiếm đường cho Tuấn đi, nhưng cậu bé nhất định không chịu xa mẹ. Đành vậy!.. Mãi đến năm 85, người chú ruột đóng thuyền vượt biên. Lần này mẹ Tuấn cố thuyết phục con đi theo. Thương mẹ, nhưng thấy tương lai quá mịt mù, cuối cùng Tuấn cũng xiêu lòng theo chú thêm ra đi. Nhờ bố Tuấn phù hộ chăng? Thuyền đi có ba hôm là đến Mã lai...

Khổ nỗi chẳng vào cái diện nào cả, nên chàng cũng phải mồi meo trên đảo hết ba năm. Một hôm, sau giờ học Anh ngữ, trên đường về đi ngang nhà thờ, Tuấn đột nhiên có ý tưởng vào cầu

xin Chúa một phen. Buổi trưa nhà thờ vắng lặng, Tuấn quỳ trước bàn thờ, miên man cầu nguyện. Rồi vừa thương thân phận, vừa nhớ mẹ một mình vò võ bên quê nhà, hai má đầm đìa nước mắt lúc nào không hay! Chàng cứ thẫn thức...thẫn thức...Bỗng giật mình, vì có bàn tay ai đó đặt nhẹ lên vai. Tuấn ngược nhìn lên, nhận ra là một vị linh mục người ngoại quốc. Cha tự giới thiệu là người Canada, tên Pierre, trong hội đoàn Phát Triển Hòa Bình Thế Giới. Hội đoàn chuyên bảo lãnh trẻ mồ côi, những người độc thân không thân nhân và thiếu điều kiện để được vào Canada. Rất may là phần lớn các cha trong Hội đoàn đều nói được tiếng Việt. Cha hỏi và Tuấn kể rõ hoàn cảnh cho người nghe...Cha tỏ ra xúc động trước hoàn cảnh của Tuấn, nên hứa sẽ cố gắng giúp đỡ. Tuấn về kể cho chú thêm nghe, lòng tràn trề hy vọng...

Ba tháng sau, chàng được phái đoàn Canada gọi lên phỏng vấn và đặt chân vào xứ Québec trong một ngày nắng đẹp tung bùng. Tuấn ở chung với ba người Việt khác đến trước. Đi học tiếng Pháp được một năm, nói và hiểu kha khá thì chàng kiếm được việc làm trong hãng Keyes, tới lấy thêm cours kế toán. Lắm râm mà Tuấn học cũng sắp xong. Hai năm đầu vẫn được ở chung nên không mấy tốn kém. Tiền kiếm được, Tuấn gửi một phần về cho mẹ và dành dụm mua một chiếc xe cũ để đi làm...Chàng năm nay chẵn ba mươi. Người tầm thước, khỏe mạnh, khôi hài rất có duyên và một đặc tính mà mọi người đều ưa thích là lúc nào cũng sẵn sàng... ăn cơm nhà vác ngà voi! Ai cần giúp đỡ chuyện gì, chi... hú một tiếng là có chàng.

Thấy Tuấn tứ cố vô thân, thỉnh thoảng cuối tuần hoặc sinh nhật các con, Kim mời Tuấn và Mai tới ăn cơm. Nàng nhất định bắt nhịp cầu tri âm cho hai trẻ!

Tín cười trừu vọt:

- Nè bà xã, bà đã từng nghe qua câu tục ngữ: Ở đời có bốn cáiái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu chưa vậy? Hạnh phúc thì không nói gì. Hề cơm không lành, canh không ngọt là họ cứ bà mai mà rêu cả ngày! Bà nhắm có chịu nổi không nè?

Kim chống ché:

- Tại em thấy cậu Tuấn đang hoang, nhờ Mai lại có ý thương thầm, nên em có lòng tốt, giúp cho họ nên duyên cảm sắt chớ bộ!

Tín nhân mặt:

- Thôi em ơi, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, mà dzô dziên có đối diện cũng bắt tương phùng hà. Em đừng giựt “job” của ông Tơ bà Nguyệt mà lãnh... sẹo nhé!

Kim xí một tiếng không thềm trả lời. Tuy trong bụng cũng thấy “thằng chả” có lý phần nào!

... Thứ sáu tuần rồi, Mai nói với Kim thứ hai sẽ dẫn một người quen, ở Việt Nam mới sang, vào xin việc. Gia đình này gồm bố mẹ già, một con trai và cô con gái tên Mỹ Dung được người con trai lớn đi du học trước bảy năm bão lãnh. Lúc đầu sống tạm nhà con trai bên Laval. Nhưng ngặt cô dâu đảm không chịu nổi mùi nước mắm, mà ông bà già lại không chịu xoi com tây. Thịnh thoảng còn chấp nhận, nhưng thường trực thì chịu thua! Nên sau cùng đành chia tay. Ông con qua mướn cái appartement, cùng building với gia đình Mai, nên hai nhà quen nhau. Bố mẹ Dung đều trên sáu mươi, nên chuyện kiếm việc thật nan giải. Mỹ Dung và cậu em phải đi làm ngay mới đủ chi dụng trong nhà. Nàng nhờ Mai dẫn vào xin việc ở hãng Keyes...

Sáng thứ hai, vừa ngồi xuống chỗ, Mai đã vui vẻ nói với Kim:

- Em đã đưa Mỹ Dung tới tận cửa văn phòng rồi. Con Bernadette nghi sanh, hy vọng họ sẽ nhận Mỹ Dung vào thể. Con bé dễ thương, lanh lợi lắm chị Kim ạ.

Độ 15 phút sau, cai Guy dẫn một cô gái từ văn phòng vào, đi thẳng đến chỗ cũ của nhỏ Bernadette. Nhìn thoáng qua, con bé xinh thật. Mai tóc dài đen mượt, da trắng như trứng gà bóc, thân hình thon nhỏ...

Đến giờ ăn trưa, Mai chạy lại chỗ Mỹ Dung, dắt con bé đến bàn nơi Kim và bác Tâm ngồi, đang định đỡ thức ăn ra. Mai giới thiệu, Mỹ Dung tươi cười chào bác Tâm và Kim... Uí chao, lại có chiếc răng khểnh nữa chứ! Cặp mắt lá răm này cũng có hạng lắm đây, Kim nhủ thầm. Thấy Tuấn từ trong phòng mài bước ra, Mai đưa tay vẫy. Tuấn cầm túi giấy đựng sandwich đi ra chỗ

các bà. Mai giới thiệu Mỹ Dung. Tuấn cũng lịch sự hỏi:

- Mới ngày đầu Dung thấy thế nào, mệt lắm không?

Con bé chớp mắt, cười duyên trả lời:

- Trước đây em cứ tưởng đi làm hãng xưởng cực lắm, không ngờ chỗ này công việc nhẹ nhàng quá anh ạ. Mỗi ngày lại được nhìn thấy hàng núi nữ trang như thế này em thích lắm! Tuấn cười:

- Thật các bà các cô ai cũng giống nhau. Cứ thấy nữ trang là mắt sáng lên!

Mỹ Dung dẫu môi:

- Anh Tuấn không biết sao, hai điều thú vị nhất của đàn bà là quần áo và nữ trang. Phải không chị Mai? Mai cười cười không trả lời, vì tính nàng không thích se sua, chùng điện. Thấy con bé có vẻ hơi xí xọn, Kim lên tiếng:

- Cũng còn tùy. Có bà thích làm bếp, có bà mê trồng cây. Như tôi đây, có bao nhiêu tiền cũng đổ vào sách báo. Nhưng Mỹ Dung cũng có lý, phần lớn các bà đều mê mấy thứ đó. Chả vậy mà các nhà thời trang, năm nào cũng bỏ vào túi cả chục tỉ đô la. Mà nghĩ đi, nghĩ lại, hôm nào diện đẹp, mình cũng cảm thấy... yêu đời hơn.

Tuấn rên rì:

- Chỉ khổ bọn đàn ông chúng tôi thôi. Tôi biết có người cày ngày không đủ, còn phải tranh thủ... cày đêm!

Mỹ Dung cũng không chịu thua:

- Anh Tuấn nói vậy em không đồng ý. Hồi xưa bên Việt Nam, chỉ có bố em đi làm nuôi cả nhà. Bây giờ sang đây, em thấy hầu như gia đình nào bà vợ cũng phải đi làm mới đủ cho cả nhà...

Kim tố thêm:

- Đó là chưa kể về nhà lập tức trở thành vú em, chị bếp, con sen và ban đêm còn phải hầu ông chủ!..

Tuấn đưa tay lên trời:

- Thôi thôi chịu thua các bà! Từ trước đến giờ vẫn không cãi lại chị Kim. Bây giờ còn thêm cô Dung nữa, tôi xin đầu hàng vô điều kiện!

Mọi người cùng cười vui. Tuy ngoài mặt không lộ vẻ gì. Nhưng sao Kim cảm thấy trong lòng hình như có cái gì đó không được ổn. Tại Mỹ Dung xinh đẹp và sắc sảo quá chăng? Bên cạnh con bé, Mai như một chiếc bóng mờ!

...Càng ngày Kim thấy linh tính lúc đầu của mình càng đúng. Mỹ Dung có những hành động vượt quá mức bình thường, như hôm nào cũng mang thêm một phần ăn cho Tuấn. Ban đầu anh chàng từ chối, thì Mỹ Dung giải thích:

- Sẵn làm cho em, làm thêm một phần cho anh, có mất công gì đâu!

Lúc đầu Tuấn thấy ngượng, nhưng lâu dần cũng... quen. Vả lại, trên đời này, có chàng trai bình thường nào lại nở làm buồn lòng một cô gái xinh đẹp như Mỹ Dung? Để đáp lễ, buổi chiều Tuấn xin được đưa Mỹ Dung về. (ôi, cũng đâu có xa xôi gì cho cam. Chỉ mất thêm độ ba mươi phút thôi mà!).

Nhưng không lẽ cùng building, mà chỉ chờ một mình Mỹ Dung cũng kỳ, nên Tuấn mời luôn Mai. Dĩ nhiên con bé xíu nhận lời ngay, nhưng Mai thì e ngại. Nhờ người ta thấy họ cười chết! Nhỏ Dung bừ mỗi:

- Chị sao lạc hậu quá trời! Chị tính đi, nếu đi nhờ xe anh Tuấn, mình chỉ mất có mười lăm phút là về đến nhà, thay vì bốn mươi lăm phút như thường lệ. Tiết kiệm được nửa giờ, mà khỏi phải chen lấn khổ sở, chị thấy không tốt hay sao?

Mai nghe cũng bùi tai, nên nhận lời. Không lẽ cả hai cùng ngồi phía sau? Tuấn đâu phải là tài xế của hai nàng. Nhưng gì thì gì, Mai nhất định dành ngồi phía sau (nhỡ có người cùng building thấy... ừ chết!). Con bé Dung ngồi phía trước với Tuấn, liếng thoắng kể chuyện. Vừa đẹp, vừa có duyên lại trẻ măng (mới hăm ba mùa xuân thôi mà). Điều này có người chết chắc!...Bình thường Mai chỉ im lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng mới góp vào một hai câu cho có chuyện...

... Cả tuần, Kim thấy Mai có cái gì đó không được bình thường. Nàng ít nói hẳn, mắt lại có quầng thâm. Buổi trưa mọi người ăn uống vui vẻ, Mai cứ thờ ra, thức ăn hôm nào hầu như cũng còn nguyên. Có hôm đang làm việc, Kim quay qua hỏi Mai thứ bảy này có rảnh không, phải hỏi mấy lần Mai mới giật mình, làm như tâm hồn đang ở tận đâu đâu. Kim nhủ mày suy nghĩ. Không lẽ con bé thất tình? Ừ, có thể lắm à. Đạo này thấy Tuấn với Mỹ Dung càng ngày càng thân mật. Con bé Dung tỉnh tỉnh tự nhiên, nói chuyện với anh

chàng Tuấn chả giữ gìn cả. Cặp mắt lá rậm lại cứ liếc tới, liếc lui. Cái miệng dẻo queo, có là gỗ đá cũng phải nhũn ra như... bún thiêu mà thôi! Nói chỉ đến anh chàng Tuấn tứ cố vô thân, lại phòng không chiếc bóng!

Kim nghĩ, nếu chuyện này có xảy ra thật, nàng cũng không lấy làm lạ. Vì trước một đối thủ quá ư lợi hại như Mỹ Dung, Mai thua là cái chắc! Chỉ có điều trớ trêu là, khi đem Mỹ Dung vào xin việc, Mai đã tự tay ký bản án tử hình cho hạnh phúc của đời mình. Nhưng tự cô chỉ kim, có mấy người cãi được số trời?! Không tiện hỏi nơi đây, Kim đành hẹn Mai chiều thứ bảy đến nhà nàng ăn bánh xèo.

... Mai vừa bước chân vào cửa, là Kim đã lôi bèn vào phòng ngủ, đóng cửa lại. Án Mai ngồi xuống giường, Kim nhẹ nhàng nói:

- Nào, bây giờ có chuyện gì buồn, kể ra cho chị chia xẻ với.

Mai cắn môi, mắt nhìn xuống ngập ngừng đáp em không sao. Kim bực mình gắt:

- Không sao, không sao. Bộ cho là chị mù chắc! Lúc này Mai xuống sắc lắm Mai có biết không? Càng ngày càng tong teo. Chả bù với con bé Dung, càng ngày chị thấy nó càng tươi tắn, rực rỡ ra!

Đúng như Kim dự tính, chạm vào vết thương đau, Mai ngẩng lên nhìn nàng, giọng đứt quãng:

- Em cũng không biết nói sao với chị nữa. Em... em khổ lắm chị Kim ơi!...

Chỉ tới đó là hai hàng nước mắt rùng rùng. Một tay ôm nhẹ bờ vai gầy gò của Mai, tay kia với lấy mấy tờ kleenex, Kim thở dài:

- Chị biết em yêu Tuấn từ lâu. Nhưng bao nhiêu lần chị nói bóng, nói gió em đều lờ đi... Em tưởng mình đang ở thời... thượng cổ hay sao chứ? Thương người ta mà cứ giấu biệt trong lòng. Con nhỏ Mỹ Dung đó, chỉ nhìn dáng điệu của nó thôi, ngóc cách mày cũng biết là nó đang giăng lưới để tóm ông Tuấn. Phải chi từ trước em cũng mạnh dạn như nó thì...

Mai lau nước mắt, giọng ướm sũng:

- Em cũng biết là em cổ hủ, không bằng ai. Nhưng trời sinh em như vậy, biết sao hở chị?! Bố mẹ em khó lắm. Ngày xưa, chị cả em bị bố bắt

gặp đi học về chung với anh rể em (lúc đó còn chưa lấy nhau), ông già cho bà một trận nên thân! Các cụ nhà giáo ngày xưa khó lắm chị ơi. Có lẽ vì vậy mà lúc nào em cũng phải giữ gìn...

À ra thế! Kim chép miệng. Nhưng một lúc, Mai thờ dãi:

-Thôi để em kể hết cho chị nghe.

... Trong cái đầu óc giản dị của nàng, lúc trước Mai cứ đinh ninh Tuấn chỉ xem Mỹ Dung như một đứa em gái. Nào ngờ, chiều chúa nhật tuần trước, từ nhà bà chị về, thấy xe Tuấn đậu bên lề đường, trước cửa building. Mai vô tình nhìn vào, định hỏi Tuấn đi đâu đây thì... giọng Mai ngập ngừng, nàng thấy Tuấn và Dung đang... hôn nhau. Mai hốt hoảng lùi lại (Kim nghĩ thăm Trời sập chắc cũng...cỡ đó thôi!). Có lẽ hai người không thấy Mai (là cái chắc, họ đang say sưa quá mà!). Nàng còn đang lúng túng, thì Dung mở cửa bước xuống và Tuấn phóng xe đi. Thấy Mai (tất nhiên đang chết đứng như Từ Hải!), con bé toét miệng cười, hí hửng khoe bữa nay hai người đi picnic trên núi Mont Royal và sau đó đi ciné dưới phố, bây giờ vừa về tới. Mai cố gắng ừ hử lấy lệ, nhưng có nghe gì nữa đâu? Một cụ thi sĩ tiền chiến đã từng rên rí: Yêu là chết trong lòng một ít!... Nhưng lòng Mai lúc đó thì tan tành, nát ngườ như tương, không còn một mảnh vụn!

Buổi tối Mai ăn cơm mà như nuốt sạn. Giữa bữa lấy cốc nhức đầu, xin vào phòng trước. Suốt đêm nàng không tài nào ngủ được, cái cảnh tượng ban chiều cứ hiện ra rành rành trước mắt!...

Kim giật mình vì tiếng thờ dãi nảo nuốt của Mai:

- Chị Kim, cái mà em không bao giờ nghĩ đến, là từ lúc quen với Tuấn, Mỹ Dung kiếm có phen cho ảnh hoài. Lúc đầu thỉnh thoảng, nhưng sau này thường lắm, hầu như tối nào cũng phen (Trời, con nhỏ ít tuổi mà khôn như ranh. Còn cái điện thoại nữa, bình thường rất hữu dụng, nhưng đôi khi cũng hại chết người!)... Đi chung xe với họ, đối với Mai bây giờ là một cực hình. Những lời đùa giỡn vô tình của hai người khiến lòng nàng đau như bị dao cắt!... Mai nhìn Kim cầu cứu:

- Em phải làm sao đây hả chị Kim? Em nghĩ nát óc mà cũng không ra. Chẳng lẽ tự dung em nghĩ làm? Nói làm sao với bố mẹ em? Nói bị đui

cũng được, nhưng từ trước tới giờ em chưa bao giờ dám nói dối với bố mẹ.

Kim á khẩu, không biết khuyên Mai thế nào cho phải. Tuấn và Mỹ Dung yêu nhau cũng là chuyện tự nhiên. Nhưng đôi lúc Kim thấy bực mình trước thái độ quá vô tình của họ. Mới trưa thứ sáu này chớ xa xăm gì. Kim mời Mai miếng bánh da lợn thật ngon, Kim vừa mua chiều hôm trước. Mai từ chối, bảo không đói. Kim gắt:

- Không chịu ăn uống gì cả. Nhìn Mai người ta dám tưởng mới từ Phi Châu về lắm đó. Không tự thương mình thì ai thương dùm cho?

Mỹ Dung cũng kêu:

- Đúng, lúc này em thấy chị Mai gầy xẹp hẳn đi!

Tuấn giáng thêm cú... ân huệ:

- Mai có bị bệnh gì không vậy?

Mai lắc đầu, cặp mắt chớp lia, đôi môi run rẩy. Kim biết nàng đang cố nén tiếng nấc! ... Rõ ràng chung quanh hai người này, thế giới không còn hiện hữu nữa mà! Kim bực dọc định nói một câu trách móc, nhưng may quá, ngậm miệng lại kịp. Trách họ cái gì mới được chứ? Tội yêu nhau ư? Hay cái tội xem mọi người chung quanh như “vô hình”? Kim nhớ lại, hình như hồi xưa, nàng và Tín cũng đã từng mắc cái bệnh này mà!

Bác Tâm nhìn Mai thương xót:

- Ráng giữ gìn sức khỏe nghe cháu. Ở xứ này không có sức khỏe là tiêu đó. Bác già rồi không nói làm gì. Nhưng cháu còn trẻ, cuộc đời còn dài. Chuyện gì rồi cũng sẽ qua đi...Mai lí nhí nói tiếng cảm ơn. Tuấn và Mỹ Dung nhìn nhau, không dấu được vẻ ngờ ngạc...

... Hôm đó quá bất ngờ, Kim chỉ biết an ủi Mai bằng mấy câu xưa như trái đất:

- Cứ xem như hai người không có duyên nợ với nhau...v...v...và...v...v...

Trút được gánh nặng ngàn cân trong lòng với Kim, Mai cũng cảm thấy nhẹ bớt. Tuy vậy, cho đến lúc ra về, nàng vẫn không nuốt được miếng bánh xèo nào. Kim cũng không dám ép.

... Tối nay cơm nước xong, hai vợ chồng ngồi trước TV định xem nốt phim Bao Công, bỗng điện thoại reo. Kim cầm ống nghe, tiếng Mai vang lên từ bên kia đầu giây:

- Chị Kim, chị có rảnh không?

Cảm thấy có chuyện gì đó không ổn, Kim nói với:

- Đợi chị vào trong phòng.

Nàng vội vã đi vào phòng ngủ, sau khi dọn Tin gác phôn dùm. Kim allô, allô hai ba tiếng mới nghe giọng Mai thổn thức:

- Chị biết không, chiều nay vừa lên xe là Dung nói ngay với em rằng anh Tuấn còn ba tháng nữa ra trường, sau đó hai người làm đám cưới liền. Dung còn nhờ em làm phù dâu cho nó nữa đó chị.

-Chết! Kim kêu thảm trong bụng. Thế này thì con bé chịu sao nổi! Chứng kiến hai người yêu nhau đã là một cực hình. Bây giờ còn làm phù dâu, thì chỉ có nước tự tử! Kim thở dài ngao ngán, tội nghiệp cho Mai.

- Chị Kim, chị Kim, chị có nghe em nói không?

Kim vội vã trả lời:

- Có, chị đang nghe đây.

- Bây giờ chị bảo em làm sao? Em không dám từ chối, mà đi phù dâu thì quá sức chịu đựng của em.

Kim nói thật dịu dàng:

- Mai à, sự thể đã ra nông nổi này, chị thấy em đành chấp nhận mà thôi. Nếu em tin theo thuyết nhà Phật, thì cứ xem như Tuấn và em không có duyên số. Em yêu Tuấn nhiều như vậy, chắc em cũng muốn ảnh được hạnh phúc. Bây giờ Tuấn đã tìm thấy niềm hạnh phúc đó bên Mỹ Dung, em hãy cố quên mình mà mừng cho Tuấn. Chị biết là khó ghê lắm, nhưng tin tưởng em làm được. Em vốn là một người rất nhân ái...

Mai nghẹn ngào:

- Bộ em còn đường để chọn lựa nữa hay sao?

- Chị thành thật cầu xin cho em có đủ can đảm. Bây giờ nghe chị, cố gắng ăn ngủ bình thường. Tội gì mà hành xác cho khổ! Vợ chồng là cái nghiệp, cái nợ phải trả. Ngay bây giờ em không phải trả nợ cho Tuấn, nhưng sau này, chắc chắn sẽ có người khác tới đòi... Kim cười nhẹ, biết chừng đâu lúc đó em sẽ than vãn. Như chị đây nè, đi làm về mệt muốn đứt hơi, mà còn phải hầu ông chồng với một đám nhóc. Nhiều khi muốn diên luôn! Mai thở ra:

- Em thấy không còn cách nào hơn là nghe lời chị!

... Nhưng từ đó Kim thấy Mai chăm đi lễ chùa hơn trước. Kim trừu:

- Nè, định bỏ bữa cho... hay sao mà siêng năng đi chùa quá vậy?

Mai cầu cho Kim một phát đầu điếng:

- Cứ xuyên tạc không hà! Chị biết không, cái không khí trên chùa khiến em cảm thấy rất bình yên, thoải mái. Chiêm ngưỡng nét từ bi, hi xã của Đức Phật, tự nhiên mình có cảm giác trên đời này, tất cả đều là hư không. Tự mình cột mình vào những phiền lụy mà thôi chị ạ!

Nhìn nụ cười nhẹ nhàng trên môi Mai, Kim thấy an tâm.

... Đám cưới của Tuấn và Mỹ Dung được tổ chức trong vòng thân mật, vì cả nhà trai lẫn nhà gái đều ít thân nhân. Tuấn chỉ ân hận không có mặt mẹ trong ngày vui nhất của mình... Mai đi phù dâu với một nét mặt bình thản, như không hề có chuyện gì xảy ra...Sau đó ít tháng, Tin ra trường và Kim cũng bắt đầu về làm thư ký cho bác sĩ Quang.

Tuy không còn làm ở Keyes, nhưng Kim vẫn liên lạc thường xuyên với Mai và thỉnh thoảng cũng có gặp vợ chồng Tuấn. Họ đã có một thằng cu giống bố như đúc. Lần đầu gặp, Kim trừu:

- Uả, tôi nhớ hồi xưa ông làm ở phòng mài, chớ có làm ở phòng đúc khuôn đâu, mà bây giờ lại đúc ra một tác phẩm giống y chang vậy nè?

Tuấn vừa cười, vừa trả lời:

- Chị Kim quên là phòng mài của tôi nằm sát bên phòng đúc hay sao? Thỉnh thoảng rảnh rỗi, tôi chạy qua học lén đó... Mọi người cùng cười.

*

...Chiều nay ngồi trong xe, trên đường về, Kim nói với Tin:

- Anh không thể tưởng tượng được, bữa nay em gặp ai ở phòng mạch đâu.

Tin giả vờ suy nghĩ:

- Đâu, để anh thử “tưởng tượng” xem nào... A! thôi anh biết rồi. Richard Gere, người trong mộng của em. Đứng chưa?

Kim nguyệt chồng:

- Đứng đắn một tí có được không. Bữa nay em gặp con nhò Mimosa hồi xưa làm ở hãng Keyes. Em chợt nhớ ra là lâu lắm rồi mình không mời nhò Mai tới ăn cơm.

Tín lắc đầu:

- Chịu em. Người ta đã “băm” rồi, mà em cứ kêu nhò này, nhò nọ!

Kim cười chống chế:

- Tại em quen miệng rồi. Lát sau Kim chép miệng:

- Nghĩ cũng tội, chuyện xảy ra đã trên bốn năm rồi, mà Mai nó vẫn chưa quên được ông Tuấn. Không lẽ suốt đời ở vậy? Năm ngoái em thấy ông Phước ở Toronto đó, cũng được quá, mà Mai nó nhất định không chịu!

Tín lên mặt triết lý:

- Con tim nó có lý lẽ của nó mà em. Có bực mình cũng vậy thôi. Bây giờ, việc cần nhất là mời cô Mai thứ bảy này đến nhà mình ăn. Lâu lắm rồi em không làm món bánh xèo. Mới nhắc đến mà anh đã thêm rõ dãi ra đây này!

Kim liếc Tín bằng nửa con mắt:

- Dạ, xin tuân lệnh ông chủ. Thứ bảy sẽ có món bánh xèo hầu ông. Chịu chưa?

Tín khoái chí cười hăng hắc. Kim nhủ thầm:

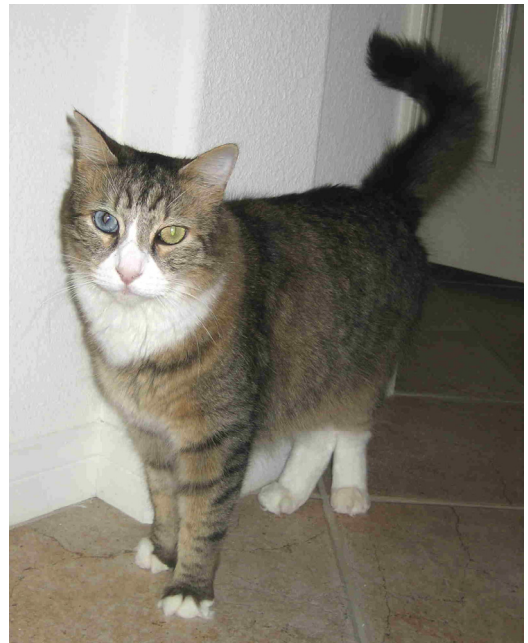
- Không hiểu sao mình có thể yêu tha thiết một kẻ, mà mỗi lần nghe đến tiếng “ăn” là mắt mũi sáng trưng lên như đèn pha... Thôi, đứng thẳng chả là cái món “Nợ” tiền kiếp mà mình phải trả đây... rồi buông tiếng thờ dài áo nã: Cũng đành!!!

TIÊU-THU (Canada)

CHÚC XUÂN

Chúc xuân trẻ đẹp,
Chúc xuân tươi
Chúc LỘC,
Chúc sang,
Chúc mọi người
Chúc PHÚC,
Chúc an khang,
Chúc THỌ
Chúc năm Tân Mão,
Chúc yên vui

VŨ LANG



Ảnh của NGUYỄN THỊ TUỜNG VÂN

NHÀ VĂN TIỂU THU TẠI VIRGINIA

Ngày 11 tháng 11, 2010 Nhà Văn Tiểu Thu cùng Phu Quân là Bác Sĩ Phan Văn Thành từ Montreal, Canada đã tới Virginia tham dự Buổi Hòa Nhạc Ca Ngợi Tự Do (Ode For Freedom) của Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa.



BS Thành, Thái Ninh, Thân Hữu, Chị Long, Tiểu Thu, Thái Phượng, Phan Khâm, Nguyễn Phú Long.



BS Thành, NT Phan Khâm, NV Tiểu Thu, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung



Tạp Chí Cỏ Thơm đón tiếp Tiểu Thu. Hàng trước: Phan Anh Dũng, BS Thành, Vũ Hối, Đăng Nguyên, Phan Khâm. Hàng sau: Hồng Thủy, Tiểu Thu, Ý Anh, Tâm Hào, Nguyễn Lân, Hoàng Dung, Ngọc Dung và Phong Thu.

BỨC TRANH KHÔNG VẼ

Kim-Vũ

Chiều nay, ông Hiền cảm thấy rất nhẹ nhõm.

Vương mắc cuối cùng của ông với Sài Gòn đã được giải tỏa.

Bây giờ thì ông có thể yên tâm lên đường, không còn vương vấn gì nữa.

Tạm thời, ông tự cho có thể xong nợ đối với Sài Gòn.

Món nợ đó, thực ra, là do chính ông tự đặt cho mình. Không ai bắt ông phải vương vếu vào nó cả. Thế nhưng, có lẽ ông thuộc loại người nặng tình, nên nó đã cứ làm ông băn khoăn, không hoàn toàn thư thái.

Câu chuyện liên quan đến một cô gái. Nàng tới Sài Gòn từ một tỉnh lẻ cách đây chưa đầy một năm, gặp nhiều khó khăn khi kiếm công ăn việc làm, nên một người bạn đã giới thiệu đến làm người mẫu cho ông. Ông là một họa sĩ từ lâu không hành nghề, nhưng luôn luôn ôm ấp trong đầu mộng ước thực hiện một bức tranh ngoại hạng về một cô gái Việt Nam đương đại.

Nàng là loại người mẫu không chuyên, nên đã không tự nhiên lắm, và ông đã chưa thể bắt đầu một bức tranh thật sự nào cả, chỉ mới lấy được một ít *croquis*, và đang tìm cách đặt nàng vào một bối cảnh lý tưởng nào đó chưa kiếm ra.

Ngoại hình nàng thật đẹp, và vẻ mặt có cá tính, với cặp môi hồng gợi cảm, và một vẻ tươi mát toát ra từ thân thể thiếu nữ dậy thì của miền núi rừng hoang dã. Ông đã rất muốn vẽ nàng khóa thân, nhưng thấy không tiện để nghị, vì ông cho như thế là quá sỗ sàng đối với một cô gái phương Đông chưa biết gì về thế giới phóng khoáng của nền nghệ thuật phương Tây.

Ông cũng đã đưa nàng đi chơi một số nơi trong thành phố, với hy vọng ở đâu đó sẽ có thể này ra

một ý tưởng xuất thân về bối cảnh thích hợp cho bức tranh mà ông đã đặt vào nhiều kỳ vọng.

Thế nhưng câu chuyện chưa đi tới đâu, thì ông thấy mình đã bị lôi kéo vào một thứ tương quan không hoàn toàn dễ chịu với cô gái.

Có thể tình cảm của ông bắt đầu từ sự ngây ngất trước sức quyến rũ lạ kỳ của sắc đẹp nàng, đồng thời cũng từ một thứ lòng trắc ẩn nào đó trước hoàn cảnh của nàng. Ông không hề có ý định phải vương vếu tình cảm với cô gái. Ông đã có một kế hoạch rõ ràng cho tương lai với tiền đồ khá sáng lạn, và kế hoạch đó đang được xúc tiến khá quan.

Thế nhưng, "*lừa gân rom tất bén*", có lẽ như thế, nên ngược với ý muốn của ông, ông dần dần bắt đầu quyến luyến cô gái. Thoạt đầu thì có vẻ như nàng cũng có một tình cảm nào đó đối với ông. Bằng có là nàng đã chịu để ông đưa đi thăm mấy nơi, tuy điều đó hoàn toàn không bó buộc đối với một người mẫu chỉ có tình cách nhất thời.

Ông cũng cố giữ một khoảng cách đối với nàng, vừa là để tránh người ngoài dị nghị, vừa là để tự giữ cho mình cho được an toàn. Xưa nay ông vẫn được tiếng là người đàng hoàng đứng đắn, và ông không muốn vì chuyện không đâu mà làm mất đi cái thanh danh không hề dễ có đó. Và chẳng, ông vẫn còn đang ở trong giai đoạn tìm hiểu thêm về cô gái, mà cách cư xử tỏ ra khá kín đáo. Ít nhất là đối với ông.

Thế nhưng, ở đời, cái gì càng giữ gìn, thì càng tự khẳng định sức cảm dỗ của nó. Và ông chỉ thực sự ý thức là mình đang coi cô gái hơn là một người mẫu bình thường khi một hôm được người bạn nói cho biết là nàng mới có bạn trai.

Tuy nhiên, ông đã trấn tĩnh được ngay, và tự nhủ thầm, nàng có cái quyền đó lắm chứ. Nàng còn trẻ, đang ở độ tuổi nhiều ước muốn, và chính ông, với sự quan tâm của một người đáng bậc cha chú, cũng thật sự muốn cho nàng tìm được hướng

đi của nàng, có một cuộc sống ổn định và hạnh phúc kia mà!

Đĩ nhiên, nàng không hề nói cho ông biết một chút gì về chuyện này. Điều đó làm ông khá thất vọng và bị tổn thương. Ông đã tưởng có được phần nào lòng tin của nàng. Nàng không có ai thân thích ở Sài Gòn, và đôi khi ông đã tìm cách giúp đỡ nàng phần nào trước những khó khăn của cuộc sống cam go, và nàng đã vui vẻ đón nhận thiện ý của ông. Chính ông cũng đã khổ công tìm kiếm và giới thiệu được cho nàng một chỗ làm ổn định, với một người bạn đang hoang, trong tình hình thật sự khó khăn về kinh tế cho tất cả mọi người như hiện nay. Dù sao, ông cũng không tỏ bất cứ một cử chỉ nào cho nàng thấy ông đã biết về chuyện của nàng.

Thế rồi dần dà, nàng tìm cách tránh gặp mặt ông. Ông đã nhắc nàng đến ông mấy lần để có thể tiếp tục tìm tòi và thực hiện bức tranh. Nàng đã vắng dạ, rồi lờ luôn.

Ông có thể đến nơi nàng tạm trú ngụ để hỏi nàng về việc này. Nhưng ông không muốn làm điều đó. Có hỏi cũng vô ích. Nàng sẽ chối quanh. Và đây là điều làm ông vô cùng kinh ngạc và thất vọng. Nàng đã từng không thật lòng với chính gia đình nàng và một người bồ cũ khá sáng sủa và rất gần bó với nàng, kể gì đến ông.

Vậy ra, ông đã xét đoán con người lầm lẫn hết. Ông đã tưởng nàng khá hơn thế nhiều, bằng vào vẻ thẹn thùng e lệ bề ngoài của nàng, và vào phong cách đơn sơ mộc mạc của nàng. Rút cục thì chẳng qua đó cũng chỉ là một thứ kiểu cách mà thôi, một thứ kiểu cách mà ông đã phải mất rất lâu mới thấy được ra. Có lẽ ông chỉ nhạy cảm đối với cái đẹp nghệ thuật, mà vẫn chưa đủ tinh tế để nhận thấy là có một khoảng cách, dù nhỏ bé nhưng cơ bản, giữa nghệ thuật và cuộc đời. Có lẽ ông vẫn còn ấu trĩ trong suy nghĩ ngây thơ là một nàng tiên thì phải đẹp cả người lẫn nét.

Một điều mà dù mê muội đến đâu, ông cũng không thể không nhận ra, nàng không hề có một ý thức gì về cái đẹp như ông hằng tưởng. Nàng đã gần như lãnh đạm dửng dưng trước bất cứ biểu

hiện nào của nghệ thuật, trước những cái làm ông xúc động, dù đó là văn, thơ, âm nhạc hay hội họa. Và nàng cũng dửng dưng như thế trước lòng tốt của những người bạn dù mới quen nhưng đã tỏ ra thực tâm lo lắng cho nàng.

Tuy nhiên, ông vẫn cứ muốn khẳng khẳng tìm cách bào chữa cho nàng. Phải chăng cái thái độ ngoan cố đó đã cho thấy là ông đã thật sự bị nàng cuốn hút đến độ không còn sự minh mẫn của một người bình thường?

Và ông đã phải sống trong một tâm trạng khó chịu trong một thời gian dài, mà không hề được thêm một tín hiệu lạc quan gì mới cả.

Thế rồi hôm nay, người bạn mà ông đã giới thiệu để giúp đỡ nàng về công ăn việc làm, và rồi nàng cũng đã lạnh lùng bỏ đi để đến một nơi thuận lợi hơn, sau một thời gian dài tình cờ gặp lại, đã vô tình tiết lộ cho ông hay một tin động trời: nàng vừa bị lừa mất một số tiền lớn bởi một người đàn ông không ra gì, đã có vợ con, dù ai ai cũng biết điều đó, và dù người bạn ông đã nhiều lần lưu ý và khuyên nhủ. Riêng về mặt tình cảm, thì không rõ ra sao, vì nàng dấu diếm rất kỹ chuyện này, nhưng cũng khó mà tin được rằng một con nai tơ lại có thể thoát khỏi nanh vuốt của một con chó sói lười đời.

Ông đã nóng rần người lên khi nghe tin đó. Sao mà nàng có thể dại dột đến thế! Vậy là ông đã uổng công lo lắng cho nàng, giới thiệu nàng với đủ người đang hoang có thể giúp nàng rất nhiều trước các cạm bẫy của cuộc sống đô hội. Nhưng nàng đã không hề mảy may quan tâm. Nàng vẫn liêu lĩnh bước những bước đi của mình, bất chấp mọi lời khuyên. Phải chăng có một ngọn gió lang thang nào đó trong con người nàng? Hay nàng muốn nổi loạn, muốn bật ra khỏi sự kiểm tỏa của gia đình và người lớn, muốn tự khẳng định con người mình, muốn tự thực hiện quyền tự do cá nhân của mình từ những tù túng của một môi trường ngột ngạt? Sự tự do tội nghiệp của một con chim ra rang, còn khù khờ non nớt đến đáng thương? Nàng đã không hỏi ông đến một lời khuyên, dù nàng biết rất rõ là lúc nào ông cũng

SÔNG MƠ

Về sông Hàn, Đà Nẵng

Dòng sông thơ đêm qua nằm ngủ
Sen đầy tay nở ngát hoa say
Dòng quê xa giấc mơ trôi về
Đất trời xưa bờ bãi hoang mê

Tặng cho em nhánh sen buồn rủ
Đêm qua mơ sen thả đầy sông
Uớt môi hoa chờ em một nụ
Sen này ơi hãy nhận dùm tôi

Dòng sông xưa bao giờ về lại
Để hoa gầy thoi rụng thơm tay
Cánh chim non giờ đây bỗng lạ
Ngõ ngàng bay qua con sông già.

Ý Anh

(Maryland)

sẵn sàng đến với nàng, trong những tình huống khó khăn nhất, mà không hề đặt ra bất cứ điều kiện gì.

Nàng có thể u mê đến mức đó sao? Nàng đâu phải là con người thiếu thông minh, thiếu hiểu biết? Vì đâu mà nàng để đến nỗi dính dấp vào một chuyện tai tiếng đến như thế để làm đầu đề cho người ngoài đàm tiếu? Nàng muốn đạt được điều gì bằng hành động đại dột đầy miệng tiếng đó? Động cơ u ám nào đã khiến nàng thả tay gạt bỏ những điều tốt lành mà cuộc đời đang đem

đến cho nàng để dán thân vào một cuộc phiêu lưu tới tấp đến vậy? Bình yên không muốn, lại muốn ba đào. Hay nghiệp chướng nào xui nên như thế? Phải chăng đã có một định mệnh an bài?

Vậy là giọt nước cuối cùng đã làm tràn cái ly đầy ắp.

Nàng đang tự dẫn mình vào một tương lai oan trái. Nàng đã tự chọn làm con chim lạc bầy.

Bây giờ thì ông hoàn toàn thoải mái. Từ nay, ông không còn cảm thấy bất cứ một trách nhiệm nào đối với tương lai của nàng. Nàng sẽ phải tự lo liệu lấy cuộc đời của mình. Ông sẽ không làm bất cứ cố gắng nào thêm nữa. Ông chỉ còn cảm thấy thương hại nàng và thâm tiếc cho nàng. Nàng đã tuột dốc thảm hại trên bảng thang giá trị tinh thần của ông.

Điều đó sẽ xóa đi tất cả những gì đã từng là thiện cảm của ông đối với nàng xưa kia. Ông đã hết còn kiên nhẫn. Ông đã hết còn cảm hứng.

Cố nhiên, sau này, khi cuộc đời đã đưa đẩy nàng đi hết con đường lựa chọn mà nàng cuối cùng lại trở về để ngã vào vòng tay ông, thì ông cũng vẫn sẽ quên đi mọi chuyện cũ và gắng sức lo cho nàng như thường, với những khả năng của ông, trong tầm giới hạn của ông. Và chắc rằng ông vẫn cứ thích sắc đẹp ngày xưa của nàng mà ông đã ghi lại được trong tâm trí, và sẽ vẫn còn bám vào một hy vọng mơ hồ nào đó là sẽ hoàn thành được bức tranh ước mơ. Nhưng ông sợ rằng nếu có bao giờ thực hiện được điều đó, thì nó cũng sẽ chỉ là một bức tranh không hồn. Vậy thì tốt nhất là vẫn cứ giữ nó mang mang trong hồn ông, để nó còn rớt lại được một chút gì gọi là thơ mộng. Và cũng để những người thường ngoạn ông được chừa cho một kinh nghiệm phũ phàng.

Bởi vì nghệ thuật đối với ông chính là tấm gương trong suốt phản ánh cuộc đời. Và không thể có cái đẹp vật chất tách rời cái đẹp tinh thần, không thể có một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng với tên gọi nếu người nghệ sĩ không đặt vào đó hết lòng yêu thương.

Kim Vũ (California)

Mùi Cơm Sôi Cạn Nước

Cung Thị Lan

Mảnh vườn sau nhà Dung càng lúc càng buồn bã và hoang vắng trước mắt Ngọc. Cũng nơi này, vào những ngày cuối tuần trước đây, thường có sự hiện diện của dì Út với giọng nói rộn rã của dì khoe những trái bí mới ra, những bụi cần dày đặc, những ngọn rau lang mọc dài hay những trái ớt lớn phồng cho nên Ngọc hầu như chẳng bao giờ để ý đến những vật năng mong manh trên hàng giậu và vè yên ả của trời chiều. Bây giờ, sự vắng bóng của dì trong cái thỉnh lặng của không gian đã làm nàng thần thờ chẳng khác gì tâm trạng của những người đang ngồi quanh chiếc bàn tròn trên chiếc sàn gỗ. Vợ chồng Thi Dung, vợ chồng Danh Như, và Hòa, chồng nàng, không ai nói với ai lời nào. Họ cùng nằng im lặng dồn mắt về phía dì Chín và lắng nghe giọng kể buồn đều của bà:

- Bà đang ngồi xếp áo quần với dì ở chỗ ghé sô pha tự dung té quy xuống thảm. Dì tưởng bà bị trượt trên tấm vải trơn nên tụt xuống thảm; ai dè đợi lâu lác mà không thấy bà ngồi dậy nên lật đật chạy lại đỡ bà. Dì hí hục một hồi mà không kéo bà lên ghé sô pha được nên phải gọi hai con Annie và Lilly đến phụ thêm. Con Annie nói là để nó gọi xe ambulance nhưng bà khoác tay ra hiệu không cho cứ nói bị trúng gió thôi đừng gọi. Nghe lời bà, dì tìm đồng bạc các và chai dầu xanh để cạo gió cho bà. Cạo gió đâu đó xong xuôi mà bà vẫn cứ nằm xụi lơ chứ không thuyên giảm chút nào nên dì bèn gọi cho con Như và thằng Danh. May sao thằng Danh vừa đi làm về nên qua liền.

Danh tiếp lời:

- Em nghe dì Chín báo, tưởng đâu bà ngoại Út chỉ bị trúng gió thông thường. Ai dè đến nơi, thấy bà nằm ngay đơ nên em gọi chín một một ngay. Tụi cấp cứu đến khám chút xíu là lật đật chở bà đi liền làm em hoảng quá phải lái xe chạy

theo tụi nó. Cũng may là em bám kịp xe của tụi nó chứ tụi nó lái nhanh lắm, đèn vàng, đèn đỏ gì tụi nó cũng bang. Mà tụi nó bang thế nào em cũng bang theo thế ấy chứ nhất định không bỏ. Ông tài xế xe Ambulance thấy vậy ngừng lại, cảnh cáo em là không được chạy theo xe ông vì nguy hiểm và em không được phép. Em nói đại là nếu không cho em chạy theo thì em không biết bà Út ở đâu để tìm nên cuối cùng ông phải đành để cho em chạy theo.

- Giờ đi ở đâu? Hòa hỏi

- Ở Bệnh Viện S. tại Bethesda đó anh! Thi đáp.

- Em thấy đi ra sao? Ngọc hỏi.

- Dĩ không nói năng được nữa chị ơi. Nằm im lìm không nhúc nhích gì được. Thi trả lời với giọng buồn bã- Người ta nói đi bị Stroke.

Di Chín thờ dài:

- Phải chi nghe lời con Annie gọi ambulance ngay lúc đó thì đâu đến nỗi. Cũng tại bà cần mà bây giờ mới bị trở nặng như vậy! Lúc đó dì cũng lấy làm lạ là sao bà bị trúng gió mà người bà nặng như đá. Ba bà cháu hè nhau khiêng bà từ thảm lên ghé sô pha có ba bốn gang tay thôi mà khiêng muốn chết.

Dung chép miệng:

- Chẳng biết có gì mà dì bị stroke. Em chỉ quan tâm đến bệnh tim của dì nên dặn tụi nhỏ để ý nếu thấy Bà Út mệt là gọi chín một một ngay. Ai dè dĩ còn bị chứng này nữa.

- Chắc tại mấy con cá khô mặn. Từ lúc đi đi Việt Nam về, lần nào em sang đây cũng thấy đi ăn cơm với cá khô. Như nhẹ nhàng góp lời.

- Đùng rồi. Cá gì mà mặn quá chừng mà ngày nào cũng ăn. Nói đi ăn món khác đi không nghe. Ăn mặn kiểu đó không bị cao máu cũng bị stroke, chứ sao mà tránh khỏi! Thi cần nhẫn.

Di Chín phụ thêm:

- Thi tao cũng nói bà rồi mà bà đâu có nghe tao. Không biết thêm cách gì mà ác nghiệt nên mới bị như vậy. Nhưng mà giờ có bàn tán đến đâu chẳng nữa thì mình cũng chẳng làm được gì hơn cho bà đâu. Thằng Hòa con Ngọc chưa thăm bà

được thì ngày mai tới đây đi với thằng Thi con Dung. Chiều nào đi làm về tụi nó cũng vào thăm bà hết, không phải lo lắng quá như vậy. Còn giờ thì để tao vô lấy gói vịt với cháo cho tụi bây ăn.

Dứt lời, dì Chín đi vào bếp. Dung và Như vội vã đứng lên, đi theo sau. Một lát sau, họ trở lại với bốn chiếc đĩa đầy thức ăn và tuần tự đặt chúng trên chiếc bàn tròn. Những đĩa cải bắp trộn làm tăng nỗi cảm xúc bồi hồi đang dâng lên trong lòng Ngọc. Món gói trộn gồm cải bắp cải trắng, rau răm xanh, đậu phộng vàng đâm nhỏ và ớt đỏ xắt lát, cùng với các loại thịt gà, thịt vịt hay đồ biển là món ăn đặc thù mà dì Út thường tiếp đãi cho những người mà dì gọi là con cháu trong những buổi chiều thứ bảy hay chủ nhật. Bởi quen với hương vị chua chua và giòn ngọt, cay cay và béo béo của món ăn này, Ngọc thường ứa nước bọt khi nâng nhìn vào sự tương phản mà hài hòa của các màu sắc trong món ăn; thế mà, vị giác ấy hôm nay hoàn toàn biến mất trong vòm miệng khô đắng của nàng. Càng nhìn chúng, nàng càng cảm thấy buồn ngùi thương nhớ dì Út hơn.

Ngọc quen dì Út từ khi ở chung cư Park Road tại vùng Tây Bắc của Hoa Thịnh Đốn. Giống như dì Chín và đa số người Việt trong chung cư này, dì Út được Mỹ bảo lãnh theo diện gia đình có con lai; tuy nhiên, hai người con và cháu đi cùng dì đến Mỹ đều dọn ra ở riêng nơi khác nên dì phải ở kế với dì Tư, một gia đình cũng có con lai trước phòng Ngọc. Dì Út thuê chỗ này cốt để đặt chiếc giường và đồ đạc do hội bảo trợ cho chú ít khi ở. Khi Hùng, người con trai lai của dì lấy vợ ở bang khác và Như, đứa cháu gái của dì, lấy chồng và chung sống với gia đình chồng, dì nhận việc làm ngay. Công việc của dì là giữ trẻ và dì phải ở lại nhà chủ để vừa làm công việc nhà vừa giữ con cho họ. Chủ của dì chỉ cho dì nghỉ hai lần trong tháng. Họ thường chở dì về chung cư vào tối thứ sáu rồi đón đi chiều chủ nhật của những tuần đầu và cuối của mỗi tháng. Cách hai tuần, dì Út được về lại chung cư một lần nhưng chẳng bao giờ dì nghỉ ngơi, coi vô tuyến hay coi phim bộ như những người đồng trang lứa.

Dì thường đi chợ Việt Nam hay chợ Đại Hàn gần đó mua sắm rồi về nấu nướng luôn tay. Sau khi xong việc, dì đem thức ăn đến phòng của những người Việt quen biết để biếu đồng thời thăm viếng họ. Gia đình Ngọc không được Mỹ bảo lãnh theo diện gia đình có con lai nhưng vẫn được có phần thức ăn đi nấu cho như chè đậu ván, xôi đậu xanh, bánh ít dừa đậu phộng mỗi khi đi đến viếng. Có lẽ do Ngọc thường chăm chú lắng nghe lời tâm sự của dì và thường dịch giấy tờ dùm dì nên dì không bỏ sót lần ghé thăm nào khi về lại chung cư. Có lần dì nói với Ngọc là dì xem những người có con lai là bà con giòng họ với dì bởi cha của những người này cũng là người Mỹ như cha của người con lai của dì. Dì nói là dì thường lui tới gia đình dì Chín nhất trong khu chung cư bởi vì tính tình dì Chín đàng hoàng ngay thẳng và vì dì Chín có Thi, đứa con rể lai đen. Dì nói là mỗi lần dì nhìn Thi, dì nhớ Hùng, đứa con lai của mình. Nhờ tiếp xúc với dì Út, Ngọc quen biết thêm nhiều người trong khu chung cư nàng ở và gửi được đứa con trai Út của nàng cho dì Chín giữ dùm. Qua giao tiếp với nhiều người đồng hương trong chung cư, Ngọc cảm thấy tình cảm mình gắn bó với họ ngày càng sâu đậm và không hề muốn dọn ra khỏi nơi đây khi chồng nàng gọi ý mua nhà. Không khác gì quan niệm của dì Út, nàng thực sự xem nơi mình đang sinh sống như một cái làng kiêu mới của người Việt và những người sống ở đó như bà con cật ruột của nàng. Sự tự quân của các gia đình người Việt ở đây cho nàng cảm giác như đang ở trên đất nước của mình và người ngoại nổi nhớ quê hương. Có lẽ có cùng tâm trạng không muốn sống xa rời nhau mà khi có điều kiện tài chính, vợ chồng Thi Dung, và vợ chồng Danh Như đồng tâm với vợ chồng nàng mua nhà tại một nơi mà ba gia đình có thể giao tiếp với nhau thường xuyên. Họ đã chọn Silver Spring của Maryland là nơi định cư và nhà nọ cách nhà kia chừng năm hay mười phút lái xe. Sau khi tậu được căn nhà có bốn phòng rộng rãi, vợ chồng Thi Dung mời dì Út về ở chung để bầu bạn cùng dì Chín. Họ cho dì ở một căn phòng dưới tầng hầm cạnh phòng khách nơi đặt bar rượu và có cửa ra vào thông ra vườn sau.

Di Út, lúc bấy giờ không còn đi giữ trẻ vì được hưởng trợ cấp tàn tật. Di được trợ cấp này vì đôi mắt của di bị hỏng nặng theo xác nhận của bác sĩ. Thực tế, di vẫn thấy mờ mờ nhờ cặp kính thuốc đặc biệt cho nên di chẳng từ bỏ những việc làm theo sở thích của mình. Thú vui của di là chăm tía vườn rau hoa quanh nhà của Dung Thi và làm những món ăn của Việt Nam như bánh ít, bánh dứa, chè xôi nước, chuối chung, xôi đậu và các món ăn mặn khác cùng với di Chín. Cả hai thường quán quít bên nhau khi nấu nướng, thăm vườn hay uống cà phê tâm sự chuyện đời. Họ thường mở những băng hình mà họ thu khi về thăm Việt Nam rồi kể cho nhau nghe những người bà con giòng họ và con cái của họ. Đến nhà Thi Dung, Ngọc thường được xem băng thu hình của di Chín và di Út cho nên nàng biết mặt hết cả những người thân của họ dù chưa từng gặp ai và cả quang cảnh nhà cũ và mới của họ ở Việt Nam. Khi di Út giới thiệu căn nhà mà di mới xây cho chồng di, Ngọc vừa cảm kích cái nghĩa vợ chồng mà di dành cho ông bằng số tiền dành dụm từ công việc giữ trẻ khổ cực của di, vừa cảm thấy vui khi biết di đã tạo cho ông một chỗ ở tương đối đầy đủ và tiện nghi nơi quê nhà. Ngọc nhớ là khi còn ở chung cư Park Road, di thường kể cho nàng nghe về tình cảnh của người đàn ông này luôn. Khi chia cho nàng coi tấm hình căn nhà tranh xiêu vẹo, di rung rung nói là di phải để ông ở lại một mình trong cảnh hiu quạnh và khổ sở vì ông không chịu rời bỏ xóm làng. Di còn cho biết là di phải ra đi với đứa con riêng của di vì tương lai của nó và để di có cơ hội làm việc ở Mỹ để giúp ông. Di nói là di có cả thầy ba đời chồng. Người chồng đầu tiên chết trận đã để lại cho di năm đứa con với tình cảnh góa bụa và nghèo nàn. Để tìm nơi nương tựa, di đã lập gia đình với người đàn ông Mỹ và có thêm một đứa con trai là Hùng. Người chồng thứ hai của di có chức vị rất cao trong quân đội Mỹ và hết lòng thương yêu di cũng như con riêng lẫn con ruột của ông nhưng di không muốn rời bà con xóm nên nhất quyết từ chối chuyện theo ông về nước trước biển cổ năm 1975. Di nói là số di rất đào hoa, cho nên cảnh đói nghèo sau ngày đất nước thống nhất và

luật mỗi gia đình chỉ có hai con không thể ảnh hưởng đến phần số này. Vào năm 1980, di đã quyết định bước thêm một bước nữa và có thêm một người con gái với người chồng thứ ba. Khi di kể chuyện, Ngọc thường chăm chú như đang nghe chuyện tiểu thuyết hấp dẫn. Những tình tiết của câu chuyện có khi làm nàng ngắt lời bằng những câu hỏi nhưng thường thì nàng yên lặng để nghe di nói. Cái yên lặng lâu nhất của nàng là khi nàng nghe di thổ lộ về số vốn mà di nhờ đứa cháu trai của di gửi ngân hàng Việt Nam. Nàng phân vân không hiểu sao di lo lắng chuyện lâu dài và xa xôi đến độ phải gửi hết vốn liếng về tận Việt Nam nhưng không dám hỏi. Nàng chỉ đoán rằng di muốn về lại Việt Nam để trọn nghĩa vợ chồng với người chồng thứ ba của di và dùng số lời ngân hàng từ vốn liếng của mình cho sự chi tiêu của cả hai sau này. Đáng tiếc thay, di khó có thể thực hiện ý nguyện của mình trong tình trạng bại絮 hiện thời. Nghĩ đến đó, Ngọc trở nên chán chường vì cho rằng những gì thuộc về nhân định ít khi được thành hình dưới bàn tay của thượng đế. Dù sao, nàng cảm thấy yên tâm khi nghĩ đến chương trình chăm sóc sức khỏe và trợ cấp tàn tật mà di Út hiện đang nhận được từ chính phủ Mỹ. Cho dù di ở phòng cấp cứu, nội khoa hay khu chữa bệnh nào của bệnh viện thì các chi phí này đều sẽ được chính phủ Mỹ thanh toán chi trả. Ngoài ra, di còn có tiền trợ cấp tàn tật hàng tháng để chi dùng trong những chuyện cần thiết.

*

Chiều tối ngày thứ hai hôm ấy Ngọc đã cùng chồng nàng, vợ chồng Thi Dung và vợ chồng Danh Như đến bệnh viện S. thăm di Út. Cùng họ, nàng đã ghé phòng cấp cứu, tới phòng chỉ dẫn, lên lầu bốn rồi đi dọc theo hành lang dài để đi sang một khu cao ốc khác của bệnh viện. Sau khi lần la hỏi thăm nhân viên làm việc và các cô y tá quanh đó, nàng được đưa đến phòng điều trị khẩn cấp nơi di Út đang nằm trên chiếc giường nệm cao màu trắng trong chiếc chăn mỏng cùng màu. Khác với thể nằm bất động và ngay ngắn của người mắc chứng tai biến mạch máu não trong sự tưởng tượng của Ngọc, di Út trước mắt nàng nằm lệch một bên giường với nhiều sợi dây từ bình

truyền dịch và máy đo tim. Chiếc chăn phủ màu trắng che chỉ hai phần tấm thân trần của dì chốc chốc nhấp nhô theo cử động bên trong. Có lẽ dì biết thân thể mình đang nửa trần nửa kín mà ra sức dùng tay hay chân trong đó đẩy chiếc chăn phủ kín người hơn. Khuôn mặt nặng nề của dì toát lên nỗi thất vọng khi nhận ra người đến gần nơi mình nằm mà sự cố gắng không được hiệu quả. Khi nghe Ngọc nói “Dì Út ơi! Tụi con đến thăm dì nè!” ánh mắt dì thoáng vẻ mừng rỡ trên khuôn mặt đã mất hết vẻ tươi vui và linh hoạt thường có. Những thớ thịt trên má trên môi trên mí mắt của dì hoàn toàn bị chày nhão và cả cái miệng hay cười của dì bị méo lệch về một bên. Cố gắng nhếch môi, dì nói:

“Mấy đứa đó hả?”

“Dạ, tụi con thăm bà đây. Bà khỏe được chút nào không bà ngoại Út?” Danh mau mắn đáp.

Nghe tiếng đàn ông, dù đàn ông chỉ là con cháu, chiếc chăn phủ dì Út phập phùng nhấp nhô lên xuống nhiều hơn. Có lẽ do ái ngại nên dì cố gắng dùng tay hất miếng chăn lên trên phần hở trần. Khôn thay, dì càng dốc lực bao nhiêu thì chiếc chăn càng lúc càng trệ xuống và vùng ngực trần của dì lộ ra bấy nhiêu. Hiểu ý dì, cả ba người đàn ông, Hòa, Danh và Thi tăng lời đi quanh phòng trong lúc Dung, Như và Ngọc kéo các mép chăn ngay ngắn và che lên đến tận cổ của dì.

Ngọc bàn: “Hay là mình khiêng dì Út vào giữa giường đi Dung Như. Chứ thấy dì nằm xéo kiểu này thấy khó chịu quá. Chắc dì không thấy thoải mái khi nằm như vậy đâu.”

Miêng nói, tay làm, nâng lòn hai cánh tay vào ngay trong tấm chăn rồi gọi hai người đàn bà kia cùng làm theo mình. Khi luồn đôi bàn tay dưới đôi chân dì để cùng Dung và Như dịch người dì Út vào bên trong, nàng nhận ra là dì chỉ mặc mỗi chiếc tả và nằm trên một tấm lót. Hai người đàn bà này cũng nhận ra điều này khi họ cùng gắng sức chuyển dịch. Thấy họ loay hoay mãi mà không thể nào suy suyển đi được chút nào, nên cả Hòa, Danh và Thi đều phải phụ tay vào. Ba người đàn ông này đã ghi cái giường thật chặt, tét gọn những sợi dây vào trong bản tay và nắm cả chân lẫn người để cùng đặt dì nằm ngay ngắn ở chính

giữa giường. Trong khi di chuyển dì với vẻ khó nhọc, Ngọc chợt nhớ lời dì Chín. Khi nghe dì Chín tả sức nặng của dì Út sau khi đột quy nàng nghĩ đó chỉ là lời nói phóng đại. Còn hiện tại nàng trải qua thực tế hết sức thật và phù phàng. Mơ hồ suy đoán những bấp thịch nhũn xụi đã gây cho dì Út một sức nặng ghê hồn và sức nặng này đã tạo một sự vất vả và khó khăn cho người chăm sóc dì, Ngọc thấy lòng vô cùng buồn chán và thất vọng.

“Tao muốn đi cầu mà nãy giờ xuống giường không được. Mắc cầu lâu rồi mà không dám đi.” Miệng dì Út nhấp từng chữ như đứa trẻ mới tập nói.

“Trời ơi! Đến nước này mà dì còn ngại gì nữa? Dì muốn tiêu hay tiểu gì cứ việc đi đi! Chứ như vậy làm sao dì xuống giường? Làm sao dì kéo mấy cái dây và cái máy này vào phòng cầu được chứ?” Dung nhằn.

“Y tá ở đây có lương tâm lắm dì à. Họ thông cảm cho người bệnh lắm cho nên dì muốn tiêu tiểu gì thì đi chứ đừng ngại. Với lại dì có tả lót mà ngại gì? Có mắc thì đi tụi con dọn cho.” Như khuyên.

Dì Út không trả lời ai. Im lặng một lúc dì hỏi: “Ai ngồi bên đó vậy?”

“Dạ, anh Hòa đó dì.” Ngọc đáp.

“Không phải. Tao nói thằng nhỏ nào đang ngồi bên kia vậy tay đó kia?”

“Thằng nhỏ nào đâu?” Ngọc hỏi với đôi mắt ngạc nhiên.

“Thằng đó đó!” Dì Út hất mặt về cánh cửa sổ.

“Dạ đâu có thằng nhỏ nào ở đây đâu bà. Mấy đứa nhỏ của con ở nhà với bà nội hết rồi.” Như nói.

“Má con muốn thăm dì lắm mà phải ở nhà trông mấy đứa nhỏ nên không thăm đi được. Để hôm khác con chở má con vào thăm dì.” Dung tiếp lời.

“Vậy thằng nhỏ đó có phải con của con Ngọc thằng Hòa không?” Dì Út hỏi với vẻ ngờ ngạc.

“Dạ đâu có đâu dì. Mấy đứa nhỏ của con cũng ở nhà cả.” Ngọc đáp.

“Tụi con đi nhiều quá cứ sợ mấy người ở bệnh viện không cho vào nên không đem đứa nhỏ nào theo hết đi à.” Hòa phụ thêm.

“Tụi con định luân phiên vào thăm dì mà không ngờ cô y tá cho vào thăm hết đó chứ!” Thi nói.

“Thôi đừng ở đây lâu. Về lo cho mấy đứa nhỏ đi mấy con.” Di Út nói với giọng như người máy hết pin. Mắt di từ từ nhú lại và di nói bằng sự cố gắng hết sức: “Về đi con. Về nhà với mấy cháu đi.”

“Chắc thuốc thắm nên di Út buồn ngủ rồi. Minh cũng nên về thôi.”

“Vậy thì tui con về để Út nghỉ. Hôm nào tui con vào thăm Út nữa nghe!”

“Bà Út ráng tỉnh dưỡng để sớm về nhà với tui con nghe bà Út!”

Mỗi người chào mỗi cách còn Ngọc không nói gì khi ra khỏi phòng. Nỗi thất vọng hoàn toàn chế ngự trong lòng nàng. Đây là lần đầu tiên nàng trông thấy tận mắt người bị chứng tai biến mạch máu não như thế nào. Với sự chứng kiến của mình, nàng không hề tin là di Út có thể bình phục và về nhà dễ dàng như lời chúc phúc của người thăm. Hơn thế, nàng còn lo lắng tình trạng nửa mê nửa tỉnh của di khi di nói về thẳng bẻ nào đó trong căn phòng.

*

Sau lần thăm đầu tiên, Ngọc đã cùng chồng nàng đến bệnh viện S. thăm di Út thêm hai lần nữa. Trong hai lần thăm này, Ngọc không còn thấy máy đo tim trong phòng nhưng di Út vẫn còn được truyền nước biển. Di trông có vẻ linh lợi hơn lần thăm đầu nhưng khuôn mặt vẫn còn nét nặng nề và chiếc miệng vẫn bị méo lệch. Mặc dù nói rất chậm, di không ngừng kể cho Ngọc những gì xảy ra trong những ngày trong phòng điều trị. Sau khi nói đến sự chăm sóc tận tâm của các y tá, di buồn rầu cầm cánh tay trái nâng lên bỏ xuống rồi than:

“Không hiểu sao mà giờ cánh tay này không thể đưa lên được. Cả ống chân trái cũng vậy. Di cố gắng hoài mà chẳng nhích nó lên được chút nào.”

Ngọc khuyên:

“Những người bị tai biến mạch máu não thường bị như vậy hết đó di. Hoặc là họ bị liệt bên phải, hoặc là họ liệt bên trái tùy bán cầu não nào bị hủy hoại. Có người còn bị liệt toàn thân hay bị mất mạng nữa. Di chỉ bị một bên và được chữa trị cấp thời nên không đến nỗi nào đâu. Từ từ bác sĩ cũng giúp di khôi phục lại sức khỏe mà.

Họ đã chữa nhiều chắc có nhiều kinh nghiệm, di đừng lo.”

Di Út chép miệng:

“Bệnh gì chứ bệnh này di thấy cực cho y tá quá. Thấy tui nó chăm sóc mình mà mình vừa thấy thương vừa thấy tội làm sao.”

Đăm chiêu một lúc di nói tiếp:

“Cực chẳng đã bị như vậy nên phải chịu chứ không biết làm sao đây. Di định nói Dung đưa di tiền để di biếu cho mấy cô y tá mỗi người vài chục mà không biết họ có chịu nhận cho không. Đưa cho họ thì cũng lo họ bị la vì tội nhận tiền của người bệnh cho nên di không biết làm sao.”

“Con có thể cho di mượn tiền để biếu mấy cô y tá nhưng con không hiểu là di có nên làm thế không. Bởi vì cán sự xã hội trong bệnh viện này biết di có trợ cấp tàn tật và hết lòng giúp di làm hồ sơ để chuyển di đến viện dưỡng lão V thì các bác sĩ và y tá ở đây cũng biết hoàn cảnh di rồi. Họ làm cho di vì thương di và vì lòng nhân đạo chứ không nghĩ sự đền đáp ơn đâu. Di đừng lo lắng nữa mà gây thêm bệnh.

Ngọc đã hết lòng khuyên nhủ di Út như thế, nhưng nàng suy nghĩ hoài cụm từ “Cực chẳng đã...” mà di đề cập. Trước đây di Út thường lập đi lập lại nhiều lần câu “Cực chẳng đã di mới nhờ hai con như chứ di chẳng muốn làm phiền hai con đâu. Di biết các con bận lắm!” khi di nhờ chồng nàng hay nàng dịch giấy tờ, làm đơn từ hay đi đây đó với di để thông dịch dùm. Ngọc hiểu sự day dứt của di và những chữ “vạn bất đắc dĩ” mà di thường đề cập. Nàng còn hiểu là nếu vì hoàn cảnh mà một cá nhân không có khả năng hay hạn chế trong một lãnh vực nào đó, sẽ lấy làm áy náy khi phải nhờ vả hay hỏi giúp ai đó nhiều lần. Theo sự suy nghĩ của Ngọc, không biết tiếng Anh có thể coi là một sự bất lực về ngôn ngữ của một người di dân trong việc giao tiếp với người bản xứ. Tuy nhiên, sự không có khả năng sử dụng ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ chỉ là một hạn chế nhỏ trong những hạn chế và bất lực khác của con người. Bất lực đối với việc điều khiển thân thể sẽ khiến cho những người cần trợ giúp vật và tinh thần nhiều hơn. Một người trước đây từng nhanh nhẹn và

tháo vát như dì Út bỗng trở nên bất lực trong việc đi đứng nằm ngồi cầm nắm, thì sự chán nản càng khủng khiếp hơn và to lớn hơn. Qua tâm tình, Ngọc hiểu nỗi khổ tâm của dì do ảnh hưởng quan niệm xưa của người Việt. Trong quan niệm này, cha mẹ già yếu thường nhờ vả vào con ruột, đặc biệt là con gái ruột. Người già, nếu chẳng may không có con gái hay không có đứa con nào, phải nhờ vào sự giúp đỡ của con trai hay bà con hàng xóm thì sự phụ thuộc của họ trở thành một nỗi bận tâm và day dứt khôn nguôi. Bởi vì lường trước tình trạng khó khăn của tuổi già ở xứ người, và tình trạng không biết tiếng Anh của mình trong khi chạy vạy vào sự giúp đỡ của người bản xứ, dì Út đã quyết định dùng số tiền mà dì tạo nên từ việc làm khổ nhọc của mình dành cho những ngày cuối cuộc đời tại quê hương. Giờ đây, dự định của dì hoàn toàn bất thành và cái dự phòng không làm phiền người lạ trở thành mối bận lòng khi hàng ngày dì nhận sự chăm sóc từ những người y tá. Mừng trọng mình là dì, một người chỉ bị liệt nửa người và trí óc vẫn còn sáng suốt, đang nhận sự thay tã, rửa ráy lau chùi hay đút mớm của những người mà đáng ra chỉ làm công việc thuộc về y khoa, Ngọc vừa thông cảm tâm trạng của dì Út vừa cảm thấy ngao ngán. Tuy nhiên, nàng đã hết lòng an ủi dì để dì không phải bận trí thêm.

*

Nỗi lo âu của dì Út càng lớn hơn khi dì được chuyển đến viện dưỡng lão V. Dì nói với Ngọc ngay trong lần thăm đầu tiên tại đây:

“Khi không mắc chứng bệnh này để phải làm phiền mấy đứa y tá. Có chân, có tay mà không đi được, không làm gì được để phải phiền tội nó đi thiệt không biết phải làm sao.”

Liếc sang người điều dưỡng nam đang dọn những thức ăn thừa, Ngọc hỏi:

“Có phải mấy người điều dưỡng nam trong viện dưỡng lão này cũng chăm sóc chuyện tiểu tiện cho dì phải không?”

“Đúng vậy đó. Thấy nó chăm sóc mình mà đi ngại gì đâu!”

“Thì dì cứ nghĩ ảnh là con ruột của mình để khỏi áy náy!” Ngọc định an ủi dì bằng lời như thế nhưng khi nghĩ con trai dì không bao giờ chăm sóc dì như những người điều dưỡng tại đây nên nàng nói trở đi:

“Đó là phận hành của y tá và điều dưỡng mà dì! Họ làm quen rồi không suy nghĩ gì đâu dì ơi! Bác sĩ đỡ đở ở đây cũng toàn đàn ông không, có sao đâu! Tại mình quen lối Việt Nam, làm gì cũng nhất nhất phải là đàn bà làm cho đàn bà nên phải bận tâm thôi.”

Không nghe dì Út trả lời, Ngọc đành gọi chuyện tiếp:

“Nói vậy, anh hồi này vừa cho dì ăn đó hả?”

“Ừ! Thằng đó tội lắm. Hôm trước dì cố gắng bò xuống giường để đi tiểu nào ngờ bị té nó phải đỡ dì lên. Nó la đi qua trời. Nó bắt dì bấm chuông khi có việc cần chứ không được xuống giường nữa. Nó mới khuyên dì ráng ăn để khỏi bệnh đó chớ, mà dì không ăn được nên bảo nó đem đi. Mấy thức ăn này mà phải có mấy đứa con của con ở đây chắc tội nó thích ăn lắm. Còn dì không muốn ăn tí nào.”

“Dù cho dì không muốn ăn cũng ráng ăn chút nhịn hoài làm sao khỏi bệnh? Mà mấy đứa con của con đang đứng ở đây chứ ở nhà đâu mà dì nói ‘phải có mấy đứa con của con ở đây’? Tội nó vừa chào dì mà dì không nhớ sao?”

Đáo dác nhìn quanh một lúc, dì Út nhìn ba đứa con trai của Ngọc đang đứng yên lặng bên cha bên cạnh tấm màn chắn ngang giữa hai chiếc giường, nói với giọng ngạc nhiên: “Ừa? Vậy mấy đứa nhỏ đứng đây này giờ đó hả? Vậy mà bà có biết đâu!” Rồi dì nhìn thẳng vào mặt Ngọc: “Hồi này thì tao thấy một thằng nhỏ đứng ngoài kia gọi tao ra ngoài đó chơi mà tao có đứng dậy nổi đâu mà đi chơi với nó.”

(Còn tiếp)

CUNG THỊ LAN

(Maryland)

Ở MỘT CỎI RIÊNG

NGUYỄN M ÂY THU

Không biết tại sao Mai lại mê say suốt ngày cặm cuội nghiên cứu mấy con vật nhỏ li ti, đen đũi, xấu xí đó. Trâm nhìn cứ gớm ghiếc không tài nào ưa cho được, vậy mà Mai trâm trở khen ngợi. Cứ Giới-Nghành-Lớp-Bộ-Họ-Giống-Loài, rồi lắm bảm một mình Coleoptera, Scarabaeidae... lại biện hộ nào là con ong xây tổ cho mật cho đường, con bọ viên phân làm sạch sẽ môi trường v.v..., rồi nào là alcool, bông gòn, kim gút, đựng trong các hộp lớn nhỏ, bao nhiêu chai lọ trong nhà đều bị « tịch thu », được cất giữ cẩn thận để dành những khi cần phải lấy « mẫu vật ». Có lúc Trâm cũng phát ngán vì nhà của Mai trở nên bẽ bộn, muốn giận Mai hết sức nhưng đành chịu, ai nỡ hũy diệt nguồn sống bao la của nhà « côn trùng học » ! Một khi đang trong xe buýt, Mai nhảy tung lên, tưởng tượng rằng : « Một ngày nào đó, bỗng dung loài côn trùng cánh cứng lột xác trở nên to lớn, to lớn mãi ra, bằng một chiếc xe hơi, một căn nhà, một tòa nhà chọc trời, và đi, bò, nghênh ngang giữa đường phố. Lúc đó, người ta sẽ đối xử với nó bằng cách nào ? To lớn cỡ đó, đạn xuyên không thủng được đôi cánh cứng. Chỉ có hai cách. Hoặc nó làm người ta kinh hoàng sợ như Kinh Kong. Hoặc nó sẽ bị diệt chủng như loài Dinosauria thời tiền sử. Ôi thôi, mới chỉ tưởng tượng có một con. Nếu nó có chừng vài trăm ngàn con. Trái đất chắc sẽ bẹp đi ! »

Mỉm cười một mình với ý nghĩ khôi hài của Mai, cô bạn gái ở cùng một chung cư vùng ngoại ô Paris. Trâm bước ra sân ve vẩy tay chào, nói với theo : « Tối nay Trâm về trễ » rồi rồ máy cho xe chạy tới sở làm.

Nói với Mai hôm nay về trễ nhưng thật sự, Trâm muốn bỏ chút thì giờ để dạo xem các cửa hàng. Tháng mười một, Noel sắp tới, các siêu thị

lớn thay phiên nhau trưng bày cửa tiệm thật huy hoàng lộng lẫy. Trâm tự nhủ, mỗi ngày nhìn ngắm một chút, tới cuối tháng, quà cáp biếu xén cho bạn bè thân quyến gần xa là vừa. Trâm đi qua một dãy hàng lang dài và rộng, nhìn những món quà đẹp mắt, thoát dừng lại, chăm chú vào một cây nến chạm hình những con ốc ngộ nghĩnh đủ cỡ lớn nhỏ, mạ vàng, dính vào nhau thành một khối tròn trịa to bằng một nắm tay. Những con ốc đã len lõi vào trong ký ức mịt mờ làm cho Trâm bắt nhớ tới xâu chuỗi ốc hai màu đen trắng. Một ngày tháng nào đâu xa xôi, Huy đã mua từ biển Nha Trang đem về tặng Trâm. (Khi không mà Trâm nhớ quê nhà và bắt nghĩ tới Huy...)

...Tóc tung bay theo gió chiều bẽnh bồng, dáng Huy cao lêu nghêu, đôi mắt sâu mơ màng, nụ cười rộng trên gương mặt chữ điền xán lạn. Huy một chiều nào xưa, trên chiếc Yamaha, Trâm ngồi phía sau ôm ngang lưng, dạo quanh khắp phố phường Sài Gòn. Ngừng lại ở một nơi nào đó, quán kem Thu Hương hay Brodard. Ở một nơi nào đó, áo dài đỏ sóng sánh màu rượu nho và áo Huy trắng ngát. Trâm đã hỏi : « Anh Huy, anh tính sao ? Em sẽ làm giấy tờ đi Pháp vào năm tới ? ». Huy sẽ tính sao, Huy sẽ trả lời sao ? Câu hỏi không có tiếng trả lời. Như một trò chơi quái ác, Trâm đã đặt Huy vào một chỗ đứng không thể tới không thể lui. Hình như lúc đó Huy đã nốc cạn một ly bia và mắt buồn thắm thía. – Tính sao đây Trâm ? - Đắt nước tràn đầy chiến chinh khói lửa. Không ôm sách vở thì ôm súng nơi chiến trường. – Huy làm được gì cho Trâm ? – Coi như bao nhiêu mộng ước xây dựng cuộc đời với Trâm đều sụp đổ. Một người ở lại và một người ra đi. Trâm sẽ như một con chim xanh, bay đi, bay đi mãi. Còn bến bờ nào để đưa Trâm gần lại với Huy ?...

Trâm bắt giấc thờ dài, nhìn đồng hồ, trở ra bãi đậu xe. Xâu chuỗi ấy Trâm đã để rơi mất từ

bao giờ. Nhưng trong quá khứ mất tâm mù xa, Huy cứ trầm lặng ở mãi một góc nào đó sâu kín nơi trái tim.

Ở mỗi người đều có riêng một nỗi đam mê. Bây giờ Trâm mới hiểu, Mai che dấu nỗi buồn của mình bằng cách thăm thi với những người bạn nhỏ bé, xâu xí ấy. Giống như một nghi lễ, mỗi lần hứng khởi bắt tay vào việc « mô xê » một chú bọ rùa đỏ rực, hay một chú cánh cam đi lạc trong vườn với màu xanh lục óng ánh, Mai thật trịnh trọng mặc chiếc áo lụa màu ngà, để tóc chấy dài xuống ngang lưng, rồi quàng ngang cổ một chiếc khăn voan mỏng đỏ tươi màu hoa phượng trông thật điệu đà duyên dáng, miệng hát nho nhỏ « Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn... ». Đam mê làm cho đời sống nhiều ý nghĩa thi vị hơn, phải không Mai? Ngược lại Trâm mê lái xe không phải vì Trâm thích mạo hiểm. Những lúc lái xe Trâm rất bình tĩnh và như để trút hết đi bao nhiêu nỗi muộn phiền, Trâm cứ việc đổ xăng đầy bình rồi chạy bon bon trên đường nhựa! Điều làm cho Trâm yêu thích nhất là được phóng phong cho xe lăn bánh trên các đường phố Paris, ở đó có một chút gì mờ ảo tựa hồ Sài Gòn. Trâm đã ví con đường Crimée như đường Catinat (Tự Do) xưa. Rồi Trâm yêu Paris như Trâm yêu Sài Gòn. Paris, kinh đô của ánh sáng. Sài Gòn, thành phố của bóng đêm. Có thấp bao nhiêu ngọn đèn cũng không đủ sáng.

Vẫn chiếc xe Twingo nhỏ nhắn màu huyết dụ, ngoan ngoãn chiều ý Trâm, với những ngón tay hờ hững trên volant, Trâm cứ để cho bánh xe quay tròn, và đi mãi, đi hoài trên con đường nhiều xe cộ ngược xuôi, hòa lẫn với ánh đèn đường đã được thấp lên. Thành phố bỗng nhiên đổ tủa ra sáng lòa một thứ ánh sáng như được nạm ngọc đính trên châu. Từng đoàn xe nối tiếp kết thành từng chuỗi dài, lên xuống ngược chiều nhau, như hai con rắn khổng lồ đang trườn mình trong đêm tối. Hai con rắn mang hai màu vàng đỏ. Cái khối vàng sáng rực hắt ra từ những ngọn đèn pha, đổ xuống như một dòng thác. Và màu đỏ, cũng từ những ngọn đèn sau đuôi xe, nhỏ li ti và sáng lấp

lấp như muôn ngàn viên đá ruby, được đính vào nhau thành một chuỗi ngọc dài bất tận. Con đường Champs-Élysées rộng thênh thang, hai hàng cây buồng xuống mông mênh những cành khô xám khẳng khiu, người ta giăng mắc lên trên ấy những chiếc đèn nhấp nháy, tưởng như triệu tỉ vì sao trên trời xòe xoẹt tới, rồi đọng lại, tan loãng ra thành những giọt long lanh như để chảy vào những ngăn tim đầy hạnh phúc. Những quán cóc dựng lên, bày bán la liệt làm say mê hấp dẫn đôi mắt nhìn của những đứa trẻ tung tăng hơn hờ, vừa níu tay mẹ vừa ôm quà, môi cười, miệng hát ngô nghê tưởng mình đi lạc xứ thần tiên. Tháp Eiffel đứng sừng sững chắc cũng biết hờn ghen, cứ mỗi một khắc giờ lại nhảy múa tung bùng với bao nhiêu ngọn đèn nhiều màu sắc óng ả. Dòng sông Seine hòa điệu, tiếp nối đồ tràn hào quang từ những chiếc du thuyền đưa đón khách lại qua. Trâm tự hỏi, Sài Gòn bây giờ chắc hẳn đen đui, sâu thẳm và buồn bã. Ở đây tràn trề muôn ngàn ánh sáng. Thứ ánh sáng lòa lòa rực rỡ kỳ diệu ấy, không hiểu sao cứ mỗi lần nhìn ngắm, Trâm đem so sánh với Sài Gòn, rồi thương quá nước Việt Nam nhỏ bé.

Ngắm Paris về đêm, như để dỗ dành trái tim mình. Đã bao lần, bằng cách ấy, Trâm tới đây. Cảm giác cô đơn lẻ loi, hồi tưởng lại Sài Gòn. Trâm rất nhớ Sài Gòn. Ngày tháng càng vời xa. Tuổi đời càng chông chênh. Mỗi ngày mỗi xa xôi. Trâm cảm thấy nhớ Sài Gòn quay quắt. Sài Gòn từ mờ tịch mịch với những ánh điện vàng buồn hiu hắt. Sài Gòn với những đêm mưa réo rất trên mái nhà, trên dòng sông tối, lẫn trong tiếng mưa, len lỏi vào các xóm xa, giọng rao hàng lãnh lớt : « Ai ăn chè đậu xanh nước dừa đường cát hôn? » Sài Gòn rền rền những chiếc Honda lượn qua lượn lại trong thành phố, khói xe và bụi mờ. Tiếng còi xe pha trộn với tiếng hát cải lương trầm trầm, từ một máy thu thanh, hàng quán nào đó vọng lại. Lệ Thủy ngâm :

*« Hồ ơ... Trăm thứ than, than chi không quạt ?
Trăm thứ bạc, bạc chi bán không mua?
Trai nam nhi mà đối đặng ờ... »*

Minh Vương đáp:

« Hồ ơ... Trăm thứ than, than thân không quạt.

*Trăm thứ bạc, bạc tình, bạc nghĩa, bán chẳng ai mua.
Nay anh đã đổi dạng ở...»*

Trâm tự nhiên để rơi hai hàng nước mắt. Những kỷ niệm chập chờn ma quái trong ký ức Trâm như những đóm lửa bập bùng tràn đầy âm ảnh. Sài Gòn của Trâm và của Huy, của bao nhiêu quãng đời tuổi trẻ mộng mơ, nồng thắm yêu đương, để rồi nghìn trùng cách chia, lăm đả đoan, nhiều đoan trường. Hình như có một lần Trâm hỏi: «*Sài Gòn bây giờ có gì vui không Huy?* ». Và tờ thư đã được hồi âm lại: «*Có gì gọi là vui. Có gì gọi là không vui. Khi một người đi rồi. Còn một người ở lại. Những thống khổ cuộc đời. Một mình anh giữ lấy*»

Ồi Huy. Cô đơn có phải là một trong những thứ đau thương lớn lao nhất đời người? Có bao giờ Huy cảm thấy cô đơn? Thứ cô đơn của những người xa nhà. Ngắm Quê Hương bằng nỗi nhớ nhung vợi vợi xót xa. Bằng những tháng ngày đằng đẵng ba mươi mấy năm qua.

Ở mỗi người đều có một tâm sự riêng mang. Những ngày mưa rờn rã, bầu trời âm đạm không một chút mây. Những đêm tuyết đổ trắng xóa, nụ tuyết rời rạc bám thê lương trên các ngọn cây. Trong căn phòng nhỏ nhắn xinh xinh, hay dọc theo bờ sông Seine lãn tãn gợn sóng... Hai người bạn thường kể cho nhau nghe những kỷ niệm khó quên, Mai đã kể cho Trâm nghe những buổi tan trường ở Hội Việt Mỹ, rồi gặp gỡ Vũ, cũng áo trắng thư sinh ở trường Huỳnh Khương Ninh gần đó. Dáng người vừa tầm, đôi chân mày thẳng vắt ngang trên vầng trán rộng, Mai yêu mến đôi mắt tươi sáng, lúc nào như cũng muốn hòa theo với nụ cười xuê xòa dễ dãi, in hai đồng tiền duyên dáng như con gái. Mai nhớ không thôi những buổi hẹn hò, những lúc ngồi lê ăn quà hồn nhiên. Thạch Hiền Khánh, bánh cuốn Tây Hồ ở Đa Kao, bánh xèo ở Đình Công Tráng, góc đường Đình Công Tráng-Lý Trần Quán có chả cá Hải Sơn... Tân Định có rạp xi nê Kinh Đô (Moderne), Kinh Thành, Sài Gòn có rạp Xex, buổi đi xem Roméo et Juliette ở Rex về, trời mưa tầm tã, Mai xấu hổ thẹn thù biết bao nhiêu với chiếc áo dài trắng tinh mỏng dính dán vào da thịt... Có biết tại vì

sao đâu, từ khi khoát áo lính, mỗi lần về phép, Mai và Vũ đã nắm tay nhau đi lang thang trên con đường Mạc Đinh Chi thơ mộng, rồi rẽ vào nghĩa trang ngắm những con đường dọc ngang ngăn nắp, thẳng tắp với những hàng cây sao cao vút, như một bóng mát chỡ che cho những ngôi mộ khang trang, «*Họ*» nằm yên nghĩ đềm êm lặng lẽ, không tranh chấp chi với đời sống xô xao bên ngoài. Khi ấy, bước vào cổng nghĩa trang, Vũ đã chỉ cho Mai xem tấm bảng có hình trái tim đen sẫm muện, đi được một đôi, Vũ đã để ý tới những chữ ghi khắc trên mộ bia làm bằng đá hoa cương màu hồng, vừa nói với Mai vừa nở nụ cười lún sâu hai đồng tiền trên má : «*Chi có sự quên lãng của người sống mới làm cho người chết, chết thật mà thôi*»...

Về ở khu chung cư này, Trâm chỉ có một mình Mai là bạn, ý hợp tâm đầu nên tình bạn, tình đồng hương giúp đỡ nhau cũng thật đáng quý. Trâm nhìn qua bức màn thưa in hình đôi chim non chụm đầu vào nhau âu yếm, giọt nước do cơn mưa rào vừa mới tạt ngang qua, đậu lại trên khung cửa kính những hạt long lanh. Sau cơn mưa bầu trời trở nên rạng rỡ, mây tia nắng dịu dàng xuyên qua từng đám mây xám nhạt, lộng vào cửa gương những hạt nước chưa kịp khô, bị ánh nắng mặt trời phản chiếu lại, tạo nên bảy màu ngời sáng như chiếc cầu vồng tí hon, đứt, nối, cuối cùng còn lại vồn vẹn những hạt lấp lánh như kim cương. Trâm chỉ cho Mai xem và Mai xuýt xoa:

- Ô, phải chi đó là những hạt kim cương thật, thì mình... giàu to rồi Trâm ơi !

- Người ta nói : «*Tình yêu giống như hạt sương nhỏ , khi ở xa trông tưởng hạt kim cương nhưng khi đến gần chỉ là những giọt nước mắt* ». Nhưng nếu được giàu to Mai sẽ làm gì ?

- Mai sẽ đi du lịch thế giới. Trước hết mua vé máy bay về Sài Gòn một chuyến.

Ở mỗi người đều có một chọn lựa cho cuộc đời mình. Mai vẫn nhớ mãi cái ngày đau buồn ấy. Hai hôm trước ngày cưới, người ta đem về cho Mai chiếc quan tài của Vũ, anh chết lẳng xẹt trong trận pháo kích, lúc đó anh đang sửa soạn về phép để làm lễ cưới với Mai. Từ đó, Mai sống

HƯƠNG CỔ NHÂN

Ai hay chẳng mỗi mùa Đông ?
Tuyệt thay áo trắng cho lòng tinh khôi.
Bảo rằng đừng nhớ tên người,
Sao trong đôi mắt dấu lời thề xưa?

Rơi đi, nghìn nụ nhật thừa...
Gọi buồn muôn nỗi nhớ mùa hồng ân.
Tàn Thu, Đông đến bao lần,
Hàng cây khô xám băng khuâng đợi người.

Hẹn hò nước chảy mây trôi,
Sầu Đông gió gửi thêm lời tình xa.
Mênh mông, trắng xóa, nhạt nhòa...
Trăm thương nghìn nhớ cũng xa nhau rồi.

Cũng đành gọi cổ nhân thôi.
Gió không đến hỏi han đời thanh xuân.
Mai sau dù có một lần,
Gặp nhau xin nói ngại ngần chưa quen.

Nguyễn Mây Thu
(Paris)

thầm lặng và yêu những con bọ rùa vô cùng, nó không làm hại cho cây nên Mai tin nó sẽ đem lại nhiều may mắn. Mai đã quen biết Thịnh, một người chồng tử tế hiền lành và có hai con gái. Thịnh hơi thấp người, nhưng các bắp thịt rắn chắc nổi lên trên khuôn mặt điềm đạm phúc hậu, ít nói, tính cẩn mẫn chịu khó, hăng say với việc làm, đã giúp đỡ Mai rất nhiều. Mai tin tưởng ở tương lai và đặt hết hy vọng vào các con, Thúy Anh và Vân Anh. Định mệnh dù khắc nghiệt nhưng thời gian có thể hàn gắn những thương đau. Những con cánh cam, những con hát bội, những con bọ rùa...đen đũi xấu xí hay nhiều sắc màu, dù sao

cũng chẳng bao giờ làm cho Mai quên được Vũ với những kỷ niệm ngọt ngào ngày xưa cũ...

Nhìn ra ngoài xa kia, đỉnh cây thông già đong đưa theo gió. Những hạt kim cương Trâm đã ao ước được gom hết lại cho đầy lòng bàn tay. Nhưng cùng một lúc Trâm không nắm bắt được, do sự ngăn cách của gương kính, làm cho Trâm mang cảm giác ngỡ ngàng, hụt hẫng. Len lõi một điều gì mệnh mang kỳ ảo. Xa xôi và gần gũi. Có thật và không có thật. Hạnh phúc giống như những hạt kim cương trong suốt lưu ly đó.

Quê hương còn in mãi trong tâm tưởng những kỷ niệm dấu yêu, nhưng chắc là Trâm sẽ không về đâu. Thà ở một cõi riêng, đêm đêm ngối nhớ lại Sài Gòn. Nhưng mà Trâm có Huy mãi mãi, ở một quá khứ đêm êm không lay chuyển. Còn hơn là trở về để não lòng nhìn thấy những tàn phai. Làng xưa, cảnh cũ, mái nhà, dòng sông, con đường, hàng cây... còn gì nữa đâu. Thời gian cũng tàn phá đi nhiều thứ, tất cả đã đổi thay.



Nguyễn Mây Thu
(Paris)
12-11-2010

Vài Cảm Nghĩ Về Thơ Lục Bát TRONG THI TẬP” KHÚC VÔ THANH” Cuả Nhà Thơ Bùi Thanh Tiên

Phạm Duy Sương

Trong đời người, mỗi người được gặp nhau là một nhân duyên. Tôi gặp Bùi Thanh Tiên từ những ngày đầu đến Mỹ (khoảng cuối 92 thì phải..). Có lẽ tâm hồn văn nghệ nên gặp nhau đã hợp. Tôi chỉ biết anh thích âm nhạc, thể thoi.

Bằng đi một khoảng thời gian vì sinh kế, thỉnh thoảng chúng tôi có gặp nhau, chào hỏi thân thiện ,rồi thoi .Tôi có đọc vài bài thơ đăng báo của anh Bùi Thanh Tiên và cũng biết anh đã xuất bản tập thơ Khúc Vô Thanh là tập thơ thứ ba của anh do Cơ Sở CỎ THƠM xuất bản. Tôi tự nhủ lòng sẽ phải tìm tập thơ này ..để đọc mới được!

Một buổi sáng thứ bảy mưa bão, tôi có việc đến trung tâm Eden và tình cờ gặp anh. Sau khi tay bắt mặt mừng, anh vội ra xe đưa và ký tặng tôi tập thơ Khúc Vô Thanh (xuất bản năm 2007, Virginia)

Hai chữ “vô thanh” làm tôi nhớ trong bài thơ Tỳ bà hành của đại thi sĩ Bạch Cư Dị có câu: “Thử thời vô thanh thắng hữu thanh”. Nhưng để hiểu “vô thanh”, một tối nào đó bạn phải đi ngủ sớm khoảng 9 hay 10 giờ tối. Khoảng sau 1 giờ sáng bạn thức dậy, để tâm hồn lắng đọng. bạn sẽ hiểu thế nào là vô thanh.

Sáng hôm sau tôi pha một ly trà ngon, vừa nhấp trà vừa đọc “Khúc Vô Thanh” , và một nỗi ngạc nhiên vô cùng: Anh là nhà thơ của lục bát, của những câu 6 chữ, 8 chữ.. Thơ lục bát của anh quá tự nhiên, trong bài”Từng giây thỉnh lặng”:

Ru từng hạt sỏi lời thơ

Ru em gói mộng đường mơ bồi hồi

Thương em ngàn dặm hoa trôi

Hai con hạc trắng sánh đôi giữa trời” ...

Ru từng hạt sỏi. Có bao giờ bạn lội qua dòng suối nước trong vắt, nước chảy qua.. ru từng viên sạn nhỏ.. Bạn là nước bạn mới ru được sỏi, bạn phải có sự rung cảm mới ru được thơ.. bạn là

không gian trong mộng mới ru được em trong gói mộng. Không gian là vô rung cảm, nhưng ở đây không gian có con tim nên không gian bồi hồi. Cánh hoa đã trôi đi ngàn dặm, không thể nào trở lại được. Cánh hoa đã bay xa. Hai con hạc trắng chỉ là giấc mơ, một ảo ảnh không thực, hình như chưa từng xảy ra. Không gian đó là “tâm”, thời gian đó là “tâm”, giấc mộng đó là “tâm” và là tâm hòa trong muôn vật. Cái phút giây thỉnh lặng đó thật xuất thần. Phút giây ấy chỉ có ở thi sĩ BTTiên trong một “âm” rung cảm, của chỉ một nốt đàn vang lên trong đêm khuya cô tịch.

Thơ Bùi Thanh Tiên thật tự nhiên, thật đơn sơ, trong suốt. Trong bài”Giọt mưa cuối đời”, ta hãy nghe;

Trăng gầy đôi bóng người đi

Vô tình đêm lặng, tình si héo phiên

Sao hôm thấp nền bên triền

Sương chênh chếch hạt bờ hiên gió ngàn..

Quả tình phải có một cảm xúc thật cao mới thấy được “sương chênh chếch hạt, bờ hiên gió ngàn..

Qua tới bài”Thơ và Đạo”:

Hoa quỳ giữa mặt vừng đông

Dem thơ vào đạo, nắng hồng mênh mông

Khởi từ sắc sắc không không

Bài thơ mới đạo kết vòng tâm kinh..

...

Đạo không vào thơ mà thơ vào đạo. Thơ là hơi thở, hơi thở đi vào đạo. Thơ là con người, con người đi vào đạo. Sắc sắc không không đâu dễ gì thấy được. Phải một phen chết đi sống lại. Phải một phen chìm mình trong tuyết lạnh, phải một phen không còn gì trong tâm.

Như câu nói của sư Huyền Giác nói với lục tổ Huệ Năng:” Không có ý lấy gì phân biệt”. Ai thấy được”chỗ” trong câu:”Mịch tức tri quân bất khả kiến” của Chứng Đạo Ca thì mới thấy được sắc sắc không không..

Trong bài “Sợi sắc không”, ta hãy nghe:

Nắng vàng trên lá hư không

Thu qua nổi sợi sắc không lên cành

Hoa vô thường nở vầy quanh

Lòng không xao động.. khởi thành chân như..

Nói thì dễ mà nhập vào rất khó, "lòng không xao động". Hãy nghe lại lời của Bồ tát Duy Ma Cật thưa với Đức Thế Tôn : "Ngôi yên là ở trong ba cõi mà vẫn không hiện hành thân ý mới là ngôi yên, không xuất diệt tận định mà vẫn hiện hành những cử động khuôn phép mới là ngôi yên, không bỏ Phật pháp mà vẫn hiện hành mọi sự của người thường mới là ngôi yên, tâm không hướng nội cũng không hướng ngoại mới là ngôi yên, không động mọi thứ kiên chấp mà vẫn tu hành 37 giác phần mới là ngôi yên, không dứt phiền não mà vẫn nhập niết bàn mới là ngôi yên."

Đến đây, thơ là cảnh, cảnh cũng là tâm. Nắng mùa thu có màu vàng, lá mùa thu cũng chuyển vàng, và ánh đạo cũng có màu vàng.

Trong đời người, tuổi quá 50 cũng bắt đầu đi vào màu vàng.. Trong diễn trình sinh, trưởng, thành, tàn, thì mùa thu là mùa "thâu", qua đông yên ngủ. Thu qua có nghĩa là thu đang đến, và cũng đang qua..

Có đó rồi mất đó, sợi sắc không như có như không.. Ai đã từng thấy dây tơ hồng mới thấm thía câu: "dây tơ hồng không trồng mà mọc". Dây tơ hồng cũng có màu vàng, nếu nó tan biến vào hư không đến độ không còn hình thì cũng giống như sợi sắc không mà thôi..

Trong bài "Lục bát chiều xuân", nhà thơ viết:

Bông đưng gió khẽ qua màn

Hai vì sao lạc đậu cành trăng khô

Kinh cầu gõ nhịp nam mô

Xa miền hoài vọng, hư vô cuộc đời..

Thơ đã đi vào đạo, để rồi chuyển qua bài "Trong cõi ưu phiền":

Gọi người yêu dấu xa rồi

Nhớ thương xưa ước bờ môi gió ngàn

Thu phai giấc mộng đêm tàn

Nỗi xa nhau cũng bàng hoàng vì nhau..

Bạn hãy đọc kỹ lại câu:

"Thu phai giấc mộng đêm tàn", có phải chẳng cứ hai chữ, có một dấu cách:

Thu phai/ giấc mộng / đêm tàn

Thu phai cũng là giấc mộng, giấc mộng cũng là đêm tàn. Ba là một, một là ba. Thế giới là vậy, là

biến chuyển, là luân ảo, là thay đổi. Ta cũng chỉ là một giấc mộng, chỉ có giấc mộng dài hay giấc mộng ngắn. Dù dài hay ngắn, chỉ là biểu tượng mà thôi..

Đến câu " Nỗi xa nhau cũng bàng hoàng vì nhau" .. Thơ là tiếng lòng trong sâu thẳm. Thơ là tiếng lòng biểu lộ không chài chuốt, vì chài chuốt không còn là thơ .. Hai chữ "bàng hoàng " thoáng một chút ngỡ ngàng.. Có xa nhau rồi.. hay tơ vương chưa dứt? Một cái gì đó quuyến luyến trong vô hình giữa hai trái tim cùng rung động.. Câu thơ như lời ca làm rung cảm lòng người.

Một chiều nào bạn dạo chơi trên bờ đê của những thửa ruộng lúa xanh ngời xa tắp, một làn gió nhẹ phớt qua những ngọn lúa xanh, tạo thành một mảnh lụa vô hình lấp lánh, trời thu dịu dịu êm ả.. thì mới thấy thơ lục bát là thơ của ruộng đồng. Một loạt bài thơ lục bát chỉ có 4 câu như "Tùng hạc", "Tiếng ve buồn", "Điểm lệ".. ta mới thấy Bùi Thanh Tiên quả là nhà thơ của lục bát tuyệt vời..

Đến bài "Trong muôn nỗi nhớ", thơ lục bát đã đạt đến "nhất ý":

Thiệt tha dằng gọi mùa thơ

Phải chăng định mệnh, duyên tơ điệu đàn

Tình yêu em vẫn vô vàn

Trong muôn nỗi nhớ.. là vẫn tên em..

Và bài "Phù vân", nhà thơ đã đem lục bát lên đến độ "thuần khiết" rồi:

Đem lùa ngọn nước triều dâng

Đời người bọt biển, phù vân sá gì!

Con đường bát nhã ta đi

Hoa trầm hé nở, đang thì thầm hương ..

Con đường "bát nhã" là con đường sắc không, "sắc tức thị không không tức thị sắc". Đạt đến mức "hoa trầm hé nở "không phải là chuyện dễ. Các pháp của Như Lai đều dẫn đến "tịch diệt tướng", "tịch diệt tướng là chân không thuần khiết". Thấy được chân không thuần khiết không phải là chuyện dễ! Đạt được không phải là trong một kiếp... Bất cứ một ý nổi lên là phải đưa vào "diệt độ". Đó là đoạn kết của kinh Kim cang, kinh tối cao của Đức Phật Thích Ca.

Đến bài "Ước thế", thì nhất ý đã đi chung với thể thơ. Lục bát đã đi vào ý và thể. Thể là thực tại, thực tại là Đạo :

Thì ra mây trắng đã về

*Thì ra em đã ước thề cùng anh
Một lời thệ nguyện ba sinh
Mà nghe như cõi tự tình thiết tha..*

“Em” ở đây phải hiểu là “đạo”. “Mây trắng” là ý niệm đã gần như xóa sạch. Đạo là xóa chứ không phải thêm. Thêm là chuyện mua bán. Đạo không phải là mua bán. Mọi hình thức của tôn giáo chỉ là hình thức khuyến tu, giúp cho con người hướng lòng về đạo..

Đến bài “chùm lục bát số 3” ,thì tôi không đọc thơ anh, mà là “uống “ thơ lục bát của anh..Thơ anh đi vào cổ họng tôi, từng lời mát rượi và thơm nồng như một chén trà ngon đầy hương bưởi hương sen...

*Em như nổi nhớ trong lòng
Đường như thương cũng bẽnh bông trong anh
Em hương hoa bưởi mong manh
Ngờ đâu hoa bưởi nó giành con tim..*

Thơ trong anh thuần khiết, tuôn trào, như những giọt nước phun ra từ một giếng phun. Ba chữ “đường như thương” ẩn chứa một sự mệnh mang, không ẩn chứa sắc dục. “Đường” là một hình dung từ thật hay trong tiếng Việt.

Đến “hương hoa bưởi” thì quả là tuyệt. Hoa bưởi màu trắng, nhỏ, có mùi thơm ban đêm thoang thoảng..Hoa bưởi đúng là hoa của tình yêu.Nếu người con gái muốn tỏ tình với con trai, chỉ cần gói ít hoa bưởi và gói cho người con trai, thì chàng trai hiểu ý liền.

Trong bài thơ “Thì trăm năm cũng”, ta mới thấy lục bát đã lên đến chữ “tuyệt”:

*Em về sưởi ấm mùa xưa
Anh nôn nao đợi cho vừa lòng em
Đem tơ vàng trải bên thềm
Đêm khuya trăng tịch hương sen thơm nồng..*

Chỉ với 4 câu đã có hai cảnh đối nhau.Hai câu đầu là “tình yêu”.

Tình yêu với nôn nao chờ đợi của cõi trần. Hai câu sau lại là “đạo” của cảnh chùa “đêm khuya, trăng tịch hương sen thơm nồng”..

Còn rất nhiều bài thơ lục bát như “Giọt nắng thu rơi”, “Mộng tương phùng”, “Nổi đắng ngậm

ngùi”, “Ngõ qua vô thường”, “Bản Tango xưa”. Bài “Lục bát luân hồi” trong đó có 4 câu thật hay:

*Một mai em sẽ qua đời
Đường xa muôn dặm, vạn lời nhớ thương
Nghe từng hạt sỏi, làn hương
Về nơi an tịnh, diệu thường cõi qua..*

Và còn rất nhiều bài lục bát nữa cách gieo vần nhẹ nhàng, êm ái, đầy tình tứ như : “Từ trong tuyệt diệu”, “Cõi người ta”, “ Cùng ru điệu nhớ”, “Nghe tiếng muôn trùng” v.v..Rồi tới “Biển chân như”, ta hãy lắng tâm hồn để nghe nhà thơ nói rất nhẹ:

*Biển chân như rất tuyệt vời
Không còn xao động, sáng ngời chân không
Lững lờ bọt nước trên dòng
Không không sắc sắc là không ..vô cùng..*

Bài thơ “Nổi niềm” là bài lục bát cuối cùng trong thi tập “Khúc Vô Thanh” chỉ có 4 câu:

*Từ duyên kiếp đã lỡ làng
Sân chiều là rưng hanh vàng bóng em
Chợt khi nắng gọi bên thềm
Rưng rưng kỷ niệm nổi niềm thu phai..*

Bài thơ mở đầu thi tập là thơ lục bát. Lục bát là thơ của dòng sông, của ruộng đồng, của vườn cây ăn trái.. Điển hình là âm điệu ca dao trong dân gian của đất nước Việt Nam..Thì hào Nguyễn Du với “Kim Vân Kiều”, cụ Đồ Chiểu với “Lục Vân Tiên”.. Trong thi tập Khúc Vô Thanh của Bùi Thanh Tiên, lục bát chiếm tới 40 trong số 89 bài của thi tập. Những bài thất ngôn, ngũ ngôn trong thi tập cũng vô cùng điểm tuyệt..

Bài viết này chỉ là một phần cảm nghĩ trong góc độ nhỏ của người đọc thi tập. Mong rằng nó là món quà của thi sĩ tặng cho mọi người, tặng cho đời.. như thi sĩ đã viết: “Tập thơ Khúc Vô Thanh, tôi cũng đã đem lòng ra trang trải với người thân, người yêu, với bạn bè, với quê hương.. và cuối cùng tôi viết để hướng về Đạo, như một điều không thể không có trong đời người đã cảm nhận được chân lý Ánh đạo vàng.

Phạm Duy Sương

Những bài hát về Thăng Long-Hà Nội nhân kỷ niệm 1000 năm đất Thăng Long

THANH TRANG

(Trích từ chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện – Ngày 16 và 23 tháng 10, 2010)

*“Tạo hóa gây chi cuộc hý trường”
“Đến nay thắm thoát mấy tình sương”
“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo”
“Nền cũ lâu đài bóng tịch dương”
(Bà Huyện Thanh Quan - “Thăng Long Thành hoài cổ”)*

Chương trình “Ca khúc Việt Nam” do Thanh Trang thực hiện xin kính chào quý thính giả nghe đài!

Quý thính giả thân mến! Đầu tháng 10 dương lịch vừa qua, bên nhà đã tổ chức kỷ niệm “1000 năm Thăng Long-Hà Nội” tại Hà Nội. Tài liệu về sử có hàng chục nghìn trang sách viết về đất Thăng Long, về Hà Nội. Văn chương, thơ phú trong Văn Học Sử một tác cũng không hiếm tác phẩm nói về cùng một nơi có hai danh xưng này. Duy chỉ có Tân Nhạc Việt Nam mới xuất hiện non 80 năm nay, khi Thăng Long không còn là Thăng Long mà đã trở thành Hà Nội, thì tuy số lượng các bài hát về nơi này không nhiều như các sử liệu hay loại hình văn học nghệ thuật khác, nhưng tính đến nay thì cũng không phải là hiếm, do nơi vị trí của Hà Nội về mặt lịch sử; và khi đã nói đến nghệ thuật thì tức là nói về vị trí của Thăng Long, của Hà Nội trong lòng người!

“1000 năm Thăng Long-Hà Nội” ! Chỉ có điều là về mặt lịch sử mà nói thì một khi nhân mạnh vào một thời điểm nào đấy, cho dù có trọng đại đến mấy, thì nó cũng dễ khiến cho nhiều thời điểm quan trọng khác như có phần bị lu mờ! Thăng Long, kinh đô đầu tiên từ triều đại nhà Lý vào năm Thuận Thiên thứ Hai, 1010 cho đến thời nhà Nguyễn năm 1802 chẳng? Vua Lý Công Uẩn

trước khi dời đô từ Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay về thành Đại La, tức khu vực phía Nam của nội thành Hà Nội về sau, thì truyền thuyết có ghi là Ngài nằm mơ thấy có con rồng vàng bay lên trời cho nên đã cải danh Đại La thành ra Thăng Long. Nhưng trước đây mà không có Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn có công phá Tống, về sau trở thành Vua Lê Đại Hành của nhà Tiền Lê, thì lấy đâu ra chức “Điện Tiền Chi Huy Sứ” được ban cho Lý Công Uẩn để sau khi Lê Long Đĩnh chết thì ngài vàng lột vào tay nhà Lý? Ngược dòng lịch sử thêm một tí nữa thôi thì Ngô Vương Quyền, vị vua đầu tiên của nước Nam chính thức xưng Vương sau khi đại phá quân Nam Hán ở trận Bạch Đằng, mà không có Ngài thì lấy đâu ra mối loạn “Thập Nhị Sứ Quân” sau khi Vua băng hà, để rồi từ đây mới xuất hiện Vua Đinh Tiên Hoàng với viên Thập Đạo Tướng Quân của mình là Lê Hoàn? Mà Ngô Vương Quyền thì đóng đô ngay tại thành “Cổ Loa” có từ đời An Dương Vương, ngay địa phận của Hà Nội về sau chứ nào có đâu xa?

Các nhạc sĩ, vì là nghệ sĩ, cho nên khi cổ vũ lòng yêu nước thì họ cảm nhận theo tình cảm tự nhiên đối với lịch sử của giống nòi, theo cảm quan của riêng mình nếu như người ta để cho họ tự do sáng tác chứ không làm theo khẩu hiệu nhất thời của mỗi thời. Vậy thì ta đã nhắc đến Thăng Long, xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe lại một bài hát thật đặc sắc của Hoàng Quý khi xưa, nói đến một thời trước Thăng Long nữa, là bài “**Bóng cờ lau**” mà trên mạng có nói vừa quen cả lịch sử lẫn tựa đề bài hát để ghi là “**Bóng cờ lau**”!

Sau đây là bài “**Bóng cờ lau**” của Hoàng Quý, trình bày tốp ca.

*“Ta cùng nhau đi
“thăm nơi nghìn xưa”
“oai linh đứng muôn đời giữa nơi sông cùng núi.”
(Trích “**Bóng cờ lau**”)*

Vừa rồi là một lượt hát bài “*Bóng lò lau*” của Hoàng Quý, trình bày tập ca!

“*Hoa Lư ơi! Muôn năm còn trong sương gió... Đến muôn đời mà không dứt lời ca!*”

Và ấy là hình ảnh lịch sử của đất Hoa Lư, kinh đô của nhà Đinh và nhà Tiền Lê. Nhưng tất nhiên là muốn cho “*đến muôn đời mà không dứt lời ca*”, theo như lời bài hát, thì người ta phải biết để mà nhớ đến cũng như hát bài hát đó lên!

Còn khi nói đến Thăng Long thì ai khác sao không biết, nhưng theo như chỗ chúng tôi thấy thì cho đến tận ngày hôm nay, có lẽ chưa có bài hát nào đặc sắc hơn bài “*Thăng Long hành khúc*”, nhạc Văn Cao, lời của Đỗ Hữu Ích vào thời giữa thập niên 40. Xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe bài “*Thăng Long hành khúc*” qua giọng ca Quang Hưng và nhóm tập nữ phụ họa.

“*Cùng tiến bước về nơi Thăng Long thành cao đứng*”
“*Trong khói sương chiều âm trên dòng sông...*”
(Trích “*Thăng Long hành khúc*”)

Vừa rồi là bài “*Thăng Long hành khúc*” của Văn Cao và Đỗ Hữu Ích qua giọng ca Quang Hưng và tập nữ phụ họa.

Năm 1831, triều Minh Mạng của nhà Nguyễn, sau khi kinh đô đã dời về Phú Xuân, thuộc địa bàn của Huế ngày nay, nơi mà có tài liệu lịch sử ghi là Vua Gia Long năm 1802 khi đã quyết định dời đô về Phú Xuân và dựng nên triều đại nhà Nguyễn thì đã có ý kiến cho rằng: “*Đóng đô ở Phú Xuân mới gọi là Kinh Sư*”! Vậy thì năm 1831, trong một cuộc cải cách quy mô về mặt hành chính, Thăng Long ở ngoài Bắc được cải danh lại là Hà Nội! Trước đây hơn 400 năm, thời kỳ Bắc thuộc lần thứ Tư, thì không những tên nước đã bị nhà Minh đổi thành “*Giao Chỉ*” mà Thăng Long cũng đã bị đổi tên thành “*Đông Quan*”. Bài hát của Văn Cao và Đỗ Hữu Ích không mang tựa đề “*Hà Nội hành khúc*” mà là “*Thăng Long hành khúc*” phải chăng vì ý nghĩa theo chiều dài lịch sử của Thăng Long quan trọng hơn nhiều so với cái tên Hà Nội; chưa nói gì đến tồn thất theo biến cố lịch sử gần gũi nhất với thời ấy, khi thành Hà Nội mất về tay quân Pháp vào năm 1882, Tổng Đốc Hoàng Diệu tự vẫn để giữ vẹn danh tiết!

Cuối năm 1946, thực dân Pháp tái chiếm Hải Phòng và đánh ra Hà Nội. Tự vệ Thành tập hợp hàng ngũ để chống trả. Chủ trương “*Toàn Quốc Kháng Chiến*” được ban hành. Các lực lượng chính quy rút dần ra chiến khu, nhưng Hà Nội vẫn là địa bàn của cảnh súng nổ đạn rơi. Bài hát “*Người Hà Nội*” của Nguyễn Đình Thi, xuất hiện năm 1947, với những câu như “*Hà Nội cháy, khói lửa ngập trời*” là ca từ căn cứ vào những cái có thực!

Nhưng bài hát “*Người Hà Nội*” của Nguyễn Đình Thi mãi về sau này ít ra vẫn còn có khi được ca sĩ người ta hát lại. Còn như bài “*Hà Nội 49*” của Trần Văn Nhơn, sinh năm 1912 ở Sài Gòn, mất năm 1973 cũng tại Sài Gòn, một nhạc sĩ người miền Nam từng có thời làm trưởng ban Việt Nhạc ở Đài Phát Thanh Hà Nội từ năm 1948 đến 1952, với sự có mặt ở đây của các nhạc sĩ như Thẩm Oánh, Nguyễn Thiện Tư hay các ca sĩ như Minh Trang, Minh Đỗ, thì những bài như “*Hà Nội 49*” của ông, khi mà tình hình ở Hà Nội vẫn còn rất nhiều nhưong, lại hiếm có mấy ai ngày nay còn biết đến.

Xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe bài “*Hà Nội 49*” của Trần Văn Nhơn qua giọng ca Mai Hoa.

“*Hà Nội yêu quý là chốn tôi hằng mến yêu*”
“*Là nơi khi trước tôi tìm làm nơi gửi thân...*”
(Trích “*Hà Nội 49*”)

Vừa rồi là một lượt hát bài “*Hà Nội 49*” qua giọng ca Mai Hoa. Hà Nội của năm 1949, như chúng tôi vừa đề cập đến, là cái thời vẫn còn gay go về mặt tình hình chính trị cũng như quân sự. Ấy là thời mà nhạc sĩ Hoàng Dương, theo như tài liệu có người kể lại, có cảm hứng sau hai lần phải tạm xa Hà Nội, để viết nên bài “*Hướng về Hà Nội*” vào năm 1954, một bài hát mà cho đến tận ngày hôm nay, có lẽ chưa có bài hát nào viết về Hà Nội mà có được giai điệu cũng như ca từ đẹp một cách hồn nhiên nhưng tha thiết như thế. Sau năm 54, ở trong Nam khi bài hát vẫn tiếp tục được phổ biến thì khá nhiều người ngộ nhận ấy là tâm tình của một người rời xa Hà Nội để vào Nam, thế nhưng không phải, vì tác giả của nó vẫn ở lại miền Bắc. Còn có tài liệu ghi rằng tác giả viết năm 54 sau khi đã về Nam Định!

Nhưng rồi sau năm 54 thì có một loạt các nhạc sĩ gốc Bắc theo nhau di cư vào Nam. Và ở đây, người ta bắt đầu nghe rất nhiều ca khúc nổi tiếng viết về quê hương miền Bắc, về Hà Nội.

Diễn hình nhất là bài **“Giấc mơ hồi hương”** của Vũ Thành mà chúng tôi xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe qua giọng ca của danh ca Anh Ngọc, được ghi âm vào thời trước 75 ở trong Nam!
“*Lìa xa thành đô yêu dấu*”
“*Một sớm khi heo may về*”
“*Lòng khách tha hương, vương sầu thương*”
(Trích **“Giấc mơ hồi hương”**)

Ở phần trên, chúng tôi đã trích dẫn bài **“Thăng Long hành khúc”**, nhạc Văn Cao, lời của Đỗ Hữu Ích mà chúng tôi nghĩ có lẽ là bài hát về Thăng Long hay nhất về mặt giai điệu. Văn Cao là một nhà thơ, lưu loát về chữ với nghĩa như thể nhưng có điều lạ là tại sao ông không viết lời cho bài **“Thăng Long hành khúc”** mà lại để Đỗ Hữu Ích viết thay mình? Tài liệu các loại trên mạng ngày nay rất phong phú, thể nhưng tìm hiểu về lai lịch cùng thân thế của Đỗ Hữu Ích thì chúng tôi chưa tìm ra được. Đặc biệt lời hát của Đỗ Hữu Ích trong bài **“Thăng Long hành khúc”**, theo nguyên tác từ lúc ban đầu có những câu như sau:
“Thăng Long! Thành xưa!

*Thăng Long, ngày nao cờ khoe sắc pháp phới
Loa vang xa, chiêng thu không, tiếng hát ngát
trong trống thành*

Bao năm qua, các chốn cũ cũng đã mất hết tình anh.

Thăng Long thành!

*Oi Thăng Long! Oi Thăng Long! Oi Thăng Long
ngày nay*

*Dân trí sống yên vui chờ gió mới theo về
Bao ánh sáng phương Tây từ khắp chốn theo về”*

Người nghe mà không biết rành rọt năm tháng xuất xứ của bài hát, nghe đến câu: **“Bao năm qua các chốn cũ cũng đã mất hết tình anh”** thì không chừng lại bất giác định ninh rằng ấy là những lời hát viết cho ngày hôm nay!

Còn như câu **“Oi Thăng Long ngày nay, dân trí sống yên vui chờ gió mới theo về, bao ánh sáng phương Tây từ khắp chốn theo về”** mà là những lời lẽ của thời kỳ trước và sau khoảng giữa thập niên 40 ở Hà Nội thì kể cũng lạ! Bờn ấy là

thời kỳ Nhật Bản đã đánh đuổi quân Pháp để kiểm soát Đông Dương, nhưng cũng lại sắp sửa đầu hàng Mỹ sau hai quả bom nguyên tử. Từ phía Bắc, quân Tưởng Giới Thạch chuẩn bị kéo qua biên giới cũng như ở miền Nam quân Anh đổ bộ để tiếp tay đồng minh giải giới quân Nhật, với quân Pháp mượn thời cơ theo chân quân Anh đổ bộ vào miền Nam. Ở Hà Nội thì trước đây mặt trận Việt Minh cướp chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim, vua Bảo Đại ra tuyên cáo thoái vị ở Huế, đi Hà Nội làm **“Cố Vấn”** cho chính phủ Hồ Chí Minh, rồi chẳng mấy chốc thì Pháp tái chiếm Hải Phòng, kéo quân ra Hà Nội, mở màn cho cuộc chiến tại Đông Dương lần thứ nhất, v.v..

Dân trí trên đất Thăng Long xưa vào thời kỳ ấy, thời bài hát ra đời, mà là **“sống yên vui chờ gió mới theo về”** chăng? Đàng nào thì những câu như **“Bao ánh sáng phương Tây từ khắp chốn theo về”** thì từ mấy chục năm trở lại đây cũng hiếm có ca sĩ hay toán tốp ca nào hát đúng lại như thế! Chúng tôi không biết đích xác xem ý của Văn Cao và Đỗ Hữu Ích vào thời ấy về **“ngọn gió mới”** kia, thứ **“ánh sáng phương Tây”** kia theo ý tác giả là **“ngọn gió mới”** hay **“ánh sáng phương Tây”** nào, bởi nhìn về phương Tây thời đó, ngoại trừ phần đất phương Tây của Nga thì chỉ có thực dân Pháp chuẩn bị tái chiếm Đông Dương với hậu thuẫn của Anh và Mỹ. Có điều là giai điệu của bài hát thì thật là hào hùng, dễ gây hưng phấn. Tuy sau ngày ấy thì cũng hiếm có ca khúc có giá trị nào khác với tựa đề mang tên Thăng Long!

Sau khi đất nước bị tạm phân chia vào năm 54, bắt đầu có sự khác biệt khá trớ trêu là những nhạc sĩ kỳ cựu, thuộc lớp tiền phong của Tân Nhạc Việt Nam còn ở lại Hà Nội, còn ở lại miền Bắc thì hết còn sáng tác, hay nói cho thật chính xác là hết còn được sáng tác theo phong cách như xưa kia họ vẫn làm. Và trong khi ở trong Nam thiên hạ vẫn có thể tiếp tục hát những bài như **“Khúc hát sông Thao”** của Đỗ Nhuận hay **“Em đến thăm anh một chiều mưa”** của Tô Vũ chẳng hạn, thì ở ngoài Bắc cả hai tác giả vừa nêu lại sáng tác những bài như **“Trồng cây lại nhớ đến Người”** để ca ngợi lãnh tụ! Trong khi ở trong Nam người ta vẫn cho hát những bài như **“Bóng**

ai qua thêm” và thậm chí cả bài “*Đợi anh về*”, nhạc của Văn Chung, phổ thơ Tố Hữu, dịch từ thơ của Constantin Simonov bên Nga, thì một ngày vào khoảng năm 1965-66, tình cờ chúng tôi bắt được làn sóng của Đài “*Tiếng Nói Việt Nam*” ở Hà Nội và gặp đúng lúc đang có chương trình tập cho quần chúng hát một bài của Văn Chung, mở đầu với câu: “*Mặt trời đem ánh sáng tươi vui đến cho loài người; Đảng thì đem ruộng cấy trâu cày về cho nước ta*” ! Kiểu như thế!

Các nhạc sĩ thuộc lớp kỳ cựu, gốc Bắc, di cư vào Nam thì vì xa quê hương bản quán của mình cho nên đã cho ra đời hàng loạt những bài hát nói về Hà Nội trong kỷ niệm của mình khi xưa. Nhiều lắm: Vũ Thành có “*Giấc mơ hồi hương*”, Nguyễn Hiền có “*Thương ca*”, Lê Trọng Nguyễn có “*Nhớ Thu Hà Nội*”, Anh Bằng có “*Nỗi lòng người đi*”, Phạm Đình Chương có “*Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội*”, phổ thơ Hoàng Anh Tuấn, v.v... Ngay cả một nhạc sĩ thời ấy còn trẻ, gốc miền Nam như Lam Phương mà cũng có bài “*Tình cố đô*”, mở đầu với “*Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi đã xa cách rồi...*” v.v...

Sau năm 1975 thì một lần nữa, phần lớn các nhạc sĩ tiếng tăm khi xưa ở trong Nam lại phải tìm đường lánh thân ra hải ngoại. Và bấy giờ thì lại xuất hiện từ hải ngoại một loạt những bài hát nói về Sài Gòn! Nhưng ngược lại thì ở trong nước lại xuất hiện rất nhiều bài hát nói về Hà Nội, và với thời gian, cụ thể là từ giữa thập niên 90 trở về sau, thì người ta viết về Hà Nội một cách tự nhiên hơn, chứ không còn phải tuân thủ những công thức phục vụ đường lối này hay chủ trương kia như trước đây!

Trước năm 75, vào khoảng đầu thập niên 70, vào một giai đoạn tạm gọi là “*đầu sôi lửa bỏng*” ở Hà Nội thì có bài “*Hà Nội niềm tin và hy vọng*” của Phan Nhân mà chúng tôi xin mời quý thính giả, ta cùng nhau nghe qua giọng ca Đăng Dương, Việt Hoán và Trọng Tấn.

“*Mặt hồ Gươm vẫn lung linh mây trời*
“*Càng tỏa ngát hương thơm hoa thù đô...*”
(Trích “*Hà Nội niềm tin và hy vọng*”)

Vừa rồi là bài hát “*Hà Nội niềm tin và hy vọng*” của Phan Nhân qua ba giọng ca Đăng

Dương, Việt Hoán và Trọng Tấn. Giai điệu của bài hát, chúng tôi thấy là đẹp! Lời lẽ nơi bài hát, chúng tôi nhận thấy không có khuynh hướng mà ngay chính người dân Hà Nội thời ấy vẫn gọi là kiểu “*lên gân*” như phần lớn các bài hát thuộc diện thường được gọi là “*Nhạc Cách Mạng*”. Bài hát nhắc lại hai cái tên cũ của Hà Nội là Thăng Long và Đông Đô. Tuy ý nghĩa về mặt “*quan điểm*” hay “*lập trường*” toát ra từ bài hát thì cũng khá rõ ràng! Tác giả ví Hà Nội như “*ngôi sao Mai rạng rỡ, sáng soi bóng đêm Trường Sơn, lấp lánh trong nước sông Cửu Long*”, để nói lên cái ý Hà Nội như thể là thủ đô của cả nước chứ không riêng gì của chế độ ở phía Bắc vĩ tuyến 17 vào thời ấy.

Sau năm 75, khi cả nước đã chịu chung một chế độ chính trị thì ta có những trường hợp tương tự về mặt cảm xúc trong sáng tác như đối với các nhạc sĩ năm 54 di cư vào Nam. Cụ thể như trường hợp bài hát “*Nhớ về Hà Nội*” của Hoàng Hiệp mà trong một buổi phát thanh trước đây chúng tôi đã có trích đoạn. Nhạc sĩ Hoàng Hiệp là tác giả những bài hát quen thuộc ở miền Bắc trước năm 75. Ông là người miền Nam đi tập kết ra Bắc trước năm 54; sau năm 75 trở về Nam, và một lần trả lời phỏng vấn của một nhà báo thì ông kể về lai lịch bài hát như sau: “*Sau năm 1975, tôi đưa gia đình trở về Nam sinh sống. Mãi đến 9 năm sau, trong một lúc nhớ lại những năm tháng sống ở Hà Nội, cảm xúc tự nhiên tuôn trào khiến tôi viết nên “Dù có đi bốn phương trời, lòng vẫn nhớ về Hà Nội...”. Cho đến tận bây giờ, khi nghe ca khúc này, cảm xúc của tôi về Hà Nội vẫn còn nguyên vẹn*”. Và ấy là lời của nhạc sĩ Hoàng Hiệp những năm trước đây.

Xin mời quý thính giả, ta cùng nghe bài hát “*Nhớ về Hà Nội*” của Hoàng Hiệp qua giọng ca Hồng Nhung.

“*Dù có đi bốn phương trời*”

“*Lòng vẫn nhớ về Hà Nội*”

“*Hà Nội của ta*”

“*Thủ đô yêu dấu*”

“*Một thời đạn bom*”

“*Một thời hòa bình.*”

(Trích “*Nhớ về Hà Nội*”)

Vừa rồi là bài hát “*Nhớ về Hà Nội*” của Hoàng Hiệp qua giọng ca Hồng Nhung. Trong một chương trình trước đây chúng tôi đã trích đoạn; hôm nay chúng tôi cho phát một lượt hát để quý thính giả nghe được trọn vẹn giai điệu của bài hát mà chúng tôi cho là đặc sắc. Về phần lời hát thì chúng tôi nhận thấy phần lớn là dung dị, có cái gì đấy rất chân thật chứ không màu mè, công thức. (Bài hát, hơn một lần, có nhắc đến hai chữ Thăng Long)! Những cái có liên quan đến thân thế cũng quá trình của một người nghệ sĩ như vậy có ảnh hưởng, có tác động đến người đọc, xem hay nghe tác phẩm của người đó về mặt quan điểm, lập trường, định kiến hay không? Chúng tôi nghĩ là có! Cho dù đối với riêng người nghệ sĩ ấy, những cảm xúc của mình có trung thực đến mấy đi nữa với lòng mình!

Và tưởng cũng cần nhấn mạnh ở chỗ là kể từ giữa thập niên 90 trở đi thì hầu hết những ca khúc viết về Hà Nội của những tác giả trẻ đều hiếm còn có bóng dáng của chế độ chính trị hay bất kỳ một giới lãnh đạo nào trong bài hát! Chỉ tiếc là về mặt giai điệu thì lại chưa thấy có bài nào trong nước được như những bài “*Hà Nội niềm tin và hy vọng*” của Phan Nhân, “*Nhớ về Hà Nội*” của Hoàng Hiệp, hay “*Mùa Thu Hà Nội*” của Vũ Thành; tuy, một lần nữa, chúng tôi vẫn không quên sự thể là đã nói về cái hay, cái kém hay nơi một bài hát, còn tùy thuộc nơi cách thẩm âm của mỗi con người!

Quý thính giả thân mến! Hai buổi phát thanh của chương trình này là nói về những ca khúc xưa và nay có liên quan đến Thăng Long, đến Hà Nội nhân dịp kỷ niệm “*1000 năm Thăng Long - Hà Nội*” vừa rồi ở bên nhà! Lịch sử của đất Thăng Long, tức có Hà Nội trong đó, là lịch sử của giai đoạn 1000 năm trong chặng đường lịch sử dài hơn thế nữa của đất nước. Còn quá trình phát triển của Tân Nhạc Việt Nam thì cũng mới chỉ vón vện có 80 năm nay; mới chỉ như một khoảnh khắc ngắn ngủi trong ngàn ấy nghìn năm của lịch sử.

Ở ta vẫn có truyền thống nói rằng một vùng đất nào đấy sản sinh ra được anh hùng này, hào kiệt kia, danh nhân nọ. Nhưng cũng có cái may là người ta, từ nghìn đời nay, không đưa ra ý niệm là

chỉ một con người nào đấy hay một nhóm người nào đấy làm ô danh cho một địa danh nào! Bởi sử sách còn ghi lại rõ ràng! Thăng Long ư?

- Nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, sát hại cả tập thể tôn thất nhà Lý thì cũng từ đấy mà ra!

- Lê Quý Ly, sau đổi tên thành Hồ Quý Ly, trước khi thoán đoạt ngôi nhà Trần thì đã ép Vua dời đô về Thanh Hóa, gọi là Tây Đô, đổi tên Thăng Long thành Đông Đô, thì thoát đầu cũng từ Thăng Long mà cử sự. Bắc thuộc lần thứ Tư, quân Minh kéo sang chiếm đóng nước Nam suốt 20 năm thì cũng từ sự thoán nghịch ấy mà ra!

- Thời hậu Lê, đám Trần Cao nổi loạn, Trịnh Duy Sản giết vua Lê Tương Dực, Nguyễn Hoàng Dụ kéo quân về Thăng Long đánh nhau với Duy Sản, kinh thành bị đốt phá tan tành, đã một lượt. Sau đấy, Nguyễn Hoàng Dụ đánh nhau với quân của Trịnh Tuy (không thuộc dòng họ Trịnh về sau), thành Thăng Long lại tan nát thêm một phen. Rồi đến phiên bọn Nguyễn Kính, sau khi Vua Lê Chiêu Tông cho giết Trần Chân, thì kéo quân về hỏi tội nhà vua, nhà vua bỏ chạy và kinh thành Thăng Long lại bị cướp phá tan hoang thêm một lượt nữa!

- Thế rồi thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đám Chúa Trịnh lập phủ bên cạnh dinh vua, giai đoạn nhà Lê trung hưng, thực tế là thoán nghịch ngôi vua, không ở Thăng Long thì còn ở đâu?

- Vào những ngày cuối của dòng họ Trịnh, đám “kiêu binh tam phủ” chẳng khiến cho cho dân gian thành Thăng Long hơn một phen điều đứng là gì? v.v.. và v.v.

Kể làm sao cho hết những chuyện giết chóc, tương tàn, tội ác nhân danh cái này hay cái nọ trên đất Thăng Long? Mà chung cuộc của mỗi thời nhiều nhường thì cũng chỉ khổ cho người dân!

Thế nhưng Thăng Long không vì thế mà bị ô danh! Và quan trọng ở chỗ người ta cũng không thể bám vào danh nghĩa của Thăng Long, của Hà Nội để lấy đó làm bình phong cho phong cách, cho hành động trong thực tế của mình về mặt văn hóa, về mặt xã hội, nhân quần, nói chung là đối với lịch sử!

Về đất Thăng Long-Hà Nội có câu thơ từ khá lâu đời:

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài”
“Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An”!

Lạ thật! Những kẻ đã không thanh lịch thì còn tự nhận mình là người của chốn “Nghìn năm văn vật” làm cái gì, phải không ạ?

Trích bài hát “*Mắt buồn Hà Nội*”:
“Tôi mơ về Hà Nội một ngày bình yên, năm tháng chưa quên”
“Nghe dẫu từ quên lãng một thời phồn hoa lui gót trong đêm”
“Liều xưa buồn màu xanh thắm, tóc buồn hoang sơ rử tháng năm chờ”
“Đêm mãi còn nhung nhớ, ánh mắt cửa Ô, lệ cũng hoen mờ!”

(Sài Gòn-1965)

Quý thính giả thân mến! Vừa rồi là trích đoạn bài hát “*Mắt buồn Hà Nội*” của Thanh Trang qua giọng ca Vũ Trung Hiền! Đến đây đã kết thúc đề tài nói về những ca khúc xưa và nay nhân dịp kỷ niệm “1000 năm Thăng Long-Hà Nội”! Xin gửi đến quý thính giả bốn phương lời chào thân ái của người thực hiện hiện chương trình và dám mong là suốt thời gian hơn một năm vừa qua, chúng tôi đã có dịp mang được đến hầu quý vị những mẫu chuyện về ca nhạc có ý nghĩa trong 15 phút phù du của chương trình này!

Thanh Trang
(California)

Trong Buổi Dạ Tiệc Giã Từ DC của BÁO SÓNG THẦN VÀ CHỦ NHIỆM PHẠM BÁ VINH 10/10/2010 tại Virginia



Hàng trước: Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Diana Duyên, Minh Trân, Thân Hữu. Hàng sau: Tạ Quang Trung, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Bá Vinh, Huy Lãm, Bích Xuân, Bạch Mai, Cung Thị Lan, Hoàng Quý Nam.



Bích Xuân và Thanh Thủy



PHỐ PHƯỜNG XƯA HÀ NỘI

Nguyễn Thị Ngọc Dung

LTS: Để tưởng nhớ Hà Nội, hậu thân 1000 năm Thăng Long Thành (1010), Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm trích dẫn một số đoạn trong Hồi Ký Tiểu Thuyết *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội* của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tác phẩm này được in lần thứ nhất vào năm 1995, tái bản lần thứ I năm 1998, tái bản lần thứ II 2005.

(Tiếp theo Cổ Thơm 52)

Mùa hè năm đó, mùa hè 1954, hoa phượng vàng, phượng đỏ, phượng tím hoảng hốt nở nhiều hơn mọi năm, như vôi vãi thử hít không khí trong lành của những ngày tháng tự do cuối cùng và sắp mất. Ve sầu rên rĩ khóc than. Chị Phượng đi may áo màu vàng để mặc cho vàng cả không gian, cho cháy bỏng giận hờn. Người ta đang âm mưu cướp giạt thành phố Hà Nội xinh đẹp, thân yêu. Chị Kim, chị Nguyệt, chị Tâm rủ nhau cùng may, cùng mặc áo màu hoa phượng tím. Những bước chân buồn thả bộ bên bờ hồ như âm thầm để lại những lời giã biệt cuối cùng với Cậu Thê Húc, Hồ Gươm, Tháp Rùa. Con đường tím ngắt cánh hoa, màu áo, như lưu luyến níu ôm dấu gót tạ từ.

Hà Nội vào cuối Hè, bạn bè gặp nhau hoang mang, không biết tương lai rồi sẽ ra sao? Thân phận đất nước, con dân như cá nằm trên thớt. Nếu Việt Nam bị chia đôi, nhiều gia đình, gia tộc, nhiều nhóm bạn thân cũng sẽ bị chia đôi. Tôi rủ các bạn đi chơi Hồ Tây, Vườn Bách Thảo

để sửa soạn cuộc chia ly, lượm nhặt, nắm giữ thêm những kỷ niệm thân ái bên nhau.

Cả bọn vẫn từng ấy đứa, Tuyết Anh, Thu Hòa, Kim Dung và tôi họp nhau ở nhà Ngọc Diệp, Hàng Than, rồi đạp xe tới nhà Tú Anh trên phố Phó Đức Chính và qua Đường Cổ Ngư cây dài, gió lộng. Một bên Hồ Trúc Bạch xanh xắn, thơm ngát hương sen. Một bên Hồ Tây mênh mông tới tận chân trời.

Vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, đại Thi Hào Nguyễn Du và nữ sĩ nổi danh làm thơ ẩn dục, châm biếm, Hồ Xuân Hương đã sống thời niên thiếu tại vùng Hồ Tây này.

Những hàng giải khát, bánh tôm rải rác bên hồ. Những đĩa rau tươi, lọ đu đủ, cà rốt đồ chua, những chảo bánh tôm rán vàng ngậy, mỡ reo xèo xèo như mời chào. Bánh tôm Cổ Ngư nổi tiếng ngon nhất Hà Nội có lẽ vì cảnh Hồ Tây thơ mộng. Nhưng mấy cô bé, tuổi còn e lệ và cũng không vui vẻ trước hoàn cảnh nao núng của đất nước nên chẳng tha thiết ngừng lại mấy quán quà vặt này. Gió hình như không bao giờ ngừng êm trên con Đường Cổ Ngư thanh mát. Những lọn tóc mây vờ vờ, quán quít. Những tà áo mong manh phất phới tung bay. Người và cảnh vật đang vẫy tay chào nhau ly biệt.

Chúng tôi vào thăm Chùa Trấn Quốc ngay bên Hồ Tây. Chùa được xây dựng từ đời Nhà Trần, thế kỷ 13-14. Bà Huyện Thanh Quan đã từng dừng lại nơi đây và cảm hứng:

*Trấn Bắc hành cung cỏ dài dài,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau...*

Lâu đài nàng Ý Lan, và nhiều cung điện Nhà Lý, Trần, Lê, Trịnh không còn một dấu vết. Các đời vua sau đã phá hủy cho mất hết di tích kinh đô xưa khi lập triều đại mới! Giờ đây chỉ còn sót lại ngôi chùa cổ, và chúng tôi đây cũng đang đau niềm đau đất nước. Vài nhà sư “của Bà Huyện Thanh Quan” vẫn còn đó, áo nâu sồng thông thả đi lại trong sân chùa, “A di đà Phật” chào chúng tôi. Cái máy ảnh bao diêm mượn của Chị Tâm cũng thấu được vài hình chúng tôi chụp ở cổng chùa, vườn sau chùa. Vài ngôi mộ đã rêu phong. Thuyền đánh cá ngoài khơi xa. Người câu cá bên hồ.

Trở ra con Đường Cổ Ngự, vành xe đạp của chúng tôi lăn trên dấu chân xưa của Thị Lộ, người hầu thiếp tài sắc đã đem oan khiên đến cho Nguyễn Trãi (1380-1442), vị quốc sư thời Vua Lê Thái Tổ, Lê Lợi. Tiếng thơ lắng lơ của Thị Lộ như còn bay trong gió:

*Em ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Can chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu nay được trăng tròn lẻ.
Chồng còn không có nói chi con?*

Người con gái bán chiếu ngày xưa cùng độ thanh xuân với mấy cô bé học sinh áo trắng này. Nhưng xem ra nàng nhí nhảnh, hồn nhiên không ư tư nổi niềm chia ly buồn thảm của chúng tôi.

Cảm giác lâng lâng thương nhớ ấy đã theo tôi đi du lịch khắp bốn phương trời, để thấy sương mù Hồ Tây che phủ mặt hồ Michigan; sóng vàng Hồ Tây lăn tăn trên Hồ Lemans; gió mát Hồ Tây lồng lộng bờ Hồ Ontario... Dừng chân bên bến bờ bao la nơi đâu, tôi cũng chỉ thấy Hồ Tây của tôi trong tầm mắt, bát ngát, trong xanh.

Đi hết Đường Cổ Ngự, bên trái là đền Quan Thánh cổ kính nghìn năm. Gánh hàng phở thuở thơ ấu tôi ngồi ăn với bố mẹ và các em, vẫn ở đó bên bờ hồ. Dãy núi Ba Vì mờ nhạt phía chân trời, đẹp như bức tranh sơn thủy. Chúng tôi dắt

xe vào đền, chụp mấy hình bên những cây hoa đại thơm lừng, thơm nức, cành lá xum xuê. Trong đền có tượng đồng đen cao hai thước, nặng bốn tấn.

Sau đó chúng tôi qua Vườn Bách Thảo rậm rạp rừng cây. Chim ca, vượn hú nghe như bạn Tarzan đang nhảy nhót đánh đu đầu đây. Chúa sơn lâm gầm gừ tâm sự, *gặm một mối căm hờn trong cũi sắt* với Thế Lữ bên trong chuồng thú tù đầy. Bỗng đứng tôi nghe có tiếng gọi:

- Ngọc-Dung! Ngọc-Dung!

Nhìn quanh, tôi thấy ai như Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Nhưng Thảo đã không ngừng còn phóng xe nhanh hơn qua một đường khác. Tôi vội dặn các bạn:

- Đi chậm, chờ nhé. Dung muốn gặp Thảo một chút.

Soài cẳng phóng theo, tôi bắt kịp cô nàng và gọi giát:

- Thảo, ngừng lại, đi đâu mà vội thế. Sao không cho người ta gặp hả?

Thảo ngoái cổ lại trả lời:

- Dung đi với bạn. Ta không muốn phiền.

- Phiền gì, ta đã rủ Thảo đi chung mà?

- Thôi, Chủ Nhật sau ta sẽ tới Dung rồi hai đứa đi chơi!

- Ừ, nhớ đến nhé!

Thảo vẫy tay chào và phóng xe mất hút trong Vườn Bách Thảo. Từ ngày mẹ Thảo mất, chúng tôi không còn học chung với nhau nhưng vẫn liên lạc thân thiết. Hai đứa vẫn thương nhau như hồi còn học lớp ba, lớp nhì. Tuy nhiên, Thảo thường né tránh, khi tôi có các bạn khác bên cạnh.

Trở lại với nhóm bạn Trương Vương. Qua Vườn Bách Thảo, chúng tôi đi thăm chùa Một Cột được xây cất từ đời Lý Thái Tông (1028-1054). Chùa vẫn cổ kính như trong tranh lụa Tú Duyên. Những bông sen hồng thoáng điểm trên mặt hồ phủ kín lá sen xanh. Hương sen thoang thoảng quyện trong nhang khói nhẹ nhàng.

Mấy cô bé ríu rít khuấy rộn cảnh chùa tĩnh mịch. Chúng tôi thay phiên nhau đứng chụp hình. Cố lấy được mấy bức thang nho nhỏ thì mất mái chùa cong cong. Nếu lấy được mái chùa cong cong thì mất mấy bức thang nho nhỏ. Nên chúng tôi phải đứng thật xa để thu được đủ cảnh vào cái máy hình bỏ túi, chỉ rửa ra ảnh đen trắng, 4x6 (cm) tí xiu.

Những hình ảnh yêu quý đó đã được giữ gìn trong quyển *album* nhỏ Ngọc Diệp tặng trước khi tôi rời Hà Nội. Những kỷ niệm vẫn được ấp ủ trong tâm tư tưởng nhớ và được ghi lại đây bằng những ngón tay đã pha màu thời gian.

Chiều Chủ Nhật sau đó, Thảo đến rủ tôi đi chơi một vòng. Nụ cười không còn nở trọn vẹn trên đôi môi hồng. Chuyện nói bâng quơ, chẳng mạch lạc. Suy tư ghim nặng bàn đạp, bánh xe. Gần như chắc chắn có sự phân chia Nam Bắc. Gia đình Thảo sẽ chẳng đi đâu. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ theo gia đình vào Nam. Đây là lần cuối cùng hai đứa đi chơi với nhau. Chúng tôi lại chọn Đường Cổ Ngư, Vườn Bách Thảo, những thắng cảnh bao la, rợp mát, xa phố phường đông đúc. Xe đạp sóng đôi, chúng tôi tới núi Nùng thì ngừng lại. Nhìn lên trăm bức cao, Thảo hỏi tôi:

- Lên không?

Tôi ngẫm nghĩ, áng chừng sức lực của mình:

- Lên chứ! Chúng mình phải gửi xe ở đằng kia.

Thảo xoa tay:

- Không cần. Mình không ở lâu, chạy lên rồi chạy xuống ngay. Dựng xe ở chân núi này. Cảnh bình tới bắt xe, mình có thể nhìn thấy và chạy xuống liền.

Tuy hơi ngần ngại, tôi tin tưởng Thảo nhanh nhẹn, tháo vát nên làm theo lời cô bạn. Chúng tôi khoá xe đạp lại, nắm tay nhau đếm một, hai, ba để lấy đà. Tưởng có thể chạy một mạch lên tới tận bậc trên cùng, nhưng sức con gái mảnh mai, Thảo và tôi

phải ngừng nghỉ hai, ba lần. Lên đến sân đền trên Núi Nùng, chúng tôi ôm nhau ngả nghiêng cười. Thảo bé bán kem tới rao:

- Ai kem cam, kem chanh, kem dứa một đồng đây!

Chúng tôi nhìn sang nhau thâm hiểu một ý ngầm, rồi đồng thanh gọi:

- Kem! Kem!

Hai cô bé quên ngay việc canh chừng mấy ông cảnh binh đi bắt xe đạp dựng ẩu lề đường. Viên ảnh Nam Bắc phân ly cũng vụt tan trong cây kem dứa thơm ngon, mát lạnh. Tuổi trẻ muốn đòi được trong sáng, hồn nhiên mãi mãi, không muốn vướng bận những lo âu, phức tạp của cuộc đời.

Đường về, chúng tôi theo Phố Quan Thánh ngắm ngôi lá me xanh, bồi hồi hoa phượng đỏ. Chúng tôi lặng lẽ chia tay nhau ở Nhà máy Nước Tròn, Vườn Hoa Hàng Đậu. Thảo về Hàng Đồng. Tôi về Hàng Than...

Việc gì phải tới đã tới, Hiệp Định Đình Chiến được ký kết tại Genève ngày 20 tháng Bảy năm 1954, giữa Pháp, Việt Minh, Anh, Nga, Trung Hoa. Việt Nam tạm thời chia đôi tại Vĩ Tuyến 17. Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Việt Minh), sẽ cai trị miền Bắc Vĩ Tuyến 17 trở lên. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa toàn quyền miền nam từ Vĩ Tuyến 17 trở xuống. Người dân được 300 ngày chọn lựa, tự do di chuyển từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc. Tổng tuyển cử sẽ được thi hành vào tháng 7, năm 1956. Máy cô bé ngây thơ đã hy vọng như thế. Chúng tôi đâu biết rằng, Việt Cộng không sợ gì bằng tổng tuyển cử tự do. Vì trong tự do, Cộng Sản làm sao tồn tại được? Họ chỉ còn một cách trường kỳ kháng chiến mấy chục năm, đổi hơn hai triệu xác dân để cướp lấy mảnh đất tang thương. Tổng tuyển cử cho nước Việt Nam đau khổ trong bốn mươi năm đã không bao giờ có.

Từ thuở Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập, cha tôi đã nhìn thấy tương lai mờ tối kia. Ông cảm chúng tôi không được hát những bài ca tụng bác Hồ. Cha tôi có lý vô cùng! Ông nhanh chóng quyết định di cư vào Sài Gòn. Gia đình Kim Dung, Thu Hòa, Tú Anh, Thái Lan cũng sẽ đi. Gia đình Ngọc Diệp, Tuyết Anh, Việt Bảo ở lại. Để làm một cuộc chia tay tập thể, nhóm chúng tôi và các nhóm bạn khác cùng lớp rủ nhau họp mặt tại nhà bà giám thị Nết. Bà đẹp như lai, nhỏ nhẹ, dễ mến như tên. Chúng tôi chỉ định tới thăm bà một chốc lát. Nhưng bà đã mua sẵn thực phẩm để nấu bún mọc cho chúng tôi ăn. Bà chỉ dẫn đám học trò con gái luộc thịt, thái thịt, thái rau diếp, ớt, chanh. Tuy chỉ có vậy, món bún mọc của Bà Nết ngon đặc biệt. Tôi đã từng bắt chước nấu y như thế vẫn không bao giờ được ngon bằng. “Rượu ngon phải có bạn hiền, món ngon phải có bạn hiền mới ngon.” Bà giám thị Nết còn cho chúng tôi thưởng thức tiếng đàn dương cầm nhịp nhàng, thánh thót. Khi chia tay nhau, chúng tôi nghẹn ngào hiểu rằng đây là lần gặp gỡ cuối cùng. Bạn bè không còn cười đùa được nữa. Rồi đây kể ở người đi...

Tôi còn một người bạn học thân từ lớp nhất, Bích Vân không học Trường Trưng Vương. Cũng như với Thảo, tôi vẫn có với Vân những dịp gặp gỡ khác như đi dạo chơi tha thẩn trong Quốc Tử Giám, la cà mấy tiệm sách báo hay đi xem những phim ca nhạc, nhẩy múa của màn ảnh Mỹ và đã mê Leslie Caron, Gene Kelly, Frank Sinatra... như



thần tượng.

Hôm đó Vân rủ tôi đến chơi nhà nàng, ở Phố Sinh Từ. Cô bé có “người anh văn nghệ” vừa mới bí mật ra vùng kháng chiến. Nàng muốn gặp người quen để hỏi tin tức. Chàng đợi chúng tôi ngoài phố. Theo như Hiệp Định Genève, lệnh ngưng bắn đã ban hành, tạm thời người dân được tự do đi lại. Nên người đi ra vùng Việt Minh, kể đi vào vùng Quốc Gia như đi chợ. Dù vậy, người ta vẫn kín đáo, đề phòng những bất giữ bất ngờ có thể xảy ra.

Khi chúng tôi vừa đến trước tiệm sách, một chàng tuổi trẻ đi xe đạp tới ngang bên. Bích Vân và người ấy chào hỏi nhau. Phố đông đúc, xe đạp không thể đi hàng ba, tôi đi lên trước. Ra tới một con đường vắng, hai người tiến xe ngang tôi. Vân giới thiệu:

- Đây là Anh Vũ, đây Ngọc Dung. Anh Vũ rủ chúng mình đi ra Hồ Hoàn Kiếm.

Tôi mỉm cười chào Vũ và đồng ý ngay:

- Dung cũng định đi bờ hồ một lần trước khi rời Hà Nội.

Tôi chưa bao giờ gặp gỡ hay đi chơi với một

người khác phái xa lạ nào. Tuy nhiên, Vũ quen Vân nên tôi chẳng ngại ngần và nghĩ thầm, con gái chưa tới tuổi trăng tròn, Vân còn lo sợ gia đình, không dám đi chơi riêng với người thanh niên Hà Nội thanh tú này. Tôi đi hộ tống cho Vân yên tâm. Chị em, bạn gái thân thương, thường chiều chuộng và săn sóc nhau những khi cần thiết như vậy. Có thể, đây cũng là dịp cuối

cùng được nhìn Hồ Gươm, Tháp Rùa trước ngày đi.

Qua Rạp Lửa Hồng, nơi tôi đã ngồi như bị thôi miên khi xem những phim cao bồi có Roy Rogers, Zorro bịt mắt đầu tiên trong đời, ba xe đạp tới Hồ Hoàn Kiếm.

Vũ chọn một bàn giải khát bên bờ hồ phía Hàng Trống, Hàng Khay. Anh tự nhiên lấy khăn tay lau và kéo ghế mời hai cô nữ sinh áo trắng tuổi yêu hoa phượng. Bích Vân có hai nơ xanh buộc mái tóc chõ đôi đũa sau gáy. Tóc tôi uốn dợn cổ tình để dài chấm vai buồn, để tang ngày đất nước bị chia đôi, 20 tháng 7 năm 1954.

Như ý thích của Vân và tôi, Vũ gọi nước chanh tươi cho cả ba người. Chúng tôi trầm ngâm nhấp từng ngụm nước trong vắt như tâm hồn tuổi trẻ mà sự chia cắt đất nước đang rạch nát tới bờ. Phượng vĩ nở rực thắm vùng trời Hồ Gươm. Màu hoa đỏ cũng nghẹn ngào, rưng rưng trong tim tôi.

Bích Vân và bà mẹ đã quyết định ở lại. Ngày gia đình tôi rời Hà Nội được xếp đặt vào 15 tháng 8. Tôi hỏi Vũ và được trả lời không rõ rệt về quyết định “đi hay ở” của gia đình anh. Mọi người đều dè dặt lời nói trong lúc giao thời. Tôi không để ý lắm tới đối thoại giữa Bích Vân và Vũ. Ngày chia ly thật gần đang cuộn rối lòng tôi. Hà Nội ơi! Mình sắp già từ nhau! Thỉnh thoảng tôi mỉm cười vu vơ hay lơ đãng nhặt những cánh phượng rơi và giận hờn ném xuống hồ để thấy hoa phượng đỏ, mây trắng, trời xanh lung linh tan vỡ trong nước hồ thăm thẳm. Người ta sắp chiếm đoạt Hà Nội! Tôi sắp mất thành phố thân yêu!

Gần đến ngày đi, đồ đạc trong nhà, xe đạp, bát đĩa xưa, sách vở cũ đã đem cho hoặc bán đi hết. Bố mẹ cho chúng tôi mỗi người một cái va-li để xếp hành lý. Hình ảnh bạn bè, lưu bút kỷ niệm, quần áo, sách vở cũng đủ 20 kí lô mang lên máy bay.

Nhà không còn cái xe đạp nào. Chị Phương đi bộ đến trường Saint Paul từ biệt các Sơ rồi cùng các bạn sang Nhà Thờ Lớn, Phố Nhà Chung gần đấy cầu nguyện. Sau đó các chị rủ nhau qua Nhà Thờ Hàm Long chia tay các bạn xóm đạo bên ấy. Cũng chưa hết, những cô thiếu nữ hiền ngoan như ma-sơ lang thang, thờ thần đi vòng quanh hồ Hoàn Kiếm, tay nắm tay nhau rấm rức khóc biệt ly. Các chị muốn in dấu vết chân mình trên đường phố, muốn ghi nhớ hết những hình ảnh cuối cùng của Hà Nội. Chiều muộn, sau khi trở lại Nhà Thờ Lớn cầu nguyện, các chị ghé về trường ôm chào các Sơ lần nữa và khóc cho nước mắt cạn vơi. Khi thành phố lên đèn, chị Phương lui thủi về nhà, bỏ cơm tối, lên giường ôm gối thấm lệ vẫn lã chã tuôn rơi.

Trong những ngày thê thảm đó, vì không muốn rời Hà Nội, không muốn xa bạn thân, một ý nghĩ thoáng qua trong tâm trí tôi, xin bố mẹ cho ở lại với cô Sửu và hai người em họ Thịnh, Vượng. Song, tôi đã kịp thời hiểu, tôi còn nhỏ dại, chưa biết tự lo cuộc đời mình. Không ai có thể trông nom, săn sóc con cái đầy đủ vật chất, tinh thần bằng cha mẹ. Ông bà sẽ lo buồn lắm nếu tôi không đi theo gia đình.

Một điều nữa khiến tôi sợ nhất, không dám đòi ở lại Hà Nội và không bao giờ hối hận. Đó là mấy ông bộ đội răng đen, mã tấu. Các ông đi đến đâu chết trâu, chết bò đến đấy. Các ông không đọc nổi một chữ, nhưng các ông cướp của giết người, tuyên án tử khổ, chôn sống, chặt đầu người giỏi lắm. Tiếng kêu than ai oán vọng về từ các tỉnh thành, làng mạc xa xôi, nên mới có triệu dân di cư vào miền Nam trước khi Cộng Sản nhuộm đỏ miền Bắc. Nếu bố tôi ở lại Hà Nội ngày đó, đã bị đầy ải hay chết rục trong ngục tù như mấy người bạn đồng nghiệp.

Trước ngày đi, bố mở từng va-li xem con cái sắp xếp hành lý ra sao. Ôi thôi, cái va-li vĩ đại của chị Tâm đầy nhóc báo Ciné Revue, Ciné

Monde, hình tài tử, minh tinh màn bạc Hollywood, những tờ chương trình quảng cáo phim. Bố giận run người, vừa xé báo, liệng ảnh của chị vừa la:

- Vứt cho hết những thứ rác rến này đi ngay lập tức. Chỉ mang theo quần áo, đồ dùng cần thiết thôi!

Mẹ rên rỉ, thở dài:

- Thời buổi loạn lạc thế này! Con cái lớn rồi mà vẫn không biết lo nghĩ gì cả!

Vâng đúng vậy, chúng tôi đang sửa soạn chạy loạn, từ biệt họ hàng, bạn bè, bỏ lại tất cả tài sản và nơi sinh trưởng thân yêu để xa chạy, cao bay lánh nạn Việt Minh. Việt Cộng đi đến đâu loạn lạc đến đó. Cộng Sản ở đâu oán hận ở đó.

Một ngày trước khi rời Hà Nội, tôi muốn gặp Thảo, Bích Vân và Ngọc Diệp một lần chốt. Các bạn cũng muốn đi tiễn tôi. Nhưng bố không cho ai đi đâu nữa. Có những trường hợp con cái không muốn theo bố mẹ, đã lên ra vùng Việt Minh hay lẩn trốn đâu đó trong thành phố trước ngày di cư vào Nam, khiến nhiều gia đình đã đau lòng bỏ con ra đi, hay phải khổ sở ở lại vì không nỡ rời xa con. Chắc bố mẹ tôi đã phải sống trong những lo âu thật nhiều như vậy.

Làm thế nào báo cho Thảo, Vân biết nơi và giờ ra đi của chúng tôi? Diệp ở ngay đầu phố, tôi có thể lên chạy ra cho Diệp hay rất dễ. Tôi nghĩ đến cô em gái Tường Vân. Vài ba lần tôi chờ xe đạp đưa em đến chơi nhà Thảo và Bích Vân. Cô bé chưa biết đi xe đạp. Bố sẽ không để ý sự vắng mặt của em. Tôi kéo em ra một góc hỏi:

- Vân có nhớ đường đi đến nhà chị Thảo, chị Bích Vân không? Cô bé gật đầu:

- Có, em nhớ.

Tôi thì thầm:

- Vân đến hai chị ấy báo tin ngày mai nhà mình đi. Chị muốn gặp các bạn ở nơi khởi hành.

Đôi mắt cô em đã to còn mở to hơn, lo sợ rờ rệt, nhưng không dám từ chối. Tôi nhắc lại với

em Vân đường đi một lần nữa và đưa em mảnh giấy ghi ngày giờ, địa điểm chúng tôi tập trung để em nói cho đúng với hai bạn. Tuy hồi hộp xanh mặt, em Vân vẫn gật đầu lia lịa. Thế rồi, em lên ra khỏi nhà. Phải đi cho nhanh, về cho chóng, bố biết được sẽ bị đánh đòn. Tội nghiệp! Chỉ vì muốn gặp các bạn để chia tay lần cuối cùng, tôi đã quên rằng Vân mới mười tuổi, yếu đuối, gầy còm. Em vừa đi vừa chạy từ Phố Hộc Nhài qua Hàng Đồng gặp Thảo, tất tưởi đến đứt cả dép tới Phố Sinh Từ báo tin cho Bích Vân. Trên đường về, em vội vã rẽ qua từ biệt cô bạn Tuyết Mai học cùng lớp, Trường Thanh Quan. May mắn Vân về đến nhà bình yên vô sự. Cám ơn Thượng Đế!

Tờ mờ sáng 15 tháng 8, năm 1954, chúng tôi không bao giờ quên ngày tháng này, vì cũng là sinh nhật cậu em út Khoa. Chúng tôi tới chỗ tập trung tại nhà thương Jeanne D'Arc, gần Quốc Tử Giám. Từ đó chúng tôi sẽ lên xe ra Phi Trường Bạch Mai. Rất đông họ hàng, bạn bè ra tiễn chúng tôi. Tất cả khóc như mưa, như đi đưa đám ma tập thể. Ngọc Diệp, Bích Vân và Thảo đều có mặt. Chúng tôi nghẹn ngào, bịn rịn, hẹn sẽ viết thư cho nhau, hẹn sẽ không quên nhau, hẹn sẽ thương nhau mãi mãi, hẹn sẽ tái ngộ ba năm sau. Mấy cô bé tin rằng trong hai năm sẽ có tổng tuyển cử. Nam Bắc sẽ không còn ranh giới, bạn bè sẽ được gặp lại nhau.

Chia ly, sầu thảm chất ngất vòm trời mùa thu Hà Nội. Xe đưa người đi chuyển bánh, Văn Miếu mờ xa qua hàng lệ. Nửa mảnh hồn tôi hình như đã để lại Hà Nội từ dạo ấy...

Thế rồi, dòng đời trôi như thác lũ, mưa nguồn. Vài năm sau chiến tranh lại tàn khốc miệt mài trên quê hương đau khổ. Cuộc đời trải dài mất mát, buồn vui. Tôi rời bỏ cố quốc hơn hai chục năm qua. Chiến tranh đã chấm dứt.

Nhưng hòa bình vẫn chưa có trong lòng đất mẹ cay đắng, xót xa.

Tuổi đời vẫn là những mùa xuân qua đi không trở lại. Tôi muốn về thăm Hà Nội xưa, gặp lại bạn bè cũ. Để rồi bao nhiêu ngân ngại đã ngăn chặn ý tình nồng nhiệt, nung nấu tâm tư theo ngày tháng. Tôi e đối diện với thất vọng đau thương, sự thật phũ phàng. Tôi sợ giấc mơ dĩ vãng sẽ vụt biến bồng hoàng. Tôi muốn tạm quên đi hình ảnh phố phường Hà Nội ngày nay để chỉ nhớ tới kỷ niệm thời niên thiếu tuyệt vời.

Hà Nội trong tôi vẫn huyền hoặc những trang truyện thần tiên của Bích Vân Phố Sinh Từ. Hà Nội vẫn duyên dáng mái tóc dài đen óng ả của Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Hà Nội vẫn hân

hoan bước chân sáo tung tăng của cô bé Ngọc Diệp, Ngọc Dung hồn nhiên chạy theo mảnh trăng non mười ba lơ lửng trên mái Chùa Hồ Nhai cổ kính thuở nào.

Mỗi độ hè về, hoa phượng vĩ vẫn nở đỏ bên Hồ Gươm Hà Nội. Những người bạn của tuổi trẻ vẫn chờ đợi tôi trở về như tâm hồn tôi tha thiết khôn nguôi. Lời hứa tái ngộ năm xưa chưa tròn, cuộc đời chưa trọn vẹn.

(Hết chương “Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn” của Hồi Ký *Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội*).

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

ĐỌC TUYỂN TẬP *NHỮNG CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG* CỦA HỒNG THỦY

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Tuyển tập “NHỮNG CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG” của Hồng Thủy do Nguyệt San Kỳ Nguyễn Mới (Virginia) xuất bản năm 2010. Sách dày hơn 400 trang, gồm có các phần sau:

Phần 1: ĐÔI DÒNG TÂM SỰ.

Hồng Thủy hồi tưởng lại về cái tuổi 17 của mình và ý thích tập tành viết lách “từ những ngày còn là cô nữ sinh của trường Trưng Vương” với đề tài là những chuyện tình dang dở. Lên xe hoa năm 19 tuổi và ngưng viết. Tới năm 1986 mới viết lại tại Hoa Kỳ.

Hồng Thủy tâm sự về sự hình thành tuyển tập: “Nếu không có người bạn thân, nhà văn Lê Thị Nhị, người đã bỏ công tìm kiếm gom góp những tờ báo có bài viết của tôi, thì tập truyện này không bao giờ được thành hình.”

Phần 2: TRUYỆN NGẮN.

Gồm 15 truyện ngắn xoay quanh các đề tài: Khi thì tình yêu bị dang dở rồi gặp lại nhau trong những tình huống trắc trở hoặc ngõ ngàng. Khi thì cuộc sống vợ chồng trong gia đình tại nước ngoài thiếu hạnh phúc vì mâu thuẫn xung đột, nhân đó gặp được tình yêu mới nhưng không tiến tới thêm nữa. Rồi đến các thảm cảnh vượt biên. Cuộc sống nghèo khổ của con người. Bệnh hoạn và ý nghĩ về chuyện sinh tử v.v... Các truyện ngắn chiếm gần hết nửa tuyển tập.

Phần 3: PHIÊM.

Phiêm luận về đàn ông và đàn bà (“Đàn ông là



gi nữ”, “Đàn bà là gì nhỉ”), về chuyện đời sống vợ chồng (“Hơi chồng”, “Kiếp làm vợ”), về chuyện sống và chết. (“Chết hà có gì đâu mà sợ?”).

Phần 4: HỒI KÝ.

Nhớ lại cuộc sống tại nước nhà trước 1975 (“Ý thâm”), nhớ đến các sinh hoạt văn nghệ với bạn học cùng Trường Trưng Vương thuở trước (“Màu áo lam xưa”), nhớ đến vụ nổ ở Phòng Trà Tự Do năm 1971 (“Một kỷ niệm kinh hoàng với Mai Hương”), tình cảm dành cho hiền mẫu của mình (“Mùa xuân không trở lại”), dành cho anh ruột (“Ngày Tết nhớ anh”), dành cho bà, cho cô (“Hương ngọc lan”), dành cho ông nội và Hà Nội (“Ngày xưa Hà Nội”). Hồi ký cuối cùng kể lại chuyện về thăm lại Việt

Nam sau 30 năm xa cách với đôi niềm thất vọng (“Người tình Việt Nam”).

Phần 5: TÙY BÚT.

Tác giả ghi lại những kỷ niệm của mình với một số văn thi sĩ và nhạc sĩ như Du Tử Lê (“Bông hoa tím của chàng thi sĩ họ Lê”), Ngô Thụy Miên (“Em có bao giờ còn nhớ mùa xuân”), Lam Phương (“Lam Phương với những giọt lệ tình”), Nhật Bằng (“Nhớ anh Nhật Bằng”), Từ Công Phụng (“Mãi mãi bên em”), Nguyễn Ánh 9 (“Lặng lẽ tiếng dương cầm”), Hoàng Dược Thảo (“Ngày cưới của Thụy Du”), và kỷ niệm của chính mình (“Sài Gòn trăm nhớ nghìn thương”, “Ta ơn Thượng Đế, tạ ơn đời, tạ ơn người”, “Tết quê hương.”).

Phần 6: THƠ.

Gồm tất cả 10 bài thơ sáng tác cho trường xưa, cho bạn cũ, cho tình yêu thương trong gia đình và cho đất nước Việt Nam.

Phần 7: NHẠC.

Gồm 6 bài thơ của Hồng Thủy được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ Nhật Bằng (“Tình tuyệt vọng”), Văn Sơn Trường (“Tiếc cho một cuộc tình”, “Suốt đời còn yêu”), Nguyễn Ánh 9 (“Em và nỗi nhớ khôn nguôi”, “Cảm ơn anh!”) và Phạm Anh Dũng (“Mộng Trung Vương”).

Phần 8: “BẠT” gồm 2 bài.

Bài “*Hai cô ca sĩ yêu nhau quá chừng!*” do Hồng Thủy viết, nhắc lại sự hình thành tuyển tập này là do nhà văn Lê Thị Nhị khuyến khích và đốc thúc. Hồng Thủy phải thốt lên: “*Nếu không có Nhị, quyển sách này không bao giờ có mặt trên văn đàn hải ngoại. Xin cảm ơn người bạn quý của tôi.*”

Bài “*Hồng Thủy*” do nhà văn Bích Huyền viết, nhắc lại những kỷ niệm với Hồng Thủy từ thời cả hai còn học tại Trường Trung Vương và “*chỉ là những cô bé đến trường với bước chân sáo tung tăng trong chiếc áo dài rộng thùng thình.*” Hãy còn ở tuổi hái hoa bắt bướm và còn “*chạy đuổi nhau, nhẩy lò cò. Hai vạt áo dài buộc túm với nhau, mồ hôi nhễ nhại và tình bơ dưng vạt áo làm khăn lau mặt...*” Tình bạn kéo dài cho tới ngày

nay mà Bích Huyền phải thổ lộ: “*Cảm ơn đời đã cho chúng ta một tình bạn bất diệt!*”

*

Với tuyển tập “NHỮNG CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG” Hồng Thủy đã khiêm tốn tâm sự ngay từ những trang đầu của tuyển tập rằng: “*tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ khác là những bông hoa quý muôn màu muôn sắc*”, còn riêng tác phẩm của mình thì “*chỉ muốn ví nó như những bông hoa đại màu vàng mọc ở đám cỏ bên đường. Hoài bão của nó là tô điểm một chút sắc màu cho bức tranh đời đỡ khô khan.*”

Sau khi điếm qua những “cánh hoa” này của tác giả người đọc mới chợt nhận thấy là hoa đã tô điểm thật đẹp cho “bức tranh đời” và Hồng Thủy đã thực sự muốn ngầm gửi đến cho chúng ta những tư tưởng cao quý về cuộc sống con người:

1) Tại Việt Nam, Thành định hỏi cưới cô em là Phương nhưng rồi lại xin cưới cô chị là Trinh, tuy chị không đẹp bằng em. Đề cao cái đẹp về tinh thần Thành lên tiếng:

“*Trinh đừng nói vậy, cái đẹp bề ngoài không quan trọng, sau một cơn bạo bệnh hoặc một tai nạn, cái đẹp đó có thể biến mất đi. Chỉ có cái đẹp của tâm hồn mới bền vững với thời gian và tôi nghĩ đó mới là nét đẹp chính của người con gái.*” (“Đẹp”, tr.24).

2) Tại Hoa Kỳ, Trinh gặp lại người yêu cũ là Nguyễn, tình yêu lại bùng nổ. Trước kia ở Việt Nam Trinh cắt đứt liên lạc với Nguyễn vì Nguyễn hứa hôn với Trâm và sau đó chiều ý mẹ và lấy Trâm làm vợ. Cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Nay Nguyễn sửa soạn bảo lãnh vợ và con từ Việt Nam qua Hoa Kỳ. Nguyễn tính chuyện sẽ ly dị với Trâm để xây dựng cuộc tình với Trinh. Thoạt tiên Trinh có ý ngập ngừng:

“*Như vậy có tội cho Trâm không anh? Em không muốn là người đi cướp hạnh phúc của người khác.*” (“Những cánh hoa đại màu vàng”, tr.39).

Sau đó Trinh khám phá ra sự tàn tật của người vợ và Trinh với tấm lòng nhân từ và cao thượng tỏ thái độ dứt khoát:

“Xin anh đừng nghĩ đến chuyện ly dị Trâm vì em sẽ không bao giờ trở lại với anh đâu. Nếu Trâm là một người đàn bà mạnh khoẻ, xinh đẹp thì em sẽ cố gắng tới cùng, dù phải van xin Trâm để được có anh. Nhưng Trâm chỉ là người đàn bà ngồi trên xe lăn thì em đành thua cuộc” (“Những cánh hoa đại màu vàng”, tr.42)

3) Lệ cùng chồng là Toàn đi du lịch tới vùng Grand Canyon ngắm phong cảnh đẹp. Hai người tính tình không hợp nhau mà Lệ phải sống chung đến cả 23 năm. Toàn ít chiều theo ý vợ. Lệ lang thang ra ngoài khách sạn ngắm cảnh một mình. Lệ bất ngờ gặp lại Dũng, một người quen mà xưa kia ở Việt Nam đã từng yêu mình. Khi đi hiking, Lệ đi một mình, chồng không chịu đi. Dũng cũng đi hiking. Hai người có dịp kề cận và tâm sự cùng nhau. Khi nghe lời tỏ tình của Dũng muốn Lệ lập lại cuộc đời, Lệ với lòng hy sinh đáng quý lên tiếng đáp:

“Ở đời ai chẳng muốn có được điều mình mơ ước. Nhưng để đạt được điều mơ ước đó, phải làm nhiều người xung quanh mình buồn khổ, như vậy Lệ không có đủ can đảm để làm, thà là một mình chịu khổ” (“Hoàng hôn trên Grand Canyon” tr.66)

“Xin anh hứa với em là không bao giờ tìm gặp em nữa, để em yên phận đi nốt con đường em đã lỡ đi, và làm nốt bốn phận mà em phải làm.” (“Hoàng hôn trên Grand Canyon”, tr.67)

4) Chàng Hữu lấy Linh, thoát đầu thời tình yêu thắm thiết. Ít lâu sau mới thấy không hợp nhau, có nhiều sự khác biệt. “Linh đối với chàng như một người bạn, ít có khi nào như một người tình”. Chàng Hữu có ý nghĩ về người vợ mình:

“Em cứ tưởng em có nhiều điều kiện lắm. Sắc đẹp, tiền bạc, bằng cấp, thằng nào lấy được em là phúc tổ. Em có biết đâu, những điều đó đối với anh thật vô nghĩa. Những điều kiện anh cần ở người vợ là sự tế nhị, thông cảm và yêu thương. Cái khó là tâm hồn chúng mình lại quá khác biệt.” (“Đêm trăng ở San Francisco”, tr.123)

Rồi Hữu gặp Quyên. Hai bên yêu nhau thắm thiết. Nhưng ba năm sau đó Hữu tâm sự với một người bạn, đề cập đến lòng cao thượng và nhân hậu của Quyên:

“Hết rồi, Quyên muốn như vậy. Quyên yêu mình lắm, hai đứa rất hợp nhau. Nhưng Quyên không muốn làm gia đình mình tan vỡ. Quyên gửi cho mình một bài thơ coi như là lá thư vĩnh biệt.” (“Đêm trăng ở San Francisco”, tr.126)

Còn tác giả Hồng Thủy thời minh thị phát biểu ý của mình cho các độc giả được rõ khi viết đoạn kết của cuộc tình Hữu và Quyên:

“Thôi đành cho họ yêu nhau vậy, nhưng yêu rồi phải chia tay, chứ không thể gắn bó với nhau lâu dài được, vì sẽ làm khổ người khác.” (“Đêm trăng ở San Francisco”, tr.126)

5) Thành quen Quyên trong một buổi đại hội văn nghệ học sinh thời xa xưa. Hai người yêu nhau. Sau đó trong biển cổ 1975 Thành ra thoát được nước ngoài. Quyên kẹt ở lại. Sau đó Quyên tìm đường vượt biên, mấy lần không thoát nhưng đều có nhân tin. Lần chót không thấy tin tức gì cả. Thành vui đầu trong việc học để tìm quên. Tốt nghiệp bác sĩ. Qua Thái Lan khám bệnh giúp đồng bào tị nạn. Bất ngờ gặp lại Quyên mới biết Quyên cố tình tìm cách trốn tránh mình vì mang mặc cảm bị hải tặc Thái Lan làm nhục khi vượt biên. Với một tình yêu cao thượng và lý tưởng Thành vẫn kết hôn với Quyên và nói:

“Em thật là đại độ vô cùng, chuyện đó đâu phải là lỗi của em, nó là cái họa chung của đất nước. Lẽ ra em phải viết thư cho anh ngay để anh khỏi lo lắng khổ sở và để anh chia sẻ những đau đớn với em. Tội nghiệp em, tội nghiệp bé Quyên của anh.” (“Xuân Lan”, tr.76)

6) Hoài không thấy hạnh phúc trong cuộc sống gia đình vì vợ quá bận trong công việc làm “phụ tá giám đốc của một công ty lớn”. Đôi khi chàng có cảm tưởng vợ chỉ là người “share phòng”, cũng không được cả như một người bạn thân để có thể chia sẻ vui buồn.

“Chàng đưa mắt nhìn khung cảnh sang trọng của căn phòng. Bộ salon đắt tiền, bình hoa giả bằng lụa làm thật khéo léo tinh vi, đẹp không khác gì hoa thật. Tự nhiên chàng thấy hạnh phúc của mình cũng như bình hoa kia, trông thật lộng lẫy thắm tươi nhưng chỉ là những cành hoa giả, thiếu linh động, thiếu hương thơm” (“Một chút nắng hồng” tr.86 và 87)

Hoài nghi tới Uyên, cô gái mà mình đang dạy Anh văn. Uyên mới ở Việt Nam qua, phải làm việc lao động là quét dọn các văn phòng, trong đó có cái bàn giấy của Hoài. Có dịp đưa Uyên về nhà và thấy cuộc sống của Uyên, Hoài cảm nhận rằng cái vật chất không quan trọng bằng tinh thần, tự nhiên trái tim mình rung động và tình yêu nảy nở.

“Bỗng dung Hoài mong cho chóng đến ngày mai để được đi dạy học. Hình ảnh căn phòng khách nhỏ bé ấm cúng với bình hoa cúc đại màu vàng, và khuôn mặt dịu dàng đắm thắm với những giọt nước mắt thật tội nghiệp của Uyên như ánh nắng Xuân rực rỡ sưởi ấm tâm hồn băng giá của Hoài.” (“Một chút nắng hồng” tr.90)

7) Vũ và Trâm yêu nhau. Nhưng ông bố Trâm phản đối và sau đó cưới Vũ. Vũ gia nhập binh chủng nhảy dù và sau đó cưới Loan. Tình yêu và hôn nhân bỗng bật nên cuộc sống xung khắc. Về sau này tại Hoa Kỳ Vũ gặp lại Trâm. Vũ rất vui mừng. Nhưng Trâm nay đã sửa sang lại cái bề ngoài nhan sắc của mình trông thì lộng lẫy diêm dúa, với nét đẹp tây phương, sắc sảo nhưng lại *“mất đi cái vẻ Á đông thật dịu dàng trên khuôn mặt Trâm ngày xưa mà chàng vẫn say mê ngắm trộm, những khi nàng cúi xuống làm bài tập.”* (“Tan mơ”, tr.103)

Vũ đứng chết lặng với cảm nghĩ giận hờn: *“Sao em nữ lấy đi mất của anh tất cả những hình ảnh thân yêu mà anh hằng ấp ủ từ bấy lâu nay.”* (“Tan mơ”, tr.103)

8) Thoảng hiện cái quan niệm “luân hồi” trong bài thơ “Trách thầm”:

*“Em chết đuối trong biển tình say đắm
Hồn ngất ngây trong nhịp tim thao thức
Của chúng mình những lúc ở bên nhau
Dù biết rằng phải đợi đến kiếp sau
Mình mới được là của nhau mãi mãi.”*
 (“Đêm trăng ở San Francisco”, tr.127)

9) Lộc nói với vợ là Diễm Thu, khi vợ báo tin là vợ bị ung thư. Lộc cho rằng có thể là bác sĩ có sự lầm lẫn. Diễm Thu bình thần nói:

“Dù có sự nhầm lẫn, em cũng không oán ông bác sĩ này đâu. Ngược lại, mình phải cảm ơn ông ta. Vì nhờ có sự lầm lẫn, em mới biết được giá trị của đời sống hiện tại, của sức khỏe, của hạnh phúc gia đình. Bấy lâu nay mình lãng phí quá. Thay vì cố tạo hạnh

phúc cho nhau, thì mình lại cứ giết dần hạnh phúc của nhau. Thật ra, tạo hạnh phúc quá dễ, mà từ trước tới nay em không biết. Đời đáng sống nếu mình biết cách sống. Đời sẽ đẹp nếu mình biết làm cho nó đẹp.” (“Giá hạnh phúc”, tr.152-153)

10) Lòng nhân từ và tình thương người nữ đẹp rực rỡ. Khách lái xe qua đường mang gói quà cho ông già tóc bạc nghèo khổ ngồi bán những cây thông ở đầu đường để ông làm quà cho thằng cháu ngoại vì ông không đủ tiền mua:

“Lái xe đi làm với gói quà trên cái ghế bên cạnh, tôi cảm thấy vui như Tết. Nghĩ đến nét mặt ngạc nhiên lẫn mừng rỡ của ông già, và nghĩ đến đêm Giáng Sinh, chú bé sẽ sung sướng mở gói quà có cái “game” mà chú hằng mơ ước. Lòng tôi cảm thấy rộn rã vô cùng” (“Giọt lệ cuối năm”, tr.177).

11) Hiền và 2 con ra phi trường đón chồng là Nam bị kẹt lại tại Việt Nam và bị ở tù rất lâu sau 1975 nay mới được ra đi đoàn tụ với gia đình. Thấy chồng thay đổi tính tình, rất khó chịu. Không muốn có sự bất hoà trong gia đình Hiền thầm nghĩ:

“Không thể nào, Hiền tự nhủ lòng mình, mình sẽ phải cố gắng giúp chồng thích ứng với đời sống bên Mỹ. Nam đã chịu cực khổ quá nhiều, bao nhiêu năm tù tội đã làm tâm tính chàng thay đổi. Nam đã mất tất cả, tuổi trẻ, sức khỏe, danh vọng, tiền bạc và cả quê hương nữa. Bây giờ chàng chỉ còn lại Hiền và hai đứa con. Nàng không thể nào để cho gia đình đổ vỡ để Nam cô đơn buồn tủi. Hiền quay lại nhẹ nhàng kéo tay chồng xuống, gói đầu lên cánh tay chàng.” (“Ngày hội ngộ”, tr. 195).

12) Nhân quan niệm về cái chết, đề cao cuộc sống theo đạo lý:

“Người ta gọi đời này là cõi tạm, đời sau mới là miền vĩnh cửu. Vậy nếu chết đi để được lên Thiên Đàng hay Niết Bàn thì sướng lắm chứ, có gì mà phải lo sợ? Cái việc cần phải lo hiện tại bây giờ là làm sao để sau khi chết được lên Thiên Đàng hay Niết Bàn. Chuyện này cũng không phải là khó. Đạo nào cũng khuyên chúng ta nên ăn ngay, ở lành. Thương yêu giúp đỡ mọi người. Đừng làm hại ai, đừng nghĩ xấu cho ai, đừng vu oan giáng họa cho ai, đừng làm những điều bất công cho người khác.” (“Chết hã có gì đâu mà sợ?” tr.244)

“Sau vụ nổ ở phòng trà Tự Do, tôi đã tự nhủ lòng: Ngày nào cũng có thể là ngày cuối cùng trong cuộc đời, bởi vậy hãy sửa soạn sẵn sàng. Cố gắng làm những điều lành, điều tốt, để bất cứ lúc nào Thượng Đế gọi là thơ thôi ra đi. Không có gì phải ân hận hay lo sợ” (“Một kỷ niệm kinh hoàng với Mai Hương”, tr.271)

Cảm nghĩ nhân ngày Lễ Tạ Ôn ở nước Hoa Kỳ:

“Năm nay, tôi hơi lảm cẩm khi nghĩ mình không chỉ mang ơn những người đã tốt với mình, mà còn mang ơn những người đã xấu với mình nữa. Vì nếu họ không xấu với mình, làm sao mình biết được giá trị của những người đã tốt với mình” ... “ Phải có những ngày mưa dầm, mới biết quý những ngày đẹp trời., nắng ráo.” (“Tạ ơn Thượng Đế, tạ ơn đời, tạ ơn người”, tr.366)

13) Với tình yêu tổ quốc nồng nàn, nhớ lại những cảm xúc khi rời con tàu đưa mình vượt thoát ra nước ngoài:

“Mọi người làm lễ chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa một lần chót, sau đó nhìn lá cờ vàng 3 sọc đỏ bay phất phới trên đài chỉ huy của tàu bị từ từ hạ xuống, tất cả các sĩ quan, binh sĩ Hải Quân và các binh chủng bạn và đồng bào di tản đi quá giang trên tàu đã không cảm được nước mắt, ai cũng ngậm ngùi nhìn nhau nghẹn ngào: Vĩnh biệt Việt Nam! Vĩnh biệt quê hương yêu dấu!” (“Ý thâm”, tr.254)

Ngày New Year của Hoa Kỳ vẫn tình nguyện đi làm, lòng bình thản lạ lùng:

“Vậy mà không hiểu sao tôi vẫn không thể gọi nước Mỹ là quê hương được. Dù nước Mỹ đã bao bọc gia đình tôi, cho tôi một cuộc sống vật chất đầy đủ thoải mái. Hai chữ quê hương mà tôi vẫn yêu quý, vẫn trân trọng, tôi chỉ có thể dùng khi nói về Việt Nam thân yêu của tôi. Dù Việt Nam đã hoàn toàn thay đổi...” (“Tết quê hương”, tr.370)

Hai câu thơ của thi sĩ Nguyễn Đức Vinh mãi mãi thấm đượm trong trái tim kẻ xa xứ:

“Người yêu tôi tên là Việt nam
Tên quá quen nghe vẫn bàng hoàng.”

Vì vậy tôi vẫn chỉ yêu cái Tết của quê hương, cái Tết có tên thật đơn giản “Tết ta”. Nhưng nghe dễ thương lạ lùng.” (“Tết quê hương”, tr.372)

14) Ngỏ lời khuyên con:

“Bây giờ mẹ chỉ có một điều mơ ước, mong cho các con nuôi nấng dạy bảo con của các con sau này, như bố mẹ đã nuôi nấng dạy dỗ các con theo truyền thống đạo lý của dân tộc mình “Tiên học lễ hậu học văn”... “các con đừng bao giờ quên nguồn gốc của các con, nguồn gốc Con Rồng Châu Tiên của mẹ Việt Nam yêu quý.” (“Ý thâm”, tr.257)

Dặn dò khi con đi lấy chồng:

“Con là người vợ trong nhà
Phải luôn vui vẻ, nét na dịu dàng.
Hồi môn mẹ muốn con mang
Quý hơn châu báu, bạc, vàng, kim cương
Đó là hai chữ yêu thương
Trọn đời trọn kiếp luôn luôn cho chồng!”
 (“Dặn dò”, tr.378)

15) Mẹ lấy chồng năm 22 tuổi. Bốn năm sau bỏ qua đời. Mẹ nuôi 2 con. Hồng Thủy viết đôi lời tâm sự với mẹ mình:

“Riêng mẹ tôi với số tuổi 26, số tuổi mà phần lớn chúng tôi mới bắt đầu bước vào đời thì mẹ tôi đã phải già từ tình yêu, già từ mơ mộng, già từ những ước muốn bình thường của một người đàn bà, để khép kín cuộc đời trong một cánh cửa nặng nề của lễ giáo.

Ước gì cho tôi sống lại thời thơ ấu, cho mẹ tôi trẻ lại như xưa, tôi sẽ năn nỉ mẹ nên đi lấy chồng để có người lo lắng săn sóc an ủi mẹ, để mẹ khỏi phải suốt cả một đời, một mình một bóng, đơn lẻ quạnh hiu.” (“Mùa Xuân không trở lại”, tr.277)

Nhớ đến người anh vừa qua đời:

“Anh tôi đã bỏ tôi đi 21 ngày rồi mà tôi vẫn tưởng như chuyện đó chưa hề xảy ra. Mỗi ngày tôi cứ nhìn cái ghế ở cuối bàn ăn trong bếp, nơi anh tôi đã ngồi mỗi khi về thăm mẹ tôi. Tôi vẫn không thể nào tưởng tượng được là tôi sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy anh ngồi ở cái ghế đó nữa. Hình ảnh anh tràn ngập trong nhà.” (“Ngày Tết nhớ anh”, tr.278)

Nhớ đến người cô với đầy kỷ niệm:

“Đi thăm mộ cô về, tôi ngồi lặng người bên cây ngọc lan. Nhìn những bông hoa trắng muốt, tôi nhớ cô tôi vô cùng. Nước mắt tôi cứ thi nhau chảy.” (“Hương ngọc lan”, tr.292)

*

Với tuyển tập “NHỮNG CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG” tác giả Hồng Thủy đã khéo léo gợi cảm đến cho người đọc một số “thông điệp” thật đáng quý. Khi thì đề cao cái đẹp của tâm hồn hơn vẻ bề ngoài. Đề cao cái lòng cao thượng, hy sinh, nhân hậu và đầy đạo lý của người Việt Nam, nhất là của người phụ nữ trong môi trường tình ái và của người vợ với người chồng trong cuộc sống lứa đôi. Khi thì ca tụng lòng nhân ái, từ thiện với việc giúp đỡ đồng loại. Chủ trương giữ lại những dáng vẻ Á đông cổ truyền, tránh lai căng. Đề cao tình yêu quê hương, yêu đất nước Việt Nam trong lòng người xa xứ. Ca ngợi tình thương yêu trong gia đình với bố mẹ, anh em và con cái. Đề cao việc duy trì đạo lý cổ truyền. Đồng thời đưa ra những quan niệm đẹp về luân hồi, về chuyện sống chết, về sự an nhiên với cuộc sống hiện tại v.v... cho hướng đi của con người trong cõi nhân gian.

Những “thông điệp” đáng trân quý nói trên được thể hiện qua lối viết rất nhẹ nhàng trong sáng qua các cốt truyện, các lời văn, các câu thơ, các dòng hồi ký và tùy bút quả thực đã làm cho tuyển tập không thể là những “cánh hoa đại” mà

phải được coi là “những cụm hoa đẹp đẽ, tươi sáng, rực rỡ, đầy hương sắc” đóng góp thêm vào vườn hoa văn học nghệ thuật tại hải ngoại.



Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(Mùa Thu Virginia, tháng 10 năm 2010)

TRONG NGÀY RA MẮT
NHỮNG CÁNH HOA ĐẠI MÀU VÀNG
CỦA NHÀ VĂN HỒNG THỦY

10/17/2010 tại Virginia



Nhà Văn Hồng Thủy đang ký sách.
Đứng sau là Nhà Văn Bích Huyền.



Nhà Văn Hồng Thủy và Phu Quân, cựu Đại Tá Hải Quân Bùi Cửu Viên.



Trúc Mai, Ngọc Dung, Hải Yến, Bích Châu, Lan Hương, Kiều Thu, Thuý Hiền, Ngọc Tú, Phương Nga đồng ca Sài Gòn Nhớ Mưa Thương, (nhạc Nhật Bằng, thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung).



Minh Trân, Hiếu Thuận, Bích Định, Mai Hương, Thanh Quy, Bích Huyền, Ngọc Dung, Tâm Hảo, Phan Anh Dũng.



Hậu Ra Mắt *Những Cánh Hoa Dại Màu Vàng*- Hàng ngồi: Tâm Đạt, Từ Bình, Hà Thanh, Hồng Thủy, Bích Huyền, Thanh Bình, Minh Trân. Hàng đứng: Hải Yến, Kiều Thu, Lan Hương, Ngọc Dung, Thanh Minh, Phương Nga, Thuý Diễm, Bích Châu, Kim Hân.

PHÂN ƯU



Cụ Bà **THẨM OÁNH**
Nhũ danh **TÔ THỊ ĐÀO**, Pháp danh **DIỆU HOA**
tạ thế ngày 3 tháng 10, năm 2010 tại Virginia
hưởng thọ 90 tuổi.

Toàn thể Ban Quản Trị và Chủ Biên Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom
xin thành thực chia buồn cùng Nhà Thơ Thẩm Tô Diễm Hoa và
Nhà Văn Nguyễn Lân cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Thẩm Oánh sớm phiêu diêu miền cực lạc.





7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95

- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm

Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh,
B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo, Ô. Việt Bằng (CA),
B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đình Bình, Ô.B. Nguyễn Bông,
Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn P.T.Ngocdung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mậu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông,
Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B.
Tôn Nữ Mặc Giao, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, Ô. Lý
Văn Hải, B. Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, B. Vương Ánh Hằng, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng
Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Nguyễn Hoa, Ô.B. Trần Bội Hoàn, Ô. Phạm Cao
Hoàng, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô. Trương
Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh Nicholson, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm, Ô.
Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, B. Võ Lại, B. Nguyễn Đàm Chi Lan,
B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Lân, B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê,
B. Ngô Thị Liên, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô. Phạm Đình Long,
Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam(Germany), B.
Nguyễn Phương Nga, B. Nguyễn T. Xuân Nga, Ô. Đào Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Trần Thị Minh Nguyệt, B. Cao My Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú,
B. Vũ Thị Phúc, B. Hoàng Hữu Phước, B. Nghiêm Thái Phước, Ô. Lê Quang Phùng,
Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô. Lê Văn Tấn, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ),
Ông Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế, Ô. B. Trịnh Đức Thông,
B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu (Paris), B.Phong Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada,
B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy, Ô. Nguyễn Hữu Thử,
Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, B. Tiffany Trang Đỗ,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Hoàng Minh Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú,
Ô. Hoàng Lý Văn, B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Xuân Vân,
Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library,
Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Võ Đạm,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (In USA & Canada): US \$35 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**